

Dịch giả : TRẦN VĂN KHÁ

GIẢNG LUẬN
ÁNH SÁNG
TRÊN THÁNH ĐẠO

Annie Besant
and
C. W. Leadbeater

Ấn bản 4, 1954

The Theosophical Publishing House
Adyar, Madras 20, India

Ấn bản 1, 1926; Ấn bản 2, 1930; Ấn bản 3, 1947

Dịch xong năm MMIX

Sửa chữa tháng 4 năm 2017



Lời Nói Đầu

Quyển sách này chỉ ghi lại những giảng luận của ông C.W. Leadbeater – hiện là Giám Mục – và của tôi, về ba quyển sách nổi tiếng. Sách tuy nhỏ về kích thước, nhưng cái chứa đựng của chúng rất lớn lao. Cả hai chúng tôi đều hy vọng sách sẽ hữu ích cho những người tìm đạo và ngay cả những người vượt trên giai đoạn đó, vì diễn giả đều hiểu biết già dặn hơn thánh giả và có nhiều kinh nghiệm trong cuộc đời đệ tử hơn.

Các buổi giảng luận không chỉ xảy ra ở một chỗ, mà chúng tôi đã luận đàm với các thân hữu ở nhiều thời điểm và địa điểm khác nhau, nhất là ở Adyar, London và Sydney. Rất nhiều ghi chú được thánh giả ghi lại. Những gì có giảng luận đều được gom góp và sắp xếp lại. Sau đó chúng được cô đọng lại, những chỗ trùng lặp đều được loại bỏ.

Điều không may là chỉ có một ít chú giải thuộc Phần I của Tiếng Nói Vô Thình, nên chúng tôi dùng các chú giải của một đồng nghiệp, Ông Ernest Wood, ở Sydney, và nhập chung vào phần giảng luận của Giám Mục Leadbeater. Không còn phần giảng luận của tôi về sách này, mặc dầu tôi có giảng luận nhiều về nó, các bài giảng này không tìm lại được.

Không có phần nào trong các giảng luận này được xuất bản trước đây, trừ một vài bài của G.M. Leadbeater thuyết

giảng trước các đạo sinh chọn lọc về quyển Dưới Chân Thầy. Một quyển sách nhan đề Giảng Luận Dưới Chân Thầy đã được xuất bản vài năm qua, chứa một số tường trình không đầy đủ của một số bài giảng luận của ông. Quyển đó sẽ không được in lại. Phần cốt yếu của quyển đó có trong quyển này, được cô đọng lại và xuất bản.

Mong sao quyển sách này giúp cho một số bạn trẻ hiểu được nhiều hơn các giáo huấn vô giá này. Càng nghiên cứu và sống với chúng, sẽ tìm thấy nhiều điều hữu ích nơi chúng.

Annie Besant



NỘI DUNG

Lời Nói Đầu	3
NỘI DUNG	5
PHẦN I.....	6
Dẫn Nhập	6
Bốn Phát Biểu Mở Đầu	20
Qui tắc thứ nhất.....	44
Qui Tắc 2 đến 4.....	89
Qui Tắc 5 đến 8.....	125
Qui tắc 9 – 12.....	165
Qui Tắc 13 – 16.....	176
Qui Tắc 17 – 19.....	203
Qui Tắc 20.....	220
Chú Giải về Qui Tắc 20.	256
Qui Tắc 21.....	278
PHẦN II.....	325
Bình Luận Mở Đầu	325
Qui Tắc 1 Đến 4	356
Qui Tắc 5 tới 8.....	372
Qui Tắc 9 – 12.....	407
Qui Tắc 13.....	449
Qui Tắc 14 - 21	468



PHẦN I

CHƯƠNG I

Dẫn Nhập

Annie Besant.- Ánh Sáng Trên Thánh Đạo là một trong các bộ Luận về Huyền Linh Học do các Chân Sư cao cả gìn giữ và được dùng để dạy đệ tử. Đó là một phần của Kim Huấn Thư (The Book of Golden Precepts), chứa nhiều luận đề, được viết trong các thời đại khác nhau của thế giới, nhưng có một tính chất chung, ấy là chúng đều chứa chân lý huyền linh học, và do đó phải nghiên cứu theo cách khác với các Kinh Sách thông thường. Việc hiểu biết các Luận đề này tùy vào khả năng của người đọc, và khi bất cứ một trong các Luận đề được công bố cho thế gian, nếu chỉ hiểu theo nghĩa đen thì người ta sẽ có những cái nhìn lệch lạc về giáo lý của các bộ luận này mà thôi.

Với mục đích thúc đẩy sự tiến hóa của những người đang ở trên Thánh Đạo, sách này đưa ra các lý tưởng mà thế nhân ít khi sẵn sàng chấp nhận. Chỉ khi nào một người có thể và sẵn sàng sống với giáo huấn đó thì y mới có thể hiểu được nó. Nếu y không thực hành giáo lý, thì sách vẫn là một quyển sách niêm kín đối với y. Bất cứ cố gắng nào để sống theo đó, thì ánh sáng sẽ hiện ra; còn nếu độc giả không cố

gắng, y sẽ không thu được chút lợi ích nào, mà y còn phản bác lại sách và cho rằng nó vô dụng.

Bộ Luận này được chia thành nhiều đoạn. Nó được Chân Sư Hilarion, một trong các Đức Thầy trong Thánh Đoàn, đem cống hiến cho Thế Giới Tây Phương. Ngài đóng vai trò quan trọng trong phong trào Gnostic (Ngộ Đạo) và Tân Plato, là một trong các nhân vật vĩ đại cố gắng giữ cho Cơ Đốc Giáo sống còn. Ngài đầu thai nhiều kiếp ở Hy Lạp và La Mã. Ngài quan tâm đặc biệt trong việc dẫn dắt sự tiến hóa của thế giới Tây phương. Ngài nhận được quyển sách như chúng ta đang có đây, không có chú giải của Chân Sư thành Venice, một trong các Đại Huấn Sư mà bà H.P. Blavatsky nhắc đến dưới danh xưng là các Đức Chohans⁽¹⁾.

Mười lăm qui tắc ngắn ở phần thứ nhất của sách này, và mười lăm qui tắc trong phần hai, đều cực kỳ cổ xưa và được viết bằng tiếng Bắc Phạn tối cổ. Đức Đế Quân thêm những câu ngắn khác vào những câu ngắn dùng làm nền tảng cho việc dạy đệ tử, những câu này tạo thành thành-phần của sách này và luôn luôn được đọc cùng với phần đầu, để bổ sung các ý tưởng, mà nếu không có những câu đó, người đọc có thể bị lạc lối.

Trừ 30 câu cách ngôn ngắn, tất cả các qui tắc nằm trong hai phần của sách đều được Đức Chohan viết ra và trao cho Chân Sư Hilarion. Bảng dưới đây trình bày 15 qui tắc ngắn trong phần I y như trong thủ bản ⁽²⁾ cổ;

¹ Chohan: Đế Quân, đã được 6 lần điểm đạo (ND).

² Bản viết tay (manuscript).

số đứng đầu mỗi câu là số lúc ban đầu, còn số ở cuối là số xuất hiện trong sách hiện nay.

5	I	Hãy diệt tham vọng	1
	II	Hãy diệt lòng tham sống	2
	III	Hãy diệt lòng ham tiện nghi	3
	IV	Hãy diệt mọi ý thức chia rẽ	5
	V	Hãy diệt sự ưa thích cảm giác	6
	VI	Hãy diệt lòng thèm khát tăng trưởng	7
	VII	Chỉ ham muốn những gì ở trong con	9
	VIII	Chỉ ham muốn những gì ở ngoài con	10
	IX	Chỉ ham muốn những gì không thể đạt được	11
	X	Hãy ham muốn quyền năng một cách hăng hái	13
	XI	Hãy ham muốn yên bình một cách nhiệt thành	14
	XII	Hãy ham muốn cái sở hữu trên hết	15
	XIII	Hãy tìm đạo	17
	XIV	Hãy tìm đạo bằng cách rút vào nội tâm	18
	XV	Hãy tìm đạo bằng cách dũng cảm tiến ra ngoài	19

Người tinh ý sẽ nhận thấy rằng trong bảng trên (chỉ gồm phần I của sách) không có các qui tắc 4, 8, 12, 16, 20, và 21. Lý do là vì các qui tắc đó không thuộc về phần cổ xưa nhất của sách. Những qui tắc này và những giảng luận đầu và cuối là phần bổ sung của Đức Đế Quân, Ngài giao lại cho Chân Sư Hilarion. Thêm vào đó có các chú thích do chính Chân Sư Hilarion viết ra.

Trong kỳ xuất bản đầu tiên, năm 1885, sách có ba phần:

Các cách ngôn của thủ bản xưa.

Phần bổ sung của Đức Chohan.

Các chú giải của Chân Sư Hilarion.

Tất cả đều do bà Mabel Collins chép ra, bà đóng vai trò như là một khí cụ ở cõi trần, giống như cây viết để ghi lại.

- 6 Chính Chân Sư là người dịch sách ấy và Ngài ghi ấn tượng vào bộ óc của bà. Bàn tay của Ngài là bàn tay cầm viết. Sau này tạp chí Lucifer có đăng một số bài nhan đề “Giảng Luận” (“Comments”) do bà Mabel Collins viết ra dưới ảnh hưởng của Chân Sư, chúng rất có giá trị, đáng tìm hiểu, nghiên cứu.

Bây giờ, đi vào chính quyển sách, trước tiên chúng ta thấy phát biểu:

Các quy tắc này được viết ra cho tất cả các đệ tử. Các người hãy chú ý.

Ở đây có sự phân biệt giữa người thế gian với các đệ tử; nói chung, sách này không dành cho người thế tục. Thuật ngữ đệ tử được xét theo hai nghĩa: người chưa điểm đạo và người đã được điểm đạo. Khi đọc kỹ, ta thấy có hai lối dạy phân biệt được khoắc trong cùng một lời; mỗi câu chứa hai nghĩa, một nghĩa dành cho kẻ tiến hóa cao, còn nghĩa kia dành cho người ít tiến hóa. Chúng ta cố gắng nói đến cả hai khi chúng ta đi vào phát biểu mở đầu. Phần thứ hai của Luận đề dường như dành hoàn toàn cho đệ tử được điểm đạo, còn trong phần thứ nhất, mỗi câu có hai nghĩa.

- Nhiều người chưa vào hàng đệ tử thì hoàn toàn không hiểu những qui tắc này, và thường phê bình là chúng đưa ra một lý tưởng khó hiểu và thiếu sự đồng cảm. Luôn luôn là như vậy khi một lý tưởng được đưa ra quá cao siêu đối với độc giả. Một lý tưởng dù là cao cả đến đâu cũng không giúp ích được ai nếu không thu hút được họ. Đó là một bài học thực tiễn cho việc ứng xử với người đời, là chúng ta chỉ nên
- 7 đặt trước họ những lý tưởng nào có thể thu hút được họ.

Với tất cả các sách thuộc loại này thì những gì mà độc giả tiếp nhận từ chúng là những gì mà y mang đến chúng; sự hiểu biết của y tùy vào năng lực riêng của y đáp ứng với những tư tưởng mà chúng chứa đựng. Ngay cả những sự việc vật chất chỉ tồn tại đối với ta khi nào ta đã phát triển được những cơ quan có thể đáp ứng lại với chúng. Do đó, hiện có cả trăm thứ rung động đang tác động vào ta mà ta không thể nhận biết. Có lần ông William Crookes minh họa điều này rất rõ khi ông cố gắng cho chúng ta thấy kiến thức của chúng ta về điện còn hạn chế biết bao, còn khả năng tiến bộ của điện học thật lớn lao. Ông nói rằng điều đó sẽ tạo ra một sự dị biệt rất lớn đối với chúng ta, thật sự sẽ cách mạng hóa ý tưởng chúng ta, nếu chúng ta có các cơ quan đáp ứng với các rung động của điện, thay vì chỉ có đôi mắt nhạy cảm với các rung động của ánh sáng. Trong bầu không khí khô ráo, chúng ta sẽ không biết được điều gì vì nó không dẫn điện. Căn nhà bằng kính sẽ mờ đục, nhưng căn nhà bình thường sẽ trong suốt. Một sợi chỉ bạc sẽ trông giống như một cái lỗ hoặc một con đường hầm trong không khí. Những gì mà ta biết về thế giới như vậy sẽ tùy thuộc vào cách chúng ta đáp ứng với các rung động của nó. Tương tự như thế, nếu chúng ta không thể đáp ứng với một chân lý, thì đó không phải là chân lý đối với chúng ta. Thế nên, khi bàn đến các sách do các nhà huyền bí học viết ra, chúng ta chỉ có thể nắm bắt được tư tưởng của họ tương xứng với mức tiến hóa tinh thần của chính chúng ta. Bất cứ phần nào của tư tưởng của họ quá tinh tế hay quá cao siêu, thì nó chỉ đi ngang qua chúng ta như thể nó không hiện hữu.

- 8 Trong sách này rất nhiều điều có thể được thu thập bằng cách tham thiền hơn là chỉ đọc suông; giá trị lớn nhất

của nó là ở chỗ nó đưa ra những huấn thị cho chúng ta tham thiền. Hãy chọn một câu riêng lẻ, rồi tham thiền về câu đó; ngưng sự hoạt động của hạ trí, và khơi dậy ý thức bên trong đến tiếp xúc trực tiếp với tư tưởng. Nhờ thế ta có thể thoát ra khỏi các hình ảnh của thể trí cụ thể, đưa tới việc trực nhận chân lý. Như vậy, sự tham thiền giúp ta đem vào bộ óc một số lớn tri thức trực tiếp về chân lý mà Chân Ngã đạt được trong các cõi riêng của nó. Tuy nhiên, người nào tham thiền mà không nghiên cứu kỹ, cũng không nghe theo lời của một vị thầy, mặc dù y chắc chắn có tiến bộ trên cõi tinh thần, thì sự tiến bộ sẽ chỉ rất chậm chạp. Nếu y đã có thêm lợi thế của việc nghiên cứu và nghe lời, y sẽ tiến bộ nhanh hơn rất nhiều. Bài thuyết trình hay nghiên cứu có thể điều chỉnh bộ óc của đạo sinh để nhờ đó nó sẽ thu được nhiều tri thức hơn qua việc tham thiền. Nhưng đối với một người chỉ nghe hay đọc và không tham thiền, thì khó có sự tiến bộ nào xảy ra, và sự tiến bộ sẽ cực kỳ chậm chạp. Nên phối hợp hai việc này lại. Thiền định nhiều, với chút ít nghe và đọc sẽ thực sự đưa người ta đi xa hơn.

C.W. Leadbeater.- Ở trang đầu của ấn bản thứ nhất của quyển Ánh Sáng Trên Thánh Đạo, xuất bản năm 1885, có ghi: “Bộ Luận được viết ra để dùng riêng cho những người không biết về Minh Triết Đông Phương và những ai mong muốn đi vào ảnh hưởng của nó”. Nhưng chính quyển sách lại bắt đầu bằng phát biểu rằng các qui tắc này được viết cho mọi đệ tử. Cách mô tả sau này chắc chắn là chính xác hơn như lịch sử quyển sách sẽ chứng tỏ.

- 9 Quyển sách mà chúng ta đang có hiện nay, chính do Đức Thầy Hilarion đọc cho bà Mabel Collins viết lại. Bà là một mệnh phụ được giới nghiên cứu Minh Triết Thiêng

Liêng biết đến nhiều. Bà có cộng tác với Bà Blavatsky trong ban biên tập tạp chí Lucifer (Sao Mai). Đức Thầy Hilarion tiếp nhận sách này từ Sư Phụ của Ngài, một Đấng Cao Cả mà các đạo sinh Minh Triết Thiêng Liêng đôi khi gọi là The Venetian. Nhưng ngay cả Ngài cũng là tác giả của một phần sách. Sách này đã trải qua ba giai đoạn, chúng ta hãy lần lượt xem xét.

Hiện giờ nó chỉ là một quyển sách nhỏ, nhưng ở hình thức đầu tiên, nó còn nhỏ hơn nữa. Đó là một thủ bản được viết trên lá cọ (palm-leaf manuscript) tối cổ, cổ đến nỗi ngay trước thời kỳ của Đức Christ, người ta cũng đã quên niên đại và tên tuổi của người viết và xem như nguồn gốc của nó mất hút trong sương mù thời tiền sử.

Sách gồm 10 lá cọ, mỗi lá có ba hàng chữ. Vì thủ bản được viết trên lá cọ, nên các hàng chữ chạy theo chiều dọc chứ không theo chiều ngang như lối ta viết hiện giờ. Mỗi hàng chứa đủ trọn một cách ngôn ngắn được viết dưới hình thức Bắc Phạn tối cổ.

Chân Sư thành Venice đã dịch những câu cách ngôn Bắc Phạn ra tiếng Hy Lạp, cho các đệ tử ở Alexandria của Ngài, trong số đó có Chân Sư Hilarion lúc Đức Thầy này đầu thai dưới tên Iamblichus ⁽¹⁾. Chẳng những Ngài dịch các câu cách ngôn, Ngài lại còn thêm một số giải thích mà chúng ta sẽ nghiên cứu theo cùng với nguyên văn.

Thí dụ, nếu chúng ta xem xét ba cách ngôn đầu tiên, chúng ta sẽ thấy rằng đoạn đánh dấu số 4 tiếp theo sau rõ

¹ Iamblichus: mất vào khoảng năm 333 của Công Nguyên. Triết gia Hy Lạp, sinh ở Chalkis, Syria. Người đại diện hàng đầu cho Neoplatonism của Syria (Pháp ngữ: Jamblique).

ràng là dùng như một giảng luận về các câu trên; thế nên chúng ta sẽ đọc như sau:

10 *“Hãy diệt lòng tham vọng; nhưng hãy làm việc như những kẻ làm việc vì tham vọng.*

Hãy diệt lòng ham sống; nhưng hãy tôn trọng sự sống như những kẻ ham sống tôn trọng sự sống vậy.

Hãy diệt lòng ham sung sướng, nhưng hãy hưởng sung sướng như những kẻ sống để hưởng sung sướng”.

Cũng giống như trên, các qui tắc 5, 6, 7 hợp thành một nhóm, tiếp theo bằng qui tắc thứ 8, vốn là lời giảng luận của Đức Chohan và cứ thế đến hết sách.

Các nhóm ba qui tắc không phải được đưa ra do ngẫu nhiên, mà là có định ý. Nếu xem xét kỹ, chúng ta sẽ thấy có một liên kết nào đó giữa ba qui tắc trong mỗi trường hợp. Thí dụ, ba qui tắc tập hợp chung ở trên nhắm vào sự thanh khiết của tâm hồn và sự kiên định của tinh thần. Có thể nói rằng các qui tắc ấy vạch ra những gì mà con người phải làm với chính mình, bốn phận của mình đối với chính mình là gì trong cách chuẩn bị cho công việc.

Nhóm thứ hai của ba câu cách ngôn (số 5 tới số 8) phát biểu rằng chúng ta phải diệt ý thức chia rẽ, sự ưa thích cảm giác và lòng khao khát tăng trưởng. Chúng cho thấy bốn phận của con người đối với những kẻ xung quanh mình về mặt xã hội. Con người phải nhận thức rằng mình là một với những người khác. Y phải quyết tâm từ bỏ các vui sướng ích kỷ và có tính riêng tư. Y phải diệt lòng ham muốn tăng trưởng cá nhân, đồng thời làm việc cho sự tăng trưởng của tổng thể (the whole).

Trong nhóm qui tắc ba (mang số 9 đến số 12) chúng ta được dạy nên ham muốn những gì - nghĩa là những gì ở

trong ta (within us), những gì ở ngoài ta (beyond us) và những gì không thể đạt tới (unattainable). Các điều này rõ ràng là bốn phận của con người đối với Chân Ngã.

Kế đó là các câu cách ngôn theo sau (13 đến 16) về việc ham muốn quyền năng, an bình và tài sản (possessions). Các ham muốn này đều là các ham muốn làm cho chúng ta thích hợp với công việc của Thánh Đạo.

- 11 Nhóm qui tắc kế tiếp (17 đến 20) khuyên người có đạo tâm cách tìm ra nẻo đạo.

Các qui tắc hiện đang mang số 4, 8, 12 vv... là các chú giải và quảng diễn của Chân Sư thành Venice. Cùng với các cách ngôn ban đầu, chúng hợp thành quyển sách, được xuất bản lần đầu tiên năm 1885, vì Chân Sư Hilarion dịch sách từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Anh và khoắc cho nó hình thức đó. Hầu như ngay sau khi được in xong, Ngài thêm vào một số chú thích, rất có giá trị của chính Ngài. Vì đó là kỳ xuất bản thứ nhất, nên các chú giải này được in trên những trang riêng biệt, phía sau có phết keo để cho chúng có thể được dán ở đầu và cuối của quyển sách nhỏ vừa mới in xong. Trong các ấn bản về sau, các chú thích mới được lồng vào đúng chỗ của chúng.

Tiểu luận rất hay về karma xuất hiện ở cuối sách cũng do tay của Chân Sư thành Venice viết ra và cũng được đưa vào sách ở ấn bản thứ nhất.

Thủ bản bằng Bắc Phạn cổ vốn là nền tảng của Ánh Sáng Trên Thánh Đạo cũng được dịch thành chữ Ai Cập, và nhiều chú giải của Chân Sư thành Venice có mang âm hưởng (ring) của giáo lý Ai Cập nhiều hơn giáo lý Ấn Độ. Do đó đạo sinh nào có thể tiến nhập ở mức độ nào đó vào tinh thần của nền văn minh cổ đó, sẽ thấy có sự trợ giúp rất nhiều để

hiếu sách này. Tình trạng xã hội vào thời cổ Ai Cập rất khác với tình trạng ngày nay. Hầu như bây giờ không thể giúp người ta hiểu được tình trạng thời đó; tuy nhiên nếu chúng ta có thể lấy lại được thái độ tinh thần của thời xưa, chúng ta

12 sẽ hiểu được rất nhiều sự việc mà ngày nay e rằng chúng ta quên mất. Ngày nay, chúng ta quen suy tư quá nhiều bằng trí năng của thời hiện đại, và thích khoe khoang rằng chúng ta tiến hóa hơn văn minh thời cổ. Chắc chắn rằng chúng ta tiến hơn họ ở vài điểm, nhưng có những điểm khác ta chưa bằng được họ. Tuy nhiên sự so sánh có lẽ không được công bằng, vì đến nay, nền văn minh của ta hãy còn rất trẻ trung. Trở lại ba trăm năm về trước, trong lịch sử Châu Âu, nhất là trong lịch sử nước Anh, chúng ta sẽ nhận thấy một tình trạng các sự việc dường như rất kém văn minh. Khi đem so sánh ba trăm năm nay, kể luôn một trăm năm mươi năm phát triển về khoa học vốn đóng vai trò rất lớn trong lịch sử văn minh của chúng ta với bốn ngàn năm thực sự phú cường của nền văn minh Ai Cập, ta thấy ngay nền văn minh của ta rất là không đáng kể. Bất cứ nền văn minh nào kéo dài bốn ngàn năm cũng đều có biết bao cơ hội để thử mọi loại thí nghiệm và đạt được các kết quả mà chúng ta chưa có, thế nên khi so sánh chúng ta mới bắt đầu văn minh với nền văn minh vĩ đại đã tiến đến đỉnh điểm quả là điều không công bằng.

Giống dân phụ thứ năm của chúng ta chưa đạt điểm cao nhất của nó hay đỉnh vinh quang nhất của nó, và khi đạt đến điểm ấy nó sẽ nổi bật trên tất cả các nền văn minh khác, nhất là ở một vài khía cạnh. Nền văn minh ấy sẽ có các đặc tính riêng của nó và một số đặc tính đó có thể làm chúng ta ít hài lòng hơn các đặc tính của nền văn minh trước, nhưng nói chung, nó vẫn tiến tới, vì các giống dân nối tiếp nhau ra đời

13 giống như thủy triều đang lên. Mỗi giống dân đến rồi đi, rồi giống dân kế tiếp tiến thêm một ít nữa. Tất cả đều lớn lên, tiến tới tới đỉnh rồi tàn tạ. Với chúng ta đó là thủy triều đang lên, thế nên, ở vài mặt, chúng ta chưa có được trật tự ổn định mà các nền văn minh có được trong số các nền văn minh cổ. Điều không may là cho đến nay chúng ta vẫn chưa nhận thức được lòng vị tha, vì chúng ta còn cách xa với cảm thức rằng cộng đồng nói chung mới là trọng hệ chứ không phải cá nhân. Trong một số nền văn minh cổ đã tuyệt diệt, con người đã tiến đến một mức độ mà đối với chúng ta dường như là một loại không tưởng (utopia), trái lại, chúng ta đang phát triển nhiều năng lực mà các dân tộc cổ xưa không có. Trong lịch sử ban sơ của La Mã, có một thời kỳ ngắn mà theo lời của Macauley, “Không có ai vì đảng phái, tất cả đều vì quốc gia”. Đức Pythagoras ngỏ lời với dân chúng tại Taormina rằng Quốc gia thì thiết yếu hơn cha mẹ, hơn cả vợ con nữa, và mọi người nên luôn luôn sẵn sàng cống hiến tư tưởng, tình cảm và các ước muốn của riêng mình cho quyền lợi của đoàn thể, cho quốc gia, cho phúc lợi chung, mỗi người sẵn sàng hy sinh quyền lợi riêng của mình. Ở nước Anh cũng thế, trong thời Nữ Hoàng Elizabeth, có một giai đoạn thịnh hành của hoạt động ái quốc và tình cảm yêu nước.

Tôi không muốn nói rằng trong xứ cổ Ai Cập hoặc cổ Hy Lạp, hoặc bất cứ nơi nào khác trên thế giới, mọi người đều vị tha. Dù sao đi nữa, tất cả những người có giáo dục đều có quan điểm rộng rãi hơn nhiều, một quan điểm sống

14 khoáng đạt hơn chúng ta nhiều. Họ nghĩ đến Quốc Gia nhiều hơn là nghĩ đến sự sung sướng hay tiến hóa riêng của họ. Chúng ta cũng sẽ đạt đến trình độ đó, và khi chúng ta hành động, chúng ta phải rõ điều đó đầy đủ hơn những giống dân

xưa kia và cũng mang đến một số phát triển mà các giống dân cổ không có.

Cho nên nếu chúng ta trở lại tâm trạng cổ Ai Cập, ta sẽ hiểu rành rẽ hơn quyển *Ánh Sáng Trên Thánh Đạo*. Trong khi nghiên cứu sách đó, đạo sinh nên cố gắng tạo ra thái độ trên đây trong chính mình, để cho thái độ này có thể giúp đạo sinh đặt chính mình vào vị trí của những người nghiên cứu thời cổ.

Thật là dễ dàng cho một số người trong chúng ta, họ đã chịu khó luyện tập để nhớ lại các tiền kiếp. Tôi nhớ lại kiếp vừa qua ở Hy Lạp của chính tôi, nơi đó tôi có tham dự vào các Bí Pháp Eleusis, và một kiếp xa xưa hơn, trong kiếp đó tôi có dự vào các Đại Bí Pháp Ai Cập, mà một số dấu vết vẫn còn tồn tại trong Hội Tam Điểm (Freemasonry), điều đó giúp cho tôi đọc các sách loại đó dễ dàng hơn là khi tôi không có ký ức đó. Ngay cả những cảm xúc từ quá khứ cũng mang lại cảm giác của bầu không khí đó, chúng có được sự trợ giúp lớn lao. Dù cho bằng chữ Ai Cập hoặc Ấn Độ, sách này là viên ngọc quý trong kho tài liệu Minh Triết Thiêng Liêng chúng ta, không có quyển nào giúp cho ta nhiều bằng nó, khi chúng ta nghiên cứu nó một cách cẩn thận, tỉ mỉ.

Như đã giải thích, *Ánh Sáng Trên Thánh Đạo* là quyển thứ nhất trong ba bộ luận vốn chiếm vị trí độc đáo trong kho tàng Minh Triết Thiêng Liêng chúng ta vì chúng mang lại các hướng dẫn của các Đấng đã đi trên nẻo đạo đến cho những ai mong muốn đi trên đó. Tôi còn nhớ lời của Đại Đức T.
 15 Subba Row có lần nói với chúng tôi rằng các câu châm ngôn này có nhiều lớp ý nghĩa (layers of meaning) – chúng có thể dùng để dẫn dắt cho nhiều người ở các trình độ khác nhau. Trước tiên chúng hữu ích cho người tìm đạo – những người

đang bước trên con đường dự bị. Kế đó chúng dùng cho người có trình độ cao hơn, cho người đã đi trên Thánh Đạo chính thức, qua cổng của cuộc điểm đạo thứ nhất. Và khi đạt đến quả vị Chân Sư, các châm ngôn này vẫn còn ý nghĩa cao siêu hơn, nó dịu dặt cho người muốn tiến xa hơn. Đối với những ai có thể hiểu hết được toàn thể ý nghĩa huyền bí của nó, thì sách này đưa chúng ta đi xa hơn bất cứ sách nào khác.

Các sách này được viết ra để thúc đẩy sự tiến hóa của những người ở trên Thánh Đạo, chúng đề ra những lý tưởng mà thông thường người đời chưa sẵn sàng chấp nhận. Ngay như trong số các đạo sinh cũng có một số người còn thắc mắc về hình thức mà giáo lý được đưa ra. Cách duy nhất để hiểu được giáo lý là thừa nhận nó và cố gắng sống với nó. Trong quyển Dưới Chân Thầy có nói rằng: Cho là (lời lẽ – ND) rất thi vị và đẹp đẽ thì chưa đủ; người nào muốn thành công thì phải làm đúng theo những gì mà Đức Thầy dạy ra, chú tâm vào từng lời và nắm bắt từng ẩn ý. Điều đó hoàn toàn đúng đối với sách này. Kẻ nào không cố gắng sống theo giáo lý đó, sẽ luôn đối mặt với những điểm làm cho y bối rối mà y sẽ không thể nào hoàn toàn đồng ý; nhưng nếu y cố gắng sống theo nó thì ý nghĩa thật của giáo lý sau rốt sẽ hé lộ ra với y. Bất cứ cố gắng thực sự thành tâm nào để sống với giáo lý

16 đều luôn luôn chiếu rọi ánh sáng lên giáo lý và đó là cách duy nhất mà viên ngọc vô giá này có thể được đánh giá.

Trong các sách thuộc loại này có rất nhiều ý nghĩa hơn là số từ hiện có trong đó muốn gọi ra. Do đó, ở mức độ rộng lớn, mỗi người sẽ lấy được từ sách những gì y đem đến cho chúng - y mang theo năng lực để đồng hóa một số phần của sách và chỉ đạt được phần đó thôi. Chỉ đọc các sách này, thậm chí khảo cứu chúng cũng vẫn chưa đủ, cần phải thiền

định về chúng. Nếu chọn những đoạn nào xem ra có vẻ hơi khó hiểu - những phát biểu có ẩn ý, huyền bí, nghịch thường - suy gẫm hay thiền định về chúng, người ta sẽ thu được rất nhiều điều về chúng, mặc dầu thường khi người ta có thể khó diễn tả điều ấy.

Tôi cố gắng diễn tả những gì xảy ra cho tôi liên quan đến các điểm khó khăn này, những gì mà chúng có hàm ý đối với tôi, nhưng tôi luôn luôn biết rằng tôi không truyền đạt ý kiến tôi một cách đầy đủ. Tôi biết nhiều lúc tôi không thể diễn tả toàn bộ ý tưởng có trong trí tôi; khi tôi diễn đạt ý tưởng đó thành lời, ý tưởng đó có vẻ rất tầm thường, tuy nhiên tôi có thể nói trong chính tôi có nhiều ý tưởng cao siêu. Tôi thấy điều đó có lẽ với hạ trí của tôi. Ở mỗi trình độ đều đúng như thế cả. Cộng với những gì chúng ta có thể nhận thức được bằng hạ trí, còn có nhiều điều có thể hiểu được chỉ bằng thượng trí (causal body) và trực giác. Bất kể chúng ta có diễn tả ra sao đi nữa, luôn luôn vẫn có một cái gì đó cao sâu hơn vẫn trở nụ và đơm hoa trong chúng ta. Vì lẽ con người chỉ là một biểu hiện của Đấng Vĩnh Hằng (the Eternal) và vì lẽ ngoài Đấng Vĩnh Hằng ra không ai có thể giúp chúng ta, đó là sự thật và đó cũng là chân lý mà ba tác giả của sách này luôn luôn nhấn mạnh.



CHƯƠNG 2

Bốn Phát Biểu Mở Đầu

Trước khi có thể thấy, mắt phải ráo lệ.

(Before the eyes can see, they must be incapable of tears).

A. Besant.- Đây là phát biểu đầu tiên trong bốn phát biểu mô tả bốn đức tính sơ bộ trước khi vào Thánh Đạo thực sự. Bốn đức tính đó là thấy chân thật, nghe chân thật, nói chân thật và đứng đúng chỗ trước Chân Sư, nghĩa là, thật sự có khả năng phụng sự nhân loại dưới sự dẫn dắt của Ngài.

Phát biểu này và ba phát biểu kế tiếp đều nhắm vào hai hạng đệ tử. Hạng thứ nhất là các đệ tử đang ở trên đường dự bị (probationary path) và do đó được dạy hãy rửa sạch tất cả những gì mà chúng ta nói tới với tư cách phạm ngã; các giáo huấn sơ khởi này có mục đích chỉ cho đệ tử thấy rằng họ phải bắt đầu bằng cách loại bỏ phạm ngã.

Hạng thứ hai là các đệ tử đã được điểm đạo. Họ được đòi hỏi nhiều hơn. Họ phải loại bỏ biệt ngã (individuality) của họ, tức chân ngã luân hồi (reincarnating ego), sao cho ở cuối Thánh Đạo, sự sống của họ sẽ hoàn toàn ở dưới sự chi phối của Chân Thần. Do đó chúng ta sẽ thấy rằng mỗi một trong bốn phát biểu trên có thể dùng được cho phạm ngã hoặc cho Chân Ngã, tùy theo vị thế của đạo sinh đang cố

sống với giáo huấn nào theo quan điểm mà đạo sinh sẽ hiểu được.

Thật là đáng bỏ công mà chú ý và ghi nhớ rằng các phát biểu này có thể có hai điểm hoàn toàn khác nhau cũng theo một cách khác nữa. Các giáo huấn này đến từ các Chân Sư của Huyền Môn, nhưng cũng các giáo huấn đó được các huynh đệ bằng môn dùng đến nữa.

Có hai con đường làm cho mắt có thể ráo lệ, tùy theo động lực thúc đẩy của mình mà người tìm đạo sẽ chọn con đường thích hợp. Một là con đường của kẻ muốn thành đệ tử bên hắc đạo. Y sẽ xem phát biểu này như lời dạy hoàn toàn dừng đứng trước vui sướng và đau khổ bằng cách làm chai cứng quả tim và tránh mọi tình cảm. Bất cứ ai cố làm cho mắt ráo lệ bằng cách diệt hết mọi tình cảm thì sẽ tiến về hướng tả đạo. Còn người đi theo con đường kia thì làm ráo lệ chỉ riêng đối với các phiền não riêng của mình. Phạm ngã của riêng y không làm y xúc động, nhưng y hoàn toàn nhận thức được các cảm xúc của kẻ khác. Chỉ khi ở trong tình trạng nguy hiểm thì một người mới có thể trở nên lãnh đạm trước những đau khổ của kẻ khác.

Chúng ta có thể nêu ra sự tương phản giữa hai con đường trong bảng sau:

	<u>Hắc đạo</u>	<u>Chính đạo</u>
19	1. Loại trừ mọi cảm giác phiền não.	Mở rộng khả năng cảm xúc cho đến khi nó đáp ứng với mọi rung động của kẻ khác.
	2. Dựng nên một bức tường chung quanh mình để loại trừ mọi phiền não	Phá đổ mọi bức tường hay rào cản vốn chia cách và ngăn người ta không còn

3. Về bản chất, co cụm (thu rút) sự sống lại.

4. Dẫn đến sự chết, sự hủy diệt với cõi a tỳ (avichi).

cảm xúc trước nỗi đau của kẻ khác.

Mở rộng sự sống ra, vì người ta cố gắng tuôn đổ chính mình vào sự sống kẻ khác.

Dẫn đến sự sống, sự bất tử và cõi Niết Bàn.

Sự dị biệt căn bản giữa hai con đường là con đường thứ nhất lúc nào cũng hướng về sự chia rẽ và kết thúc bằng tình trạng cô lập tuyệt đối, trong khi con đường thứ hai luôn luôn nhắm vào sự hợp nhất và kết thúc trong một tình trạng hợp nhất hoàn hảo.

Người tìm đạo bên chính đạo phải dần dần loại bỏ mọi thứ nơi y vốn có thể nhận từ ngoại giới bất cứ cái gì mà y cảm nhận như là đau khổ đang tác động vào chính y, bất cứ cái gì làm lay chuyển y qua phạm ngã của y, bất cứ loại phiền não hay xáo trộn nào có thể tác động vào y qua phạm ngã của y. Y phải đạt đến một trình độ mà y không thể cảm thấy thất vọng đối với quyền lợi của riêng y. Thật ra, y sẽ nhắm vào việc làm cho thể tình cảm của mình hoàn toàn trở
20 thành hiện thể của Chân Ngã, không còn sự sống độc lập của riêng nó nữa. Nó sẽ không còn có những sự thu hút, cũng không còn những sự ghê tởm; không có những ham muốn lẫn mong ước, không có những hy vọng lẫn lo sợ – mọi thứ đó sẽ bị loại trừ. Đừng nên lầm tưởng là thể này sẽ bị hủy diệt; nhưng nó phải ngưng đáp ứng theo ý riêng của nó với những ấn tượng từ ngoại giới. Chỉ có lối sống chia rẽ bị tiêu diệt, còn thể tình cảm phải được giữ lại để dùng vào việc phụng sự nhân loại.

Sự thay đổi mà đệ tử phải tạo ra trong tính chất của mình hiện ra rõ trong cấu tạo của thể tình cảm. Nơi một đệ tử thông thường, thể tình cảm luôn luôn thay đổi màu sắc, nhưng khi thể này được thanh luyện và toàn bộ sự sống chia rẽ bị tẩy sạch, thì nó còn lại là một hiện thể không màu và sáng chói, chỉ bị tác động bởi các hình ảnh phản chiếu đến từ cuộc sống nội tâm; lúc đó nó không có màu sắc riêng của nó nữa, mà chỉ có màu sắc của Chân Ngã truyền cho nó, nó tựa như vẻ ngoài của vàng trắng trên mặt nước – ngời sáng như ngọc trai, trong đó có một sự lung linh nào đó khó có thể gọi là màu sắc. Sự biến đổi này xảy ra rất từ từ trong thể cảm dục của đệ tử trong khi y hoạt động với nhiệm vụ khó khăn là làm cho chính mình đáp ứng trước mọi thống khổ của đồng loại, nhưng ngày càng lãnh đạm với tất cả những gì tác động vào chính mình. Thật là rất dễ dàng cho y để diệt hết mọi cảm xúc, nhưng để trở nên ngày càng nhạy cảm trước những cảm xúc của kẻ khác, và đồng thời không cho phép bất cứ cảm xúc cá nhân nào đến với mình, là nhiệm vụ khó khăn hơn nhiều được đặt ra trước người tìm đạo. Tuy nhiên, khi tiến hành công việc, y sẽ thấy rằng các tình cảm ích kỷ của mình lặng lẽ biến mất vì chúng được biến đổi thành các

21 tình cảm vị tha.

Đệ tử có thể thử lại tính chất chân chính của tình cảm của mình bằng cách xét xem mình có xúc động hay không khi nỗi đau khổ của kẻ khác không còn đập vào sự chú ý của mình nữa. Nếu bạn thấy một người đang chịu đau khổ, hay nếu bạn tình cờ gặp một trường hợp bạo hành, chắc chắn bạn cảm thấy đau xót, nhưng bạn có còn thấy xót thương như thế không khi người đó không còn ở trước mắt bạn? Lòng thiện cảm của chúng ta là một cái gì đó quá nghèo nàn nếu nó chỉ

được kích động bằng cảnh đau khổ. Đưa một người vào một thành phố lớn như London, y có thể bị xúc động mạnh bởi cái đau khổ mà y đang thấy chung quanh y. Nhưng khi đưa y ra xa khỏi đó, chẳng mấy chốc y sẽ quên đi những đau khổ mà y đã chứng kiến và thấy vẫn hoàn toàn sung sướng. Vị đệ tử phải sống y như là toàn bộ sự đau khổ đó của nhân loại luôn luôn ở trước mắt mình, việc làm nhẹ nỗi đau đó phải là động cơ thúc đẩy cho công việc của đệ tử.

Không ai đã đạt đến giai đoạn mà y đáp ứng với tiếng kêu bi thương có nói đến trong quyển Tiếng Nói Vô Thình, trừ phi động lực trong đời sống của y là giúp đỡ nhân loại, dù cho nỗi đau khổ có ở trước mắt của y hay không, vì đó mới là sức mạnh thực sự của động lực của một đệ tử. Cách tốt nhất để rửa sạch phàm ngã, để trở nên dửng dưng với vui sướng và đau khổ của cá nhân mình, để cho mắt ráo lệ, là để cho tâm trí nghĩ đến nỗi đau của thế gian và những cách giúp đỡ thế gian; điều đó khiến cho bản ngã cá nhân được nhìn thấy ở vị trí đúng của nó bên cạnh đại ngã của nhân loại mờ cõi vĩ đại này.

- 22 Khi đệ tử trải qua Điểm Đạo và bắt đầu mở tâm thức bồ đề (trực giác) thì việc không còn rơi lệ mang một tính cách mới. Bấy giờ đệ tử bắt đầu hiểu được từ ngữ “tiến hóa”, nhận thức được rằng nơi con người, tiến hóa có nghĩa là khai mở Tam Thượng Thể (Higher Triad, Ba Thể Cao) ⁽¹⁾. Bấy giờ con người mới bắt đầu thấy được công dụng và mục đích thực sự của mọi đau khổ và phiền não. Dần dần y trở nên không còn rơi lệ vì y hiểu được giá trị của đau khổ đối với

¹ Ba Thể Cao gồm có Atma-Buddhi-Manas, tức Linh Thể, Tuệ Giác thể và Thể Thượng Trí. (ND)

những ai đang hứng chịu đau khổ, bởi vì y thấy rằng khi đau khổ đến với một người nào, đó là vì sự cần thiết tuyệt đối cho sự phát triển cao siêu hơn của linh hồn người đó. Về mặt lý thuyết thì đúng là con người có thể đã tránh được đau khổ đó nếu y biết hành động một cách khôn ngoan trong quá khứ, vì đó là kết quả của nghiệp quả quá khứ của y nếu nó không phải được tạo ra do các hành động đại dột hiện tại của y. Nhưng khía cạnh thực tiễn của vấn đề là ở chỗ con người đã đại dột, đã chọn cách học hỏi qua loại kinh nghiệm này, thay vì học qua minh triết, bởi vì y đã không luôn luôn chọn đi theo cách hay nhất mà y biết, nên giờ đây, y đang chịu đau khổ, và cái đau khổ ấy đang đem lại cho y minh triết trong tương lai, và nhờ đó thúc đẩy sự tiến hóa của y.

Khi nhận thức được điều này, vị đệ tử đạt đến một tình trạng mà trong đó y có thể được mô tả như là đầy sự đồng cảm hoàn hảo nhất mà không có sự hối tiếc nào. Ý thức hối tiếc chỉ đến khi tâm thức chưa được soi sáng bởi sự sống Bồ Đề. Khi tâm thức Bồ Đề được cảm nhận, thì tính thiện cảm của đệ tử tăng lên phi thường, nhưng sự hối tiếc của y biến mất, và khi y lên cao hơn, tầm nhìn rộng lớn này khiến cho y không còn rơi lệ nữa, vì khi đối diện với sự đau khổ cay đắng nhất mà y đang học cách đáp ứng và cảm nhận trong 23 bản thân, y cũng cảm nhận được mục tiêu và cứu cánh của đau khổ đó nữa. Y có thể tham gia vào sự đau khổ tới mức tối đa, nhưng không máy may mong ước rằng sự đau khổ đó sẽ khác đi so với hiện giờ. Khi đã được soi sáng bằng tâm thức bồ đề thì không có bất cứ mong muốn nào để giũ sạch đau khổ trước khi sự đau khổ hoàn thành công việc của nó. Đó là tình trạng vốn đã được mô tả như là trạng thái Christ. Thiên luật vốn tốt lành, còn thiên ý của Đấng Tối Cao vốn

hoàn hảo, và đau khổ tác động với mục đích đem lại sự hoàn thiện; do đó vị đệ tử tràn ngập hài lòng và mãn nguyện; người cũng cảm nhận được sự đau khổ (suffering), nhưng không hề cảm thấy sầu khổ và đau buồn chút nào.

Khi vị đệ tử đạt đến trình độ này, tâm thức của người đã trở thành một phần của sự sống thế gian. Nếu vị đệ tử còn nghĩ đến bản thân dưới hình thức “Tôi”, đó là một phần của “Cái Tôi” (“I”) mà trong đó mọi “Cái Tôi” (Is) khác đang tồn tại. Giờ đây, đối với vị đệ tử, không có gì mà lại ở bên ngoài hay là chia cách với chính đệ tử nữa; đệ tử huyền đồng⁽¹⁾ chính mình với sự sống vĩ đại duy nhất dù có thể ở bất cứ trình độ nào, bất cứ khi nào cần đến sự giúp đỡ. Đệ tử hoàn toàn mất đi cái cảm thức ở bên ngoài, vốn rất thông thường ở thế gian, của một số người; đệ tử ở trong mọi người và hòa mình với mọi người.

Việc nhận thức về sự hợp nhất này tạo ra một sự dị biệt vô cùng lớn lao cho sự trợ giúp mà con người có thể mang lại cho thế gian. Khi đang trợ giúp bất cứ người nào, đệ tử cũng cảm thấy các khó khăn của người này như là khó khăn của chính mình; chứ không phải như các khó khăn của một người khác tách biệt với chính mình. Đệ tử thấy các khó khăn đó chính xác như chính người đang gặp phải khó khăn đó; do đó thay vì trợ giúp người này từ bên ngoài, đệ tử lại trợ giúp từ bên trong. Có sự dị biệt rất lớn giữa sự trợ giúp mà một người đem lại từ bên ngoài với sự trợ giúp được
24 mang lại từ bên trong; cách trước là sự trợ giúp tạm thời và

¹ Huyền đồng (identifies): tiến trình đồng nhất hóa huyền bí và màu nhiệm của việc phát triển linh hồn ở giai đoạn cuối. (Trích *Tâm Lý Học Nội Môn II*, trang 18, A. A. Bailey).

tình cò, còn cách trợ giúp bên trong có thêm vào quyền năng sự sống của người đó.

Đệ tử chỉ có thể đạt đến trình độ này vì y đã trau dồi tính đồng cảm, đã học cách đồng nhất hóa chính mình với những những niềm vui và nỗi khổ của kẻ khác, đã làm cho sự sống của riêng y thành một sự sống chung với mọi người. Nếu không làm như thế sẽ không thể diệt được lòng chia rẽ. Khả năng không còn rơi lệ duy nhất mà y phải biết là khả năng làm cho y đứng vững trước những điều chạm đến bản ngã cá nhân, nhưng vẫn để cho y nhận thức nhạy bén với tất cả những gì có ảnh hưởng đến các linh hồn khác chung quanh y.

C.W. Leadbeater.- Bà Hội Trưởng của chúng ta đã giải thích về bốn phát biểu đầu trong sách này, bắt đầu bằng câu “Trước khi có năng lực thấy, mắt phải ráo lệ”, câu đó có thể bị giải thích hoàn toàn sai lầm và lúc đó có thể chấp nhận được đối với bên hắc đạo cũng như đối với chúng ta. Họ sẽ hiểu câu đó có nghĩa rằng phải tiêu diệt mọi cảm giác (feeling), tạo cho chính mình thành một cái vỏ, và ngăn lại các phiền não và đau khổ của cõi đời ở ngoài lớp vỏ ấy. Điều đó quả thật là trái ngược với giáo huấn được dạy ra cho các đệ tử bên chính đạo. Các đệ tử này được dạy rằng phải làm tăng khả năng cảm giác cho đến khi đạt được sự đồng cảm hoàn toàn với các đau khổ của huynh đệ của đệ tử.

Chúng ta nghe nói nhiều về các huynh đệ hắc đạo, nhưng tôi cho rằng rất ít người biết rõ về họ. Tôi đã gặp nhiều mẫu người thuộc hạng đó và do đó có thể nói là đã biết được ít nhiều về bản chất và phương pháp của họ. Một số người thì rất lời cuốn, nhưng không đáng gây thân thiện. Có nhiều mẫu người khác nhau được sắp dưới tên chung là

25 huynh đệ hắc đạo. Thí dụ những người da đen ở Nam Phi (South Africa) và ở Tây Ấn (West Indies), và có lẽ các thổ dân ở Úc Châu nữa, họ quen thực hành nhiều tà thuật nhỏ nhỏ. Thật là một điều rất đáng thương. Ngay chính họ cũng thừa nhận rằng điều đó không tác động lên người da trắng. Người ta có nghe nói đến một vài trường hợp trong đó huynh đệ hắc đạo thành công trong việc làm cho người da trắng bị quấy nhiễu rất nhiều, nhưng cần nói thêm là có thể do cách sống của những người này mới đưa đến sự quấy nhiễu trên. Sự thành công của các tà thuật như thế tùy vào sự sợ hãi của những người mà các bùa chú này được nhắm vào, tuy nhiên hiệu quả thực sự của tà thuật thực ra rất yếu. Những con người sơ khai này có một vài thứ dược liệu, họ biết cách thôi miên, và họ có năng lực sai khiến được một vài loại thổ-tinh-linh hạng thấp (low class earth-spirits) và các thực thể tương tự. Chúng tính toán cách gây bệnh cho một người, hoặc cho gia đình người ấy, hoặc cho đàn gia súc, hoặc làm tàn lụi/khô héo (blast) vườn, ruộng, làm hư hại mùa màng. Trong trường hợp sau này, họ góp phần cho tà thuật của họ đôi khi bằng cách dùng diêm-tiêu (saltpetre, KNO_3 - ND).

Có một nhóm khác, có phần cao hơn, họ theo đuổi quyền năng cho các mục đích riêng. Họ đã học được một ít huyền linh học - đôi khi rất nhiều - nhưng lại dùng quyền năng của họ vào mục đích ích kỷ. Họ thường xoay xở để có tiền bạc và địa vị bằng cách đó, họ duy trì địa vị đó cho đến khi chết. Sau khi từ trần, đôi khi họ cố theo đuổi cùng đường lối như khi sống đó, nhưng ít khi thành công, và kế hoạch của họ bị hỏng; mọi việc sớm hay muộn gì cũng thất bại và

họ rơi trở lại vào tình trạng thật là khốn khổ. Một cuộc sống như trên hoàn toàn là một bước thụt lùi đối với Chân Ngã.

Tuy nhiên có một loại huynh đệ hắc đạo nữa tiến hóa hơn, họ không mong cầu cái gì cho chính mình. Họ không tìm cách có tiền bạc, quyền năng hoặc ảnh hưởng hoặc bất cứ thứ gì khác, nhờ vậy điều đó làm cho họ có nhiều quyền năng. Họ sống một đời trong sạch và biết tự kiềm chế; giống như một số người trong chúng ta, nhưng họ đặt trước họ mục tiêu chia rẽ. Họ muốn duy trì cuộc sống trên các cõi cao, không nhập (absorption) vào Thượng Đế. Họ nhìn với sự ghê tởm những gì đối với chúng ta là phúc hạnh tối đại. Họ muốn duy trì tình trạng riêng của họ như hiện tại, hơn nữa họ tự hào họ có thể đạt được điều đó, ý chí con người đủ mạnh để cưỡng lại ý chí vũ trụ tới một mức nào đó.

Tôi đã gặp những người giống như thế. Bà Hội Trưởng của chúng ta luôn luôn cố gắng cứu giúp những linh hồn lạc lỏng ấy, đã một hay hai lần bà thử cải hóa những người này, hầu đem họ trở lại cách suy tư của chúng ta - mặc dù không thành công nhiều lắm, tôi e là thế. Đôi khi bà nói với họ: “Bạn biết kết cục của việc đó ra sao không? Bạn đã dự biết về các luật của thiên nhiên, và bạn đủ sáng suốt để thấy con đường của bạn đang đưa bạn đến đâu. Chắc chắn rằng cuối cùng bạn sẽ đi đến chỗ sụp đổ. Khi chu kỳ Khai Nguyên (Manvantara) này kết thúc, khi dãy hành tinh này chấm dứt hoạt động, dù muốn dù không, bạn cũng sẽ bị thu hút (absorbed) vào Thượng Đế ở các cõi cao siêu, và lúc đó tình trạng của bạn sẽ ra sao?”

27 Họ trả lời: “Thực sự bà không biết gì về điều đó, tuy nhiên chúng tôi thừa nhận rằng sự việc hình như sẽ xảy ra như thế. Nhưng chúng tôi xin nói thẳng với bà rằng chúng

tôi không bận tâm đến. Chúng tôi rất hài lòng với tình thế hiện tại của chúng tôi; chúng tôi có thể duy trì cá tính (individuality, biệt ngã) của chúng tôi chống lại bất cứ nỗ lực nào kéo chúng tôi vào Thượng Đế trong một thời gian rất dài, thậm chí đến cuối Chu Kỳ Khai Nguyên. Dù cho chúng tôi có thể giữ được trạng thái này sau đó hay không, chúng tôi không biết và chúng tôi cũng không bận tâm đến. Dù cho chúng tôi có thể duy trì trạng thái này hay không, chúng tôi cũng sẽ có thời kỳ huy hoàng của chúng tôi (our day)”.

Đó là một lập trường dễ gây tranh cãi, và người nào chấp nhận lập trường đó có thể không đúng là một người tốt lành, nhưng y không nhất thiết là một người xấu (bad man) theo nghĩa thông thường của từ này. Chắc chắn là người này có bản tính (composition) cực kỳ kiêu hãnh, nhưng y không nhất thiết là người có ác ý và hiểm độc đối với người khác. Y hoàn toàn là người thiếu cẩn trọng (unscrupulous). Bất cứ ai tình cờ chặn lối của y thì y sẽ gạt sang một bên, ít cân nhắc hơn là khi chúng ta sẽ đối phó với một con muỗi. Nhưng đối với một người không đứng chắn đường của y, thì y có thể hoàn toàn là người bạn tốt, và tất nhiên không có tính chất độc ác xấu xa nào nơi y. Y không phải là một con quái vật độc ác chút nào, mà là một người đã chọn ra một đường lối cho chính mình, và đang đi theo đường lối đó với cái giá của tất cả những gì mà theo chúng ta có nghĩa là tiến hóa. Chúng ta tin chắc rằng y sẽ kết thúc bằng đại họa; còn y thì không tin vào điều đó và trong bất cứ trường hợp nào, y cũng muốn đối diện với nó.

Theo lệ thường, những người này tự mãn với chính họ, họ ngạo vực và khinh thường mọi người khác. Luôn luôn đó

là tính chất của bất cứ ai đang đi trên hắc đạo; họ cho rằng mình đúng, còn mọi người khác đều sai.

28 Họ ra vẻ trịch thượng với mọi người khác. Đôi khi người ta nói đến một huynh đệ bên hắc đạo (black brotherhood). Không hề có chuyện như thế. Không thể có bất cứ tình huynh đệ chân thực nào nơi họ, nhưng đôi khi họ cộng tác với nhau trước một nguy hiểm cấp bách, hay khi có một điều gì đe dọa bất cứ kế hoạch nào của họ. May mắn lắm thì đó là một liên minh rất lỏng lẻo, gây ấn tượng mạnh chỉ vì quyền năng mạnh mẽ mà một số người trong bọn họ có được. Thịnh thoảng có những công việc mà một số Chân Sư của chúng ta đang đảm trách trong công cuộc tiến hóa cho thế giới, cắt ngang qua đường đi của họ, lúc bấy giờ họ trở thành kẻ thù đáng sợ. Họ không thể động chạm đến các Chân Sư chúng ta – tôi cho rằng họ hẳn phải rất căm ghét với các Ngài – Nhưng đôi khi họ chĩa mũi dùi vào một trong các đệ tử của các Ngài, và vì thế gây cho các Ngài một ít bối rối hay một chán nản nào đó, nếu chúng ta có thể giả dụ là một Chân Sư cũng cảm thấy chán nản (disappointment).

Lý do của mọi lời cảnh báo được đưa ra cho chúng ta là hãy thận trọng với những người này là vì chúng ta sẽ thấy họ đang cố gắng làm cho ta lạc lối. Bà Blavatsky, một người biết rất nhiều về họ, cũng có sự tôn trọng nào đó với họ, bà có ấn tượng rằng họ là những ma quỷ căm thù, thích làm ác chỉ vì điều ác thế thôi. Đây chỉ mới là những người ở trình độ thấp; còn những hạng cao siêu hơn. Họ có những kế hoạch luôn luôn hoàn toàn ích kỷ, đôi khi có thể bao gồm một số lớn việc làm hại người. Họ cũng trầm tĩnh và tự chủ và cũng vô sở dục như bất cứ đệ tử nào của Chân Sư. Thật ra, họ còn hơn thế nữa, bởi vì họ đã cố tình diệt được mọi

29 cảm giác. Họ không muốn làm hại ai chỉ vì lý do làm hại, mà vì như tôi đã nói ở trước, trong khi theo đuổi một mục tiêu nào đó của riêng họ mà cuộc sống của họ có can dự, thì họ không ngần ngại quét đi kẻ đó ra khỏi con đường của họ. Những người mà công việc của họ là trợ giúp người đã sang cỏi cảm dục, đôi khi gây ấn tượng lên các nạn nhân của huynh đệ hắc đạo, và trong trường hợp đó, người nào cố gắng trợ giúp cũng thường trở thành kẻ đối địch của bên hắc đạo.

Trở lại chủ đề chính của chúng ta. Thật rất khó học cách đáp ứng với các tình cảm mà không để cho phàm ngã của ta tự biểu lộ bằng bất cứ cách nào – hoàn toàn có tình cảm với cảm giác của kẻ khác và tuy thế không có tình cảm của chính ta. Nhiều người rất bối rối khi thấy nỗi đau khổ của kẻ khác, nhưng nếu họ thực sự không chứng kiến cái đau khổ đó họ liền quên mất. Nhiều người giàu có trong một thành phố như London chẳng hạn, khi thấy cái khổ cùng cực trong các khu nhà ổ chuột, họ rất xúc động và tức khắc làm những gì trong khả năng của họ để làm giảm nhẹ những trường hợp đặc biệt mà họ gặp. Tuy nhiên, cũng những người đó sẽ đi săn bắn, câu cá, vui chơi và quên ngay những cảnh khổ đó. Trong trường hợp đó nỗi sầu muộn chỉ có một phần đối với nỗi khổ của kẻ khác; phần lớn đó chỉ là nỗi đau cá nhân do cái đau khổ đó đập vào sự chú ý của họ. Loại thiện cảm đó rất nghèo nàn, nó không là thiện cảm thực sự chút nào.

Khi chúng ta cảm thông đầy đủ nỗi đau của nhân loại, chúng ta dần dần mất đi cái đau của chính ta. Chúng ta quên đi nỗi đau cá nhân vì chúng ta thấy cái đau của nhân loại quá lớn, và chúng ta hiểu rằng những gì rơi vào số phận chúng ta, sau rốt chỉ là phần của chúng ta trong cái gánh

30 nặng chung. Người nào có được tinh thần hiểu biết như thế là đã siêu việt được phạm ngã của mình rất xa. Người ấy vẫn còn đau khổ vì nhân loại, chứ không còn đau khổ cho chính mình; y trở nên ráo lệ đối với cái vui vẻ và phiền não riêng của mình.

Đánh giá đúng những cái khổ của kẻ khác không phải là điều dễ dàng. Cách đây vài năm, bà Hội Trưởng và tôi có nghiên cứu vấn đề ảnh hưởng của đau khổ nơi nhiều người khác nhau đang hứng chịu những gì từ bên ngoài có thể được xem như cũng là đau khổ xác thân. Chúng tôi thấy rằng ở trường hợp cực độ, một người có lẽ chịu đau gấp một ngàn lần nhiều hơn một người khác, và trong đời sống thông thường, một người có thể hoàn toàn thường cảm thấy đau khổ hơn người khác một trăm lần. Có trường hợp một người lộ vẻ đau đớn, thì người khác lại không, đừng nên cho rằng người sau này hẳn phải can đảm hơn hay bình thản hơn. Có thể không phải là trường hợp đó. Chúng tôi cũng xem xét vấn đề mức độ đau khổ tác động vào từng người khác nhau bởi các tủi nhục của cuộc đời tù tội. Đối với một số người thì họ xem như thực ra không có gì, đối với một số khác thì họ cảm thấy đau khổ về tình cảm và tinh thần đến tột độ. Thế nên, thật là vô ích khi nói: “Tôi không có cảm giác gì về việc đó; do đó kẻ khác cũng không cảm thấy gì”. Người ta không biết được tới mức độ nào hay qui mô nào người khác mới cảm xúc. Tôi đã thấy rằng nhiều việc vốn không quan trọng chút nào đối với tôi, tuy nhiên lại có thể gây nên đau đớn nặng nề đối với kẻ khác. Trong khi đó có những sự việc hoàn toàn trái lại, thí dụ như có những tiếng động khó chịu thường gây đau nhức cho những ai đang phát triển những giác quan tinh anh hơn. Tôi có chứng kiến bà Hội Trưởng

31 chúng ta ở trong tình trạng bức rức xốn xang (positive agony) khi một xe tải lớn chở vũ khí chạy ầm ầm ngang qua ngôi nhà nơi chúng tôi đang lưu trú ở Đại Lộ (Avenue Road) tại London. Dĩ nhiên điều này không có nghĩa là bà mất kiểm soát các dây thần kinh. Bà thường giải thích rằng trong khi vị đệ tử phải làm tăng sự nhạy cảm của mình, thì y cũng phải biết kiểm soát hệ thần kinh để chịu đựng được mà không chùn bước trước bất cứ đau đớn hoặc náo động nào có thể đến với y.

Trước khi tai có thể nghe, nó phải mất đi tính nhạy cảm của nó.

(Before the ear can hear, it must have lost its sensitiveness).

A. Besant.- Đệ tử phải trở nên hoàn toàn lãnh đạm với các ý kiến của kẻ khác về chính mình, trong chừng mực có liên quan đến các cảm xúc riêng của y. Nếu có ai nghĩ và nói tốt về y, thì y không được tự hào; nếu đó là nói xấu, thì y cũng không được buồn chán. Tuy nhiên, đồng thời đệ tử không được lãnh đạm trước những ý kiến của những kẻ khác vì những ý kiến đó ảnh hưởng đến những người tin vào chúng. Do đó, đệ tử không được sơ suất liên quan đến các ấn tượng mà y tạo ra trên kẻ khác, vì nếu đệ tử khước từ họ bằng hạnh kiểm (conduct) của y, thì y sẽ mất khả năng giúp đỡ họ.

Trên bước đường tiến hóa của mình, đệ tử sẽ phát triển các năng lực tâm thông của mình, và vì thế trở nên biết được những gì mà kẻ khác đang nghĩ về mình. Lúc đó y sống trong một thế giới mà trong đó y có thể nghe được mọi điều nói về mình và có thể thấy mọi chỉ trích trong trí của người khác. Đệ tử đạt đến trình độ này khi y đã vượt lên trên mọi

chỉ trích và không bị tác động bởi các ý kiến của kẻ khác. Một số người rất nóng lòng muốn phát triển nhãn thông (clairvoyance) trước khi đạt đến trình độ này, nhưng nếu họ hiểu được sự thật này, thì cảm dục thức (astral consciousness) mà họ rất muốn có, sẽ mất đi tính thu hút của nó.

C. W. Leadbeater.- Đừng nghĩ rằng người tiến hóa khi nghe những nhận xét không hay ho về chính mình, thì y vẫn hết sức dửng dưng, can đảm chống lại cảm giác tức giận và nói: “Thật là kinh khủng, nhưng tôi không muốn để ý đến, tôi sẽ không để tâm đến việc đó”. Dĩ nhiên y đã trải qua một giai đoạn tương tự như thế, nhưng chẳng bao lâu y đạt đến một trạng thái mà trong đó y hoàn toàn và tuyệt đối không để ý đến. Khi điều đó xảy ra, chỉ xem như tiếng líu lo của chim, hay giống như tiếng ve sầu ngân vang trong chòm cây, chúng có thể làm phiền đôi chút, thế thôi. Y không chọn ra một con ve đặc biệt nào để lắng nghe giọng riêng của một mình nó, cũng thế y cũng không lựa ra một ý tưởng hoặc lời nói của bất luận một người nào nói một điều gì thiếu khôn ngoan.

Tất cả chúng ta đều phải cố gắng đạt đến trình độ đó. Chúng ta phải luôn luôn đặt thái độ đó trước mặt mọi người, vì đó là thái độ của các Đức Thầy của chúng ta mà chúng ta đang cố gắng bước vào “thế giới” (“world”) của các Ngài. Có thể họ nghĩ rất thích đáng: “Làm sao chúng ta có hy vọng đạt đến thái độ của các Đấng Cao Cả này”. Dĩ nhiên không ai có thể tức khắc đạt đến nó, nhưng chúng ta phải nhắm vào đó và cố gắng tiến càng gần đến đó càng tốt - và một trong các phương pháp để làm điều đó - một phương pháp thực sự rất

để dàng - ấy là đừng để ý tí gì đến những điều người khác nói.

33 Khi chúng ta đã đạt đến thái độ đó rồi, giai đoạn kế tiếp là nghĩ đến karma xấu mà những người này đang tạo ra khi nghĩ hoặc nói điều không đúng về chúng ta. Lúc đó chúng ta có thể hối tiếc cho họ, và vì lý do đó, tốt hơn hết là chúng ta nên cố gắng đừng tạo ra nguyên nhân nhiều hơn để chúng ta có thể giúp cho các nhận xét đại dột và tầm thường nảy sinh - ít nhất không phải vì chúng quan trọng đối với chúng ta, mà vì chúng tạo ra nghiệp xấu cho những người liên quan tới chúng.

Trước khi có thể nói trước các Chân Sư, lời nói phải mất đi năng lực gây tổn thương.

(Before the voice can speak in the presence of the Masters, it must have lost the power to wound).

A. Besant.- Đệ tử phải không còn có gì trong chính mình vốn có thể gây đau khổ cho kẻ khác. Trong các giai đoạn đầu, y phải tập loại ra khỏi lời nói của mình tất cả những gì có thể mang lại đau khổ – không chỉ lối chỉ trích nghiệt ngã hoặc ngôn ngữ độc ác, mà cả mọi hình thức ngôn từ có hại cho người khác bằng cách hàm ý miệt thị hoặc lôi kéo sự chú ý đến một lỗi lầm trong tính tình của người ấy. Thật ra có một số người ở vào địa vị mà bốn phận của họ đôi khi là nêu ra lỗi lầm của y cho người khác; nhưng đó thật là một quan điểm sai lầm khi cho rằng họ có lý do chính đáng trong việc gây ra đau khổ khi làm như thế. Khi lỗi lầm được chỉ ra theo một cách hoàn toàn thân thiện, thì yếu tố gây tổn thương không còn nữa. Do một sự bất toàn nào đó khi tiến hành bốn

phận mà lời nói mới gây tổn thương. Kẻ muốn trở thành người cứu độ đã không đồng hóa mình với người được nhắm tới; y đang đưa ra khuyến cáo chỉ từ bên ngoài, và do đó khuyến cáo đó gây thương tổn. Nếu y đã hợp nhất chính mình với người khác và cố gắng trợ giúp cùng với tình cảm mà y cảm nhận được, thì y đã nói lên xúc cảm của người khác theo một cách đầy thiện cảm; nhờ ý thức sự đồng cảm của y, khía cạnh cao quý và rộng lớn của người kia sẽ được khơi hoạt, và bấy giờ lời khuyên bảo đã không gây tổn thương nữa.

34 Nếu bạn có bốn phận phê bình người khác và bạn thấy rằng việc đó gây thương tổn cho người này, hãy tự quán chính mình để tìm ra chỗ bất toàn gây thương tổn đó. Nếu chúng ta mất đi khả năng làm tổn thương, thì cái biệt ngã chia rẽ (separate individuality) phải biến mất. Khi chúng ta cảm nhận được chúng ta là một sự sống duy nhất, thì chúng ta không thể gây đau khổ cho bất cứ cái gì, vì họ là một phần của chính chúng ta. Cách thức để đạt đến mức tiến hóa đó là bắt đầu bằng cách dần dần thanh lọc lời nói, loại ra các lỗi lầm nổi bật trước tiên.

C. W. Leadbeater.- Bất cứ ai muốn tiến gần đến Đức Thầy đều phải từ bỏ *tính ưa thích* làm tổn thương người khác bằng lời nói của mình. Nhưng vẫn còn có khả năng gây tổn thương không cố ý và vô tâm, do thiếu nhạy cảm. Khi chúng ta tiến hóa và nâng tâm thức lên tới trình độ cao hơn, chúng ta sẽ ngày càng hiểu rõ hơn các sự việc tác động lên kẻ khác như thế nào. Người nào có thực hành thiền định trong nhiều năm sẽ ghi nhận rằng họ đã trở nên nhạy cảm hơn, đã tạo được một số tiến bộ nào đó hướng đến sự hợp nhất, vì vậy họ hiểu được những người chung quanh họ khá rõ ràng hơn

là những người không có nỗ lực tu tập đó. Chúng ta nghe thấy một người nào đó làm điều mà chúng ta nghĩ là một nhận xét không thích hợp, hoàn toàn đầy hảo ý và không để ý rằng có sai lầm trong đó, và chúng đã làm tổn thương người nào đó. Chúng ta, là những người đã làm cho giác quan chúng ta trở nên sắc bén hơn chỉ một ít bằng sự suy tư, khảo cứu và nỗ lực để sống cuộc đời cao thượng hơn, cảm nhận theo bản năng rằng người thứ ba sẽ tiếp nhận nhận xét đó như thế nào. Chúng ta có thể thấy rằng đó là một nhận xét không thích hợp, và mong muốn nhận xét đó nên được đặt theo một hình thức khác nào đó.

35 Một Chân Sư không thể nào nói điều gì có hại cho người khác. Có thể Ngài thấy cần đưa ra một điều gì có tính chất khiển trách. Nhưng Ngài sẽ xoay sở để đưa điều đó ra theo một cách thức mà người đó sẽ không bị tổn thương bởi những gì Ngài nói. Đôi khi một đệ tử thấy trong khi làm nhiệm vụ của mình cần phải hành động một cách nghiêm khắc. Do thiện cảm riêng của mình, y bị cảm động để tránh né tránh bốn phạm. Nhưng nếu Chân Ngã khẳng định sự thống trị của nó, nếu điều đó hoàn toàn cần thiết, y sẽ nói một cách nghiêm khắc, nhưng cũng trầm tĩnh và vô tư, không hề nóng giận.

Trước khi linh hồn có thể đứng trước các Chân Sư, chân của nó phải được rửa trong máu của trái tim.

(Before the soul can stand in the presence of the Masters, its feet must be washed in the blood of the heart).

A. Besant.- Câu này có ở sau nó một truyền thuyết huyền bí rất lâu đời, được đưa ra cho thế gian dưới nhiều cách. Nó có

liên quan đến giáo lý về sự hy sinh, vốn dĩ vẫn còn xuất hiện trong các tôn giáo khác nhau dưới nhiều hình thức khác nhau, mặc dầu nói chung các tôn giáo đã đánh mất đi ý nghĩa đích thực của câu đó. Cách diễn đạt được dùng ở đây có liên quan đến cái mà đôi khi được gọi là hy sinh bằng máu (blood-sacrifice) và giao ước bằng máu (blood-covenant) mà các dấu vết kỳ lạ nhất của nó còn được tìm thấy trong các bộ lạc vốn có nguồn gốc từ các chủng tộc rất xa xưa.

Khi nhìn lại những kiếp sống đã qua, chúng ta gặp một sự kiện vốn có thể được kể lại để làm sáng tỏ cái ý tưởng nằm đằng sau sự hy sinh và giao ước bằng máu. Cách đây rất lâu, Đấng mà hiện giờ là Chân Sư Moria, là một vị vua vĩ đại. Ngài có đứa con trai duy nhất là H.P. Blavatsky (ngày nay – ND), vốn còn niên thiếu, nên được đặt dưới sự trông nom của vị đại úy hộ vệ là Đại Tá Olcott (ngày nay – ND). Một ngày nọ, khi đứa trẻ chỉ ở một mình với vị đại úy hộ vệ, có một số phiến loạn âm mưu sát hại hoàng tử xông đến và 36 định giết hoàng tử, nhưng vị đại úy hộ vệ lăn mình vào giữa và cứu được đứa trẻ bằng chính mạng sống của mình. Hoàng tử chỉ bất tỉnh, còn đại úy hộ vệ nằm trên mình Hoàng tử, hấp hối, trong khi máu tuôn ra từ vết tử thương, ông lấy tay thấm máu và chấm lên chân vua. Vua hỏi: “Trẫm phải làm gì để đáp lại việc khanh liều mình cứu ta và con của ta?” Vị đại úy đang hấp hối đáp: “Xin vua ban cho hoàng tử và hạ thần được phép phụng sự Ngài mãi trong các kiếp sau”. Bấy giờ đức vua đáp: “Vì máu đã đổ cho ta và con ta, mối liên kết giữa chúng ta sẽ không bao giờ bị gián đoạn”.

Theo thời gian qua, vị vua trở thành một Chân Sư và mối liên kết giữa các vị vẫn tồn tại và chín muồi thành mối

liên kết giữa Chân Sư và đệ tử, và mối liên kết này còn mãi không gián đoạn. Khi hy sinh sự sống xác thân, vị đại úy đã tạo được mối ràng buộc vốn mang lại cho ông sự sống đích thực mà đệ tử nhận được nơi Chân Sư.

Tôi đề cập đến câu chuyện này, vì nó minh họa cho một chân lý vĩ đại. Khi chúng ta đủ mạnh mẽ để hy sinh bất cứ thứ gì mà đối với ta là sự sống, để tuôn đổ máu sự sống của phàm nhân dưới chân của Chân Nhân, thì là có được sự sống thực sự một cách tương xứng, chứ không phải là mất đi sự sống. Toàn bộ sự tiến hóa của nhân loại trẻ trung được tạo thành bằng sự tự nguyện hy sinh sự sống thấp cho sự sống cao hơn. Khi sự hy sinh đó được thực hiện hoàn toàn, người ta thấy rằng sự sống đó thay vì bị mất đi, lại được làm cho bất tử. Dấu hiệu bên ngoài của sự hy sinh giúp cho con người hiểu được nguyên lý này một cách rõ ràng hơn, và thu hút sự chú ý vào chân lý căn bản là chỉ khi nào sự sống thấp được hy sinh cho sự sống cao, thì nó mới tìm thấy sự tiến hóa hoàn mãn thật sự của riêng nó. Những sự hy sinh trong nhiều tôn giáo khởi thủy dựa vào chân lý này; đó là cách thức mà cái được gọi là sự liên kết bằng máu (blood-bond) thực sự được tạo ra. Sự sống thấp được hy sinh cho sự sống cao, và sự sống cao chấp nhận sự sống thấp và nâng nó lên cao bằng mối liên kết không bao giờ gián đoạn.

Đệ tử phải rửa chân mình trong máu của trái tim. Đệ tử phải hoàn toàn hiến dâng mọi vật mà mình yêu thương, quý chuộng, những gì đối với y dường như là chính sự sống của y; nhưng y mất điều này chỉ để tìm thấy sự sống cao siêu hơn của mình. Thường thường thì không cần sự đổ máu thực sự, mặc dầu đôi khi điều đó cũng cần đến. Về mặt tượng trưng thì việc đổ máu luôn luôn xảy ra chừng nào mà

vào lúc đó vị đệ tử còn lo âu, bởi vì y cảm thấy sự mất mát. Theo sát nghĩa y hy sinh cái mà đối với y thực chất là sự sống, và có vẻ như y cống hiến nó hoàn toàn, mà không có khả năng lấy lại nó sau này. Sự thử thách lớn lao về sự hy sinh hoàn toàn của đệ tử được đưa ra để tìm xem liệu linh hồn có đủ mạnh để tự nguyện lao mình vào hư vô (nothingness), để rút hết máu của trái tim, mà không hề mong được ban thưởng. Nếu đệ tử không đủ nghị lực để làm điều đó, thì y chưa sẵn sàng đứng trước Chân Sư. Nhưng nếu y có thể hoàn toàn vứt bỏ những gì mà y biết là sự sống của mình, thì lúc bấy giờ cả sự chứng nhận của quá khứ và chân lý của thiên luật tuyên bố rằng y sẽ tìm thấy lại sự sống đó dưới một sự sống mạnh mẽ hơn và cao cả hơn sự sống mà y vừa bỏ đi. Chỉ khi nào sự hy sinh đó được thực hiện, thì người đệ tử mới thấy mình ở trong một sự sống cao cả hơn, là đang đứng trước các Chân Sư. Lúc bấy giờ mức độ sức mạnh của đệ tử là mức độ năng lực của y khi thực hiện sự hy sinh mà không còn cảm thấy nó nữa.

- 38 **C. W. Leadbeater.**- Ý nghĩa của câu này như sau: người nào có ước vọng đứng trước Chân Sư thì phải hy sinh phạm ngã cho Chân Ngã. Chân của linh hồn, tức là phạm ngã trên cõi trần, phải được rửa trong máu của trái tim đây các xúc cảm trước khi sự sống cao siêu có thể được đạt đến.

Đó là luật chung của sự sống. Trẻ con rất thích thú khi chơi với các món đồ chơi. Nhưng khi tới tuổi niên thiếu, các món đồ chơi thời thơ ấu bị bỏ lại và đặt sang một bên, để trở nên thành thạo trong loại thể thao cao hơn. Khi tới tuổi thanh niên vào đại học, nó sẽ có thể nhiều lần từ bỏ một trò chơi ở ngoài trời mà nó rất thích để chuyên tâm vào sách vở. Ở những lần khác, nó sẽ gác sang một bên một quyển sách mà

nó rất thích đọc để vật lộn vất vả với các động từ Hy Lạp hoặc các nghiên cứu khác bề ngoài không thích thú và không hữu ích lắm. Nếu nó tham gia vào việc tập luyện cho một cuộc tranh tài, hoặc chèo thuyền, thì nó phải hy sinh cái thú vui thường thức những bữa ăn ngon, và sống một cách thanh đạm và nghiêm nhặt cho đến lúc cuộc đua kết thúc.

Trên con đường huyền linh học, nhiều thú vui liên quan với thế giới bên ngoài được nhận thấy là một chuyện phí thời gian. Có nhiều trường hợp cần có một nỗ lực thực sự để xa lìa với các thú vui đó, khi có tiếng gọi từ sự sống cao siêu, người tìm đạo sẽ đáp ứng với tiếng gọi đó với một số nào đó cái giá phải trả cho phạm ngã của mình. Lúc bấy giờ, y phải gạt sang một bên cái thấp kém để có được cái cao siêu. Sau đó, sự thu hút của cái thấp sẽ hoàn toàn biến mất. Khi con người đã hoàn toàn nhận thức được cái cao, thì cái thấp đối với y không còn tồn tại nữa, nhưng trong nhiều trường hợp, y phải ném sang một bên cái thấp trước khi y thực sự tiến vào sự chói lọi, nổi hân hoan và cái mỹ lệ của sự sống tâm linh.

Tôi biết có nhiều người gặp được cơ hội thuận tiện nói trên, nhưng lùi bước ngay ở điểm đó và thất bại vì họ không sẵn sàng từ bỏ tất cả những gì mà họ đã hưởng được trước kia và dường như không nhận được gì bù lại. Đôi khi người ta sợ buông cái gì trước khi nắm được cái khác và vì thế y nắm chặt lấy cái thấp; nhưng điều đó không làm thỏa mãn được y, bởi vì y đã thoáng thấy được cái cao. Từ bỏ mọi vật trước tiếng gọi của Chân Sư – người ta tự hỏi không biết có thể làm được hay không; người ta luôn luôn tưởng nghĩ và hy vọng rằng người ta sẽ làm được, nhưng khi nó đến thì bạn có thể làm việc đó một cách đầy đủ và vui vẻ hay

không? Nhiều người đã làm việc trong nhiều năm và lấy làm lạ tại sao không đạt được kết quả, tại sao họ không ở trong số những người mà Chân Sư có thể kéo đến gần Ngài. Lý do đều luôn giống nhau, chính phạm ngã dưới hình thức nào đó đã giữ họ lại. Sự từ bỏ mọi vật này không phải là một điều được thi hành với sự tái phạm luôn luôn – hôm nay từ bỏ, ngày kế tìm cách nắm giữ – còn không thì làm với sự kiêu hãnh, với điệu bộ màu mè: “Tôi đã từ bỏ mọi sự”. Đó là một thái độ hoàn toàn sai trái; phải làm như một việc tất nhiên và làm một cách vui vẻ. Người sắp thành công sẽ cảm nhận được rằng không có điều gì khác cho y làm trừ ra một sự từ bỏ lớn lao khi thời cơ đến.



CHƯƠNG 3

Qui tắc thứ nhất

Hãy diệt...

(Kill out...)

A. Besant.- Thuật ngữ “kill out” (“hãy diệt”) xuất hiện ở đầu của sáu qui tắc ngắn đầu tiên. Điều quan trọng là không được hiểu sai nó. Có hai cách để tống khứ hoặc diệt trừ một tư tưởng bất hảo, một thói quen xấu, một hành động ác. Chúng ta hãy xem xét tư tưởng trước, bởi vì khi tư tưởng bị loại bỏ rồi, thì hai cái kia cũng dễ dàng đi theo.

Giả sử có một tư tưởng bất hảo xuất hiện trong trí một người. Y sẽ nhận thấy rằng tư tưởng ấy có khuynh hướng tự lập đi lập lại. Bấy giờ xu hướng đầu tiên của y thường là chiến đấu với ý tưởng đó, đem hết nghị lực của mình chống lại nó, và mạnh mẽ xoay chuyển nó ra ngoài, giống như y muốn đối phó với một kẻ thù bằng xác thịt vậy. Y muốn tống khứ nó ra khỏi trí, thế là y tóm lấy vai nó và ném nó ra ngoài.

Đó không phải là cách hay nhất. Cách này không biết định luật lớn tác động lên khắp thiên nhiên, đó là tác động và phản tác động đều bằng nhau và đối nghịch nhau. Lấy một quả bóng và ném nó vào tường; nó sẽ dội lại và đập vào bạn, cái đập sẽ nhẹ nếu bạn ném nó nhẹ, nhưng nó sẽ rất

mạnh nếu bạn đã ném nó thật mạnh. Cùng nguyên tắc đó cũng đúng ở mọi nơi. Giả sử bạn xoay chuyển một ý tưởng ra khỏi trí một cách mạnh mẽ; sẽ có một phản ứng rõ rệt được tạo ra. Sự dội lại sẽ đem đến cho bạn một cảm giác kiệt sức rõ rệt, và ý tưởng đó có thể trở lại với bạn với sức mạnh tăng lên. Sức mạnh mà bạn đã đưa ra lúc bấy giờ khoác hình thức là tư tưởng, và nó đã trở lại với bạn lần nữa và bạn sẽ phải lặp lại cuộc chiến đấu. Theo cách đó có thể trong vài trường hợp, người ta có thể chiến đấu trong nhiều tuần, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm mà không cải thiện được chút gì. Tuy vậy, cuối cùng người ta có thể diệt trừ tư tưởng xấu bằng cách này, mặc dầu với cách đó bạn cũng sẽ diệt một số lớn sức mạnh và nghị lực của chính bạn, sức mạnh-tư tưởng của bạn, đến nỗi kết quả của sự tranh đấu là có sự chai cứng và sự thiếu đáp ứng ở một vùng nào đó của thể trí.

Có một cách khác để diệt trừ tư tưởng bất hảo là thay thế tư tưởng xấu bằng tư tưởng tốt có bản chất hoàn toàn đối ngược lại. Trước tiên, bạn hãy nghiên cứu kỹ vấn đề và quyết định xem những gì là trái ngược, là phản đề của tư tưởng xấu đó. Bạn vạch ra tư tưởng mới một cách thầm lặng trong trí. Kế đó, vào đúng lúc mà ý tưởng xấu xuất hiện trong trí, bạn thay thế nó bằng ý tưởng tốt đối nghịch. Như vậy bạn có thể thay thế tính tự cao bằng sự ân cần tử tế; tính nóng giận bằng tình cảm yêu mến, sự sợ hãi bằng sự cảm phục, và những ham muốn vật chất thấp kém bằng những tư tưởng trong sạch, tự trọng, tôn kính, và các tư tưởng tương tự; hoặc bạn có thể, với tư tưởng sùng kính, chăm chú vào hình tư tưởng có phẩm tính tốt đẹp của Chân Sư và quên mình đi khi nghĩ đến Ngài.

Trí con người không thể tập trung vào hai đối tượng riêng rẽ cùng một lúc; vì thế khi bạn chú ý vào tư tưởng tốt thì kết quả là tư tưởng xấu bị trục xuất mà bạn không cần 42 hướng bất cứ mãnh lực nào về phía nó. Như vậy, năng lực trí tuệ không bị phung phí, không chút sinh lực nào bị mất đi. Chẳng bao lâu tư tưởng tốt có được sức mạnh, và thể trí trở nên tro lị trước sự tấn công của tư tưởng xấu, và không còn đáp ứng với loại tư tưởng xấu nữa. Thế là bạn đã thực sự diệt được tư tưởng xấu bằng cách làm cho mạnh lên và cấp sinh lực cho tư tưởng tốt đối ngược. Đường như là chúng ta hút hết sinh lực ra khỏi tư tưởng xấu và chỉ chừa lại cái vỏ mà thôi. Các tư tưởng xấu bị diệt một cách hiệu quả nhất bằng cách làm mất sinh lực như thế.

Như thế chúng ta có hai cách diệt trừ: phương pháp trước dựa trên đường lối của sự chết; phương pháp sau dựa trên đường lối của sự phát triển. Một cái là kế hoạch được dùng chủ yếu là bởi những người bắt đầu bước vào tả đạo, họ đang đi ngược con đường của Thiên Ý. Cái kia là kế hoạch tiến hóa phù hợp với Thiên Cơ. Trong hai con đường lớn này, chúng ta được tự do lựa chọn con đường mà chúng ta sẽ theo. Vạn vật trên đời đều đang tiến hóa, tất cả đều đang tiến trên con đường này hoặc con đường kia.

Những phần tử của thế gian, nơi mà Thượng Đế Hữu Hình (Ishvara) đang phát triển Ý Niệm của Ngài (His Image), có một mức tự do ý chí nào đó. Sự tự do ý chí này cốt ở chỗ sự sống của các phần tử này có thể hoạt động theo Thiên Ý hay tách khỏi Thiên Ý như những cá nhân riêng rẽ. Những ai hành động theo cùng với Thượng Đế về cơ bản là đang bước lên chính đạo, còn những ai cố tình chọn bản ngã chia rẽ (separated self) là đang chuẩn bị cho mình bước lên tả

đạo. Nói chung: tất cả những gì dẫn đến sự cô lập (isolation) đều có khuynh hướng chuyển con người theo tả đạo, còn tất cả những gì có khuynh hướng đưa đến hợp nhất đều đưa con người hướng tới chính đạo

Những người theo tả đạo thì diệt hết tính thiện cảm, tình thương, và bác ái, bởi vì họ thấy rằng các đức tánh này đem lại sự bất hạnh và cũng ngăn trở việc họ có được quyền
43 năng. Do đó tiến trình diệt trừ thường được chọn bởi những người muốn có quyền năng và các pháp thuật khác mà họ ưa thích trong kiếp sống này, cho cơ ngơi vững chắc và niềm vui thích của bản ngã chia rẽ, không để ý đến lợi ích chung, hoàn toàn hướng về tiến bộ và lợi ích cá nhân. Họ sẽ mạnh mẽ tiêu diệt tất cả những gì thuộc bản chất riêng của họ đáp ứng với cái sẽ là một chướng ngại trong con đường tiến đến quyền năng. Họ cũng sẽ diệt tình thương, vì đó là một con đường đau khổ, và rất dễ dàng trở nên lãnh đạm bằng cách diệt tình thương hơn là bằng cách trở nên ngày càng nhạy cảm.

Nhưng cách mà chúng ta được dạy là cách hợp nhất, con đường mà trong đó đệ tử trở nên đáp ứng với mọi tiếng kêu đau khổ, như được nhấn mạnh trong quyển Tiếng Nói Vô Thình. Đệ tử phải tăng cường sự sống của mình chớ không thu nhỏ nó lại. Đệ tử phải phục tùng thiên luật, chớ không chống lại. Lúc bấy giờ dĩ nhiên thiên luật sẽ đứng về phía y. Phương pháp của đệ tử hơi giống với thuật đấu vật được dạy ra ở Nhật, trong đó kẻ thắng là nhờ biết nhân nhượng địch thủ; y cứ nhân nhượng đối thủ, nhưng vào lúc quyết định, y mới xoay chuyển như thế nào mà sức mạnh của kẻ địch trở lại chống với địch thủ. Đây là bản chất của

yoga chính đạo; Đức Shri Knishna ⁽¹⁾ có nói về việc đó trong Kinh Gita: “Trong đó không có sự mất nỗ lực, cũng không có sự vi phạm” (Gita 11, 40).

C.W. Leadbeater.- Nhiều người, khi được dạy phải diệt dục vọng, thì họ bắt đầu làm một điều có thể mô tả như là cuộc tấn công dữ dội vào nó. Họ muốn diệt một tính xấu nào đó, 44 thế là họ dốc hết toàn lực một cách mạnh mẽ, hầu như giận dữ, chống lại tính xấu đó. Một kết quả của việc này là người ta khuấy động bất cứ mãnh lực nào đang tồn tại, cả trong lẫn ngoài, có khuynh hướng đối nghịch, vào một cuộc đối kháng dữ dội nhất có thể xảy ra, kết quả là đi đến cuộc đấu tranh nghiêm trọng. Nếu một người có đủ định lực, sau cùng y sẽ là người thắng cuộc, nhưng trong nhiều trường hợp, y sẽ phí rất nhiều sức lực, nghị lực và sức mạnh tư tưởng, và y phải bị kiệt sức và suy yếu.

Tôi có thể làm chứng rằng phương pháp thay thế diễn ra rất hiệu quả, vì tôi đã thử cả hai. Đó là một loại nhu thuật đạo đức (moral ju jutsu) ⁽²⁾, trong đó bạn sử dụng sức mạnh của năng lực thù địch để giúp lại bạn. Bạn không tấn công vào kẻ thù nhiều mà bằng cách tập trung mọi chú ý của bạn vào đức tính đối ngược. Thí dụ nếu một người có khuynh hướng thiếu trầm tĩnh và hay náo động (upset and disturbed), y không nên vất vả chống lại tính đó, mà thay vào đó nên luôn luôn nghĩ đến sự điềm tĩnh (calmness), an bình (peace) và tính bình thản (philosophy). Chẳng mấy chốc tư tưởng đó sẽ trở nên ổn định nhờ thói quen, và y sẽ thấy

¹ Shri Krishna là một tiền thân của Đức Christ. (Trích: Cung và Điểm Đạo, A.A. Bailey, 254)

² Nhu thuật có khi còn được viết là Ju jitsu. (ND)

rằng cái bất an/ lo lắng (worry) xưa kia và sự thiếu điềm tĩnh đã biến mất mà y không cần phải chiến đấu dữ dội với nó nữa. Nếu y cứ bao quanh chính mình bằng các hình tư tưởng như là: “Đừng nổi giận” v.v... thì các hình tư tưởng nói trên vẫn có màu sắc của tính nóng giận và chúng sẽ phản ứng bất lợi (undesirable) lên y. Nhưng nếu y nghĩ tưởng một cách mạnh mẽ: “Hãy điềm tĩnh, hãy hòa nhã, hãy thanh thản” thì y sẽ tạo nên các tần số rung động thích hợp, dẫn đến an bình và hài hòa. Chúng ta không muốn tạo ra một tật xấu để chống lại một tật xấu khác, nhưng chúng ta không muốn biết đến tất cả các tật xấu này, đồng thời phát triển đức tính trái ngược; nhờ làm như thế, kết quả sẽ trở nên tốt lành, và chúng ta sẽ đạt được kết quả đó không khó lắm.

Chúng ta nói: “Diệt lòng ham muốn” (“kill out desire”), mà không nói: “Diệt tình cảm” (“kill out emotion”). Các tình cảm cao cả phải luôn được khuyến khích, càng mạnh càng tốt. Nhất là tình thương chân thật và sự tận tụy, thì nên vun trồng. Khi một người nào đó cảm thấy một sự trào dâng các tình cảm như thế, thì hào quang người này nở lớn. Trong trường hợp một người thường thì thể cảm dục của y có thể trở nên lớn gấp mười lần kích thích bình thường của nó, và càng nhiều hơn nữa khi người đó thực sự biết dùng các hiện thể cao của mình. Khi cơn bột phát lớn của tình cảm trôi qua, hào quang thu nhỏ trở lại, nhưng không đúng y như những gì đã có trước kia, mà bây giờ lớn hơn một ít. Kết quả đầu tiên của việc nở rộng này là thể cảm dục loãng đi, nhưng nó nhanh chóng kéo vào nhiều chất cỗi cảm dục hơn nữa để lấp đầy không gian rộng lớn, để làm cho nó đạt tới mật độ bình thường của nó.

Thể cảm dục chắc chắn là cần thiết vì nhờ có nó mà người ta có thể có thiện cảm với người khác, và cũng vì chức năng của nó là làm cái gương phản chiếu cho thể bồ đề. Trong trường hợp của một người tiến hóa, thể tình cảm không có màu sắc, ngoại trừ những gì được phản chiếu từ các cõi cao, thể tình cảm chỉ phản chiếu và cho thấy những sắc thái tao nhã nhất của màu sắc mà thôi.

46 Có ba cách mà trong đó Chân Nhân được liên kết chặt chẽ với phàm nhân. Thượng trí được phản chiếu trong hạ trí. Thể bồ đề hay là trực giác được phản chiếu ở trong thể cảm dục. Cũng có một khả năng liên kết giữa Linh Thể (Atma) với bộ óc xác thân. Mỗi liên kết chót này khó hiểu nhất; nó cho thấy năng lực ý chí phi thường, nó hành động mà không cần xét đến phương tiện mà đối tượng của nó sẽ được đạt tới. Đó là phương pháp của cung một, là cung của bà Besant. Bà có năng lực lớn lao trong việc quyết định điều mà bà sẽ làm, không cần dừng lại để xem xét các phương pháp phải được dùng sau đó. Chúng ta không biết rõ các giới hạn của ý chí con người. Người ta cho rằng đức tin có thể dời non lấp bể. Tôi không biết liệu có mục đích đặc biệt nào được dùng khi làm điều đó hay không, nếu điều đó có thể được thực hiện, nhưng chắc chắn là tôi đã thấy các kết quả rất kỳ diệu được hoàn thành bởi ý chí con người, và tôi không biết đâu là các giới hạn của quyền năng đó. Những điều khó tin được thực hiện, đặc biệt là trên các cõi cao, chỉ bằng hành động của ý chí.

Thí dụ khi nghiên cứu cách hiện hình (materialization), theo cách tuần tự mà tôi đã học được một cách chính xác cách thức phải làm như thế nào - một tiến trình phức tạp có liên quan đến một số lớn kiến thức về các chất liệu khác

nhau phải được đưa chung lại với nhau và cách nào mà chúng có thể được sắp xếp một cách hiệu quả nhất. Nhưng tôi biết có một người, y không biết gì về cách sắp xếp như thế, lại hiện hình thẳng bằng sức mạnh khủng khiếp của ý chí và tạo ra cùng kết quả, mà không gom lại tất cả những chất phức tạp cần thiết và không biết ít nhất cách làm như thế nào. Ý chí đó là ý chí của quyền năng thiêng liêng tiềm tàng trong tất cả mọi người chúng ta, nhưng trong rất ít người nó được lộ ra và tạo một kết quả như thế mà không cần một thời gian dài chuyên cần luyện tập.

Tôi nghĩ rằng đối với đa số người thì cách dễ dàng nhất trong số ba cách tạo liên kết với Chân Ngã là nhập thượng trí và hạ trí với nhau, bằng cách đi từ tư tưởng cụ thể đến tư tưởng trừu tượng, hay là từ phân tích đến tổng hợp. Nhưng tôi đã thấy những trường hợp mà một người có thể đạt đến tâm thức bồ đề (bồ đề tâm) mà không làm xáo trộn các liên hệ giữa thể trí với thể nguyên nhân chút nào. Khi điều đó có thể xảy ra, tôi được một Đấng Cao Cả dạy rằng sự hợp nhất của thể bồ đề và thể cảm dục là con đường ngắn nhất trong số các con đường đưa đến mục tiêu, nhưng khả năng để làm được điều đó là kết quả của nhiều đau khổ trong các tiền kiếp. Những người theo đường lối nâng mình lên cao đến tận thể bồ đề bằng sự bác ái và lòng sùng tín cực độ, kết quả là một sự kết hợp ở nơi đó, trước khi họ đã phát triển hạ trí đến một mức độ mà hạ trí có thể hoạt động với thượng trí, và trước khi họ đã phát triển chính thể nguyên nhân. Dĩ nhiên cả hai thể này phải được phát triển, chúng không thể bị bỏ sót. Người tìm đạo sẽ tác động lên hạ trí từ thể cảm dục, phát triển hạ trí và học hỏi bất cứ điều gì cần phải học do bởi lòng bác ái và sùng tín của y. Vị đệ tử yêu thương

Chân Sư của y mạnh mẽ đến nỗi vì Chân Sư của mình, y sẽ học hỏi những gì cần thiết và như thế sẽ phát triển bất cứ trí năng nào cần có. Từ cõi cao, đệ tử cũng tác động lên linh hồn thể (causal body, thể nguyên nhân) và tuôn đổ vào đó ý niệm trực giác, và như thế bắt buộc thể nguyên nhân biểu lộ ý niệm đó ở chừng mức mà thể này có thể biểu lộ được theo cách riêng của nó.

48

1.- *Hãy diệt lòng tham vọng.*

(Kill out ambition)

A. Besant.- Bây giờ chúng ta chuyển sang qui tắc thứ nhất, đặc biệt bàn về lòng tham vọng. Người kém tiến hóa thì bị sức thu hút của các giác quan giữ chặt. Y ham muốn vật chất xa hoa, thú vui xác thân. Chỉ khi nào trí tuệ phát triển cao và năng lực trí tuệ đã trở nên lớn mạnh, con người mới cảm thấy có tham vọng, vì tham vọng chính là sự ham muốn quyền lực. Nốt (note) của trí tuệ là "I" ("Cái Tôi"). Nó làm cho con người cảm thấy mình riêng biệt và điều đó bao giờ cũng đưa con người tới ham muốn sử dụng quyền lực, bởi vì ham muốn đó là sự tự khẳng định của linh hồn cá biệt. Y cảm thấy chính mình cao hơn tất cả mọi người chung quanh, và điều đó tỏ lộ dưới hình thức ham muốn uy quyền vật chất. Từ đó mới đi đến sự căm dỗ tìm kiếm và bám lấy quyền lực xã hội và chính trị. Trong lãnh vực chính trị và xã hội, tham vọng là lực thôi thúc lớn; vì nhờ trí tuệ của mình, con người có được ảnh hưởng đối với đồng loại mình, nổi bật lên với vị thế là lãnh đạo của họ, và đây là vị trí vốn là hương thơm trong mũi của người kiêu căng và hợm hĩnh.

Kể đó con người bắt đầu khinh thường quyền lực bên ngoài tác động trên các thể của con người, và sự nhận thức về một hình thức quyền lực tinh tế hơn xâm nhập vào trí y, mà hiện giờ y tìm cách có được. Y không còn muốn đặt ra luật lệ với uy quyền vật chất nữa; y có cái khát khao tế nhị hơn đó là muốn chi phối và chế ngự tâm trí con người. Đó là tham vọng trí tuệ – tham vọng trở thành một người lãnh đạo về tư tưởng. Người nào không có được trí tuệ phát triển rộng thì không có loại tham vọng này.

49 Mãi về sau này, khi ham muốn đó không còn nữa, thì lòng tham vọng tái xuất hiện dưới một hình thức còn tinh tế hơn nữa, khi con người bước vào đời sống tinh thần. Y nghĩ rằng sự tiến bộ tinh thần do chính y thực hiện được cho riêng y, bởi vì y muốn phát triển, hiểu biết và tiến hóa; thực ra lòng tham vọng xưa vẫn còn nắm giữ y, và nó nguy hiểm hơn bởi vì nó cao cả hơn và tinh tế hơn. Đó là lý do giải thích tại sao trong phần chú giải cho câu cách ngôn ⁽¹⁾ này, Chân Sư có một phát biểu đáng chú ý, đó là nhà nghệ sĩ thanh khiết làm việc vì yêu công việc của mình, người này đôi khi đứng vững trên chính đạo hơn là nhà huyền linh học là người tưởng mình không còn quan tâm tới bản ngã của mình, nhưng thật ra, người này chỉ nói rộng các giới hạn của kinh nghiệm và ham muốn của mình, đồng thời chuyển sự quan tâm của mình vào những sự vật vốn có liên quan đến quảng sự sống rộng lớn hơn của y mà thôi.

Tuy nhà huyền linh học không còn bị hạn chế vào các tham vọng của kiếp sống hiện tại nữa, nhưng tham vọng của y có thể vẫn còn. Y không còn quan tâm đến việc trở thành

¹ Cách: phép tắc, lễ lối. Cách ngôn: lời nói nêu ra phép tắc nên theo (aphorism).

người ban bố luật pháp hoặc nhà cai trị nhân loại nữa, thậm chí cũng không muốn trở thành quan tòa trong tư tưởng con người; nhưng y chỉ muốn ở địa vị cao trong thế giới tinh thần. Y nhận thức rằng y đang trải qua hết kiếp này đến kiếp khác và tham vọng của y trải rộng đến toàn bộ quảng sống vĩ đại đó. Y vẫn còn mong muốn đứng đầu, muốn tách biệt, và muốn trở thành những gì mà những kẻ khác không có. Tuy thế mong muốn đó cũng phải được khắc phục.

Khi người ta nói với những ai mong muốn trở thành một thành phần của sự sống đại đồng, chính điều trước tiên mà người ta phải nhắc nhở họ là hãy diệt hết những gì tạo ra sự chia rẽ. Tuy nhiên, sẽ là vô ích khi đặt một lý tưởng như thế trước một người thường. Y không thể nhảy vọt tức khắc từ cuộc sống trần tục sang cuộc sống tinh thần, trong đó y 50 luôn luôn hoạt động mà tuy vậy không làm điều gì liên quan đến bản ngã cá nhân. Nếu bạn bảo một người thường trên thế gian hãy diệt hết tham vọng, và nếu y làm theo như thế, thì sẽ có một kết quả không đáng mong muốn, là vì y sẽ rơi vào trạng thái thờ ơ và không thiết làm gì nữa.

Giả sử một người tiến hóa hơn, đang đi trên đường dự bị; người đó sẽ hiểu qui tắc về tham vọng này ra sao? Y sẽ theo lối khôn ngoan nhất bằng cách áp dụng từ ngữ “diệt” theo hình thức thấp của tham vọng; thực ra y nên hiểu chữ đó với nghĩa là chuyển hóa (transmute). Y sẽ giũ sạch tham vọng đối với các sự vật trần gian, nhưng lại đặt trước y một điều gì đó cao hơn mà y có thể có nhiều khát vọng. Đó sẽ là ước muốn có tri thức tinh thần và sự tăng trưởng tâm linh. Ở giai đoạn này con người không giũ sạch hoàn toàn tham vọng được. Y tiến vào một trạng thái trung gian và sẽ tạo được tiến bộ lớn lao nếu y đặt trước mắt mình mục tiêu là

đạt được tri thức tinh thần, mục tiêu tìm thấy Chân Sư và cuối cùng là trở thành chính Chân Sư. Thực ra tất cả các điều này đều là những tham vọng, nhưng chúng sẽ giúp cho y rũ bỏ được nhiều xiềng xích thấp kém đang bao bọc phạm ngã của y.

Tính chất tham vọng này mà vị đệ tử phải diệt trừ có sự hữu dụng của nó trong sự tiến hóa trước đây của y. Đó là một phương tiện để làm cho biệt ngã (individuality) của con người được vững chắc và kiên định. Trong các giai đoạn ban đầu, y tăng trưởng nhờ sự biệt lập của y. Lúc bấy giờ nó cần cho sự tiến hóa của thể xác và thể trí, vốn có sự đua tranh và chiến đấu. Tất cả các giai đoạn tranh đấu này đều cần thiết để kiến tạo cá nhân, làm cho y mạnh lên để y có thể duy trì trung tâm riêng của y. Y phải có một nơi được bảo vệ khỏi sự 51 xâm lược bên ngoài, trong đó y có thể phát triển sức mạnh của mình. Y cũng cần một địa vị thế tục như tham vọng tìm kiếm, giống như bạn cần có giàn giáo khi đang xây ngôi nhà vậy. Tham vọng có nhiều công dụng trong các giai đoạn ban đầu – để xây nên các bức tường và làm cho chúng dày chắc, để tăng cường ý chí, và giúp nâng cao con người từng bước một. Một người mà tham vọng chiếm ưu thế, thì y cũng tiêu diệt ham muốn tính dục và các ham muốn thấp kém khác, bởi vì các ham muốn đó ngăn trở y trong việc phát triển trí tuệ và mưu tìm quyền lực của y, và như vậy y sẽ chế ngự được các đam mê thấp kém của mình. Như vậy, trong giai đoạn đầu, con người cần tham vọng như là một phương tiện cho sự tăng trưởng.

Bạn không nên bảo với người đời: “Hãy diệt lòng tham vọng”, bởi vì lòng tham vọng kích thích y và bộc lộ các khả năng của y. Nhưng khi trở thành một đệ tử, y phải phát triển

đời sống tâm linh, y phải thoát khỏi các bức tường mà y đã xây lên chung quanh mình trong các giai đoạn trước. Giống như sau khi một ngôi nhà được xây xong, giàn giáo phải được tháo dỡ đi, cũng thế, giai đoạn tiến hóa về sau của y là làm cho các bức tường trở nên trong mờ, để cho toàn bộ sự sống có thể đi xuyên qua chúng. Do đó, các qui tắc này được dành cho các đệ tử, không dành cho người thường.

C.W. Leadbeater.- Nơi người chưa tiến hóa thì tham vọng tự hiện ra dưới hình thức dục vọng, chẳng hạn như tóm thu của cải sao cho y có thể thỏa mãn sự thèm muốn xa xỉ về vật chất và hưởng thụ của xác thân. Sau này, khi phát triển về trí tuệ, con người lại trở nên có tham vọng về quyền lực. Thậm chí khi con người đã vượt qua tham vọng về quyền lực và các phần thưởng của thế giới này rồi, và đang xả thân làm việc cho lợi ích của nhân loại, thì cũng vẫn rất thường có ước vọng muốn thấy được kết quả công việc của mình.

52 Nhiều người cố gắng hiến hết thời gian và hoàn toàn tự nguyện, dốc sức để làm điều lành, nhưng họ lại thích kẻ khác biết được điều đó và tán dương rằng họ là người tốt lành và hữu ích biết là bao. Đó cũng là tham vọng; chắc chắn là nhẹ nhàng hơn nhiều khi so với các loại tham vọng khác, nhưng vẫn thuộc về cá nhân và bất cứ điều gì có tính cách cá nhân vẫn là chướng ngại trên con đường đệ tử. Phạm nhân phải hoàn toàn bị loại trừ. Đây là một điều khó làm bởi vì nó đã bén rễ rất sâu và khi rễ bị bứng đi thì con người bị rướm máu và cảm thấy như là tim bị lấy đi.

Khi đã diệt ý muốn thấy được kết quả của việc làm, chúng ta vẫn còn có ý muốn được công nhận ở hình thức cao hơn. Có thể, chúng ta vẫn có tham vọng về tình thương, chúng ta muốn được nhiều người ưa chuộng/ ngưỡng mộ (to

be popular). Thật là điều hay và tốt lành đối với một người được ngưỡng mộ, khi thu hút được tình thương của bạn hữu của mình, bởi vì chính sự kiện đó lại là một năng lực thêm nữa trong tay y. Nó cho phép y làm được nhiều điều hơn là trong hoàn cảnh ngược lại, nó cũng bao quanh y bằng một bầu không khí vui tươi, giúp cho mọi thứ công việc trở nên dễ dàng hơn. Nhưng có mong muốn đó trong ý thức là trở thành có tham vọng vì đó cũng là một điều mà ta phải tránh. Chúng ta có thể đáng được hạnh phúc nếu tình thương đến với chúng ta; đó là điều tốt lành, đó là nghiệp tốt; nhưng nếu không được như thế, chúng ta cũng đừng có tham vọng về việc đó. Chúng ta không thể chộp lấy một người, rồi bảo: “Bạn phải thương yêu tôi, bạn phải thông cảm với tôi”. Nếu người đó rất rào tình cảm thì y sẵn lòng chấp thuận; nếu không giàu tình cảm, y sẽ từ chối thế thôi, không có gì tệ hại bằng sự giả vờ.

Chúng ta phải vượt lên trên tất cả các giai đoạn tham vọng này, đó là các giai đoạn vẫn thấy có trong thế giới thông thường. Chúng ta phải cố gắng vì vui thích cố gắng, dù cho đó là công việc, hoặc của cải, hoặc tình thương hay lòng tận tụy; bất kể thứ gì chúng ta cũng phải cố gắng một cách rộng rãi và thành tâm, không bao giờ nghĩ đến việc được hoàn lại; đó là tình thương thật sự và duy nhất, không phải là thứ tình thương vốn luôn luôn lên tiếng: “Người đó thương tôi đến bao nhiêu?” Thái độ thực sự phải là: “Tôi có thể làm gì để đặt chính tôi dưới chân của người mà tôi thương? Tôi có thể phụng sự được gì? Tôi có thể làm gì cho người? Đó là tình cảm duy nhất xứng đáng với danh hiệu cao quý ấy. Tất cả các điều này chúng ta đều biết rõ, nhưng chúng ta phải đưa nó vào thực hành. Đường như đôi khi

cũng có khó khăn khi làm điều đó, bởi vì vẫn còn dấu vết của phàm ngã cần phải loại trừ.

Đối với người thường - có thể ngay cả đối với người đang tiến gần đến Thánh Đạo nữa - tôi nghĩ có lẽ nên xác định qui tắc này tới một mức nào đó và nói: “Hãy diệt những tham vọng thấp”. Không nên đặt trước mắt một người mới vừa bắt đầu, một tiêu chuẩn hạnh kiểm mà người ấy chỉ có thể hy vọng đạt đến sau nhiều năm cố gắng. Nếu một người có các tham vọng trần tục mà y không thể hy vọng tức khắc bỏ được hết và không có gì khác để lấp đầy chỗ trống, điều đó chắc chắn là không thể xảy ra được đối với y, và liệu một thay đổi đột ngột như thế có chắc chắn là sẽ tốt đẹp cho y hay không. Trước hết, y phải chuyển hóa các tham vọng của y. Trước tiên, tùy ý muốn, y hãy ham muốn tri thức một cách chân thành, ham muốn tiến hóa trong huyền linh học và có tiến bộ trong lãnh vực vị tha; y nên có ước muốn tiến đến gần Chân Sư, được chọn làm đệ tử.

Đa số chúng ta đều có các ước muốn thuộc loại đó, mà chúng ta gọi chúng là đạo tâm (aspirations). Việc thay đổi danh xưng dường như hàm ý một thay đổi toàn diện trong thái độ chúng ta, nhưng dĩ nhiên các đạo tâm đó vẫn là dục vọng (desires). Chúng ta sẽ đạt đến một trình độ mà ngay cả các dục vọng này sẽ biến mất, bởi vì chúng ta sẽ tuyệt đối
54 chắc chắn rằng sự tiến bộ chỉ tùy thuộc vào nỗ lực riêng của chúng ta; lúc bấy giờ chúng ta sẽ không còn ham muốn gì nữa. Có lần, Chân Sư có nói: “Đừng ước muốn điều gì; ước muốn là yếu ớt. Hãy quyết tâm!”

Đừng nghĩ đến một đức tính nào đó mà bạn muốn phát triển bằng cách nói: “Tôi sẽ thích có đức tính đó”, mà hãy nói: “Tôi quyết (will) có được đức tính đó” rồi lo phát triển nó.

Đó là đường lối duy nhất cho người ta chọn, bởi vì các điều này tuyệt đối ở trong tay của chính người ấy, làm hay không làm đều do chính y lựa chọn.

Trước tiên, đó là một trường hợp chuyển hóa. Ý muốn tăng trưởng về tinh thần là một điều mà những ai đang tiến đến Thánh Đạo sẽ không còn được khuyến khích nơi chính họ nữa, mà có giai đoạn trung gian khi đó là điều rất tự nhiên. Chúng ta là các đạo sinh phải đạt đến một giai đoạn mà ở đó, chúng ta chọn sự tăng trưởng tinh thần như là điều dĩ nhiên và hướng mọi năng lực của chúng ta vào cố gắng giúp đỡ kẻ khác. Trước tiên con người nhất định cần có một động lực thúc đẩy của cá nhân. Kế đó, y dần dần tiến đến chỗ quên đi chính mình và tạo tiến bộ cho mình vì Chân Sư, vì để làm hài lòng Ngài, và sau rốt y học được rằng y chỉ là một vận hà cho các thần lực thiêng liêng vĩ đại, và rằng y phải trở thành một vận hà tuyệt hảo và không phải lo lắng gì về kết quả. Mối quan tâm duy nhất của y lúc bấy giờ là, về phần y không một điều gì sẽ cản trở bản thể của y không cho nó biểu lộ Thiên Tính (the Divine) - một biểu lộ càng hoàn hảo càng tốt đối với y. Y không lo lắng một chút gì về chuyện đó; y không mong muốn rằng thần lực của y có thể được dùng theo hướng này hoặc hướng khác; y chỉ là một khí cụ trong bàn tay của Thượng Đế, y có thể được dùng như thế nào và nơi đâu tùy Thượng Đế.

55 Dĩ nhiên, chỉ dần dần chúng ta mới có thể đạt đến thái độ đó; nhưng mà chúng ta nên đặt nó trước mắt chúng ta như là trạng thái trí tuệ mà chúng ta nên nhắm vào. Chúng ta phải bắt đầu bằng cách tự quên mình, bằng cách nghiêm nghị loại trừ bản ngã. Ngộ nhớ nếu chúng ta không đạt được tiến bộ mà chúng ta cho là do bởi chúng ta, sau rất nhiều

nằm suy gẫm và nghiên cứu, hay ngộ nhớ những người mà chúng ta giúp đỡ không tỏ ra biết ơn về chuyện được giúp đỡ - thường thường họ đều không tỏ ra biết ơn - thì sao, tất cả đều không có gì là quan trọng. Chúng ta hãy tự quên mình đi, hãy tiếp tục làm việc và chúng ta hãy hoàn toàn dừng dưng đối với bất cứ sự đền đáp nào. Karma sẽ xem xét việc đó; chúng ta không cần phải lo âu. Thiên luật vĩ đại của vũ trụ sẽ không bị biến đổi để tạo nên một sự bất công cho bất cứ ai trong chúng ta đâu, chúng ta có thể hoàn toàn tin chắc như thế. Thiên luật sẽ tác động với sự thăng bằng như nhau; chúng hành động một cách đúng đắn, cho dù việc đó sẽ chậm trễ nhiều ngày.

Hãy quên đi chính mình (Forget yourself); đó là lời khuyên đầu tiên và cuối cùng trên con đường huyền linh học, không có cách nào khác. Tuy việc đó dường như khó khăn, nhưng nó phải được làm và làm một cách hoàn hảo.

Bây giờ, chúng ta đi đến chú giải thứ nhất của Chân Sư Hilarion, chú giải này đi liền với qui tắc thứ nhất. Tôi sẽ lấy ra từng đoạn một. Khởi đầu:

Tham vọng là mối họa thứ nhất; tay cầm đuốc vĩ đại của người đang vượt lên trên đồng loại mình. Hình thức đơn giản nhất của nó là việc tìm kiếm sự ban thưởng.

Đó là một cách diễn đạt khá kỳ lạ, nhưng rõ ràng là nó chính xác. Thử thách đầu tiên đến với một người biết mình đang cao hơn đồng loại một ít theo một cách nào đó, đó là nghĩ rằng y là một người vĩ đại, và điều này đưa y đến chỗ phân tích rằng mình sẽ còn lên hơn nữa, cho nên y có thể vui thích với tính tự cao của mình hơn nữa.

Bởi lòng tham vọng mà kẻ thông minh và tài trí liên tục bị dẫn dắt ra khỏi các triển vọng cao siêu của họ.

Không ai có thể biết câu nói trên đúng tới mức nào nếu chưa có được nhãn thông. Tôi tin rằng những ai là đệ tử của các Chân Sư tất nhiên có thói quen xem xét những người mà họ gặp ít nhiều gì cũng theo quan điểm về tình trạng đệ tử có thể có của họ. Người đó thấy một người ở một số mặt nào đó rõ ràng là một người tốt; ý tưởng đầu tiên nảy ra trong trí của y về người ấy là: “còn bao xa nữa mới đến mức mà người ấy có thể trở thành một đệ tử của Chân Sư?” Đối với chúng ta, đó là phần thưởng lớn nhất, sự tiến bộ quý giá nhất có thể đến với bất cứ người nào, là y sẽ đạt đến giai đoạn mà y xứng đáng ở trong bàn tay dịu dặt của một trong các Đấng Cao Cả, để cho sự tiến hóa sắp tới của y được bảo đảm. Sự thành đạt sau đó chỉ là vấn đề thời gian, và dĩ nhiên với sự nhẫn nại và công việc nhiều gian khổ.

Mặc dầu hoàn toàn đúng là đối với mỗi người thì sự tiến bộ chỉ là một vấn đề thời gian, đối với nhiều người thì rõ ràng đó là một vấn đề của rất nhiều thời gian mà họ có thể bị mất, tạm gọi thế, khi được xét chung. Nhưng vào lúc mà một người tiến gần đến giai đoạn có thể nghĩ là một Chân Sư có thể thu nhận y, thì y cũng trở thành một đối tượng nhận được sự chú ý rất tinh tường đối với các đệ tử của Chân Sư, và ước muốn của các đệ tử này là luôn luôn cố gắng giúp cho y tiến đến điểm mà sự tiếp xúc rõ rệt có thể trở nên xảy ra. Nên luôn luôn nhớ rằng đó chỉ là một vấn đề xứng đáng với công lao của con người, mà không có bất kỳ sự thiên vị nào. Đối với Chân Sư, nếu đáng tiêu phí nhiều công sức để dạy dỗ một người nào, thì Ngài sẽ làm ngay, nhưng điều đó chỉ đáng công của Ngài khi Ngài sẽ có thể làm được nhiều việc

hơn xuyên qua người đó so với chính Ngài có thể làm với cùng công sức được dành cho công việc khác.

Chúng tôi có gặp nhiều người có vẻ như là họ không còn cách xa với điểm đó. Họ rất tốt đẹp ở phương diện này hoặc phương diện khác, còn một số rất có triển vọng về toàn diện, mà theo chúng tôi chắc chắn thêm một chút định hướng đúng đắn cho nỗ lực của họ, họ sẽ thích hợp cho vai trò đệ tử – và sau đó chúng tôi thật thất vọng khi thấy rằng thật ra mọi việc không đi đến đâu, và họ lại trải qua kiếp sống của họ theo lối thông thường. Đặc biệt nhất tôi đã để ý điều đó nơi bọn trẻ cả trai lẫn gái, vì tôi có bốn phận là luôn luôn tìm kiếm trong số các em đó xem em nào có triển vọng. Có nhiều người trẻ rất gần đến điểm mà nếu nghị lực các em chỉ được chuyển vào đường hướng đúng đắn, chúng sẽ thành những chủ thể thực sự rất tốt cho sự phát triển như thế, tuy nhiên chúng không nắm lấy cơ hội. Chúng bị lôi kéo vào cuộc tranh chấp của cuộc sống thông thường ở học đường và bị lôi cuốn vào một thế giới có tư tưởng thấp kém. Đó không phải là tư tưởng xấu, tôi không hàm ý điều đó – mặc dầu đôi khi điều đó có thể xảy ra – nhưng các em bị lôi cuốn vào một thứ lốc xoáy của những tư tưởng tương đối phạm tục. Mục tiêu được đặt trước các em đó thường thường là mục tiêu nhắm vào việc thành công theo một đường lối vật chất nào đó – như trở nên các kỹ sư tài ba hoặc các luật gia lỗi lạc, hoặc giả thành công ở vị trí lãnh đạo của một công ty thương mại nào đó.

58 Chẳng những cha mẹ các em mong cho con em mình có được một sự nghiệp ở trần gian, mà khuynh hướng chung của người đời cũng có ảnh hưởng lên các em theo chiều hướng đó, và thật là khó tránh khỏi ảnh hưởng của dư luận

quần chúng. Dư luận đó đang đặt sức ép lên chúng ta vào mọi lúc theo mọi hướng, và vì thế đưa đến hậu quả là các thanh niên này, dường như gần sẵn sàng cho sự nghiệp cao siêu, lại ít khi đạt được mục đích cao siêu đó. Thay vào đó chúng lại chiếm được một sự nghiệp rất được ưa chuộng và hữu ích, nhưng lại không đúng vào mục đích cao siêu đó. Tôi đã theo dõi một số trường hợp mà dường như theo tôi có thể xảy ra một cách đặc biệt, và tôi đã thấy rằng, cùng một sự việc đôi khi xảy ra cho nhiều Chân Ngã trong một số lần luân hồi. Trong mười hai hoặc hai mươi lần luân hồi, các Chân Ngã này đã gần sẵn sàng, trong khoảng cách có thể đo lường được là đạt tới giai đoạn trọng đại đó, nhưng mỗi lần như thế, họ lại quay sang chỗ khác, thực tế là luôn luôn chính tham vọng trần tục đã dẫn họ đi lệch khỏi các triển vọng cao siêu đó.

Khi Chân Sư Hilarion nói rằng những người thông minh và có tài trí, luôn luôn bị dẫn dắt ra xa khỏi các triển vọng cao siêu của họ do bởi tham vọng, tôi nghĩ rằng Ngài ắt đã liên tưởng đến nhiều trường hợp tương tự với các trường hợp mà tôi vừa mô tả, bởi vì những người có năng lực cao tất phải là những người thông minh và có tài trí, chớ không phải là người thường. Ngài không nói rằng tham vọng làm hỏng cuộc đời của họ, mà Ngài chỉ nói rằng các triển vọng cao siêu tồn tại nơi họ lại bị tham vọng đưa chúng ra khỏi họ. Điều chắc chắn là đối với một đứa trẻ, việc muốn trở thành một kỹ sư tài ba, một luật gia lỗi lạc hoặc một bác sĩ nổi danh, không phải là một điều xấu. Đó là những nghề nghiệp tốt đẹp, nhưng có các sự việc thậm chí còn hữu ích hơn nhiều, nếu đứa trẻ có thể thấy và chọn đường lối hữu ích hơn thì chắc chắn là sẽ tốt đẹp cho nó. Chúng ta không thể nói rằng công

việc ở thế gian này là xấu, mà chỉ nói rằng có công việc còn tốt đẹp hơn nữa. Khi người ta nói công việc tốt đẹp hơn không phải là có ý coi thường bất cứ nghề nghiệp nào hoặc là giá trị của các nghề đó đối với thế gian; người ta chỉ muốn nói rằng những người có giáo dục tốt nhất với năng lực thông thường có thể đảm nhận các nhiệm vụ này và tạo được ít nhiều thành công với chúng, trong khi đó chỉ những người có một quá trình lịch sử phía sau họ về quan điểm huyền linh học mới có thể đảm đương một cách thành công con đường chật hẹp và khó khăn của việc luyện tập huyền bí. Những người noi theo con đường này có thể làm được nhiều điều hữu ích thậm chí hơn cả người có được tước hiệu cao quý theo bất cứ đường lối nào khác, thế nên khi có một đứa trẻ muốn chọn con đường huyền linh học mà nó hiển nhiên có thể làm được như thế, thì đừng nên cản trở con đường của bất luận trẻ trai hay gái đó.

Tuy thế, tham vọng là một người thầy cần thiết. Các kết quả của tham vọng tan thành tro bụi ở trong miệng; giống như sự chết và sự tách ly, tham vọng chỉ cho con người thấy cuối cùng làm việc cho bản ngã là làm việc cho thất vọng.

Người nào đạt được điều mà mình đã mong muốn nhiệt thành từ lâu, sau đó thường thấy rằng điều đó không hoàn toàn là những gì mình từng mong mỏi. Những ai toan tính đạt được quyền hành và địa vị cao, đều nhận ra rằng quyền lực đó hướng đến một đại hảo huyền, nó bị cản trở từ mọi phía, như trong trường hợp của quý ông Beaconsfield mà tôi có nhắc đến trước đây. Có thể ông này ắt hẳn làm

được nhiều điều hữu ích hơn bằng cách cố gắng hết năng lực để theo đuổi và truyền bá huyền linh học. Ngày nay các tác phẩm của ông không được đọc nhiều lắm, nhưng kiến thức huyền linh học của ông đã lộ rõ qua các tác phẩm đó, 60 thí dụ, trong câu chuyện lạ thường của ông về Alroyd.

Nhưng dù cho quy tắc thứ nhất này có vẻ rất đơn giản và dễ dàng, con cũng đừng vội lướt qua. Vì các tật xấu của kẻ thường nhân trải qua một sự biến đổi tinh tế và tái hiện dưới trạng thái khác trong tâm của đệ tử.

Đối với đệ tử, có các cảm dỗ đặc biệt, các khó khăn đặc biệt. Người thường thì kiêu hãnh, có lẽ thế, về một vài điều mà y có thể làm được. Đệ tử Chân Sư biết rất rõ rằng y không được kiêu hãnh về bất cứ tiến bộ nào đến với y. Thực ra, khi biết được Chân Sư thì y không còn có thể kiêu hãnh được, vì mọi ý thức kiêu hãnh đều rơi ra khỏi người nào thật sự biết các Ngài. Y có thể làm được nhiều điều mà những người khác không thể làm, nhưng do nhu cầu của hoàn cảnh, y luôn luôn gặp gỡ một hay nhiều người có thể làm được nhiều điều hơn y. Vì vậy, công bằng mà nói, sự kiêu hãnh không thường có nơi các đệ tử của Chân Sư. Tuy nhiên, tổng thể sự việc thì khó thấy. Nếu không cẩn trọng, đệ tử sẽ thấy rằng y kiêu hãnh ở việc không kiêu hãnh đó; kiêu hãnh khi thấy y thật là khiêm tốn dù các điều phi thường mà y có thể làm, nghĩ và nói. Hoặc y có thể cố huých những người phụng sự Chân Sư để đến phía trước, vì do kiêu hãnh, y nghĩ rằng y có thể làm việc giỏi nhất và sự hiện diện của y ở hàng đầu là tất yếu. Nhưng trong quyển Các Bước Đầu Trong Huyền Linh Học, bà Blavatsky có nói: “Không ai có thể nghĩ

rằng ‘Tôi giỏi hơn hay làm đẹp lòng Chân Sư hơn các đồng môn của tôi’ mà còn được là một đệ tử của Chân Sư”.

Còn bà Besant có lần nói rằng: “Một trong các qui luật đầu tiên đối với một nhà huyền linh học là càng không phô trương càng tốt, sao cho phạm ngã của người này sẽ càng ít thu hút sự chú ý càng tốt”.

Những ai là đạo sinh huyền linh học, nhưng chưa là đệ tử, có thể dễ dàng rơi vào lỗi lầm kiêu hãnh. Đó là một khó khăn lớn cho những ai phát triển các khả năng tâm thông. Họ nhận ra rằng họ có thể thấy rất nhiều điều mà kẻ khác không thể thấy; rất nhiều điều mở ra trước họ mà những người khác không biết, đến nỗi họ bắt đầu cảm thấy họ cao hơn các huynh đệ của họ, và rất thường khi điều đó dẫn tới các hậu quả khá tai hại. Khi chúng tôi gặp được những người có khả năng thông linh, họ thường tỏ ra rất kiêu hãnh, tôi nghĩ rằng thường thường chúng ta có thể cho rằng những người này chưa phải là những người lão luyện, mặc dầu họ đang phát triển các quan năng cao, nhưng họ chưa được giao tiếp với Chân Sư, bởi vì việc không kiêu hãnh là một dấu hiệu chắc chắn của người đang học bài học của y một cách thích hợp.

Thật là dễ dàng để nói rằng “Tôi sẽ không có tham vọng”; nhưng không dễ dàng khi nói: “Khi Chân Sư xem xét tâm tôi, Ngài sẽ thấy rằng nó hoàn toàn trong sạch”.

Đó hoàn toàn là một điều khác. Chúng ta có thể rất dễ dàng thuyết phục chúng ta rằng chúng ta không có tham vọng, chúng ta không bao giờ ích kỷ, không bao giờ nổi giận. Chúng ta có thể thuyết phục chúng ta về nhiều việc, nhưng

Chân Sư thấy với cái nhìn thấu suốt mọi sự, nhận thức được sự thật, chớ không phải bề ngoài giả dối và vẻ quyến rũ mà chúng ta khoác lên chúng khi chúng ta tự nhìn vào chính mình.

62 **Người nghệ sĩ thuần túy làm việc vì yêu công việc của mình đôi khi còn đi đúng đường hơn là Nhà Huyền Linh Học, vốn tưởng mình không còn quan tâm đến bản ngã nữa, nhưng thực ra y chỉ mở rộng các giới hạn của kinh nghiệm và dục vọng, rồi chuyển sự chú tâm của mình vào những việc có liên quan đến đời sống rộng lớn hơn của mình.**

Người hoài nghi có thể nhận xét rằng không ai biết có một nghệ sĩ chân chính theo ý nghĩa đó, nhưng không phải như vậy. Tôi có nhiều giao tiếp với các giới nghệ sĩ cả ở Anh lẫn ở Pháp, và mặc dầu có nhiều đổ kỵ và thiếu sự đánh giá độ lượng giữa các nghệ sĩ nói chung, tuy nhiên tôi chắc chắn cũng đã biết nhiều nghệ sĩ đã sống và làm việc vì lòng yêu nghệ thuật chớ không vì lợi lộc. Vì họ làm việc như thế, họ thường đánh mất nhiều cơ may rõ rệt để tiến thủ trong thế gian, vì nghĩ rằng lợi dụng các cơ hội đó sẽ đi tới việc không trung thành với nghệ thuật của mình. Một người sẵn lòng làm như vậy vì nghệ thuật là đã tạo được một tiến bộ nào đó trên con đường dẫn tới việc giữ sạch phạm ngã.

Có thể có một hình thức cao của tham vọng ích kỷ ở đằng sau điều đó, nhưng ít nhất người đó cũng đã đi được một đoạn đường dài trong việc diệt trừ phạm ngã khi y đã mất đi cái tham vọng về tiền tài và thành công trong trần thế.

Có một giai đoạn mà nhà huyền linh học đã hoàn toàn chế ngự mọi dục vọng liên quan đến phàm ngã, đã vượt lên trên tất cả các tham vọng thông thường của người đời, nhưng vẫn còn cái tham vọng cho biệt ngã riêng tư hay ego của y, và thường nghĩ đến sự tiến bộ của nó thay vì điều tốt lành mà y có thể làm cho kẻ khác. Thế nên có thể rằng một nghệ sĩ đã hoàn toàn hy sinh ý tưởng về bản ngã, cho dù y không biết gì về huyền linh học, có thể đã đặt chân trên chính đạo vững chãi hơn là nhà huyền linh học như thế.

Cùng nguyên tắc này áp dụng cho hai quy tắc khác có vẻ đơn giản hơn. Hãy nghiền ngẫm về chúng và đừng để cho con bị tâm con dối gạt một cách dễ dàng.

Ở đây Chân Sư đề cập đến qui tắc 2 và 3 mà chúng ta sẽ bàn đến trong chương tới. Các qui tắc này dạy ta diệt lòng ham sống và ham sung sướng. Ngài cảnh báo chúng ta hãy thận trọng với cả ba, vì thể trí cực kỳ khéo léo, cho dù rất tinh quái, khi bào chữa cho chúng ta, khi tìm đủ mọi loại lý lẽ để làm những gì mà chúng ta muốn làm. Có thể chúng ta không nghĩ là chúng ta đặc biệt khéo léo hoặc có trí tuệ, nhưng nếu chúng ta xem lại các lời bào chữa mà chúng ta đặt ra để làm những điều mà chúng ta muốn làm, thì chúng ta thường phải thừa nhận rằng chúng ta đã chứng tỏ năng lực đáng kinh ngạc theo chiều hướng đó.

Vì lẽ hiện nay, nơi ngưỡng cửa, một lỗi lầm còn có thể được sửa chữa. Nhưng khi con mang nó theo, nó sẽ lớn lên, đơm hoa kết trái, để rồi con phải đau khổ đắng cay mới diệt được nó.

C.W. Leadbeater.- Đây là kết thúc của chú thích dài của Chân Sư Hilarion đối với quy tắc 1. Con người càng tiến trên con đường phát triển huyền linh, thì y sẽ chôn càng sâu bất cứ lỗi lầm nào chưa được diệt trừ. Giả sử như tính ích kỷ, là lỗi lầm lớn nhất và thông thường nhất trong mọi lỗi lầm, bởi vì nó là cội nguồn của rất nhiều lỗi lầm khác. Y có thể đã diệt trừ mọi dấu vết bên ngoài của tính ích kỷ, và có thể tưởng rằng mình đã hoàn toàn thoát khỏi nó, nhưng tội lỗi đó có thể vẫn chưa bị đánh bại. Y càng tiến xa trên Thánh Đạo, thì nó sẽ càng được che giấu sâu bên trong. Trong lúc ấy, y dần dần nâng cao sức rung động của các hiện thể của mình sao cho mọi tính chất của y, dù tốt hay xấu, phải trở nên mạnh hơn. Nếu có một tính xấu mà sự tồn tại của nó có thể còn hoàn toàn bị ẩn giấu, cả đối với chính y lẫn bạn bè của y, thì tính xấu đó sẽ trở nên ngày càng mạnh hơn, và tất nhiên tới một lúc nào đó nó phải phát lộ và tự hiện ra. Lúc đó, chỉ vì y đã có sự tiến bộ đáng kể, tính xấu đó sẽ tạo ra một tai họa nghiêm trọng hơn nhiều so với khi nó có thể hiện ra ở giai đoạn trước, và chắc chắn y sẽ vô cùng đau khổ khi diệt trừ nó.

A. Besant.- Trên Thánh Đạo, con người phải làm hết công việc của mình. Ở trước thềm, các lỗi lầm còn có thể sửa chữa dễ dàng. Nhưng trừ phi đệ tử hoàn toàn dẹp bỏ việc ham muốn quyền lực trong khi y còn ở trong các giai đoạn đầu của thời kỳ tập sự tâm linh, bằng không thì ham muốn này sẽ trở nên ngày càng mạnh. Nếu y không gạt bỏ nó ở nơi mà nó đặt căn cứ ở cõi trần, cõi tình cảm và cõi hạ trí, mà để cho nó bắt rễ trong cõi tinh thần của Chân Ngã, y sẽ thấy rất khó để diệt trừ nó. Như thế tham vọng được thiết lập trong thể nguyên nhân (causal body, linh hồn thể) và được mang theo

từ kiếp này đến kiếp khác. Các thể hồng trần, thể tình cảm và thể hạ trí chết đi, con người nhận được các thể mới, nhưng linh hồn thể thì không chết cho tới cuối kalpa ⁽¹⁾; thế nên đệ tử hãy thận trọng khi để cho tham vọng tinh thần đụng chạm đến linh hồn thể và đưa vào đó các yếu tố chia rẽ, chính các yếu tố này càng ngày càng bó chặt sự sống.

Hãy làm việc như những kẻ còn đầy tham vọng.

(Work as those work who are ambitious).

A. Besant.- Câu này nằm ở chỗ bắt đầu Qui tắc 4, tôi đã chọn ra và đem vào xem xét ở đây, nơi mà nó được áp dụng đặc biệt. Đó là lời bình luận của Đức Chohan về Qui tắc 1. Trong mỗi trường hợp, chúng ta sẽ đề cập đến qui tắc và kể đó lời bình mà Đức Chohan đã đưa ra khi giải thích nó. Hãy đặt chúng chung lại, rồi bạn sẽ nhận được ý nghĩa.

Như vậy, bạn sẽ đọc thấy:

1. Hãy diệt lòng tham vọng, nhưng hãy làm việc như những kẻ còn đầy tham vọng.

2. Hãy diệt lòng ham sống, nhưng hãy tôn trọng sự sống như những kẻ ham sống.

3. Hãy diệt lòng ham muốn sự sung túc, nhưng hãy hạnh phúc như những kẻ sống để hưởng hạnh phúc.

Ham muốn quyền lực, ham sống và ham hạnh phúc hợp thành mãnh lực thúc đẩy của thế gian. Các ham muốn này là các phần thưởng mà Đấng Ishvara đưa ra trước mọi

¹ Kalpa (thiên kiếp), tức là Manvantara (Chu kỳ Khai Nguyên) tương ứng với 4.320.000.000 năm. Thường dùng để diễn tả một giai đoạn hoạt động của hành tinh và 7 giống dân trên hành tinh đó. (Trích Điểm Đạo Thái Dương và Nhân Loại, trang 221).

người, kết quả là sự tiến hóa được tiếp diễn. Tất cả các nỗ lực mà một người tạo ra vì các ham muốn này, đều mang lại các tính chất của y và khiến cho y tiến hóa. Giả sử toàn bộ các ham muốn này thành linh biến mất, thì con người sẽ mất hết mọi tham vọng, mọi ham sống và ham hạnh phúc. Điều đó tượng trưng cho một giai đoạn mà con người phải trải qua trước khi nổi khao khát đối với cuộc sống tâm linh thức tỉnh đầy đủ trong con người. Giai đoạn đó được gọi là sự dứt bỏ (vairgya) ⁽¹⁾ và là kết quả của sự nhàm chán (satiety). Con người đã nếm mùi quyền lực, và đã thấy rằng nó không đem lại hạnh phúc. Con người đã làm việc vì nó và nắm bắt nó, nhưng đã thấy rằng hiệu quả của nó trên Nội Ngã (inner ego) chỉ là sự thất vọng. Đó không phải là những gì mà người ta mong đợi và nó không đem lại thỏa mãn. Thí dụ lấy trường hợp cố hoàng đế nước Nga. Ở trên tuyệt đỉnh quyền lực của con người, ông này quá chán ngán nó và thực sự mong muốn mình thoát khỏi nó. Điều đó không phải là một chuyện hiếm có trong lịch sử về việc một người đang nắm giữ quyền lực tuyệt đối lại có một sự bùng phát tính dứt bỏ và từ bỏ địa vị.

Kết quả của hành động đó là một sự sụp đổ, một sự giảm hạ của mọi động cơ, vốn đã thúc đẩy y tới điểm đó. Lúc bấy giờ con người rũ xuống và nói: “Tại sao tôi phải nỗ lực thêm nữa ? Tôi không cần quyền lực; tại sao tôi lại phải làm việc? Tôi không cần sự sống; tại sao tôi cứ phải tiếp tục sống? Tôi không cần sự sung túc, nó không mang lại sự thỏa mãn cho tôi; tại sao tôi phải làm bất cứ điều gì để có được nó?”

¹ Vairgya còn được viết là virg, có nghĩa: điềm nhiên trước cái giả tạm; dứt bỏ hay xả ly (non – attachment, desirelessness).

Câu hỏi cho chúng ta sẽ là: “Làm cách nào để một người như thế có thể được kích thích vào hoạt động trở lại, để cho y có thể tiếp tục phát triển và có thể hoàn thành sự tiến hóa của y; làm thế nào để nâng y ra khỏi trạng thái suy sụp? Chỉ bằng cách thu hút sự sống thiêng liêng trong y đi vào hoạt động, y phải sống bằng cách cho ra chứ không phải nhận vào. Hiện giờ y đang ở vào điểm quyết định trong sự nghiệp của y. Nếu y vẫn còn bám chặt vào cái ngã chia rẽ, thì các kiếp sống sau này của y sẽ đầy sự mệt mỏi và ghê tởm. Liệu có thể khơi dậy nơi y sự ham muốn có đời sống đích thực, đời sống này bao gồm việc xả thân để phụng sự, chứ không phải thu tóm vào trong sự nhàn nhã ích kỷ?

Trong tình trạng hiện tại của y, người như thế ấy là một tạo vật vô giá trị trong thế giới, vô dụng với chính mình và mọi người khác. Trước khi y đi đến tình trạng này, y đã là một mãnh lực giúp cho sự tiến hóa chung của thế giới, bởi vì y đã bị tác động bởi những sự việc vốn thu hút con người 67 bình thường và giúp cho họ tiến hóa. Khi bị lao vào tình trạng suy sụp và vô dụng hoàn toàn do bởi mất đi các động lực thúc đẩy thấp kém thông thường, thì có một tiếng gọi đặc biệt truyền đến, tiếng gọi này đáp ứng với y trên ba điểm, nơi mà y đã mất động lực thúc đẩy của y.

Mệnh lệnh đến với y trong tình trạng này là: “Hãy làm việc như những kẻ còn đầy tham vọng”. Câu đó được kết hợp với câu thứ nhất: “Hãy diệt lòng tham vọng”, mà khi để một mình, câu này sẽ dẫn đến tính thờ ơ.

Khi cái Ngã chia rẽ bị diệt rồi, giờ đây con người không còn động lực cho công việc nữa, thế là lời kêu gọi đến: “Hãy làm việc như những kẻ đầy lòng tham vọng”. Kế đến là mệnh lệnh thứ nhì: “Hãy tôn trọng sự sống như những kẻ

đầy lòng ham sống”, rồi lệnh thứ ba: “Hãy hạnh phúc như những kẻ sống để hưởng hạnh phúc”. Đây là ba huấn lệnh mới để bắt đầu cuộc sống mới, ba động lực mới, chúng thay thế cho ba động lực cũ.

Người đó đang nằm ở đó như chết. Sự sống của hình tướng đã chết. Giờ đây y phải khơi dậy sự sống của tâm thức; điều đó sẽ được thực hiện bằng ba lời kêu gọi này. Y phải bắt đầu hoạt động trở lại, nhưng bây giờ đó phải là con người tinh thần sống và làm việc, trong khi phàm ngã chỉ tác động như một cái máy. Y phải sống tích cực hơn y đã từng sống trước đây, mặc dầu lòng ham sống, ham vui sướng và ham quyền lực đều đã bị dập tắt. Đây là lời giải đáp cho câu hỏi của y: “Tại sao tôi phải làm việc?”

Nếu một người không tìm thấy câu trả lời, y sẽ vẫn ở tình trạng như chết và sẽ không phát triển thêm nữa. Đó là điểm mà các sinh viên cơ học biết dưới tên là một tử điểm (dead point), điểm thăng bằng, ở đó không có lực nào để đẩy y đi tới; các mãnh lực cao đã đối trọng (counterbalanced) với các lực thấp, và tiêu diệt tính ích kỷ cùng với tham vọng trước kia của y, nhưng lại chưa đủ mạnh nơi y để đẩy y tới trước với đầy nghị lực và quả quyết theo mục đích của chúng. Trạng thái cân bằng này không phải là mục tiêu của sự tiến hóa. Các động lực mới nào có thể được đưa ra trước người này để đánh thức y ra khỏi trạng thái này và làm cho y linh hoạt lại? Chỉ có một động lực duy nhất có thể làm lay động linh hồn từ bên trong – đó là việc đồng nhất hóa y với sự sống của Ishvara trong thế gian, và hành động như là một phần của sự sống đó, thay vì hành động với ham muốn có kết quả của hành động.

Không có một giảng luận nào đối với câu này hay hơn là phần giảng luận mà bạn sẽ tìm thấy trong bài giảng thứ ba của Bhagavad-Gita (Chí Tôn Ca), ở đó các lý do được đưa ra giải thích tại sao con người phải làm việc sau khi y đã mất đi các động lực thông thường, là ham muốn đối với các kết quả của hành động:

Nhưng người nào tự hào với Chân Ngã (Self), hài lòng với Chân Ngã, và toại nguyện với Chân Ngã, đối với kẻ ấy, quả thực là không có gì phải làm;

Kẻ ấy không còn thích thú với các việc được làm, cũng như các việc không được làm trong cõi đời này, cũng như không còn tùy thuộc vào bất cứ đối tượng hay bất cứ thực thể nào.

Do đó, không có dính mắc⁽¹⁾, luôn luôn hoàn thành hành động nào vốn là bổn phận, vì, bằng cách hoàn thành hành động mà không dính mắc, con người mới thực sự đạt tới Đấng Tối Cao.

Janaka và những kẻ khác thực sự đạt đến sự hoàn thiện bằng hành động: bấy giờ, nhờ cũng chăm lo cho phúc lợi của thế gian, người sẽ hoàn thành được hành động.

(*Bhagavad Gita* III, 17-20)

Những gì được mô tả ở đây thuộc về một trình độ còn cao hơn trình độ của con người mà hiện giờ chúng ta nghĩ đến. Chúng ta đã chỉ xem xét chỗ khởi đầu của Thánh Đạo, nó đưa đến sự nhận thức hoàn toàn về Chân Ngã. Nhưng
69 động lực được đưa ra ở đây áp dụng cho y; y đã nhận thức được cái trống không của phi ngã (non-self) và y đang ở một vị thế đáp ứng với tiếng gọi của Chân Ngã duy nhất. Y đang

¹ Attachment, tức là nhân duyên thứ 9, còn gọi là *thủ* (giữ lấy mê, tham) trong số 12 nhân duyên (12 nidânâ) níu kéo nhau từ vô thủy, khiến cho con người phải luân hồi. Nhờ tham thiền diệt sạch 12 nhân duyên đó, mới hết luân hồi.

(*Phật Học Từ Điển*, Tập ba, 1170 – Đoàn Trung Còn)

chuẩn bị để làm việc với động lực vì phúc lợi cho thế gian. Một người như thế hiện giờ có thể nghĩ đến việc cố gắng thu thập tri thức tâm linh, không phải để cho chính y có thể nhờ đó trở nên khôn ngoan và vĩ đại, mà là vì điều đó sẽ giúp ích được cho thế gian. Y đang từ từ làm cho điều đó thành mục tiêu của mình – một điều gì đó nằm bên ngoài bản ngã cá biệt của chính y.

Sau cùng y sẽ từ bỏ cái động lực với ham muốn cao quý đó và chỉ mong muốn rằng y có thể trở thành một cơ quan của cơ quan cao hơn, và có thể làm những gì mà Đấng Ishvara mong muốn. Kể đó y sẽ học được rằng chẳng những y không muốn có tri thức tâm linh, cũng không muốn trở thành một Chân Sư, mà chỉ muốn trở thành một khí cụ cho Sự Sống cao siêu hơn. Như thế y trở lại hoạt động như những kẻ còn tham vọng, nhưng với động lực muốn trở thành một vận hà cho Sự Sống cao siêu, con người sẽ giữ sạch các dấu vết cuối cùng của tham vọng. Bây giờ năng lượng của y hòa nhập vào Thiên Ý; Thiên Ý trở thành động cơ làm việc của y.

Trong các câu kinh của Gita được trích dẫn ở trên, Đức Shri Krishna giải thích cách thức mà một người phải làm việc để đạt đến Đấng Tối Cao, để nhận thức được sự hiện hữu và quyền năng của Đấng Thiêng Liêng. Kể đó Ngài tiếp tục chỉ rằng sự thành đạt và nhận thức như thế sẽ dẫn đến hoạt động đầy đủ hơn là bất cứ hoạt động nào được biết trước đây. Ngài giải thích rằng đó là hoạt động tích cực của Thượng Đế hữu hình (Ishvara) để duy trì vạn vật:

Này Partha, không có gì trong ba cõi mà sẽ được làm bởi Ta, cũng như không có bất cứ gì ngoài tầm tay mà có thể được đạt đến; tuy nhiên ta vẫn kết hợp trong hành động.

Vì nếu Ta không luôn luôn kết hợp trong hành động không một mối đó, con người ở khắp nơi sẽ theo con đường của Ta, hồi con của Pritha.

70 Ba thế giới này sẽ tiêu tan nếu ta không hành động.

(*Bhagavad Gita*, III, 20-24)

Ngài làm việc vì phúc lợi của thế gian, vì việc xoay chuyển bánh xe của vũ trụ, và động cơ duy nhất đối với hoạt động của Ngài là ở chỗ thế gian có thể tăng trưởng và phát triển cho đến khi chu kỳ được hoàn tất.

Kế đó Đức Shri Krishna tiếp tục vạch ra các lý do mà vì đó một người phải làm việc – đó là để đem lại phúc lợi, duy trì thế giới, và duy trì nhân loại. Không còn đồng nhất hóa chính mình với các hình thức chia rẽ nữa, con người phải đồng nhất hóa chính mình với Sự Sống duy nhất, Sự Sống ấy đang diễn ra nơi các sự sống riêng rẽ ngõ hầu đưa chúng đến chỗ hoàn thiện. Như vậy khi đồng nhất hóa chính mình với Sự Sống duy nhất, con người sẽ làm việc hoàn toàn cho phúc lợi và cho sự duy trì đồng loại và toàn thể thế gian – để cho mọi vật cử động và không cử động đều có thể đạt đến kết cục đã định của nó, tức là có thể trở nên cái vốn hiện có trong tư tưởng của Ishvara, mặc dầu trong sự sống biểu lộ, chúng chưa đạt đến điểm đó. Toàn bộ vũ trụ của Thượng Đế nhân hình (Ishvara) đều hiện hữu đầy đủ trong tư tưởng Ngài, dần dần theo nhiều giai đoạn, Ngài thực hiện tư tưởng đó trong vật chất. Những ai nhận thức được sự kiện này như là một phần sự sống của Ngài, đều phải làm việc như Ngài đang làm việc cho sự biểu lộ hoàn toàn của tư tưởng đó, nghĩa là, để quay bánh xe sự sống cho đến khi sự xoay chuyển đó được hoàn tất.

Không nhất thiết đi theo những gì mà người, vốn có động lực tinh thần thực sự này, tin tưởng vào Thượng Đế

Qui tắc thứ nhất

hay nghĩ về Ngài. Nhưng trong bất cứ trường hợp nào y cũng cảm nhận và đáp ứng với Sự Sống thiêng liêng trong thế gian và phụng sự Sự Sống đó với sự sùng tín hết mức. Chẳng hạn, đó là trường hợp xảy ra với ông bạn già Charles Bradlaugh của tôi, ông này không tin vào Thượng Đế theo sự
 71 hiểu biết vào thời của ông, nhưng ông luôn luôn sẵn sàng đương đầu với đau khổ và nguy hiểm, đặt chính thân của ông trong rãnh nước nếu có thể làm như vậy mà có ích như một cái cầu để kẻ khác có thể bước lên cuộc sống cao siêu hơn.

Tuy nhiên, ai đã cảm nhận được Ý Chí của Ishvara, sao cho Ý chí đó trở thành động cơ trong cuộc đời của họ, thì không được làm rối trí kẻ khác, những người này chưa có thể cảm nhận được điều này và đang hành động theo dục vọng.

Đức Shri Krishna tiếp tục giảng:

Giống như kẻ vô minh hành động do sự dính mắc (attachment) với hành động, hồi Bharata, cũng thế, kẻ minh triết hành động mà không dính mắc, vì muốn phúc lợi cho thế gian.

Kẻ minh triết không làm rối trí kẻ vô minh còn bị dính mắc với hành động; nhưng hãy để cho y làm cho mọi hành động đều hấp dẫn khi hành động hòa hợp với Ta.

(*Bhagavad Gita*, III, 25-26).

Người phát triển tâm linh phải lao vào công việc của thế gian và nêu gương tốt, bởi vì tiêu chuẩn do người minh triết tạo ra sẽ được những người khác noi theo. Một người được quần chúng tôn trọng, nếu người đó đề ra một tiêu chuẩn hoạt động nào thì những kẻ khác hay noi theo; nếu người đó trở nên thờ ơ với hành động nào, thì những kẻ khác cũng thờ ơ theo. Mặc dù sự lãnh đạo của người này có thể xuất phát từ một lý do cao siêu mà những người khác không biết, và hoàn toàn là một điều tự nhiên đối với những người

này khi hiểu lầm động cơ của người đó. Nơi những người này, sự thờ ơ xuất phát từ tính trì độn (tamas), và việc đó sẽ ngăn chặn sự tiến hóa hơn nữa của họ.

Một người nào đó có thể nói: “Tôi không cần các kết quả ở thế gian hoặc ở thiên đường (swarga). Vậy thì tại sao tôi phải cố gắng giúp người khác noi theo con đường đưa đến phúc lạc này; tại sao tôi phải cố gắng làm cho họ linh hoạt trên các đường lối mà tôi nghĩ rằng vô dụng, mà họ có thể đạt được những gì vô giá trị? Tại sao tôi phải lao vào
72 hoạt động để đem lại những gì không mong muốn?” Câu trả lời thật là rõ ràng. Các kết quả của hành động này tuyệt đối cần thiết cho đa số người. Trừ phi họ ưa thích các thú vui của thế gian, các tiện nghi và các tham vọng, chính các điều này thúc đẩy họ hành động, nếu không, sự tiến hóa của họ sẽ bị dừng lại. Nếu họ không cần thú vui ở thế gian, thì thiên đường có thể là động cơ của họ. Dù sao đi nữa họ cũng phải được khuyến khích để hành động, phát triển và tiến hóa. Nếu bạn thuyết phục họ rằng các điều này đều vô ích, thì họ sẽ vô phương tiến hóa.

Chính vì lẽ đó, điều quan trọng đối với sự tiến hóa của nhân loại là cần đưa ra một gương mẫu về một công việc được hoàn thành một cách trọn vẹn và một cách thật hoàn hảo. Trong khi con người chúng ta còn làm việc theo sự ham muốn, thì không bao giờ công việc được làm một cách thật hoàn hảo. Mặc dầu trong trường hợp đó con người có thể tỏ ra là một tấm gương đáng phục về nghị lực và kiên nhẫn, cũng sẽ có một ít dấu vết của lòng ích kỷ trong công việc của y, điều đó sẽ làm cho tấm gương của y kém phần hoàn hảo. Y có thể làm việc với độ chính xác cao, nhưng y đang làm việc cho chính y. Y không thực sự làm hết sức mình, bởi vì y

không hoàn toàn nghĩ đến công việc, mà một phần nghĩ đến kết quả cho chính y.

Đấng Tối Cao (Lord) làm việc một cách hoàn toàn, thế nên thế giới mới có thể diễn tiến êm đẹp. Thế thì chúng ta cũng nên làm việc với tinh thần như thế. Chúng ta phải làm việc tốt hơn người thế tục giỏi nhất, bởi vì động lực của chúng ta là động lực phụng sự Thượng Đế và nhân loại, chớ không phải cho quyền lợi riêng của chúng ta. Chúng ta sẽ làm việc cho sự nghiệp của nhân loại. Chúng ta sẽ không chạy đây đó để tìm cách hoạt động chỉ vì lý do thích hoạt động. Nhiều người làm như thế để thỏa mãn tính hoạt động của họ, bởi vì trừ phi họ đang bận, nếu không hoạt động họ sẽ buồn chán. Tình trạng đó là một tình trạng cách xa với người đã hài lòng trong Chân Ngã. Người này không bao giờ buồn chán, không bao giờ tìm lối thoát bằng hoạt động.

Y làm việc vì đó là bốn phận của y, và không có ham muốn hoạt động khi không có bốn phận. Như vậy người này hiểu được sự không hoạt động (inaction) trong sự hoạt động.

Trong luận thuyết thứ tư của Kinh Gita, đức Shri Krishna nhắc nhở về hành động, hành động sai và không hành động:

“Hành động là gì? Không hành động là gì.” Ngay cả kẻ minh triết cũng bối rối. Do đó ta sẽ tuyên bố cho con về hành động, nhờ biết được nó, con sẽ thoát khỏi tà lực (evil).

Cần phải phân biệt hành động, phân biệt hành động bất chính, và phân biệt sự bất hành động (inaction); con đường hành động thật là huyền bí.

Kẻ nào thấy được sự bất hành động trong hành động và hành động trong bất hành động, kẻ ấy là bậc hiền triết giữa con người, kẻ ấy vẫn giữ được sự hài hòa thậm chí trong khi thực hiện hành động.

(*Bhagavad Gita* IV, 16-18).

Ngay cả người minh triết cũng vẫn lằm lộn về các giới hạn của các sự việc này. Hành động đúng chính là bốn phận, mà trong đó con người đang biểu lộ sự sống của Ishvara ở vị trí riêng của mình. Ở vị trí đó, y trở thành một vận hà hoặc tác nhân, đang hoạt động với tri thức, sự chính xác và sự đầy đủ mà người không tham vọng chứng tỏ. Nếu bạn lấy công việc của người này và đặt nó bên cạnh công việc của người có tham vọng, bạn sẽ thấy rằng công việc đó cũng tốt như nhau, không, thậm chí được làm hoàn hảo hơn, vì nó được làm với sự từ bỏ tuyệt đối và quân bình hoàn toàn.

Nếu bạn tìm thấy một người không làm việc theo cách đó, khi đã mất đi cái ham muốn có được kết quả của hành động, nhưng người này đang làm ít hơn y phải làm, đang làm việc với ít nghị lực, ít quan tâm và kém chính xác, bởi vì y không còn các động lực cá nhân nữa, thì bấy giờ bạn thấy một người đã không học được bốn phận hành động trước khi chọn sự bất hành động. Tôi được biết về một số người: “Những người này bắt đầu bất hành động trước khi họ đã thực hiện sự hành động – bằng sự nhận thức trí tuệ về tính vô giá trị của kết quả hành động trước khi họ đạt đến trình độ mà họ có thể làm việc một cách không ích kỷ. Họ không phải là người thánh thiện của thế gian, vì họ đã ngưng làm việc đó, họ cũng không phải là con người phát triển về tinh thần nhờ đưa hết năng lực của họ vào việc tiến hóa của nhân loại”.

Có hai lối sống mà một người có thể theo đuổi khi người này đã đạt đến tình trạng mà kết quả của hành động không còn ảnh hưởng đến y nữa. Người ấy có thể rút lui vào rừng sâu để sống ẩn dật, hoặc là y có thể bận rộn giữa các sự

việc của con người. Nếu y đủ tiến hóa để làm việc một cách mạnh mẽ trên cõi trí hoặc trên cõi tinh thần ⁽¹⁾, thì sự sống không hoạt động ở cõi trần đó có thể tốt đẹp nhất; người đó đang giúp ích cho thế gian nhiều hơn là y có thể làm được ở giữa sự hối hả của thế gian. Tuy nhiên một người như thế sẽ thường được Chân Sư của y đưa trở lại để sống kiếp chót ở thế gian. Lúc đó vị này sẽ sống một cuộc sống không bị vấy bẩn bởi hành động, sẽ hiện rõ trên thế gian tấm gương sáng cho hành động chân chính, sẽ sống một cuộc đời hoạt động hoàn hảo với hết mọi năng lực mà một người có tham vọng nhất có thể biểu lộ.

Khi một người đang sống cuộc đời tâm linh trên thế gian, thì thường thường không thể, bằng phương tiện bên ngoài, mà nói rằng người đó bị thôi thúc bởi lòng ham muốn hay bởi bốn phận. Nhưng có một trắc nghiệm không bao giờ sai chạy, theo đó người ta có thể luôn luôn đánh giá động cơ riêng của một người. Bạn bị tác động như thế nào khi kết quả của hành động ở trước mắt bạn? Nếu có chút xíu yếu tố tham vọng chen vào trong công việc của một người, thì y sẽ tỏ ra thất vọng nếu nó thất bại, hoặc hoan hỉ nếu nó thành công.

75 Nếu y không đau khổ khi thất bại, thì không có yếu tố nào của phàm ngã đã chen vào công việc của y; vì nếu y đã làm việc cho Ishvara, cho phúc lợi của nhân loại, y sẽ biết rằng thất bại của y không phải là thất bại của Ishvara, mà sự thất bại là một phần Thiên Cơ của Ngài. Theo quan điểm của Ishvara thì sự thất bại không thể xảy ra, và thường trong cuộc sống của con người, thất bại cũng cần thiết cho sự thành công cuối cùng, cũng như sự thành công cần thiết cho sự

¹ Tức là cõi Bồ Đề và cõi Niết Bàn (ND)

thành công cuối cùng vậy. Con dân của đấng Ishvara có thể đôi khi được cử đóng vai trò thất bại để trở nên mạnh mẽ hơn, để hiểu rằng, ở đâu có thất bại thì ở đó cũng có thành công.

Một người có đang thực sự làm việc như một phần sự sống của Thượng Đế hay không sẽ được chứng minh bằng sự hài lòng hoàn toàn của y dù cho y thành công hay thất bại. Nếu sự hài lòng đó là hoàn toàn, không một dấu vết bất mãn, thì y đã làm việc tuyệt đối cho sự tồn vong của nhân loại; lúc bấy giờ công việc không trói buộc y và y đã giải quyết vấn đề bất hành động ở giữa sự hành động. Y đã học được cách sử dụng các hiện thể (vehicles) và các tính chất của vật chất (gunas) mà không đồng nhất hóa chính mình với chúng. Trong các trường hợp thông thường, các gunas tác động lên con người; nhưng trên Thánh Đạo, con người tác động lên các gunas.

Đa số con người đều bị đưa đẩy bởi các năng lượng của thiên nhiên, họ hoạt động khi các năng lượng hoạt động. Nhưng con người trên Thánh Đạo xem các năng lượng này như là các công cụ lao động, và đứng đằng sau chúng, vận dụng chúng. Người có tham vọng bị điều khiển bởi các thuộc tính của vật chất (gunas) khi y nghĩ rằng y đang hoạt động, nhưng người nào đã vượt qua chúng, lại điều khiển chúng theo con đường tiến hóa do Đấng Ishvara vạch ra, và không chịu đồng nhất hóa chính mình với chúng. Điều này được kinh Gita giảng như sau:

76 Khi đã từ bỏ việc dính mắc vào kết quả của hành động, luôn luôn toại nguyện, không tìm trú ẩn ở nơi nào, y không còn làm bất cứ điều gì, mặc dầu y vẫn đang hành động.

Không mong cầu điều gì, kiềm chế được trí và bản ngã, đã từ bỏ mọi tham lam, thực hiện hành động chỉ bằng một mình thể xác, y không còn phạm tội nữa.

Hài lòng với bất cứ thứ gì mà y có được mà không cần cố gắng, thoát khỏi các cặp đối hợp ⁽¹⁾, không ghen tỵ, vẫn thẳng băng khi thành công và thất bại, nên mặc dầu đang hành động, người đó vẫn không bị trôi buột.

Với người dứt tuyệt mê luyện, có được hài hòa, với các tư tưởng được thiết lập trong minh triết, với các hành động hy sinh, mọi hành động đều tan biến

(*Bhagavad Gita*, IV, 20-23).

Vì thế, người thấy mình ở điểm quân bình, ở điểm không còn quan tâm gì nữa, phải tìm kiếm phương cách nào đó làm tăng các ảnh hưởng cao siêu trong chính mình, để cho các ảnh hưởng này có thể khuyến khích y vào cuộc sống hoạt động tinh thần. Y phải dùng đến cách tham thiền; y phải cố gắng vận dụng bất cứ tình cảm nào mình có thể có được; y phải cố tình nắm lấy mọi cơ hội phụng sự. Y phải hoạt động, thậm chí không có ham muốn hoạt động, và thậm chí chống lại mong muốn không hoạt động. Y phải hoạt động. Nếu y có thể tìm thấy bất cứ người nào mà y tôn kính, mà gương mẫu của người đó truyền cảm hứng cho y hoạt động, thì đó sẽ là một trợ giúp lớn cho y để vượt qua giai đoạn chuyển tiếp này, bằng không y có thể bỏ dở cuộc tiến

¹ Cặp đối hợp (pairs of opposites) gồm các yếu tố va chạm nhau, xô đẩy nhau, tìm kiếm nhau, để rồi điều hòa với nhau mà hợp lại sinh ra cái mới. Hợp thể mới này dần dần phân hóa, tạo ra hai thể mới để lại tác động với nhau, rồi hợp lại với nhau, cứ diễn biến như thế mãi để đưa tới tiến hóa. Các cặp đối hợp như nóng với lạnh; nước với lửa; âm với dương; tĩnh với động... (ND)

hóa vào lúc đó. Nếu cái ý muốn làm hài lòng người mà y thần phục nổi lên trong trí y, y có thể vận dụng ý muốn đó để thôi thúc chính mình cho đến khi y ở vào tư thế cảm thấy lực thôi thúc của Sự Sống của Đấng Ishvara, và như thế dùng tình cảm ấy để kéo y lên ra khỏi tình trạng suy sụp của y.

77 **C.W. Leadbeater.**- Khi đã gạt sang một bên cái tham vọng của chính mình rồi, bấy giờ con người được dạy là hãy làm việc như người còn đầy tham vọng. Thường thường có ba giai đoạn mà con người phải trải qua. Trước tiên có công việc đem lại kết quả ở cõi trần. Kế đến là giai đoạn mà con người bắt đầu làm việc, vẫn còn mong có kết quả, nhưng mong kết quả thuộc về cõi trời. Điều đó được các giáo hội của nhiều tôn giáo khác nhau hay nêu ra cho chúng ta. Đại để như chúng ta phải từ bỏ thế giới này, để sống mãi mãi trên trời; chúng ta sẽ đứng gần bên ngai của Thượng Đế, vv... Đa số con người đều trải qua hai giai đoạn làm việc này, trước tiên với kết quả ở cõi trần, và kế đó vì kết quả ở cõi trời. Một số người cải tiến đôi chút về ý tưởng thứ hai này, bởi vì họ làm việc để làm đẹp lòng Thượng Đế của họ. Chẳng hạn, nhiều người Cơ Đốc giáo làm việc vì lòng yêu thương Đức Jesus, và đó là điều đáng phục, bởi vì đó mới là vô vị kỷ. Đó là giai đoạn cao hơn là làm việc vì mong có kết quả cho riêng mình, cho dù đó là một kết quả ở cõi trời.

Còn có một giai đoạn cao hơn, giai đoạn làm việc chỉ vì công việc, nhưng đa số con người chưa hiểu được điều đó. Nhưng có nhiều nghệ sĩ hiểu được. Nhiều nghệ sĩ làm việc vì nghệ thuật dù cho họ theo đường lối nào. Như một đại thi sĩ có nói: "Tôi phải hát chỉ vì tôi không thể làm khác hơn". Ông ta có ý nói rằng ông phải diễn tả những gì đến xuyên qua ông như một thông điệp cho đời. Một người khác cũng cảm

nhận như vậy khi nói rằng ông coi trọng thi ca của ông không phải vì thi ca đó là của ông, mà vì chúng không thuộc về ông. Thế nên có một số người làm việc vì nghệ thuật - không phải vì chính mình, hay vì danh tiếng của họ, không phải để làm hài lòng người khác, ngay cả không phải để làm đẹp lòng Thượng Đế như ý tưởng rất thường được hiểu, mà chỉ vì họ cảm thấy thông điệp đến xuyên qua họ và họ phải chuyển giao thông điệp ấy đi. Đó là một giai đoạn cao cần đạt đến.

78 Kế đến, có một giai đoạn cao hơn hết khi con người làm việc bởi vì y là một phần của Thượng Đế, và với tư cách là một phần của Ngài, y mong muốn hoàn thành thiên cơ. Đôi khi con người đánh lừa chính mình và nghĩ rằng họ đang làm việc cho thiên cơ đó khi họ vẫn còn hơi hướng đáng kể của ý tưởng thấp về chúng. Chúng ta có thể luôn luôn trắc nghiệm chính chúng ta về mặt đó - có lẽ tốt nhất, khi chúng ta tình cờ thất bại, điều này đôi khi xảy đến cho tất cả chúng ta. Như bà Hội Trưởng cao cả của chúng ta thường giải thích, nếu chúng ta thực sự làm việc một cách dứt khoát và một cách hiểu biết như là thành phần của Thượng Đế, như là một phần của tổng thể, thì chúng ta rất ít bị xáo trộn bởi bất cứ thất bại nào đến với chúng ta, bởi vì chúng ta biết rằng Thượng Đế không thể thất bại. Nếu vào lúc này một hoạt động nào đó có vẻ là một thất bại, điều đó nằm trong cơ tiến hóa và như thế là một điều cần thiết, do đó không thực sự là một thất bại. Theo quan điểm của Thượng Đế, không gì có thể gọi là thất bại, thế nên chúng ta không có gì phải phiền muộn. Vấn đề còn lại là đó có phải là lỗi của chúng ta hay không; nhưng nếu chúng ta đã làm hết sức mình mà vẫn thất bại, thì chúng ta biết rằng mọi sự đều tốt đẹp.

Các cân nhắc như thế này, tuy thế không nên làm cho chúng ta chệnh mảng hay đứng dừng với thời gian. Chính một phần của công việc chúng ta là chuyển hướng những kẻ khác ra khỏi triết lý bất động (doctrine of inertia) đối với con đường phụng sự, và ngay cả một thắng lợi như thế cũng có nghĩa là một lợi lộc đáng kể nào đó đã đạt được cho thế gian. Dù sao đi nữa chắc chắn đó cũng là điều tốt lành nhất, nhưng chỉ khi nào chúng ta làm hết sức mình. Nếu có bất cứ người nào hứng chịu thất bại khi làm hết sức mình trong phần của y về việc đó, bấy giờ dù sao đi nữa đó cũng không phải là điều tốt nhất, bởi vì chuyện đó có thể tốt hơn. Chỉ khi nào chúng ta làm tất cả một cách triệt để, thì lúc đó chúng ta mới có quyền ăn náu trong ý tưởng đó. “Thôi, tôi đã làm mọi việc mà tôi có thể. Nếu sau rốt tôi không thành công, tôi xin phục tùng một quyền năng cao hơn quyền năng của tôi”. Tôi đoán chắc rằng những gì đã được làm thì sau rốt không bị mất, và bất cứ điều gì xảy ra cho tất cả những người này, sau cùng thật sự là những gì tốt đẹp nhất cho họ.

Có thể đó chỉ là một ảo tưởng, nhưng là một ảo tưởng rất mạnh mẽ - mà theo quan điểm triết lý cao siêu dù cho bạn có nhận được bất cứ thứ gì ngay bây giờ hay trong một triệu năm vẫn không có gì là hệ trọng. Tôi cảm thấy điều đó quan trọng đối với tôi; do đó tôi nghĩ rằng nó cũng phải quan trọng đối với những người khác, và nếu chúng ta có thể đưa họ đến chỗ chọn được cơ hội tiến hóa sớm hơn, chúng ta sẽ làm được một việc rất to tát đối với họ. Sau cùng, sự dị biệt nào mà điều đó tạo ra đối với Thượng đế vì nơi Ngài mọi điều này đang hoạt động, tôi không thể biết được, nhưng rất có thể ý muốn của Ngài là chúng ta sẽ tiến hóa và nếu Ngài muốn điều đó phải được thực hiện, thì kể đó Ngài cũng

muốn rằng điều đó sẽ được thi hành càng sớm càng tốt. Hiển nhiên là chúng ta đang thi hành thiên ý, nếu chúng ta cố gắng tiến lên nhanh chóng trên Thánh đạo, con đường này dẫn đến sự hợp nhất hoàn toàn với Thượng Đế, và nếu chúng ta giúp kẻ khác theo Thánh Đạo đó, vì thế tôi không thể hiểu được rằng dấu sao đi nữa con người có được nhập lưu trong chu kỳ thế giới này, hay chu kỳ dẫy hành tinh hiện tại, hay chờ đến chu kỳ tới, hay không. Tôi sẽ làm mọi cách trong khả năng tôi để giúp con người tiến vào Thánh đạo trong chu kỳ này.

Có lẽ một thử thách khác sẽ được đưa ra để xem coi chúng ta có sẵn sàng chọn bất cứ công việc nào vốn thuộc về công việc của Thượng Đế, đó là chúng ta có sẵn sàng giúp cái cao cũng như cái thấp hay không. Đối với Ngài không hề có cao cũng như thấp trong vấn đề tiến hóa, mặc dầu một số phần thuộc cơ tiến hóa của Ngài có thể ở trình độ cao, còn phần khác ở trình độ thấp trong cơ tiến hóa đó. Điều đó rất
80 giống với bánh xe đang quay; một số phần của bánh xe đang tiến tới đỉnh khi bánh xe quay, nhưng mọi phần của bánh xe đều tiến tới khi bánh xe quay.

Công việc của chúng ta là giúp cho toàn thể tiến tới, đẩy tới bất cứ phần nào của bánh xe. Sự sống ở mọi trình độ đều là sự sống thiêng liêng; sự sống đó bộc lộ/khai mở (unfolded) hơn ở một số giai đoạn này hơn là giai đoạn khác - bộc lộ trong con người hơn là trong con thú, trong con thú hơn là trong thực vật, trong thực vật hơn là trong khoáng chất - nhưng sự sống đó vẫn là sự sống thiêng liêng ở khắp nơi, và nếu chúng ta giúp vào bất cứ phần nào của sự sống đó là chúng ta đang giúp vào thiên cơ (divine plan). Những gì cao hơn hoặc thấp hơn chính là hình thể (form) mà trong

đó sự sống được un đúc (cast, đúc khuôn). Hình thể cho phép sự khai mở được nhiều hoặc ít, nhưng sự sống vẫn là sự sống duy nhất. Chắc chắn quan điểm của Thượng Đế rất khác với quan điểm của chúng ta - thật ra mọi sự sống đều như nhau, theo quan điểm đó, không hề có cao hoặc thấp, bởi vì tổng thể đang hoạt động chung với nhau. Điều đó không làm thay đổi sự kiện rằng có thể có một số người mà nơi họ sự sống phát triển hơn, người đó sẽ có khả năng đưa ra sự trợ giúp lớn hơn, còn những người khác có thể chỉ có khả năng trợ giúp ở cấp thấp hơn; điểm đáng để ý là những người thấy rằng những gì mà họ có thể làm một cách có hiệu quả nhất, thường thường được gọi là công việc thấp kém, sẽ không bị xem là gây thất vọng tí nào, bởi vì họ cũng đang thúc đẩy cùng một bánh xe - họ đang giúp khai mở cùng một sự sống thiêng liêng.



CHƯƠNG 4

Qui Tắc 2 đến 4

2. Hãy diệt lòng ham sống.

(Kill out desire of life.)

Hãy tôn trọng sự sống như những kẻ ham sống.

(Respect life as those do who desire it).

A. Besant.- Chúng ta đã khảo sát câu cách ngôn này và câu kế tiếp đến một mức độ nào đó. Cùng các nguyên tắc tổng quát áp dụng cho việc diệt trừ tham vọng, tuy cách hành động giống như những kẻ còn tham vọng – cũng được áp dụng cho cả hai câu cách ngôn này. Vị đệ tử phải giữ sạch lòng ham muốn đối với đời sống cá nhân – tức là mọi việc vốn đem lại sinh lực cho phàm ngã và đáp ứng với sự hài lòng dục vọng cá nhân của đệ tử. Đệ tử phải không còn hân hoan trong cái vui là chỉ mở rộng sự sống riêng của mình bằng cách thu nhận vào sự sống đó ngày càng nhiều các sự vật ở ngoại giới.

Trên khắp thế gian, người ta bắt gặp biết bao người khao khát tìm kiếm một cuộc sống sung mãn hơn. Họ bám chặt nó bằng đủ thứ ham muốn, tranh chấp, đua tranh để có ngày càng nhiều mọi vật vốn kêu gọi những tưởng tượng cuồng nhiệt và bầm sinh của họ, qua đó họ mang lại vô vàn rắc rối cho cá nhân và cho xã hội. Nhưng vị đệ tử phải loại

bỏ cái ham muốn làm tăng thêm và mở rộng cuộc sống cá nhân và riêng rẽ của chính mình. Y phải tiến nhập vào Sự Sống cao siêu hơn, và chỉ mong muốn hiện diện ở bất cứ nơi nào trong vũ trụ mà y được cần đến vào bất cứ lúc nào với
 82 vai trò là một biểu lộ của sự sống duy nhất. Có nhiều điều cần làm trong vũ trụ này. Khi mọi ham muốn cho sự sống cá nhân đầy chia rẽ đã bị vượt qua, và mọi sở thích cá nhân biến mất, nhu cầu của thời đại sẽ hướng dẫn sự lựa chọn của con người tâm linh. Nơi đâu cần có sự giúp đỡ, thì nơi đó có công việc cho một linh hồn giải thoát như thế; linh hồn này chỉ muốn là một dụng cụ ở nơi nào dụng cụ đó được cần đến. Sự sống của y, đối với y, chỉ hữu ích và có giá trị khi nó trở thành một phần của Sự Sống Đại Đồng (Universal Life).

Người nào đã mất hết lòng ham sống, thì người đó đi đến một điểm nguy hiểm, người đó có thể xem sự sống như là không có giá trị đối với mọi người, bởi vì các sự vật đều tỏ ra không có giá trị đối với y. Y có thể có một thái độ coi thường đối với thế gian và huynh đệ của y. Y có thể xem thường và khinh miệt họ như những người ngu ngốc, có thể nói về họ với vẻ khinh khỉnh, và xem những động lực của họ là không có giá trị. Thái độ đó đối với họ là rất tự nhiên, nhưng đây nguy hiểm và về cơ bản là sai trái. Nó chứng tỏ rằng y đã không nhận thức được Chân Ngã, mặc dầu y có thể đã nhận thức được phi ngã (non-self) theo cách thông thường. Nếu y khinh thường bất cứ sự sống nào dù cho sự sống đó có kém phát triển đi nữa, đó là vì y quên rằng sự biểu lộ đó cũng là một phần của Ishvara, do đó, đối với y, thông điệp sau đây là cần thiết và khẩn cấp: “Hãy tôn trọng sự sống như những kẻ ham sống”.

Nếu y hỏi tại sao y phải tôn trọng sự sống, câu trả lời sẽ là: bởi vì sự sống vốn thiêng liêng. Đó là một giai đoạn mà Ishvara đang tác động vào đó, một giai đoạn mà đối với Ishvara hoàn toàn quan trọng như giai đoạn cao siêu mà y đang ở hiện giờ. Khi chúng ta nói đến cao và thấp, ấy là chúng ta nói theo quan điểm của tiến hóa và thời gian – các
 83 thay đổi liên tục tạo ra thời gian. Đó không phải là cách mà Ishvara nhìn vũ trụ của Ngài; đối với Ngài không có gì là lớn, mà cũng không có gì là nhỏ, không có gì đáng ghét, không có gì đáng yêu. Mọi vật đều ở vào một giai đoạn nào đó trên con đường mà tất cả đang vượt qua để đến cùng mục đích. Hình thể thấp kém cũng cần cho cơ tiến hóa như hình thể mà thường thường chúng ta gọi là cao siêu. Thế nên đệ tử không được rơi vào sự sai lầm là khinh miệt, và xem thường bất cứ sự sống nào, bởi vì nó đang ở vào giai đoạn mà chúng ta gọi là giai đoạn thấp của sự tiến hóa. Mỗi sự vật nơi vị trí của nó đều là đúng và tốt lành. Việc nhận thức được chân lý căn bản đó hàm ý là con người phải yêu thương đồng loại mình, phải học cách quan tâm đến họ như là một phần của Sự Sống Đại Đồng trong cơ tiến hóa.

Đành rằng một người ở vào một trình độ thấp thì đại khờ, ham vật dục, lười nhác, cực kỳ thiếu sự thu hút; nhưng việc thiếu sức thu hút của y nằm ở trong hình tướng chứ không phải trong Sự Sống. Chúng ta bị mù quáng bởi hình tướng. Vì lẽ chúng ta khinh rẻ người khác, chúng ta quay lưng với y, đó là một dấu hiệu tự cao của chúng ta, theo sau đó là một cảm giác tự tôn, nó gây ra sự khinh miệt. Nhưng sự thật là việc duy nhất mà chúng ta cao hơn chỉ là sự tiến hóa về hình tướng. Cái tinh hoa vẫn như nhau; các triển vọng của y ngang bằng với chúng ta, và nhìn từ trung tâm

thì y cũng như ta mà thôi. Người ở trên Thánh Đạo đều cố gắng thấy sự vật từ trung tâm cũng như từ ngoại vi. Do đó, y phải tôn trọng Sự Sống, và hiểu rằng Sự Sống của Ishvara là Sự Sống duy nhất; hình tướng là cái mà Thượng Đế chọn để biểu lộ trong đó trong một thời gian nào đó, và nếu hình tướng đó đủ tốt đẹp đối với Ishvara, thì nó cũng hoàn toàn đủ tốt đẹp đối với chúng ta.

84 Trong vũ trụ phải có hình tướng thuộc mọi trình độ phát triển. Không người nào là cao hoặc thấp; tất cả đều bằng nhau. Có sự dị biệt khi chúng ta đang ở trong diễn trình tiến hóa; nhưng không còn dị biệt nào khi chúng ta đã phát triển cao hơn sự tiến hóa đó. Khi chúng ta đã không còn quan tâm vào điều đó và gạt sang một bên mọi vấn đề về hình tướng và kết quả, bấy giờ chúng ta có thể tôn trọng Sự Sống trong mọi biểu lộ của nó.

Người tiến hóa chưa hoàn chỉnh còn bị ràng buộc bởi hình hài, thì sẵn sàng giúp đỡ những người tương đối gần với y và có thể đáp lại sự khó khăn của y. Người này sẽ không có khuynh hướng giúp đỡ những kẻ thấp kém bên dưới. Còn người giúp đỡ theo quan điểm của Ishvara thì giúp tất cả mọi người. Bốn phận của y là giúp đỡ họ bất kể họ ở nơi nào. Hoạt động của y sẽ là hoạt động của Ishvara. Y giúp đỡ những người mà y gặp, dù cho họ ở tầng lớp cao hoặc thấp, và y tôn trọng Sự Sống trong mỗi người và giúp đỡ bất cứ nơi nào cần đến sự giúp đỡ. Y không để cho chính mình bị bối rối vì sự kiện là tổng thể của Sự Sống không hiện hữu trong con người. Y biết rằng công việc của Ishvara được xúc tiến sao cho Sự Sống đó có thể diễn ra và y làm việc để đưa Sự Sống đó vào biểu lộ. Y không để cho bị dẫn lạc đường bởi việc nghĩ rằng mọi vật hiện hữu trong Chân Ngã.

Y làm việc cho sự biểu lộ, tôn trọng và yêu thương Sự Sống. Và như thế y hoàn toàn tránh được cái nguy hại của tính khinh miệt, nếu không tính này sẽ ngăn trở việc khai mở Sự Sống trong chính y bằng việc tạo ra bức tường chia rẽ.

85 Có một sự dị biệt rất lớn giữa cách nhìn Sự Sống của một thường nhân và của một người sống trong Vĩnh Cửu. Người sau nhìn thấy Sự Sống với đầy đủ tiềm năng của nó, những tiềm năng mà đối với y, vốn ở ngay trước mắt, cho dù chưa được phát triển; vì lẽ y sống trong Vĩnh Cửu, và khi Sự Sống được nhìn theo quan điểm đó, nó sẽ được thấy dưới cái
 mỹ lệ của sự hoàn mãn của Sự Sống. Thấp hơn trạng thái đó, chúng ta thấy Sự Sống chỉ trong một giai đoạn đặc biệt, trong thời gian chớ không ở trong Vĩnh Hằng, do đó chúng ta không tôn trọng nó như chúng ta phải làm. Nhưng linh hồn đã giải thoát, vốn sống trong Vĩnh Hằng (Eternity) nhìn thấy Sự Sống theo đúng bản chất của nó, và mặc dầu y nhìn thấy ở giai đoạn của một thời điểm đặc biệt lúc sự sống tiến đến đó, y không cảm thấy một sự ghê tởm nào, bởi vì y biết rằng giai đoạn đó hoàn toàn bình thường.

Kết quả thực tế của việc đó là một người càng ở vị trí cao thì y càng tỏ ra khoan dung với mọi Sự Sống, và lòng trắc ẩn với mọi người càng to lớn, vì lòng trắc ẩn đó đang tiến gần đến lòng trắc ẩn của chính Thượng Đế. Khi một người tiêu diệt lòng ham sống trong y, đó là sự ham muốn của bản ngã chia rẽ, và tuy thế lại tôn trọng Sự Sống như những người còn ham Sống, lúc đó y bắt đầu đạt được ý thức về sự Vĩnh Hằng, ý thức này giúp cho y tôn trọng Sự Sống dù cho sự sống đó có thể được biểu lộ theo bất luận cách nào. Lúc đó đối với y, bất luận sự khinh thường nào đối với kẻ thấp kém hơn y cũng không thể xảy ra. Y nhận biết

mỗi người theo đúng vị trí của người đó như là một biểu hiện của Sự Sống Hoàn Hảo.

C.W. Leadbeater.- Ở đây cũng như trong trường hợp của qui tắc trước, chúng ta có thể xét giáo lý ở hai trình độ khác nhau. Chắc chắn là kẻ mới học đạo (sơ cơ, beginner) phải diệt lòng ham sống loại cuộc sống bên ngoài hơn là loại khác, tất cả những cái quấy rầy tới công việc phải làm. Một người khi trở thành đệ tử của Đức Thầy, phải tuyệt đối sẵn sàng làm bất cứ gì gặp phải trên con đường của mình, đi đây đi đó, rồi bỏ cái này hay cái kia mà không hề xúc động. Nếu y nghĩ: “Tôi đang làm loại công việc này, và đang có hiệu quả, tôi muốn tiếp tục làm việc đó”. Y có thể đi tới chỗ bị hại bởi vì y trở nên tự phụ.

86 Giả dụ y bị gạt ra khỏi công việc mà y cảm thấy mình có khả năng đảm trách, và bị đặt vào một việc mới mẻ đối với y; y phải chấp nhận việc đó một cách hoàn toàn vui vẻ. Sự thay đổi này có thể xảy ra vì công việc khác này lại cần thiết hơn, hoặc vì đệ tử đã học làm được điều này rồi, bây giờ y phải học làm điều khác.

Hoàn toàn ở ngoài việc huấn luyện đặc biệt của đệ tử, chúng tôi thường thấy rằng các mãnh lực tiến hóa tác động theo cách đó. Mỗi người thích làm những gì mà y cảm thấy có thể làm một cách thành thạo, nhưng các lực tiến hóa cần/muốn (want) phát triển con người một cách toàn diện (all around), và rất thường khi các lực đó đưa y ra khỏi những gì mà y có thể làm và đặt y vào một việc khác mà y chưa quen làm, bởi vì các lực ấy muốn cho y phát triển một năng lực mới nào đó. Nếu lúc đầu y không thể làm việc đó, y phải cố làm cho đến khi nên việc. Đó là cách thức mà cơ tiến hóa tác động nói chung, đồng thời Chân Sư cũng áp dụng điều

đó vào việc huấn luyện các đệ tử của Ngài. Nếu các đệ tử có thể làm điều gì một cách trôi chảy, thì họ có thể được giữ ở việc đó trong một thời gian, nhưng sau đó hoàn toàn không ngờ trước, các đệ tử đó có thể được gửi sang làm một việc khác và họ phải hoàn toàn sẵn lòng để làm công việc khác đó. Thế nên, điều chắc chắn là, cái ưa thích đối với một lối sống hồng trần này nhiều hơn lối sống hồng trần khác cần phải được loại bỏ.

Ở trình độ cao, cũng một sự việc đó lại chính xác hơn đối với Sự sống của Chân Ngã, nếu nhìn lại các lần luân hồi trước, đệ tử sẽ biết được rằng Chân Ngã của mình đã noi theo một số đường lối nào đó, nhưng y đã phát triển một vài tính chất, và theo quan điểm của biệt ngã (individuality), y có thể thành thạo/ nổi bật (do well) theo các con đường này.

87 Y có thể bất ngờ tách rời khỏi các con đường đó. Biệt ngã, tức chân ngã (ego), phải chấp nhận những gì đến với nó trong tiến trình rèn luyện của nó, và ở đó chúng ta cũng phải loại bỏ bất cứ cảm nghĩ (feeling) rằng công việc này hoặc cách này đáng ưa thích hơn công việc khác hoặc cách khác. Chúng ta hiểu được đầy đủ điều này khi chúng ta gặp được người thuộc cung khác hoặc kiểu mẫu khác. Chúng ta cảm thấy rằng cung hoặc kiểu mẫu (type) của chúng ta là ưu tú nhất. Theo lý thuyết, chúng ta thừa nhận cung hoặc kiểu mẫu khác cũng gần như cung và kiểu mẫu của chính chúng ta, nhưng rất ít người trong chúng ta có thể thực sự cảm thấy thật lòng có thiện cảm với họ. Vậy nên, thí dụ một người đang làm việc theo hướng triết học hoặc khoa học, có thể thấy một chút khó chịu (trying) khi phải chuyển đổi các hoạt động của mình sang lãnh vực nghệ thuật hoặc phục vụ nghi lễ. Thật khó mà chuyển hướng sự đồng cảm (sympathies) của chúng

ta và để cho chúng tự do tuôn chảy theo đường hướng khác, nhưng đó là một trong các sự việc mà chúng ta phải học làm khi cần.

Ngay khi một người cảm nhận được sự hợp nhất, thì y có được cái nhìn vô tư đối với mọi vật. Thật vậy, đối với y, mọi đường hướng hoạt động lúc bấy giờ đều như nhau - không hẳn là y có thể dễ dàng và đủ khả năng nắm bắt/thông thạo (take up) mọi việc, nhưng y thấy rằng tất cả các đường lối đó đều dẫn đến cùng một điểm. Người kém tiến hóa không bao giờ hiểu được điều này. Y luôn luôn nghĩ rằng người đã đứng ở quan điểm cao siêu thì lạnh nhạt, cứng rắn và vô cảm; sở dĩ xảy ra như thế vì người tiến hóa thấp hay nghĩ về chính mình và ham muốn đủ thứ thỏa mãn cá nhân, trong khi người khác chỉ nghĩ đến công việc phải làm và đang đặt hết năng lực của mình vào đó. Một khi Thiên Cơ hé mở trên chân trời của con người; con người chỉ nhìn thấy ngoài Thiên Cơ đó ra, không còn điều gì khác, và dồn hết năng lực của mình vào đó, bất luận điều gì thuận tiện nhất cho công việc đó, y đều cố làm, cho dầu đối với chi tiết nhỏ nhất của đời sống hằng ngày.

88 Y nuôi lý tưởng rất cao xa ⁽¹⁾. Y đặt trước mắt mình các lý tưởng rất cao xa, vượt ngoài sự hiểu biết thông thường, và điều hoàn toàn không thể tránh khỏi là những người còn nhìn các sự vật theo quan điểm cá nhân sẽ hiểu sai về y. Nếu y đau khổ vì sự hiểu sai ấy, thì đó là vẫn còn một chút xú cá nhân trong đó; y vẫn còn muốn được cảm thông, dù rằng y phải từ bỏ điều đó. Y cũng phải từ bỏ cái hy vọng rằng các

¹ Nguyên văn: He hitches his wagon to a star (y buộc toa xe của y vào ngôi sao)

nỗ lực của y sẽ được đánh giá cao và nhận thức rằng dù cho có được đánh giá hay không, điều đó không có gì là quan trọng. Tất cả những gì quan trọng đó là công việc sẽ được thi hành. Nếu con người không mang cho chúng ta sự ngợi khen về công việc của chúng ta ư, điều đó chẳng có gì quan trọng; chỉ mong sao nó được thi hành càng hoàn hảo càng tốt. Chúng ta sẽ có được sự đánh giá của Chân Sư – chắc chắn là thế – nhưng dù vậy đó cũng không phải là lý do để chúng ta làm điều đó. Lý do của chúng ta để làm điều đó chính vì đó là công việc của Thượng Đế và vì chúng ta hợp nhất với Ngài, nên Ý chí của Ngài là ý chí chúng ta, những gì mà Ngài muốn làm chính là niềm vui cao nhất của chúng ta, và đặc ân dành cho chúng ta là cố gắng để làm.

Khi chúng ta hiểu được rằng mọi Sự Sống đều thiêng liêng, dĩ nhiên chúng ta sẽ tôn trọng mọi biểu lộ của Sự Sống đó. Chúng ta là kẻ chỉ thấy có một phần, nên chúng ta không luôn luôn tôn trọng sự sống dưới mọi hình thức của nó và dưới mọi biểu lộ của nó. Chúng ta thấy rằng có nhiều sự sống rất được ưa chuộng đối với chúng ta, và do đó có một khuynh hướng xem thường các biểu lộ đặc biệt này. Điều đó luôn luôn là một sai lầm. Chúng ta thấy rất nhiều sự vật chung quanh ta mà theo quan điểm của chúng ta đang diễn ra rất sai lầm và thường thường thực sai lầm. Mọi biểu hiện của tính ích kỷ và tham lam, dục vọng thiếu kiểm soát mà chúng ta thấy nhan nhản trên thế giới chắc chắn là sai trái, theo ý nghĩa này thì nó sẽ trở nên đẹp đẽ hơn nếu khác đi. Khi nghĩ thế thì chúng ta không lầm lạc chút nào, bởi vì đó là sự thật; nhưng khi chúng ta cho phép chính chúng ta khinh khi những người ở vào trình độ này, thì chúng ta đang đi quá quyền hạn. Tình trạng phát triển của họ giải thích cho

các biểu hiện này, và rất thường khi đó là các biểu hiện duy nhất có thể có đối với họ ở trình độ đó, và chính nhờ đó mà họ có thể học hỏi .

Khi thấy một người tỏ ra ích kỷ, tham lam và thiếu kiềm chế, chúng ta nói: “Thật là đáng thương hại!” Tuy nhiên đó chỉ là sự đáng tiếc theo cùng ý nghĩa là chúng ta có thể nói rằng đó là sự đáng tiếc cho đứa trẻ lên bốn, chưa trưởng thành. Nếu chúng ta để cho chính chúng ta thiếu kiềm chế, hay chúng ta tỏ ra tham lam và ích kỷ, chúng ta có thể cảm thấy khinh rẻ chính chúng ta, vì chúng ta biết thế nào là tốt lành, nhưng sẽ là điều sai trái khi đối xử với người khác như thế. Nếu dường như người này có thể làm được hay hơn, thì có lẽ y đã không nhân dịp này mà chọn lấy lợi thế, sau đó chúng ta sẽ cảm thấy ân hận cho y và cố giúp đỡ y khi có dịp, để thấy được khía cạnh tốt đẹp hơn, các năng lực cao siêu hơn, nhưng thật là lỗi lầm nặng nhất khi lánh xa y, mặc dầu chúng ta không thể luôn luôn ngăn được cảm giác tò mò đối với những điều mà y làm. Chẳng hạn, nếu một người có tật say sưa, đó là vì y đang ở trình độ đó. Y là linh hồn còn non trẻ, do đó y chịu khuất phục trước cám dỗ loại đó, thay vì chống lại nó như y phải làm. Có lẽ trong nhiều trường hợp y có cố gắng chống lại, nhưng đã thất bại. Tất cả những gì mà chúng ta có thể làm để giúp y là triệt để và hoàn toàn để cho y tùy nghi, nhưng chúng ta đừng nên lộ vẻ ghê tởm đối với y. Đó là ý tưởng cổ xưa của Cơ Đốc giáo; chúng ta có thể ghét tội lỗi, nhưng chúng ta phải thương xót kẻ phạm tội, nói cách khác, chúng ta còn làm điều xấu tệ hơn y nếu chúng ta mất ý thức về tình huynh đệ và hủy diệt năng lực giúp đỡ của chúng ta.

Sự Sống duy nhất ở đằng sau vạn vật, chúng ta phải tôn trọng nó, cho dù nó ở trong các biểu hiện mà chúng ta không ưa và cảm thấy là nằm ngoài ý muốn. Chúng ta đừng quên rằng Sự Sống vốn thiêng liêng. Thật khó mà nhớ rằng đôi khi các sự việc được làm rất là bất kính; tuy nhiên chúng ta phải cố gắng. Đó là ý tưởng cổ xưa về Sự Sống ẩn tàng, được truyền dạy cho chúng ta trong các Bí Pháp Ai Cập cách đây hàng ngàn năm. Sự Sống ẩn tàng vốn ở trong mọi người, tuy nhiên nó bị chôn kín và ít lộ ra ngoài, chúng ta luôn luôn nhớ rằng nó vốn ở đó, cho dù chúng ta không thể thấy nó. Ánh sáng ẩn tàng ở trong chúng ta không thể chiếu lên và đánh thức ánh sáng ẩn tàng nơi kẻ khác tức khắc, nhưng nếu chúng ta có đủ kiên nhẫn và đủ mạnh mẽ, chúng ta sẽ gọi được đáp ứng vào một lúc nào đó và bằng cách này hay cách khác. Trong thời nay, chúng ta trình bày giáo lý bằng các thuật ngữ hơi khác, nhưng chân lý ngày nay cũng giống như thời đó.

Người sống trong Vĩnh Hằng sẽ nhìn thấy những gì thuộc tương lai cũng giống như những gì có trong hiện tại, và khi nhìn thấy một biểu lộ của Sự Sống cực kỳ bất hảo, người đó sẽ nói: “Đúng rồi, hiện giờ theo quan điểm thời gian, cái mà tôi thấy quả là quá tệ: một biểu lộ thấp kém và không có giá trị; nhưng Sự Sống thiêng liêng trong đó sẽ nở rộ sau này”.

Nhiều người không hình dung được một vật hiện tại có tính chất rất hão huyền ra sao. Ngay lúc chúng ta vừa nghĩ đến nó đã vượt qua ngay. Chúng ta nói: “Một điều gì đó đang xảy ra hiện nay”, và trong khi chúng ta đang thốt ra các lời đó, thì cái sát-na (moment) hiện tại đã trở thành quá khứ mất rồi. Thực ra không có thời gian nào như thế được xem là

hiện tại; đó là một loại tình huống mong manh (kind of knife-edge) giữa quá khứ và tương lai; đó chỉ là một thuật ngữ mà chúng ta dùng vì tiện lợi thể thôi – chính sự vật lại thay đổi theo mỗi sát-na (second of time, thời gian cực kỳ ngắn). Chúng ta phải hiểu tương lai thành hiện tại và xem những gì sẽ trở thành. Nếu chúng ta có thể chỉ từ bỏ các thể (bodies) và các bộ óc này trong một sát-na để thâm nhập vào một sự sống hoàn toàn cao siêu hơn, rồi nhìn xuống, chúng ta sẽ hiểu vấn đề một cách chính xác. Chúng ta sẽ thấy rằng bằng cách nghĩ đến tương lai đó, chúng ta làm cho nó có thể đạt đến hiện tại một cách dễ dàng hơn. Nếu chúng ta nhìn thấy một người đã phạm tội và nghĩ đến tội lỗi của y, thì chúng ta càng buộc chặt tội lỗi ấy vào y, nhưng nếu chúng ta thấy y và nghĩ đến tương lai, lúc mà y đã thoát ra khỏi tội lỗi ấy, thế là chúng ta đã mở lối cho tương lai đó đối với y, và đưa tương lai đó đến trong tâm của y hơn.

3. Hãy diệt lòng ham muốn tiện nghi.

Nhưng hãy vui sướng như những kẻ sống để hưởng vui sướng.

A. Besant.- Trong các giai đoạn phát triển ban đầu, con người đặt hết các cố gắng của mình nơi bộ óc và xác thân để đạt được phương tiện vốn sẽ làm cho y thoải mái; sự ham muốn tiện nghi tạo thành động cơ của đa số nhân loại. Đó là một tác nhân kích thích rất hữu ích để đem lại một vài tính chất của con người. Nó dạy cho con người rằng con người phải kiểm chế xác thân của mình, rằng con người phải chế ngự phạm ngã của mình, và con người cũng phải phát triển

các thể của mình, sao cho chúng có thể giúp xúc tiến các mục tiêu của y, là vui hưởng tiện nghi trong chúng.

92 Việc ham tiện nghi dần dần biến mất khi các sự việc vốn thu hút con người ngày càng lên cao trên thang tiến hóa. Một người có thể giữ sạch các ham muốn về tiện nghi xác thân và vui thích trần tục bằng cách đưa sự quan tâm của mình vào đời sống tinh thần. Trước tiên sẽ có một ý thức cố gắng, một cảm nhận đau khổ, mất mát nào đó; nhưng con người thích các thú vui tinh thần hơn là các lạc thú vật chất, bởi vì y biết rằng các lạc thú tinh thần sẽ kéo dài hơn. Kế đó, khi y thực hành sự trì giới, y thấy rằng cảm giác mất mát trở nên ngày càng ít đi, trong khi các nỗi vui của tinh thần ngày càng thu hút y, cho đến khi các ham muốn thấp kém không còn thu hút y chút nào nữa.

Trước tiên có sự chủ tâm trì giới ở mỗi giai đoạn, và kế đó đến lượt đối tượng vật chất của dục vọng mất hết mãnh lực thu hút. Sau đó, cùng một thay đổi sẽ đến liên quan đến các thú vui của trí tuệ. Khi con người ngưỡng vọng đến sự sống tinh thần (spiritual life), thì sự thu hút lớn lao của y đối với đối tượng về trí tuệ sẽ dần dần giảm bớt và y sẽ ngày càng ít bị thu hút bởi sự vui thích của mãnh lực trí tuệ mạnh mẽ; bản thân y sẽ tự kiềm chế các thú vui trí tuệ và vui thích với các thú vui về tinh thần; y sẽ tự rút ra khỏi trí tuệ và trụ tâm thức của mình trên cảnh giới tinh thần (spiritual level).

Sự hủy diệt lòng ưa thích tiện nghi cũng đưa tới nguy cơ của nó. Đây là nguy cơ lớn thứ ba. Nguy cơ thứ nhất là sự không hoạt động, nguy cơ thứ nhì là sự khinh rẻ, nguy cơ thứ ba là khuynh hướng không hạnh phúc, nhưng vừa là không hạnh phúc mà cũng vừa không phải là bất hạnh, không phải điều này mà cũng không phải điều kia.

Làm thế nào con người sẽ trở nên hạnh phúc? Câu trả lời là: bằng cách nhận thức rằng Chân Ngã vốn toàn phúc (bliss). Kinh Brahma Sutra giảng rằng Brahman (¹) vốn Toàn Phúc, Brahman là Ananda. Bây giờ con người phải hiểu ra điều này. Y không còn bị xúc động bởi niềm vui, mà cũng không bởi đau khổ nữa. Chúng nó đã ngừng thu hút y; chúng đến từ sự tiếp xúc giữa các hình tướng, nhưng y đã đạt đến sự quân bình. Do y có thể chìm đắm vào tình trạng không hạnh phúc mà cũng không là bất hạnh. Nhưng y phải học cách hạnh phúc như những người sống để hưởng hạnh phúc.

Đó là sự toàn phúc (bliss) của Chân Ngã, cái toàn phúc vĩnh cửu sâu xa, cảm giác hài lòng và hân hoan, vốn là một phần chủ yếu của sự sống tâm linh, và là phần khó nhận thức nhất của sự sống đó trong tâm thức. Đó là một thực tế rất rõ rệt về các Đại Bí Nhiệm và các Đấng Cứu Thế của con người, mà khía cạnh đau khổ đã tự lộ rõ rất nhiều trong cuộc đời của các Ngài. Đức Jesus là một người đau khổ. Đức Gautama, tức Phật Thích Ca, đã rời bỏ cung điện vàng son, và các vườn tược huy hoàng cùng các bạn hữu thân thương

¹ Brahma hay Brahman là Bản Nguyên vô ngã, tối cao và không thể nhận biết được của Vũ Trụ (the impersonal, supreme and uncognizable Principle of the Universe) từ tinh hoa của Bản Nguyên đó xuất phát ra vạn vật và vạn vật lại trở về đó, Bản Nguyên đó vốn vô hình thể (incorporeal), phi vật chất (immaterial), tự sinh tự tại (unborn), vĩnh hằng (eternal), vô thủy (beginningless) và vô chung (endless). Bản Nguyên đó thẩm nhuận vạn vật, làm linh hoạt vị thần cao cả nhất cũng như nguyên tử chất khoáng nhỏ nhất. (*The Theosophical Glossary*, 1971, H.P.Blavatsky, trang 62).

của Ngài để tìm phương thuốc chữa nỗi đau khổ của thế gian. Điều đó cũng đúng khi chúng ta xem lại kiếp sống của tất cả các nhà lãnh đạo lớn của nhân loại. Phiền não tác động vào họ rất sâu xa. Nhưng họ không bị khuất phục bởi phiền não. Nơi những người này có một niềm vui vĩnh cửu, còn nỗi đau khổ bị phóng đại nhiều lên bởi người chỉ nhìn họ từ bên ngoài. Khi nỗi khổ đau lượn lờ bên trên họ, khi nỗi lo âu, buồn phiền, sầu muộn và thống khổ thi nhau trút xuống họ từ mọi hướng, đương nhiên họ bị con người xét đoán là rất sầu khổ. Nhưng điều đó không xảy ra. Họ không bị lo lắng, bị quấy rầy hoặc bị buồn phiền bởi các sự việc này, tuy nhiên họ có thể chú tâm nhiều vào các điều đó, và có thể làm bất cứ điều gì xét ra cần thiết cho thế gian. Dưới tất cả những điều đó là một tâm an bình. Do đó, bạn luôn luôn thấy họ nói: “Tôi vẫn an lạc” (“My peace remaineth”).

94 Vị đệ tử cảm nhận được nỗi khổ đau của thế gian. Y không thể tránh khỏi điều đó. Đau khổ hắt bóng lên y – một cái bóng không thể nào né tránh. Toàn thể nỗi đau của thế gian phải có tiếng vọng nơi đệ tử. Đệ tử cảm thấy khổ đau, và liên tục cảm thấy thương xót đối với kẻ vô minh và người đau khổ, đối với sự phản kháng và nổi loạn của họ. Ở vào giai đoạn mà chúng ta đang xem xét, quả là có nguy cơ cho y – đó là y có thể không còn cảm thông đối với người khác; lúc bấy giờ, một cách tương xứng, khi y không còn cảm thông thì y mất đi tính hữu dụng. Các Đấng Cao Cả cảm thấy sự thương xót đầy bất lực đối với những người còn ở dưới ảnh hưởng của karma; thương xót bởi vì bản thân các Ngài không có khả năng để giúp họ, vì có những nơi mà các Ngài không thể giúp được, nơi mà chính con người phải trải qua các kinh nghiệm của họ. Mặc dầu hiểu biết là như thế, và

mặc dầu các Ngài tuyệt đối hài lòng với Thiên Luật, các Ngài đang đứng sang một bên và quán sát Thiên Luật vận hành; vẫn còn có sự đau khổ và cảm thông này – là sự thương xót, vốn chứa trong nó một yếu tố phiền muộn nào đó.

Điều đó sẽ luôn luôn tồn tại dưới hình thức đại loại như cái bóng. Khi mất đi năng lực đồng cảm, con người sẽ mất luôn năng lực giúp đỡ. Ngay khi sự sống của y tuôn đổ vào kẻ vô minh, y cảm nhận được niềm vui và nỗi khổ của kẻ vô minh này, và y làm nhẹ nỗi đau của những người này bằng cách tự mình cảm nhận nỗi đau đó.

Với mọi điều này đang đè nặng lên mình, vị đệ tử bao giờ cũng cần nhớ rằng Chân Ngã vốn toàn phúc. Y phải giữ cho tâm luôn an lạc, phải cố tâm vun bồi trong chính mình cái tinh thần hài lòng và vui sướng. Để làm được điều này, một mặt phải thực hành thiền định về sự toàn phúc thiêng liêng – sự toàn phúc thâm sâu, mạnh mẽ, không bất cứ điều gì thuộc cõi trần này sánh bằng, bởi vì đó chính là tinh hoa và bản thể của Chân Ngã. Con người chỉ có thể phát triển 95 trạng thái đó bằng cách quyết tâm vun trồng niềm vui và sự hài lòng, và bằng cách xem xét thế gian và nhận thức rằng điều xấu xa chỉ là vô minh (avidya), kém sáng suốt (unwisdom). Ở giữa những phiền não, y phải giữ vui vẻ, y phải tự nhủ rằng đau khổ chỉ nằm trong hiện thể (vehicle), trong khi sự sống bao giờ cũng là niềm vui.

C.W. Leadbeater.- Qui tắc này không có nghĩa là con người không thể hưởng tiện nghi thoải mái, mặc dầu nhiều người hiểu theo nghĩa đó. Các yogis, các ẩn sĩ và tu sĩ, đã hiểu các phát biểu tương tự trong các kinh sách khác nhau theo cách đó, nhưng đó là điều hoàn toàn sai lầm và đại dột. Thời

Trung Cổ ⁽¹⁾ tu sĩ tu khổ hạnh chỉ mặc áo vải thô; còn các yogis ở Ấn Độ ngồi trên bàn chông và ngủ giữa các vòng lửa trong thời tiết nóng bức, tất cả đều nhắm tới mục đích làm cho chính mình không còn sung sướng. Đó là kết quả của việc chọn một đoạn văn, rồi diễn giải quá lố. Kinh Bhagavad Gita có giảng cụ thể rằng kẻ nào hành hạ thể xác (của mình – ND) tức là hành hạ Đấng Thiêng Liêng (Divine One) ngự trong thân xác đó, và con đường của họ không phải là con đường tiến hóa (XVII, 6).

Thế nên qui tắc này không hàm ý rằng chúng ta không được phép hưởng tiện nghi, mà chỉ có nghĩa là chúng ta đừng bao giờ để cho lòng ham muốn tiện nghi cản trở bất cứ công việc nào mà chúng ta phải làm. Nếu làm những gì cần phải làm mà chúng ta có gặp phải nỗi bất tiện lớn lao, chúng ta cũng đừng vì lý do đó mà kiềm chế không làm nữa.

Tự làm cho mình thiếu tiện nghi một cách không cần thiết, đó là ta chỉ đặt nỗi khó khăn trên đường đi của chúng ta. Người ta nói nhiều về lợi ích của đau khổ và mức độ mà sự tiến bộ được tạo ra nhờ nó; nhưng nếu chúng ta nhìn vào các sự kiện khách quan, chúng ta sẽ tìm ra rằng sự tiến bộ được tạo ra sau khi đau khổ qua đi. Không phải chính sự đau khổ thực sự mới gây ra tiến bộ, mà trong nhiều trường hợp nó gọi lên cho một người nào đó các tình trạng mà trong trường hợp khác y không đủ sức chú ý. Đôi khi sự đau khổ loại bỏ ra khỏi y các tính chất làm cho sự tiến bộ trở thành khó khăn cho y, nhưng chỉ sau khi đau khổ qua đi sự tiến bộ

¹ Thời Trung Cổ (Middle Ages): một giai đoạn của lịch sử Âu Châu, kéo dài từ lúc biến mất Đế Quốc La Mã (năm 476) đến lúc sụp đổ thành Constantinople (1453). (Tự Điển Larousse 1994).

mới xảy ra, bởi vì chỉ lúc bấy giờ, y mới ở vào một trạng thái tâm trí thích hợp để quan tâm tới các sự việc cao siêu.

Chúng ta không nên nghĩ rằng sẽ có được đức tính nào đó khi chính chúng ta không hưởng tiện nghi. Trái lại, khi xác thân được thư thái, chúng ta có khả năng nghĩ đến các sự việc cao siêu dễ hơn nhiều. Tuy nhiên, tôi biết có nhiều người vẫn cố chấp làm như thế. Thí dụ ở Ấn Độ, nơi mà sự tham thiền được hiểu đúng nhất, họ có thói quen ngồi kiết già (¹). Tôi được biết một số đông người da trắng, họ rất mệt mỏi và thậm chí đau đớn nửa khi cố gắng noi theo tập tục Ấn Độ trong lúc tham thiền, họ không biết rằng đó chỉ là tiểu tiết bên ngoài, người Ấn Độ chấp nhận được tư thế đó bởi vì họ đã quen với nó từ khi còn thơ ấu. Tư thế đó rất là vô ích đối với người không quen với nó, tự ép mình vào một tư thế không dễ chịu như thế thật là một điều thiếu khôn ngoan. Chỉ dẫn của đạo sư Patanjali là hãy chọn một tư thế “thoải mái và dễ chịu” (“easy and pleasant”).

Có hai mục tiêu liên quan đến vị thế của cơ thể trong khi tham thiền. Mục tiêu thứ nhất là nên giữ cho thư thái (comfortable), sao cho người ta có thể dễ dàng quên mất thân mình, vì đó là những gì người ta cần làm. Thứ hai có thể là nếu trong lúc tham thiền, chúng ta lìa xa thể xác – điều này có thể xảy ra bất cứ lúc nào – sẽ không làm tổn thương cho thể xác. Trong trường hợp như thế hậu quả trên thể xác sẽ là

¹ Ngồi kiết già hay kết già phu tọa, tức là ngồi xếp bằng (sit crosslegged), chia làm 2 loại: Hàng ma tọa và kiết tường tọa. Đức Phật ngồi theo kiểu kiết tường tọa, tức là ngón chân trái ép vào bắp vế mặt, ngón chân mặt ép vào bắp vế trái, hai bàn chân để trở lên trên hai bắp vế, tay bắt ấn hàng ma.

(*Phật Học Từ Điển*, tập nhì, trang 99. Đoàn Trung Còn)

97 giống như ngất xỉu. Người Ấn Độ thường ngồi trên sàn nhà, nên chỉ ngã ngửa ra sau, do đó, không có gì hại. Khi tham thiền, chúng ta nên đề phòng, bằng cách ngồi trong ghế bành, để cho không té khỏi ghế, nếu thân xác mất tri giác. Tư thế nằm không được thuận tiện nếu nó làm tăng khuynh hướng ngủ.

Có các niềm vui của tình cảm và trí tuệ, nhiều người coi thường ý tưởng cho rằng tiện nghi về xác thân không quan trọng đối với họ chút nào, tuy thế họ thấy cực kỳ bất hạnh khi họ không thoả mái về mặt tình cảm, đó là khi họ tưởng tượng rằng họ không nhận được sự đáp ứng xứng đáng với các tình cảm (emotions) của họ. Nhiều người có đầy tình cảm đau khổ và mong thế giới còn lại cũng bị như thế, và họ bị tổn thương nhiều vì thấy thế giới không bị tổn thương. Họ tuôn đổ cái mà họ gọi là tình thương, nhưng nó thường nhuộm màu ích kỷ. Họ tạo ra đủ thứ xáo trộn và thậm chí họ làm những điều có hại cho những người mà họ thú nhận là thương mến, tất cả chỉ vì điều mà họ gọi là sự báo đáp cho tình thương của họ. Họ không hiểu rằng có nhiều loại tình thương khác nhau, và có lẽ không thể có người quan tâm đến việc báo đáp tình thương đó theo cách riêng biệt của họ. Sự khó khăn này xuất phát từ sự cố chấp của lòng ham muốn có sự thuận tiện về tình cảm, vốn sẽ không bao giờ cho phép can dự vào sự tiến hóa riêng của chúng ta hoặc sự tiến hóa của người mà ta thương mến.

Cũng có sự tiện nghi về trí tuệ. Nhiều người cứ muốn những kẻ khác phải nghĩ tưởng một cách chính xác như là họ nghĩ tưởng vậy, cho nên họ có thể dựa vào sự thỏa mãn về mặt trí tuệ, mà không có xáo trộn. Chúng ta luôn luôn đối mặt với khó khăn đó. Thí dụ có một thanh niên có triển vọng

98 rất nhiều về Minh Triết Thiêng Liêng, anh ta muốn gia nhập Hội, nhưng cha mẹ anh ta phản kháng dữ dội. Họ không thấy thư thái về mặt trí tuệ nữa nếu họ nghĩ rằng con cái họ, trai hoặc gái cũng thế, chấp nhận một đường lối mà họ không thể chia sẻ. Họ tin chắc rằng họ có lý và rằng không thể có một minh triết thực sự nào nằm ngoài các giới hạn của các ý kiến riêng biệt của họ. Do đó nếu có đứa con nào nghĩ khác với họ, thì họ rất bị xúc phạm, họ không nhận thức được sự thật rằng khi một Chân Ngã tình cờ được sinh vào trong gia đình của họ thì không nhất thiết có nghĩa là linh hồn đó có cùng tính tình như chính họ.

Mỗi linh hồn đều có con đường riêng, năng lực hiểu biết chân lý riêng của mình; linh hồn phải nhận thức điều đó theo đường lối riêng của mình. Đối với những người khác, cố ép buộc linh hồn đó chọn theo đường lối của họ, là một sai lầm; toàn thể Nội Ngã (inner Self) sẽ phản kháng chống lại điều đó. Trong hàng trăm trường hợp, khi trẻ con bị ép buộc về mặt trí tuệ như thế, hậu quả là chúng rời bỏ hoàn toàn các niềm tin của cha mẹ chúng. Chẳng hạn, nhiều khi con của một giáo sĩ kết thúc bằng cách trở thành một kẻ vô thần, vì cha và mẹ, do kém khôn ngoan, đã cố ép đứa trẻ suy tư theo đường lối của họ. Cái hại này xảy ra chỉ vì chính cha mẹ muốn được thuận tiện (comfortable) về mặt trí tuệ.

Đệ tử phải luôn luôn thận trọng đối với cái ưa thích của mình, đó là được thoải mái về mặt tình cảm hoặc về mặt trí tuệ, mà không làm cho mình can dự đến quyền lợi của người khác và không để cho việc đó cản trở bốn phận hoặc cản trở sự trợ giúp mà y có thể đưa ra.

Điều thiết yếu là chúng ta nên hưởng hạnh phúc, như Đức Chohan nói ở đây, mặc dù chắc chắn là chúng ta không

99 sống vì hạnh phúc. Tôi nghĩ nhiều người quên mất cái bổn phận hưởng hạnh phúc. Họ không xem đó như là một bổn phận, mặc dầu chính đó là cái được nhấn mạnh nhiều nhất. Đó là một phần cần thiết của tiến bộ. Người nào luôn luôn sầu muộn và nản chí về những gì đang xảy ra thì không tiến hóa được, tốt hơn hết là y nên hiểu được điều đó. Như tôi có nói trước đây, điều cần thiết là chúng ta phải trở nên ngày càng nhạy cảm, bởi vì nếu chúng ta không tự đưa chúng ta tới tình trạng đó, thì chúng ta không thể đáp ứng ngay với dấu hiệu tinh tế nhất của Chân Sư. Nỗi khó khăn không thể chối cãi là phải rất nhạy cảm, đồng thời cực kỳ hạnh phúc, tuy nhiên đó là điều mà chúng ta phải đạt cho được. Có rất nhiều điều kêu gọi đến lòng thiện cảm sâu xa nhất, và thật là điều khó khăn khi bày tỏ thiện cảm với người đang đau khổ mà không đồng thời cũng cảm thấy đau khổ. Tuy nhiên, như tôi đã giải thích, Đức Thầy có lòng thiện cảm hơn xa chúng ta, nhưng chắc chắn là Ngài không cảm thấy sự phiền não theo đúng nghĩa.

Đau khổ và phiền não có thể giảm thiểu rất nhiều nếu những người mà ngày nay đang hứng chịu phiền não và đau khổ đó, đã sống hoàn toàn khác hẳn trong các kiếp trước, có lẽ nhiều ngàn năm cách đây, nhưng xét vì họ đã lỡ sống như thế rồi, những gì mà hiện nay đang xảy đến cho họ lại là cái hay nhất có thể xảy đến cho sự tiến hóa của họ. Chúng ta không thể ngăn được buồn phiền trước tình huống không mấy tốt đẹp đó, nhưng nỗi buồn phiền của chúng ta không vì những gì đang xảy ra ngày nay, mà vì những sự kiện trước kia làm cho sự kiện hiện thời trở nên cần thiết. Có lẽ điều đó có vẻ hơi lạnh lùng, nhạt nhẽo, nhưng khi chúng ta hiểu một cách rõ ràng hơn làm thế nào mà quả chính là một

phần của nhân, thì chúng ta có thể thấy rằng những gì đang xảy ra hiện tại, thật sự là một phần của các nguyên nhân mà 100 chính con người đã phát động từ lâu, và điều đó không thể nào khác hơn được trong khi mà định luật thiên liêng về nhân và quả đang tác động.

Ngày nay mọi đau khổ này chỉ có thể được sửa đổi bằng cách đem vào các lực mới. Đôi khi chúng ta có thể làm giảm nhẹ phiền não và đau khổ đến một mức độ nào đó. Khi làm như thế, tuyệt nhiên chúng ta không hủy bỏ sự tác động của thiên luật, không một lý do gì mà mọi vật lại không chuyển dịch hài hòa với thiên luật đó, nhưng có điều là chúng ta đưa vào một luật mới, lực này cũng đến trong vòng vận hành của định luật thiên liêng trên và làm dịu đi nhiều, nếu không muốn nói là có hiệu quả lên những gì xảy ra trước đó. Nhưng mặc dù có thể đôi khi làm nhẹ và trợ giúp, như tôi có giải thích trước đây, rất khó cho nhiều người trong chúng ta luôn luôn có được thái độ hoàn toàn đồng cảm và tuy thế nhận biết được cái cần thiết của đau khổ, mặc dầu chúng ta có thể làm điều đó hoàn toàn khéo léo trong vài sự việc. Giả sử có một người bạn rất thân với chúng ta phải trải qua một cuộc giải phẫu. Dĩ nhiên chúng ta lấy làm tiếc rằng sự việc diễn ra như thế; nhưng điều đó không xảy ra cho chúng ta, khi nói rằng lẽ ra nó đừng nên xảy ra như thế, bởi vì chúng ta biết rằng cuộc giải phẫu là dự kiến làm điều tốt đẹp và chúng ta tin rằng kết quả sẽ là việc cải thiện sức khỏe người bạn. Do đó, dù có hối tiếc và lo lắng đi nữa, chúng ta cũng xem đó là cơ may, một sự cần thiết đáng tiếc. Mọi phiền não và đau khổ đều không đáng kể, vì giải phẫu là để loại bỏ khối u nguy hiểm.

Nhiều phiền não trên đời có thể tránh được, bởi vì một phần lớn phiền não đó không đến từ quá khứ mà là hậu quả của sự đại đột hiện tại của con người. Họ xem xét các sự việc theo một cách thức sai lầm. Thí dụ chúng ta thường để cho
 101 chính chúng ta bị khó chịu, hoặc bị xúc phạm hay lo lắng. Đó không phải là karma của quá khứ. Trong nhiều trường hợp, bảy phần tám nỗi khó khăn (trouble) đến với con người không phải từ bên ngoài chút nào, nó hoàn toàn do cách mà họ thu thập kinh nghiệm cho họ. Karma đến với chúng ta từ bên ngoài chỉ có một số nhỏ thôi, nhưng chúng ta phóng đại nó nhiều lên; đó là lỗi lầm hiện tại của chúng ta, và điều đó có thể được cứu vãn.

Đa số những người sống vì hạnh phúc, đều tìm cách đạt cho được hạnh phúc đó bằng nhiều cách khác nhau: bằng cách bao quanh chính họ bằng những người mà họ cảm thấy hạnh phúc khi gần gũi, bằng cách đi đến nơi mà họ mong tìm được niềm vui vv... Điều đó vị đệ tử đừng nên làm, vì đệ tử nên tìm cách có được hạnh phúc hoàn toàn ngay trong chính mình, mà không màng tới các tình huống đặc biệt bên ngoài. Đó là điều khó cho chúng ta, bởi vì, qua nhiều kiếp sống, chúng ta đã có rất nhiều các hoạt động thể thao thuộc đủ trường hợp. Nếu chúng ta quan sát con người, chúng ta sẽ thấy rằng đa số những người này đều vẫn còn ở trong tình trạng đó. Đa số con người trên thế gian đều rất ít cố gắng để thay đổi tình trạng mà họ đang ở trong đó. Nếu họ thấy chính họ bị thất vọng hoặc dễ dàng bị xúc phạm, và do đó không hạnh phúc, họ sẽ bắt đầu làm việc để thay đổi các tình trạng này. Thay vì làm điều đó, họ lại phàn nàn về những người xúc phạm đến họ, và nói rằng hoàn toàn không thể thân thiện với những người như thế. Tuy nhiên có lẽ những

102

người này rất giống với phần còn lại của thế giới. Hạnh phúc của chúng ta tùy thuộc vào những người này được chọn như thế nào, dựa vào cách hành xử của ta so với cách hành xử của họ. Nếu việc nghiên cứu huyền linh học của chúng ta có đem lại bất cứ kết quả nào, chúng ta sẽ nói: “Tôi không quan tâm đến ý kiến/ lập trường (position) nào mà họ chọn; đó là công việc của họ, không phải của tôi. Công việc của tôi là thận trọng để tôi không xúc phạm và quấy rầy ai, để cho tôi giữ được trạng thái an tĩnh, mặc cho những người khác có làm hoặc nghĩ thế nào”.

Người ta có thể nói rằng, thật rất khó làm điều đó nếu những người khác gây sự hoặc xúc phạm. Nhưng phải chăng điều hiển nhiên là hậu quả tạo ra bởi thái độ xúc phạm hoặc gây sự tùy thuộc vào cách mà theo đó nó được đáp ứng? Nếu chúng ta để cho chính chúng ta bị nó tác động, thì một số lớn xáo trộn được tạo ra. Về phía chúng ta, chúng ta cũng lộ ra một cái gì đó có cùng bản chất và trước mắt kẻ bàng quan, dường như một số việc gây gổ được chứng minh là hợp lý. Nhưng nếu chúng ta hoàn toàn điềm tĩnh, thì người lăng mạ chúng ta lại ở vào tình huống sai trái và người ngoại cuộc có thể thấy rằng chúng ta không sai trái. Dĩ nhiên, chúng ta sẽ không giữ điềm tĩnh để có vẻ như là mình đúng, nhưng chúng ta sẽ chấp nhận một thái độ thản nhiên, bởi vì chúng ta không cảm thấy rằng các công kích này để tấn công chúng ta hay là để quấy rầy chúng ta, và như thế chúng ta có thể được hạnh phúc.

Đó dường như là một là một loại hạnh phúc tiêu cực, để tránh đau khổ hoặc sầu muộn. Chúng ta có thể làm được nhiều hơn thế. Chúng ta là những kẻ đang cố gắng sống theo các châm ngôn của huyền học - tức là các đạo sinh có cuộc

sống nội tâm - nên chúng ta phải làm một điều gì đó trong công việc của thế gian. Chắc chắn rằng không một ai có thể thấy được Thiên Cơ của Thượng Đế, và công việc cần phải làm để xúc tiến Thiên Cơ đó, mà không cố gắng làm tối đa theo khả năng của y, và sự kiện mà y lao mình vào công việc đó đã làm cho con người bận rộn và có hạnh phúc. Chúng ta sẽ không có thì giờ để buồn nản, không còn thì giờ để lo lắng về những sự việc bên ngoài nữa. Nếu chúng ta lúc nào cũng bận việc tuôn đổ ra tư tưởng lành mạnh, đưa ra các ước vọng mạnh mẽ, các làn sóng thiện chí cho tất cả mọi người chung quanh ta, thì chúng ta bận rộn suốt ngày và tìm thấy hạnh phúc trong chính việc đó.

Thật đáng buồn khi thấy cách mà những người chung quanh chúng ta luôn luôn nói về những chuyện làm “để qua thì giờ” (“to pass the time”). Họ làm điều này hoặc điều nọ để cho có việc làm cho qua ngày thế thôi. Thật là vừa buồn cười vừa đáng thương, bởi vì cõi đời này đầy các cơ hội để làm những hành động tốt lành và cao quý mà những người này thậm chí không tìm được dịp nào. Họ chỉ cố tìm cách này hoặc cách khác để tiêu khiển cho qua thì giờ, thật là một thái độ kỳ lạ.

Đạo sinh huyền học thấy mình không có đủ thì giờ để làm tất cả những gì mà mình muốn làm. Thật ra tất cả những ai muốn làm việc thì bị tràn ngập với công việc, luôn luôn có nhiều việc phải làm hơn là năng lực họ có thể đảm đương. Bà Besant làm việc không biết mệt từ sáng sớm đến tận khuya mà không nghỉ, quan niệm của bà rất khác với quan niệm của kẻ thường nhân về công việc. Một số người đang kinh doanh chắc chắn là bận bịu hết cả thời gian, nhưng hầu hết quan niệm của con người về công việc là làm một ít rồi nghỉ

ngoi, kể đó làm việc lại và trải qua một ít thời gian về việc đó. Họ gọi đó là làm việc rất chăm chỉ. Đó không phải là cách bà Besant làm việc. Trong khi bà lắng nghe câu chuyện mà người ta kể với bà, bà sẽ tiếp tục viết và vẫn biết rõ mọi lời mà người ta nói với bà, đến lúc kết thúc câu chuyện, bà sẵn sàng đưa ra sự trợ giúp hoặc lời khuyên.

104 Bà không để mất phút giây ngắn ngủi nào. Nếu bà tình cờ phải chờ đợi ở trạm xe điện, bà luôn sẵn sàng rút ra một túi nhỏ đựng tài liệu, và bắt đầu viết những bài báo hay lá thư ngay lúc đó. Không phải ai cũng làm được như thế - hiện giờ tuổi bà đã cao - muốn làm như thế, nhất là một số lớn công việc có tính chất rất tinh tế, cần phải có những quyết định nhanh nhạy theo nhiều hướng khác nhau. Người làm việc ăn lương không làm theo cách đó được. Chính xác là vì mọi việc bà làm đều là làm vì yêu thích công việc nên bà có thể làm nhiều như thế. Chắc chắn bà có hạnh phúc trong công việc của bà, bà luôn luôn sẵn sàng gặp gỡ mọi người với nụ cười thân mật, như vậy là một nguồn cảm hứng lớn đối với những người đến tiếp xúc với bà. Chúng ta cố noi theo bước chân của bà càng xa càng tốt, luôn luôn nên nhớ bốn phận phải lạc quan. Nếu chúng ta không có hạnh phúc, vậy là chúng ta chưa làm đủ; đó là bằng chứng chắc chắn rằng chúng ta đang phí thì giờ. Chúng ta nên bắt tay vào việc và làm một chuyện gì đó, thì tức khắc nỗi buồn chán sẽ tan biến bởi vì sẽ không còn thì giờ dành cho nó. Sự quan tâm vào công việc rất thu hút, còn khối công việc quá lớn, cho nên chúng ta sẽ thấy khi nghĩ đến công việc, chúng ta sẽ không còn thì giờ nghĩ đến bất cứ điều gì buồn chán nữa.

Hãy tìm trong tâm nguồn gốc của điều ác rồi xóa nó đi. Điều ác sinh sôi nảy nở trong tâm của đệ tử mộ đạo, cũng như trong tâm của người còn ham muốn. Chỉ những người dũng mãnh mới diệt được nó. Kẻ nhu nhược phải chờ cho nó lớn lên, đơm hoa kết trái, rồi tàn tạ. Và đó là một loại cây sống và phát triển qua các thời đại. Nó đơm hoa khi con người đã tích lũy vào mình vô số kiếp sống. Kẻ nào muốn bước vào con đường quyền năng thì phải tách nó ra khỏi tâm mình. Bấy giờ tim sẽ rướm máu, và toàn thể sự sống con người dường như tiêu tan hết. Phải chịu đựng thử thách này; nó có thể xảy đến ở nấc đầu tiên của cái thang đầy nguy hiểm đưa đến con đường sống, nó có thể không đến mãi cho đến nấc thang cuối cùng. Nhưng hồi đệ tử, hãy nhớ rằng phải chịu đựng thử thách này và hãy buộc chặt nghị lực của linh hồn con vào nhiệm vụ đó. Con đừng sống trong hiện tại, cũng đừng sống trong tương lai, mà hãy sống trong Vĩnh Cửu. Loài cỏ dại to lớn này không thể đơm hoa nơi đó; vết bẩn nhờ vào sự hiện tồn được tẩy sạch bằng chính bầu không khí của tư tưởng vĩnh cửu.

C.W. Leadbeater.- Đây là phần còn lại của Qui tắc 4, là lời bình giảng của Đức Chohan về ba qui tắc đầu. Cây cỏ dại to lớn là tà thuyết chia rẽ – ý tưởng về cái ngã chia rẽ – nó thật sự là cội nguồn của điều ác. Chúng ta được chỉ đạo là hãy tiêu diệt nó từng giai đoạn. Chúng ta được dạy trước tiên phải hợp nhất phàm ngã với Chân Ngã, nghĩa là hòa nhập phàm ngã vào trong Chân Ngã. Đối với đa số chúng ta, phàm ngã vẫn còn quá gần đến nỗi nó có khuynh hướng che khuất những sự việc cao siêu. Chúng ta phải thực hiện con đường của chúng ta nhờ nó, và dần dần vượt qua nó, để

hoàn toàn giử bỏ mọi tính ích kỷ. Bấy giờ chúng ta phải bắt đầu dựa vào Chân Ngã.

Giờ đây, Biệt Ngã hay Chân Ngã, là một thực thể rất kỳ diệu – phức tạp, cực kỳ đẹp đẽ và thích ứng một cách tuyệt diệu với môi trường xung quanh nó, thực sự là một thực thể huy hoàng; tuy nhiên sau rốt chúng ta phải hiểu rằng mặc dù
 106 thể, nó cũng chỉ là một khí cụ mà chúng ta đã tạo ra bằng hoạt động của nhiều thời đại vì sự tiến hóa của Chân Thần. Vì chúng ta phải phát triển ý niệm về cái ngã riêng biệt trong các giai đoạn ban đầu của bước tiến hóa của chúng ta, mà cây cỏ dại to lớn, hay là mầm mống của nó, hiện hữu trong tâm của mỗi người. Cây cỏ dại đó phải được diệt trừ lúc này hay lúc khác, tuy nhiên chỉ có những người mạnh mẽ mới có thể nhổ bật nó ra khỏi họ vào lúc họ bắt đầu phát triển. Người yếu đuối phải chờ và để cho nó tiếp tục lớn lên trong khi họ phát triển đủ mạnh để diệt nó. Thật không may cho những người này, bởi vì càng để cho nó kéo dài sự sống thì nó càng quấn chặt vào bản chất con người. Những người có thể dồn hết can đảm để nhổ nó lên ngay bây giờ thì sẽ tiến bộ nhanh chóng và chắc chắn hơn nhiều. Để loại bỏ cái ngã chia rẽ này vào bất cứ lúc nào thì sự đấu tranh thật là khủng khiếp, cuộc tranh đấu ấy sẽ hàng ngàn lần khó hơn nếu chúng ta để nó lại cho đến các giai đoạn tiến hóa về sau. Chúng ta sẽ chịu đựng nhiều loại khó khăn và nguy hiểm cho đến khi cuối cùng nó bị hủy diệt, chúng ta chỉ có thể thoát các khó khăn và nguy hiểm đó bằng cách loại bỏ nó ở đây và ngay bây giờ. Do đó, hiển nhiên là tốt hơn hết hãy tiêu diệt nó ngay từ lúc đầu.

Mọi hệ thống giáo huấn huyền học đều đồng ý khi khuyên đạo sinh ngay từ lúc đầu nên cố gắng diệt trừ ảo

tưởng này. Ngoài cái thói quen suy tư của chúng ta dưới hình thức riêng rẽ, cái khó khăn trong cách này là ở chỗ ý tưởng này đã là cội nguồn của mọi sức mạnh của chúng ta trong quá khứ. Khi Chân Ngã lần đầu tiên được tạo ra dưới hình thức một cá nhân, nó rất yếu đuối. Trước đó nó là một phần của hồn tập thể, và cái ý tưởng về một bản ngã/ chủ thể riêng biệt (separate identity) không đủ mạnh nơi y. Chủ thể đó trở nên mạnh hơn nhờ cuộc sống man dã (savage life).
 107 Sức mạnh của con người dần dần tăng lên theo cảm nghĩ (feeling) “Tôi là tôi” (“I am I”). Thuở ban đầu sẽ là: “Tôi là một kẻ chiến đấu dũng cảm và là kẻ chạy nhanh; tôi là một kẻ đứng đầu hùng mạnh; tôi có thể lãnh đạo các đạo quân; tôi có thể dẫn dắt con người; tôi có thể bắt con người làm theo ý tôi”.

Sau đó, ở một trình độ cao hơn sẽ có lối tự bày tỏ như: “Tôi có một trí tuệ mạnh mẽ; tôi có thể tin chính tôi; tôi hãnh diện về chính tôi; tôi là một người vĩ đại; tôi có thể suy tư mạnh mẽ hơn những người khác và do đó tôi có năng lực vượt trội hơn trí họ và có thể chế ngự họ làm điều này hoặc điều khác”. Chính qua ý thức chia rẽ này mà chúng ta mới học được cách trở thành tự lực (self-reliant).

Sau này đến một trình độ mà sự tự lực có nghĩa là sự tin (reliance) vào Chân Ngã. Con người không còn tin vào hoặc là sự khéo léo của tay, sự nhanh nhẹn của chân, sức mạnh của cơ bắp nữa, hoặc là vào năng lực trí tuệ của mình, mà đi đến chỗ nhận thức rằng có một sức mạnh tinh thần vốn vĩ đại hơn là những biểu lộ bên ngoài này, và khi giai đoạn này được đạt đến, chẳng mấy chốc y bắt đầu thấy rằng sức mạnh tinh thần của y là sức mạnh của Đấng Vô Cùng (the infinite) nằm đằng sau nó, bởi vì nó là một với chính

Thượng Đế. Như thế sự tự tin của chúng ta sau cùng trở thành sự tin tưởng vào Ngài – nơi quyền năng vĩ đại ẩn tàng sau. Chúng ta là Ngài và khi tin nơi Thượng Đế, ấy là chúng ta đang tin vào chính chúng ta, bởi vì mỗi người của chúng ta là một tia sáng của Đấng Thiêng Liêng, và Thượng Đế vốn ở trong ta. Chúng ta chỉ cần nhận thức được điều đó và khai triển nó ra, thì cái ngã mà chúng ta tin tưởng, sẽ trở thành Đại Ngã (great Self), ấy là Đấng Toàn Năng.

Ý tưởng về cái ngã chia rẽ này ăn sâu trong chúng ta và là một phần của chính Chân Ngã, vốn là sự vật thường tồn duy nhất trong chúng ta trong chừng mực mà chúng ta nhận thức được.

Chúng ta còn phải biết rằng còn có Chân Thần nữa; Chân Thần đó sẽ như là Chân Ngã khi chúng ta đặt cái biệt ngã (individuality) sang một bên. Tuy nhiên khi thời khắc trọng đại đó đến, chúng ta sẽ thấy rõ ràng hơn nhiều so với cái thấy hiện nay, đó là các Chân Thần này chỉ là các tia của Ngọn Lửa Vĩnh Cửu. Hiện giờ, chúng ta chỉ biết điều đó qua lý thuyết, cái biết đích thực về việc đó sẽ đến với mọi người vào đúng lúc; đối với một số người, giờ phút trọng đại đó đã đến rồi⁽¹⁾.

Tôi đã giải thích trước đây rằng, khi tâm thức được tập trung vào phần cao nhất của thể nguyên nhân (causal body) thì có thể ngược nhìn lên con đường nối liền Chân Thần với

¹ Đó là lúc được điểm đạo. Chúng ta được biết, Chân Thần giáng nhập xuống và hợp nhất với Chân Nhân, sự hợp nhất này chỉ tạm thời đối với các lần điểm đạo 1, 2, 3, 4, sau đó Chân Thần trở về lại cõi Chân Thần. Đến lần điểm đạo 5, Chân Thần mới hợp nhất vĩnh viễn với Chân Nhân. (Xem *Chân Sư và Thánh Đạo*, quyển 1, trang 135. Nguyễn Hữu Kiệt dịch).

Chân Nhân. Việc ngược nhìn lên con đường đó vào tới Chân Thần, mà chúng ta biết rất ít, và trên đó nữa, chúng ta có thể thấy và biết một cách rõ ràng và chắc chắn rằng không có lời nào có thể diễn tả ra đây, rằng tất cả những gì mà chúng ta nghĩ đến như là Cái Ngã và như là thuộc về chúng ta, đều không phải là chúng ta, mà là Ngài; rằng nếu chúng ta có được chút trí tuệ, lòng sùng tín hoặc tình thương nào đó, thì đó không phải là chúng ta chút nào, mà đó là trí tuệ, sùng tín, tình thương vốn là Thượng Đế, đang tự chiếu rọi qua chúng ta. Khi một người đã có kinh nghiệm đó rồi, y không bao giờ còn có thể hoàn toàn trở lại giống như trước được nữa; y không thể xuống trở lại theo cùng một cách với quan điểm cá nhân trước đây, bởi vì ngày nay y biết chắc chắn rằng cái đó đã được thấy rõ.

Một kinh nghiệm nào đó giống như thế rất cần thiết để chống lại hậu quả của việc phát triển của cái ngã chia rẽ, mà hiện nay đang là nỗi lo âu lớn và gây cho chúng ta nhiều phiền muộn và đau khổ bằng việc che khuất cái thấy của chúng ta về Sự Sống (LIFE). Chúng ta đang ở vào vị thế kỳ lạ này, đó là sự tự phát triển của chúng ta là do ý tưởng về chia rẽ lên đến một mức độ nào đó, và chỉ khi nào chúng ta đã đạt đến mức độ đó, thì nó trở thành một điều tệ hại (an evil) và chúng ta lại phải giủ bỏ nó đi. Hiện giờ, nhân loại đã đạt đến
 109 một giai đoạn mà nhân loại phải nhận thức được điều đó. Đó là lý do tại sao mà bốn phận vị tha lại được các giáo lý huyền môn và tôn giáo cao siêu nhấn mạnh với chúng ta. Nói chung, nhân loại đang cần đến điều đó. Nhân loại vẫn còn ở trong giai đoạn ích kỷ, đang cố nắm giữ vật này vật nọ cho chính mình. Toàn bộ sức mạnh của chúng ta đều phải đổi sang chống lại khuynh hướng này.

Đồng thời chúng ta phải cố gắng tập đức tính khoan dung. Thường thường chúng ta cảm thấy mất kiên nhẫn với sự lan tràn, tàn bạo của tính ích kỷ ở khắp nơi, nhưng chỉ là vô ích. Những kẻ đáng thương này hiện giờ chỉ tiếp tục những gì cần cho sự phát triển của họ cách đây hàng ngàn năm. Nếu có thể, chúng ta sẽ giúp đỡ họ. Chúng ta sẽ luôn luôn tỏ ra hòa nhã và khoan dung, nhưng rất cương quyết đối với sự cần thiết phải tổng khứ quan điểm này. Một số người trong chúng ta thấy điều đó hữu ích, cố gắng tìm hiểu sự tiến bộ của nhân loại nói chung và thực hành cách suy tư của chính chúng ta như một phần của việc đó. Chúng ta cố gắng hành động theo lời dạy của một trong các Đức Thầy của chúng ta, vị này đã dạy như sau: “Nếu con thành công trong một giai đoạn nào đó, nếu con thành công khi tạo được tiến bộ rõ rệt, con đừng nên nghĩ: “Tôi đã làm được điều này, tôi thực sự thành công”. Tốt hơn nên nói: “Tôi vui mừng thấy rằng điều này đã xảy đến, bởi vì qua tôi, nhân loại vừa mới tiến gần hơn đến chỗ tìm thấy chính mình - nghĩa là gần hơn nhiều đến mục đích cuối cùng mà Thượng Đế định cho nhân loại đạt đến; qua tôi, nhân loại đã đạt được bước này, và sự thật là điều đó đã được làm đúng thế, nó hàm ý một tiến bộ rất nhỏ cho mọi kẻ khác”.

Như vậy, người ta có thể nghĩ đến toàn thể nhân loại, giống như một người nghĩ đến toàn bộ gia đình của mình, dưới hình thức một đơn vị, từ bé thơ cho đến ông bà lớn tuổi, và như thế lo lắng cho phúc lợi của tất cả mọi người.

110 Chúng ta được dạy rằng không nên sống trong hiện tại, cũng không sống trong tương lai, mà hãy sống trong Vĩnh Cửu. Đấng sống trong Vĩnh Cửu chính là Thượng Đế (Logos), Đấng Tạo Hóa (Deity). Ngài sống trong Vĩnh Cửu

nên thấy tương lai cũng như hiện tại, thấy được sự hoàn mãn của mọi sự việc này. Nếu chúng ta có thể tự nâng chúng ta lên đến quan điểm của Ngài, thì chúng ta có thể sống trong vĩnh cửu giống như Ngài vậy. Đó không phải là một điều mà chúng ta có thể đạt được hôm nay hoặc ngày mai. Chúng ta phải vạch một con đường hướng về đó. Một sự bất mãn thiêng liêng lại là điều cần thiết cho sự tiến hóa của chúng ta về hướng đó. Đừng bao giờ hài lòng với hoàn cảnh mà chúng ta đã đạt được; điều đó sẽ hàm ý là sự ứ đọng/ trì trệ (stagnation). Chúng ta phải luôn luôn nhắm vào việc làm cho ngày càng hoàn hảo hơn, và với cách sống về sau này, chúng ta sẽ học cách để làm sao thực hành điều đó.

Đồng thời, trong khi chúng ta luôn luôn vươn tới, luôn luôn cố gắng tiến lên, thật là một điều sai lầm khi để cho chính chúng ta cảm thấy không hài lòng hoặc lo lắng về những biến cố tạm thời đối với tình trạng nhất thời của chính chúng ta và những kẻ khác. Khôn ngoan hơn và tốt hơn là vạch ra cho chính chúng ta một tương lai và sinh hoạt theo đó. Chúng ta sẽ nói: “Lúc này tôi là người như thế đó, với một số lỗi lầm và khuyết điểm. Tôi sẽ vượt qua các lỗi lầm và khuyết điểm này. Tôi muốn nhìn về phía trước cho đến lúc mà chúng không còn tồn tại nữa”. Thật là một điều lớn lao khi sống cho ngày mai chứ không cho hôm qua. Nói chung, thế giới đang sống cho các thế kỷ nằm đằng sau nó và đang bám chặt vào các thành kiến xưa cũ. Chúng ta nên nhìn về phía trước đến tận tương lai và sống cho tương lai đó.

Hãy giữ cho tư tưởng của bạn tràn đầy hy vọng vào tương lai, đừng hối tiếc về quá khứ. Cái hiện tại phần lớn là
 111 một ảo tưởng; vì thế, chúng ta không thực sự bất mãn với những gì chúng ta đang làm, mà là với những gì chúng ta

vừa mới làm. Nếu chúng ta muốn tiến bộ, chúng ta phải nhìn về phía trước. Nhìn ra sau không phải là cách để tiến hóa. Nếu cứ tiếp tục nhìn ra sau, thì trên cõi trần chúng ta sẽ không đi xa mà không gặp tai nạn và điều đó cũng đúng trong các lãnh vực cao siêu này. Chúng ta càng suy gẫm về điều đó, thì điều càng trở nên rõ ràng là trong ba câu cách ngôn mà chúng ta vừa xem xét, tức là: “Hãy diệt tham vọng, hãy diệt lòng ham sống, và diệt lòng ham sung sướng/ tiện nghi”, tất cả những gì thúc đẩy kẻ thường nhân đến chỗ nỗ lực làm việc đều bị hoàn toàn loại trừ.

Trước tiên, sự sống của một người bị chi phối bởi lòng ham muốn giữ cho chính mình và gia đình mình sống còn, “giữ cho không mang công mắc nợ” (“to keep his head above water”); con người luôn luôn có tham vọng tiến lên cao; y muốn có tiện nghi đầy đủ hơn cho chính mình và cho gia đình mình. Đây mới đúng là những động cơ thúc đẩy con người thông thường, và hiển nhiên là nếu tất cả các động cơ này hoàn toàn bị xóa hết nơi y, y sẽ mất hết hoạt động – y sẽ bỏ mặc, không còn lý do nào để thúc đẩy y hoạt động nữa, y sẽ giống như khúc gỗ. Y sẽ nói: “Nếu tôi không có bất cứ tham vọng nào, nếu tôi không ham sống mà cũng không ham muốn tiện nghi/ sung sướng, tại sao tôi phải làm bất cứ điều gì? Tại sao tôi hoạt động?” Y sẽ bị bơ vơ, không có bất cứ động lực nào thích hợp cho nỗ lực thuộc bất cứ loại nào, thì mọi tiến bộ đối với y sẽ kết thúc. Hiển nhiên rằng đối với y, việc loại bỏ các điều này sẽ có hậu quả không hay.

112 Ngay cả người nào gần sẵn sàng bước vào Thánh Đạo đi nữa, nếu người ấy không còn cảm thấy mối quan tâm/ thích thú nào đối với các đối tượng/ sự vật (things) thấp, thì y sẽ đạt đến giai đoạn nguy hiểm, đó là rơi vào trạng thái bất

động. Về mặt trí tuệ, y hoàn toàn tin chắc rằng tất cả các đối tượng thấp đều không đáng theo đuổi, và bởi vì chúng không còn thu hút y được nữa, nên y không cảm thấy có khuynh hướng dồn năng lực vào bất cứ hướng nào. Đó là một kinh nghiệm đến với hầu như bất cứ người nào trong diễn trình tiến hóa của y, và là một phiên toái thực sự đối với một số đông người. Họ đã giú bỏ được cái thấp, nhưng không chọn được cái cao. Họ đang ở giai đoạn chuyển tiếp giữa cả hai. Họ không nhận thức một cách đầy đủ về sự đồng nhất / duy nhất (unity) cho những gì phải là động lực thúc đẩy lớn trong sự sống, nhưng họ đã hiểu đủ về điều đó để biết rằng các ham muốn của bản ngã chia rẽ đều không đáng theo đuổi chút nào. Thế nên họ vẫn ở trong tình trạng tính sinh động bị treo lơ lửng (suspended animation). Đối với một số đạo sinh, thật là một khó khăn rất lớn để kích động họ ra khỏi trạng thái này. Không còn gì thú vị nữa; không còn gì đáng quan tâm nữa đối với họ. Họ muốn chết đi cho xong.

Chỉ có một cách cho con người vượt qua tình trạng không tốt đẹp đó là đi tới một ít nữa, rồi y sẽ bắt đầu thấy rằng có một sự sống cao siêu hơn và chân thực hơn, đó mới thực là cách sống vô cùng xứng đáng. Y sẽ tìm ra rằng khi y thoáng thấy được cơ tiến hóa thiêng liêng, y chỉ muốn lao mình vào đó, mà không thể làm khác hơn nữa. Khi đồng nhất hóa chính mình với Sự Sống Duy Nhất và hành động như là một phần của Sự Sống đó, y tìm được động lực duy nhất, động lực này có thể kích thích y hành động. Khi y tiến thêm một bước nữa và bắt đầu nhận ra Sự Sống của Chân Ngã, lúc bấy giờ thay vì muốn rơi vào chỗ tịch diệt (annihilation) và tan biến theo mọi vật, y lại mong muốn có

- 113 được ngày càng nhiều năng lực để dẫn thân vào công việc vinh quang này. Động lực thôi thúc của Đại Ngã Duy Nhất sẽ kích thích y vào hoạt động lớn lao hơn là từ trước đến giờ, bởi vì đó là động lực vô cùng mạnh mẽ, hơn bất cứ động lực thấp kém nào, và kẻ nào hoạt động với động lực đó để hoàn thành Thiên Ý cao cả của Thượng Đế sẽ nhận được phúc lạc vô tận và an bình vô biên.



CHƯƠNG 5

Qui Tắc 5 đến 8

114

5.- *Hãy diệt mọi ý thức chia rẽ.*

(Kill out all sense of separateness)

Tuy nhiên hãy ở một mình và cô đơn, bởi vì không có điều gì vốn có hình tướng, có ý thức chia rẽ, nằm ngoài Đấng Vĩnh Hằng, có thể trợ giúp cho con.

A. Besant.- Giáo lý được đặc biệt đưa ra trong sách này dành cho đệ tử, bởi vì đệ tử đã học được cách hoàn toàn ở một mình. Không có điều gì có hình tướng, nằm ngoài Đấng Vĩnh Hằng, có thể giúp được y. Mọi trợ giúp đến từ hình tướng là giúp đỡ phụ và có thể không giúp được y vào lúc y cần nhất. Tiểu sử của các thần bí gia Cơ Đốc vĩ đại cho thấy có một đặc điểm bất biến trong cuộc đời của họ, đó là họ cảm thấy bị mọi người từ bỏ, và phải chịu cô độc hoàn toàn. Cùng chân lý đó cũng xuất hiện trong Phúc Âm Cơ Đốc giáo (Christian Gospels), trong biểu tượng về cuộc đời của Đức Jesus, chứa đựng một bản miêu tả về các kinh nghiệm mà mỗi linh hồn đều phải trải qua trong các giai đoạn của con đường đệ tử. Có hai cảnh tượng có liên quan đến bản miêu tả này: thứ nhất là cảnh nói về sự hấp hối của Đức Jesus trong vườn

115

Gethsemane, lúc Ngài thấy rằng các bạn bè và các môn đồ của Ngài không thể thức canh với Ngài cho dù trong thời gian ngắn, và Ngài biết rằng Ngài phải lên đường một mình; cảnh thứ hai là tiếng kêu từ thập giá: “Chúa ơi, Chúa ơi, tại sao Ngài đã bỏ rơi con?” Các kinh nghiệm này có liên quan tới Cuộc Điểm Đạo lớn thứ tư, khi con người bị đẩy lại vào chính mình và học cách dựa vào một mình Chân ngã (inner Self), để nhận thức rằng bản thân y chỉ là một biểu lộ của Đấng Vĩnh Hằng trong thế giới bên ngoài. Trong cuộc thử thách lớn cuối cùng này, luôn luôn có một nguy cơ là vị đệ tử sẽ vấp ngã.

Có hai nhiệm vụ nằm trước mắt vị đệ tử. Y phải diệt ý thức chia rẽ, nhưng y phải tập chịu đựng cô độc để y có thể trở nên mạnh mẽ với sức mạnh của thiên tính bên trong chính y. Y phải hành xử giống như một vì sao trên trời, tức là ban phát ánh sáng cho vạn vật nhưng không nhận ánh sáng của ai. Y có thể học được điều đó chỉ từ trải nghiệm về sự cô độc. Tuy nhiên cảm giác cô độc đó chỉ là ảo tưởng, vì đệ tử vẫn ở trong Đấng Vĩnh Hằng. Ảo tưởng đó là việc rời bỏ mọi hình tướng trước khi nhận thức về sự hợp nhất – để nhập vào Đấng Vĩnh Hằng – phát triển trong tâm thức.

Câu cách ngôn này cùng với lời giảng luận kèm theo nó, cũng chứa đựng các tư tưởng quan trọng khác. Có một giai đoạn mà người tìm đạo phải đứng tách ra khỏi đồng loại, chỉ vì sự yếu đuối của y, chớ không phải vì sức mạnh của y. Đôi khi một người còn rất gần với tình trạng của những người khác chung quanh y, những người còn sống cuộc sống thấp kém mà y đã rời bỏ, cho nên y cảm thấy rằng khi còn nhập bọn với họ, thì y có thể lại bị lôi kéo xuống vào các tật xấu của họ. Lúc đó cái cảm giác ghê tởm thật hữu ích;

và mặc dù điều đó chứng tỏ rằng y còn ở trong một giai đoạn phát triển thấp, tuy nhiên sẽ tốt cho y khi theo đuổi việc đó và tránh nhập bọn với họ.

Khi một người nói với giọng kinh tởm về một tật xấu nào đó, thì bạn có thể chắc rằng, mới gần đây thôi y đã bị tật xấu đó nắm giữ. Gần đây y mới đấu tranh chống lại tật xấu đó, và tâm thức bên trong của y, mà không có gì biến mất khỏi nó, giờ đây đang cảnh báo y chống lại điều đó. Đến một giai đoạn khi con người đã tiến lên cao hơn, lúc bấy giờ y không cần tìm cách cách ly với kẻ hầy còn gây tội lỗi. Nhưng chừng nào chưa xảy ra trường hợp này, thì chừng đó y vẫn còn có thể phạm tội do một sự thúc đẩy từ bên ngoài, sự an toàn của một người nằm ở chỗ y lánh xa sự cám dỗ, cho đến khi y đủ mạnh để đi giữa tật xấu đó mà không bị nó thu hút. Chỉ khi nào một người đã vượt qua sức hút của việc rơi vào tật xấu thì y mới khắc phục được sự sợ hãi và ghê tởm của y.

Rồi đến một giai đoạn y phải nghĩ đến kẻ tội lỗi như là người cần sự trợ giúp của y. Chính tư tưởng về các lỗi lầm trong quá khứ của chính y giờ đây sẽ khiến y có khả năng trợ giúp kẻ khác. Chúng ta không thể giúp kẻ khác chừng nào mà chính chúng ta còn có thể sa ngã, mà chỉ khi nào chúng ta không còn bị thu hút cũng như không bị khó chịu, khi nào chúng ta nhận ra được sự đồng nhất của chúng ta với những người còn đang chật vật đấu tranh. Lúc đó chúng ta nhớ rằng tội lỗi của thế gian cũng là tội lỗi của chính chúng ta – một chân lý sâu xa cho biết rằng không một ai có thể hoàn toàn trong sạch khi một kẻ khác vẫn còn không trong sạch. Trong khi một người còn là một thành phần của nhân loại, thì sự sống của nhân loại là sự sống của y, muốn thoát ra khỏi đó, y phải đi ra khỏi nhân loại. Tội lỗi của bất cứ người

nào cũng là tội lỗi của chúng ta cho đến khi người đó cũng đã loại bỏ được tội lỗi đó. Sự cứu giúp thế gian hoàn toàn tùy thuộc vào chân lý này.

117 Điều đó nên là tư tưởng của bất cứ người đệ tử nào nếu y thấy bản thân mình đang ở dưới sự cám dỗ đặc biệt. Y nên hiểu rằng y không được đầu hàng trước cám dỗ đó, bởi vì trong sự sa ngã của y có sự sa ngã của toàn thể nhân loại. Sự hiểu biết như thế hẳn là đủ để giữ cho y tránh khỏi cám dỗ. Giả dụ bạn cố hình dung sự sống của nhân loại trong tâm thức, và kể đó cố chinh phục một nhược điểm cụ thể nào đó; bấy giờ bạn sẽ cảm thấy rằng sự chinh phục riêng của bạn không phải là một sự chinh phục cho chính bạn, mà là cho tất cả mọi người. Toàn thể nhân loại được trợ giúp bởi vì một thành phần của nhân loại đã tranh đấu và đã chiến thắng. Rất thường khi ý tưởng này sẽ mang lại cho bạn sức mạnh rất lớn. Quả thật là xứng đáng khi tranh đấu vì tổng thể, chớ không cho bản ngã cá nhân của riêng bạn.

C.W. Leadbeater.- Đôi khi người ta xem các huấn thị này như là khe nứt đối với họ quá mức, và có lẽ cũng có phần thiếu thực tế do chỗ cường điệu của chúng. Chúng ta phải đối mặt với thực tế rằng ở cõi trần luôn luôn có sự chia cách (separation). Chúng ta có thể cảm thấy tình huynh đệ hoàn toàn như chúng ta muốn có, nhưng sự thật vẫn tồn tại là trong không gian, các thể xác chúng ta đều phân cách. Đôi khi người ta muốn phủ nhận sự thật đó. Họ cố đưa ý tưởng về sự không có ngăn cách đến một điểm làm cho nó trở thành phi lý. Trong huyền học, điều đó không bao giờ đúng. Giáo lý huyền học luôn luôn là chính bản chất của sự hợp lý và của lương tri, và khi nào bất cứ điều gì được đặt trước chúng ta mà hiển nhiên là không hợp lý, chúng ta có thể chắc

chấn rằng có một lầm lỗi ở một nơi nào đó. Trong một số trường hợp dường như vô lý bởi vì chúng ta không có đủ các dữ kiện ⁽¹⁾, nhưng khi tất cả mọi dữ kiện đều ở trước mặt chúng ta và quan điểm/ vấn đề (statement) vẫn có vẻ không hợp lý, thì chúng ta có lý do chính đáng để nghi ngờ điều đó và chờ tình trạng sáng tỏ hơn.

Mặc dù thể xác chúng ta riêng biệt trong không gian, thực ra lại ít có sự chia cách hơn là chúng ta tưởng. Chúng ta vẫn có tác động lên nhau đến một mức độ mà không một người nào có thể, theo bất cứ ý nghĩa nào, thực sự sống cho một mình y. Nếu một xác thân có một bệnh nào đó, tất cả các thể xác khác ở gần đó đều có thể bị lây nhiễm. Nếu thể tình cảm bị bệnh, tạm gọi thế, theo ý nghĩa là dễ nóng giận, tham lam, đố kỵ, ích kỷ vv., nó cũng lây nhiễm nữa, bởi vì nó phóng ra các rung động của nó, để rồi các thể tình cảm khác ở lân cận, phải chịu ảnh hưởng bởi sự phát xạ (radiation) đó ở một mức độ nào đó. Thí dụ có nhiều người ngồi họp trong phòng, thì các thể tình cảm của họ xuyên qua nhau đến một mức đáng kể, bởi vì thể tình cảm của một người thường, kéo dài khoảng 18 inches (45,72cm) chung quanh thể xác – trong vài trường hợp còn xa hơn nữa – cho nên mặc dầu họ hoàn toàn tách xa nhau, họ cũng phải chạm nhau một cách đáng kể (ở thể tình cảm- ND). Điều này cũng đúng đối với thể hạ trí (mental body), và thậm chí các thể nguyên nhân (linh hồn thể) của chúng ta cũng tách ra trong không gian và trong tình huống như thế. Thế nên chúng ta phải hiểu việc tiêu diệt ý thức chia rẽ này phù hợp với các sự thật của thiên nhiên.

¹ Dữ: cho; cấp cho. Dữ kiện: sự kiện được cung cấp cho (fact).

Không có sự chia rẽ trên cõi Bồ Đề. Nơi cõi này, các tâm thức không nhất thiết kết hợp nhau (merge) tức thời ở cõi phụ thấp nhất, mà chúng dần dần trở nên ngày càng rộng hơn, cho đến khi chúng ta đạt đến cõi phụ cao nhất của cõi Bồ Đề, và đã tự phát triển một cách đầy đủ thông qua tất cả mọi cõi phụ (subdivisions) khác nhau của nó, chúng ta thấy chính chúng ta hợp nhất một cách hữu thức với nhân loại. Đó là cõi phụ thấp nhất mà ở đó tính chia rẽ hoàn toàn không tồn tại; sự hợp nhất hữu thức với vạn vật trong sự viên mãn của nó tùy thuộc vào cõi kế tiếp, đó là cõi Niết Bàn.

Giả sử rằng tất cả chúng ta đều có thể phát triển tâm thức Bồ Đề trong chúng ta cùng một lúc. Mỗi người sẽ nhận thức rằng mình đã lên đến cõi đó và lúc đó tâm thức của y sẽ bao gồm tâm thức của mọi người khác, nhưng y sẽ vẫn cảm thấy cái tâm thức bao gồm đó vẫn là tâm thức của y. Không có ai trong chúng ta mất đi ý thức về biệt ngã của mình chút nào, chỉ có điều là trong biệt ngã đó, y sẽ bao gồm rất nhiều điều hơn là y đã từng làm trước đây. Y sẽ cảm thấy bản thân y như cũng đang biểu lộ qua tất cả những kẻ khác này. Thực ra những gì mà chúng ta đang trải nghiệm chính là tâm thức duy nhất, nó bao gồm tất cả chúng ta, đó là tâm thức của chính Thượng Đế.

Chính ở trên cõi Niết Bàn chúng ta mới nhận thức mãnh liệt nhất rằng tất cả những gì chúng ta nghĩ là tâm thức của chúng ta, trí tuệ của chúng ta, sự tận tụy của chúng ta, tình thương của chúng ta, thực ra đều là tâm thức của Ngài, trí tuệ của Ngài, tình thương của Ngài, sự tận tụy của Ngài đang biểu lộ qua chúng ta, phần nào giống như một ánh sáng có thể chiếu qua thấu kính. Nhận thức này không

đến một cách đầy đủ với con người ở cõi Bồ đề, nhưng nó sẽ đến đầy đủ với y ở cõi trên kế đó.

Trong Kinh Dyzan có những câu kinh liên quan đến con người như sau: “Tia lửa treo dính vào Ngọn Lửa bằng sợi chỉ Fohat tinh anh nhất” ⁽¹⁾. Tôi tin rằng câu kinh đó có thể áp dụng ở các trình độ khác nhau; đối với chúng ta, câu đó có thể hàm ý là Chân Ngã treo vào Chân Thần bằng sợi
 120 chỉ tinh anh nhất, và sợi chỉ đó chạy suốt cõi Bồ Đề. Sợi chỉ tinh anh nhất mà bạn có thể nghĩ đến là tất cả những gì tượng trưng cho con người thông thường ở các cõi phụ của cõi Bồ Đề. Ngay khi con người chuyển sự chú ý của mình vào các vấn đề cao siêu hơn – tức là khi y thường nghĩ đến chúng và nhắm vào chúng – thì sợi chỉ đó bắt đầu dầy lên. Sợi chỉ dần dần trở nên ngày càng giống sợi dây cáp, sau đó nó có vẻ như một cái phễu, bởi vì nó rộng ra ở phần trên (tôi đang nói đến nó bây giờ theo cách thấy của những người có nhãn thông) và đi xuống thể nguyên nhân, vốn đã có kích thước xác định. Sau đó, bản thân thể nguyên nhân được mở rộng do các lực tuôn đổ vào, và cái phễu trở nên lớn hơn rất nhiều, rộng ra ở phần đáy cũng như ở phần đỉnh. Ở Cuộc Điểm Đạo thứ nhất (đối với nhiều người, kinh nghiệm này đến trước việc kia), con người bỏ thể nguyên nhân và nhập vào cõi Bồ Đề. Vào lúc đó, như tôi có giải thích trước kia, thể nguyên nhân hoàn toàn tiêu tan, – là thể duy nhất có vẻ đã trường tồn suốt con đường dài gồm nhiều kiếp sống của con người, từ khi y rời giới động vật – biến mất (disappears) ⁽²⁾. Khi điều đó xảy ra, cái phễu tự biến thành hình cầu. Ở cõi

¹ *Giáo Lý Bí Nhiệm*, quyển I, trang 66.

² GLBN, Quyển II, Phần 2, Chương 2 : *Sự Sống Của Các Thể*

này có nhiều bề đo, cho nên thực sự tôi không thể mô tả nó, nhưng đây là cách mà nó hiện ra cho người có thể thấy nó.

Sau khi một người đã nhận được cuộc điểm đạo lần thứ nhất, ý thức chia rẽ là một trong các nhược điểm phải bị chế ngự hoàn toàn trước khi người này có thể được điểm đạo lần thứ hai. Đó là cái thứ nhất trong số mười sanyojana hay xiềng xích (fetters) mà y phải vứt bỏ trên con đường bước vào Thánh Đạo. Cuối cùng và một cách bất di dịch, y có thể thực hiện việc dứt bỏ này nhờ sự trải nghiệm vốn là một phần của cuộc điểm đạo thứ nhất. Chỉ lúc bấy giờ, y mới chạm đến tâm thức Bồ Đề. Điều đó không nhất thiết có nghĩa là y có thể trở lại trạng thái tâm thức đó bất cứ khi nào y muốn, nhưng ít ra, y cũng trải qua được kinh nghiệm đó, và một khi đã cảm nhận được sự hợp nhất, y biết rằng sự hợp nhất đó có thật, cho dù y không thể tái nhập vào cõi đó mà không có sự trợ giúp của Chân Sư. Do đó y biết được rằng ý thức chia rẽ là một ảo tưởng. Ở cõi trần, hầu như chúng ta không thể thực sự hiểu được điều đó. Chúng ta luôn luôn nói đến sự hợp nhất, và chúng ta cố thuyết phục chính chúng ta rằng chúng ta cảm nhận được điều đó, nhưng chừng nào mà người ta còn ở trong xác phàm và cho tới khi người ta đã có được kinh nghiệm cao siêu đó, thành thực mà nói, tôi không nghĩ là người ta có thể cảm nhận được sự hợp nhất. Về mặt trí tuệ, chúng ta thuyết phục được chính chúng ta về sự hợp nhất, nhưng thực sự cảm nhận được sự hợp nhất lại là một điều khác.

Khi một người bắt đầu hoạt động trên cõi Bồ Đề, thì y tiến vào cõi đó bằng cõi phụ thấp nhất ⁽¹⁾, nhưng lúc đầu, y

¹ Tức cõi phụ thứ 7, từ dưới tính lên (ND)

gần như không thể làm được gì ở cõi phụ thấp nhất đó. Y sẽ cảm thấy một nguồn chí phúc mãnh liệt mà không có lời nào có thể diễn tả, đồng thời có sự mở rộng tâm thức mà bằng sự tương phản với bất cứ những gì mà y đã từng cảm nhận trước đó, chắc chắn sẽ mang lại ý tưởng rằng toàn bộ thể gian được bao hàm trong đó. Tuy nhiên không phải như thế chút nào cả. Khi y đã quen thuộc với cảnh giới cao này để phân tích được nó, y sẽ thấy rằng sự mở rộng tâm thức, dù là một tâm thức rất vĩ đại, cho đến nay vẫn chưa đầy đủ hay có tính cách đại đồng chút nào. Dần dần y mở rộng lãnh vực mà y có thể chiếm lĩnh một cách hiệu quả. Đôi khi hơi giống như cách thức mà một đạo binh chiếm cứ một vùng đất bị chinh phục. Y củng cố bản thân y trước tiên, và kế đó dần dần mở rộng phần mà y có quyền lực rõ rệt, cho đến khi phần đó bao gồm toàn thể đất nước. Kế đó y tiếp tục cố gắng đẩy tâm thức của mình vào cõi phụ kế đó; nhưng ngay cả sau khi y đã đi xuyên qua hết cõi phụ này đến cõi phụ khác, cho đến khi đạt đến cõi phụ cao nhất, không nhất thiết là y đã kiến tạo được thể bồ đề. Người nào có được tâm thức Bồ Đề trong tầm tay nhờ tham thiền hay nhờ nỗ lực, thì luôn luôn có thể nâng chính mình vào trong tình trạng đó. Người nào đã chắc chắn tạo được thể Bồ Đề thì luôn luôn có tâm thức này nơi hậu cảnh của tâm thức thấp của thể xác, thể tình cảm hay thể hạ trí. Đó là một thành đạt khác và riêng biệt, và là một thành đạt khó khăn, bởi vì muốn làm được điều đó thì linh hồn thể (thể nguyên nhân), với vai trò như một tấm vách ngăn cách, phải bị loại bỏ, phải bị phá hủy.

Người có tâm thức hoạt động trên cõi Bồ Đề trong lúc thiền định, sẽ thấy rằng mặc dầu mình hợp nhất được với tất cả tâm thức kỳ diệu của cõi này, hãy còn có một vòng tròn

nhỏ trống không, ngăn y với phần còn lại. Dĩ nhiên chương ngại nhỏ này thể nguyên nhân. Ngay đến thể nguyên nhân cũng phải tan biến để cho thể Bồ Đề được phát triển. Lúc đó con người mới cảm nhận được thực tại của Sự Sống thông suốt theo một cách không thể mô tả được ở cõi trần. Bà Blavatsky diễn tả ý tưởng này như là một vòng tròn có tâm điểm ở khắp nơi, còn chu vi vòng tròn thì không ở nơi nào cả, một mô tả rất đẹp đẽ và biểu cảm. Dĩ nhiên đó là một nghịch lý, nhưng tất cả những điều có thể được nói về các tình trạng cao siêu này tất nhiên phải nghịch lý.

123 Khi sự hợp nhất được nhận thức đầy đủ rồi, tuy nó có vẻ nghịch lý, con người cảm thấy cứ như là hiện thể của y ở trình độ đó được choán đầy trọn cả cõi Bồ Đề, cứ như là y có thể chuyển di điểm tâm thức của y đến bất cứ nơi nào trong cõi đó và vẫn là tâm điểm của vòng tròn. Thật là một kinh nghiệm hoàn toàn không thể mô tả được. Cùng với cảm giác đó là cảm thức về cái phúc lạc vô biên, luôn luôn thấm nhuần và đồng hành với nó – đó là phúc lạc mà chúng ta không có một chút ý niệm nào khi còn ở trên các cõi thấp này – một cái gì đó linh hoạt, sinh động, nồng nhiệt, vượt ngoài mọi tưởng tượng. Hầu hết cái phúc lạc ở cõi trần này, vào những lúc hiếm hoi khi chúng ta cảm nhận được bất cứ điều gì xứng đáng với tên gọi, chủ yếu là ở chỗ không có đau khổ. Ở cõi trần, chúng ta hạnh phúc và phúc lạc trong chốc lát, khi chúng ta không còn mệt mỏi và đau khổ, khi chúng ta có thể thư giãn và cảm thấy rằng chúng ta đang nhận được các ảnh hưởng dễ chịu. Đó là một cảm giác hơi tiêu cực. Phúc lạc của cõi Bồ Đề là một cảm giác cực kỳ tích cực và sinh động. Tôi không biết ít nhất phải diễn tả điều đó như thế nào nữa. Nếu bạn có thể tưởng tượng sự hoạt động mãnh liệt nhất mà

bạn đã từng cảm thấy, và kể đó thay thế sự hoạt động linh hoạt và tích cực đó bằng một cảm giác chí phước, rồi bằng cách nào đó, nâng nó lên – tức là tinh thần hóa nó – đến một cõi giới hoàn toàn cao đến lũy thừa bậc n, nó sẽ truyền đạt một ý niệm nào đó về cảm giác đó là gì.

Đó là một thực tế sống động, có sức mạnh hoàn toàn áp đảo. Không có một chút gì thụ động đối với nó; người ta không cần nghỉ ngơi. Ở cõi trần, chúng ta sống cuộc đời có rất nhiều căng thẳng và vất vả nên sự nghỉ ngơi luôn luôn là phần rất quan trọng của bất cứ lý tưởng nào mà chúng ta có thể có; nhưng ở cõi cao đó hoàn toàn không có một cảm giác rằng người ta đang nghỉ ngơi hoặc muốn nghỉ ngơi. Con người trở thành một năng lượng nhập thể phi thường mà 124 biểu lộ của nó là tự tuôn đổ ra, còn ý tưởng nghỉ ngơi hoặc cần nghỉ ngơi hoàn toàn ở ngoài ý thức con người. Đối với chúng ta ở cõi trần, những gì dường như là nghỉ ngơi, thì trên cõi cao không có. Chúng ta trở nên hợp nhất với sự biểu lộ của quyền năng thiêng liêng và quyền năng thiêng liêng đó là sự sống tích cực. Người ta nói đến sự an nghỉ ở Niết Bàn, nhưng đó là theo quan điểm thấp. Chính sự mãnh liệt của quyền năng mới là đặc điểm thực sự của sự sống cao siêu này – một quyền năng mãnh liệt đến nỗi nó không tự lộ ra chút nào trong bất cứ loại hoạt động thông thường, mà đúng hơn trong một tầm mức rộng lớn không cưỡng lại được, tầm mức đó có thể giống như sự an nghỉ khi nhìn từ dưới, nhưng nó hàm ý là tâm thức của quyền năng tuyệt đối. Không thể diễn tả mọi điều này bằng lời lẽ. Khi chúng ta đã đạt được điều này thì sau rốt chúng ta mới chinh phục được cây cỏ đại to lớn – kẻ thù to tát, là ý thức chia rẽ. Tóm lại, đó

là nhiệm vụ khó khăn nhất đang ở trước mắt chúng ta, vì nó bao hàm mọi điều khác.

Chỉ sau khi thể Bồ Đề phát triển đầy đủ trên tất cả bảy cõi phụ, lúc đó con người mới có được thành tựu đầy đủ của toàn cõi Bồ Đề, và có năng lực huyền đồng hoàn toàn với toàn thể nhân loại, nhờ đó, qua mối quan hệ đó, y có thể học được những gì mà tất cả những con người này nghĩ tưởng và cảm nhận. Trước khi có được tâm thức Bồ Đề đó, chúng ta có thể gắng sức làm giảm bớt ý thức chia rẽ, và điều đó có thể được thực hiện thành công về mặt trí tuệ, nhưng chúng ta vẫn còn ở bên ngoài, theo ý nghĩa không hiểu hết những kẻ khác. Họ sẽ vẫn là một bí mật tuyệt đối, vì con người là một trong các bí mật lớn nhất đối với đồng loại mình. Chúng ta có thể có những mối quan hệ rất chặt chẽ với con người trong một thời gian rất dài, tuy nhiên, chúng ta không thật sự biết bên trong của họ. Có thể là trước khi đạt đến cõi Bồ
 125 Đề, không một ai từng thực sự biết được người khác một cách hoàn toàn. Khi một người đạt tới trạng thái đó rồi, y có thể đưa chính mình vào tâm thức của người khác và biết được những gì mà những người này làm và lý do họ hành động theo cách cụ thể đó. Nơi đây, mọi vật đều ở bên trong y thay vì chỉ nằm bên ngoài, và y khảo sát chúng như là các thành phần của chính mình. Xem ra ở cõi trần không thể làm được điều này, nhưng đó là điều mà y có thể cảm nhận được. Mọi niềm vui của thế gian đều là niềm vui của y, đau khổ của thế gian cũng là đau khổ của y. Khi y muốn đưa chính mình xuống thấp qua bất cứ cái nào trong số hàng

triệu tác nhân tiếp xúc (tentacles) ⁽¹⁾ – là tâm thức của những người khác mà y đồng nhất với họ – bấy giờ y có thể và thực hiện trải nghiệm mọi kinh nghiệm mà người đó đang trải qua. Bằng cách này mọi đau khổ của thế gian đều ở trong tầm hiểu biết của y, nhưng y biết một cách hoàn toàn chắc chắn rằng đó là một phần tất yếu của thiên cơ và sẽ không tồn tại trên các cõi cao này. Y không hề tỏ ra ít đồng cảm với điều đó, tuy nhiên y biết rằng “Brahman chính là Chí Phúc” và biết rằng hợp nhất với thiên tính là một trạng thái hân hoan vĩnh cửu ở nội tâm. Chỉ khi nào người ta đạt được sự phát triển đó thì người ta mới có thể giúp đỡ hoàn toàn cho những người khác.

126 Khi một người đạt đến tâm thức đó, thì y đã triệt thoái ra khỏi các cõi thấp một thời gian, nơi các phân cảnh này y có thể bị xáo trộn hoặc đảo lộn, và bản thân y là một phần của niềm vui thiêng liêng. Khi y trở lại nhập vào thể hạ trí, thể tình cảm và thể xác, thì y có thể để cho các xáo trộn nhỏ đến quấy rầy y. Không được để cho như thế; nhưng vẫn còn có một hố ngăn cách lớn giữa sự sống cao siêu và sự sống trong xác thân, nơi mà những chuyện nhỏ nhặt có thể vẫn làm cho nổi cáu. Việc có thể bị khó chịu tạm thời bởi một điều gì đó trên cõi trần vẫn còn, cho dù khi đã đạt đến một cảnh giới thật cao, nhưng đó chỉ ở bề ngoài thôi. Trong thế giới này, những điều làm cho con người thực sự chịu đựng là những điều mà họ cảm thấy là tuyệt vọng. Không một ai có thể còn có bất kỳ cảm giác tuyệt vọng nào sau khi y đã đạt đến tâm thức cao siêu đó, bởi vì khi chúng ta hoàn toàn tin chắc thực tại luôn luôn là phúc lạc, thì chúng ta biết rằng mọi đau khổ

¹ Nghĩa đen của tentacles là xúc tu (râu để tiếp xúc), thí dụ xúc tu của ốc sên.

ở các cõi thấp đều chỉ tạm thời và rằng ngay cả đau khổ đó cũng sẽ không đến được với chúng ta nếu chúng ta gần với sự hoàn thiện.

Năng lực đồng nhất hóa được đạt đến không những chỉ liên quan đến tâm thức của con người, mà còn liên quan đến mọi điều khác trên cõi Bồ Đề. Mọi điều đó được học từ bên trong thay vì từ bên ngoài. Nếu chúng ta muốn nghiên cứu bất cứ vấn đề nào, bất cứ cơ quan (organism) nào, sự hoạt động của bất cứ luật thiên nhiên nào – bất cứ gì cũng không quan trọng – lên đến và kể cả tâm thức của thể nguyên nhân, chúng ta phải nghiên cứu nó từ bên ngoài, tìm hiểu về nó. Trong thể nguyên nhân, chúng ta có thể khảo sát nó với một tâm thức được mở rộng vô cùng, với năng lực hiểu biết bao la nhiều hơn về điều đó, so với những gì chúng ta có thể biết được trên các cõi thấp. Nhưng khi chúng ta đạt đến cõi Bồ Đề thì sự dị biệt là một sự dị biệt căn bản. Những gì mà chúng ta đang khảo sát lại trở nên một phần của chính chúng ta. Chúng ta khảo sát nó như một loại triệu chứng trong chính chúng ta. Thật khó diễn tả thành lời, bởi vì ở cõi trần chúng ta không có cái gì thật giống như thế, nhưng khi nhìn các sự vật từ bên trong thay vì từ bên ngoài, thì điều này rõ ràng đem lại cho người ta một điều lợi rất to tát. Các đặc điểm của nó khác nhau đến nỗi chúng ta hầu như có lý do 127 chính đáng để nói rằng đó là cái thoáng nhìn đầu tiên mà chúng ta có được về cách thức mà Thượng Đế xem xét vũ trụ của Ngài, bởi vì Ngài phải có thật chính xác kinh nghiệm đó – những gì mà Ngài quan sát phải là một phần của chính Ngài, bởi vì không có điều gì không phải là một phần của Ngài. Do đó tâm thức của Thượng Đế phải là tâm thức Bồ Đề này được đưa lên lũy thừa bậc n với mọi sự sáng suốt, vinh

quang, huy hoàng, mà cho đến nay chúng ta không thể có ý tưởng nào về bất cứ cõi nào. Người ta có thể hiểu rất rõ ràng tại sao thế giới đó được nói đến như là cõi chân (the real), còn tất cả các thế giới thấp này như là cõi giả (the unreal) bởi vì sự dị biệt rất lớn và quan điểm hoàn toàn thay đổi đến nỗi bất cứ cách nào khác để xem xét các sự vật, dường như đều không xác thực, thậm chí còn buồn cười nữa một khi người ta đã học cách thấy chúng từ bên trong.

Đạt được cái thấy cao siêu đó không phải là hoàn toàn không thể làm được như nhiều đạo sinh đã nghĩ. Có một số người không nhiều lắm đã thành công trong kiếp sống này. Điều đó chắc chắn ở trong tầm hiểu biết của những người biết cố gắng, nếu họ cương quyết noi theo qui luật – cương quyết chấp nhận hoàn toàn không vị kỷ, vốn là điều bắt buộc, bởi vì chừng nào còn có một điều gì thuộc về cá nhân trong quan điểm của đệ tử, thì y không thể có bất cứ tiến bộ nào với tâm thức Bồ Đề này, một tâm thức tùy thuộc vào việc đè nén phàm ngã.

Ý tưởng chia rẽ tự biểu lộ theo một số cách trong cuộc sống hằng ngày và tốt hơn là nên canh chừng để chống lại các biểu lộ này. Một cách mà con người tỏ lộ ra nhiều nhất là ham muốn có quyền hành lên những bản ngã tách biệt khác. Hết một nửa thế giới này không ngừng tìm cách can thiệp vào phân nửa thế giới kia. Thói quen này thâm căn cố đế⁽¹⁾ trong chúng ta đến nỗi chúng ta không còn để ý đến
 128 nó. Thường thường chúng ta xem nó như là lời khuyên khôn ngoan. Có khoảng một trường hợp trong số hai ngàn trường hợp có thể tình cờ là thế, còn trong đa số các trường hợp

¹ Thâm căn: rễ sâu; cố đế: cuống bèn (đế: cuống).

khác, chúng ta chỉ đang khẳng định cái bản ngã chia rẽ của chúng ta bằng cách nỗ lực gây ấn tượng của chính chúng ta lên người khác.

Về mặt hồng trần, chúng ta cố bắt kẻ khác làm những điều theo cách của chúng ta và nhân nhượng chúng ta. Chúng ta luôn luôn cố thuyết phục họ chấp nhận kế hoạch riêng của chúng ta, bất kể kế hoạch đó ra sao, bởi vì đó là kế hoạch của chúng ta, nó là kế hoạch hay nhất trên đời, và chúng ta muốn áp đặt lên những kẻ khác. Ở địa hạt trí tuệ cũng thế. Con người luôn luôn cố áp đặt ý kiến và tư tưởng của họ lên kẻ khác. Khi một người đã phát triển được một trí tuệ bén nhạy rồi, y bắt đầu một cách tinh tế và từ từ muốn chi phối những người khác bằng trí tuệ đó. Chỉ vì tư tưởng của y trở nên nhạy bén hơn và mạnh mẽ hơn tư tưởng người khác, nên y cố uốn nắn tư tưởng của người bằng tư tưởng của mình. Thật là chính đáng và công bằng khi chúng ta muốn chia sẻ với những người khác tất cả những gì mà chúng ta biết; chúng ta muốn trình bày với họ những gì mà chúng ta thấy là rất hữu ích cho chúng ta. Nhưng theo lẽ thường, đó không phải ý tưởng vốn có đằng sau cái ham muốn chế ngự trí óc kẻ khác. Thường thường sự ham muốn này cùng hiện hữu với một số khinh thường đối với kẻ khác. Chúng ta nghĩ: “Những người này giống như bầy trùu, chúng ta có thể lừa họ đi theo, chúng ta có thể làm cho họ nghĩ tưởng những gì mà chúng ta muốn”. Ở một phạm vi rộng lớn thì đúng là một người đã học được cách suy tư, như chúng ta sẽ được học bằng cách thiền định và nghiên cứu, thì có thể chế ngự được các ý tưởng của người khác rất dễ dàng; nhưng chúng ta đừng nên làm điều đó, bởi vì bất cứ điều gì giống như sự thống trị (domination) đều là không tốt lành

cho sự tiến hóa của người khác và cũng không tốt lành cho chính chúng ta nữa. Thế nên ta phải chống lại cái ham muốn thống trị trí tuệ. Đó là một phần của thói chia rẽ.

Khi chúng ta đã giủ bỏ được tật xấu đó rồi, vẫn còn có một khả năng cao hơn theo đường lối đó –trong lãnh vực tinh thần, chúng ta cũng có thể cố làm cho người ta chấp nhận con đường của chúng ta. Điều đó ở phía sau của mọi nỗ lực nhằm cải đổi người ta từ một tôn giáo này sang tôn giáo khác. Có lẽ khi xử sự theo cách đó thì hoàn toàn không công bằng, bởi vì Cơ Đốc giáo ít nhất cũng bắt đầu bằng ảo tưởng to lớn, đó là trừ phi con người tin vào các học thuyết lỗi thời cụ thể của nó thì con người mới không gặp cảnh rất bất hạnh trong kiếp sau, do đó cố gắng của tôn giáo này để biến cải những người khác, đi đến chỗ có được sắc thái vị tha. Nó cho rằng: “Giáo lý của tôi là chính thống, và giáo lý của bạn là dị giáo”; còn nữa, “Những gì tôi tin tưởng đều đúng, và bạn phải làm theo như vậy”.

Khi chúng ta đã phát triển được tính chất tâm linh, khi chúng ta đã học hỏi được nhiều điều mà kẻ khác không biết, thì điều hữu lý và thích đáng ấy là chúng ta nên thuyết giảng nguyên tắc (gospel) của chúng ta, chúng ta nên mong muốn bày tỏ với người khác những gì mà chúng ta đã nhận thấy và cho họ mọi cơ hội để đi theo chúng ta tiến vào các lãnh vực tư tưởng cao siêu này; nhưng nếu mong muốn đó bị nhuộm màu bằng cái ham muốn chi phối họ – một ham muốn thường thấy đi theo với nhiều tính tốt – thì vẫn còn có một chút bản ngã chia rẽ xưa kia trong đó, và cây “cỏ dại to lớn” cuối cùng vẫn chưa được bứng rễ.

Chúng ta cũng phải giủ bỏ hoàn toàn cái mong muốn chế ngự kẻ khác, bởi vì chừng nào mà một người còn làm

việc theo cái ngã chia rẽ, thì y còn lệ thuộc vào đại khối (great mass) gồm các bản ngã chia rẽ, đó thật là một gánh nặng khủng khiếp trong cơ tiến hóa.

Vào lúc mà y bắt đầu nhận thức được sự hợp nhất, thì y không còn là một phần của gánh nặng này nữa, nó đã được
130 nâng lên và con người bắt đầu trở thành một trong những kẻ nâng gánh nặng cho thế gian.

Đứng một mình có nghĩa là người ta không còn bị lệ thuộc vào bất cứ người nào bên ngoài chính mình, bởi vì không có người hay vật riêng rẽ nào rốt lại có thể thực sự hữu ích cho chúng ta. Sự trợ giúp phải được tìm thấy trong chính chúng ta. Đức Thầy có thể giúp chúng ta vào lúc mà chúng ta cố gắng, nhưng dù vậy, Ngài không thể làm công việc hiện tại cho chúng ta được. Ngài luôn luôn gọi các sự việc cho chúng ta, đưa ra giúp đỡ cho chúng ta bằng mọi cách, nhưng ở mỗi giai đoạn, chính chúng ta phải đảm đương công việc. Khi chúng ta tiến tới, chúng ta phải học cách đứng hoàn toàn một mình ở bề ngoài, không có sự trực tiếp giúp đỡ của Đức Thầy, nhưng đó là một ảo tưởng, bởi vì không một ai có thể thực sự tách rời khỏi Đức Thầy hay tách rời khỏi Thượng Đế mà Đức Thầy là một phần của Ngài. Hơn nữa, chúng ta phải hành động y như chúng ta chỉ có một mình, và ở một số giai đoạn trong bước đường tiến hóa của chúng ta, chúng ta sẽ cảm thấy hoàn toàn cô độc; tuy nhiên nếu chúng ta có thể mang hết trí tuệ ra để chịu đựng sự cô độc đó, mặc dầu đó là một vấn đề khó khăn dưới các hoàn cảnh như thế, chúng ta tức khắc nhận ra rằng chúng ta không bao giờ có thể thực sự bị cô độc. Chúng ta là một phần của Thượng Đế và không thể không tồn tại như thế được, bởi vì nếu chúng ta không tồn tại trong Thượng Đế, chúng ta sẽ

hoàn toàn không còn hiện tồn, chúng ta sẽ ở tình trạng vô tri thức (unconscious).

Chúng ta là thành phần (part) của cái vốn không bao giờ ngưng hiện tồn, do đó ý tưởng cô đơn (loneliness) là một ảo tưởng, mặc dù ý tưởng đó gây nên đau khổ và phiền não vô cùng. Ở cõi trần, con người thường ít cô độc nhất khi nghĩ rằng chính mình cô độc nhiều nhất; khi y ở giữa một đám đông, y khó đạt đến các điều cao siêu, do đó y càng xa cách chúng nhiều hơn. Nhưng khi các bản ngã chia rẽ này không còn ở gần chung quanh y nữa, thì các ảnh hưởng của Đại
 131 Ngã không chia rẽ có thể tác động lên y nhiều hơn và đầy đủ hơn, như vậy, quả thật đúng khi nói rằng con người ít cô đơn nhất khi y nghĩ hoặc cảm thấy chính mình cô đơn nhất.

Thật khó có thể hình dung ra bất cứ ý niệm nào về cảm giác kinh khủng khi bị tuyệt đối cô đơn trong vũ trụ – một điểm lơ lửng (a point floating) trong không gian. Đó là tình trạng được gọi là a-tỳ (avichi), nó có nghĩa là “trạng thái không gợn sóng” (“the waveless state”). Đó là một tình trạng tâm thức mà dường như chính con người đứng bên ngoài các rung động của Sự Sống Thiêng Liêng, và được cho biết đó là kinh nghiệm khủng khiếp nhất có thể đến với một người. Đó là cái kết cục của một người theo tà đạo, mà trong nhiều kiếp sống đã cố sức hướng về sự chia rẽ, kẻ đó tự đặt mình trực tiếp chống lại các mãnh lực hợp nhất của cơ tiến hóa. Đệ tử của Đức Thầy phải học cách có thiện cảm ngay cả với phe hắc đạo, kẻ chịu khổ do trạng thái a-tỳ; do đó có khi trong sự phát triển của mình, một người phải có kinh nghiệm về trạng thái tâm thức đó. Y chỉ tiến đến trạng thái đó trong một sát-na thôi, nhưng y không bao giờ có thể quên được nó, và từ nay trở đi y sẽ luôn luôn có thể hiểu được nỗi

đau khổ của những người vẫn còn ở trong tình trạng như thế đó từ bao nhiêu lâu rồi.

Đối với chúng ta, khi thời điểm đó đến, chúng ta nên nhớ rằng bất cứ cái gì tồn tại (is), đều là Thượng Đế, và rằng chúng ta không thể bị chia tách khỏi Ngài cho dù chúng ta cảm thấy như vậy – chúng ta phải nhận ra rằng đó là ảo tưởng cuối cùng cần phải được chinh phục.

132 Tất cả chúng ta đều phải đứng một mình và cô độc, bởi vì mỗi người trong chúng ta đều phải học cách dựa vào chính mình và hiểu rằng mình là Thượng Đế, rằng tia Linh Quang (divine spark) trong y thực ra là một phần của Tổng Thể. Chỉ khi nào chúng ta có thể làm điều đó, chúng ta mới hoàn toàn đáng tin cậy đối với các giai đoạn cao hơn của công việc của Chân Sư. Trong khi chờ đợi, đối với mọi công việc thông thường của chúng ta trong đời sống, dù là công việc côi hồng trần, côi tình cảm hoặc côi trí đi nữa, việc hiểu biết rằng Đức Thầy bảo bọc chúng ta và ở kề cận đằng sau chúng ta vào mọi lúc, là một sức mạnh và an ủi rất lớn. Mỗi đêm, chúng ta làm công việc thông thường của chúng ta trên côi tình cảm hoặc côi trí, như trường hợp có thể có, và khi làm việc đó, chúng ta luôn luôn biết rằng sức mạnh của Đức Thầy che chở chúng ta. Nếu có một lúc nào đó chúng ta gặp phải một mãnh lực mạnh hơn chúng ta, nó đe dọa áp đảo chúng ta giống như trên côi trần, một cơn bão lớn hoặc một trận động đất có thể xảy ra, chúng ta luôn luôn biết rằng chúng ta có thể nhờ đến quyền năng của Ngài một cách vô hạn và vô tận. Cho dầu vị đệ tử phải học để tự lo liệu đi nữa, nhưng chỉ cốt để y có thể trở nên một trung tâm mạnh mẽ như chính Đức Thầy.

Đừng tưởng là con có thể đứng riêng biệt với kẻ bất hảo hoặc kẻ đần độn. Họ chính là con đó mặc dầu họ ở một trình độ kém cỏi hơn bạn con hoặc Chân Sư của con. Nhưng nếu con để cho nảy sinh trong con ý tưởng chia rẽ với điều xấu hoặc kẻ xấu nào, thì khi làm thế con sẽ tạo ra nghiệp quả, nó sẽ trói buộc con với việc đó hoặc người đó, cho đến khi linh hồn con nhận ra rằng nó không thể biệt lập được.

C.W. Leadbeater.- Đây là phần đầu của một chú giải dài của Chân Sư Hilarion. Dĩ nhiên tất cả chúng ta đều tin vào lý thuyết rằng nhân loại là một đoàn thể huynh đệ vĩ đại và thực sự là một khối thống nhất (a unity). Ở đây Đức Thầy thừa nhận rằng có nhiều trình độ trong khối thống nhất này, và do đó có nhiều trình độ tách biệt, cho nên ở một mức độ nào đó, chúng ta tách biệt với những người bất hảo và đần độn nhiều hơn là với huynh đệ hoặc Chân Sư của chúng ta. Ý 133 tưởng về tình huynh đệ của con người thường bị bóp méo để ám chỉ tính bình đẳng của con người, mà thực sự thì nó không thể có nghĩa như vậy. Trong bất cứ gia đình nào có nhiều anh em thì phải có sự sai biệt đáng kể về tuổi tác trong số các anh em này, và tương tự như vậy, phải có những dị biệt về tuổi của linh hồn trong số các thành viên này của tình huynh đệ vĩ đại trong nhân loại. Lại nữa, cũng như trong gia đình ở cõi trần, chính công việc của anh là giúp đỡ và dạy dỗ các em, vì thế, trong gia đình nhân loại, người anh phải che chở các em và giúp đỡ chúng trong khả năng của mình. Tình huynh đệ hàm ý tính chất bất đồng, nó bắt buộc có sự khác nhau về tuổi tác, và hơn nữa, nhiều người sẽ đảm trách các loại công việc khác nhau.

Một trong các biểu tượng đẹp đẽ nhất về tình huynh đệ mà tôi đã tình cờ được biết là một trong các hội viên của chúng ta đã thấy một ngôi đền Đông phương được chống đỡ bằng hàng trăm cột trụ. Hội viên ấy nói: “Tất cả các cột trụ này đang giúp chống đỡ cho ngôi đền, do đó chúng là biểu tượng của các linh hồn cá nhân tạo thành một phần của thánh điện nhân loại. Một số trụ này ở bên ngoài, luôn luôn được nhìn thấy và được chiêm ngưỡng. Chúng cũng dãi dầu nắng mưa. Các cột trụ khác ở xa bên trong đám rừng cột, không bao giờ có chút ánh sáng mặt trời nào chiếu trực tiếp vào chúng, không bao giờ được những người đi qua chiêm ngưỡng. Một số cột này ở những vị trí mà các người sùng đạo tụ tập chung quanh và ngồi dựa vào chân cột suốt ngày. Các cột khác ở những chỗ ít được đến gần, nhưng mỗi cột là một phần không thể thiếu của ngôi đền và cũng đang thực hiện công việc của chúng (chống đỡ ngôi đền – ND). Việc đó giống như tình huynh đệ của nhân loại. Một số người có thể cảm thấy rằng họ đang làm rất nhiều; những người khác không bao giờ biết đến một cơ hội giúp đỡ riêng lẻ nào đến với họ, tuy thế, tất cả đều đang đảm nhiệm phần việc của họ, và cũng vẫn giống như nhiều cây cột khác trong đền thờ vốn nổi bật hơn dưới mắt của quần chúng”.

134

Nhiều đạo sinh chúng ta háo hức muốn hợp nhất với Chân Sư và các vị Thánh, mà không nóng lòng đòi hỏi hợp nhất với những người phạm tội, người say sưa, người bất tài, người dâm dăng, người độc ác. Nhưng vì lẽ nhân loại là một, nên chúng ta phải đồng nhất với những người kém tiến hóa cũng như với những người tiến hóa cao. Ở một tình huống, có một phần của chúng ta hướng về mục tiêu mà chúng ta phải vươn tới, nhưng ở tình huống kia thì có một phần của

nhân loại mà chúng ta phải cố giúp đỡ. Chúng ta có thể giúp họ như thế nào? Trước hết, bằng cách nghĩ tưởng về họ một cách chân chính. Nếu chúng ta tránh xa họ một cách ghê tởm, nếu chúng ta ghét bỏ họ, ấy là chúng ta đang làm cho con đường của họ khó đi hơn. Nếu chúng ta để cho cảm giác tự nhiên và hợp lý đối với điều xấu đang diễn ra ảnh hưởng đến thái độ chúng ta đối với người làm ác, đó là chúng ta đang tạo ra một sai lầm. Đôi khi khó có thể tránh được điều đó, nhưng chúng ta luôn luôn có thể tự thuyết phục chúng ta, ở một mức độ nào đó, để không làm điều đó.

Các bác sĩ gặp những trường hợp bệnh hoạn thật ghê tởm và khủng khiếp – mà trong nhiều trường hợp thì người trong cuộc hoàn toàn tự gây ra cho chính mình. Nhưng không có một thầy thuốc nào – người thực sự sốt sắng trong công việc của mình – nghĩ đến điều đó khi người bệnh ở trước mặt mình. Ông ta không lùi lại trước bệnh nhân với sự ghê tởm, mà xem chúng bệnh như một kẻ thù cần phải chiến đấu và thắng phục. Đó là một tấm gương rất hay về thái độ mà chúng ta có thể phải chấp nhận khi chúng ta phải đối xử với một người thấp kém. Các khả năng chắc chắn là chúng ta không thể làm được gì nhiều với một người nghiện rượu hoàn toàn thấp kém, ý chí của người này hầu như không còn nữa; nhưng chùn bước trước anh ta một cách kinh tởm hoặc cảm thấy khinh miệt anh ta thì không phải là cách giúp ích cho người này. Cũng thế, khi một người phạm một tội ác khủng khiếp, chúng ta có thể có sự ghê tởm cực kỳ đối với tội ác, nhưng không nên ghê tởm người phạm tội. Thật khó cho chúng ta tách hai sự việc đó ra, nhưng chúng ta phải làm cho được điều đó.

Có một điểm nhỏ kỳ lạ khác về việc đó. Những điều làm cho chúng ta khiếp sợ nhất lại là những điều mà bản thân chúng ta có một khuynh hướng nào đó đối với chúng – mà chúng ta có thể hình dung đang ở trong nguy hiểm từ đó. Khi một người hoàn toàn không còn chút khuynh hướng nhỏ nhất nào về một tội ác cụ thể, thì người ta nhìn xuống tội lỗi đó mà không chút sợ hãi. Nhưng nếu người ta cảm thấy mình tràn đầy sợ hãi trước một nhược điểm cụ thể của con người, thì y có thể hiểu rằng đó là một lỗi lầm vốn đã là một nguy hiểm thực sự đối với y cách đây không lâu – có thể là một hoặc hai kiếp trước.

Khi chúng ta đi giữa những ảnh hưởng xấu, đôi khi chúng ta phải tự bao bọc mình bằng một cái vỏ để giữ cho các ảnh hưởng đó không đến gần. Đó thường là một sách lược tốt nhất, vì chúng ta hãy còn rất con người; nhưng phải làm chuyện đó tức là thú nhận hãy còn yếu đuối tới một mức nào đó. Người hoàn toàn dũng mãnh sẽ bước thẳng vào giữa mọi hiểm nguy này, vì chắc chắn rằng chúng không thể tác động đến mình, nhưng đó sẽ không phải là một việc khôn ngoan đối với tất cả chúng ta khi làm như vậy. Lực của chúng ta có hạn, và bằng cách tạo ra một cái vỏ, chúng ta có thể tự tiết kiệm cho chúng ta khỏi phải dùng tới một số lực nào đó một cách không cần thiết. Một người hoàn toàn tin chắc vào năng lực riêng của y, thì y có thể bước đi một cách vô hại giữa mọi thứ nguy hiểm, bởi vì y tin chắc vào chính mình. Sức mạnh hoàn hảo sẽ hủy diệt mọi e dè. Chúng ta lùi lại trước một trường hợp bệnh truyền nhiễm, bởi vì chúng ta sợ có thể bị nhiễm bệnh đó. Nếu chúng ta chắc chắn rằng chúng ta vô nhiễm với bệnh đó, ý tưởng bị mắc bệnh sẽ không đến với chúng ta.

Ý tưởng cho rằng chúng ta không được nghĩ là chúng ta tách biệt với kẻ ác hoặc kẻ đại khò thì không nhất thiết ngụ ý rằng chúng ta phải luôn luôn kết giao mật thiết với những người đó, mặc dầu việc tiếp xúc đôi khi cũng hữu ích. Trong một thành phố lớn như London chẳng hạn, có nhiều người nhân hậu, họ đang nỗ lực, chẳng hạn như, giúp đỡ người nghèo bằng cách đến sống giữa họ trong các khu ổ chuột. Một số đạo sinh chúng ta cũng giữ ý kiến cho rằng đó cũng là bốn phận của chúng ta đối với kẻ ác và người đại dột. Đó không phải luôn luôn là cách hay nhất để cứu giúp họ. Ở phương diện này chúng ta có thể học hỏi nơi cách hành xử của các Chân Sư. Các Đấng Cao Cả không xuống và sống trong các khu ổ chuột của các thành phố lớn của chúng ta. Tại sao các Ngài không làm như thế? Vì một lý do là các Ngài sẽ không thể tiến hành công việc của các Ngài cho nhân loại ở nơi đó. Ngài sẽ mất gần hết thời gian của Ngài để dọn sạch sẽ nơi mà Ngài có thể làm việc, có lẽ số lượng công việc được làm sẽ bị giảm một phần trăm của phần công việc nếu theo cách khác.

Đối với chúng ta cũng thế; ít nhất thì cũng không cần thiết khi chúng ta tự đặt mình vào các hoàn cảnh tồi tệ nhất. Trái lại, chúng ta có thể thường giúp đỡ hữu hiệu hơn nếu chúng ta không bị cản trở theo cách đó. Nếu một người nào đó thấy mình đang ở trong một đám đông đặc biệt khó chịu, có lẽ đây đây cảm xúc man rợ nào đó, hoặc đây sự bột phát đam mê nào đó, thì y có thể tung ra một cái vỏ bao quanh mình, và như thế tự bảo vệ lấy mình khỏi ảnh hưởng xấu, nhưng y không thể tác động nhiều lắm đến đám đông đó trong khi y đang bận rộn tạo ra cái vỏ đó. Mặt khác, nếu y ở cách xa đám đông, y có thể tuôn đổ nhiều nguồn lực hơn vào

đó. Ngay cả khi đó, nếu một đám đông gồm những người kém tiến hóa đang ở dưới sự chế ngự của một đám mê thô bạo nào đó, thì cũng chỉ có thể làm được rất ít điều với đám đông đó từ các cõi giới cao, bởi vì nguồn lực được đổ vào khó có thể ảnh hưởng đến đám đông đó khi nó đang ở tình trạng như thế. Do đó chúng ta không cần tiến nhập vào các môi trường xấu xa trừ phi chúng ta thấy rõ rằng chúng ta có thể làm được điều tốt lành nhất định ở nơi đó, mặc dầu chúng ta phải làm hết sức có thể nếu chúng ta ở trong một môi trường như thế. Chẳng hạn tôi có nghe nói đến những người thuyết giáo đã đi vào trong các quán rượu và bắt đầu một việc phụng sự tôn giáo, và đã có những trường hợp mà một biện pháp dũng cảm như thế thực sự thành công. Dĩ nhiên, cũng có nhiều trường hợp mà cách làm như thế kết thúc bằng một sự thất bại hoàn toàn. Trong các chuyện này, cũng như trong chiến tranh, một hành động dũng cảm và có vẻ liều lĩnh đôi khi có thể có chuyển biến tốt đẹp, nhưng thường khi nhiều việc có thể được hoàn thành bằng việc thực hiện theo một cách thức hợp lý vừa phải.

Hãy nhớ rằng tội lỗi và ô nhục của thế gian cũng là tội lỗi và ô nhục của con; vì con là một phần của thế gian; nghiệp quả của con được gắn bó chặt chẽ với đại Nghiệp Quả.

Ở cõi trần, chúng ta không hiểu được câu nói trên, nhưng khi vươn lên đến cõi Bồ Đề, chúng ta mới thấy rằng nó tiêu biểu cho một chân lý đích thực. Ở cõi đó chúng ta cảm thấy: “Tôi là một phần của những gì mà nhân loại không thể tránh khỏi; một cái gì đó tồn tại trong nhân loại

vốn là một nỗi ô nhục đối với tôi”, và chúng ta cảm nhận điều đó như thế bởi vì chúng ta, với tư cách là một phần của nhân loại, đã gây nên điều đó. Mặt khác, chúng ta có phần đóng góp của chúng ta trong mọi cái tốt lành đã được làm. Khi một người tiến được tới trước, chúng ta cảm thấy điều đó như là thành công đối với mọi người; nhờ y mà tất cả nhân loại tiến gần hơn một chút tới mục tiêu.

Và trước khi con có thể đạt được sự hiểu biết, con đã phải trải qua mọi chỗ dơ lẫn chỗ sạch. Do đó hãy nhớ rằng bộ quần áo dơ mà con ngần ngại khi sờ vào, có thể đã là quần áo của con ngày hôm qua, có thể sẽ là quần áo của con ngày mai. Khi bộ quần áo đó được máng lên vai con, nếu con quay đi với vẻ ghê tởm, nó sẽ bám chặt hơn vào con. Kẽ tự mãn sẽ tạo cho mình một chỗ trong vũng bùn. Con hãy tránh điều đó vì đó là điều nên tránh, chớ không phải để giữ cho bản thân con được trong sạch.

Lời bình chú của Chân Sư Hilarion kết luận bằng đoạn văn này, và nó thường bị hiểu sai. Một số người diễn giải rằng nó hàm ý là vào một lúc nào đó, mỗi cá nhân phải phạm mọi tội lỗi có thể có. Nó không có ý như thế đâu, bởi vì người khôn ngoan chắc chắn học được điều gì đó từ kinh nghiệm của những kẻ khác. Khi chúng ta đã thấy một người bị bỏng vì cho tay vào lửa, thì chúng ta không cần cho bàn tay chúng ta vào lửa, cũng như trước đây chúng ta biết chắc rằng làm như thế không phải là một điều tốt lành. Thế nên, chúng ta không cần phạm mọi tội lỗi có thể có để trang bị cho thể trí của chúng ta về các tội lỗi đó. Ở một giai đoạn tiến hóa nào đó, tất cả chúng ta đã tiến lên từ tình trạng con

139 người sơ khai và đã trải qua các giai đoạn khác nhau của sự sống, giữa tình trạng đó với tình trạng hiện tại của chúng ta, nhưng không có lý do nào để cho rằng chúng ta đã hành động tệ hại trong mỗi giai đoạn. Có một lý do nào đó để giả định rằng hầu hết chúng ta trong lúc trải qua một loạt dài các kiếp sống, đã lấy mẫu các loại lỗi lầm khác nhau mà con người có thể mắc phải, nhưng chắc chắn chúng ta không trải qua hết mọi chi tiết. Khi tiếp xúc với một hình thức của một điều xấu cụ thể, tôi nghĩ rằng đối với linh hồn khôn ngoan, điều đó đóng vai trò kinh nghiệm cho một mức độ rộng của các lỗi lầm tương tự.

Kể đó có một xem xét khác. Khi đạt đến tâm thức Bồ Đề thì mỗi người nhìn ra ngoài qua tâm thức đó và trải nghiệm tất cả những gì mà những người khác trải qua. Chúng ta nghĩ đến cái vinh quang và kỳ diệu của tâm thức bồ đề, bởi vì tâm thức đó đem chúng ta hợp nhất với các Chân Sư. Đừng quên rằng tâm thức đó cũng đưa chúng ta đến chỗ hòa hợp với kẻ sa đọa và người tội lỗi. Các cảm xúc của họ phải được trải nghiệm, cũng như việc trải nghiệm cái vinh quang và huy hoàng của đời sống cao siêu. Thế nên khi chúng ta có thể tiếp xúc với cõi Bồ Đề, chúng ta có thể rút được kinh nghiệm của các trạng thái thấp thỏi và khó chịu hơn của sự sống bằng cách nhập vào tâm thức của người đang trải qua các giai đoạn đặc biệt này. Chúng ta không cần thực hành điều này như một bài học, bởi vì chúng ta đã biết theo giả thuyết rằng các điều này vốn không thể xảy ra cho chúng ta. Nhưng chúng ta phải có kinh nghiệm đầy đủ để có sự đồng cảm hoàn toàn, nếu không chúng ta không thể giúp đỡ kẻ khác. Người có tính đồng cảm hoàn toàn sẽ nhờ trực giác mà biết được các khó khăn và các thử thách của người khác, và

như thế tràn đầy tình thương ngay cả đối với người lầm lỗi. Nhờ sự đồng cảm, y làm cho “bộ quần áo bẩn” thành bộ quần áo của chính y. Cuối cùng, khi chúng ta đã bỏ được tính chia rẽ và nhận thức được sự hợp nhất, chúng ta sẽ thấy rằng chúng ta được hòa nhập vào Sự Sống thiêng liêng, và thái độ yêu thương là thái độ duy nhất mà chúng ta có thể có đối với bất cứ huynh đệ nào của chúng ta, dù họ ở trình độ cao hay thấp.

6.- *Hãy diệt lòng ưa thích cảm giác.* (Kill out desire for sensation.)

Hãy học hỏi từ cảm giác và quan sát nó, bởi vì chỉ có như thế con mới có thể bắt đầu khoa học tự tri và đặt chân lên nấc thang thứ nhất.

A. Besant.- Đệ tử phải quan sát cách tác động của cảm giác nơi chính mình, sao cho y có thể có được một sự tự tri nào đó từ việc đó. Y có thể đạt đến sự hiểu biết đó chỉ bằng cách thận trọng nghiên cứu các tư tưởng của riêng y. Kết quả đầu tiên của việc cố gắng nghiên cứu các tư tưởng của riêng bạn là đứng tách ra khỏi các tư tưởng, nghĩa là tách tư tưởng ra khỏi bản thân bạn. Chính sự kiện nghiên cứu tư tưởng của bạn đã rút sự sống của bạn ra khỏi chúng, vì thế tạm thời hủy diệt sự đồng nhất hóa bạn với tư tưởng của bạn, là việc vốn thường hay xảy ra. Một người không đồng nhất mình với đối tượng nghiên cứu của mình, với sự việc mà mình đang xem xét. Đó là một châm ngôn trong các môn đồ của Đức Shankaracharya, rằng chủ thể (subject) và khách thể (object) không bao giờ có thể giống nhau. Thế nên chính nỗ

lực nghiên cứu đó làm suy yếu các hình tượng, và chỉ trong động tác đó, bạn đang có được sự tự do.

Được liên kết chặt chẽ với lời khuyên này là hướng dẫn để trải nghiệm các kinh nghiệm, mục đích là để cho con người có thể trải nghiệm tình trạng không còn bị chúng ảnh hưởng nữa. Khi một người đang quan sát cảm giác của riêng mình để học hỏi từ nó, thì y có thể trải nghiệm cảm giác đó, nhưng đồng thời y có thể thực hiện một cái gì đó còn cao siêu hơn nữa với nó – y có thể đo lường sức mạnh này mà không đầu hàng nó.

141 Cũng sẽ đến lúc khi người đệ tử thực hành việc quan sát các cảm giác này, y sẽ thấy rằng các cảm giác yên ngủ nơi y đang được đánh thức trở lại.

Tất cả chúng ta đều có các hồi ức về quá khứ, có thể nói rằng chúng lẫn lộn quanh chúng ta với tư cách là các bản ngã đã chết (dead selves) của chúng ta, và có thể được làm cho sống lại từ bên ngoài. Chúng có thể sống trở lại bằng sự tiếp xúc với các hình tư tưởng theo cùng đường lối của những người khác, hoặc chúng có thể được đánh thức bởi hành động thận trọng của một quyền năng nào đó vốn đang tác động để thanh luyện chúng ta, hoặc đang thử thách chúng ta từ phía tà đạo, hoặc từ phía chính đạo. Giả sử rằng một người có bản ngã đã chết đó được làm cho sống lại, lúc bấy giờ y sẽ cảm thấy những gì thường được gọi là lực cảm dỗ. Nhờ đã nghiên cứu cách mà những điều này tác động, vị đệ tử nhận biết những gì đã xảy ra. Y đo lường được sức mạnh của tư tưởng được hồi sinh và nói với nó: “Người không phải là Chân Ngã sinh động (living Self) của ta, người chỉ là cái “Ngã” (“I”) của quá khứ của ta – vậy hãy rút đi cho khuất mắt ta”.

Đôi khi trong thời điểm bị cảm dỗ, thật cũng có ích khi nhận ra rằng đó chỉ là quá khứ của bạn, chính quá khứ đó đã được làm sống lại, và lúc đó bạn có lý khi nói: “Đây không phải là Tôi”. Kể đó bạn đứng nhìn như là nó ở ngoài bạn, như là không có phần nào của bản thể hay hoạt động của bạn, và bạn biết rằng nó không thể thu hút bạn hoặc làm vấy bẩn bạn. Sự tin tưởng nhấn nại vốn xuất phát từ hiểu biết này, có một yếu tố sức mạnh lớn lao trong đó. Bạn biết rằng bạn đang tiến gần hơn đến thời điểm mà bạn sẽ không còn cảm thấy ngay đến sự cảm dỗ này. Chẳng mấy chốc thì sự cảm dỗ sẽ không có chút sức mạnh nào ảnh hưởng đến bạn.

Trong tiến trình thận trọng cân nhắc, đo lường và quan sát các tình cảm và tư tưởng đã qua của riêng mình, vị đệ tử đang giết chết chính khả năng sống cuối cùng trong cái bản ngã đã chết đó. Quyển Tiếng Nói Vô Thình có hàm ý điều này khi bàn về lòng ham muốn : “Hãy coi chừng, e rằng từ trong các xác chết, nó sẽ trỗi dậy lần nữa”.

Các tình cảm và tư tưởng xưa cũ không còn quan trọng nữa, không phải chỉ khi chúng bị chôn sâu khuất mắt, mà khi chính mảnh vụn cuối cùng của chúng bị thanh toán đến cùng, khi con người nhìn vào chúng và thấy chúng chỉ là cái gì một cách thông suốt hoàn toàn, và chúng không phải là một thành phần của y. Trong sự nghiên cứu âm thầm này, bấy giờ y sẽ tiêu diệt chúng vượt quá mọi khả năng hồi sinh.

C.W. Leadbeater.- Trước tiên chúng ta phải từ bên ngoài học quan sát hoạt động của cảm giác trong chính chúng ta. Bao giờ mà chúng ta còn bị nó lôi cuốn thì chúng ta không thể học được bất cứ điều gì nơi nó, bởi vì lúc đó chúng ta chỉ là nô lệ của nó, nhưng nếu chúng ta có thể lên cao và nhìn xuống nó, và nghĩ đến nó như một điều gì thuộc về quá khứ

chúng ta, thì lúc bấy giờ chúng ta mới ở vào vị thế quan sát và khảo cứu nó.

Các làn sóng cảm giác dâng lên khắp thế gian, và chúng ta phải học cách hiểu biết chúng để có thể giúp kẻ khác, nhưng dĩ nhiên chúng ta chỉ có thể làm điều đó khi chúng ta không còn bị cảm giác chế ngự nữa. Chắc chắn phần lớn đó chỉ là vấn đề về tính khí, nhưng đối với nhiều người đó là một trong các khó khăn lớn nhất khi các cảm giác và xúc động cuốn họ đi, và cho đến nay, họ không hiểu hoàn toàn cách kiểm soát chúng. Điều đó cũng giống như đứng trong các cơn sóng lớn vỗ bờ và cố chế ngự chúng.

Con người không thể chế ngự một vật cứ đập vào mình liên miên rồi cuốn quét đi; nhưng con người không hiểu được rằng tình cảm đó thực ra không phải là một lực ở bên ngoài giống như lực đó, mà là nó nằm ngay trong chính con người và có thể được đưa vào hoàn toàn trong vòng kiểm soát của con người nếu người ta hiểu cách làm điều đó.

Cách thức là ngay từ lúc đầu phải giữ chặt lấy nó. Một cơn sóng nóng giận, nản chí, ganh tỵ hoặc bất cứ cái nào trong các đam mê này sẽ bắt đầu trong một chốc và tăng trưởng nhanh chóng thành một sự việc rất lớn. Nó xuất hiện rất đột ngột và người ta quen xem nó như là bản ngã, đến nỗi trong một thời gian ngắn họ không nhận ra nó, và vì thế không kìm mình và chặn đứng nó ngay, và nói: “Đây không phải là tôi; tôi không để bị cuốn đi; tôi trụ lại vững vàng”. Nếu chúng ta nhớ làm điều đó kịp lúc, cảm xúc sẽ biến mất tức khắc. Đa số con người đều quyết tâm để không bị đánh bại khi họ hoàn toàn bình tĩnh, nhưng không may là khi làn sóng cảm giác ập đến họ, thì lúc đó họ không muốn chống lại nó. Linh hồn bên trong không nhận thức được ngay sự

nguy hiểm, vì thế nó để cho nó bị cuốn đi và để cho bị đồng hóa với xúc cảm hoặc cảm giác đó. Do đó, chúng ta phải học cách tóm lấy nó một cách chính xác vào lúc nó đến, vì nếu chúng ta để cho nó vượt khỏi, thì đó là một vấn đề rất khó khăn, khi cảm giác ở trong tình trạng hoạt động tối đa, để kiềm chế nó một cách đột ngột, mặc dầu đôi khi một người khác có thể làm việc đó đối với chúng ta. Sau đó, khi nhớ lại, chúng ta sẽ hối tiếc. Điều thực tế phải làm là cố gắng kiềm chế cảm giác mỗi lần sớm hơn một ít, còn nếu chúng ta có thể chặn nó một lần trước khi nó bắt đầu tiến triển, thì có khả năng là chúng ta sẽ có thể lúc nào cũng làm được như thế sau đó.

144 Lúc đầu thực là khó khăn chỉ vì con người, với tư cách là một Chân Ngã (Self), đã từ bỏ quyền của mình ở nhiều cơ hội trước đó, đến nỗi y đã trở nên mất thói quen khẳng định các quyền này. Nhưng nếu y có một lần quyết khẳng định các quyền đó vào thời điểm quyết định, y sẽ thấy rằng y có thể làm điều đó nhiều lần, bởi vì loài tinh linh (the elemental) chính là nguyên nhân của khó khăn, sẽ bắt đầu sợ sệt, sẽ bắt đầu nhận thức rằng nó không thể lôi cuốn mọi vật trước mặt nó. Lúc đầu, nó hoàn toàn tự tin, giống như con chó nhảy xổ vào một người, vừa sủa vừa nhe nanh, bởi vì nó nghĩ con người sợ nó; nhưng nếu con người không quay lưng bỏ chạy, con chó sẽ ngần ngại và bắt đầu hơi nghi ngờ về tính táo bạo của nó. Loài tinh hoa không có cái thông minh của một con chó. Nó có thể hoặc không thể biết rằng chúng ta mạnh hơn nó, nhưng nếu nó không biết, chính là chỉ vì chúng ta đã không tự khẳng định mình. Chúng ta nên để cho loài tinh linh đó biết rằng chúng ta là chủ của nó. Một khi nó cảm nhận được điều đó, nó sẽ do dự ngay từ lúc đầu con sống

của nó. Kiểm soát nó từ lúc đầu, rồi sẽ không có phiền toái thêm nữa.

Chúng ta cũng phải học hỏi từ cảm giác bằng cách quan sát nó nơi người khác. Theo cách này, chúng ta sẽ hiểu được bản chất con người. Chúng ta có thể thấy những người khác xử sự một cách ngốc nghếch như thế nào dưới ảnh hưởng của xúc cảm, và thấy nó trông tệ như thế nào nơi họ, và rõ ràng nó làm hại họ biết bao nhiêu; chúng ta học cách kiềm chế bất cứ một chút nào của sự việc tương tự nơi chúng ta. Dĩ nhiên là thấy những sự việc đó nơi kẻ khác dễ dàng hơn nhiều so với thấy chúng nơi chúng ta, khi chúng ta đang đứng bên ngoài như những khán giả. Tuy nhiên, chúng ta sẽ không nhìn những người khác để chỉ trích họ và buột mồm các lỗi lầm của họ, mà chỉ thấy những gì mà chúng ta có thể học hỏi từ họ.

145 Khi chúng ta thấy rõ họ không sống theo cái tốt lành và cao thượng nhất của họ, do đam mê hoặc xúc cảm nào đó, hoặc do cảm giác ghê tởm nào đó, thì chúng ta có thể ghi nhớ việc đó, mà tuyệt nhiên không nghĩ rằng chúng ta tốt đẹp hơn họ, và chúng ta có thể nghĩ: “Có thể không cùng một sự việc đã xảy đến cho tôi chăng? Tôi mong rằng việc đó sẽ không xảy ra”.

Như vậy chúng ta có thể học hỏi từ lỗi lầm của kẻ khác mà không phạm phải thói quen chỉ trích, vốn luôn luôn là không tốt. Khi chúng ta thấy một người khác gặp phiền muộn, dù chúng ta có thể lấy làm buồn tiếc cho y như thế nào, có thể cũng không có hại khi nghĩ rằng: “Xin đừng để cho tôi cũng rơi xuống bờ vực; một người bị như thế cũng đủ rồi”.

Trong khi có chiến tranh, các làn sóng cảm giác lớn tràn ngập thế gian. Trong số đó có một số lượng khủng khiếp nổi kinh tởm và oán hờn chống lại với các cường quốc mà chúng ta tình cờ có chiến tranh với họ. Tôi tuyệt nhiên không bênh vực các hành vi độc ác mà các cường quốc này phạm phải. Tôi biết các chuyện độc ác đó đã xảy ra, bởi vì chính tôi đã thấy bằng nhãn thông cõi cảm dục, một số lớn các hành động đó, làm cho tôi đầy tủi hổ cho nhân loại. Tôi không muốn phủ nhận các sự kiện này, che đậy chúng hoặc bào chữa cho chúng dù chỉ trong chốc lát. Nhưng cũng có các nguy hiểm và tai hại lớn trong việc đổ trút ồ ạt cảm giác chống lại những người phạm vào tội ác. Những người chịu trách nhiệm đối với những sự tàn bạo là những người phạm chúng, và các cá nhân ra lệnh thực hiện chúng, không phải toàn thể quốc gia. Chắc chắn là trong quá khứ người Anh đã làm rất nhiều điều mà chúng ta không thích đánh đồng chính chúng ta với những người đó - và đó cũng là điểm giống nhau trong mọi quốc gia. Chúng ta đừng để cho chính chúng ta bị lôi cuốn vào sự bất công trong tư tưởng, cũng như trong lời nói hoặc việc làm.

146 Kẻ thù của chúng ta cố tình hành động một cách có cân nhắc để khơi dậy lòng hận thù chống lại chúng ta. Có thể, điều đó có lẽ đạt được hiệu quả trong một thời gian dưới hình thức một trong số các mưu mô của cuộc vận động. Họ có thể thấy rằng chuyện đó được đền bù bằng cách nhận được người hưởng ứng mới và tiền bạc v.v., nhưng đó là một lỗi lầm nặng về đạo đức. Bằng cách này, hoàn toàn chắc chắn rằng họ tự đặt họ vào chỗ sai trái, trong chừng mực mọi khía cạnh cao siêu của vấn đề có liên quan. Nhưng có nguy hiểm trong trường hợp như thế, e rằng chúng ta cũng sinh

lòng thù hận. Người ta phải tuyệt đối nhất quyết chống lại với sai trái, xúc tiến việc đó đến mức cuối cùng, tuy nhiên hãy hoàn toàn tránh bất cứ gì như tư tưởng hận thù. Hãy nhớ cách mà Đức Phật đã nói: “Hận thù không bao giờ kết thúc bằng hận thù” (“Hatred never ceaseth by hatred”). Trái lại hận thù luôn luôn được khuấy lên bằng hận thù.

Khi người ta nghe nói đến các hành vi cực kỳ độc ác áp đặt vào đàn bà và trẻ con, ai lại không cảm thấy căm phẫn cực độ. Không có gì hại hết khi cảm thấy căm phẫn đối với hành động độc ác như thế. Thật là một điều khủng khiếp, và tất cả những người ngay thẳng đều sẽ và nên dứt khoát tố giác tội ác đó, mà không bào chữa hoặc biện hộ gì cả; nhưng sẽ là một lỗi lầm lớn khi thù ghét kẻ không may đã phạm vào tội ác. Họ nên được thương hại hơn là khiển trách, công việc của chúng ta không phải là khiển trách họ, mà chính bốn phận chúng ta là giúp cho họ không thể tái phạm vào những việc này. Thái độ chúng ta sẽ là thái độ mà một người sẽ chọn đối với một con dã thú đang tấn công con của anh ta. Y không được vinh dự gì khi oán thù con thú. Mà chỉ muốn dẹp bỏ nó thôi. Chúng ta nên hết sức thương tiếc cho những người bất hạnh này tức kẻ đã làm điều đó, bởi vì chúng ta thấy những gì mà nghiệp quả đang đợi họ. Thật là điều 147 khủng khiếp khi thấy đàn bà và trẻ con bị giết hại, có lẽ còn kinh khiếp hơn nữa đối với bà con thân thuộc hơn là đối với chính nạn nhân, nhưng tệ hại nhất là đối với kẻ phạm tội. Chính họ mới là kẻ đáng thương nhất, bởi vì cuối cùng, nỗi đau khổ (do nghiệp quả đem lại - ND) cho họ sẽ vô cùng khủng khiếp.

Trong giới hạn năng lực của chúng ta, chúng ta sẽ chọn những bước để ngăn chặn những gì đang xảy ra khỏi tái diễn

trở lại, nhưng chúng ta đừng nên có cảm giác căm hận. Đó là một trường hợp phải cư xử đúng với cương vị của mình. Chúng ta hoàn toàn đứng trên rất nhiều hạng người thuộc loại này; trong sự tiến hóa và phát triển, chúng ta vượt hơn họ nhiều thời kỳ (ages). Chúng ta đứng cách xa khỏi y, giống như y đứng xa khỏi giới động vật vậy, và vì lý do đó, nên chúng ta phải chứng tỏ sự phát triển cao hơn của chúng ta bằng cách không có cùng cái lòng oán thù đó như họ.

Chúng ta chỉ có thể nghiên cứu các hiệu quả của cảm giác nếu chúng ta tự tách chính chúng ta ra khỏi cảm giác, nếu chúng ta đứng bên ngoài và cố kềm chế cảm giác và học hỏi từ nó. Chúng ta đừng nên để bị cuốn đi trong bất cứ vùng nước xoáy nào như thế của tình cảm của quần chúng, mà chúng ta phải cố gắng để thấy nó sai ở nơi đâu và làm những gì mà chúng ta có thể làm được để đặt nó đúng chỗ. Nhiều người vốn ở dưới ảnh hưởng của cảm giác đam mê dữ dội này, nên tưởng rằng chúng ta có hơi lãnh đạm và lạnh lùng; thậm chí có thể rằng đôi khi họ nghĩ chúng ta như là kẻ thiếu lòng ái quốc nếu chúng ta từ chối hận thù. Dĩ nhiên đó không phải là điều hợp lý, nhưng kìa, người ta quả là vô lý khi ở dưới ảnh hưởng của các làn sóng thù hận rộng lớn này. Chúng ta có thể giải thích cho họ hiểu rằng lòng ái quốc không kêu gọi người ta căm thù các xứ sở khác, mà họ đôi khi không thấy rằng chúng ta có thể yêu thương xứ sở chúng ta mà không bắt buộc phải thù hận quốc gia khác.

148

Thái độ của chúng ta trước các vấn đề này rất giống thái độ mà chúng ta sẽ chọn trước cái buồn phiền của đứa trẻ con. Một đứa bé con làm gãy con búp bê và đang khóc như mưa bão và đang hối tiếc cực độ. Chúng ta làm hết sức mình để dỗ dành đứa trẻ đó, nhưng chúng ta hoàn toàn thản

nhiên, chúng ta không chia sẻ nỗi lòng hối tiếc với đứa bé. Chúng ta không thất vọng vì con búp bê bị gãy, hoặc vì vấn đề này hoặc vì vấn đề nhỏ nhất kia có thể xảy ra trong đời sống ở học đường của đứa trẻ. Chúng ta hiểu rằng đứa trẻ có một tương lai, và khi so sánh với tương lai đó, thì mọi chuyện nhỏ nhất này chỉ là nhất thời và không chút quan trọng, mặc dù chúng rất là hệ trọng đối với đứa bé. Chúng ta sẽ không làm đủ bốn phần nếu chúng ta không tỏ ra thương xót, nhưng chúng ta sẽ trở thành rồ dại nếu chúng ta tỏ ra cảm xúc nhiều như đứa trẻ đã cảm xúc, vì lúc đó chính chúng ta lại hành động theo cách trẻ con.

Với người đang học cách chấp nhận một thái độ坦然 nhiên, mọi việc cũng đúng y như thế. Y đồng cảm với những người bị xáo trộn dữ dội trước những chuyện như thế, nhưng chính y không bị xáo trộn. Giống như người ta nói với đứa trẻ: “Ồ, được rồi, chả có gì hết, chốc nữa sẽ ổn cả thôi”, cho nên chúng ta cũng sẽ nói với những người bị tràn ngập dưới các xúc cảm này: “Nếu bạn chịu tin vào điều đó, thì mọi việc sẽ đi đến chỗ ổn thỏa và tất cả sẽ tốt lành”. Nếu chúng ta nói như thế, chúng ta bị xem như thiếu cảm thông, mà thực ra, điều đó hoàn toàn đúng. Chúng ta thường thấy khó mà tránh được sự sốt ruột về chỗ tại sao có người có thể trở nên thiếu sáng suốt như thế. Chúng ta thấy họ bị tràn ngập bừa bãi về những việc vốn không có một chút quan trọng. Họ thường là những người có tiềm năng huy hoàng, nhưng họ không thấy được chúng và để cho chính họ bị tràn ngập bởi các đợt sóng điên cuồng của dục vọng.

149 Có lẽ chúng ta đã làm một việc giống như họ từ nhiều ngàn năm trước đây. Do đó chúng ta mới học được tính nhẫn nại vì biết rằng đó là một giai đoạn trong bước tiến hóa,

mặc dù là một giai đoạn không mấy ưa thích. Thế nên, những ai trong chúng ta vẫn còn có nguy cơ đầu hàng các cảm xúc thuộc loại đó, cần phải tự trách mắng mình và nói: “Hai mươi kiếp về trước, điều này còn có thể tha thứ được, còn bây giờ thời gian đó qua rồi”.

Nếu trong cuộc sống thường ngày, chúng ta gặp một người đứng tuổi rồi mà còn vút thì giờ của mình trong thú vui, chúng ta biết rằng điều đó có thể chấp nhận được cách đây hai mươi năm, nhưng giờ đây y nên nghĩ đến những chuyện quan trọng hơn của đời sống. Cũng thế, chúng ta nên vươn lên đến trình độ mà các xúc cảm của chúng ta đều là các xúc cảm cao, nơi mà chúng ta có ý tưởng lớn lao duy nhất đối với công việc mà Thượng Đế muốn chúng ta hoàn thành.

7.- Hãy diệt lòng khao khát tăng trưởng. (Kill out the hunger for growth)

8.- Hãy tăng trưởng như đóa hoa đang tăng trưởng, một cách vô tâm, nhưng khát khao nồng nhiệt mở tâm hồn ra với không khí. Thế nên con phải gấp rút mở tâm hồn con với Đấng Vĩnh Cửu. Nhưng đó phải là vì Đấng Vĩnh Cửu mà con phát triển sức mạnh và vẻ mỹ lệ, chứ không phải vì ham muốn tăng trưởng. Bởi vì trong trường hợp trước con phát triển trong sự tràn đầy thanh khiết; còn trong trường hợp sau, con trở thành cứng rắn do sự đam mê mạnh mẽ đối với sự phát triển cá nhân.

A. Besant.- Trong giai đoạn phát triển sau đó, vị đệ tử sẽ cảm thấy mình đang ngày càng mở ra với Đấng Vĩnh Hằng và nhận thức được cái mỹ lệ Đấng đó. Mong muốn tăng trưởng

sao cho mình có thể cao quý hơn huynh đệ của mình bấy giờ trở nên không còn nữa đối với y. Trước khi đạt đến giai đoạn đó, y vẫn còn ở trong nguy hiểm, vì sự vĩ đại của những gì y đã đạt được.

150 Nếu y nghĩ sự phát triển của y thuộc về bản ngã chia rẽ, và cảm thấy bản thân y đang trở nên vĩ đại, thì y có thể sa ngã. Cách duy nhất để tránh nguy cơ đó là giữ sạch mong muốn trở nên vĩ đại, không khoan nhượng cho cái ham muốn phát triển cho riêng mình. Vì khi ở vào trình độ cao của mức phát triển nhân loại, vị đệ tử phải dừng dừng với việc liệu y có tăng trưởng hay không, nhưng phải chỉ quan tâm đến Sự Sống Thiêng Liêng và Thiên Ý, chỉ nghĩ đến niềm vui khi niềm vui đó có thể mang đến cho tất cả những ai chào đón nó trong cuộc sống của họ.

C.W. Leadbeater.- Chúng ta sẽ tăng trưởng như đóa hoa đang tăng trưởng. Tại sao? Bởi vì đóa hoa tăng trưởng không vì bản thân nó mà hoàn toàn vì kẻ khác. Nó tăng trưởng không phải để phô trương nó, mà cốt để cho chủng loại của nó có thể trở nên lớn mạnh hơn nhờ cái chết của nó. Nó tồn tại không phải vì việc có được quả cho chính nó, mà vì quả chỉ đến sau khi hoa chết đi. Toàn thể sự tăng trưởng của hoa không phải dành cho chính nó, mà là dành cho những cây khác sẽ đến. Thế nên, không phải bởi vì nghĩ đến chính ta, mà bởi vì cố gắng làm việc cho phúc lợi của kẻ khác, mà chúng ta phải vội vã. Ý tưởng lớn duy nhất – ý tưởng trợ giúp vào công việc của Thượng Đế – phải luôn lôi cuốn chúng ta. Chúng ta phải làm việc để đạt được mọi đức hạnh và năng lực chỉ để cho chúng ta hữu dụng hơn trong việc phụng sự Thượng Đế; bằng cách quên mình trong công việc

vị tha, chúng ta tăng trưởng dưới hình thức là một phần của tổng thể, và vì thế “phát triển trong sự tràn đầy thanh khiết”.



CHƯƠNG 6

Qui tắc 9 – 12

C.W. Leadbeater.- Trong sách này, cho đến nay chúng ta đã đi qua hết khía cạnh tiêu cực của các sự việc trước mắt chúng ta. Chúng ta được chỉ dạy hãy diệt một vài ham muốn, nhưng, giờ đây, chúng ta đi đến khía cạnh tích cực và học những gì chúng ta có thể học được và thực sự là những điều phải ham muốn. Điều làm chúng ta khó hiểu là chúng ta được khuyên nên ham muốn một cái gì đó. Những ai có nghiên cứu các kinh sách Ấn Độ sẽ nhớ lại rằng đây là một quan điểm mà ngay đến các kinh Upanishads cũng giảng khác nhau. Có quyền thì phản đối mọi thứ dục vọng; quyền đó biện luận rằng ngay đến cái ham muốn làm điều tốt lành cũng phải tránh, bởi vì chúng ta phải hoàn toàn không có bất cứ sở thích nào về điều này, điều nọ. Những kinh sách khác lại chỉ rằng chúng ta phải có ham muốn về tiến hóa và cho rằng khi tất cả các ham muốn khác đều bị chinh phục trừ cái ham muốn phát triển của linh hồn, thì lúc đó đối với con người không thể có sự phiền muộn nào nữa. Chúng ta có thể dung hòa hai lý giải trên nếu chúng ta xét lý giải thứ nhất với ý nghĩa rằng nếu chúng ta có ham muốn hợp tác ngay trong

công việc cao cả của thế gian với tư cách một bản ngã riêng biệt, nghĩ đến chúng ta và đến các sự việc lớn lao mà chúng ta có thể làm, thì vẫn còn có một chút ý tưởng chia rẽ; nhưng nếu chúng ta có thể nghĩ đến chính chúng ta như là một phần của nhân loại và tìm kiếm sự tiến bộ của chúng ta nhân danh nhân loại mà chúng ta là một phần trong đó, mà không
 152 còn bất cứ ý tưởng nào về bản ngã nữa, thì bây giờ chúng ta đã nâng và tinh luyện ham muốn của chúng ta thành một đạo tâm (aspiration) vốn hoàn toàn đáng mong muốn.

9.- Chỉ nên ước muốn những gì ở trong con. (*Desire only that which is within you*)

Vì trong con có ánh sáng của thế gian – ánh sáng duy nhất có thể được tỏa chiếu trên Thánh Đạo. Nếu con không thể thấy được ánh sáng đó bên trong con, thì tìm kiếm nó ở nơi khác thật vô ích.

Tư tưởng được diễn đạt trong phần bình giải này đều quen thuộc đối với mọi tôn giáo, mặc dù các tôn giáo diễn đạt tư tưởng đó theo những cách khác nhau. Chúng ta gặp tư tưởng này trong Cơ Đốc giáo, nhưng theo lệ thường, chỉ có các nhà thần bí Cơ Đốc giáo dường như mới hiểu được nó. Chúng ta có ý tưởng đó trong khổ thơ sau:

*Dù Đức Christ giáng sinh ngàn lần tại Bethlehem,
 Nhưng nếu Ngài không ở trong người, thì hồn người vẫn
 sẽ hoang vắng.*

*Và trên thập giá ở Calvary, Ngài chịu hoai công treo mình,
 Trừ phi trong tâm hồn người thập giá được dựng trở lại.*

Thật dễ thấy khổ thơ đó hàm ý gì. Nếu một người không tin tưởng vào thiên tính (divinity) có sẵn của chính y,

thì y không có hy vọng gì tiến hóa, bởi vì lúc đó y sẽ không có gì trong y để y có thể dựa vào đó mà hành động; không có gì bên trong y để nâng y lên bất cứ mục đích cao siêu nào. Nhưng nếu y biết rằng bên trong y có nguyên khí Christ kỳ diệu, thì lúc đó y nhận biết rằng muốn khai mở thiên tính đó chỉ là vấn đề thời gian, và phần của y trong công việc khai mở đó là làm cho các hiện thể bên ngoài của y trở thành hài hòa, để cho cái vinh quang bên trong có thể chiếu xuyên qua. Đó là ý nghĩa của các từ ngữ: “Christ ở trong ngươi là niềm hy vọng vinh quang”. Niềm hy vọng mà chúng ta có trong chúng ta chính là tia linh quang này. Người nào không chịu
 153 tin có linh quang bên trong con người của mình, thì người đó đang đặt một chướng ngại không thể vượt qua trên đường đi của chính mình, mãi cho đến khi y nhận ra được sai lầm của mình.

Quả thực, sự cứu độ chỉ có thể có được qua Christ – không phải là một người đã sống và đã chết, mà là nguyên khí Christ bên trong chúng ta. Đấng cứu thế của chúng ta ở bên trong chúng ta. Đây là triết lý Cơ Đốc giáo đích thực, chúng ta có thể dẫn chứng nhiều bản văn hỗ trợ cho điều này. Mọi cách trình bày của Cơ Đốc giáo hiện nay đều đã – nếu người ta có thể diễn đạt điều đó như thế – sai lầm và làm cho nó lỗi bịch, phát xuất từ sự hiểu sai ý tưởng vĩ đại đó. Cần phải luôn luôn nhớ rằng Cơ Đốc giáo khởi đầu với triết lý Thần Bí đẹp đẽ (beautiful Gnostic philosophy), nhưng người thiếu hiểu biết trong số các tín đồ của tôn giáo này không chịu đưa vào trong hệ thống tôn giáo của họ bất cứ những gì vượt quá sự hiểu biết của họ, hoặc bất cứ điều gì phải mất nhiều năm nghiên cứu tìm hiểu. Vì thế họ trục xuất các đại-học-giả Thần bí (great Gnostic doctors) mà họ xem

như là những người dị giáo. Họ áp dụng vào tôn giáo một phương pháp kém khôn ngoan là đi đến một quyết định bằng cách bỏ phiếu theo đa số với các kết quả tệ hại.

Thuở ban sơ, Cơ Đốc giáo có một tuyên ngôn về triết lý tốt đẹp nhất – thứ triết lý duy nhất nằm đằng sau mọi tôn giáo. Khi câu chuyện Phúc Âm, vốn được hiểu như một cách nói bóng bẩy, bị giảng cấp thành một tường trình lịch sử giả tạo (pseudo-historical account) về cuộc đời của một người, thì tôn giáo đó lại trở thành khó hiểu. Hậu quả là mọi bản văn thực sự đề cập tới khía cạnh cao siêu của các sự việc đều bị biến dạng, và dĩ nhiên chúng sẽ không còn khớp với chân lý nằm sau ý tưởng đó nữa. Vì Cơ Đốc giáo đã quên đi nhiều giáo lý thuở đầu của chính nó, nên ngày nay nó quen phủ nhận rằng nó có thể đã từng sở hữu một giáo lý bí truyền. Tuy nhiên có đủ bằng chứng để thuyết phục đạo sinh không thành kiến rằng tri thức cao siêu này quả thực đã tồn tại và được biết rõ đối với các thánh tông đồ (apostles) và các cha cố của Giáo Hội. Hiện giờ tôi không thể đi vào vấn đề đó một cách đầy đủ; chỉ cần nhắc độc giả nhớ rằng Origen, vị cố đạo vĩ đại nhất của Giáo Hội Thiên Chúa, có xác nhận sự tồn tại của giáo lý huyền bí này. Ông vạch ra sự dị biệt giữa “đức tin phổ cập thiếu luận lý” (“popular irrational faith”) đưa đến cái mà ông gọi là “Cơ Đốc giáo nhục thân” (“somatic Christianity”) với “Cơ Đốc giáo tinh thần” (“spiritual Christianity”). Với thuật ngữ “Cơ Đốc giáo nhục thân”, ông muốn nói đức tin đó được dựa trên lịch sử Phúc Âm, và thêm rằng đó là một giáo lý rất tốt cho quần chúng, nhưng người theo Cơ Đốc giáo tinh thần có được Tri Thức Tâm

Linh Thần Bí (Gnosis)⁽¹⁾, và do đó họ hiểu rằng những tình tiết được kể trong đó – tức sự sinh, sự rửa tội, sự giác ngộ, việc đóng đinh trên thập giá, sự phục sinh và sự thăng thiên – không phải đã xảy ra một lần chỉ ở một chỗ, mà là các giai đoạn trong đời sống tâm linh của mỗi tín đồ Cơ Đốc khi y tiến hóa.

Tôn giáo chính thống hiện đại vẫn đặt các niềm tin của nó trên niềm tin thiếu sáng suốt của đa số người kém phát triển, và khẳng khẳng phủ nhận những gì còn lại hiện giờ của cái di sản một thời huy hoàng của nó, dưới hình thức một vài mảnh nhỏ vô giá của giáo lý tâm linh thần bí (the Gnostic teaching). Khi đã mất đi sự hiểu biết cao siêu, nó cố gắng một cách tuyệt vọng để trình bày sự hiểu biết thấp theo một hình thức dễ hiểu, nhưng không thể làm được. Các đạo sinh Minh Triết Thiên Liêng (Theosophy) có được tri thức giúp cho họ giải thích được mọi triết lý xa lạ này, và thấy được ý nghĩa và cái đẹp ngay cả trong các phát biểu thô thiển của nhà thuyết giáo ngoài phố, bởi vì họ hiểu được những gì mà nhà thuyết giáo muốn nói đến, giá như người này biết thêm một ít thôi về đề tài của ông ta.

Vì thế những gì mà chúng ta phải ham muốn là cái vốn luôn luôn ở trong chính chúng ta; chúng ta sẽ không tìm thấy

¹ Gnosis: Thuật ngữ chuyên môn này được các trường phái triết học tôn giáo (school of religious philosophy) sử dụng cả trước và trong thế kỷ thứ nhất của Cơ Đốc giáo để chỉ đối tượng nghiên cứu của họ, Tri Thức Tâm Linh và Thần Bí này (spiritual and Sacred knowledge), tức Gupta Vidya của Ấn Giáo, chỉ có thể đạt được bằng cuộc Điểm Hóa (Initiation) vào các Bí Pháp Tâm Linh mà các “Bí Pháp” thuộc nghi lễ là một kiểu mẫu của nó. (Trích *Theosophical Glossary*, 1971, H. P. Blavatsky).

nó ở nơi khác. Chính cùng một ý tưởng này đã được trình bày cho chúng ta từ rất lâu ở Cổ Ai Cập. Ở đó, họ tập trung mọi ý tưởng của họ về tôn giáo trong “ánh sáng ẩn tàng” (“the hidden light”) và “công phu ẩn tàng” (“the hidden work”). “Ánh sáng ẩn tàng” chính là Linh Quang (Light) vốn ở bên trong mỗi người, còn “công phu ẩn tàng” chính là cái giúp cho con người biểu lộ Linh Quang đó, đưa Linh Quang đó xuất hiện trong chính con người và kể đó giúp nó phát triển nơi những người khác. Đó là điểm chính yếu trong tín ngưỡng của người Cổ Ai Cập – Linh Quang vẫn có đó, tuy nhiên nó có thể bị che phủ nhiều và mặc dù có vẻ không có hy vọng, công việc của chúng ta là kéo các bức màn che và để cho Linh Quang chiếu ra ngoài.

Người ta thường phạm sai lầm là đi tìm Linh Quang ở nơi khác. Họ nói: “Chúng tôi cần các Chân Sư trợ giúp chúng tôi; chúng tôi muốn các Chân Sư nâng chúng tôi lên”. Nhưng tôi xin nói với lòng tôn kính sâu xa nhất của tôi, rằng Chân Sư không thể làm điều đó, chính Thượng Đế cũng không thể làm điều đó. Chân Sư có thể chỉ dẫn chúng ta làm cách nào để chúng ta có thể tự nâng chúng ta lên. Tiến trình này cũng giống y như việc làm tăng sức mạnh trong bắp thịt. Không ai có thể làm điều đó thay cho người khác, nhưng nếu y có hiểu biết thì y có thể chỉ dẫn cho người này cách làm được điều đó cho chính mình, và đó là tất cả sự giúp đỡ mà người ta có thể có từ bên ngoài. Một người khác có thể bảo chúng ta rằng y tuân theo một vài qui tắc và bài thực hành và thấy rằng chúng đã mang lại các kết quả khả quan. Chắc chắn Đức Thầy hoặc đệ tử tiến hóa cũng có thể tuân đổ thần lực vào chúng ta để làm cho công việc của chúng ta được dễ dàng hơn, nhưng chỉ bao nhiêu đó thôi. Toàn bộ đều như nhau

hết. Nếu chúng ta không cảm nhận được bên trong chúng ta năng lực đáp ứng với cái mỹ lệ và cái vinh quang của tạo hóa ⁽¹⁾, thì cái mỹ lệ và vinh quang đó sẽ đi qua mà ta không hay biết. Nếu chúng ta không thể thấy được Thượng Đế trong chính chúng ta, thì thật là vô ích mà tìm Ngài ở bên ngoài. Khi chúng ta nhận thức được chúng ta là một phần của Thượng Đế, thì bấy giờ Thượng Đế nội tâm (the God within) sẽ đáp ứng với Thượng Đế bên ngoài (the God without, Thượng Đế ngoại tại) và chúng ta sẽ bắt đầu thực sự hữu ích trong công việc của Ngài, mà sau rốt vốn là mục đích chính của chúng ta trong đời.

10.- Chỉ nên ước muốn những gì vượt xa hơn con.

(Desire only that which is beyond you)

Nó ở vượt xa con, bởi vì khi con đạt đến nó thì bản thân con đã không còn nữa.

(It is beyond you, because when you reach it you have lost yourself).

C. W. Leadbeater.- Đó lại là một câu nói tương tự như trong giáo lý Cơ Đốc. Chính Đấng Christ nói rất rõ: *“Ai tìm thấy sự sống của mình thì rồi sẽ mất nó; còn ai vì ta mà mất sự sống của mình thì sẽ lại tìm thấy nó”* (S.Matthew, 10, 39)⁽²⁾. Điều đó xảy ra nhiều lần ở các giai đoạn khác nhau. Hãy xem một người trần gian đang sống cuộc đời bình thường của y, đó là một cuộc sống phần lớn ở trong các xúc cảm của y – ở một số trường hợp thì hoàn toàn trong những xúc cảm thấp. Ngay

¹ Tạo hóa: Sáng tạo và hóa sinh. Chỉ đấng tạo ra vạn vật nói chung. Nature.

² Bản dịch của Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, Hà Nội, 2003.

157 khi người này bắt đầu hiểu được khía cạnh cao siêu của sự vật, thì y nhận thức rằng có một điều gì đó còn cao hơn và đáng quý hơn thế. Nhưng y cũng nhận ra rằng trừ phi y sẵn lòng đặt sang một bên đời sống thấp kém và thô lậu kia đi, nếu không thì y không thể thực sự hiểu được đời sống cao hơn; y phải mất đời sống thấp kém thì y mới có thể đạt được đời sống cao hơn.

Ở giai đoạn kế tiếp, con người tiến tới chỗ sống trong thể trí ở một mức độ rộng lớn. Y nhận thức rằng nếu để bị cuốn đi bởi các xu hướng đam mê thì cuối cùng sẽ trở thành đê tiện, và rằng thể trí nên chọn lọc và chế ngự các xúc cảm và chỉ cho phép những tình cảm nào mà nó chấp nhận, vì sự tiến hóa. Chẳng mấy chốc, nó vượt qua điều đó và thấy rằng thể trí cũng không hoàn toàn thỏa mãn, nhưng thấy rằng có một đời sống còn cao hơn là đời sống của thể trí. Thế là dần dần y bắt đầu sống trong Chân Ngã và nhìn mọi vật theo quan điểm của Chân Ngã, đó là một tiến bộ rất lớn. Nhưng cuối cùng, ngay cả việc đó cũng không đủ đối với y. Y nhận thức rằng có một sự hợp nhất vượt qua khỏi giai đoạn đó, và thế là y bắt đầu có một kinh nghiệm nào đó của cõi Bồ Đề, và khi y tiếp xúc với cõi đó, thì không còn gì bên dưới cõi đó sẽ lại làm cho y thỏa mãn được nữa.

Ngay cả tâm thức Bồ Đề kỳ diệu đó, đến lượt nó, sẽ bị vượt qua. Vượt qua nó là tâm thức của cõi Niết Bàn (atmic plane tức nirvana). Bên trên và vượt ngoài cõi đó là Chân Thần (Monad). Những ai chưa là Chân Sư (Adepts), sẽ thấy Monad biểu lộ dưới hình thức tinh thần tam phân (triple spirit) ở cõi bên dưới cõi của Chân Thần, nhưng khi đạt đến quả vị Chân Sư (Adeptship), thì Chân Thần và Chân Nhân sẽ

trở nên hợp nhất, và họ sẽ biết dưới hình thức Chân Thần – tức Linh Quang (the Divine Spark).

Ở mỗi một trong các giai đoạn này, chúng ta cảm thấy rằng chúng ta đã hiểu được chân lý và tiến nhập vào sự sống thực sự, nhưng ngay lúc đó chúng ta nhận thức rằng có một cái gì còn cao hơn, lại cao hơn cái vốn đã vượt qua kinh nghiệm trước kia của chúng ta. Suốt con đường đi lên, chúng ta phải vứt bỏ cái thấp trước khi chúng ta có thể thực sự lấy được cái cao. Nghĩa là, chúng ta phải mất sự sống mà chúng ta đã biết trước khi chúng ta có thể đạt đến sự sống cao hơn mà chúng ta hy vọng thành tựu. Ở mỗi giai đoạn, khi chúng ta đạt được nó, chúng ta thấy rằng chúng ta đã mất đi cái ngã mà chúng ta đã biết trước đây, bởi vì chúng ta đã vượt qua nó. Chúng ta đã mất nó khi tìm thấy một cái ngã cao hơn.

158 Trong các kinh sách có ghi rằng chúng ta trở nên hợp nhất với Thượng Đế, hòa nhập (merged) vào trong Ngài. Hiện giờ chúng ta không biết gì cả về kết quả cuối cùng đó, nhưng một số người trong chúng ta có thể nói về điều này theo kinh nghiệm cá nhân của riêng họ, đó là nhiều sự hòa nhập như thế ở các trình độ khác nhau diễn ra trong sự tiến hóa của linh hồn, và ở mỗi trình độ đó, dường như chúng ta trở nên hoàn toàn hợp nhất với cái cao nhất mà chúng ta có thể đạt đến lúc đó, tuy nhiên không bao giờ qua tất cả các giai đoạn đó mà chúng ta mất bất cứ cái gì của Bản Ngã đích thực của chúng ta. Khi chúng ta tiến lên cao, tạm gọi thế, nhập vào tâm thức Bồ Đề, và mất đi thể nguyên nhân, chúng ta đã mất đi sự sống thấp, nhưng điều đó không bao giờ nhiều hơn một biểu lộ rất không thích hợp của một phần nhỏ của chúng ta. Tất cả những gì mà chúng ta đã có được qua

chuỗi dài các kiếp sống vẫn còn đó. Những gì mà chúng ta đã để rơi ra chỉ là hình tướng bên ngoài, trong đó các tính chất khác nhau của chúng ta tự biểu lộ ra. Chúng ta vẫn còn các đặc tính, ở một mức độ cao hơn, tỏa chiếu với độ rực rỡ lớn hơn, nhưng hình tướng mà trong đó chúng được đúc nặn, đã mất đi. Bởi vì con người luôn luôn đồng nhất hóa sự sống với hình tướng, nên đối với nhiều người, dường như là nếu họ mất đi hình tướng đó thì họ sẽ không còn lại gì cả. Trái lại, không có gì đã được hoạch đắc mà lại bị mất đi bao giờ.

11.- Chỉ nên ước muốn những gì không thể đạt được.
(*Desire only that which is unattainable*).

Không thể đạt được, vì nó cứ mãi lùi ra xa. Con sẽ đi vào trong ánh sáng, nhưng con sẽ không bao giờ chạm đến Ngọn Lửa Thiêng.

C.W. Leadbeater.- Điều này không có nghĩa là sự sống cao siêu mà chúng ta nhắm vào lại không thể đạt được, nhưng nó hàm ý rằng khi chúng ta đạt được một đỉnh cao, chúng ta
159 luôn thấy một đỉnh khác ở bên kia. Chúng ta sẽ luôn luôn ngày càng đến gần hơn với Đấng Thiêng Liêng, trở nên hợp nhất với Ngài hết mức độ này đến mức độ khác, nhưng chúng ta sẽ không bao giờ chạm đến Ngọn Lửa Thiêng, tức tâm thức thực sự của Ngài. Có nhiều giai đoạn trên con đường, và các giai đoạn này có vẻ mỹ lệ ngày càng không thể tả khi chúng ta đi lên. Khi chúng ta đưa tâm thức chúng ta lên bất cứ đỉnh cao nào, khi chúng ta tiến vào mọi thứ huy hoàng không kể xiết nào, chúng ta luôn luôn thấy một cái gì đó huy hoàng hơn còn vượt xa hơn nữa. Ngọn Lửa Thiêng

cứ lùi dần mãi. Khi bất cứ tri thức nào mà chúng ta có được càng tiến xa, thì chuỗi vinh quang và mỹ lệ càng tăng trưởng vô hạn. Có lẽ không hữu ích gì khi suy đoán mãi về việc đó. Từ lâu, Đức Phật đã nói rằng thật là vô ích mà nói về cái khởi đầu và cái kết thúc, bởi vì, “hết bức màn này đến bức màn khác sẽ được vén lên, nhưng hẳn phải có hết bức màn này đến bức màn khác ở đằng sau đó” (“veil after veil will lift, but there must be veil after veil behind”).

Ước gì tôi có thể mang sự thật đến cho mọi người, cũng hoàn toàn và sinh động như bản thân tôi cảm nhận điều đó, về sự chắc chắn tuyệt đối của sự tiến hóa vẫn còn ở phía trước, vẻ huy hoàng kỳ diệu, cái mỹ lệ, quyền năng, minh triết và bác ái của nó, cách thức mà hết giai đoạn này đến giai đoạn khác nó tiến lên, và trở nên ngày càng không thể tả xiết ra đây, và ngày càng huy hoàng, mỹ lệ và chân thật hơn nữa. Con đường đưa đến đó đi xuyên qua tính vô ngã. Chỉ khi nào chúng ta vượt lên trên cái ngã thấp kém, đi vào sự sống cao siêu, đi vào Bản Ngã đại đồng rộng lớn thì chắc chắn con đường sẽ mở ra, và không còn giới hạn nào đối với sự huy hoàng tráng lệ mà lúc bấy giờ con người có thể đạt tới.



CHƯƠNG 7

Qui Tắc 13 – 16

13.- *Hãy ước muốn quyền năng một cách nhiệt tình.*
(Desire power ardently).

C.W. Leadbeater.- Lời bình của Đức Chohan về câu này là:

Và quyền năng mà đệ tử sẽ ước muốn là quyền năng sẽ làm cho đệ tử có vẻ như không là gì cả trong con mắt người đời.

Quyền năng làm cho chúng ta có vẻ không là gì cả trong con mắt người đời là quyền năng khiêm tốn (self-effacement) trong công việc – làm công việc mà không cần bất cứ sự ngợi khen nào đối với việc đó. Nhiều người muốn được ở vị trí hàng đầu. Điều đó thường chỉ được xem như một tính tự cao vô hại, nhưng nó có nghĩa là họ chưa quên được phàm ngã.

Người đệ tử không tìm sự ngợi khen đối với bất cứ điều gì mà mình làm. Y tìm cách để hoàn thành công việc, và chừng nào mà công việc đó đã xong, y không bận tâm chút nào liệu y hay người nào khác có sự ngợi khen cho việc đã xong đó hay không. Nếu y phải dẫn thân đi đầu và lôi kéo người chung quanh y thì y làm như thế, nhưng không phải

vì y muốn được khen ngợi về việc đó. Y biết rằng, luôn luôn sẽ tốt hơn nhiều khi giữ mình ở hậu cảnh nếu có thể.

Luôn luôn tốt nhất là không nghĩ chút gì đến kết quả, mà hãy làm hết sức mình và quên đi chính mình. Mọi giáo lý huyền môn đều đưa trở lại sự kiện căn bản duy nhất này, là hãy quên đi bản ngã thấp kém (lower self) và bắt tay vào công việc. Một số người luôn luôn nghĩ đến sự tiến bộ riêng của mình. Ít nhất thì tốt hơn là nghĩ đến việc tạo ra tiến bộ tinh thần còn hơn là mong muốn của cải trần gian, nhưng việc đó vẫn là ích kỷ, chỉ là ở một hình thức tế nhị hơn mà thôi. Theo kinh nghiệm riêng của tôi, tôi cho rằng cách hay nhất nên theo là quên đi mọi việc về sự tiến bộ riêng của mình và chỉ hiến mình cho công việc của Chân Sư.

Nếu người ta làm được như thế, phần còn lại sẽ tự đến. Đó là chân lý cổ được đưa ra trong Phúc Âm: “Trước hết người hãy tìm kiếm nước của Đức Chúa Trời và sự công chính của Ngài; và rồi Ngài sẽ ban thêm cho người tất cả những việc này” (S. Matthew, 6, 33)⁽¹⁾. Điều đó hoàn toàn đúng; các điều khác này sẽ đến. Khi chúng ta không tìm kiếm sự tiến bộ, chúng ta đột nhiên thấy rằng chúng ta đã thực sự đạt được một vài tiến bộ, và điều đó cũng là chính đáng.

Khi một người lần đầu tiên thấy được đời sống trong thể nguyên nhân thực sự ra sao, thì y cũng nhận thức được rằng y có thể rất hữu ích như thế nào ở trình độ đó, có biết bao đường lối mà hoạt động của y có thể tự tuôn ra theo đó, và y rất có thể có khuynh hướng hỏi rằng : “Chẳng phải tốt hơn là tôi nên làm công việc mới và huy hoàng này mà tôi

¹ Nguyên văn tiếng Anh: “Seek ye first the kingdom of God, and His righteousness; and all these things shall be added unto you”.

thấy đang mở ra trước mắt tôi?” Tôi quen hỏi ý kiến hay lệnh của Chân Sư bất cứ khi nào có điều gì đó có vẻ là những cơ hội lớn lao được mở ra, và tuy thế đã có một khả năng là có thể thậm chí còn tốt hơn nếu từ bỏ chúng. Tôi sẽ nói: “Bạch Chân Sư, Ngài muốn con làm gì?” Thường thường câu trả lời của Ngài sẽ là: “Việc đó về phần con quyết định”. Lúc đó người ta chỉ có thể dùng sự phán đoán hay nhất của riêng mình. Không có quy tắc nào có thể được đưa ra trong các trường hợp như thế. Tôi sẽ vẫn sẵn sàng thử nghiệm đường 162 lối cao hơn; nhưng phải nhớ rằng chúng ta luôn luôn thận trọng: “Đừng để cho cái ham muốn phát triển cho riêng bạn cản lối bất cứ công việc hữu ích nào mà bạn có thể làm. Sự phát triển của bạn sẽ đến vào thời điểm thích hợp”. Tôi luôn tuân theo kế hoạch đó, và tôi nghĩ rằng đó là thái độ an toàn nhất.

Nhờ công việc được làm trong tinh thần quên mình đó mà chúng ta hoạch đắc được quyền năng, quyền năng này khiến chúng ta có vẻ như không là gì hết trong mắt người đời. Nếu cần, chúng ta cứ đón nhận sự nhục nhã, bởi vì tất cả việc đó giúp đặt phàm ngã ra ngoài sự chú ý, và đó là điều cần nhất. Khi các cơ hội đến, chúng ta phải nắm bắt chúng, nhưng luôn luôn chúng ta nên nghĩ rằng: “Đó không phải là công việc của tôi, đó là công việc của Chân Sư”. Những người đi theo Chân Sư có đặc ân thực hiện bất cứ phần việc cụ thể nào đó cho Ngài, và không còn gì quan trọng nữa. Việc của chúng ta là trông chừng để chúng ta không lỡ mất cơ hội thi hành bất cứ phần nào trong công việc của Chân Sư.

Chúng ta nên hiểu rằng không có gì là nhỏ hoặc lớn trong công việc của Chân Sư, nhưng bất cứ việc gì, cho dù là nhỏ, mà được làm và hiến dâng cho Ngài, thì dưới mắt Ngài

cũng quan trọng như công việc có mức độ thành công lớn lao hơn dưới con mắt của thế gian. Chúng ta thường có khuynh hướng muốn làm những gì mà chúng ta nghĩ là công việc lớn lao hơn. Đó là vì chúng ta không thấy rằng mọi phần của công việc đều cần thiết như nhau. Hãy nhận thức trong chốc lát cách thức mà Chân Sư phải nhìn xuống cái tổng thể từ độ cao tuyệt diệu của quyền năng và tri thức rộng lớn của Ngài. Tất cả các phần việc này sẽ trông rất nhỏ bé, nhưng tất cả đều ăn khớp với vị trí của chúng.

163 Tất cả mọi vấn đề của sự sống đều dường như phức tạp, nếu không muốn nói là không thể hiểu được đối với thế gian, lại trở thành đơn giản hơn nhiều khi nhìn từ một cõi cao. Cùng một sự việc vẫn đúng đối với nhiều cảnh giới thấp hơn. Khi người ta khảo sát các sinh vật dưới kính hiển vi sống trong một giọt nước, người ta thấy các hình thức sự sống phức tạp và đẹp đẽ. Càng đi sâu vào các chất liệu vô cùng nhỏ bé này, người ta càng khám phá ra tính chất phức tạp lạ kỳ của chúng. Người ta tự hỏi làm sao mà ngay cả với chính Thượng Đế, các thế giới này có thể là một sự việc đơn giản, vậy mà chúng lại là như vậy, vì ngay cả khi chúng ta nhìn từ quan điểm cao mà chúng ta có thể đạt được, chúng ta có thể thấy rằng đó là các hoán vị và các kết hợp của bảy luồng thần lực của Sự Sống Duy Nhất vốn tạo ra tất cả các kết quả kỳ diệu này. Các yếu tố được bao hàm trong sự tạo tác này thì ít và đơn giản; do đó càng lên cao, người ta càng hiểu được nhiều, và những gì mà ở cõi trần dường như không thể hiểu được, lại chứng tỏ hoàn toàn có thể hiểu khi được nhìn từ các cõi giới cao.

Thiết nghĩ chúng ta có thể kính cẩn và có lý khi cho rằng Thượng Đế có thể duy trì toàn bộ Thái Dương Hệ của

Ngài đồng thời trong Thiên Trí, và không một chút khó khăn khi xem xét những gì đang diễn ra trong mọi phân nhánh xa xôi nhất của hệ thống đó. Toàn bộ hệ thống với vô số sinh linh trong đó phải hiển nhiên một cách trực tiếp – là một điều gì đó mà người ta có thể đặt lên một tờ giấy khổ lớn, có thể nói như vậy. Đối với Đức Bàn Cổ và Đức Bồ Tát thì việc nắn khuôn và dẫn dắt nhân loại hẳn phải rất rõ ràng và dễ hiểu, mà dường như đối với chúng ta thì rất phức tạp và thậm chí khó hiểu nữa.

Công việc của chúng ta là phụng sự Chân Sư trong phạm vi nhỏ của chúng ta. Chi tiết thuộc về sự trông coi của chúng ta, chớ không thuộc về Ngài. Điều Ngài cần là toàn bộ công việc sẽ trôi chảy, và bất cứ điều gì mà chúng ta có thể làm để góp phần của chúng ta vào đó. Những người ở gần
164 Ngài hơn về tư tưởng và nhờ sự liên kết này mà họ trở nên quen phần nào với cách hành xử của Ngài đối với công việc, đều luôn luôn khao khát làm một cái gì đó, dù là đơn giản mà dường như hữu ích. Chúng ta có thể viết một bức thư nhỏ, bức thư này có thể thay đổi dòng chảy cuộc đời của một người, hoặc là chúng ta có thể trình bày một bài diễn thuyết và cố gắng thay đổi ý kiến của vài trăm người, và không thành công. Bức thư nhỏ chỉ hiện thực như một tác phẩm. Có thể có một số người trong chúng ta bận rộn đến nỗi không thể làm bất cứ việc gì tự bản thân. Trong trường hợp đó có lẽ chúng ta kiếm ra tiền và như thế có lẽ chúng ta có thể chi ra một ít tiền để giúp người khác làm việc đó. Có rất nhiều cách nho nhỏ mà theo đó mọi người có thể làm việc. Không ích lợi gì mà chờ một cơ hội lớn với ý nghĩ rằng khi cơ hội đến, chúng ta sẵn sàng nắm bắt nó. Chúng ta có rất nhiều cơ hội

sẵn sàng nếu chúng ta tập cho có thói quen luôn luôn làm những việc nhỏ mà chúng ta có thể làm ngay bây giờ.

Một người làm việc mà không quan tâm gì đến lợi lộc riêng của mình và luôn sẵn sàng ở trong hậu cảnh thì tất nhiên là thế gian không biết đến. Người ta hiểu và ngưỡng mộ một người có ý chí mạnh mẽ, y bắt đầu tạo một tên tuổi cho mình, gây nên một ấn tượng, và thúc đẩy sự tiến bộ của mình. Người như thế là đã thành công theo quan điểm của người đời; y đã chứng tỏ cho đời biết rằng mình là một người mạnh mẽ. Thực ra, nhà huyền linh học có thể mạnh mẽ hơn nhiều, nhưng y không muốn chứng tỏ năng lực của mình theo cách đó. Thường thường người này tìm cách tự làm mình lu mờ đi. Y nhận thức rằng một trong các đức tính lớn nhất là biết khi nào nên tránh ra, biết khi nào nên để cho sức mạnh thiêng thực hiện công việc của nó mà y không làm hỏng việc và ngăn trở nó bằng cách ngáng đường nó. Điều đó có vẻ rất đơn giản, vậy mà thật ra có hàng trăm người phụng sự không thể làm được, điều đó chứng tỏ rằng đó thực sự là một việc rất khó khăn.

Người đời thường hay xem nhà huyền linh học là một người không có sức mạnh ý chí đặc biệt, là một người luôn luôn sẵn sàng nhượng bộ. Đối với những chi tiết nhỏ của đời sống thì đúng như thế. Y để cho những người khác theo cách của họ trong các sự việc không quan trọng, và ngay cả sẵn sàng để bị điều khiển tới một mức nào đó. Nhưng khi gặp một vấn đề có tính nguyên tắc, thì y chọn một quan điểm vững chắc. Y không quan tâm đến những gì người khác nói. Người ta nói hoặc suy đoán về người khác thì hết chín trong số mười trường hợp là sai lầm, vì thế những điều gì mà họ tình cờ nghĩ về ta thì có gì là quan trọng? Như Tennyson có

nói: “Mặc cho họ nói điên khùng cũng được”. Dĩ nhiên tôi không muốn nói rằng chúng ta sẽ hoàn toàn không đếm xỉa mọi tập tục thế gian. Trong buổi đầu, một số hội viên chúng ta cho rằng chẳng sao khi có vẻ khác với những người khác trong chuyện ăn mặc áo dạ hội, và v.v... Chúng ta không cần xúc phạm đến tập quán xã hội theo cách này. Hơn nữa, theo tôi dường như nếu chúng ta muốn giới thiệu niềm tin của chúng ta, chúng ta phải tránh xúc phạm người đòi một cách không cần thiết. Chẳng phải là cách hay khi đặt chính chúng ta vào tình trạng chống lại mạnh mẽ ý kiến của những người khác. Khi có một điểm không liên quan đến vấn đề nguyên tắc, thì chúng ta phải nên nhân nhượng, chỉ vì việc ra mặt chống đối với các tập quán của thế gian không có ý nghĩa gì cả.

Trong tất cả các vấn đề về nguyên tắc, chúng ta phải giữ một lập trường vững chắc. Thí dụ, chế độ ăn chay nghiêm ngặt đối với chúng ta là một nguyên tắc, bởi vì chúng ta tin việc ăn chay là cách tốt nhất trong mọi cách, không những cho chính chúng ta, mà còn cho cả thế giới chung quanh ta. Có một bất lợi nhỏ khi chúng ta đi ra ngoài dùng bữa, hoặc khi chúng ta đi du lịch, nhưng chúng ta hãy để các bất tiện tầm thường đó qua một bên và giữ lập trường của chúng ta. Nhưng trong một số những việc khác thực sự không quan trọng, để đỡ bớt phiền toái, ta nên nhượng bộ cho các tập quán thông thường của thời đại. Hãy lấy một thí dụ khác về trang phục của chúng ta. Trang phục của người đương thời thì đặc biệt gây khó chịu, không thuận tiện và kém lành mạnh, nhưng đỡ bớt phiền toái khi chấp nhận nó. Nếu chúng ta quyết tâm đi ngược lại cách ăn mặc đó, thì tuy cách ăn mặc của chúng ta có thể hợp lý hơn nhiều, thậm mĩ

hơn và đẹp mắt hơn đi nữa, chúng ta sẽ thu hút sự chú ý không được vui thích, và có lẽ sẽ được xem như thiếu lành mạnh không nhiều thì ít. Thật là không bỏ công chút nào. Tốt hơn là đừng làm cho chính chúng ta trở nên nổi bật một cách quá đáng bằng các việc đối kháng không quan trọng. Nhưng khi một nguyên tắc dính líu trong đó thì chúng ta phải kiên định giữ vững những gì chúng ta nghĩ là đúng.

Nếu chúng ta có thể giữ một thái độ hoàn toàn khách quan về tất cả mọi việc, thì điều đó sẽ giúp chúng ta rất nhiều. Ruskin nói điều đó có liên quan đến nghệ thuật. Ông nói rằng trong khi tính tự đề cao (self-praise) và tính tự phụ (conceit) khiếm nhã vượt quá lời nói, thì tính tự ti thái quá chỉ là một hình thức khác của tính khiếm nhã. Chúng ta nên nhắm vào tình trạng trí tuệ mà trong đó chúng ta có thể xét công việc từ bên ngoài, và nói: “Dù là của tôi hoặc của anh, hay có thể của người nào khác, công việc này cũng vẫn tốt đẹp”. Chúng ta phải nên khen tặng một tác phẩm hay khi chúng ta thấy nó, không phải vì nó là tác phẩm của chúng ta hoặc của bạn chúng ta, hoặc vì nó có danh tiếng, mà chỉ vì nó hay, hoàn toàn để sang một bên vấn đề ai làm ra nó. Tôi e rằng chúng ta không luôn luôn làm được điều này. Lý do khiến chúng ta dẫn chứng một đoạn sách nào đó, không phải luôn luôn vì đoạn đó hay và đẹp, mà vì bà Blavatsky nói hoặc bà Besant viết đoạn đó.

Tuy nhiên, có một khía cạnh hoàn toàn đúng thật. Khi người ta gặp một phát biểu về một điều gì đó mà họ không biết và không thể chứng thực cho chính họ, thì vấn đề quan trọng đối với họ sẽ là ai nói ra điều đó. Họ có thể nói: “Bà Besant đưa ra phát biểu này; tôi có lý do vững chắc để tin

rằng bà biết mọi điều về vấn đề này, tất nhiên tôi chấp nhận phát biểu của bà”.

Xét cho cùng, chúng ta cũng làm như vậy về phương diện khoa học. Trong khoa học, có nhiều sự kiện mà chúng ta không có phương tiện để chứng thực cho chính chúng ta, nhưng một vài người xuất chúng đã khám phá và kiểm tra các vấn đề này và đã đi đến một vài kết luận mà chúng ta chấp nhận được. Nhưng khi chúng ta xem xét một câu nói có tính cách đạo lý hoa mỹ, không thành vấn đề dù cho câu đó xuất phát từ Thánh Kinh Thiên Chúa giáo (Bible) hoặc Bhagavad Gita, kinh Koran hoặc Vedas; chúng ta sẽ chấp nhận câu đó vì giá trị của nó. Vậy thì đó là vấn đề phong cách diễn đạt và cái đẹp của ý tưởng.

Y như khi ta chấp nhận các sự việc hoặc cố làm như thế, vì những gì mà chúng đáng có, thì chúng ta cũng phải cố gắng đánh giá công việc riêng của chúng ta ở những gì mà nó đáng giá, và đừng nghĩ rằng bởi vì chúng ta đã làm công việc đó, nó phải tất nhiên là được hoàn hảo.

Đa số những người có thể làm bất cứ việc gì rất hoàn hảo cũng biết những bất toàn của công việc của họ. Khi có một điều tốt lành, chúng ta sẽ vui vẻ nhìn nhận nó, khi chúng ta thấy các khuyết điểm trong công việc của riêng chúng ta, hoặc trong công việc của bất cứ người nào khác, chúng ta đừng nên do dự mà nói rằng: “Tôi không đồng ý; 168 tôi nghĩ chúng ta có thể làm hay hơn, đại khái là thế”. Tốt hơn là chọn một thái độ tinh thần sao cho không cần bận tâm để biết việc đó từ đâu đến, nếu đó là việc tốt, và cũng không do dự khi đặt sang một bên cái sai trái, ngay cả khi nó đến từ chính ta.

Điều đó quả thật khó khăn, vì khi việc đó được thi hành hoàn hảo, nó hàm ý là trong con người, Chân Ngã đang nhìn xuống cõi thấp. Ngay cả việc dùng hạ trí cũng sẽ đem lại nhiều quyền năng này, mặc dầu chúng ta chỉ có quyền năng đó đầy đủ trong thượng trí. Hạ trí có thể tập phân biện, và nếu chúng ta sử dụng hạ trí theo quan điểm cao và không để cho nó bị che lấp bởi cảm nghĩ riêng tư, thì nó là một đối tượng đẹp đẽ và rất tinh tế khi phát triển đầy đủ. Chúng ta cũng khá hãnh diện về sự phát triển trí tuệ chúng ta trong giống dân phụ thứ năm của căn chủng thứ năm này, vốn nhấn mạnh vào công việc phân biện của hạ trí, nhưng những gì mà chúng ta gọi là trí năng (intellect) chỉ là một cái rất nhỏ khi so sánh với những gì sẽ phát triển trong cuộc tuần hoàn tới, là cuộc tuần hoàn sẽ thực sự dành cho trí tuệ. Chúng ta hãnh diện vì các thành tựu của hạ trí và không phải là không có lý; hạ trí đã làm được công việc kỳ diệu trong lãnh vực khoa học và phát minh. Nhưng chỉ có những người có khả năng nhìn vào tương lai và cũng đã thấy được các Chân Sư, các ngài là người của tương lai, biết được những gì mà chúng ta sẽ có thể trở nên trong khoảng vài ngàn năm nữa. Tôi có thể đưa bằng chứng rằng hoạt động trí tuệ cao nhất của chúng ta hiện giờ chỉ là trò chơi của trẻ con so với những gì sẽ có trong tương lai, thế nên rõ ràng là có một viễn cảnh huy hoàng mở ra trước mặt chúng ta.

169

Những gì mà người thường gọi là thể trí của họ chỉ dành riêng cho phần thấp nhất của thể trí. Trong thể trí, có bốn tiểu phần (subdivisions), gồm có chất liệu của cõi phụ thứ bảy, thứ sáu, thứ năm và thứ tư của cõi hạ trí (mental plane) theo thứ tự đã nói, nhưng trong thực tế, người thường chỉ dùng chất liệu của cõi phụ thấp nhất hay là cõi phụ thứ

bảy mà thôi. Chất đó rất gần với cõi cảm dục; do đó mọi tư tưởng của người thường đều bị nhuộm màu bởi các hình ảnh của cõi cảm dục, và thế là chúng bị pha trộn nhiều với xúc cảm, tình cảm và dục vọng. Cho đến nay rất ít người có thể hành xử với chất liệu của cõi phụ thứ sáu. Các đại khoa học gia của chúng ta chắc chắn là dùng được chất đó nhiều, nhưng điều không may là họ thường trộn lẫn chất đó với chất của cõi phụ thấp nhất, và như vậy họ thường trở nên đổ kỵ với các khám phá và các phát minh của người khác. Nếu họ có thể lên tới cõi phụ thứ năm, họ trở nên có nhiều tự do hơn và ít bị vướng mắc vào chất của cõi cảm dục. Nếu họ có thể tự mình nâng lên đến cõi phụ thứ tư, tức là phần cao nhất của thể hạ trí (mental body), lúc đó họ ở vào ngay chính giữa của cõi trí, kế cận với thượng trí. Ở đó họ cách xa với việc có thể có các tư tưởng bị ảnh hưởng bởi các rung động của chất cảm dục.

Chúng ta có thể hiểu được các chất này tác động như thế nào. Một rung động nhận được dễ dàng nhất bởi cái gì điều hợp được với nó. Nếu một người cảm thấy rất giận dữ thì y có thể khuấy động xúc cảm giận dữ trong các thể tình cảm của những người khác chung quanh y. Thể đó cũng sẽ làm náo động tư tưởng thấp nhất của những người này, nhưng nó sẽ không tác động đến tư tưởng cao của họ, nếu họ có được tư tưởng cao đó – cho đến nay đa số con người chưa có được tư tưởng cao. Một trong các điều mà chúng ta, với tư cách các đạo sinh đang cố gắng làm trong tư tưởng và trong lúc thiền định là đánh thức các phần cao của thể trí và đưa
170 các phần này vào hoạt động có thứ tự. Những ai tham thiền đều đặn về các Chân Sư và về những đối tượng có liên quan đến các Ngài, đều phải dùng phần cao của thể trí ở một mức

độ nào đó, và phần cao đó càng được dùng nhiều, thì tư tưởng của chúng ta sẽ càng không bị ảnh hưởng của các dục vọng, các đam mê và các xúc cảm. Nhưng vì đa số con người không đạt tới mức độ đó, nên đại đa số tư tưởng trong cõi đời này bị nhuộm màu rất nhiều bằng dục vọng, còn đa số các hình tư tưởng mà chúng ta thấy, đều chứa đầy chất cảm dục cũng bằng với chất trí.

Tất cả chúng ta đều sống quá gần sát với nhau, hậu quả là dù cho những người khác có thể không nghĩ đến chúng ta đi nữa, họ cũng có ảnh hưởng đến chúng ta. Dĩ nhiên, đến lượt chúng ta cũng có ảnh hưởng lên họ, chúng ta nên luôn luôn cố gắng một cách dứt khoát đưa ảnh hưởng tốt lành lên họ. Nếu chúng ta đặt chính chúng ta thành một trung tâm hòa bình và bác ái tới mức tối đa, chúng ta sẽ giúp đỡ rất nhiều cho tất cả những người xung quanh chúng ta, còn khi chúng ta trở thành những trung tâm của dục vọng, xúc cảm và các tình cảm ích kỷ, thì chúng ta làm cho sự phát triển bị ngưng trệ không thể xảy ra, không những đối với chính chúng ta, mà còn đối với tất cả những người ở gần chúng ta, đó thật là một vấn đề rất nghiêm trọng. Mỗi người tìm đạo đều phải ghi vào tâm sự thật là y đang ngăn trở sự tiến bộ của kẻ khác nếu y chịu thua dục vọng cá nhân này.

Không thể đạt được năng lực khiêm tốn trước khi chúng ta hoàn toàn loại bỏ được mọi dục vọng cá nhân. Chúng ta nói đến sự tận tụy của chúng ta đối với công việc của chúng ta và đối với các Đức Thầy; chắc chắn đó không phải là quá nhiều để làm vì các Ngài. Thậm chí nếu cần một nỗ lực rất lớn đi nữa, thì chúng ta cũng phải sẵn sàng làm vì các Đấng Cao Cả này vì các Ngài đã làm rất nhiều cho chúng ta, nhờ các Ngài mà mọi giáo lý Minh Triết Thiên Liêng đã

171 đến được với chúng ta. Đó không phải là vấn đề đem lại cho các Ngài sự hài lòng bằng cách làm các điều này – mặc dù chắc chắn là các Ngài không thể chỉ hài lòng khi thấy sự tiến bộ của những người mà các Ngài đang cố giúp đỡ – nhưng đó cũng là lẽ thường. Nếu chúng ta muốn giúp vào cơ tiến hóa, việc đầu tiên và cần thiết nhất phải làm là kiểm soát được chính chúng ta. Chúng ta phải đạt cho được sự kiểm soát đó trên phạm ngã, tức là làm cho chúng ta không là gì cả dưới con mắt người đời. Quả vậy, nhiều thần lực lớn đang tác động một cách vô hình. Chúng ta có thể ở trong các lực này, và như thế chúng ta có thể dường như không có nghĩa gì dưới cái nhìn của thế gian.

14.- *Hãy ước muốn an tĩnh một cách nồng nhiệt. (Desire peace fervently)*

Sự an tĩnh mà con sẽ ước muốn là sự an tĩnh thiêng liêng mà không gì có thể làm xáo trộn, trong đó linh hồn lớn lên như đóa hoa thiêng trên đầm nước phẳng lặng.

C.W. Leadbeater.- Câu cách ngôn ngắn này liên quan mật thiết với câu trước. Quyền năng mà chúng ta được dạy nên ước muốn, là quyền năng dẫn đến sự an tĩnh; trừ phi chúng ta chế ngự được bản ngã, nếu không thì chúng ta không thể có được sự an tĩnh.

Chỉ khi nào chúng ta đã có được sự an tĩnh thì chúng ta mới có thể ban phát nó cho kẻ khác; năng lực ban phát an tĩnh chắc chắn là một trong những quyền năng vĩ đại nhất và đẹp đẽ nhất. Đời sống của hầu hết con người đều đầy bản khoăn và lo lắng, ghen ghét và đố kỵ. Lúc nào họ cũng chỉ là một vục xoáy không những chỉ gồm các xúc cảm, mà còn

172 gồm cả các dục vọng chưa được thỏa mãn. Nhiều người trong số họ chọn việc nghiên cứu huyền học, nghĩa là nghiên cứu thực tại ẩn đằng sau, vẫn mong mỏi có thể tiếp tục sống kiểu sống đó. Ngay cả một số người trong nhóm người được cho đã là các đạo sinh huyền học trong nhiều năm, và đang cố tiến gần hơn tới các Chân Sư, dường như họ cũng chưa thể từ bỏ được dục vọng của họ. Họ không nghiêm túc cố gắng rũ bỏ các xúc cảm đại dột và buồn phiền của họ, và lúc đó họ lấy làm lạ tại sao họ không tiến bộ, và tại sao những kẻ khác có vẻ vượt qua trước họ. Làm sao họ có thể mong mỏi tiến bộ nếu họ không bỏ lại tất cả những điều này phía sau họ? Trừ phi họ hoàn toàn thoát khỏi các bất an như thế, nếu không thì họ không thể có được sự tiến bộ cao siêu thực sự. Nếu chúng ta muốn thiết lập các giao tiếp với Chân Sư, chúng ta phải có sự an tĩnh hoàn toàn ở nội tâm.

Được biết, sự tranh đấu vốn cần thiết cho sự tiến bộ. Một điều chắc chắn là đúng, đó là trong giai đoạn dài để tiến hóa của linh hồn, linh hồn luôn luôn ở trong tình trạng tranh đấu và tranh chấp. Nhìn lại quá khứ, chúng ta có thể thấy rằng sự tiến bộ vào lúc đó thì nhanh chóng hơn trong một cuộc sống có nhiều bão táp và căng thẳng hơn là khi ở trong các tình trạng dễ chịu hơn. Trong sự đẽ gọt sơ sài đó (rough-hewing) của cá tính, mọi phiền toái và khó khăn mà con người gặp phải cũng như nghịch cảnh (opposition) hiện đến trên đường đi chắc chắn là dạy cho linh hồn một điều gì đó, linh hồn học các bài học của mình từ nơi chúng. Nhưng ở giai đoạn cao, thì trạng thái tranh đấu này không có giá trị nữa đối với người đệ tử. Vì sự phát triển thuộc loại cao này cần đến sự an tĩnh hoàn toàn. Một Chân Sư có viết: “Định

luật mạnh được yếu thua là định luật tiến hóa của loài vật; còn định luật hy sinh là định luật tiến hóa của con người”.

Nhiều người nghĩ rằng họ sẽ có được sự an tĩnh khi các ham muốn điên rồ của họ được thỏa mãn, nhưng do kinh nghiệm, họ thấy rằng không phải như thế. Lúc đó, họ bắt đầu nghĩ, quả thật là điều đáng buồn một khi họ đã đầu hàng chúng, và họ nhận thức được rằng đáng lẽ họ phải vượt lên trên chúng. Sự an tĩnh không thể có được bằng sự thỏa mãn dục vọng. Sự an tĩnh chỉ đạt được bằng một cách duy nhất: gạt sang một bên các dục vọng thấp kém, đồng thời phát triển năng lực làm cho chúng ta “không là gì dưới con mắt thế nhân”.

Ở đây có nhắc tới đóa hoa thiêng mọc trên đầm nước phẳng lặng. Chỉ có ở trên mặt nước phẳng lặng, hoa sen mới có thể tự khai mở đến chỗ hoàn mãn nhất của nó, nó không thể làm được như thế nếu nó bị gió bão vùi dập. Chỉ khi ở trong sự an tĩnh, linh hồn mới có thể khai mở. Những cơn bão táp của đam mê và dục vọng rất giống với những cơn bão giáng xuống các đóa hoa trên cõi trần. Tất cả các phát triển thuộc loại cao siêu đều giống với các đóa hoa mảnh mai, và nếu hứng chịu các cơn bão dữ dội của đam mê, chúng sẽ bị nhàu nát và tan tác. Những người luôn luôn ở trong những đam mê mãnh liệt, luôn luôn áp ủ mọi loại chuyện riêng tư đại dộ, luôn luôn nghĩ đến các tình cảm riêng tư của họ và đầy lòng đố kỵ, ganh ghét người khác, thì không thể phát triển được các lá dương xỉ và các tua dây leo đẹp đẽ và mảnh mai, vốn có nghĩa là sự tiến bộ.

Nói chung, con người có rất ít ý tưởng khoa học về sự tiến bộ huyền bí, sự tiến hóa thực sự có nghĩa là gì. Chỉ riêng các phương pháp giáo dục của họ cũng chứng tỏ rằng họ

không hiểu về sự tiến bộ đó. Có một số tiến hóa nhất định mà chúng ta đã vượt qua – tới khoảng trình độ của người bán khai (the savage) và hơi cao hơn đó một ít – mà chúng ta có thể xem như đã được thiết lập khá chắc chắn; nghĩa là, trong bất cứ trường hợp nào chúng ta cũng gần như không thể rơi trở lại dưới trình độ đó. Nhưng sự tăng trưởng sắp tới vượt quá mức đó – vượt quá hầu hết phần động vật, hoặc ở một tỷ lệ nào đó phần thấp kém và xúc cảm của con người – là một vấn đề phát triển cực kỳ tinh tế thuộc nhiều loại.

174

Các sự việc giúp phân biệt người nghệ sĩ có trình độ văn hóa cao với người kém phát triển và hoàn toàn thô lỗ, tất cả đều có một bản chất rất tinh tế – là các vấn đề của sự tăng trưởng lâu dài, chậm chạp và cẩn thận; họ đều là các chồi non mềm yếu có hứa hẹn to tát, mà cho đến nay chỉ vừa mới trở hoa, và chắc chắn chưa đạt tới mức hoàn mãn mà chúng sẽ có ở tương lai. Luồng gió đầu tiên của các điều kiện không thích hợp đang hủy diệt sự tăng trưởng tinh tế đó. Sự thô thiển và lộn xộn của nền giáo dục hiện đại, trong đó trẻ con còn sợ hãi và đôi khi còn bị đối xử không tốt, có hậu quả là triệt hạ sự ra hoa của nền văn hóa và sự tao nhã mà các linh hồn đã đi vào các thân thể trẻ con này có thể đã hoạch đắc trong một thời gian rất lâu trong quá khứ – có lẽ trong hai mươi hoặc ba mươi kiếp sống. Hậu quả là các trẻ em này trở nên rất giống với người bán khai nguyên thủy. Chúng thường đầy sợ hãi và oán thù, và một cảm giác nặng nề về nỗi bất công kéo dài, và mọi sự phát triển tinh tế hơn để thực sự đánh dấu sự dị biệt giữa một giống dân phụ sau này với một giống dân phụ trước kia bị quét sạch.

Con người không nhận thức chút nào về những gì mà họ đang làm, khi họ phá hủy các điều này, như họ rất

thường làm. Tôi luôn luôn thấy các bé trai, bé gái có lẽ thuộc về các cha mẹ tầm thường, mà chính chúng thì hoàn toàn có nhiều triển vọng. Nếu chúng được chăm sóc có trách nhiệm và được nuôi nấng theo đường lối đúng đắn, thì chúng sẽ tiến bộ rõ rệt trong kiếp sống này. Nhưng hoàn cảnh xung quanh của chúng hoàn toàn không thích hợp cho sự phát triển như thế, và tất cả mọi sự tăng trưởng khả quan hơn bị cắt đứt và bị vùi dập, và các trẻ này trải qua kiếp sống như những người hoàn toàn bình thường. Tôi đã gặp những trường hợp mà cùng sự việc đã xảy ra hết lần này đến lần khác, có lẽ đến mười lăm hoặc hai mươi kiếp sống. Sự tiến bộ 175 đáng lẽ đã xảy ra trong lần đầu tiên lại không được thực hiện cho mãi đến lần thứ hai mươi. Có thể nghiệp quả được tích lũy của đời sống tốt hơn một ít một cách kín đáo trong mỗi kiếp sống đó là cần thiết, nên cuối cùng Chân Ngã sẽ được dành cho các hoàn cảnh thuận tiện hơn, và khi đó y đã có cơ hội tiến hóa. Nhưng chúng ta có thể thấy rằng sự phát triển tương tự đó có thể đã được thực hiện 20 kiếp trước đây, giá mà hoàn cảnh đã thuận tiện hơn một ít.

Thật là một việc đáng buồn cho những người tìm cách ngăn chặn các kỹ năng tế nhị này. Tôi cho rằng không có tội ác nào lớn hơn việc ngăn chặn những người đang cố tiến tới. Đó là một trong các điều mà Đức Christ ám chỉ khi Ngài nhắc đến tội lỗi chống lại Chúa Thánh Thần (Holy Ghost), một tội không thể được tha thứ hoặc trong đời này, hoặc trong đời sau. Tuy nhiên từ ngữ “tha thứ” (“forgiven”) bị dịch sai – vì “để lại” (“to abandon”), “đặt qua một bên” (“to put aside”) mang lại ý tưởng đúng hơn cho hàm ý đó. Điều gì được ám chỉ thì hoàn toàn rõ ràng. Tội lỗi chống lại Chúa Thánh Thần là sự ngăn chặn tinh thần thiêng liêng trong con

người; việc đó tạo ra một nghiệp báo vốn không thể được sửa sai trong sự miễn trừ này – cũng không được trong chu kỳ thế giới này, mà có lẽ cũng không được trong chu kỳ tới, vì rất nghiêm trọng.

Nhiều người phạm tội này với chính họ, cũng như với chính con cái của họ. Họ không tạo cơ hội tăng trưởng cho phần cao của chính họ. Trẻ con thường có thể thấy được các tinh linh thiên nhiên (nature-spirits) và các sự vật đẹp đẽ khác mà người lớn không thể thấy. Không có lý do giải thích tại sao người lớn không thấy được chúng, nếu sự nhạy cảm của họ đã không bị phá hủy bởi lối sống mà họ thường lao vào. Sau này đôi khi trong cuộc sống, với khó khăn rất lớn, họ bắt đầu phục hồi lại năng lực không những về nhân thông, mà còn năng lực hiểu được tất cả những gì về nghệ thuật và mỹ lệ, tất cả các sắc thái tinh tế của cảm giác và tri giác, nghĩa là văn hóa và giáo dục đích thực.

Các sự việc có ảnh hưởng đến sự tiến bộ cao siêu, tất cả đều cực kỳ tinh tế – rất cần trọng, quân bình một cách chính xác đến đôi sự tiếp xúc rất ít theo chiều hướng sai lạc cũng sẽ khiến họ lùi lại trong nhiều tuần và nhiều tháng. Có thể đẩy lùi sự tăng trưởng của nhiều tháng trong chỉ một ngày. Do đó rất nhiều việc tùy thuộc vào môi trường xung quanh. Người ta không thể luôn luôn trông mong có lại cùng những hoàn cảnh, cho nên nhà huyền linh học luôn luôn cố gắng lợi dụng tối đa bất cứ tình huống nào mà mình có được vào bất cứ lúc nào, trong khi y vẫn cảnh giác để cho không hoàn cảnh nào có thể làm cho y suy thoái. Một trong các kinh Puranas có nói:

Không có thể xác thì không ai đạt được mục đích của linh hồn; do đó người ta nên chăm sóc thể xác của mình như

một báu vật và làm mọi điều lành. Một ngôi làng, một cánh đồng, của cải, nhà cửa, các nghiệp quả tốt và xấu có thể còn có lại, nhưng thân xác này không bao giờ trở lại. (Garuda Purna Saroddhra, XVI, 17, 18).

Đôi khi người ta nói: “Tôi không thể làm gì nhiều trong kiếp sống này; tôi sẽ cố những gì mà tôi có thể làm được trong kiếp tới”. Luôn là điều tốt khi giữ trước mắt chúng ta ý tưởng về kiếp sống tới và những gì chúng ta có thể làm trong kiếp đó, nhưng thật là không an toàn khi dựa quá nhiều vào việc đó, bởi vì karma đang sau mỗi người thì chắc chắn là được trộn lẫn vào nhau không nhiều thì ít, và nó đôi khi tự thể hiện thành những cơn sóng. Chúng ta có thể có nghiệp quả ở một lúc nhất định vốn sẽ mang lại cho chúng ta môi trường xung quanh thuận lợi. Không nhất thiết là trong kiếp sống tới chúng ta sẽ có các tình trạng cũng thuận tiện như vậy. Tóm lại, có khả năng là nghiệp quả của chúng ta sẽ tiếp tục trôi chảy theo nếp tương tự, nhưng mặt khác, có thể có một khối karma không dễ chịu mà các đấng trông coi nghiệp quả không nghĩ rằng con người có đủ sức hứng chịu lần này, còn trong kiếp tới, các ngài có thể để cho khối nghiệp quả đó tuôn lên y, vì thế y không thể có các cơ hội thuận tiện như thế nữa.

Cách khôn ngoan nhất là nắm lấy mọi cơ hội có được trong kiếp sống này. Nếu chúng ta làm được điều đó, và như vậy chúng tỏ cho các Nghiệp Quả Tinh Quân (Lords of Karma) thấy rằng chúng ta đang biết tận dụng các cơ hội, điều đó sẽ có ảnh hưởng rất quan trọng lên sự tác động của karma trên chúng ta vào kiếp sống tới.

Nó sẽ cấu thành một kiểu yêu cầu có được những hoàn cảnh thuận tiện. Thật là không khôn ngoan vì chúng ta có

nhiều cơ hội trong kiếp sống này để cho rằng chúng ta sẽ có chúng lại lần nữa trong kiếp sống tới của chúng ta. Chúng ta có thể có hoặc chúng ta có thể không có. Tôi không thích nghe người ta nói: “Tôi quá già không thể làm được gì nữa trong kiếp này”. Nếu chúng ta biết tận dụng những gì mà chúng ta đang có, và thúc đẩy sự tiến bộ của mình xa hết mức, thì chúng ta tạo ra một tình trạng cho các sự việc mà trong tình trạng đó, các Thần Nghiệp Quả khó mà không ban cho chúng ta nhiều cơ hội trở lại. Chúng ta có thể tạo ra nghiệp quả như thế theo một đường lối đặc biệt để cho chúng ta có thể chinh phục cõi trời mau chóng – chúng ta có thể bắt buộc các vị Nghiệp Quả Tinh Quân sắp xếp nghiệp quả của chúng ta sao cho cơ hội phải đến bởi vì các nguyên nhân mà chúng ta đã phát khởi không thể tự chúng thể hiện ra ngoại trừ theo một đường lối tương tự. Điều chắc chắn nhất là hãy tận dụng mỗi cơ hội thuận tiện đến với chúng ta, e rằng tình cờ do sự chệnh mảng, chúng ta có thể tạo ra một sai biệt một vài ngàn năm trong bước tiến hóa của chúng ta.

178 Một vài ngàn năm như không là gì trong cuộc sống dài lâu của linh hồn, nhưng chúng ta không muốn bị trì hoãn theo cách đó. Chẳng hạn như trong “Các Kiếp Sống của Alcyone”, chúng ta thấy trường hợp của một thanh niên, anh ta có được các cơ hội thuận tiện đặc biệt liên quan với một trong các Chân Sư cao cả trong một đền thờ ở Ai Cập.

Thanh niên đó đã đại dật phí thì giờ của mình, vất đi các cơ hội và đánh mất hết các cơ hội đó. Lúc đó Chân Sư đã nói rằng Ngài sẽ luôn luôn sẵn sàng nhận y trở lại khi y biết quay về. Sáu ngàn năm sau đó, chỉ trong kiếp sống này, y mới quay lại. Sự thờ ơ đó đã làm mất của y rất nhiều thời gian. Hãy nghĩ đến những gì có thể làm được trong 6.000

năm đó, nếu y đã nắm lấy cơ hội. Vào lúc đó Đức Thầy được nhắc đến ở đây chưa đạt đến Quả Vị Chân Sư (Adeptship). Chắc chắn là nếu chịu làm môn đệ, thì chàng thanh niên đó hiện giờ có thể đã tiến rất xa trên con đường đến Quả Vị Chân Sư.

Tôi không biết trong các ý kiến về Đấng Vĩnh Hằng (the Eternal) cái mà chúng ta gọi là thời gian có mức bao xa. Có một quan điểm mà con người có thể đạt tới, trong đó cả quá khứ, hiện tại, và tương lai dường như là hiện tại vĩnh hằng (eternal now) duy nhất, nhưng ngay cả trong hiện tại vĩnh hằng đó có một số điều vốn được mở rộng hơn, còn những điều khác ít được mở rộng, và do đó việc chấp nhận hoặc xao lãng đối với một cơ hội ắt phải tạo ra một dị biệt, mặc dù có thể có một cách nào đó, trong đó một lỗi lầm thuộc loại đó có thể được điều chỉnh trong tương lai, trong đó bằng cách này hay bằng cách khác sự hối tiếc của con người khi y không thành công, có thể trở thành một lực giúp y hoạt động hữu hiệu gấp đôi để cố gắng vượt lên quá khứ. Người ta chỉ có thể phỏng đoán về nó, chỉ cố gắng tưởng tượng làm thế nào mà một việc như thế sẽ xảy ra; nhưng có lý do rất rõ ràng để cho rằng sẽ có một chỗ mà ở đó quá khứ có thể được điều chỉnh.

Trên các cảnh giới cao, nó tự hình dung theo một cách thức đại loại giống như thế. Chúng ta nói quá khứ thế này thế nọ và chúng ta không thể thay đổi được nó. Điều đó ra sao khi chúng ta ở đó? Làm thế nào chúng ta biết cái hiện giờ là gì khi chúng ta đã vượt qua khỏi nó? Quá khứ đó vẫn tồn tại; nó là hiện tại đối với một người nào khác ở một nơi nào đó. Ý tưởng đó quả là khó hiểu. Ở cõi trần chúng ta biết rằng chúng ta thấy một vật; chúng ta biết được vật đó do ánh sáng

phát ra từ vật ấy. Cái ánh sáng đã cho chúng ta thấy một vật gì đó ngày hôm qua, mà giờ đây đang ở xa hàng triệu dặm, và giờ đây nó đang cho thấy cùng vật đó nhưng ở cách xa. Hôm qua của chúng ta có thể là hiện nay đối với người khác xét theo phương diện truyền đạt của ánh sáng. Tôi không biết sự tương đồng đó có đúng hay không, nhưng một điều gì đó giống như thế dường như là đúng. Quá khứ bằng một cách nào đó vẫn đang tiến hóa (The past is somehow progressing).

180 Từ cảnh giới cao nhìn xuống sự sống ở cõi trần, cũng giống như đứng trên núi và nhìn thấy đoàn tàu hỏa đang di chuyển trong thung lũng bên dưới. Đoàn tàu đã vượt qua một số điểm chùng nào mà số người trong đó còn đông. Các điểm đó được vượt qua, nhưng chúng vẫn còn đó. Cây cối và thú vật mà con người thấy được ở các điểm đó vẫn sinh sống. Quá khứ vẫn còn linh hoạt, nhưng vì không thấy được chúng nữa nên hầu hết người ta tưởng rằng phần của chúng trong đó đã hết. Tôi không dám đoán chắc điều đó. Tôi không nghĩ rằng: thật là rất có ích khi cố hiểu điểm đó, bởi vì người ta không thể tạo được ý thức mạch lạc về điều đó ở cõi trần. Nhưng tôi tin rằng quá khứ thì không thể thay đổi (not irrevocable), và rằng khi đến lượt, chúng ta đạt đến giai đoạn mà chúng ta có thể nhìn xuống toàn thể nó, nó sẽ hiện ra tốt đẹp rất nhiều so với ký ức hiện tại của chúng ta về nó biểu thị, bởi vì bằng cách này hay bằng cách khác mọi quá khứ đó cũng đang tiến tới như là một phần của thực tại thiêng liêng của các vật, và quá khứ đó cũng sẽ trở nên được tôn vinh và sẽ trở hoa thành những gì vốn là nó – tôi không thể kỳ vọng nói như thế nào. Dù vậy ý tưởng đó là một ý tưởng thú vị – có thể là những sự việc mà chúng ta không làm được, các lỗi

lầm mà chúng ta đã phạm, có thể không gặp kết thúc như thế, mặc dầu hiện giờ chúng là như thế đối với chúng ta. Đó là một ý tưởng vốn khó hiểu ở cõi trần, nhưng tôi tin chắc có một chân lý nào đó đằng sau nó.

15.- Hãy ước muốn những vật sở hữu đặc biệt hơn hết.
(*Desire possessions above all*).

16.- Nhưng các vật sở hữu đó phải chỉ thuộc về linh hồn thanh khiết, và do đó mọi linh hồn thanh khiết đều sở hữu như nhau, và như thế là tài sản đặc biệt của tất cả chỉ khi tất cả được hợp nhất. Hãy ước muốn những vật sở hữu mà chỉ linh hồn trong sạch mới có thể nắm giữ, như thế con có thể tích lũy sự phong phú cho tinh thần hợp nhất của sự sống vốn là Chân Ngã duy nhất của con.

C.W. Leadbeater.- Những vật sở hữu mà chúng ta nên mong muốn là các đức tính sẽ hữu dụng cho toàn thể nhân loại. Mỗi chiến thắng mà chúng ta đạt được là được thành tựu cho nhân loại, chứ không phải cho bản thân chúng ta. Ý muốn chiếm hữu phải là ý muốn chiếm hữu cùng với mọi người khác - đó là cái ham muốn sao cho tất cả mọi người sẽ chia sẻ cùng cái di sản chung. Đó là câu chuyện cũ về tính vô ngã (impersonality) dưới một hình thức khác. Chúng ta thấy tính đó được minh họa một cách đẹp đẽ trong cuộc đời các Chân Sư. Cách đây đã lâu tôi còn nhớ cảm thấy rất ngạc nhiên về việc làm thế nào mà các Đức Thầy dường như không có nghiệp quả. Trong một số thánh kinh của Đông phương, các Ngài được nói đến như đã vượt trên nghiệp quả. Tôi không thể hiểu được điều đó, bởi vì karma là một định luật giống như trọng lực cũng là định luật vậy. Chúng

ta có thể lên đến tận mặt trời, nhưng chúng ta sẽ không vượt qua được trọng lực; trái lại chúng ta sẽ cảm thấy lực đó mạnh hơn rất nhiều. Theo tôi, dường như không thể thoát được luật nhân quả, vì dưới tác động của nó, mỗi người sẽ nhận được những gì tùy theo mình làm. Nếu các Chân Sư cao cả lúc nào cũng hành động tốt lành ở một mức độ mà chúng ta rất ít có hy vọng sánh bằng, và tuy thế, các Ngài không tạo nghiệp, thì bấy giờ kết quả kỳ diệu của tất cả mọi năng lượng đang tuôn ra của các Ngài sẽ trở thành những gì?

Hiện nay, sau khi khảo sát vấn đề, chúng tôi bắt đầu thấy làm sao mà điều đó lại xảy ra được. Nếu tôi mô tả những gì mà karma hiện ra theo kẻ có nhãn thông, thì có lẽ sẽ giúp làm cho vấn đề dễ hiểu hơn. Cách tác động của luật karma trên các cõi cao diễn ra như sau. Mỗi người là tâm của một loạt không thể tưởng tượng các hình cầu đồng tâm – một số hình cầu rất gần, một số khác đạt đến một khoảng cách phi thường vào tận vũ trụ xa xăm. Mỗi tư tưởng, hoặc lời nói, hoặc hành động, dù tốt hoặc xấu, ích kỷ, hoặc không ích kỷ, đều phát ra luồng thần lực đổ xô vào các mặt của các hình cầu này. Lực này đánh thẳng góc vào mặt bên trong của các khối cầu, rồi dội lại vào điểm mà từ đó nó xuất phát. Từ khối cầu nào mà nó được phản chiếu lại dường như lệ thuộc vào tính chất của lực, và việc này cũng điều chỉnh thời gian trở lại của nó. Lực vốn được sinh ra bởi một số tác động đánh vào một hình cầu tương đối ở gần bên và bay trở lại rất nhanh chóng, trong khi các lực khác hầu hết đổ xô vào cõi vô tận và chỉ quay lại sau nhiều kiếp sống – chúng ta không thể nói tại sao lại như vậy. Tất cả những gì mà chúng ta biết được là trong bất cứ trường hợp nào chúng đương nhiên

quay trở lại, và chúng không thể quay lại nơi nào khác với trung tâm mà chúng đã xuất phát.

Tất cả các lực này đều do con người phát ra, nên phải quay về với con người chừng nào mà con người còn phóng các lực đó ra từ chính y theo cách đó. Tuy nhiên mỗi người có mối liên hệ bên trong (interior connection) với Thượng Đế mà không thông qua bất cứ hình cầu đồng tâm nào trong số đó, mà qua chính trung tâm. Bằng cách quay vào trong, con người có thể đạt tới chính Thượng Đế, và chừng nào mà con người còn phóng tất cả lực của tư tưởng và ham muốn của mình theo cách đó, lực đó không bị phản chiếu lại y chút nào nữa, mà nó dùng để làm mạnh thêm luồng tuôn ra vĩ đại (great outwelling) của sức mạnh thiêng liêng mà Thượng Đế luôn luôn phát ra xuyên qua vũ trụ của Ngài, nhờ đó Ngài giữ cho vũ trụ được sinh động. Thần lực của Ngài phóng ra ở trung tâm; nó không đến từ bên ngoài. Nếu chúng ta xem xét một số nguyên tử hồng trần bằng nhãn thông, chúng ta sẽ thấy một số nguyên tử thu vào thần lực và một số khác tuôn ra thần lực. Chúng phải nhận mãnh lực đó từ một nơi nào đó. Lực đó không đi vào ở một phía và đi ra ở phía bên kia. Lực đó tuôn ra ở trung tâm hình như không từ đâu đến, nhưng thực ra nó đến từ một bề đo cao siêu (higher dimension) nào đó mà chúng ta không thể thấy được. Như thế sự hiệp thông với Thượng Đế nằm ngay trong tâm của các sự vật, và người nào luôn hướng đôi mắt của mình vào Thượng Đế và chỉ nghĩ đến Ngài trong công việc mà y đang làm, sẽ tuôn đổ mọi thần lực của mình theo con đường đó. Riêng đối với y, lực này tan biến, nhưng như tôi có nói trước kia, nó lại làm mạnh thêm sức mạnh thiêng liêng vốn luôn luôn tuôn đổ ra mọi nơi. Không có kết quả cá nhân cho con

người trên các cõi thấp, nhưng với mỗi cố gắng như thế, y đến gần hơn với Chân Lý thiêng liêng bên trong y – trở thành một biểu lộ của Chân Lý đó tốt đẹp hơn và đầy đủ hơn, và như thế sẽ là không đúng khi nói rằng y không đạt được một kết quả nào. Trong một vũ trụ do thiên luật cai quản, thì không có gì hiện hữu mà không có kết quả, nhưng không có một kết quả bên ngoài nào thuộc loại đó sẽ đưa con người trở lại cõi trần.

Theo tôi, đó là những gì được hàm ý khi người ta nói rằng các Đấng Cao Cả thoát khỏi luật karma. Các Ngài sử dụng toàn thể mãnh lực tinh thần phi thường của các Ngài vào việc tạo phúc lợi cho nhân loại và với tư cách là các đơn vị của nhân loại, và vì thế các Ngài thoát khỏi sự trói buộc của thiên luật. Có kết quả thế nào thì nó xảy đến cho nhân loại, chứ không đến cho các Ngài. Nghiệp quả của mọi hành động huy hoàng của Chân Sư không được giữ lại để cho Ngài có thể nhận kết quả; nó đi đến nhân loại nói chung.

Chúng ta cũng sẽ thể hiện hành động với tinh thần vô ngã đó. Nếu chúng ta làm bất cứ điều gì, ngay cả hành động tốt đẹp, chúng ta suy tưởng: “Tôi đang làm điều này; tôi muốn được khen ngợi về điều đó”, hoặc là cho dù nếu chúng ta không nghĩ đến việc nhận lời khen ngợi về việc đó, mà chỉ nghĩ: “Tôi đang làm điều này” giống như người Pharisees thời xưa, chúng ta sẽ có phần thưởng của chúng ta. Kết quả sẽ quay lại cho phàm ngã, và nó sẽ trói buộc chúng ta lại với cõi trần cũng chắc chắn như thể nó là một kết quả xấu. Còn nếu chúng ta đã quên đi phàm ngã hoàn toàn và hành động chỉ như một phần của nhân loại thì kết quả của hành động sẽ đến cho nhân loại mà trong đó mỗi người là một thành phần. Chúng ta có thể hành động càng chân thành mà không nghĩ

đến bản ngã, thì chúng ta sẽ càng tiến gần đến tâm thiêng liêng (the divine heart) của vạn vật. Đó là cách mà chính Thượng Đế xem xét mọi vật. Đối với Ngài, không thể có một ý tưởng nào về bản ngã. Ngài luôn luôn hành động cho phúc lợi của toàn thể và như đại diện cho toàn thể đó. Nếu chúng ta hành động mà chỉ nghĩ đến Ngài, thì bấy giờ kết quả của hành động sẽ tuôn chảy vào thần lực của Ngài và sẽ không đến với chúng ta như một sự trói buộc, mà đúng hơn, như một việc sẽ làm cho chúng ta trở thành một biểu lộ của Thượng Đế ngày càng lớn hơn, và sẽ nâng chúng ta ngày càng nhiều hơn vào trạng thái an bình của Thượng Đế, vượt ngoài mọi hiểu biết.



CHƯƠNG 8

Qui Tắc 17 – 19

17.- Hãy tìm đạo. (Seek out the way).

C.W. Leadbeater.- Bây giờ chúng ta đến với ba cách ngôn ngắn, chúng đan xen với nhau chặt chẽ, và cả trong lời bình giảng của Đức Chohan, lẫn trong các chú giải của Chân Sư Hilarion, chúng thực sự được gom chung lại với nhau. Vì lẽ đó, thật khó có thể sắp xếp chúng thành các nhóm riêng như đã làm từ trước đến giờ, và vì thế tôi sẽ chọn chúng theo thứ tự mà chúng xuất hiện trong sách. Hiển nhiên là chúng ta đã đến một phần rất quan trọng của giáo lý, bởi vì có một lời giảng luận dài của mỗi vị trong hai Đấng Cao Cả này, dài hơn là bất cứ các câu nào trước đây.

Chú giải của Chân Sư Hilarion cho qui tắc thứ mười bảy bắt đầu như sau:

Bốn chữ này có lẽ dường như không đáng để đứng riêng ra. Vị đệ tử có thể nói: “Nếu không tìm đạo thì tôi nghiền ngẫm các ý tưởng này làm gì?” Tuy nhiên, con đừng vội vàng lướt qua. Hãy dừng lại và xem xét trong chốc lát. Đó có phải là con đường mà con mong muốn, hay đó chỉ là một viễn cảnh mơ hồ trong các tưởng tượng của

186 **con về các đỉnh cao mà con phải leo lên, về một tương lai huy hoàng mà con phải hoàn thành? Hãy coi chừng. Con phải vì đạo mà tìm đạo, chớ không phải vì những bước chân của con sẽ đặt lên đó.**

Tinh thần mà chúng ta nên có để tiến đến Thánh Đạo được diễn tả một cách tuyệt mỹ bằng các lời trên đây. Mọi con đường thông qua phàm ngã đều phải đặt sang một bên, và người ta phải làm việc theo quan điểm của Chân Ngã. Làm điều đó chính là tìm đạo. Chúng ta đã thấy rằng ngay cả khi con người đã để tham vọng thông thường lại phía sau, y cũng còn gặp lại nó nhiều lần nữa dưới các hình thức tinh tế hơn. Tham vọng của y giờ đây đạt tới một mức độ cao hơn; y đã dọn sẵn tâm trí mình để không còn ham muốn *bất cứ thứ gì* cho phàm ngã nữa, mà đặt bất cứ năng lực nào mà y có được *hoàn toàn* vào việc phụng sự Thánh Đoàn (Great White Lodge). Y chỉ nghĩ đến việc trở thành một dụng cụ hữu dụng, về việc tự đưa mình vào một vị thế có liên quan đến Chân Sư, sao cho các thần lực của Ngài có thể tác động qua y càng ít trở ngại càng tốt.

Đương nhiên, mọi thần lực từ cõi cao xuống đều gặp phải sự hạn chế lớn khi chúng đến hoạt động ở một cõi thấp. Thần lực đi đến thông qua bất cứ đệ tử nào có thể không bao giờ nhiều hơn một phần rất nhỏ ảnh hưởng mà một Đấng Cao Cả nào đó có thể gửi qua một đệ tử. Điều đó phải như thế thôi bởi chính bản chất của trường hợp, nhưng, với mọi bất toàn đương nhiên bám vào chúng ta trên cõi trần, người nào làm cho chính mình trở thành một dụng cụ hết sức hoàn hảo cho thần lực của Chân Sư thì người ấy có thể làm được công việc rất hữu ích. Mục đích của đệ tử là để cho thần lực

tuôn chảy qua y càng nhiều càng tốt, và làm cho nó đổi màu màu càng ít càng tốt.

187

Thần lực được trút xuống qua đệ tử cho đệ tử có thể gieo rắc nó ra, nhưng đệ tử không được mong đợi chỉ trở thành một cái máy để phân phối thần lực mà thôi. Y nhất định có đóng góp vào đó một chút gì của chính y, một cái gì đó có sắc thái của riêng y; điều đó đã được dự kiến và mong đợi, nhưng nó phải hoàn toàn hài hòa với thái độ và cảm nghĩ của Chân Sư. Điều đó có thể xảy ra vì đệ tử trở nên hợp nhất với Chân Sư theo một cách thức kỳ diệu, như tôi có giải thích trong sách *“Chơn Sư và Thánh Đạo”* (chương V). Chẳng những tất cả những gì ở trong tâm thức của đệ tử thì cũng ở trong tâm thức của Chân Sư, mà mọi điều đang xảy ra trước mặt đệ tử cũng ở trong tâm thức của Chân Sư nữa – không nhất thiết khi điều đó đang xảy ra, trừ phi Ngài chọn như thế, mà hoàn toàn chắc chắn ở trong ký ức của Ngài. Nếu Chân Sư ngẫu nhiên đang bận với công việc cao siêu nào đó của Ngài trong lúc đó, không nhất thiết là Ngài đang tham dự vào một cuộc đàm thoại của đệ tử vào lúc đó; nhưng chúng ta có bằng chứng đáng ngạc nhiên rằng đôi khi Chân Sư có thể đang tham dự, bởi vì thỉnh thoảng Ngài xen một tư tưởng hoặc một nhận xét vào, và hiệu chỉnh lại một điều đang được nói ra.

Như tôi đã giải thích ở nơi khác, bất cứ xúc động nào mà đệ tử để cho xảy ra nơi chính mình, đều sẽ tác động trở lại Chân Sư. Nếu đó là một tình cảm bức mình hoặc giận dữ, thì Chân Sư loại trừ nó ngay. Dĩ nhiên đệ tử không muốn gây cho Ngài phiền toái khi làm như thế, mặc dầu, nếu người ta có thể nói với tất cả lòng tôn kính rằng, có lẽ đó không phải là một phiền toái lớn lắm. Có thể Chân Sư làm

188 điều này rất mau chóng, chỉ trong một ý tưởng thôi, nhưng tuy thế người ta không muốn gây nên ngay cả một sự gián đoạn nhỏ nhoi đối với công việc của Ngài.

Dĩ nhiên là vị đệ tử cũng muốn tránh việc y bị tách ra xảy ra cùng lúc đó, do đó y cố gắng hết sức mình để ngăn không cho bất cứ tư tưởng hoặc tình cảm không đáng có nào đi vào tâm thức mình. Y sẽ tránh xa một đám đông ồn ào hoặc tránh xa bất cứ chỗ nào có từ điện cực kỳ không tốt, trừ phi y phải đi đến đó để làm công việc của Chân Sư. Trong trường hợp đó, y đặt một cái vỏ (shell) chung quanh y và xem chừng không để cho sự khó chịu nào đến với Chân Sư. Ngoài ra, những sự vật thuần vật chất trong tâm thức đệ tử cũng ở trong tâm thức của Chân Sư. Thí dụ, nếu đệ tử bị giật mình bởi một tiếng động thành linh, làm cho y hơi bị choáng (shock), thì việc va chạm nhỏ đó được truyền đến Chân Sư. Ngài không quan tâm đến chuyện đó, Ngài gạt nó sang một bên, nhưng sự thật vẫn là nó được truyền đến, và điều đó cho thấy mỗi ràng buộc mật thiết ra sao. Một đệ tử khôn ngoan sẽ cố gắng tránh bất cứ loại va chạm nào; vì lẽ đó, y thường là một loại người hơi dịu dàng và trầm lặng.

Một trong các nét nổi bật của vị đệ tử đó là y không bao giờ quên Sư Phụ của mình hoặc là quên sự hiện hữu của Sư Phụ mình. Thế nên nếu y có thể ngăn chặn điều đó, trừ trường hợp sơ ý, y sẽ không để cho bên trong y bất cứ tư tưởng hoặc tình cảm nào mà y không muốn, được ghi vào tư tưởng hoặc tình cảm của Chân Sư, và ngay cả y cũng cố gắng tránh, ở mức độ có thể được, các xáo trộn bên ngoài, vì chúng cũng có thể thuộc loại làm cho y bị tạm thời bị gián đoạn với Chân Sư.

189 Niềm vui thích đối với đệ tử về sự liên kết mật thiết với Chân Sư thật mãnh liệt. Cái niềm vui của việc giao tiếp với một trí thông tuệ quá sáng chói, với các xúc cảm hay đúng hơn là các quyền năng tuyệt trần như thế – bởi vì các điều như là tận tụy (devotion), lòng bác ái (love) và tính thiện cảm (sympathy) nơi một Chân Sư không thể được gọi là các xúc cảm (emotions); chúng là các quyền năng vĩ đại – thì thật là kỳ diệu, đẹp đẽ không thể tả bằng lời. Vị đệ tử càng để cho mình mở ra với các ảnh hưởng cao siêu này, thì chúng tuôn đổ càng nhiều vào trong y, và y càng trở nên giống với Chân Sư mà y phụng sự. Đó là một vấn đề tăng trưởng từ từ, nhưng sự tăng trưởng này được trợ giúp nhiều bằng sự thường xuyên tuôn đổ thần lực giữa Chân Sư và đệ tử.

Sự hợp nhất này là một loại nếm trải trước ở mức độ thấp sự hợp nhất cao hơn sẽ xảy đến khi tâm thức bồ đề được phát triển đầy đủ, nhưng thiếu sự phát triển đó, tôi nghĩ là không có gì mật thiết bằng mối quan hệ giữa đệ tử và Chân Sư. Những ai muốn ở vị trí đặc quyền của một đệ tử thì nên ngay từ đầu sống hết sức mình theo cách mà họ sẽ cảm thấy phận sự của họ để sống khi họ trở thành các đệ tử. Chúng ta càng đem sự an tĩnh và thanh thản của hành động, tình cảm và tư tưởng vào trong các kiếp sống của chúng ta, thì chúng ta sẽ càng hầu như thích hợp đối với sự kết hợp chặt chẽ hơn khi nó xảy đến. Không thể nghi ngờ gì cái cách xứng đáng để có được đặc quyền như thế là phải sống như thể chúng ta đã có nó rồi. Tôi biết có nhiều người thường nghĩ rằng các sự việc nhỏ bé bên ngoài thì không quan trọng. Họ thường nói: “Ồ, có lẽ một sự việc như thế đẩy lùi sự tiến hóa của người ta, nhưng nó không quan trọng lắm, đó chỉ là một việc nhỏ mà thôi”. Tôi có nghe nói về việc ăn thịt và việc

hút thuốc. Nhưng chúng ta không ở vị thế mà chúng ta có thể chênh mảng với sự việc nhỏ nhất liên quan đến sự giúp đỡ. Công việc cần đảm trách trước mắt chúng ta là công việc
 190 lớn lao đáng kể và là công việc không dễ dàng chút nào. Thế nên người khôn ngoan không nên chênh mảng ngay cả việc giúp đỡ nhỏ nhất. Thực ra các việc này không phải là nhỏ.

Trong phần chú giải của Ngài, Chân Sư nói thêm:

Có sự liên hệ giữa qui tắc này với qui tắc thứ mười bảy của phần thứ nhì. Khi sau các thời kỳ đấu tranh và nhiều chiến thắng, con thắng được trận chiến cuối cùng, con đòi hỏi cái bí nhiệm cuối cùng, lúc bấy giờ con được chuẩn bị cho một con đường xa xăm hơn.

Qui tắc thứ 17 trong phần nhì của quyển sách mà Đức Thầy nhắc tới, là như sau: *“Hãy hỏi nơi thâm sâu, Đấng Duy Nhất, cái bí nhiệm cuối cùng được giữ cho con qua các thời đại”* (“Enquire of the inmost, the One, of its final secret, which it holds for you through the ages”). Câu đó có nghĩa là ngay bây giờ, chúng ta phải tìm ra Chân Ngã, khi chúng ta đã đạt tới trình độ cao siêu đó, chúng ta phải tìm ra cái duy nhất, tức Chân Thần. Cái bí nhiệm cuối cùng luôn luôn là làm thế nào để làm nhiều hơn và làm công việc cao siêu hơn. Nhiều người dường như nghĩ rằng đó đúng hơn là một viễn ảnh ảm đạm. Có một số đông người mà cái ưa thích lớn lao của họ là nghỉ ngơi; có quá nhiều khẩn trương, căng thẳng và quá vất vả khắp chung quanh ta, đến nỗi những người đó trông chờ sự nghỉ ngơi hoàn toàn. Đó là một quan điểm chỉ thuộc về xác thân. Trên các cõi cao, chúng ta không bao giờ mệt nhọc. Tôi đã biết có người ở lại trong cõi cảm dục nhiều

191 năm, chò có một thể xác (body) mà Đức Thầy nghĩ là thích hợp cho họ. Trong một trường hợp, một người phải chò đến hai mươi lăm năm, một trường hợp khác thì là hai mươi năm. Cả hai đều hiến dâng tuyệt đối không ngừng nghỉ cho công việc của Chân Sư trong trọn cả thời gian đó. Chắc chắn rằng không một ai trong số này có cảm giác mệt mỏi dù là nhỏ nhất, họ cũng không hề ít hăm hở làm việc ở lúc cuối của thời gian chờ đợi đó. Thế nên, nếu có điều gì giống như là sự mệt mỏi ở cõi tình cảm, thì cái mệt mỏi đó phải rất khác biệt vượt quá bất cứ thời gian nào mà chúng ta phải bàn tới.

Khi điều bí mật cuối cùng của bài học lớn lao này được truyền dạy thì cái bí nhiệm của con đường mới được mở ra trong đó – một con đường dắt ra khỏi mọi kinh nghiệm của con người, và hoàn toàn vượt ngoài tri giác hoặc tưởng tượng của con người. Ở mỗi một trong các điểm này, con cần phải dừng lại thật lâu và xem xét thật kỹ lưỡng. Ở mỗi một trong các điểm này, con cần phải chắc chắn rằng con đường được chọn là vì chính con đường. Con đường và chân lý đến trước, tiếp đó là sự sống.

A. Besant.- Khi linh hồn giải thoát đã hoàn tất các giai đoạn tiến hóa đến quả vị La Hán, và đang hướng tới cuộc điểm đạo đầu tiên của các cuộc Điểm Đạo lớn xa hơn nữa, linh hồn này phải lựa chọn từ những con đường khác nhau đang mở ra phía trước. Chúng là con số 7 thiêng liêng – linh hồn có 7 con đường chọn lựa trước mặt. Người ta thường nói rằng ở mức độ đó chỉ có thể có một khả năng – đó là một người *phải* chọn trở thành một Đức Thầy – một ý tưởng ẩn bên dưới, đó là nếu Ngài quyết định đúng, Ngài sẽ chọn trở lại giúp đỡ

thế gian. Quyết định như thế được đưa ra khi chính nhân loại được nghĩ đến, nhưng tôi xin nhắc bạn rằng đây là một kết luận vội vã, một gợi ý được đưa ra về bản chất của sự lựa chọn, nơi mà chú giải ghi lại: “Ở mỗi một trong các điểm này
 192 cần phải chắc chắn rằng đường đạo được chọn chỉ vì chính đường đạo mà thôi”. Thuật ngữ “vì chính nó” (“own sake”) cung cấp ta manh mối. Sự lựa chọn được đưa ra chỉ vì con đường đạo mà thôi. Sự thật rằng có nhiều con đường đạo hơn là chỉ có một, nên ngăn chặn việc chúng ta đặt ra luật lệ đối với sự lựa chọn của chúng ta; ngoài ra nên ngăn chặn bất cứ người nào dùng các thuật ngữ: “Nếu Ngài chọn đúng”, cứ như thế khi linh hồn đã giải thoát mà người đó còn có thể chọn sai.

Tuy nhiên một ý tưởng – rất tế nhị – chọt đến với chúng ta, đó là chúng ta có thể đưa ra sự lựa chọn. Đôi khi chúng ta chọn cho tương lai của chính chúng ta – vì tương lai này rất xa – những gì sẽ trở nên và những gì phải làm; thực ra đó là tâm thức thấp chọn thay cho tâm thức cao. Khuynh hướng tế nhị này xuyên suốt kiếp sống chúng ta. Một phần của tâm thức chúng ta cảm thấy chính nó như là “Cái Ngã” (“I”), và dĩ nhiên có khuynh hướng chọn con đường của tương lai khi nó nhìn vào con đường đó, mà quên rằng bằng cách đó nó đang chọn lựa thay cho tâm thức cao, việc lựa chọn thực sự chỉ nằm trong tay của tâm thức cao. Khi bạn quyết định về những gì phải làm vào cuối giai đoạn La Hán, thì điều đó sẽ giống như một đứa trẻ chọn nghề của nó trong cuộc đời. Sự lựa chọn của đứa trẻ không được hướng dẫn bằng sự hiểu biết, chắc chắn không phải là sự lựa chọn mà sự xét đoán chín chắn của đứa trẻ muốn chứng tỏ. Một đứa trẻ con không thể có sự lựa chọn nào đối với nghề nghiệp của nó

trong tương lai, và điều đó cũng đúng trong các vấn đề này. Chân Ngã sẽ chọn lựa, mà không để ý đến phàm ngã; thực ra phàm ngã sẽ tàn lụi trước khi sự lựa chọn xảy ra. Tất cả những gì quan trọng đặt ra trước phàm ngã vào lúc đó, chính là ý tưởng phụng sự – bản thể của nó trở thành một khí cụ để phụng sự. Nếu như nó không làm điều này nó sẽ trở thành một chướng ngại cho tâm thức cao. Nên nhớ rằng
 193 nó có thể tạo ra chướng ngại trong con đường của tâm thức cao đó; như người ta thường nói, nó đóng đinh Chân Ngã.

Một điều khác nên nhớ, đó là chúng ta không thể xét đoán bất cứ giai đoạn nào của tâm thức mà chúng ta chưa trải qua và chúng ta không biết giá trị tương đối của nó. Khi nghĩ đến một tình trạng cao siêu của tâm thức mà bạn không có kinh nghiệm, thì bạn không thể có bất cứ xét đoán nào về nó. Khi bạn đạt đến trạng thái đó, thì vũ trụ biến đổi theo bạn, mang lại một thay đổi trong bản thể (nature) của bạn và khiến cho bạn biết được tâm thức đó có thể tác động ra sao. Bạn phải kinh qua sự thay đổi này trước khi bạn có thể biết. Thế nên khi tạo ra bất cứ quan điểm nào về con đường trong tương lai, đó là trường hợp xét đoán một trạng thái tâm thức mà bạn không biết về nó, thì sự xét đoán của bạn không có giá trị.

Xét việc đó theo quan điểm cao thì chỉ có một điều duy nhất định đoạt sự chọn lựa của chúng ta và đó là nhu cầu của thể gian vào lúc đó. Nơi nào thiếu thốn, nơi đó cần được giúp đỡ – có nhiều điều quyết định sự lựa chọn của chúng ta. Trong số các cách khác nhau hiện ra trước mắt, linh hồn đã thanh luyện sẽ đi đến nơi đâu cần sự giúp đỡ. Nhờ tự định đoạt, linh hồn đó chọn đường hướng mà Thánh Đoàn (Hierarchy) cần đến sự trợ giúp để biểu lộ Ý Chí của Thượng

Đế. Một Đấng Cao Cả có dạy tôi rằng thật là sai lầm khi nghĩ rằng sự chọn lựa có thể được đưa ra hoàn toàn ở trần thế; mà sự lựa chọn luôn luôn được đưa ra để mang lại sự trợ giúp vốn cần cho sự biểu lộ Thiên Ý (Will of the Logos).

Một nhóm gồm các Đấng hoạt động cho sự trợ giúp trên thế gian. Chỉ khi nào sự tăng cường được cần đến trong các Ngài, chỉ khi nào một vận hà được cần đến, thì sự chọn lựa mới chuyển đổi thành công việc của thế gian. Tôi nhấn
194 mạnh điều này bởi vì nó được dành như là một cảnh báo cho chính tôi, đừng để cho các tư tưởng tôi chuyển từ hoạt động hữu ích sang những đường lối hoạt động khác không được dành cho chúng tôi. Trong *Bhagavad Gita* chúng ta được cảnh báo rằng thiên chức (dharma) ⁽¹⁾ của một người khác thì đầy nguy hiểm – công việc của chúng ta nằm ở nơi có thiên chức của chúng ta.

C.W. Leadbeater.- Thánh đạo dẫn dắt ra khỏi mọi kinh nghiệm của con người là thánh đạo của vị Chân Sư (Adept) vốn mở ra trước mắt Ngài với sự lựa chọn là bảy con đường, như chúng ta đã thấy. Tôi có nghe nhiều Hội Viên nói: “Ồ dĩ nhiên không có vấn đề gì về điều mà chúng ta sẽ chọn; chúng ta sẽ ở lại để phụng sự nhân loại”. Nên khôn ngoan hơn để không phí sức của chúng ta trong các quyết định như thế, bởi vì thực sự chúng ta không biết bất cứ điều gì về việc đó. Điều đó cũng giống như một đứa bé con quyết định những gì mà y sẽ làm khi y trở thành người lớn. Đứa bé muốn làm một hải tặc hoặc một người lái tàu hỏa.

¹ Dharma: Thiên chức, Thiên trách (obligatory work)

Thiên Luật (Sacred Law) (Theosophical Glossary, H.P. Blavatsky)

Hiện giờ chúng ta chỉ biết rất ít về các tình trạng sẽ định đoạt sự lựa chọn của chúng ta như đứa bé con sẽ làm những gì sẽ định đoạt tương lai của nó. Không một con đường nào trong số bảy con đường có thể là đáng ưa chuộng hơn là con đường khác, mặc dầu tất cả đều dẫn tới các loại công việc khác nhau.

Cái ý tưởng rất chắc chắn sẽ nổi bật hơn hết sẽ là: “Ở nơi nào tôi có thể được hữu dụng hơn hết?” Những gì mà chúng ta có thể được phép tiên đoán một cách vô hại về hành động của chúng ta, đó là chúng ta sẽ nói: “Thưa Ngài, con đây; xin gửi con đến nơi nào cần sự giúp đỡ nhất”. Tuy nhiên ngay cả như thế, khi chúng ta khai mở, chúng ta sẽ phát triển một năng khiếu đặc biệt nào đó theo đường lối này hoặc đường lối khác và như thế hiển nhiên đó sẽ là tốt nhất cho toàn thể hệ thống khi mà chúng ta sẽ được dùng theo đường lối mà chúng ta có thể làm hữu hiệu nhất.

195

Mỗi khi mà trình độ tâm thức cao được đạt đến, quan điểm của chúng ta đối với thế giới được mở rộng nhiều đến nỗi nó trở nên một điều hoàn toàn mới mẻ đối với chúng ta. Khi chúng ta đạt đến quả vị Chân Sư, chúng ta sẽ có một chân trời rộng lớn vô cùng. Chúng ta sẽ hiểu một cách chính xác những gì chúng ta đang làm, bởi vì chúng ta sẽ có thể nhìn thấy thái dương hệ giống như Đấng tạo ra nó (its Maker), nhìn thấy, từ trên cao, thay vì từ bên dưới. Chúng ta sẽ thấy được cái kiểu mẫu nguyên hình (pattern) được đan dệt (woven) và ý nghĩa của tất cả là gì. Mỗi giai đoạn thêm vào, mỗi mở rộng tâm thức đều đưa chúng ta tiến gần hơn đến việc thấy ý nghĩa của mọi vật, vì thế khi chúng ta tiến lên, chúng ta trở nên ngày càng ít có khả năng phạm lỗi lầm và hiểu sai lệch, nhưng tri thức hoàn hảo chỉ có thể thuộc về

Chân Sư, vì tâm thức của Ngài đã trở nên hợp nhất với tâm thức của Thái Dương Thượng Đế, cho dù cho đến giờ tâm thức đó chỉ thuộc về một trong các biểu lộ thấp của Ngài.

Trong bất cứ trường hợp nào, sự lựa chọn đó ở trong tay của Chân Thần, thế nên chắc chắn là chúng ta không cần bận tâm về việc đó bây giờ. Luôn luôn có sự khả hữu là Chân Thần có thể đã quyết định tất cả những gì ngay bây giờ, và khi sự lựa chọn như thế được đưa ra, thì các đại diện thấp hoặc các phần thấp của Chân Thần sẽ dễ dàng rơi vào chỗ của chúng khi đến lúc, bất kể những ý tưởng mà những đại diện đó có thể đưa ra trước kia. Tất cả những gì quan trọng đối với chúng ta hiện giờ là nên đặt trước phạm ngã sự chọn lựa đó, là cái ý tưởng phụng sự. Nếu chúng ta có thể làm cho phạm ngã hiểu cái ý tưởng luôn luôn chờ cơ hội để phụng sự, thì phạm ngã rất sẵn sàng trở thành một vận hà hoàn hảo cho Chân Ngã, và điều đó đến lượt nó sẽ ảnh hưởng tới biệt ngã trở thành một vận hà hoàn hảo hay là dụng cụ cho Chân Thần. Phụng sự là lý tưởng cao cả nhất trong cuộc đời.

196 Chính Đức Christ đã chẳng nói: “Kẻ nào sẽ đứng đầu trong các người, thì hãy để kẻ đó làm tôi mọi cho các người” đó sao? (Sách Matthew 20, 27) ⁽¹⁾.

18.- Hãy tìm đạo bằng cách rút vào nội tâm.

(Seek the way by retreating within).

19.- Hãy tìm đạo bằng cách dũng cảm tiến ra ngoài.

(Seek the way by advancing boldly without).

¹ Nguyên văn: “ Who so ever will be chief among you. Let him be your servant”. Bản dịch của NXB Tôn Giáo Hà Nội 2003).

C.W. Leadbeater.- Tìm đạo bằng cách rút vào nội tâm, có nghĩa là vào lúc ban đầu hãy tìm kiếm và tuân theo sự dẫn dắt của Chân Ngã.

Như đã giải thích ở trước, giai đoạn đầu tiên trên đường đạo là sự hợp nhất của phàm ngã với Chân Ngã. Sau đó Chân Ngã trở thành một biểu lộ hoàn hảo của Chân Thần, và lúc đó con người sẵn sàng nhận cuộc Điểm Đạo Asekha (cuộc điểm đạo thứ năm- ND). Vượt quá điều đó, vị Chân Sư sẽ cố gắng nâng tâm thức Chân Thần của Ngài đi vào tâm thức của Thượng Đế. Ngài luôn luôn tìm cách đạt các trình độ ngày càng cao.

Bất cứ khi nào một người ở bất cứ giai đoạn nào tìm cách tuân đổ lòng sùng tín vào một cõi cao hơn, thì một sự tuân đổ sức mạnh thiêng liêng xuống cho y, đến nỗi nó hoàn toàn áp đảo cố gắng của y, và kết quả là y không phải cố gắng quá nhiều để đạt đến nó, vì sức mạnh đó đã tuân đổ lên y. Cũng sự việc như thế đó xảy ra giữa đệ tử với Chân Sư. Khi đệ tử cố hướng tình thương của mình lên Chân Sư, thì tình thương đó được tăng bội do sự đáp ứng tình thương của Chân Sư, cho nên, đối với y, dường như y đã nhận được một lượng lớn tình thương bao la, mặc dầu lúc đầu, chính tác động của y đã làm cho tình thương đó có thể tuân đổ xuống.

Ở một trình độ cao, đó là sự tuân đổ xuống cho Chân Sư của Chúa Thánh Thần (the Holy Ghost), quyền năng của Ngôi Ba (Third Aspect) Thượng Đế, được tượng trưng trong 197 “những lưỡi lửa chẻ đôi” của lễ Ngũ Tuần (Act, 2, 3)⁽¹⁾. Như vậy, theo đúng trình tự, vị Chân Sư trở nên hợp nhất với Ngôi Ba của Thượng Đế đang biểu lộ trên cõi Niết Bàn. Giai

¹ Nguyên văn: “Cloven tongues, like as of fire”. (Bản dịch của NXB Tôn Giáo Hà Nội 2003)

đoạn kế tiếp của Ngài là trở nên hợp nhất với Trạng Thái được tiêu biểu bằng Đức Christ ở trong lòng của Chúa Cha (the Father). Về sau nữa, mặc dầu tôi không biết gì về điều đó, tôi hoàn toàn tin chắc rằng Ngài sẽ ngày càng tiến gần hơn đến Thượng Đế của Thái Dương Hệ chúng ta. Chúng ta bao giờ cũng sẽ tiến đến Linh Quang (Light), nhưng chúng ta sẽ không bao giờ chạm đến Linh Hỏa (Flame). Một ngày kia, không phải chúng ta sẽ không vươn lên tới đỉnh cao mà Ngài đang ngự, nhưng Ngài không đứng yên để đón nhận chúng ta đâu. Ngài cũng đang tiến hóa, và do lẽ đó chúng ta sẽ không chạm đến Ngọn Lửa Thiên, mặc dầu chúng ta sẽ ngày càng tiến gần đến nó. Lạc phúc huyền diệu của kinh nghiệm này không thể tả được ở cõi trần, bởi vì mọi bản chất của nó đều không có cái tương ứng (counterpart) nào ở cõi thấp cả.

Trong mỗi người có nhiều điều phải được tìm thấy bằng cách tìm kiếm ở nội tâm. Phạm ngã, mà đa số con người nghĩ chính là họ, chỉ là một phần rất nhỏ của con người. Chúng ta là những con người rộng lớn hơn so với chúng ta tự biểu lộ ra. Trong mỗi lần luân hồi đặc biệt, Chân Nhân chỉ có thể đưa ra một phần nhỏ hay mặt nhỏ (facet) của chính mình, và cho dù phần đó biểu lộ một cách hoàn hảo đi nữa, nó cũng chỉ là một phần nhỏ. Một người vĩ đại là một nhân vật được thấy thanh bai và đẹp đẽ, ngay cả ở thế gian này, nhưng chúng ta có thể chắc chắn rằng cái tổng thể thì vĩ đại hơn rất nhiều so với cái một phần mà chúng ta có thể thấy. Không một phạm ngã nào có thể biểu lộ hết vô số các khả năng nằm bên trong Chân Ngã. Chân Ngã có bên trong nó cái tinh hoa của kinh nghiệm của tất cả các kiếp sống mà nó đã trải qua. Cái Cao cả nhất và tốt đẹp nhất của

198 chúng ta ở cõi trần này có thể được xem như một mẫu bậc trung vừa phải của các tính chất mà chúng ta sẽ tìm thấy trong Chân Ngã nếu chúng ta có thể thấy được Chân Ngã.

Đôi khi chúng ta có được các kiểu mẫu (samples) này và chúng ta sẽ cố tìm hiểu chúng trong các trường hợp như thế. Thí dụ, chúng ta thường thấy một người hoàn toàn bình thường lại biểu lộ tính anh hùng cao quý khi xảy ra một trường hợp khẩn cấp bất ngờ. Một công nhân sẽ hy sinh tính mạng của mình để cứu người bạn của mình. Lúc đó, khả năng làm điều đó chứng tỏ rằng con người nội tâm thực sự ở trình độ đó. Bất cứ thứ gì cao nhất mà một người có thể đạt tới thực ra vẫn là chính con người, bởi vì y không thể chạm đến nó, không thể nghĩ đến nó, nếu nó không là chính y. Mọi biểu lộ thấp – những cơn bão đam mê, những tình cảm thấp kém – đều thuộc về phàm ngã. Chúng không nên hiện hữu – điều đó khỏi cần nói ra – chúng không phải là con người thật sự. Nếu đôi khi y tiếp xúc với những đỉnh cao cả, đó là trình độ mà y phải luôn luôn cố gắng giữ mình ở đó.

Những sự việc đáng quý và cao thượng mà con người khao khát phải được phát triển đến một mức nào đó trong Chân Nhân, nếu không thì y không thể mong mỏi chúng ở cõi trần này. Những người không mong muốn các lý tưởng như thế là những người mà nơi họ các tính chất đặc biệt này không hiện hữu ngay cả dưới dạng mầm mống. Nếu chúng ta khao khát các sự việc (things) cao siêu, thì chúng ở trong chúng ta không những chỉ dưới dạng tiềm năng, mà còn là một sự kiện sinh động, và nó vẫn ở lại với chúng ta để sống ở cảnh giới cao nhất của chúng ta và bằng cách đó, nó đạt tới một cảnh giới còn cao hơn nữa.

Toàn thể mục tiêu của Chân Ngã khi tự đặt mình vào các cõi thấp là cốt để y có thể trở nên xác định hơn, để cho tất cả những cảm nghĩ (feelings) đẹp để một cách mơ hồ của Chân Nhân có thể kết tinh lại thành một quyết tâm rõ rệt để hành động. Tất cả những lần luân hồi của Chân Nhân đều tạo thành một diễn trình, nhờ đó Chân Nhân có thể hoạch đắc sự chính xác và chắc chắn. Vì vậy sự chuyên hóa (specialization) là cách tiến bộ của chúng ta. Chúng ta đi vào 199 mỗi giống dân chính hoặc phụ để chúng ta có thể hoạch đắc các đức tính mà các giống dân phụ đó phải phát triển đến mức hoàn thiện. Cái phần của Chân Nhân được đưa xuống cõi thấp, trở nên chuyên hóa cao độ. Nó có sứ mệnh phát triển một đức tính, và khi điều đó được làm xong, thì Chân Nhân thu hút nó lại đúng lúc, điều đó được tái diễn nhiều lần. Khi được thu hút vào Chân Nhân, phàm ngã trao lại những điều thành tựu đặc biệt của nó trong suốt cuộc đời, cho nên Chân Ngã trở nên ít mơ hồ hơn trước kia.

Dù có mọi quyền năng to tát, Chân Ngã lại ít chính xác hơn hạ trí rất nhiều, còn phàm ngã vì coi trọng hơn hết các năng lực phân biện của hạ trí mà nó có nhiệm vụ phải mở mang, hậu quả là nó hay coi thường Chân Ngã tuy cao xa nhưng mơ hồ hơn, và có thói quen nghĩ về mình như độc lập với Chân Ngã.

Mặc dầu Chân Ngã còn mơ hồ (vague) trong các giai đoạn đầu của cuộc tiến hóa của nó, và do đó không vừa lòng với mức độ đó, trong Chân Ngã không có gì sai trái – không có khuyết điểm về đạo đức. Không có chất liệu nào trong thể nguyên nhân có thể đáp ứng với rung động thấp, nhưng bất cứ nơi nào có một lỗ hổng trong sự phát triển của nó, thì luôn luôn có khả năng là các hiện thể thấp sẽ phạm vào một

loại hành động sai trái nào đó. Đôi khi xảy ra trường hợp như thế, đó là khi xuất hiện một trường hợp tình linh côi cảm dục nhập vào một người, và trong cơn điên cuồng, người này đâm chém một người khác, hoặc là đang lúc quá cần tiền, y thấy chính mình ở vào vị thế mà y có thể kiếm tiền một cách không lương thiện và không chống nổi sự cám dỗ. Lúc bấy giờ, Chân Nhân không đủ thức tỉnh để can thiệp vào và ngăn chặn hành động đó, hoặc là có lẽ Chân Nhân không hiểu rằng đam mê hay tham vọng của thể tình cảm có thể thúc đẩy phạm ngã phạm tội. Khi chúng ta thấy điều sai trái hiện ra một cách không mong muốn trong tính cách của một người, chúng ta không được nghĩ rằng nó xuất phát từ Chân Ngã. Tuy vậy, nó đến từ một chỗ khiếm khuyết trong Chân ngã, bởi vì nếu Chân Nhân phát triển hơn, thì Chân Nhân sẽ kiểm soát được con người ở bờ vực của tư tưởng sai trái, và tội ác đã không xảy ra.

Tìm đạo bằng cách rút vào nội tâm đối với chúng ta có nghĩa là chúng ta phải luôn luôn cố gắng sống theo mức độ cao nhất của chúng ta, sao cho chúng ta có thể mang xuống ngày càng nhiều các kho tàng mà Chân ngã đã tích lũy được trong vô số lần luân hồi. Nhưng trong khi tìm kiếm như thế, để nhận ra Chân Ngã, chúng ta phải nhớ rằng, chúng ta cũng phải tìm đạo bằng cách *tiến ra ngoài*. Chúng ta không thể không biết những gì ở ngoài chúng ta, chúng ta phải hết sức nghiên cứu và làm quen với thế giới và những gì đang xảy ra trong thế giới đó.



CHƯƠNG 9

Qui Tắc 20

20.- Chớ nên tìm đạo bằng một con đường duy nhất. Đối với mỗi cá tính, có một con đường dường như thích hợp nhất. Nhưng thánh đạo không được tìm thấy chỉ bằng sự sùng tín, chỉ bằng sự trầm tư tôn giáo, bằng sự hăng hái tiến tới, bằng sự gắng sức hy sinh, bằng sự chuyên cần quan sát cuộc sống. Mỗi một trong các cách đó chỉ có thể đưa vị đệ tử vượt qua một nấc thang mà thôi. Tất cả các nấc thang đều cần thiết để tạo thành cái thang.

A. Besant.- Qui tắc 20 là lời bình giảng của Đức Chohan về ba cách ngôn ngắn, từ câu 17 đến 19 đã được xem xét trong chương trước. Qui tắc đó bảo cho chúng ta biết rằng con người đừng nên phát triển chỉ theo đường lối nào mà y thấy là ít có đối kháng nhất, mà phải khai mở các năng lực của mình theo mọi đường lối trước khi y đạt đến mục tiêu hữu ích chung. Mục tiêu của y là để trở thành một khí cụ hoàn hảo cho Thiên Luật, và không một ai có thể trở nên được như thế trừ phi y tăng trưởng theo mọi đường lối. Do đó, mỗi loại hay mỗi khí chất phải được cung ứng những gì mà nó đang còn thiếu trước khi có thể đạt được sự hoàn thiện.

Nhân loại đạt đến mục tiêu không phải chỉ bằng sự sùng tín, cũng không phải chỉ bằng sự trầm tư của tôn giáo, cũng không phải chỉ bằng sự gắng sức hy sinh, cũng không phải chỉ bằng quan sát và suy tư sâu xa.

202 Cuối cùng, tất cả chúng ta sẽ cần có tất cả các điều này, nhưng khi còn trên đường, con người bị hạn chế bởi tâm tính của mình, và trong một thời gian dài sắp đến, công việc của mỗi đệ tử trong việc giúp đỡ nhân loại có thể bị hạn chế chủ yếu với một trong các cách này.

Tại sao chúng ta phải thấu suốt mọi con đường này thì thật rõ ràng. Khi con người có tiến bộ, họ phải tới gần với nhau hơn, phải trở nên được gắn kết thành một tổng thể hữu cơ. Thế nên, nếu một người có được một năng lực lớn lao về trầm tư tôn giáo, nhưng lại rất kém cỏi về các năng lực khác, thì không hữu ích bao nhiêu cho y khi đến tiếp xúc với một người chủ yếu chỉ có đức tính gắng sức hy sinh. Y không đáp ứng với người này về địa hạt đó, và điều đó sẽ giới hạn sự hữu dụng của y. Thế nên, điều nên làm là trong khi vị đệ tử đang cố gắng hoàn thiện mình theo đường lối làm việc đặc biệt của mình, thì y sẽ tìm cách học hỏi mọi điều về một vấn đề gì đó, đồng thời y không nên lo là trong việc học một điều gì đó về mọi việc, ngõ hầu có thể tạo được sự tiếp xúc đầy đủ với những người có tính khí khác nhau mà y phải làm việc với họ.

Điều chính yếu là sự quân bình; chúng ta phải có thể làm việc ở một mức độ nào đó theo mọi đường lối. Sự khoan dung cũng được cần đến, để cho chúng ta có thể giúp đỡ mọi người. Chúng ta phải xem con đường của mỗi người như là đúng hợp đối với người đó – khi một trong các con đường đưa tới tiến bộ thì nó phải được thừa nhận là tốt lành. Chúng

ta phải tôn trọng đối với mọi hạng người, và cho đến khi chính chúng ta có thể giúp đỡ được họ, chúng ta nên cố gắng hướng dẫn những người mà chúng ta không thể giúp đỡ đến những người có thể giúp đỡ họ, đừng xem thường những con đường mà họ đang đi và tìm cách chuyển họ sang con đường của chúng ta.

C.W. Leadbeater.- Con người hầu như luôn luôn đi lệch một bên trong sự phát triển của họ. Nơi một số người, sự sùng tín/ tận tụy (devotion) phát triển mạnh, một số khác phát triển trí tuệ, một số nữa phát triển theo đường lối hành động. 203 Tùy theo khí chất của mình, đương nhiên mỗi người sẽ chọn đường lối mà họ thấy là dễ dàng nhất đối với họ, tuy nhiên, y đừng nên quên rằng sự phát triển về mọi mặt là điều cần thiết trước khi họ có thể đạt đến quả vị Chân Sư. Trên hết mọi điều, Chân Sư là một con người toàn diện, và nếu chúng ta đặt Ngài trước mặt chúng ta như là một lý tưởng, chúng ta phải làm những gì mà chúng ta có thể phát triển chính chúng ta theo các chiều hướng khác nhau. Đây lòng sùng tín là một điều tốt, nhưng chúng ta phải có tri thức kèm với nó, bởi vì người nào sùng tín nhưng mù quáng thì sẽ ít hữu dụng. Điều trái lại cũng đúng đối với người tiến hóa bằng trí tuệ. Họ cũng phải thận trọng để có sự sùng tín, nếu không sự phát triển trí tuệ của họ sẽ đưa họ lạc lối. Phát triển theo một đường duy nhất thì tốt hơn là không phát triển chút nào, nhưng trong khi mỗi người đi theo con đường riêng của mình, thì y cũng phải nhớ rằng còn có những con đường khác nữa.

Thường thường người ta có khuynh hướng chỉ trích những con đường khác và tưởng rằng các con đường đó không hữu ích bằng con đường của chúng ta. Đối với chúng

ta, có lẽ chúng ít hữu ích thật, nhưng không hẳn như vậy đối với những ai đi theo các con đường đó. Hiện tại, dù cho chúng ta có ở mức phát triển ra sao đi nữa, chắc chắn là chúng ta phải trở nên quân bình, thế nên nếu bây giờ chúng ta chỉ đánh giá ý tưởng về sự làm việc, tuy nhiên sau đó chúng ta sẽ phải hiểu được vị trí của con người tiến bộ nhờ minh triết, và lần nữa vị trí của người tiến bộ nhờ sùng tín và không để cho chính chúng ta nghĩ rằng họ không hữu ích liền như chúng ta. Tôi ngại rằng người tiến bộ bằng sùng tín thì thường ít khoan dung hơn người muốn học hỏi và làm việc. Đôi khi họ nói: “Tất cả những gì mà bạn đang làm thuộc về cõi ngoài hoặc thuộc về khía cạnh thuần trí tuệ, 204 trong khi đó khía cạnh tâm (heart side) của mọi vật luôn luôn quan trọng hơn, và nếu bạn chênh lệch ở khía cạnh tâm thì bạn không thể tiến bộ thực sự”. Điều hoàn toàn đúng là khía cạnh tâm phải được phát triển. Tuy nhiên, có những người tiến bộ nhiều nhất qua công việc nhất định, còn những người khác, họ không thể gọi được từ chính họ cái tốt đẹp nhất vốn nằm trong chính họ mà không cẩn thận nghiên cứu và tìm hiểu đầy đủ.

Đôi khi con người cảm thấy bị lôi cuốn vào sự sống siêu linh và dành hết chính mình chỉ cho việc quán tưởng (contemplation). Có các nhà huyền linh học chủ trương rằng đó là cách hay nhất, ít nhất là trong các giai đoạn đầu. Một người nào đó có thể nói: “Trước hết tôi phải phát triển chính tôi để tôi có thể phụng sự. Khi tôi thành Chân Sư rồi tôi sẽ phụng sự một cách hoàn hảo, tôi sẽ không còn lầm lạc nữa”. Nhưng ở mọi trình độ đều có công việc để làm và một người đủ tư cách làm một Chân Sư phải làm việc ở các cảnh giới rất cao, hơn cảnh giới mà chúng ta có thể đạt đến. Do đó nếu

chúng ta chờ cho đến khi đạt được quả vị Chân Sư mới làm việc cho thế gian, thì một số lớn công việc ít quan trọng hơn trong lúc đó bị bỏ trống vì không có ai làm. Các Chân Sư của chúng ta hầu hết đang làm việc ở các cảnh giới Niết Bàn, cho hàng triệu Chân Ngã của con người. Các Ngài đang làm việc ở những cõi cao mà chúng ta không thể làm, nhưng có rất nhiều việc ở những cõi thấp mà chúng ta có thể làm được.

Đôi khi người ta có khuynh hướng nghĩ rằng các Chân Sư nên làm công việc thấp này, đó là các Ngài, ví dụ, sẽ làm việc với các cá nhân ở cõi trần. Tôi có giải thích trước đây các Ngài không làm như thế, ngoại trừ trong các trường hợp tương đối hiếm, khi các Ngài thấy là trong thời gian ngắn họ sẽ đền bù cho các Ngài với nỗ lực của họ. Đó hoàn toàn là một trường hợp tất cả vì công việc, không có tình cảm nào thuộc bất cứ loại nào chen vào vấn đề cả. Các Chân Sư sẽ làm việc với một đệ tử nếu vị đệ tử có thể đảm trách công việc một cách hiệu quả và nếu số công sức bỏ ra trong việc dạy dỗ và hướng dẫn cho đệ tử sẽ tạo ra nhiều kết quả theo cách đó trong một thời gian đã định, hơn là sẽ được tạo ra bởi cùng số công sức được dùng đến theo các con đường cao siêu và rộng lớn hơn; nghĩa là chỉ khi nào người đó quen học hỏi và được chuẩn bị để làm một số lớn công việc khi nào có cơ hội. Từ đây cho đến lúc đó, sự quan tâm của các Đức Thầy vào đệ tử sẽ là chỉ ở mức độ mà người ta có thể gọi là một sự quan tâm chung chung thôi.

Có nhiều công việc phải làm ở các cõi thấp này, và thật ra một số lớn công việc khác nhau đã được làm từ trước. Nhiều cách phụng sự mới mẻ luôn luôn được mở ra khi nhân loại tiến bộ trong tình huynh đệ. Các Chân Sư của chúng ta đã có nhiều đệ tử trước khi Hội Minh Triết Thiêng

Liênh ra đời, nhưng hầu hết các đệ tử đó là người Đông phương, nhất là các tín đồ Ấn Giáo và Phật giáo, tín đồ Sufis⁽¹⁾ và tín đồ Bái Hỏa giáo. Khuynh hướng tâm trí Đông phương không hoàn toàn giống với chúng ta. Tôi cho rằng không phải xúc phạm khi chúng ta nói rằng về một số chiều hướng, Đông phương ít thực tiễn hơn chúng ta. Đa số các đệ tử người Ấn hầu hết bận tâm với các học hỏi riêng của chính họ, họ có vô số điều phải làm, và chỉ khi nào họ đã tiến bộ một cách đáng kể trên con đường đó, họ mới chuyển sang việc giúp đỡ kẻ khác. Họ không có sự khích lệ mà chúng ta có về công việc của các vị cứu trợ vô hình. Không một người nào ở Ấn Độ – ngay cả một người phu khuân vác – lại hoàn toàn không biết như người Cơ Đốc giáo bậc trung về tình trạng sau khi chết, vì vậy không cần giúp họ ra khỏi ảo tưởng (delusion) do ý tưởng về địa ngục đời đời tạo ra.

Ngay khi các đạo sinh của chúng ta bắt đầu thấy công việc ở cõi cảm dục bao hàm những gì, thì họ nhận thức được rằng có một nhu cầu giúp đỡ khẩn thiết. Nơi đây có hàng ngàn người chịu đau khổ cùng cực vì ác mộng, một thứ ác quỷ tưởng tượng (bogey), mà họ tạo ra cho chính họ chỉ vì thứ giáo lý ngu ngốc. Trước loại thôi thúc như thế, tức khắc người ta đưa ra nỗ lực để làm giảm mọi đau khổ, do vậy,

¹ Phái Suffism: Một phái thần bí ở Persia (nay là Iran - ND), gần giống phái Vedantins, mặc đầu đông về số tín đồ, chỉ có người rất thông minh gia nhập phái đó. Họ khẳng định (và rất đúng) có được triết lý và học thuyết bí truyền của *Hồi Giáo chân chính*.. triết lý Suffi (hay Sofi) có liên quan nhiều với Theosophy, xét cho cùng, vì nó thuyết giảng tín điều đại đồng duy nhất, còn ở bên ngoài thì tôn trọng và khoan dung với mọi đức tin bình dân công truyền. (Theosophical Glossary, H.P. Blavatsky)

công việc của các vị cứu trợ vô hình bắt đầu và tăng lên giống như quả banh bằng tuyết đang lăn. Mỗi người được cứu giúp bắt đầu công việc giúp lại kẻ khác, vì thế công việc này diễn ra trong khoảng ba mươi lăm năm nay, từ khi công việc được đảm trách đều đặn, thì hiệu quả được tạo ra thực sự rất to tát.

Một người có thể đạt đến mức tiến hóa rất cao bằng cách chỉ để tâm vào sự phát triển riêng của mình. Nhưng, theo đường lối đó, y sẽ không đạt đến quả vị Chân Sư. Người nào chờ đạt đến quả vị Chân Sư trước khi y phụng sự thế gian, sẽ không bao giờ trở thành Chân Sư. Y có thể thoát vào (escape into) cõi Niết Bàn, hay là đạt được sự phóng khoáng, nhưng vì y không hiểu được những gì Thượng Đế cần ở y, chẳng mấy chốc y sẽ bị vượt qua bởi một số người kém tiến hóa và ít tài năng, tức là những người đã hiểu được điều quan trọng duy nhất đó. Lúc bấy giờ, y sẽ phải từ bỏ cuộc sống trên cõi cao của mình và trở lại để học những gì mà y đã không học được trước kia, đó là nhân loại là một, và nếu không hiểu được sự thật đó, y không thể leo lên các đỉnh cao nhất của tiến bộ.

207 Nhưng mà, như đã nói ở đây, sự gắng sức hy sinh một mình nó không đủ cho con người đạt được sự phát triển cao nhất. Con người cũng cần phát triển sự sùng tín/ tận tụy của mình, nhất là phát triển năng lực đáp ứng với ánh sáng nội tâm, bởi vì không có ánh sáng đó, y sẽ không trở thành một khí cụ hoàn hảo. Không có ánh sáng đó, dù y có làm việc rất xông xáo đi nữa, cũng không thể đáp ứng với sự tiếp xúc, dấu hiệu (hint) từ cõi cao một cách nhanh chóng đầy đủ. Có thể nói là y cần được lôi kéo một cách mạnh mẽ, thay vì chỉ cần một sự động chạm nhẹ nhàng, đó là tất cả những gì sẽ

cần đến, và như thế sẽ gây nên phiền toái hơn cho Chân Sư của y trong việc huấn luyện y. Y cũng phải học một điều gì đó của thiên cơ, bởi vì đây là công việc vinh quang, con người không thể thi hành thiên cơ một cách hoàn hảo trừ phi y có được hiểu biết. Do đó con người phải đưa ra nỗ lực rõ rệt theo đường lối nghiên cứu để đạt được kết quả đó. Nhiều hiểu biết sẽ đến một cách thực sự khi làm việc, nhưng chúng ta có đủ mọi lý do để tận dụng kinh nghiệm chất chứa của các bậc tiền bối của chúng ta và học hỏi bất cứ cái gì mà chúng ta có thể học bằng cách nghiên cứu, để cho công việc của chúng ta có thể được làm có hiệu quả hơn.

Các tật xấu của con người trở thành từng nấc thang khi con người vượt qua được chúng. Các đức hạnh của con người thực ra cũng là các nấc thang cần thiết, không thể không cần đến. Tuy nhiên, dù cho các đức hạnh đó có tạo nên một không khí thuận lợi và một tương lai hạnh phúc đi nữa, chúng cũng trở nên vô dụng nếu chúng đứng một mình.

A. Besant.- Ở đây cả tật xấu lẫn đức hạnh đều được gọi là các nấc thang. Tầm nhìn rộng lớn này không thể làm phương hại các đạo sinh và thực sự cần thiết cho đệ tử, nhưng đứng ra trong thế giới này, nên chọn quan điểm hẹp, vì tật xấu phải mang ý nghĩa là tật xấu, còn đức hạnh phải mang ý nghĩa là đức hạnh đối với người kém phát triển. Quan điểm rộng sẽ gây rối rắm cho các ý niệm về luân lý của họ; họ không thể áp dụng các nguyên tắc một cách hiểu biết, và nghĩ đến thái độ đạo đức của mỗi hành động, vì thế họ phải có một danh sách các sự việc xấu xa nên tránh, một bộ các huấn lệnh tôn giáo và xã hội để dẫn dắt họ. Sẽ là một sai lầm khi làm đảo lộn quan điểm của quần chúng về tật xấu và đức

hạnh, mặc dầu điều đó thừa nhận nhiều hành động mà đệ tử đã bỏ được.

Nhưng nhà huyền học nên học để hiểu những gì mà cả hai điều này hàm ý, cả hai đều là các biểu lộ của Đấng Thiêng Liêng. Cách xem xét việc đó là nghĩ đến mọi linh hồn là một thực thể thiêng liêng, là một trung tâm của các năng lượng hướng ngoại đang tuôn đổ vào thế gian. Sự sống của con người cốt ở việc biểu lộ sự sống của atma, và nó tìm thấy sự biểu lộ hướng ra ngoài. Trong các giai đoạn tiến hóa ban đầu của sự sống đó, không có gì để gọi là tật xấu hay là đức hạnh, mà chỉ là một sự tuôn tràn ra ngoài của các năng lượng, rất phong phú theo các đường lối mà các tiêu chuẩn đạt được của xã hội ngày nay sẽ không thừa nhận. Sự thật là từ lúc bắt đầu quá trình phát triển của con người, đa số chúng ta, nhất là những người đã thoát kiếp thú để làm người (individualized) ở điểm cao của giới động vật, đã ở vào vị thế sử dụng trí tuệ của chúng ta tới một mức nào đó, và nhờ thế có thể học được nhiều điều bằng cách quan sát những kẻ khác. Tuy nhiên, sự thật vẫn là tất cả chúng ta trong các giai đoạn đầu phải làm nhiều điều mà ngày nay bị coi như là xấu xa, sai trái. Các kinh nghiệm này đã dạy chúng ta hành động tốt đẹp hơn, thế nên chúng là các nấc thang hay phương tiện tiến hóa. Đồng thời chúng cũng giúp chúng ta có thể hiểu được và giúp được kẻ khác, tức là những kẻ đang trải qua các kinh nghiệm như thế hiện nay. Mọi loại kinh nghiệm đều cần thiết như nhau; chúng ta không thể biết chúng là gì, cho dù một phần nào đó, nếu không có mọi loại biểu hiện, và chúng ta sẽ không bao giờ có thể giúp được kẻ khác nếu chúng ta không có sự hiểu biết.

Vào thời xa xưa, chúng ta có thể đã là kẻ giết người hoặc là kẻ nát rượu; nếu các điều này đã từng là kinh nghiệm cụ thể của chúng ta, hiện giờ chúng ta biết chúng là sai trái bởi vì chúng ta đã vướng mắc vào chúng trước khi chúng ta có sự hiểu biết tốt hơn, và thấy rằng kết quả là chúng chỉ đem lại đau khổ. Về sau này, chúng ta biết được rằng những chuyện đó làm trì hoãn sự tiến hóa của chúng ta, và do đó là sai trái, nhưng nếu không có một kinh nghiệm nào đó, chúng ta sẽ không bao giờ nhận thức được điều này một cách đầy hiểu biết. Không một lời khuyên nào có thể mang lại cho chúng ta tri thức linh hoạt mà chúng ta có được do kinh nghiệm. Nhờ đã học được bài học của chúng ta theo một đường lối, chúng ta không bao giờ lại thực hiện lỗi cụ thể đó do bởi bất kỳ một cố gắng cảm dỗ nào. Bạn sẽ không bao giờ được an toàn nếu còn có thể bị sa ngã. Bạn phải biết tường tận về các điều này; bạn phải biết sự việc điển hình, bạn phải có kinh nghiệm căn bản, nếu bạn muốn an toàn và hữu ích.

C.W. Leadbeater.- Ở đây một lần nữa Đức Chohan nhắc nhở chúng ta rằng mục đích của việc huấn luyện về huyền học không phải là để tạo ra chỉ người có đức hạnh, mà còn tạo ra những người có năng lực tinh thần cao cả, tức là những người có thể làm việc một cách sáng suốt cho Thượng Đế. Đức hạnh về luân lý chắc chắn là một điều tiên quyết, nhưng nếu chỉ một mình nó thì cũng vô dụng.

Khi một người bắt đầu tiến hóa, thì trong giai đoạn rất sơ khai, y không có ý niệm gì về đúng và sai, vì thế chúng ta khó có thể nói về y như là có tật xấu và có đức hạnh. Xét cho cùng, người chưa được khai hóa không gì khác hơn là một trung tâm năng lượng hướng ngoại (outrushing energy) – thuộc loại phóng ra ngoài vô trách nhiệm mà chúng ta gặp

210 rất nhiều trong các giới hạ đẳng. Một sinh vật giống như con ruồi, có một thể xác rất nhỏ, nhưng đó là một khối năng lượng khổng lồ khiếp so sánh với kích thước của nó. Hãy tưởng tượng một sinh vật có kích thước của chính chúng ta được phú cho năng lượng tương xứng y như vậy và vì không biết gì nhiều đối với những gì liên quan với nó – nó sẽ trở thành một sinh vật hoang dại, kinh khủng, một nguồn nguy hại cho tất cả mọi vật chung quanh.

Người chưa được khai hóa có loại năng lượng đó. Nó bùng ra trong khi chiến đấu và trong các cơn thèm khát đủ loại, chắc chắn đó là tật xấu theo quan điểm của chúng ta, mặc dầu chúng ta khó mà chứng minh chúng theo đúng nghĩa nơi y... Chắc chắn là y có một loại kiêu hãnh trong việc có thể chế ngự và giết hại những người khác, và với cách đó, y loại bỏ một số lớn năng lượng, mà nhiều ngàn năm sau đó, sẽ được hướng vào các vận hà hữu dụng. Y phải học cách làm thế nào để vận dụng năng lượng đó; làm thế nào để nó đi xuyên qua y mà không làm hại chính y hoặc những người khác, nhưng đó là một vấn đề luyện tập và phát triển lâu dài và lấy lại việc kiểm chế các hiện thể của Chân Ngã.

Chúng ta gặp cùng một sự việc ở một trình độ cao hơn rất nhiều, thể hiện ra trong trường hợp của một người có quyền hành rộng lớn, một nhà triệu phú người Mỹ thuộc loại cổ chẳng hạn, ông ta tạo một sản nghiệp lớn rất thường khi bằng việc sụp đổ của người khác. Y đang tạo ra một điều rất tệ hại, nhưng y đang phát triển năng lực mạnh mẽ về việc tập trung và tài chỉ huy. Trong tình thế đó, nhờ đã học được cách làm thế nào để làm mọi việc này và làm thế nào để điều khiển huynh đệ mình, có lẽ trong một kiếp khác y có thể trở

thành một tướng chỉ huy quân đội. Lúc đầu, rất có thể y sẽ dùng tài chỉ huy của mình giống như Napoleon – cho việc tiến thân và để thỏa mãn tham vọng của mình. Về sau, y sẽ học cách sử dụng năng lực của mình vào việc phụng sự đồng loại. Theo lối đó, rõ ràng là chính các tật xấu của con người là các nấc thang trên con đường tiến đến cái gì đó cao siêu hơn và hoàn thiện hơn. Việc tiến từ tật xấu đến đức hạnh chủ yếu là vấn đề tập kiểm chế các năng lượng của chúng ta và điều khiển nó vào hướng tốt. Chúng ta bắt đầu chuyển đổi tật xấu của chúng ta thành đức hạnh khi chúng ta hiểu rằng năng lượng vốn đang bị phí phạm như thế và đang gây ra nhiều điều hại như thế có thể được dùng cho các mục đích tốt lành. Mỗi lần một tính xấu cuối cùng bị chinh phục, nó được đổi thành một tính tốt ngược lại, và như thế trở thành một nấc rõ rệt nâng chúng ta lên cao trong thang tiến hóa.

Người muốn bước vào đường đạo (way) phải biết sử dụng toàn bộ bản thể của con người một cách khôn khéo.

(The whole nature of man must be used wisely by the one who desires to enter the way)

A. Besant.- Ở đây, thuật ngữ “way” có nghĩa là sự sống tâm linh thực sự (the real spiritual life). Con người là một thực thể tâm linh, vì thế khi sống cuộc đời tâm linh, con người mới là bản ngã đích thực (true self) của mình. Nếu con người muốn bước vào đường đạo đó, y phải vận dụng mọi khả năng và sức lực của mình, tức toàn bộ con người của mình. Những gì mà con người thể hiện trong bản thể (essence) của mình, là y trở thành chân lý – là một sự biểu lộ của thiên tính. Khi đệ tử đạt tới một giai đoạn nào đó, y được dạy

rằng: “Ngươi là Thánh Đạo” (“Thou art the Path”). Trước thời điểm này, Chân Sư của y đối với y, là Thánh Đạo của y – y thấy thiên tính đang biểu lộ trong Chân Sư; nhưng khi thiên tính trong y biểu lộ ra, thì chính y lại là Thánh Đạo. Y trở nên Thánh Đạo tương xứng với mức tiến hóa của y. Do đó, toàn bộ bản thể của con người được vận dụng một cách sáng suốt. Khi điều đó được thực hiện, thì cái mảnh thiêng liêng, với sự trợ giúp của cái mà y đã tạo ra cho riêng y sử dụng, có thể khai mở các năng lực tiềm tàng của nó vào đời sống hoạt động và tích cực.

212 Các từ ngữ “mảnh thiêng liêng” (“divine fragment”) không được dùng một cách đơn giản như là một cụm từ thi vị; chúng chứa một chân lý mà chúng ta không thể quên, mà cũng không có từ ngữ nào khác thích hợp để diễn tả. Cùng ý tưởng đó có trong sách Giáo Lý Vấn đáp (Catechism) được dẫn chứng trong Giáo Lý Bí Nhiệm (quyển I, 145), ở đó, vị Đạo Sư hỏi đệ tử thấy những gì. Đệ tử thấy vô số tia sáng, chúng dường như tách rời ra. Kẻ vô minh xem chúng như riêng biệt nhau, còn người minh triết thấy chúng như là Ngọn Lửa duy nhất. Một mảnh đó, vì nó là một trung tâm tâm thức, là một điểm không có độ lớn; nó không thể tách rời. Về bản chất, mọi trung tâm đều là một, vì chỉ có một hình cầu cơ bản, một vũ trụ duy nhất. Nhưng cái bí nhiệm của nhất nguyên bản thể (unity of being) không thể hiểu được bên dưới cõi Niết Bàn; nó không thể diễn tả được ở các cõi thấp, và mọi cố gắng để diễn đạt nó bằng biểu tượng đều trở nên bất toàn.

Mảnh thiêng liêng đó chính là Chân Thần (Monad), vốn được mô phỏng lại trong tinh thần tam phân trên cõi Niết Bàn. Ở đó Atma có ba phần, nó đưa ra một trong các quyền

năng của nó xuống cõi Bồ Đề và một quyền năng khác xuống cõi trí. Nó chứa các tiềm năng của Thượng Đế, nhưng lúc đầu nó hoàn toàn không thể biểu lộ các quyền năng đó. Trong khi tự tuôn ra, Atma hiện ra trong Manas dưới hình thức nguyên khí biệt ngã, tức khả năng tạo ngã (the “I”-making faculty) vốn tạo ra cá tính (individuality) đúng lúc, dưới hình thức trái ngược với Vĩnh Cửu (Eternity). Nó thu hút chung quanh nó chất liệu để tự biểu lộ trên cõi thượng trí, và như thế tạo ra thể nguyên nhân làm hiện thể của nó, thể nguyên nhân tồn tại suốt chuỗi dài các kiếp luân hồi của con người. Đó là cái thể được tạo ra một cách khó nhọc, nhờ thể đó mà con người có ý định phát triển.

213 Hãy hình dung Atma khi đang tự tuôn xuống đến cõi thứ ba, tức cõi trí. Nó thu hút chung quanh nó chất liệu của cõi phụ cao nhất của cõi trí và tạo thành thể nguyên nhân (the causal body). Lúc bấy giờ, thể nguyên nhân là hiện thể của Atma dùng để biểu lộ trạng thái trí tuệ của chính Atma trên cõi trí đó. Chính manas tác động qua thể nguyên nhân. Manas này phân làm hai khi đi luân hồi. Nó đi vào các cõi phụ thấp của cõi trí và tạo ra ở đó một hiện thể – tức hạ trí – mà đến lượt nó, hạ trí tạo ra thể cảm dục. Đến phiên nó, thể cảm dục cung cấp lực (force) để tạo thành thể dĩ thái và xác thân. Mỗi thể, trên cõi riêng của nó, là một phương tiện để thu thập kinh nghiệm, mà khi thích hợp, kinh nghiệm đó được truyền lại cho chủ thể đã tạo ra hiện thể; vì thế, sau khi việc luân hồi của cá nhân kết thúc, hạ trí truyền lại cho thể nguyên nhân mọi kinh nghiệm mà nó đã thu được, rồi thì phàm ngã tiêu tan. Thể nguyên nhân thu nhận bất cứ kinh nghiệm nào có tính chất giúp cho sự tăng trưởng của nó, và

các kinh nghiệm này còn lại với thể nguyên nhân suốt tất cả các lần luân hồi trong tương lai của nó.

Thể nguyên nhân cũng có một mối liên hệ với những thể ở trên nó. Những gì xảy ra ở mặt nội tâm hoặc khía cạnh cao hơn của thể nguyên nhân đều được chuyển vào trạng thái thứ ba (third aspect) của Atma, gồm có tinh hoa của mọi kinh nghiệm có thể đã nhập vào trong nó; như thế, những gì được tuôn đổ vào trạng thái trí tuệ của Atma giúp cho nó có khả năng hành động mà không có thể nguyên nhân – nghĩa là không có một hiện thể thường xuyên giới hạn nó.

214 Khi suy nghĩ cẩn thận về điều này, đạo sinh sẽ thấy rằng nó sẽ làm sáng tỏ về sự tiêu tan (perishing) của biệt-ngã (individuality). Trong các kinh sách Ấn giáo và Phật giáo cũng xuất hiện cùng ý tưởng này. Thể nguyên nhân chính là biệt ngã, nó tiếp tục tồn tại suốt chu kỳ luân hồi. Nó hiện tồn ở một giai đoạn nào đó; nó phải bị hủy diệt ở giai đoạn khác. Nó được sinh ra và nó lại chết đi. Như kinh Gita có nói: “Cái chết là điều chắc chắn cho kẻ đã được sinh ra” (“Certain is death for the born”) (Gita 11, 27). Điều này đúng không những ở thế giới bên ngoài, mà còn theo nghĩa rộng nhất; vì thể nguyên nhân có sinh ắt phải có tử. Nó là cái mà mảnh thiêng liêng đã tạo ra cho y với nhiều khó nhọc. Đó là “Cái Tôi” (“the I”) của đệ tử. Ở một số người, “Cái Tôi” được nghĩ là còn thấp hơn nữa, ở trong phạm ngã, nhưng đây là “Cái Tôi” phải được đặt đến vào lúc bắt đầu Thánh Đạo. Cuối cùng nó được vượt qua vào lúc kết thúc giai đoạn tăng trưởng của bậc La Hán, vào lúc giải thoát thực sự. Đến lúc đó, nó được thu nhỏ (diminishing) và biến đổi thành đặc tính (character) khi vị La Hán phát triển. Cuối cùng thì người ta cũng thấy được rằng đó là “Cái Tôi” còn thiếu sót (a

defective “I”), chớ chẳng phải là “Cái Tôi” đích thực chút nào, nhưng ở giai đoạn hiện nay của cơ tiến hóa nhân loại, bất cứ cố gắng nào để mô tả tình trạng tương lai của nó cũng sẽ lạc lối.

Vị đệ tử cần phải đặt trước chính mình, như là mục tiêu của y, việc nhận thức và thanh luyện biệt ngã. Đó là một vật được tạo ra để cho kẻ sáng tạo ra nó sử dụng. Đôi khi nó được gọi bằng danh từ chuyên môn là một tạo vật (creature); rồi thì chúng ta nghe nói đến con người – là chân nhân (the true man) – gặp được tạo vật của nó. Cũng thế, biệt ngã, là tạo vật, gặp được Đấng sáng tạo của chính nó. Sự gặp gỡ này chỉ xảy ra ở một giai đoạn tiến hóa cao. Khi một người gặp được tạo vật của mình, thì người đó trở nên hoàn thiện và siêu việt được biệt ngã.

Việc tạo ra biệt ngã xảy ra ở một giai đoạn thấp; con người bận bịu với việc kiến tạo biệt ngã trong một thời gian rất dài. Các thành viên kém tiến hóa của nhân loại bị giam
215 nhốt trong các hiện thể thấp của họ trong một thời gian dài – điều đó cần cho sự tiến hóa của họ, trước khi cá nhân được tạo ra đầy đủ – thế nên thể nguyên nhân vẫn còn là một cái vỏ vô tri thức trong một thời gian dài, trong khi các hoạt động nhận nhịp trong phạm ngã. Hãy nghĩ đến bao nhiêu thời đại được dùng trong việc kiến tạo hiện thể vật chất; hãy nghĩ đến các cuộc tuần hoàn và các giai đoạn mà các tổ phụ (pitris) trải qua trên dãy nguyệt cầu trước khi trở nên thích hợp để chuyển qua cuộc tiến hóa nhân loại. Có một sự dị biệt lớn lao về thời gian mà con người dùng trong việc kiến tạo ra cá nhân, mặc dầu tất cả đều lâu dài. Việc kiến tạo trong các giai đoạn cao dưới sự cảm hứng của Chân Ngã tiến hóa diễn ra nhanh hơn so với trong các giai đoạn thấp; khi trí

năng đạt đến một giai đoạn cao, nó sẽ vận dụng các lực cao hơn và học cách để không phung phí các lực ấy, thì bấy giờ việc kiến tạo diễn ra nhanh chóng cực kỳ. Điều này mang lại cho chúng ta một khích lệ lớn lao; vì khi nhìn lại dãy nguyệt cầu và nghĩ đến thời gian mà chúng ta đã trải qua để tiến hóa, nếu phải lặp lại thì dường như quá lâu, nhưng khi nhìn tới trước, chúng ta thấy sự tiến bộ có thể trở nên gần như là nhanh không thể tin được.

Mảnh thiêng liêng tự nó không thể làm được gì; mọi phát triển của nó phải đến bằng sự tiếp xúc với các lực bên ngoài và qua các hiện thể – nó không thể phát triển mà không có các hiện thể đó. Như bà H.P. Blavatsky đã nói, tinh thần vốn không có ý thức (senseless) trên các cõi thấp. Nó không thể đưa ra bất cứ quyền năng nào mà không có một hiện thể biểu lộ trên cõi mà nó phải hoạt động. Hơn nữa, nó chỉ có thể kiểm soát các hiện thể đó khi chúng được hoàn thiện. Công việc đưa các hiện thể đến hoàn thiện cũng làm phát triển các quyền năng của tinh thần đến chỗ hoàn thiện, thế nên hai sự phát triển đi chung nhau. Và khi công việc đó được hoàn tất, tinh thần có trong chính nó cái quyền năng làm tan rã các hiện thể cá nhân của nó vào lúc nó lìa bỏ các hiện thể đó, và khôi phục chúng vào lúc nó quyết định làm như thế.

Hãy nghĩ đến các Đấng Tinh Thần hoàn thiện. Chỉ khi nào các Ngài đang tiến hóa ở trong và ở dưới trình độ con người của chúng ta, thì các hiện thể đó mới cần cho sự phát triển của các Ngài, nhưng khi một Đấng như thế, nhờ đã thu hút mọi kinh nghiệm của cuộc tiến hóa đó vào trong bản thể của Ngài, muốn biểu lộ ra, thì bất cứ lúc nào Ngài cũng có thể tạo ra những gì mà Ngài cần cho sự biểu lộ, và sau khi đã

sử dụng các lực của cõi đó, Ngài có thể lại rút ra khỏi hiện thể đó. Khi nói về các Đấng Hành Tinh (Planetary Spirits), bà H.P.Blavatsky có đề cập việc các Ngài đã đến thông qua nhân loại. Các Ngài không thể xuất hiện dưới hình thức các vị cứu trợ nếu các Ngài đã không thu hút vào trong bản thể các Ngài kinh nghiệm cần thiết nhờ các giai đoạn trong con người. Vì vậy các Đấng này tồn tại có thể không hiển nhiên, nhưng các Ngài có thể hiện hình bằng cách rút từ bản thể của các Ngài kinh nghiệm mà các Ngài cần đến và tạo ra một hiện thể để làm việc trong đó.

Thật không khó khăn để hiểu các hiện thể dành cho các Ngài “dùng riêng” (“their own use”) như thế nào. Khi chúng ta tiến hóa, chúng ta vượt lên trên sự lệ thuộc vào mỗi hiện thể đang biểu lộ ra bên ngoài, và học cách sử dụng nó chỉ cho công việc cao siêu hơn mà không nghĩ gì đến bản ngã. Theo cách này thì thể xác của đệ tử phải thực hành công việc này hằng ngày. Thể xác phải được chế ngự sao cho nó không thể phóng cái hình ảnh riêng của nó lên trên bạn; nó tồn tại chỉ để cho bạn sử dụng, và bạn phải học cách kiềm chế nó hoàn toàn, sao cho nó không thể bắt buộc bạn quan tâm tới bất cứ kinh nghiệm nào mà bạn không muốn có. Nó sẽ chỉ là một khí cụ để sử dụng thôi; bạn đang huấn luyện nó để truyền lại kinh nghiệm của nó cho Chân Nhân. Sẽ đến một lúc mà bạn không còn muốn truyền lại bất cứ kinh nghiệm nào nữa; lúc đó “cái Tôi” (“the I”) chọn lấy những gì mà nó cần cho mục đích riêng của nó. Đây là tình trạng cao siêu cần đạt tới, vì đó là giai đoạn của Chân Sư (Adept).

Trong bộ *Giáo Lý Bí Nhiệm* có nói rằng thể xác của một Chân Sư là huyền thể (illusory). Điều đó chỉ có nghĩa là thể hồng trần (physical body) không thể tác động hoặc gây xáo

trộn cho Ngài. Các lực đang tác động chung quanh không thể ảnh hưởng đến Ngài qua thể đó, ngoại trừ ở mức độ mà Ngài cho phép chúng; chúng không thể ném Ngài ra khỏi trung tâm của Ngài được. Bà H.P.Blavatsky cũng nói rằng thể hồng trần của một Chân Sư chỉ là một vận cụ. Nó không truyền lại gì cả, mà chỉ là một điểm tiếp xúc với cõi trần, một thể được duy trì như một khí cụ cần cho công việc Ngài đang làm, và bị bỏ đi khi xong việc. Điều đó cũng đúng đối với thể cảm dục và thể hạ trí. Khi thể nguyên nhân trở thành một khí cụ duy nhất, thì biệt ngã tan biến, Atma đã hoạch đắc quyền năng biểu lộ trạng thái thứ ba của nó trên cõi trí theo ý muốn, và không còn cần một hiện thể thường xuyên trên đó nữa.

C.W. Leadbeater.- Thoạt nhìn thì câu nói này dường như mâu thuẫn với một số câu nói trước. Thí dụ chúng ta được dạy rằng hãy diệt lòng ham muốn – diệt các phần (parts) khác của chính chúng ta. Trong quyển Tiếng Nói Vô Hình có dạy rằng đệ tử phải học cách tiêu diệt nguyệt thể (lunar form) một cách tùy ý (at will) – tức là giủ sạch thể cảm dục. Thuật ngữ “at will” mang lại cho chúng ta bí quyết (key) đưa đến biểu lộ (expression). Chúng ta đừng nên tiêu diệt thể cảm dục, bởi vì nếu chúng ta hủy diệt thể đó, chúng ta sẽ trở
 218 thành quái vật, có thể trí phát triển nhiều nhưng không có được sự đồng cảm (sympathy). Nhiều người thấy sự xúc động gây phiền toái nhiều cho họ vì nó áp đảo họ, nhưng họ phải cố gắng không phải để tiêu diệt nó, mà là để thanh lọc và kiểm chế nó. Nó phải là một sức mạnh mà chúng ta có thể sử dụng chớ không phải là vật đi áp đảo chúng ta. Chúng ta đừng nên tiêu diệt nó, bởi vì nếu không có nó, chúng ta không bao giờ có thể hiểu được tình cảm nơi kẻ khác, và do

đó chúng ta không bao giờ có thể giúp được những người khác theo đường lối đó; mà nó phải được thanh lọc và mọi cái ngã phải được gạt bỏ ra khỏi nó.

Cùng cách đó, những người thiên về trí tuệ đừng nên hủy diệt trí tuệ, mà phải gắn yên cương cho nó và dẫn dắt nó. Điều rất đúng là giống như lòng sùng tín, trí tuệ có thể chi phối được con người. Người ta không phải lúc nào cũng hiểu được điều đó; họ nói rằng trí tuệ tự bản thân nó là một đảm bảo chống lại bất cứ điều gì cực đoan, nhưng tôi e rằng không phải như thế. Nhiều người hơi đề cao trí tuệ, họ nói: “Lý trí chúng ta là đối tượng duy nhất mà chúng ta phải hướng dẫn chúng ta và chúng ta phải luôn luôn noi theo đó nhờ cái kết thúc hợp lý của nó”. Điều đó sẽ hoàn toàn đúng nếu tất cả các tiền đề của chúng đều luôn luôn đứng ở chỗ khởi đầu, nhưng thường thường các tiền đề đó thiếu sót rất nhiều. Những người đó thường chỉ xem xét khía cạnh vật chất của vấn đề mà thôi, và không tính đến khía cạnh ẩn giấu quan trọng hơn nhiều, do đó các kết luận của họ tất nhiên là sai lầm.

Như tôi có nói trước đây, chúng ta phải giữ quân bình; chúng ta phải tập nhìn thấy tất cả các mặt của một vấn đề và chúng ta phải cố tránh phát triển bất luận đức tính duy nhất nào, dù là tốt lành, đến mức tốt bậc đến nỗi nó hoàn toàn không cân xứng với tất cả các đức tánh khác, bởi vì thường thường đức tính tuyệt hảo nhất có thể trở nên nguy hại nếu
219 nó được chọn theo cách tách biệt với tổng thể. Người có được trí tuệ sắc bén đáng được khen ngợi vì sự phát triển trí tuệ đó, nhưng nếu y có được lợi thế về phương diện đó, y nên cẩn thận về phương diện khác, phương diện tình thương và lòng thiện cảm, không thờ ơ cũng không quên lãng.

Cùng một cách đúng y như thế, những người có năng lực về bác ái và thiện cảm phải đảm bảo chắc chắn rằng họ phát triển phương diện trí tuệ trong bản chất họ, để cho họ sẽ không bị dẫn dắt đi xa bởi lòng thiện cảm của họ, vào các hành động khờ dại, nó không giúp được họ, mà còn gây cản trở nữa. Một người có lòng thiện cảm nhạy bén, nhưng không hiểu biết, thì thường là người bất lực hoàn toàn, cũng giống như một người đứng trước một tai nạn buồn thảm, lại thiếu hiểu biết của một thầy thuốc. Nhiều người, dù đầy lòng thiện cảm và biết lo lắng giúp đỡ, nhưng không biết làm gì, còn các nỗ lực của họ, nếu vì thiếu hiểu biết, có thể làm hại hơn là lợi. Rõ ràng là sự hiểu biết cũng cần như sự xúc cảm.

Trong bản chất của chúng ta, cảm xúc là một lực khởi động (driving force). Trong các cổ thư Ấn Độ có nói rằng xúc cảm là các con ngựa, còn thể trí là kẻ điều khiển; thể trí cầm dây cương, do đó chúng ta cần phát triển cả hai. Chúng ta phải có con ngựa, bởi vì ngựa là phương tiện để tiến hóa, cái kho chứa lực; nhưng chúng ta cũng phải có sự dẫn dắt hợp lý, nếu không chúng sẽ chạy xa chúng ta. Tất cả mọi điều này luôn luôn được khắc sâu trong mọi khảo cứu huyền học, tuy nhiên nó không thường được nói đến, vì người ta hay quên. Luôn luôn có những người chỉ phát triển một khía cạnh duy nhất và thiếu sót một cách thảm hại ở khía cạnh khác, và đó là một trong những cách mà ngay cả một người tiến hóa cũng có thể thất bại.

Đối với chính mình thì mỗi người hoàn toàn là đạo (the way), chân lý và sự sống. Nhưng y chỉ trở nên như thế khi y hiểu rõ toàn thể biệt ngã của mình một cách vững

chắc, và nhờ sức mạnh của ý chí tinh thần đã thức tỉnh của mình, y nhận ra rằng biệt ngã này không phải là y, mà là vật do y đã khó nhọc tạo ra cho riêng mình sử dụng, nhờ đó y vạch ra mục tiêu, khi sự tăng trưởng của y dần dần phát triển trí tuệ của y, để đạt đến sự sống vượt qua biệt ngã (individuality). Khi y biết rằng vì lý do này mà sự sống kỳ diệu, phức tạp và riêng biệt của y mới tồn tại, lúc bấy giờ và chỉ bấy giờ, y mới thực sự ở trên thánh đạo.

C.W Leadbeater.- Thánh đạo – có nghĩa là đời sống tâm linh thực sự – chỉ có thể được tìm thấy sau kinh nghiệm kiến tạo biệt ngã. Thành ngữ này do Chân Sư thành Venice dùng ở đây – cái vật phức tạp mà con người đã tạo ra với nhiều khó nhọc và đau khổ cho riêng y sử dụng – là chính xác đối với biệt ngã (individuality) và ngoài ra, đối với mỗi phàm ngã. Như thế, chính biệt ngã được Chân Thần tạo ra; đến phiên nó, biệt ngã tạo ra các phàm ngã khác nhau của nó, nhưng tất cả đều dành cho việc sử dụng của Chân Thần cao siêu, và chỉ dành cho Chân Thần mà thôi. Lỗi lầm mà tất cả mọi người mắc phải là tự đồng hóa mình với phàm ngã và để cho phàm ngã đánh lừa họ làm cho họ tin rằng nó là “Cái Tôi”, thay vì “Cái Tôi” thật ra là Chân Thần ở mãi đằng sau, vốn đang sử dụng tất cả các hiện thể này.

Toàn bộ cuộc tiến hóa của con người có thể nói được như là một sự rút lui vào chính mình, nhưng luôn luôn mang các bó hoa (sheaves) theo với mình, không bao giờ trở lại tay không. Tiến trình chuyển giao kết quả của kinh nghiệm từ thấp lên cao đang diễn ra ở mọi mức độ vào mọi lúc. Chúng ta đang làm điều đó theo nhiều cách trong cuộc sống hằng ngày, chỉ có điều là chúng ta không nghĩ đến nó dưới ánh

sáng đó. Thí dụ chúng ta biết cách đọc; chúng ta có được năng lực đó trong luân hồi này bằng cách vượt qua rất chậm chạp một tiến trình dài học hỏi. Hiện giờ chúng ta cầm lên một quyển sách và hiểu ý nghĩa của nó ngay, mà không phải suy nghĩ về việc đọc. Chúng ta đã quên các chi tiết của kinh nghiệm đó rồi, và thật ra cũng không ích gì khi nhớ lại các chi tiết đó. Một số người trong chúng ta đã học đọc nốt nhạc và có thể tấu lên khi nhìn thấy, nhưng lúc đầu khi đang học, chúng ta phải nhìn cẩn thận mỗi nốt nhạc và kể đó nhìn xuống cây đàn để tìm nốt đó. Hiện giờ sự kiện về việc chúng ta phải trải qua mọi khó nhọc đó bị quên đi. Chúng ta không cần nhớ mọi bài học nhạc riêng rẽ để có thể chơi nhạc, nó vốn là mục tiêu của toàn bộ tiến trình.

Việc nhớ lại các tiền kiếp cũng giống như thế. Những người tin có luân hồi thường có ý oán hận trong thâm tâm họ, bởi vì họ không nhớ cái gì đã làm cho họ đau khổ hiện giờ, ngay cả khi họ sẵn sàng thừa nhận rằng đó là hậu quả của việc làm sai trái trong quá khứ. Có lẽ cảm thức đó hoàn toàn tự nhiên, nhưng điều đó thực sự không có gì quan trọng; linh hồn chắc chắn có biết và đã ghi nhận những gì đã mang lại hậu quả xấu, và sẽ làm mọi điều trong khả năng của nó để đặt ảnh hưởng lên phạm ngã cốt ngăn chặn cùng một lỗi lầm khỏi xảy ra nữa.

Người ta nghĩ là có thể làm cho các kiếp sống của họ sẽ trở nên đơn giản đi nếu phạm ngã có thể nhớ lại tất cả các tiền kiếp đó. Trong một số phương diện, điều đó có thể 222 đúng, nhưng tôi nghĩ rằng nếu trong phạm ngã, chúng ta có hồi ức đầy đủ về các kiếp sống đã qua trước khi chúng ta đạt đến quả vị Chân Sư, thì có hại nhiều hơn là lợi. Trước hết chúng ta không có năng lực để xem xét mọi việc một cách

bình tĩnh. Chúng ta sẽ thấy chán nản sâu xa khi nhìn lại các tội ác kinh tởm mà chúng ta đã phạm phải trong các tiền kiếp. Từ lâu, tôi đã học cách nhìn lại các tiền kiếp của chính tôi, nhưng quả thật không vui vẻ chút nào khi làm thế. Có một vài hành động đẹp đẽ, một vài việc tốt đẹp trong các kiếp đã qua của mỗi người, và người ta có thể nhìn trở lại với một mức độ vui thích nào đó về các sự việc này, nhưng chúng ta thấy rằng khi nhìn lại một kiếp sống đã qua, điều gây ấn tượng tức thì vào người ta một cách mạnh mẽ nhất là số cơ hội mà người ta không thấy được. Đây, đó, mọi nơi, chung quanh ta là các cơ hội và chúng ta không ngăn được ngạc nhiên là chúng ta vận dụng rất ít các cơ hội đó. Thường khi không phải là chúng ta không nắm bắt được các cơ hội đó, mà vì chúng ta không muốn làm thế. Các ý định của chúng ta đều tốt, mặc dầu có lẽ không được tốt lắm, và nếu chúng ta thấy được cơ hội chúng ta sẽ nắm bắt lấy chúng. Bây giờ chúng ta nhìn trở lại và ngạc nhiên trước sự thiếu sáng suốt của chúng ta. Chúng ta nói “Giá mà tôi chọn đường lối hành động thế này hoặc thế kia, các kết quả chắc chắn sẽ đến, và vào lúc này tôi có thể đạt đến quả vị Chân Sư rồi”. Nhưng chúng ta đã không làm điều đó. Khi chúng ta lên tới trình độ đó, năng lực để nhìn trở lại sẽ hữu ích cho chúng ta, nhưng với số lượng trí tuệ và tự do ý chí mà chúng ta có được hiện nay, thì đó chắc chắn không phải là một niềm vui nguyên vẹn.

Chúng ta hãy xem xét các nguyên tắc tổng quát có liên quan. Toàn bộ kế hoạch, mà chúng ta là một phần trong đó, được dự kiến để thúc đẩy cơ tiến hóa của con người, do đó
 223 có thể chắc chắn rằng bất kể thứ gì nếu đó là điều tốt lành nhất cho con người chẳng hạn một phạm ngã cần nên nhớ tất

cả các kiếp đã qua của y, thì điều đó sẽ được sắp xếp như thế. Còn khi điều đó không xảy ra, thì ít nhất chúng ta nên có đủ tin tưởng để thấy rằng đó là cái tốt nhất trong hoàn cảnh hiện tại. Khi một người có được năng lực để nhìn lại tiền kiếp, thì y cũng có được sự sáng suốt rộng lớn hơn, một quan điểm quân bình hơn về các sự vật, và vào lúc đó y cũng thấm nhuần sự chắc chắn của công lý trong cơ tiến hóa, mà nếu y không thể thấy một cách chính xác làm thế nào mà một kết quả được nối tiếp từ nguyên nhân của nó, thì y sẽ nói: “Thôi, tôi không thấy được lý do của việc này, nhưng tôi chắc rằng tôi sẽ thấy ngay thôi”. Y không hề có ý tưởng là y đã bị đối xử một cách bất công. Người nào luôn luôn nói đến việc mình bị đối xử bất công, luôn luôn nói rằng trời cao bỏ bê mình, người ấy quả là không hiểu gì về nguyên lý sơ đẳng của trường hợp. Chúng ta biết rằng Thiên luật tuyệt đối đúng – giống như định luật về trọng lực – nhưng không nhất thiết là chúng ta luôn luôn có thể nói chính xác nó sẽ diễn tiến như thế nào.

Như tôi có nói, Chân Nhân ghi nhận những gì tạo ra các kết quả xấu. Được cảnh báo nhờ kinh nghiệm đã qua, Chân Nhân cố tạo ảnh hưởng lên phạm nhân trước khi phạm nhân trở nên cứng rắn, kiên cường và dứt khoát đến nỗi nó sẽ không bị dẫn dắt bởi sự tiếp xúc mơ hồ hơn từ Chân Ngã ở đẳng sau. Phạm ngã suy tưởng rành mạch rằng nó biết rõ nhất theo đường lối riêng của nó. Rất thường khi nó từ khước sự giúp đỡ từ cõi trên, và vì thế Chân Ngã không thể ảnh hưởng đến nó hết mức mà Chân Ngã mong muốn. Nhưng Chân Ngã cố giành quyền kiểm soát, và khi chúng ta tiếp tục, chúng ta sẽ cảm thấy Chân Ngã này ngày càng nỗ lực để nắm quyền. Nếu chúng ta quyết tâm đồng nhất hóa

224 chính chúng ta với Chân Nhân, chúng ta sẽ thấy rằng lúc đó Chân Nhân có thể làm rất nhiều điều hơn nữa cho chúng ta. Khó khăn chính của Chân Nhân ở sự kiện là phạm nhân của kẻ thường nhân lại đồng hóa chính nó với các hiện thể thấp và có phần bức tức với sự can thiệp của Chân Nhân, nhưng nếu phạm nhân có thể được thuyết phục để tự đồng hóa chính mình với Chân Nhân, thì liền đó toàn bộ sự khó khăn được giảm đi rất nhiều.

Thêm vào đó, khi có sự kiểm soát hoàn toàn thể cảm dục và thể hạ trí, thì sự tiến bộ có thể nhanh chóng thực sự. Bình thường khi Chân Nhân muốn giải quyết một điều gì thông qua các hiện thể thấp của nó, thì các hiện thể này kiên trì đưa ra hàng trăm điều khác, gởi những điều tường thuật mà Chân Nhân không đòi hỏi và không muốn có. Kiểm soát thể trí tức là làm sao cho nó chỉ trình lên cho Chân Ngã những gì mà Chân Ngã muốn biết. Sau đó, khi Chân Ngã giao một vấn đề nào đó cho thể trí và nói: “Hãy suy xét vấn đề đó và trao lại cho tôi thông tin mà tôi cần”, thì thể trí có kiểm soát hoàn toàn tuân theo, trong khi đó, ở hoàn cảnh tương tự, thể trí của kẻ thường nhân lại đưa ra hàng trăm điều vô ích cho Chân Nhân, bởi vì đủ loại tư tưởng vẫn vơ đột nhập vào và bắt nó phải theo.

Phương pháp từ bỏ các kết quả của công việc thấp nhưng không có kinh nghiệm chi tiết sẽ luôn luôn tiếp diễn cho đến khi chúng ta đạt quả vị Chân Sư. Khi Chân Ngã phát triển, cái thay đổi đầu tiên có tính cách quyết định mà con người thực hiện là đưa trí tuệ, tức manas, lên cõi Bồ Đề. Con người vẫn còn là tam phân (triple), nhưng thay vì ở trên ba cõi thì giờ đây y chỉ ở trên hai cõi, với Atma phát triển trên cõi riêng của nó, buddhi trên cõi riêng của nó, còn trình độ

manas với buddhi, được đưa vào trực giác. Lúc bấy giờ Chân Nhân thái bỏ thể nguyên nhân, bởi vì Chân Nhân không còn cần thể đó nữa. Khi nó muốn trở xuống và biểu lộ trên cõi trí, nó lại phải tạo ra thể nguyên nhân mới, còn nếu không thì nó không còn cần thể đó.

225 Cũng giống như vậy, hai biểu lộ kia trên cõi Bồ Đề – tức thể Bồ Đề và trí tuệ quang huy (glorified intellect), vốn là trực giác – sẽ được kéo lên ngay sau đó vào cõi Niết Bàn, và tinh thần tam phân (triple spirit) trên cõi đó sẽ được linh hoạt hoàn toàn. Lúc bấy giờ, ba biểu lộ sẽ hội tụ thành một. Đó là một quyền năng nằm trong tầm của vị Adept, bởi vì Ngài hợp nhất Chân Thần với Chân ngã, cũng giống như vị đệ tử đang cố gắng hợp nhất Chân Ngã với phàm ngã.

Việc nâng thượng trí từ thể nguyên nhân lên để cho nó ở bên cạnh thể Bồ Đề trên cõi Bồ Đề, là trạng thái hay tình trạng của Chân Ngã mà bà Blavatsky gọi là Chân Ngã tâm linh (spiritual ego). Thật khó thực hiện các so sánh chi tiết với tình trạng mà qua đó các nhà thần bí Cơ Đốc giáo đã mô tả về chúng khi họ đã trải qua, bởi vì họ tiếp cận tình trạng đó từ một quan điểm rất khác, nhưng trạng thái đó dường như tương ứng với những gì mà họ quen gọi là “sự khai ngộ tâm linh” (“spiritual illumination”) – nghĩa là trạng thái của vị La Hán. Đó là việc khai mở nguyên khí Christ. Chúng ta nói đến sự giáng sinh của nguyên khí Christ khi có sự khuấy động đầu tiên tâm thức Bồ Đề trong con người, nhưng khi người ta nói Christ được khai mở đầy đủ bên trong y, tôi nghĩ điều đó phải có nghĩa là trạng thái này (trạng thái La Hán – ND).

Khi con người đạt đến một trình độ nào đó trong các trình độ cao siêu này, tốc độ tiến bộ của họ tăng lên rất

226 nhanh. Tôi còn nhớ có lần ở Ấn Độ, tôi được hỏi có phải sự tiến bộ của một người trên Thánh Đạo có thể được đo bằng cấp số cộng hay chẳng. Tôi đáp: “Tôi nghĩ một khi sự tiến bộ được khỏi sự rõ rệt, nó rất giống với cấp số nhân hơn”. Điều đó hơi bị nghi ngờ. Người Ấn Độ dường như cảm thấy đó là một phát biểu cực đoan, vì thế tôi đã hỏi Chân Sư Kuthumi liệu cấp số nhân có phải là một phát biểu đúng đối với sự tiến bộ của một người đã tiến vào Thánh đạo hay không. Chân Sư nói: “Không, đó không phải là một phát biểu đúng. Khi một người tiến vào Thánh Đạo, nếu y hội tụ mọi năng lực của y vào đó, thì sự tiến bộ của y sẽ không phải theo cấp số cộng, cũng không phải cấp số nhân, mà là tính theo lũy thừa”. Vì vậy nó không phải theo tỷ lệ 2, 4, 8, 16, v..v.. mà là 2, 4, 16, 256 v..v... Điều đó đưa một ánh sáng rất khác vào vấn đề, và chúng ta bắt đầu thấy rằng những gì phía trước chúng ta không phải là không thể và không quá nhọc sức như đôi khi nó có vẻ như thế. Chúng ta đã mất toàn bộ nhiều ngàn năm mới đạt đến giai đoạn hiện tại, và dường như đó không phải là một thành tựu lớn khi chúng ta xét về thời gian đã tiêu phí vào việc đó. Nếu sự tiến hóa sắp tới của chúng ta cũng chậm chạp như vậy, tâm trí sẽ rơi vào tình trạng kinh hoàng trước sự suy tính về các thời kỳ vô tận (aeons) cần cho chúng ta để đạt tới mục tiêu. Thật là đáng khích lệ khi nghĩ rằng một khi chúng ta dứt khoát bắt đầu đặt chân trên Thánh Đạo, chúng ta thật sự tiến bộ một cách rất mau chóng.

Tôi giả định rằng một người tốt lành bậc trung đang dành một phần trăm trí tuệ của y để làm cho y tốt hơn một chút. Thậm chí nhiều người không làm điều đó. Chúng ta, là những người nghiên cứu và thử sống theo các nguyên tắc

227 của huyền linh học, đã đi xa hơn, và đang bắt đầu hiến dâng một phần hợp lý thời giờ của chúng ta vào việc đó. Khi đạt đến giai đoạn mà mọi sức lực và tư tưởng của chúng ta được tập trung vào công việc quan trọng này, thì chúng ta sẽ tiến tới rất nhanh; mặc dù hiện giờ chúng ta còn ngần ngại, khi chúng ta có thể dành hết mọi năng lực của chúng ta vào công việc cần làm, thì chúng ta sẽ có thể làm điều đó một cách hoàn hảo hơn bây giờ nhiều.

Hãy tìm đạo bằng cách lao vào chốn thâm sâu bí nhiệm và huy hoàng của bản thể sâu kín nhất của riêng con.

Hãy tìm đạo bằng cách khảo sát mọi kinh nghiệm, bằng cách vận dụng các giác quan để hiểu được sự tăng trưởng và ý nghĩa của biệt ngã, sự mỹ lệ và sự tối tăm của các mảnh linh quang khác đang phấn đấu bên cạnh con và tạo thành giống loài mà con thuộc vào đó.

Hãy tìm đạo bằng cách nghiên cứu các định luật hiện tồn, các định luật thiên nhiên, các định luật siêu nhiên.

Và hãy tìm đạo bằng cách làm cho linh hồn con hoàn toàn tuân phục ngôi sao lập lòe đang rực cháy bên trong. Dần dần khi con càng trông đợi và ngưỡng vọng, ánh sáng của ngôi sao đó sẽ trở nên mạnh hơn. Bây giờ con có thể biết là con đã tìm thấy chỗ khởi đầu của nẻo đạo. Và khi con đã tìm thấy điểm cuối của đường đạo, ánh sáng của ngôi sao sẽ thành linh trở thành ánh sáng vô biên.

A. Besant.- Trong đoạn bình giải này, chúng ta lại xem xét ba phương pháp tìm đạo.

Với các mục đích phân loại, một sự phân chia có thể được thực hiện bằng cách xem các định luật thiên nhiên như là bao gồm thế giới hiện tượng, hay thế giới quan sát được, các định luật siêu nhiên là các định luật của thượng trí và Bồ Đề, và các định luật hiện tồn là các định luật của sự sống đích thực của cõi Niết Bàn.

228 Khi nói đến các định luật thiên nhiên, chúng ta muốn nói đến các định luật đang tác động trên cõi hồng trần, cõi tình cảm và các cõi phụ sắc tướng của cõi trí (tức 4 cõi phụ của cõi hạ trí – ND).

Các định luật ở trên các định luật này, nhưng ở dưới các định luật “hiện tồn” (“being”) có thể được gọi là các định luật siêu nhiên (laws of super nature). Điều này bao gồm cả cõi vô sắc tướng của thượng trí và cõi Bồ Đề. Đó là vùng mà sự sống tự biểu lộ nhiều hơn là sắc tướng, nơi mà vật chất phụ thuộc vào sự sống, lúc nào cũng biến đổi. Nơi đó không có gì tiêu biểu cho một thực thể có đường nét rõ ràng nhất định. Thực thể thay đổi hình dạng theo mỗi thay đổi của tư tưởng; vật chất là một khí cụ của sự sống của thực thể đó, chứ không phải là một biểu lộ của chính sự sống; hình tướng được tạo ra tạm thời – nó thay đổi theo mỗi thay đổi của sự sống của thực thể. Điều này đúng trên cõi Trí vô sắc tướng và cũng đúng theo một cách tinh tế trên cõi Bồ Đề. Nó cũng đúng với Chân Ngã tâm linh, vốn là buddhi (Bồ đề) cộng với trạng thái trí tuệ của Đấng Duy Nhất, được kéo vào buddhi khi thể nguyên nhân bị loại ra một bên. Trạng thái đó được các nhà thần bí Cơ Đốc giáo gọi là trạng thái giác ngộ tâm linh; đó là giai đoạn La Hán, giai đoạn Christ trong con người.

229 Từ ngữ *super nature* (siêu nhiên) thường được dùng để bao hàm bất cứ điều gì không thể giải thích được bằng kinh nghiệm thông thường của thế gian. Bất cứ điều gì có vẻ bất thường hoặc không phù hợp với luật thiên nhiên đã được quy định, gây bối rối nhiều cho những người biết suy tư. Trên thế giới có một sự phản kháng rộng rãi với tất cả những gì được gọi là siêu nhiên. Con người cảm thấy rằng không thể có bất cứ cái gì siêu nhiên, bởi vì không có sự bất thường nào hoặc hỗn loạn nào trong thiên nhiên, không có một vùng nào mà định luật không hiện hữu. Định luật đang tác động khắp nơi và đồng nhất. “Trên sao, dưới vậy” (“As above, so below”) là chân lý đại đồng. Bản thể duy nhất đang tự biểu hiện theo nhiều cách khác nhau, nhưng bản thân nó thì luôn luôn như nhau. Nhưng khi chúng ta đi đến điều mà ở đây gọi là siêu nhiên, thì chúng ta đi đến một trạng thái vượt ngoài tất cả những gì có thể tiếp xúc được bằng các giác quan – ngay cả khi dùng thuật ngữ này theo ý nghĩa đầy đủ nhất của nó. Chúng ta hoàn toàn vượt qua mọi điều thuộc về cõi hiện tượng, đi vào chính các cõi giới tinh thần.

Cõi của Atma vượt trên cõi đó, là cõi Niết Bàn, là vùng của bản thể (*region of being*), nơi mà tất cả đều là thực tại, nơi mà chân thức (*true consciousness*) ngự trị. Chúng ta phải tìm ra con đường này bằng cách nghiên cứu bản thể sâu kín nhất (*inmost being*) của chúng ta. Không phải cho đến lúc chúng ta có thể đạt đến cõi Niết Bàn trong con thiền định cao siêu, thì chúng ta mới có thể tiếp xúc được với tâm thức Niết Bàn chân chính; nhưng điều đó có thể được mưu tìm. Chúng ta bắt đầu tìm kiếm nó bằng cách cố gắng nhận thức sự tồn tại của nó. Hãy nghĩ đến cõi Niết Bàn như một vùng mà tất cả đều là thực tại, nơi mà mọi giới hạn đã biến mất, nơi mà

nhất nguyên (unity) được nhận biết. Trong lúc tham thiền hãy cố tưởng tượng ra nó, cố gắng hình dung nó cho chính bạn. Bạn chỉ có thể làm như thế bằng một loạt các phủ định. Bạn nghĩ: “Có phải cội Niết Bàn là cội hiện tượng không? Không phải như thế. Có phải là cội trí tuệ không? Cũng không phải nốt”. Bạn tìm nó bằng cách loại ra những gì không phải là nó. Lúc bấy giờ bạn nói: “Niết Bàn không phải là một vật mà các giác quan có thể nhận thức được; nó không phải là cái mà trí thông tuệ có thể tưởng tượng được; nó không được tìm thấy ngay cả bằng trí tuệ được khai ngộ, với mức độ bao la của nó”, và v.v...

Người ta có thể hỏi: “Nếu bạn có thể có một sự tiếp xúc với tâm thức Niết Bàn, tại sao lại tìm nó bằng những gì không phải nó?” Thành thực mà nói, đó không phải là Niết Bàn thức mà bạn nhận được trong não bộ, mà là một rung động nhỏ từ trạng thái trí tuệ của Atma, khác với bất cứ rung động nào khác trong tâm thức Manas. Các rung động được khởi đầu trên các cội cao khác với các rung động bắt đầu trên cội trí. Khi một người đạt đến giai đoạn cao nhất của Thánh Đạo đích thực – là cuộc Điểm Đạo thứ tư, hay con đường của vị La Hán – lúc bấy giờ trong con tham thiền ra khỏi xác thân, người ấy có thể bước vào trạng thái đại định (samadhi) và đạt đến tâm thức Atma trong cội Niết Bàn (Nirvana).

C.W. Leadbeater.- cách phân chia ra hai bộ ba, với các phương pháp mà nhờ đó chúng ta phải tìm đạo và các luật tương ứng với các phương pháp này, được làm sáng tỏ và không có một nghi ngờ về ý định. Khi lao vào chốn thâm sâu dẫn đến việc nghiên cứu các luật hiện tồn – các luật của cội giới đó vốn nằm ngoài tất cả những gì đang biểu lộ trước chúng ta, tức là nirvana. Dĩ nhiên, các cội cao dù vậy vẫn là

các cõi biểu lộ, và ngay cả những gì nằm bên ngoài chúng cũng không thực sự là vô hiện, nhưng nó là như thế đối với chúng ta, ở giai đoạn tiến hóa hiện tại của chúng ta. Chỉ bằng cách nghiên cứu các định luật hiện tồn, chúng ta mới sẽ có thể làm tròn mục tiêu thực sự là lao vào các chỗ sâu kín nhất của bản thể sâu kín nhất của chúng ta, đó là “tuân theo ngôi sao yếu ớt đang bùng cháy bên trong”. Rõ ràng đó là một giai đoạn phát triển rất cao khi mà chúng ta tìm kiếm Atma và chỉ noi theo đó mà thôi.

Việc khảo sát tất cả các kinh nghiệm tương ứng với việc nghiên cứu các định luật của thiên nhiên, tức là các định luật của thế giới hiện tượng, các định luật này tác động trên cõi trần, cõi tình cảm và cõi hạ trí mà phàm ngã đang trầm luân trong đó. Kế đó, chúng ta phải học cách hiểu biết ngã bằng cách nghiên cứu các luật của siêu nhiên, bởi đó hàm ý rõ rệt là các định luật của các thế giới mà trong đó Chân Ngã hoạt động, nghĩa là các định luật của cõi Bồ Đề và phần cao của cõi trí. Dĩ nhiên không có gì siêu nhiên, nhưng thuật ngữ đó được dùng ở đây rõ ràng là với một ý nghĩa hơi chuyên môn. Suốt mọi cõi giới chỉ có một Sự Sống Duy Nhất tự biểu lộ theo nhiều cách khác nhau, và không có việc vi phạm định luật thiên nhiên và trật tự thiên nhiên trong toàn bộ thiên cơ. Chỉ khi nào chúng ta đi đến một vùng vượt ngoài bất cứ thứ gì mà bất cứ giác quan nào thuộc cõi trần, cõi cảm dục hoặc cõi trí có thể tiếp xúc được, thì chúng ta mới đạt đến một điều gì đó vượt ngoài thiên nhiên mà đa số chúng ta đang biết, nơi mà các thiên luật khác và rộng lớn hơn đang tác động. Tôi nghĩ rằng chính là theo ý nghĩa này mà Đức Chohan sử dụng thuật ngữ “siêu nhiên”. Vượt qua lĩnh vực của các giác quan này, chúng ta tiến vào một vùng cao hơn

thế giới hiện tượng, cái mà người Hy Lạp gọi là thế giới thực tượng (noumenal world), vốn là cội nguồn và nguyên nhân của các thế giới hiện tượng.

Thế nên ý nghĩa của đoạn này dường như là khi chúng ta hoàn toàn hiểu được phạm ngã, chúng ta sẽ hiểu rõ “các định luật của thiên nhiên”; khi chúng ta ra sức tìm hiểu biệt ngã, chúng ta sẽ đối phó với các “định luật siêu nhiên”, và vượt qua đó, khi chúng ta cố gắng hiểu được Atma, chúng ta sẽ đang nghiên cứu “các định luật của bản thể” (“laws of being”).

Những dị biệt ở các trình độ này thì đủ lớn để bảo đảm cho cách phân loại như thế. Trên cõi trần mọi vật tùy thuộc rất nhiều vào hình hài của nó, và điều đó cũng đúng trong cõi cảm dục và cõi hạ trí. Ở cõi của thể nguyên nhân, mặc dù nói rằng chúng ta không hình dạng thì không hoàn toàn đúng, ít nhất các hình hài đều khác và trực tiếp hơn (more direct). Tư tưởng của thể nguyên nhân thì giống như một tia chớp lao thẳng vào mục tiêu (object) của nó; thay vì tạo ra một hình dạng rõ ràng và riêng biệt, nó đơn giản chỉ là một
232 luồng tuôn ra (an out-rush), thẳng đến mục tiêu, với xung lực mà tư tưởng đã đưa ra.

Khi chúng ta vươn lên trên đó, đến cõi Bồ Đề, chúng ta đạt đến một tình trạng mà, như tôi có giải thích trước kia, khó có thể mô tả bằng lời. Nơi đó tư tưởng của mỗi người là một nhịp đập (pulsation) của toàn thể cõi đó, sao cho mỗi người ở cõi đó sẽ bao bọc (enfolds) trong chính y tư tưởng của tất cả những người khác, và có thể học được từ đó, và có thể trải nghiệm xuyên qua đó, có thể nói như vậy. Người ta không thể hy vọng làm cho điều đó thật sáng tỏ: người ta chỉ có thể gọi ý mà thôi.

Thật tốt cho chúng ta khi cố gắng tìm hiểu các trạng thái cao siêu này. Hầu như cách duy nhất mà chúng ta có thể làm được điều này là nhờ phương pháp được thừa nhận trong các kinh sách của Ấn Giáo, vốn luôn luôn là một sự phủ định. Các kinh sách đó, không mô tả một trạng thái tâm thức; chúng chỉ từ từ loại ra tất cả những điều không hiện hữu. Sau khi làm điều đó, nếu chúng ta có thể xoay sở để giữ lại một loại tinh chất đã được gạn lọc của tư tưởng về đối tượng, thì chúng ta đang tiến gần hơn một ít đến những gì là thực tại.

Các đệ tử của Đức Phật thường hỏi Ngài: “Niết Bàn là gì?”, hoặc đôi khi họ thắc mắc: “Có Niết Bàn hay không?” nghĩa là Niết Bàn có tồn tại hay không?

Trong một dịp, Đức Phật đáp: “Niết Bàn có thật, chắc chắn Niết Bàn có thật, và tuy nhiên nếu đệ tử hỏi ta liệu nó có thật hay không, ta chỉ có thể nói rằng nó không phải là một trạng thái hiện tồn, cũng không phải là không hiện tồn theo nghĩa mà con hiểu các chữ đó”.

Có lẽ ngay cả Đức Phật cũng không thể giúp cho chúng ta hiểu rõ được Niết Bàn ở trình độ của chúng ta. Chúng ta có cùng loại kinh nghiệm theo cách nhỏ hơn nhiều của riêng chúng ta. Tôi có thể xác nhận rằng khi người ta phát triển được tâm thức Bồ Đề và sử dụng được nó, thì nhiều điều mà hiện giờ chúng ta không thể làm cho sáng tỏ, sẽ trở nên hoàn toàn dễ hiểu, nhưng lúc mà người ta rơi lại khỏi trạng thái tâm thức đó, người ta không còn có thể diễn tả những gì mà người ta đã từng hiểu. Thật không dễ gì mà diễn tả, điều đó đã được chứng minh bởi sự kiện, đó là chính Đức Phật, cho dù là đáng rất cao cả, vẫn không thể diễn tả Niết Bàn bằng

các lời lẽ để hiểu được ở cõi trần, trừ phi bằng các phủ định (by negatives).



CHƯƠNG 10

Chú Giải về Qui Tắc 20.

A. Besant.- Chân Sư Hilarion thêm chú giải sau đây vào qui tắc 20.

Hãy tìm đạo bằng cách thử mọi kinh nghiệm; và hãy nhớ rằng khi ta nói điều này, không phải là ta muốn nói: “Hãy nhượng bộ cho các cảm dỗ của giác quan để biết được nó”. Trước khi trở thành một nhà Huyền Linh Học, con có thể làm như thế, nhưng sau đó thì không. Khi đã chọn và bước vào Thánh Đạo, con không thể nhượng bộ trước các cảm dỗ này mà không hổ thẹn. Tuy nhiên con có thể trải nghiệm các cảm dỗ mà không khiếp sợ; con có thể cân nhắc, quan sát, và phân tích các cảm dỗ đó, và với sự nhẫn nại một cách tự tin, chờ đến lúc mà chúng sẽ không còn ảnh hưởng đến con được nữa.

Trong các giai đoạn đầu của bước tiến hóa trong nhân loại, Chân Ngã không đủ phát triển để phân biệt đúng sai. Nhưng lúc mà Chân Ngã đã học cách phân biệt giữa đúng với sai, biết chúng là khác nhau, thì bắt đầu có luân lý. Thí dụ, khi Chân Ngã bắt đầu hiểu được sự khác nhau giữa việc hủy diệt sự sống và việc bảo vệ sự sống, thì đối với Chân Ngã, luân lý ra đời theo đường lối đó. Loại kinh nghiệm dạy cho Chân Ngã tri thức đó bấy giờ không còn cần đến nữa.

235 Nhưng dù cho con người không còn cần thử kinh nghiệm đó, đôi khi vẫn còn có sự tấn công ào ạt của các giác quan, thúc ép con người vào một hành vi sai trái nào đó, và sau đó gây đau khổ cho con người, bởi vì y nhận ra rằng nhượng bộ cho hành vi sai trái là lầm lạc. Nhà huyền học giả hiểu cho rằng con người có thể làm sai trái để rút ra kinh nghiệm, ý kiến này không bao giờ chính đáng cả. Khi làm một hành động mà người ta không biết bản chất của nó là sai trái, thì người ta rút được kinh nghiệm cần thiết; nhưng khi có được hiểu biết rằng đó là sai trái, thì mỗi nhân nhượng có nghĩa là một sự sa ngã, và sự đau khổ mãnh liệt phải tiếp theo sau.

Tình trạng nhượng bộ dưới áp lực của các hoàn cảnh sẽ kéo dài trong nhiều kiếp sống; thậm chí sau khi một người đã tiến vào Thánh Đạo, sự xung đột với các ham muốn của các giác quan vẫn thường tiếp diễn. Trước khi người ta có thể thực hiện sự tiến bộ nhanh chóng, có những giai đoạn xung đột lâu dài giữa cái ham muốn đang tác động qua thể tình cảm và thể hạ trí, với cái hiểu biết rằng làm cho nó được thỏa mãn là một trở ngại cho đời sống cao siêu. Trong các giai đoạn thấp, cuộc xung đột kéo dài, và khi nó tiếp tục chuyển vào một giai đoạn cao hơn, và nảy sinh khi các hình tư tưởng được pha trộn với các ham muốn của các giác quan, thì các thử thách trở nên tinh vi hơn, vì thể trí lý tưởng hóa các đối tượng giác quan, thanh lọc các xung lực thô kệch, và bày tỏ các ham muốn theo khía cạnh hấp dẫn nhất của chúng. Rồi đến một giai đoạn khác, khi người tìm đạo ở trên Thánh Đạo đích thực, vì ngay cả ở nơi đây, mãnh lực cám dỗ mãnh liệt xưa kia vẫn còn đủ mạnh để tấn công y. Chính ở chỗ này mà chúng ta có được lời dạy trong chú thích của Đức Thầy, lời dạy đó chỉ cho đệ tử biết cách thức mà y có thể

dùng các cảm đồ đó; đệ tử có thể cân nhắc, quan sát và phân tích các quyển rũ này, kiên nhẫn chờ cho đến lúc mà chúng không còn ảnh hưởng y được nữa.

236

Khi trung tâm tâm thức tự tách ra khỏi thể cảm dục và chuyển vào cõi trí, thì có một sự tiến bộ đáng kể được tạo ra. Con người không còn xem thể cảm dục như là chính mình nữa mà chỉ xem nó như là một thể biểu lộ mà thôi. Tuy nhiên, các rung động của thể cảm dục vẫn còn có thể ảnh hưởng y, vì thể này có sự sống riêng của nó, và đôi khi nó hành động như là những con ngựa còn nổi chúng. Đó là giai đoạn được nói đến trong kinh *Kathopanishat*, khi người kỵ mã đã kiểm soát bầy ngựa và chúng đang đi một cách yên tĩnh, nhưng bầy ngựa thỉnh thoảng vẫn có thể lồng lên. Người đệ tử biết bầy ngựa lồng lên khi các giác quan bị kích thích. Quả là một giai đoạn thử thách lớn lao. Toàn bộ bản thể của người đó bị ô danh và đau khổ bởi sự thoái hóa, y không thể nhượng bộ mà không đau khổ. Trong trạng thái tâm thức bình thường của mình, các giác quan không lôi cuốn được y, y không cảm thấy các cảm đồ của thể cảm dục thực sự. Tuy nhiên, có lúc y cũng cảm thấy rõ ràng sự cảm đồ của chúng. Điều này xảy ra, bởi vì cái khuôn cũ của dục vọng chưa bị vỡ hết, và nó được làm sống dậy từ bên ngoài. Con kênh chưa biến mất, mặc dù nó đang bị hao mòn, và nguy hiểm còn tồn tại, đó là thỉnh linh nó có thể bị đẩy lên từ bên ngoài, và rồi hình-dục vọng (desire-form) được làm cho sống lại. Các ảnh hưởng cõi cảm dục gây nên các rung động trong nó đủ mạnh để tác động đến tâm thức con người lần nữa; để nó ở một mình thì nó không tác động đến y; nhưng khi y đến một địa điểm, ở vào một thời điểm, hoặc gặp một người nào đó, do các yếu tố này mà các ảnh hưởng mạnh từ

bên ngoài rung động xuyên qua y và làm sống lại hình dục vọng cũ này.

237 Các ảnh hưởng phải được nhận biết như là đến từ bên ngoài, chớ không phải từ chính y, thế nên đệ tử phải hiểu chúng là gì. Y cảm nhận được điều này với sự nhục nhã, sự thoái hóa và sự sợ hãi, và tự hỏi làm sao y có thể cảm thấy điều đó. Câu trả lời là có một giai đoạn trong sự tiến hóa, khi mà các cảm dỗ đến từ các giác quan có thể được trải nghiệm, nhưng không cần được nhượng bộ. Lúc đó, con người phải phớt lờ chúng đi. Y nói: “Ta cảm thấy mi; ta nhận ra mi; ta đánh giá mi, nhưng ta không để cho bị xúi giục nữa đâu”. Đó là ý nghĩa của đoạn kinh trong Kathopanishat, đoạn đó nói về con người đã tiến đến mức độ có thể kiểm chế các con ngựa. Y có thể kiểm soát các giác quan. Đó là bài học cuối cùng liên quan đến sự cảm dỗ của các giác quan. Khi học xong bài học này, thì quyền năng của các giác quan đối với con người đã vĩnh viễn mất đi. Không bao giờ chúng sẽ lại có năng lực ảnh hưởng con người được nữa; đó là cuộc chiến cuối cùng với các giác quan, và khi cuộc chiến đã xong, linh hồn được giải thoát.

Khi đến lúc tranh đấu, và điều đó sẽ đến với mọi người, sau khi trung tâm tâm thức được chuyển sang cõi trí, thật là một trợ giúp lớn lao khi hiểu được bản chất của nó và biết làm thế nào để đối phó với nó, để có thể nói: “Nó không phải là tôi; nó chỉ là một rung động từ phạm ngã được đưa ra cho tôi; tôi khước từ nó; đó là câu trả lời của tôi”. Lúc mà bạn khước từ nó, cảm giác ghê tởm không còn nữa; bạn từ chối cảm nhận ảnh hưởng của nó. Khi đã làm được điều đó, bạn có thể phân tích chính bạn để xem nó đang tác động lên phần bản thể nào của bạn. Kế đó bạn sẽ kiên nhẫn chờ cho

đến lúc mà bạn sẽ không còn cảm thấy có nó nữa. Bạn tin cây thiên luật, bạn ngồi xuống và nhẫn nại chờ, rồi không bao lâu sau nó sẽ không thể tạo ra bất cứ rung động nào nữa; các giác quan không thể làm cho bạn đáp ứng với chúng được nữa. Bạn nói: “Tôi có thể kiên nhẫn chờ cho đến lúc tôi sẽ không còn cảm nhận điều này nữa. Nó là hình hài đã chết được làm sống lại mà tôi cảm thấy, không mấy chốc nó sẽ tan rã và tàn tạ”. Không có gì hơn là chờ đợi như thế – có lẽ 238 nhiều tháng hoặc nhiều năm. Khi bạn có thể làm được điều đó, bạn sẽ gặt hái được vinh quang – cái khuôn bị tan vỡ. Việc nhận thức về sự nhẫn nại của bạn đem lại cú đánh cuối cùng để làm vỡ tan nó, và nó không bao giờ có thể tác động đến bạn lần nữa, trừ phi bạn quay lưng lại với mục tiêu, mà điều đó có vẻ không thể xảy ra.

Kinh nghiệm này quý giá đối với một việc khác nữa; đó là chỉ khi nào bạn đã trải qua được điều đó thì bạn mới có thể giúp đỡ cho người đang nhượng bộ nó. Bạn không thể giúp bất cứ người nào nếu bạn không ở trên người đó, và bạn không thể nâng một người nào lên nếu bạn không hiểu được những gì mà người này đang cảm nhận. Có một giai đoạn mà bản thân bạn bị dục vọng nắm giữ; lúc bấy giờ bạn không thể giúp được cho những người khác đang ở cùng cảnh ngộ khó khăn như bạn. Về sau, bạn mới thoát ra được. Bạn xua tan dục vọng, và đạt đến một trình độ mà bạn không thể hiểu được tại sao người khác lại rơi vào sự cảm dỗ, không hiểu được các cảm nghĩ của y thì bạn không thể giúp được y; bạn có thể vạch ra cái sai trái của y, nhưng bạn không thể mang lại sự trợ giúp tinh thần cho y. Bạn không thể tuân đổ sức mạnh vào cho y bởi vì bạn ở bên ngoài y, và khi bạn không cảm thông với y, bạn cảm thấy một cú sốc vì

kinh tởm. Khi bạn cảm thấy sự kinh tởm đó thì bạn trở thành vô dụng. Bạn không bao giờ có thể giúp đỡ bất cứ người nào làm bạn ghê tởm; tốt hơn hết là để cho y một mình khi bạn có cảm giác đó. Bạn phải có thể cảm thông với một người thì bạn mới có thể giúp y được.

Cho dù bạn có thể cảm thông với một người, bạn cũng không thể giúp được y nếu y tạo nên một bức tường quanh y; trong trường hợp như thế tốt hơn là bỏ lo y trong một thời gian, vì sự trợ giúp được đem lại từ bên ngoài thì không hữu ích. 239 Bạn có thể phải bỏ qua việc cố gắng trợ giúp một người trên cõi trần, nhưng bạn không cần ngưng làm việc đó từ bên trong. Để giúp được từ bên trong thì cần nhiều can đảm hơn là làm việc đó từ bên ngoài. Thật là phần khởi nhiều hơn khi đưa ra lời khuyên và chỉ bảo bên ngoài; nhưng lại làm thỏa mãn phạm ngã nhiều hơn nữa khi đem lại sự trợ giúp bên trong và không được nhìn thấy.

Thêm nữa, nếu bạn có thể giúp một người nào, thì đừng ngoảnh mặt đi khi nghe một người khác nói rằng người đó không đáng giúp, cũng đừng do ý kiến riêng của người này mà bạn không giúp y. Đôi khi bà H.P.Blavatsky bị chính các môn đệ ⁽¹⁾ của bà kết tội. Họ nói những điều nghiêm khắc về bà, nhưng bà vẫn tử tế và vững vàng, bà không xa lánh họ, mà tiếp tục giúp họ từ bên trong, để cho họ nghĩ ra sao mặc họ. Bằng cách giúp từ bên trong, chúng ta làm mòn đi sự đối kháng. Khi nào bạn cảm thấy có sự đối kháng hay có sự bất thiện cảm với người khác, có thể ngay cả với thầy của chính bạn, như bạn đôi khi như thế, có thể bạn

¹ Thuật ngữ “pupil” ở đây được dịch là “môn đệ” mà không được dịch là “đệ tử” là vì bà H.P.B. chưa là Chân Sư nên chưa được quyền thu nhận đệ tử. (ND)

phiền trách họ. Lúc đó bạn cảm thấy hình như là có một bức tường, bạn nghĩ đó là bức tường của họ, nhưng sau đó bạn nhận ra rằng bức tường là một ảo tưởng – một vật mà chính bạn đã tạo ra trên cõi trí. Khi tiến đến giai đoạn này, chúng ta đã tạo ra hết bức tường này đến bức tường khác, và chịu đau khổ bởi sự tồn tại của các bức tường như thế, cho đến khi chúng ta phá đổ được hết chúng.

Còn một giai đoạn cao hơn nữa và thật khó giải thích. Có những người tạo được một liên kết giữa các Đấng Cao Cả với đa số nhân loại. Như trường hợp Đức Jesus, các vị này cảm nhận được các đau khổ của nhân loại và các cám dỗ của chúng tuy các Ngài vô nhiễm. Đó là giai đoạn mà con người có được thể tình cảm hoàn toàn tinh khiết; mọi chất vô dụng (dead matter) đều đã bị tổng ra khỏi thể đó, chỉ có năng lực để phản chiếu các hình ảnh được giữ lại. Con người không thể phạm tội nữa.

Giả sử không có những người như thế thì sẽ không có liên kết giữa nhân loại với các Đấng Cao Cả. Các Ngài duy trì một mối liên kết, và trong sự tinh khiết hoàn hảo của các Ngài, các Ngài cảm nhận được trong chính các Ngài các đau khổ của những kẻ khác. Giai đoạn này đến ngay trước giai đoạn của Chân Sư. Đó là giai đoạn cuối cùng của vị La Hán. Một Chân Sư không thể đau khổ, tâm thức của Ngài trở nên rất hoàn hảo; Ngài có thể hình dung ra các kinh nghiệm đã qua mà không đau khổ. Đối với Ngài, kinh nghiệm là một hình ảnh hoàn toàn không chứa đau khổ. Nhưng trong tình trạng tiến hóa của giai đoạn trước đó, mặc dầu con người không thể phạm tội và phạm ngã vẫn trong sạch, tuy nhiên nó vẫn truyền chuyển một cảm giác đau khổ.

Trong các kinh sách công truyền, giai đoạn này đôi khi bị nhầm lẫn với giai đoạn của các Chân Sư và một cảm nhận đau khổ bị gán cho các Ngài. Chính trong giai đoạn trước đó mới có đau khổ, khi đó những người ở giai đoạn quả vị La Hán đang chia sẻ công việc của Chân Sư, mà không mất đi tính dễ xúc cảm với sự đau khổ. Chân Sư vượt quá mọi đau khổ. Các vị La Hán góp phần vào việc xây dựng “bức tường bảo vệ” nhưng các vị xây tường đó với đau khổ. Người ta hay có xu hướng áp dụng vào Chân Sư những gì chỉ đúng với các đệ tử cao cấp, các đệ tử này vẫn còn ở vào giai đoạn mà tội lỗi được chuyển hóa, mặc dầu năng lực chịu đau khổ vẫn còn lại.

Ở trình độ thấp, có thể chúng ta thông cảm với các bạn bè, cho đến khi chúng ta mất hết mọi ý thức dị biệt, và chúng ta phải đau khổ nếu chúng ta cảm thông sâu sắc như thế. Trước khi ahamkra ⁽¹⁾ được chuyển hóa, thì thiện cảm và đau khổ vẫn phải đi liền với nhau. Nếu chúng ta ra khỏi giai đoạn này quá sớm, chúng ta sẽ mất năng lực thông cảm; đó
 241 là một trong các cám dỗ trên Thánh Đạo. Các Đấng Cao Cả rơi trở lại ngay khi các Ngài đã đạt đến giai đoạn cuối cùng này, bởi vì nếu các Ngài hoàn toàn mất hết đau khổ, các Ngài sẽ mất sự đồng cảm, và nếu lòng thiện cảm không hoàn hảo thì bức tường chia rẽ không sụp đổ.

¹ Ahamkra (hay ahankra): Ý niệm về Cái Ngã, Ngã thức (self-consciousness or Self-identity), cái Ngã, nguyên khí ích kỷ và hão huyền (egoistical and myvic principle) trong con người, do sự vô minh của chúng ta, nó tách cái Ta của chúng ta ra khỏi Đại Ngã Vũ Trụ Duy Nhất (Universal One-Self), cá tính, tính ích kỷ.

(*Theosophical Glossary*, 1971, H.P.B.)

Nhưng đừng lên án kẻ đang ngã kia; hãy giang tay nắm lấy người hành hương anh em mà đôi chân còn vướng nặng trong bùn. Hỡi đệ tử, hãy nhớ rằng mặc dù hố sâu ngăn cách giữa người đức hạnh với kẻ tội lỗi tuy lớn, nhưng hố này còn lớn hơn nữa giữa người đức hạnh với kẻ đã hiểu biết; nó trở thành không thể lường được giữa người đức hạnh với người ở ngưỡng thiêng liêng. Thế nên con hãy cảnh giác vì e rằng con vội tưởng chính con là một người tách biệt với quần chúng.

A. Besant.- Ở đây chúng ta được dạy rằng không nên kết án kẻ đầu hàng cảm dỗ. Khi bạn đã qua được giai đoạn thử thách, thì không còn sợ rằng bạn sẽ lên án bất cứ ai khác. Khi qua được các cảm dỗ, và bạn nghĩ đến thời gian mà bạn còn cảm thấy chúng, thì bạn sẽ không lên án người chịu thua cảm dỗ.

Sự khác nhau giữa người đức hạnh và kẻ tội lỗi tương đối nhỏ: cả hai đều đang tranh đấu trong các giai đoạn đầu, và khi được nhìn từ hai phía thì sự dị biệt không đáng kể. Nhưng khi một người đã hiểu biết và đã thấy được ý nghĩa của đức hạnh và tội xấu, thì y đã tiến được một bước dài. Khi y thấy được đức hạnh và tội xấu chỉ là cặp đối hợp (pair of opposites), thì y đã siêu việt sự hiểu biết. Y đang đứng ở ngưỡng thiêng liêng, và sự dị biệt không thể lường được. Ở đây chúng ta có sự cảnh báo rằng nếu chúng ta vội tưởng rằng chúng ta tách rời khỏi quần chúng, thì chúng ta sẽ gặp cái cảm dỗ là khinh thường những người ở dưới chúng ta, kể đó chúng ta sẽ vấp ngã. Một người đã đạt đến thiên tính (divinity) sẽ không xem một ai là thấp kém cả; người ấy sẽ

cảm thông với mọi người, và đồng nhất với người thấp kém nhất.

Khi con đã tìm ra lối vào nẻo đạo, thì ngôi sao của linh hồn con sẽ hiển lộ ánh sáng của nó; và nhờ ánh sáng đó, con sẽ nhận thấy bóng tối mà ánh sáng đang cháy trong đó thật là lớn lao. Tâm trí và não bộ của con đều tối tăm mù mịt cho đến khi con thắng được trận chiến lớn đầu tiên. Con chó có kinh hãi, khủng khiếp trước cảnh tượng đó; hãy chăm chú nhìn vào điểm sáng nhỏ đó, rồi nó sẽ lớn dần. Nhưng hãy để bóng tối bên trong đó giúp cho con hiểu được sự vô vọng của người không thấy được ánh sáng, những kẻ mà linh hồn còn ở trong bóng tối mờ mịt lung lay đặc.

A. Besant.- Khi chúng ta nhìn lên cõi Atma và sùng bái ánh sáng nội tâm, chúng ta sẽ thấy ánh sáng này khi nó trở nên mạnh hơn. Khi lần đầu tiên thấy được ánh sáng đó, bạn có một sự tiếp xúc tâm thức mà nhờ đó bạn thấy được bóng tối mà ánh sáng đang cháy trong đó; sự tương phản chỉ cho bạn thấy rõ điều đó. Chính lúc đó bóng tối bên trong sẽ giúp cho bạn hiểu được sự vô vọng của những ai không thấy được ánh sáng. Chính vì vậy mà họ mới cần đến tình thương thực sự. Không cần phải đau khổ cho những người nào sau khi họ biết được có ánh sáng đó. Cần có lòng trắc ẩn đối với những người không biết rằng họ đang ở trong bóng tối, mà chỉ đắm chìm trong các sự vật tầm thường, tuy thế lại tưởng mình là khôn ngoan. Tình trạng u tối của họ trầm trọng đến nỗi họ thực sự không biết cái gì gây cho họ nhiều đau khổ như thế.

Họ là những người mà các Đấng Cao Cả gửi đến cho họ tình thương.

Những ai cho dù chỉ thấy được một ít ánh sáng là đang tạo được tiến bộ trong các sự việc mà nhiều người trên thế giới chưa có được một cái nhìn thoáng qua. Một khi ánh sáng này được nhìn thấy, thì loại lòng trắc ẩn này không còn cần đến nữa. Nếu người ta thấy một người như thế đang đau khổ, thì người ta nhận thấy rằng người ấy đang phá vỡ được bức tường một cách nhanh chóng, và đó là điều hữu ích cho y vì y có thể làm được điều đó.

C.W. Leadbeater.- Khi chúng ta bắt đầu có hiểu biết về sự tồn tại của linh hồn, chúng ta nhận thức được một sự thật lớn lao mà đa số con người không biết gì cả. Đa số con người – thậm chí những người được gọi là mộ đạo – cũng không chắc chắn về sự hiện hữu của linh hồn. Đa số những người này đang sống hoàn toàn theo quan điểm của thế gian này. Họ có thể giữ một tin tưởng về mặt lý thuyết vào sự bất tử của linh hồn, nhưng các sự việc của thế gian vẫn quan trọng hơn đối với họ và các kiếp sống của họ chỉ tương đối có ít trường hợp được dắt dẫn bằng niềm tin này.

Muốn cho “ngôi sao của linh hồn” có thể tự hiển lộ, trước hết chúng ta phải tin chắc có sự hiện hữu của linh hồn, chúng ta phải biết linh hồn như là ở trong chính chúng ta. Khi chúng ta đặt các tình cảm của chúng ta vào các sự việc bên trên, khi chúng ta biết được một vài chân lý trong chính chúng ta và không gì có thể làm lay chuyển thực tại về chúng đối với chúng ta, thì ngôi sao đang bắt đầu hiển lộ ánh sáng của nó – tức là có một hình ảnh yếu ớt của nó. Nhờ tia sáng nhỏ bé đó, chúng ta thấy chúng ta đã và vẫn còn trong sự vô

minh dày đặc biết là chừng nào; đó là cảm giác đầu tiên mà chúng ta nhận được khi chúng ta có thêm một ít hiểu biết.

244 “Trận chiến lớn đầu tiên” là trận chiến với các giác quan. Trong trận chiến kiên quyết của mình chống lại các giác quan, con người tự dần trận chống với bản chất thấp của mình và đã khắc phục được chúng. Khi tia sáng xuất hiện, chúng ta mới thấy con đường thật là tối tăm, mọi hành động của chúng ta và ngay cả các tình cảm của chúng ta đã không có sự chỉ đạo để làm cho chúng thành hiện thực ra sao. Ánh sáng nhỏ bé làm cho mọi vật dường như sai lầm một cách vô vọng, nó làm cho chúng ta cảm thấy thiếu sự giúp đỡ, nhưng chúng ta đừng nên khiếp sợ trước cảnh đó.

Đừng lên án họ. Đừng né tránh họ, mà hãy cố gắng nâng nghiệp quả nặng nề của thế gian lên một chút; con hãy trợ giúp một số ít bàn tay mạnh mẽ đang chặn lại các mãnh lực của bóng tối không để cho chúng hoàn toàn thắng thế.

C.W. Leadbeater.- Chúng ta phải thận trọng để không hiểu sai đoạn này. Một số ít bàn tay mạnh mẽ là các vị trong Thánh Đoàn (Great White Brotherhood). Cuộc tranh đấu không phải là chống lại ma quỷ (devil) theo cách nói của Cơ Đốc giáo, chúng ta cũng không được nghĩ những người hắc đạo là kẻ nắm giữ các mãnh lực hắc ám. Chính sức mạnh áp đảo của vật chất được nói đến ở đây mới là các mãnh lực của bóng tối. Sự trợ giúp của chúng ta trong cố gắng khắc phục chúng rất cần thiết và được trù định sẵn – đó là một phần của thiên cơ.

Hiện nay, chỉ có một ít bàn tay mạnh mẽ đang trợ giúp, bởi vì nhân loại chúng ta cho đến nay chỉ có rất ít các Chân Sư. Đức Thượng Đế đã đặt kế hoạch của Ngài dựa trên ý tưởng rằng ngay khi có một số người hiểu được Thiên Cơ, họ sẽ hợp tác vào Thiên Cơ đó. Điều đó được minh chứng bằng sự kiện sau: tới giữa căn chủng thứ tư, thật ra, hơi vượt quá thời điểm đó một tí, tất cả các chức vụ quan trọng liên quan đến Cơ tiến hóa của thế giới đều do các Đấng không thuộc nhân loại chúng ta nắm giữ. Một số vị đến với chúng ta từ Kim Tinh, một số khác đến từ Nguyệt Cầu. Các Đấng này đều là các vị Adepts vĩ đại, đã thực sự giải thoát, các Ngài có thể rời các lãnh vực thấp, hoàn toàn đi vào các lãnh vực cao.

245

Nhưng sau điểm giữa của cuộc tiến hóa, bản thân chúng ta được kỳ vọng có các Huấn Sư của riêng chúng ta, và Phật Gautama là Đấng đầu tiên trong các vị này. Có dự kiến rõ ràng là chúng ta không những chỉ cung ứng các Chức Sắc rất cao cấp, như là Đức Phật và Đức Christ, mà còn có dự kiến rằng tất cả chúng ta, ở trình độ thấp hơn rất nhiều của chúng ta, cũng sẽ hợp tác một cách sáng suốt, và cố gắng thúc đẩy cơ tiến hóa đến mức tối đa theo khả năng chúng ta.

Bấy giờ con hãy quyết tâm gia nhập vào một nhóm đồng đạo lạc quan vốn thực sự mang đến công việc cực nhọc ghê gớm và buồn thảm vô ngần, nhưng cũng mang đến một niềm vui lớn lao luôn tăng trưởng.

A. Besant.- Câu này hàm ý là chúng ta đã giao tiếp được với các Đấng có đời sống toàn phúc, nhưng vẫn còn có nỗi buồn đi cùng với kinh nghiệm đó, bởi vì chúng ta cảm thấy bóng tối vẫn còn bao phủ con người. Các bạn buồn cho người

khác, bởi vì các bạn chưa ở vào trình độ mà khi bạn thấy đau khổ thì sẽ nói: “Vâng, điều đó tốt thôi”. Ở trình độ này sẽ có một cảm giác tế nhị về niềm vui và đau khổ vốn không có được trong cõi thấp; bạn cảm thấy nhạy bén hơn cho đến khi ánh sáng trở nên hoàn toàn trong trẻo bởi vì ánh sáng làm lộ rõ bóng tối. Tuy nhiên, một niềm vui lớn ngày một tăng sẽ đến, nhờ việc nhận ra thiên luật. Ngoài ra, không một sinh linh nào là không hạnh phúc trong những nơi sâu thẳm căn bản của tâm thức y, bởi vì tất cả đều là các thành phần của sự sống thiêng liêng, vốn chính là hạnh phúc. Khi đệ tử ngày càng tiến bộ thì chắc chắn đệ tử sẽ tiếp xúc với các nơi sâu thẳm này, cho đến khi sau cùng y hiểu được cách dùng các lời của Kinh *Gita*, rằng y đang đau khổ cho những người vốn không bị đau khổ, rằng bậc hiền giả không đau khổ cho kẻ sống, cũng không đau khổ cho người chết. Tại sao lại phải đau khổ cho một người mà về căn bản người đó đang hạnh phúc?

Vị đệ tử gia nhập vào một nhóm đồng đạo lạc quan (partnership of joy) nhưng chính tình trạng đồng đạo này đưa tới công việc vất vả và nỗi buồn vô cùng, bởi vì y dao động từ tình trạng này qua tình trạng khác. Y phải tập cảm nhận niềm vui bên trong, và tuy vậy không mất đi việc tiếp xúc với các nguyên khí thấp của những người khác, mà trong đó sự đau khổ của họ được cảm nhận ⁽¹⁾. Y cũng phải cảm nhận được điều đó, nhưng không được để bị nó áp đảo. Thánh Đạo vốn hẹp như lưỡi dao cạo, nhưng chúng ta phải giữ thẳng bằng hoàn hảo trên đó, trong khi các cặp đối hợp tác động lên chúng ta. Một nhiệm vụ quan trọng của Chân

¹ *Nguyên khí* (principle) là các phương thức mà sự sống biểu lộ (modes of manifesting life). (Trích *Minh Triết Ngàn Xưa*, tr 89, A.B)

Sư là duy trì sự thăng bằng cho chúng ta. Người đệ tử sẽ thường hay dao động từ bên này sang bên kia. Khi sự âm ảm xảy đến, thì vị Guru sẽ gửi cho y ký ức về nhóm đồng đạo lạc quan; khi đệ tử có khuynh hướng mất đi sự tiếp xúc với phiền não của thế gian, thì sự nhắc nhở về phiền não sẽ đến.

Trong một thời gian dài, đệ tử lệ thuộc vào các dao động này. Chúng ta sẽ không đạt đến sự hoàn thiện nếu chúng ta không trải nghiệm các sự việc khác nhau một cách riêng rẽ, trước khi chúng ta đạt đến sự quân bình. Chính kinh nghiệm của nhân loại là chúng ta phải học một bài học ở một thời điểm, để cho chúng ta có thể dồn hết chú ý vào đó. Vị đệ tử đang đi trên Thánh Đạo bị ném từ phía này sang phía khác, cho đến khi y học được cách giữ thăng bằng. Đôi khi, một bóng tối âm ảm hoàn toàn không có lý do chợt đến và đệ tử thấy chính mình chìm sâu vào bóng tối. Y không tìm ra lý do nào về việc đó; y chỉ biết rằng nó ở đó – một bóng tối mà y không thể giữ bỏ. Nếu y đã học được bài học một cách 247 nghiêm túc, y sẽ chấp nhận điều đó một cách bình thản và nhẫn nại, và sẽ không cố trốn tránh nó. Lúc bấy giờ y sẽ học sự thông cảm và nhẫn nại, và các bài học khác vốn chỉ có thể học trong bóng tối chứ không phải trong ánh sáng. Được chấp nhận với tinh thần đó thì giai đoạn của bóng tối không còn là một việc không dễ chịu nữa, vì mọi lo lắng và phiền toái không còn nữa. Chúng ta sẽ nhận lãnh các bài học và học mà không đau khổ. Con người không đau khổ quá nhiều do bóng tối cũng như do hình ảnh. Giống như một đứa trẻ sợ bóng tối, chúng ta làm đầy bóng tối của linh hồn bằng các bóng ma khủng khiếp. Bóng tối chỉ đơn giản là bóng tối và không là gì khác, nó không chứa điều gì khác hơn là các bài

học mà nó phải dạy cho chúng ta, và mọi ma quái vào đúng lúc sẽ biến mất. Bóng tối không bao giờ có thể tiêu diệt chúng ta; trước tiên nó làm chúng ta tê liệt vì sợ hãi, nhưng sau rốt chúng ta học được các bài học của nó.

Ở cuộc điểm đạo cuối cùng, cuộc điểm đạo của Chân Sư, Atma được nhìn thấy như là một ánh sáng trong treo, một ngôi sao, và khi nó trải rộng ra, vào lúc sụp đổ cuối cùng của bức tường, nó trở thành ánh sáng vô tận. Trước lúc đó, vị La Hán có thể cảm nhận được sự bình an của Atma nằm bên dưới khi đang ở trong trạng thái tham thiền, nhưng người luôn luôn trở lại với nỗi buồn phiền. Nhưng khi một người lên đến cõi Niết Bàn trong tâm thức đầy đủ, và tâm thức Bồ Đề hòa nhập vào trong đó, thì chỉ có một ánh sáng được nhìn thấy. Điều này được diễn tả một cách văn vẻ trong *Tiếng Nói Vô Thinh* như sau: “Cả Ba ngự trong sự vinh quang và sự toàn phúc khôn tả, giờ đây trong cõi Hảo Huyền, tên của chúng đã mất. Chúng đã trở thành một ngôi sao duy nhất, ngọn lửa cháy nhưng không thiêu đốt, lửa đó vốn là vận cụ (Upadhi) của linh hỏa (flame)”.

248

Trong khi con người còn ở trong thể nguyên nhân, y thấy Ba Ngôi Thiên Liêng (the Sacred Three) tách biệt nhau, nhưng giờ đây y thấy Cả Ba là ba trạng thái của Atma tam phân. Buddhi và Manas vốn là “song sinh trên một tuyến” (“twins upon a line”) trong tâm thức Bồ Đề của giai đoạn trước, giờ đây hợp nhất với Atma, ngôi sao đó cháy sáng bên trên đầu, ngọn lửa đó là vận cụ của ngọn lửa Chân Thần. Lúc bấy giờ vị Huấn Sư nói: “Hồi đệ tử, đâu là biệt ngã của con, đâu là chính đệ tử? Đó là tia lửa mất đi trong ngọn lửa, giọt nước mất đi trong đại dương, nhưng tia sáng hằng có trở thành Tổng Thể (the All) và Ánh Sáng Rực Rỡ vĩnh cửu (the

eternal Radiance). Giờ đây đệ tử trở thành Chân Sư. Ngài ngự ở trung tâm và Atma tam phân tỏa chiếu từ Ngài.

C.W. Leadbeater.- Bạn gia nhập vào nhóm đồng đạo lạc quan, nhưng nhóm đó cũng đem lại công việc vất vả vô cùng và buồn tẻ vô cùng, đó là lời chú giải của Đức Thầy. Mọi điều đó là đúng, nhưng điều cũng đúng là niềm vui bao giờ cũng tăng lên làm đối trọng (counterbalances) với nỗi buồn.

Theo sự giả định, đạo sinh nào đã phát triển các quan năng của mình đầy đủ, thì trở thành người đồng cảm; y phải trải qua một giai đoạn u buồn và hầu như thất vọng, vì y chứng kiến biết bao phiền não và đau khổ. Vì con người còn chậm tiến hóa và chưa biết lý luận, hiển nhiên là có nhiều đau khổ và phiền não, nóng giận, oán thù, ganh tỵ, tham lam, cũng như các đức tính cao siêu, cho nên các rung động khó chịu của nhân loại chiếm ưu thế. Điều này tự hiển lộ trong cõi cảm dục, cho nên bất cứ người nào phát triển đầy đủ thể cảm dục, cùng lúc đó trở nên biết được cái phiền não và bất hòa của thể gian – biết được chỉ một cách mơ hồ, nhưng bao giờ cũng hiện hữu với người đó như là một gánh nặng đè lên y. Luôn luôn có những trường hợp phiền não và đau khổ trong thể tình cảm của cá nhân xảy ra trong người lân cận của y cũng tạo sức ép một cách mạnh mẽ lên y. Thêm nữa bất cứ tai ương nào có liên quan đến nhiều phiền não cho một số lớn người, cũng tạo ảnh hưởng một cách rõ ràng vào bầu khí cõi cảm dục của thể gian.

Đạo sinh phải tập làm sao hứng chịu điều này mà không bị nó đè nặng, và việc đó chiếm một thời gian đáng kể. Y dần dần học được cách nhìn một cách sâu sắc hơn, và theo thời gian qua y bắt đầu thấy rằng mọi phiền toái (trouble) này đều cần thiết theo các hoàn cảnh mà chính con

người đã tạo ra. Đau khổ xảy đến là một điều cần thiết là vì sự quá lo là và tính lòng lẻo của con người. Nếu con người hơi cẩn thận hơn một ít, thì một phần lớn đau khổ có thể tránh khỏi dễ dàng. Tôi có đề cập đến ở trước, cái đau khổ thực sự xảy đến cho chúng ta do nghiệp quả từ các kiếp trước có lẽ chỉ một phần mười của đau khổ đến với chúng ta, còn chín phần mười kia là kết quả của thái độ sai trái của chính chúng ta tại cõi trần này và hiện nay, tức trong kiếp sống này. Theo ý nghĩa này, có một số lớn điều hoàn toàn không cần phải chịu đau khổ. Nhưng mặt trái của vấn đề là khi con người khẳng khẳng giữ lấy thái độ sai trái, khi suy tư và hành động một cách thiếu sáng suốt dưới thiên luật vĩnh cửu, thì đau khổ tất phải xảy đến cho họ; theo một lối gián tiếp, điều đó rõ ràng là hữu ích, bởi vì nó đem lại cho họ ý thức về sự thiếu khôn ngoan của chính họ. Điều đáng tiếc là họ cần rất nhiều sự nhắc nhở vì lẽ họ không thể ngay lập tức hiểu được lời khuyên/ gợi ý (hint) và thay đổi thái độ của họ – rất nhiều đau khổ có thể được cứu vãn nếu có thể.

Đối với tất cả chúng ta, những người đã từng nghiên cứu vấn đề, thì điều này có vẻ rất dễ thấy. Do đó, tôi nuôi hy vọng và tôi nghĩ là một hy vọng có cơ sở vững chắc, đó là nỗi thống khổ của thế gian sẽ giảm thiểu rất nhanh chóng ngay khi quan điểm về lương tri (common-sense view) của các sự vật được một thiểu số khá lớn con người chấp nhận. Họ sẽ đi đến chỗ nhận ra rằng họ đang tạo ra khó khăn cho chính họ và theo thời gian, họ sẽ kiềm chế tất cả những gì bất hảo, thuần túy theo quan điểm của lương tri. Các Hội viên của Hội Minh Triết Thiêng Liêng phải nêu ra trước thế gian một tấm gương về thái độ Minh Triết Thiêng Liêng đối với đời sống, nhưng có nhiều Hội viên, mặc dầu họ có biết các chân

lý này, cũng thấy khó mà đưa vào thực hành. Đó chỉ là lẽ đương nhiên, nhưng cùng lúc đó người ta cũng cảm thấy rằng, nhiều Hội viên có thể tiếp nhận các ý tưởng mới mau lẹ hơn chút ít và chắc chắn rằng các sự việc thuộc loại này nhất định là loan truyền ra theo một loại tỉ lệ nào đó. Một người nào đó có thể đưa ra một quan điểm và tạo ra một ấn tượng nho nhỏ; mười người có thể làm cho ấn tượng đó nhiều hơn mười lần, một trăm người có thể làm cho nhiều hơn một trăm lần cái ấn tượng mà một người có thể tạo ra, trừ phi người này trở thành một siêu tài hiếm có. Hội chúng ta có khoảng ba mươi ngàn Hội viên; tôi nghĩ nếu tất cả Hội viên đều thực sự chọn quan điểm triết lý cao siêu này của đời sống, và nếu nhờ đó mà hiển nhiên tránh được một số lớn đau khổ, họ sẽ tạo thành một tấm gương nổi bật tuyệt diệu. Theo cách đó chúng ta có thể trợ giúp một số lớn người mà cho đến nay họ không biết tí gì về khía cạnh cao của các sự vật.

251 Khi chúng ta bắt đầu thấy những gì được làm là luôn luôn đẹp nhất – đẹp nhất theo các hoàn cảnh của mỗi người – thì cái phiền não của chúng ta không còn giống như trước đây nữa. Chúng ta cũng có thiện cảm đối với kẻ khác, nhưng chúng ta không còn bị nỗi đau khổ đè nặng nữa. Chúng ta cảm thông với họ nhưng không chia sẻ cảm giác của họ. Các Chân Sư cảm thông sâu sắc với người đang đau khổ, tuy nhiên chúng ta không thể nói rằng chính các Ngài chia sẻ nỗi đau khổ đó, bởi vì các Ngài có được sự sáng suốt.

Như tôi có nói trước đây, một Chân Sư không bao giờ buồn, không bao giờ chán nản. Tuy nhiên, theo tôi đôi khi dường như ngay cả các Ngài cũng có thể thất vọng với con người. Tôi không biết rằng tôi có nói quá nhiều chẳng,

nhưng tôi biết điều này, đó là các Ngài rất nỗ lực đôi khi để mang lại một vài kết quả, và tuy vậy, do sự thất bại của các vận cụ của các Ngài, mà các kết quả này không được mỹ mãn. Tôi không biết ngay từ lúc đầu, các Ngài có thấy trước là các nỗ lực này sẽ thất bại hay không. Tôi không thể biết nhưng cảm thấy rằng trong nhiều trường hợp các Ngài có biết nhưng các Ngài vẫn hành động một cách chính xác như thể các Ngài mong đợi các nỗ lực này được thành công vậy. Thí dụ nhiều công việc được làm trước khi trận đại chiến xảy ra với cố gắng để tránh chiến tranh. Nỗ lực đó thất bại, nhưng dù cho các Chân Sư khởi xướng việc đó biết ngay từ lúc đầu rằng việc đó sẽ có kết quả hay không, tôi không biết; các Ngài đã làm việc đó như thể các Ngài mong nó sẽ thành công.

Trong nhiều trường hợp, bà Blavatsky cố gắng hiến cho con người nhiều cơ hội theo cách tương tự. Đôi khi bà đưa ra mọi nỗ lực để thuyết phục họ để nắm lấy cơ hội, ngay cả khi bà biết ngay từ lúc đầu rằng họ sẽ không làm như thế. Tôi nhớ rõ một trường hợp có một người đến để chất vấn bà. Theo tôi thấy, rõ ràng họ có vẻ không thích hợp cho bất cứ hiểu biết nào hoặc công việc nào liên quan đến Minh Triết Thiêng Liêng cả, vì họ không có được một chút tâm trạng nào để khoa Minh Triết Thiêng Liêng sẽ được hữu ích cho họ. Bà vẫn tiếp chuyện với các khách lạ tình cờ này, và thân mật nói với họ những điều mà bà hy vọng làm được trong Hội. Họ cười có vẻ khinh thị, họ có vẻ không xứng đáng chút nào với sự tin cậy đó, và khi họ đi rồi, bà Bá Tước Wachtmeister nói: “Thưa bà, tại sao bà nói tất cả những điều này với họ. Có phần chắc họ không phải là hạng người sẽ làm được việc gì hữu ích. Họ sẽ chỉ ra đi, rồi nhếch mép cười

thế thôi, có lẽ họ còn làm hại chúng ta là khác”. Bà Blavatsky đáp: “Bạn mến, một nhân quả nào đó đã đưa họ đến với tôi, tôi phải cho họ cơ hội và làm tất cả những gì tôi có thể làm được cho họ”. Bà nghĩ rằng hãy trao cho họ ít nhiều sự tin tưởng của bà, với cách đó bà đem lại cho họ một cơ hội (để tiếp xúc với Minh Triết Thiêng Liêng – ND). Tôi không thể biết, nhưng bà biết, đó là về mặt bên trong, họ gần đến chỗ chấp nhận điều đó như thế nào, còn ở mặt ngoài, thái độ của họ là thái độ cười nhạo thông thường. Chúng tôi không bao giờ nghe nói điều gì về họ nữa, nhưng họ đã có được cơ hội may mắn. Một nhân quả đã qua nào đó rõ ràng đã ban cho họ quyền có được cơ may này, và mặc dầu cơ may đó không mang lại ý nghĩa gì đối với họ lúc đó, có thể nó giúp ích cho họ một ít lâu sau đó khi một cơ may khác như thế đến với họ.

Trong dịp này, bà Blavatsky thực hiện một cách rất đầy đủ ý tưởng không phiến trách những người còn vô minh. Bà biết rằng họ càng tự mãn thì họ càng đáng được thương hại. Thật là vô ích mà đi phiến trách người nào về thói quen của họ, vì đó là trình độ tiến hóa của họ, họ chỉ tiến tới mức đó thôi. Nếu người đó rơi xuống dưới mức trung bình, thì chúng ta có thể nói một cách tử tốn: “Bạn nên biết, điều đó là sai lầm; bạn đừng nên làm điều đó nữa”, và như vậy có thể giúp được y không tái phạm. Nhưng trình độ mà một người lộ ra, cho thấy mức tiến hóa của y, tuy thế nếu y chậm tiến hóa, thì có lợi gì khi phiến trách y. Thật là điên rồ khi đi trách một đứa bé năm tuổi bởi vì nó chưa đến mười tuổi.

Lại nữa, chính những người thường biểu lộ những đặc tính khó chịu nhất cũng có tiềm tàng trong họ các tính chất cao quý, và đôi khi các tính chất này bùng phát khi gặp

trường hợp cấp bách. Như tôi có giải thích trước đây, có những người mà cuộc sống hằng ngày chắc chắn là ở mức rất thấp, tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp nào đó họ biểu lộ tính vị tha đến nỗi có thể hy sinh cuộc đời họ vì người bạn. Con người luôn luôn có Thượng Đế nội tâm và đôi khi Thượng Đế đó biểu lộ ra ngoài lúc mà chúng ta ít mong đợi nhất. Bởi vì Ngài luôn có mặt, chúng ta có thể luôn luôn kêu gọi đến Ngài. Chúng ta không thể luôn luôn đạt tới Ngài, bởi vì Ngài ở tận chốn thâm sâu, nhưng trong hầu hết trường hợp chúng ta có thể thoáng thấy được Ngài theo một cách nào đó.

Chúng ta được dạy rằng cảnh khổ não của thế gian cũng đem lại công việc vất vả vô cùng; một khi chúng kiến được đại khối con người còn ở tình trạng chậm tiến và khổ đau, chúng ta không thể ngăn được việc làm mọi cách để thay đổi tình thế. Không có điều gì khác để làm nữa. Chúng ta không bao giờ có thể trở lại cõi đời và không quan tâm đến cuộc sống đầy khổ đau và phiền não khi mà chúng ta thực sự cảm thấy có nó. Tuy nhiên, đằng sau công việc khó nhọc này là một niềm vui lớn và bao giờ cũng tăng bội lên. Điều này phát xuất từ việc nhận thức được thiên luật; chúng ta thấy được ý nghĩa của nỗi đau khổ và cái tốt lành từ đó mà ra. 254 Hãy ghi nhớ các lời này: “Con gia nhập vào nhóm đồng đạo lạc quan”. Đó là cái mỹ lệ thực sự của cuộc sống siêu linh này. Chúng ta nhập vào tình trạng đồng đạo với những con người cao cả hơn. Chúng ta cảm nhận rằng chính chúng ta đang làm việc cho các Ngài và với các Ngài và đó là niềm vui to tát đến nỗi nó nâng đỡ chúng ta qua công việc mà nếu trong trường hợp khác, chúng ta có thể cảm thấy là không thể xúc tiến được.

—((()))—

CHƯƠNG 11

Qui Tắc 21

21.- Hãy tìm kiếm đóa hoa nở trong cảnh tĩnh lặng sau cơn giông bão mà trước đó không có được.

Cây sẽ lớn lên, đâm chồi, mọc nhánh, ra lá và kết nụ, trong khi cơn giông bão vẫn tiếp diễn, trong khi trận chiến vẫn kéo dài. Nhưng chỉ đến khi toàn thể phàm ngã của con người tan rã và biến mất – chỉ đến khi phàm ngã, được tạo ra bởi mảnh thiêng liêng, được mảnh thiêng liêng đó coi như là chủ thể duy nhất dành cho thí nghiệm và kinh nghiệm quan trọng, chỉ đến khi toàn bộ phàm ngã đã đầu hàng và qui phục Chân Ngã, thì hoa mới có thể nở ra. Lúc đó một sự an tĩnh sẽ đến giống như cái an tĩnh sau cơn mưa nặng hạt miền nhiệt đới, khi thiên nhiên tác động nhanh đến nỗi người ta có thể thấy được ảnh hưởng của nó. Một sự an tĩnh như thế sẽ đến với tâm hồn kiệt sức. Và trong sự tĩnh mịch sâu xa, biến cố huyền diệu sẽ xảy đến, biến cố đó sẽ chứng thực thánh đạo đã được tìm thấy. Hãy gọi nó bằng tên nào mà con muốn, đó là tiếng nói cất lên ở nơi không có tiếng nói – đó là một sứ giả giáng lâm, một sứ giả không có hình sắc; hay đó là đóa hoa của Linh hồn đã khai mở. Điều đó không thể mô tả được bằng bất cứ phép ẩn dụ nào. Nhưng nó có thể được cảm nhận sau khi được

tìm kiếm và mong ước, ngay cả giữa cơn cuồng nộ của trận cuồng phong.

C.W. Leadbeater.- Hoa nở tượng trưng cho sự phát triển, sự khai mở của linh hồn. Đặc điểm tệ hại nhất của phiền não và đau khổ ở cõi trần là cảm giác người ta không được giúp đỡ. Người ta lao mình vào mọi loại đấu tranh, và trong nhiều trường hợp họ nghĩ rằng sự thất bại đã được định trước. Họ sẽ nói: “Tôi có nghe nói một số người tiến bộ nhanh chóng, nhưng tôi không có cơ may đó”. Họ không có hy vọng về việc đó vì họ không biết. Chúng ta không bao giờ lại có thể có cảm giác đó một khi linh hồn đã tự khai mở, bởi vì chúng ta biết. Chúng ta sẽ vẫn có các cuộc tranh đấu, các phiền toái, cùng các khó khăn, nhưng chúng ta biết chắc chắn rằng với tư cách là linh hồn, chúng ta không thể thất bại.

Như câu kinh đã nói, chính trong cảnh tĩnh mịch và yên lặng mà linh hồn mới tăng trưởng. Người ta bảo với tôi, và tôi nghĩ rằng họ thường nhấn mạnh quá đáng rằng linh hồn tăng trưởng nhờ đau khổ. Phát biểu như thế thì không hoàn toàn chính xác. Chính là do phạm lỗi và biết sửa chữa lỗi lầm mà linh hồn mới học được cách tăng trưởng, còn đau khổ lúc nào cũng đến như là hậu quả của lỗi lầm. Nhưng, như tôi có giải thích trước đây, sự tăng trưởng không xảy ra trong lúc đau khổ, mà mãi về sau mới xảy ra. Một bệnh nhân có thể phục hồi rất nhiều sau cuộc giải phẫu, nhưng sự cải thiện sức khỏe không xảy ra trong khi cuộc giải phẫu đang được thực hiện. Cũng thế, trong khi bệnh nhân đang ở trong các cơn đau dữ dội với đủ loại khó khăn ghê gớm, thì họ nhất định là không thể nào phát triển được, mà chỉ bằng cách đáp ứng

với các khó khăn này, họ mới có thể học được cách phát triển sau khi đã vượt qua được chúng.

Chính trong cảnh yên lặng sau cơn giông bão, đóa hoa mới phát triển được. Có thể là nhiều cây phát triển được sức mạnh trong chính chúng bằng cách chịu đựng cơn bão, nhưng sự tăng trưởng chỉ có thể đến khi sự vui dập của cơn bão đã trôi qua. Chúng ta phải vượt qua cơn hỗn loạn của cuộc chiến trước khi chúng ta giành được phần thưởng lớn của chiến thắng, tức là sự phát triển của linh hồn, sự phát triển này mang theo với nó sự an tĩnh vững chắc mà không gì lại có thể làm lay chuyển.

Có thể nói toàn thể thế gian đang đòi hỏi sự xác tín về các sự việc cao siêu. Con người khát khao chân lý đến nỗi bất cứ một kẻ dối trá nào tự nhận là có được tri thức trực tiếp thì đảm bảo ngay lập tức có người tin theo. Bất cứ vị thầy nào nghiêm chỉnh đều luôn luôn lôi cuốn được nhiều người chung quanh mình, bởi vì các tôn giáo trên thế gian đã thất bại một cách thảm hại khi không đưa ra được một giải thích nào thực sự thỏa đáng. Nhược điểm của hầu hết giáo huấn của tôn giáo liên quan tới mọi chủ đề là ở chỗ tôn giáo không giải thích gì cả. Tôn giáo chỉ đưa ra quy luật – quy luật hoàn toàn tốt đẹp – như là “Người không được sát sinh”, chớ không giải thích tí mảy may tại sao tất cả mọi điều này là sai trái. Thí dụ như về sự nóng giận và tư tưởng xấu, không ai dạy về cái sai trái được xảy ra theo cách đó chừng nào mà việc đó không tự hiển lộ thành lời nói hoặc hành động. Tuy nhiên Đức Christ có nói rõ ràng về vấn đề đó. Với giới răn thứ bảy, Ngài đưa ra tuyên ngôn mạnh mẽ rằng người đàn ông nào nhìn vào người đàn bà một cách bất chính thì đã phạm tội trong tâm rồi, nhưng không có ghi nhận nào về bất cứ cách

258 giải thích nào của Ngài được đưa ra về cách mà hình tư tưởng tác động, điều này sẽ làm cho giáo huấn của Ngài về điểm đó dễ hiểu hơn nhiều.

Bước đầu tiên để có được sự chắc chắn trực tiếp về Chân Lý thiêng liêng hay chân lý siêu nhiên thực ra là – bước đầu tiên trong mọi tiến bộ huyền linh – việc chế ngự phạm ngã. Khi chúng ta đạt được điều đó thì sự an bình đến ngay lập tức, và lúc đó chúng ta sẽ thấy chúng ta được sống ở giữa bầu không khí an bình mà chúng ta không biết điều đó; bởi vì chính chúng ta đã tạo ra một trận bão nhỏ chung quanh chúng ta, đối với chúng ta sự an bình không có, cho dù một số người lân cận chúng ta có thể lúc nào cũng sống trong đó. Khi năng lực này của linh hồn, tức là sự chắc chắn này, được đạt tới, thì không có gì còn giống như vậy nữa, bởi vì lúc đó chúng ta không còn có thể có ý thức nào về sự vô vọng nữa. Những gì mà chúng ta chỉ tin có thể đánh bại chúng ta ở thời điểm có tính cách quyết định, bởi vì căn bản của đức tin là làm thỏa mãn một người ở một lúc nào đó, lại không luôn luôn làm thỏa mãn được người đó vào lúc khác, có lẽ khi y ở dưới sự căng thẳng cực độ. Còn sự xác tín này thì luôn luôn làm thỏa mãn. Một khi chúng ta đã thấy và đã biết tự nơi chính chúng ta, cho dù cái thấy và biết đó có thể rời xa chúng ta và chúng ta có thể không còn bám víu vào chúng nó được nữa, luôn luôn chúng ta có thể nói: “Tôi đã thấy; tôi đã biết; ngay bây giờ tôi không thể thấy hoặc biết, nhưng tôi đã từng thấy, tôi đã từng biết”, và điều xác tín này đưa chúng ta qua được một thời kỳ khó khăn.

Thực ra, khi chúng ta đã có được kinh nghiệm trực tiếp này thì chúng ta rất khó mà hình dung lại chính chúng ta trong tình huống trước kia của chúng ta. Nó thay đổi toàn bộ

thái độ chúng ta đối với mọi sự việc trong cõi đời. Các sự
 259 kiện dường như rất quan trọng trước kia, được thấy kém ý
 nghĩa đi nhiều; giờ đây chúng ta biết được chân lý vĩ đại bên
 trong của sự sống, chân lý này mới thực sự là quan trọng,
 còn sự sống bên ngoài thì không quan trọng, nó có vị trí
 riêng của nó. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng đa số người
 mà chúng ta gặp gỡ vẫn còn ở vào trình độ trước khi chúng
 ta đã mở rộng tâm thức này, nên đôi khi có chút ít khó khăn
 là đừng để thiếu thông cảm với họ, bởi vì họ đang đuổi theo
 ảo ảnh. Chúng ta đừng quên rằng mãi đến hôm qua đây
 chúng ta hãy còn làm giống như họ.

Sự yên lặng có thể kéo dài trong khoảnh khắc hoặc có
 thể kéo dài hàng nghìn năm. Nhưng nó sẽ chấm dứt. Tuy
 nhiên con sẽ đem được sức mạnh của nó theo với con. Biết
 bao lần con phải chiến đấu và phải chiến thắng. Thiên nhiên
 chỉ có thể tĩnh lặng trong một khoảnh khắc.

Thời điểm thực tế có sự khai mở hoàn toàn có thể xảy
 ra ở bất cứ giai đoạn nào của cuộc đời hoạt động của con
 người; nghĩa là, khi đến thời điểm linh hồn khai mở thì nó có
 thể khai mở dù cho nó có thể xác hay không vào lúc đó.

Trên cõi trần, cái tịch lặng chỉ kéo dài một khoảnh khắc
 hay là chỉ trong một thời gian rất ngắn, nhưng nó có thể kéo
 dài hàng nhiều ngàn năm nếu con người ở tại cõi trời
 (heaven-world). Vào một lúc nào đó, sự tĩnh lặng sẽ đến với
 tất cả mọi người, và một khi có được nó rồi, thì nó không bao
 giờ có thể bị mất đi. Tuy nhiên thiên nhiên chỉ có thể được
 tĩnh lặng chỉ trong một lúc, bởi vì sự tiến hóa tiếp diễn không
 ngừng, và đứng yên là không tiến hóa. Người ta cho rằng,
 trong huyền học không một ai đứng yên cả, con người luôn
 luôn hoặc là thoái lui, hoặc là tiến tới. Tôi không biết liệu có

thực như thế hay không, nhưng điều hoàn toàn chắc chắn là nếu một người không tiến tới thì y nên tự xét lại mình và cố tìm xem tại sao như vậy. Phải có sự tiến bộ đều đặn và liên tục.

Giờ đây chúng ta xem xét chú thích của Chân Sư Hilarion về qui tắc 21.

Hoa nở là thời điểm huy hoàng khi năng lực tri giác thức tỉnh, đến cùng với nó là sự tự tin, sự hiểu biết, sự xác tín. Điểm lặng (pause) của Linh hồn là thời điểm kỳ diệu, và thời điểm hài mãn tiếp đến – đó là sự tịch lặng.

Hoa nở là một tiến trình dần dần. Dù khi cái nụ vẫn còn khép chặt, nó vẫn đang phồng lên từ từ dưới ảnh hưởng của nắng và mưa, và nhiều tác nhân khác tác động vào nó. Việc bung ra thực sự của nụ tương đối bất ngờ, nhưng sự tăng trưởng thì liên tục. Sự tăng trưởng đã và đang diễn ra trước đó; nó sẽ tiếp tục về sau. Hãy xét một sự tương đồng khác: sự tăng trưởng của gà con đã và đang xảy ra bên trong quả trứng trước đó, và nó tiếp tục sau này, khi quả trứng vỡ ra. Có một điểm đặc biệt khi vỏ trứng vỡ ra, đối với chúng ta, đó là thời điểm gây ấn tượng mạnh, mặc dầu nó thực sự chỉ là một phần của một sự phát triển liên tục. Sự tăng trưởng của linh hồn cũng thế.

Đoạn này cũng đề cập đến một giai đoạn đặc biệt trong cuộc đời của đệ tử. Nó mô tả các cảm nghĩ của con người khi chân lý vĩ đại đầu tiên của cuộc Điểm Đạo được diễn giải cho y. Con người thường nghĩ rằng các sự việc sẽ được giảng dạy ở cuộc Điểm Đạo thì nhiều và đa dạng. Tôi không vi phạm
261 lời hứa khi nói rằng các chân lý lớn không được dạy ra cùng

lúc. Ở mỗi giai đoạn một sự kiện đơn độc được truyền đạt – một sự kiện làm thay đổi bộ mặt của địa cầu đối với con người, theo cùng một cách như sự hiểu biết về luân hồi và karma đã làm thay đổi cuộc đời của chúng ta vậy. Người ta cho rằng khi có một sự kiện mới được đưa ra trước y, thì Vị Đạo Đồ cần quen dần với nó và chứng minh nó. Không phải như thế. Vào lúc mà con người có được chân lý, y lập tức nhận ra chân lý là đúng; y không cần chứng minh. Kể đó là thời điểm kỳ diệu; y kinh ngạc trước sự mỹ lệ và hoàn hảo của chân lý. Chỉ sau này y mới thấy rằng không phải chỉ có bấy nhiêu. Tâm nhìn về sau của y càng mở rộng, nhưng đó là lúc nó trở nên hoàn hảo. Y cũng lấy làm lạ rằng những điều hiển nhiên như thế mà trước đây y đã không để ý. Rồi đến thời điểm thỏa nguyện, đó là sự tịch lặng (silence).

Hỡi đệ tử, con nên biết rằng, những ai đã trải qua sự tịch lặng, đã cảm nhận được sự an bình của nó và giữ được sức mạnh của nó, những kẻ ấy đều mong cho con cũng sẽ trải qua trạng thái đó.

Chắc chắn họ đều mong như vậy, bởi vì những người đã khai mở được các quan năng của linh hồn, đều biết được toàn bộ hệ thống tiến hóa và thấy cả hệ thống đó đang hoạt động trước mắt họ, và bởi vì họ thấy được nó, nên họ mong mỗi mọi người cũng sẽ thấy được hệ thống đó. Họ nhận thức được rằng cái phần của thiên cơ đó là phần mà tất cả chúng ta nên trợ giúp. Vì đó, họ mong muốn rằng, mỗi người, ngay khi có thể được nên được giúp cho thấy bốn phần của y là giúp đỡ, đó là công việc thực sự của thế gian. Tất cả chúng ta đều có công việc phụ thuộc phải làm. Chúng ta đều có vai

trò phải đóng trên sân khấu của cõi trần, và chúng ta phải đóng vai trò đó càng hữu hiệu, càng cao thượng theo khả năng chúng ta. Vai trò gì thì không quan trọng, điều quan trọng là chúng ta nên đóng cho hoàn hảo. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng, đằng sau đó là sự sống-linh hồn thực sự, và đó là cái có tầm quan trọng to tát nhất.

Chúng ta sống trong một bầu không khí mà phương tiện được chọn vì cứu cánh. Hầu hết nền giáo dục của chúng ta được xây dựng dựa vào kế hoạch đó. Thí dụ con người được dạy về hình học và toán học, nhưng không bao giờ được chỉ cho thấy rằng những môn học này dẫn đến sự hiểu biết cách thức mà vị đại Kiến Trúc Sư (tức Thượng Đế - ND) đã kiến tạo nên vũ trụ của Ngài. Chừng nào mà chúng ta còn xem các môn học đó như là các cứu cánh trong chính chúng, thì chúng không dắt dẫn đến nơi nào cụ thể cả. Nhưng nếu chúng ta nghiên cứu tường tận các môn học này như cổ nhân, tức là những người khám phá ra chúng, đã làm, chúng ta sẽ thấy chúng có công dụng rất lớn. Nhà toán học Pythagoras ⁽¹⁾ đã giảng dạy về giá trị các con số và về hình học, nhưng Ngài dạy nó cho các physikoi, tức là những người đang học các bí nhiệm của sự sống. Họ học hỏi các điều đó để hiểu sự sống thấu đáo hơn, và chính từ quan điểm đó mà chúng ta nên nghiên cứu mọi sự việc, chớ không nên chỉ giải những bài toán về vật chất và thương mại mà thôi.

Do đó, khi vị đệ tử có khả năng tiến vào trong Phòng Học tập, thì đệ tử sẽ luôn luôn tìm thấy Chân Sư của mình ở đó.

¹ Tiền thân của Đức Thầy K.H. (ND).

Có một sự hiểu sai rất nhiều về “Phòng Học Tập” (“the Hall of Learning”). Các từ ngữ này cũng được dùng trong *Tiếng Nói Vô Thinh*. Ba phòng được đề cập ở đó có thể hiểu theo nhiều cách, như tôi đã giải thích.

263 Bà Mabel Collins, người chép lại quyển *Ánh Sáng Trên Thánh Đạo*, cho rằng Phòng Học Tập, theo thật sát nghĩa là một tòa nhà có thật. Bà nói đã có dịp dùng thể cảm dục đi vào tòa nhà này và thấy được một số các châm ngôn được viết bằng chữ vàng trên tường tại nơi đó. Có thể bà hoàn toàn hữu lý khi nói thế. Kinh nghiệm này có thể thuộc về phương pháp đặc biệt mà bà được giảng dạy, và các vị dạy bà có thể có một đền thờ như thế. Tôi không rõ có đúng như vậy hay không; tôi chỉ có thể nói rằng tôi không bao giờ thấy phòng đó. Nhưng điều rất hiển nhiên là nhiều điều trong những gì được nói đến ở đây về phòng học tập rõ ràng là có liên quan đến cõi tình cảm, nơi mà người tìm đạo lần đầu tiên học đa số các bài học của họ. Tuy nhiên ít người mở được thể tình cảm đầy đủ; hầu hết vẫn còn đang học cách dùng thể đó, do đó một số lớn công việc được làm ở cõi đó. Con người cũng dần khai mở thể hạ trí, nhưng chưa đủ khả năng để dùng thể đó như một vận cụ ngay cả sau khi chết. Bất cứ người nào phát triển được các quan năng của hạ trí và có thể thấy được người chết, sẽ thấy những người chết này mỗi người đều bị giam trong một cái vỏ của chính tư tưởng của mình, với một vài đường thông thương mở ra từ lớp vỏ đó – nhưng chỉ một ít và chỉ ở một mức độ rất giới hạn. Người chết sống trong lớp vỏ đó, chớ không sống trong cõi trí (mental world) một chút nào. Điều đó giải thích tại sao y được hoàn toàn hạnh phúc với các ý tưởng rất giới hạn của mình. Chắc chắn rằng năng lực hưởng được phúc lạc của y

sẽ lớn hơn nhiều nếu y có được trọn cõi hạ trí cho y sử dụng và phát triển được các quan năng giúp cho y hoạt động đầy đủ trên cõi đó. Trong khi đó, y vẫn ở giữa tất cả, nhưng vì các hạn chế của y, nên y chỉ có thể tiếp xúc với một số lượng nhỏ những gì mà y có thể đạt được theo cách khác.

264 Ít người đã phát triển thể hạ trí đến một mức để cho thể đó có thể được dùng như một hiện thể (vehicle). Các đệ tử của các Chân Sư đang trong tiến trình học hỏi để di chuyển trong thể hạ trí của họ và tạo thành cái được gọi là mayavirupa⁽¹⁾ khi họ muốn làm việc trên cõi cảm dục. Người nào đã học được cách làm này rồi, thì y để lại thể cảm dục và thể xác nằm ở trên giường, và khi y muốn làm việc trên cõi cảm dục, y tạo ra một thể cảm dục tạm thời cho mục đích đó và để cho nó tan rã trở lại ngay khi nhu cầu về nó đã xong. Trước tiên Chân Sư dạy cho đệ tử cách thức làm việc đó, và sau đó, đệ tử có thể tự mình làm lấy, như tôi có giải thích trong *Chân Sư và Thánh Đạo* (chương IX).

Việc bảo đảm rằng đệ tử sẽ gặp Thầy của y trong phòng học tập, dường như mâu thuẫn trực tiếp với chỉ dẫn được đưa ra trong *Tiếng Nói Vô Thình* “Đừng tìm kiếm Đức Thầy của người trong các cõi ảo đó”. Cả hai đoạn văn này có thể dung hòa hoàn toàn nếu người ta hiểu mỗi đoạn có ý nghĩa gì. Ý nghĩa ở đây là trong cõi cảm dục, con người sẽ luôn luôn tìm thấy một vị nào đó đại diện cho Chân Sư. Bản thân Chân Sư sẽ giao tiếp với đệ tử chỉ vào những trường hợp đặc biệt, còn đệ tử sẽ hoạt động trên cõi cảm dục thường thường dưới sự hướng dẫn của một trong các đệ tử lớn của Chân Sư.

¹ Mayavirupa: huyền thể (thể ảo, không có thật, illusive form).

(*The Theosophical Glossary*, H.P. Blavatsky, 1971)

Phát biểu trong *Tiếng Nói Vô Thinh* chỉ là một cảnh báo cho chúng ta đừng chấp nhận bất cứ một nhân vật tình cờ nào ở cõi cảm dục như là vị hướng dẫn, mà không biết chính xác người đó là ai, vì có nhiều thực thể ở cõi cảm dục thuộc nhiều loại khác nhau, họ sẵn sàng theo cách được tán dương nhất là tự nhận mình là các vị thầy, và chỉ ít thì họ không bị cản trở bởi sự thật rằng họ thường hiểu biết kém hơn rất nhiều so với những người mà họ dự định dạy dỗ.

Ai cầu sẽ được. Nhưng dù cho kẻ thường nhân cầu mãi, tiếng của y cũng không được nghe thấy. Vì lẽ y chỉ cầu với thể trí; và tiếng nói của thể trí chỉ được nghe thấy trên cõi mà thể trí tác động được. Do đó, chỉ khi nào qua hết hai mươi một qui tắc đầu, ta mới nói rằng ai cầu sẽ được.

Câu đầu của đoạn trên gợi nhớ một câu rất giống trong Phúc Âm, trong đó Đức Christ nói: “Hãy cầu sẽ được; hãy tìm sẽ thấy; hãy gõ cửa, cửa sẽ mở” (S. Matthew 7, 7). Thường thường người ta xem đoạn này hàm ý rằng các lời cầu nguyện của họ sẽ được đáp ứng, và nếu họ gõ cửa thiên đàng thì cửa đó sẽ mở ra cho họ. Họ tưởng nghĩ một cách mơ hồ rằng nếu họ cố đạt đến sự cứu giúp, thì sự cứu giúp đó sẽ được ban cho họ. Thực ra đoạn này có một quan điểm cao hơn, và hoàn toàn rõ ràng là đề cập đến đến chân lý và sự phát triển về huyền linh học. Nó không áp dụng cho người thường, mà áp dụng cho đệ tử, tức là kẻ đã đạt được lần Điểm Đạo thứ nhất khi trải qua hai mươi một qui tắc đầu.

Người chỉ cầu xin bằng thể trí, đang nỗ lực đạt được kiến thức huyền linh học, cố gắng chăm chú vào các bí ẩn của sự sống và thiên nhiên, chỉ bằng các năng lực trí tuệ, và

Đức Thầy nói rất rõ rằng điều đó chưa đủ. Người đó sẽ nhận được sự đáp ứng, nhưng chỉ ở mức độ mà thể trí có thể tác động đến được. Nghĩa là y sẽ chỉ có được một ý niệm trí tuệ về một vài vấn đề. Tuy nhiên, đó là một điều rất tốt rồi, và đừng nên coi thường chút nào. Kẻ nào đang nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng sẽ có được một hiểu biết trí tuệ vững vàng về giáo lý của nó, kẻ đó đã làm một việc hữu ích. Lúc đó y chấp nhận nó là đúng, bởi vì nó làm thỏa mãn các đòi hỏi về trí tuệ của y. Đó là một kết quả có giá trị, nhưng đó không phải là tri thức thực sự, nó không giống chút nào với sự xác tín tuyệt đối xuất phát từ tri thức có được trên cõi trực giác, nhà huyền linh học nghĩ rằng chỉ có tri thức đó mới đánh dấu sự tiến bộ quan trọng thực sự.

Người ta không thể có một trí tuệ quá sắc sảo; chúng ta có thể xem đó như là điều dĩ nhiên. Điều cần làm là chúng ta nên cố gắng gia tăng tri thức của chúng ta, phát triển trí tuệ chúng ta bằng cách làm một điều gì rõ rệt, bởi vì như tôi đã giải thích trước đây, không một tiến bộ quan trọng nào có thể được tạo ra trước khi có sự phát triển thể trí cũng như thể tình cảm. Trong một số trường hợp, người có sự hiểu biết trí tuệ về hệ thống Minh Triết Thiêng Liêng, có thể rơi vào một nguy cơ lớn là đề cao trí tuệ của mình quá lỗ. Y có thể trở thành hay chỉ trích, cảm thấy rằng y có thể hoạch định vũ trụ tốt hơn cách nó được sắp xếp hiện giờ. Người nào làm như thế là đang vận dụng một cách hoàn toàn sai trái trí năng của mình và sẽ làm hại chính mình. Sẽ tốt cho y hơn nếu y có thể có được một phát triển nào đó theo đường lối cảm xúc sâu sắc và nhạy bén hơn. Nhưng nếu cùng với việc phát triển trí tuệ, con người có thể giữ được khiêm tốn, nếu, trong khi y có thể hiểu được càng nhiều về thái dương hệ, tuy nhiên y có

thể, cả bề trong lẫn bề ngoài, giữ không ngồi phán xét về việc
 267 đó, thì bấy giờ sự phát triển của y chỉ sẽ đem lại kết quả tốt
 đẹp thôi.

Chúng ta luôn luôn được dạy rằng phải noi theo lương tâm của chúng ta. Các mệnh lệnh của lương tâm đến từ bên trên và thường thường tiêu biểu cho sự hiểu biết của Chân Ngã (ego) đối với vấn đề. Nhưng cho đến nay, chính Chân Ngã chỉ phát triển có một phần. Sự hiểu biết của Chân Ngã về bất cứ đề tài đã cho nào có thể còn rất nhỏ, hoặc ngay cả thiếu chính xác nữa, và Chân Ngã có thể lý giải chỉ từ sự hiểu biết trước kia. Vì lẽ đó, lương tâm của con người thường dẫn dắt sai lầm con người. Đôi khi xảy ra chuyện một Chân Ngã còn non trẻ, chỉ hiểu biết ít ỏi, tuy nhiên lại có thể tạo ấn tượng bằng ý chí của mình lên trên phạm ngã. Theo thông thường, Chân Ngã chưa phát triển thì cũng không phát triển được năng lực tạo ấn tượng của chính mình lên các hiện thể thấp của mình và có lẽ điều đó cũng hợp lý. Tuy nhiên, đôi khi một Chân Ngã thiếu phát triển về tính khoan dung và thiếu kiến thức rộng, lại có thể có một ý chí đủ mạnh để tạo ấn tượng lên bộ óc vật chất bằng các mệnh lệnh, các mệnh lệnh này sẽ chứng tỏ rằng đó là Chân Ngã còn rất trẻ trung và thiếu hiểu biết.

Chúng ta không thể chỉ tuân theo lương tâm chúng ta mà thôi, tuy nhiên chắc chắn chúng ta có thể cố gắng kiểm soát và thẩm tra nó bằng một vài sự kiện rõ ràng mà không một người nào có thể tranh cãi. Đó có thể là các Quan Tòa Dị Giáo (Inquisitors) đôi lúc đang hành động theo mệnh lệnh của lương tâm họ, nhưng nếu họ đã so sánh các quy tắc khái quát quan trọng dạy rằng họ nên yêu thương lẫn nhau, mà Đấng được cho là lãnh đạo của họ, là Đức Christ, đã dạy cho

họ, với lương tâm lại ra lệnh những việc giết người, tra tấn và thiêu đốt, thì họ sẽ hoãn lại và nói: “Rõ ràng là có điều gì
 268 đó sai lầm. Ít nhất chúng ta hãy bàn bạc trước khi chúng ta tuân theo bản năng của mình trong vấn đề đặc biệt này”. Họ sẽ hoàn toàn chính đáng khi bàn bạc như thế, để kiểm tra lương tâm đó bằng các qui tắc tổng quát xuất phát từ Đấng mà chính họ đã nhận biết là cao cả hơn chính họ vô cùng. Họ đã không nghĩ đến điều đó, vì thế mà biết bao điều tệ hại đã xảy ra cho thế gian. Trong trường hợp như thế, rất ít người sẽ tạm dừng và xem xét lại việc đó, tuy nhiên, người ta có thể dễ dàng thấy rằng đó là điều an toàn duy nhất phải làm.

Thế nên, chúng ta phải vận dụng trí tuệ của ta cách nào để cho nó trở thành một khí cụ của Chân Nhân và sẽ không trở thành một chướng ngại trên con đường phát triển của chân nhân. Do đó khi lương tâm dường như ra lệnh cho chúng ta điều gì đó rõ ràng là trái ngược với đại luật về bác ái, chân lý và công bằng, tốt hơn là chúng ta sẽ suy nghĩ cẩn thận xem liệu qui tắc chung không phải là một điều quan trọng hơn so với việc áp dụng đặc biệt này vốn có vẻ như mâu thuẫn với đại luật đó.

Ngay cả trước khi chúng ta có bất kỳ tâm thức rõ rệt nào trên cõi thực giác (cõi Bồ Đề – ND), chúng ta thường nhận được các phản ảnh (reflections) từ cõi đó. Đôi khi các thực giác đến trong đời sống hằng ngày của chúng ta, và mặc dầu đa số các ấn tượng này từ Chân Ngã vốn thực sự đến từ cõi nguyên nhân hơn là từ cõi Bồ Đề, đôi khi chúng ta cũng nhận được một tia chớp của tri thức đích thực của tinh thần, vốn không thể tự biểu hiện trên bất cứ cảnh giới nào thấp hơn là cõi Bồ Đề. Các tia chớp vô giá này đem đến cho chúng ta một tri thức mà chúng ta cảm nhận được là tuyệt đối chính

xác, mặc dù trong nhiều trường hợp, chúng ta không thể trưng ra bất cứ lý lẽ trí tuệ nào về việc đó.

Chúng ta đứng khi cảm thấy tin về điều đó, nếu việc đó là trực giác thực sự. Cái khó khăn đối với hầu hết chúng ta ở các giai đoạn ban đầu là ở chỗ chúng ta không thể luôn luôn phân biệt giữa trực giác với sự thôi thúc. Bà Besant có đưa ra một hoặc hai qui luật để phân biệt việc đó. Bà nói: Nếu bạn có thời gian để chờ đợi và xem xét, thì hãy để vấn đề lại ít lâu – hất gác đến ngày mai, như nhiều người thường nói. Nếu đó chỉ là một sự thúc đẩy thì có khả năng là nó sẽ tan đi mất; nếu nó là trực giác thực sự, thì nó vẫn mạnh như trước. Thêm nữa, trực giác luôn luôn được liên kết với một điều vị tha. Nếu có một chút nào ích kỷ lộ ra trong xung lực nào đó đến từ một cõi cao, thì bạn có thể chắc chắn rằng đó chỉ là một xung lực ở cõi cảm dục, chứ không phải đó là một trực giác thực sự của cõi Bồ Đề.

Cả các thôi thúc cõi cảm dục, lẫn các trực giác từ cõi trên đều đi vào phần dĩ thái của bộ óc xác thân từ cõi cảm dục, nhưng trực giác thường có khởi nguồn hoặc là từ thể thượng trí, hoặc là thể Bồ Đề, tùy từng trường hợp. Vì cả hai đều từ cõi cao đi xuống, nên thường khó phân biệt giữa chúng với nhau. Chúng ta sẽ chỉ phân biệt một cách không thể sai lầm ở giai đoạn sau này, bởi vì lúc đó chúng ta sẽ có tâm thức được mở ra trên cao hơn cõi cảm dục, và sẽ biết chắc chắn các thôi thúc này nổi lên trong thể cảm dục hay là đến từ một cõi cao hơn. Hiện tại đa số con người đều không có được lợi thế này, và tất nhiên họ phải luyện tập khả năng phán đoán tốt nhất của họ với thể trí mà họ đã thành công trong việc phát triển nó.

Khi hai mươi mốt qui tắc được trải qua, và vị đệ tử ở cuộc Điểm Đạo tiếp nhận một ít tâm thức Bồ Đề, thì tri thức về nhất nguyên hiện ra cho y như là một sự kiện tâm linh vĩ đại. Sau kinh nghiệm đó, có một sự dị biệt giữa đệ tử và thường nhân, tức là kẻ chỉ hỏi với thể trí của y mà thôi. Người ta thường nói rằng nhất nguyên (unity) là đặc điểm của cõi Bồ Đề. Có lẽ điều này cần được giải thích thêm một chút. Người ta có thể hiểu biết một điều gì đó gần như đầy đủ trong thể nguyên nhân của mình – biết được bản chất (essence) của sự vật, bởi vì, trong khi tác động qua thể nguyên nhân, Chân Ngã tưởng nghĩ bằng các tư tưởng trừu tượng. Chân Ngã không cần xuống đến các thí dụ, vì các ý tưởng của Chân Ngã xuyên qua tâm của vấn đề. Tuy thật là kỳ diệu, nhưng tất cả vẫn được làm từ bên ngoài.

Đặc điểm quan trọng của cõi Bồ Đề là ở chỗ hoạt động của cõi đó được thực hiện từ bên trong. Nếu chúng ta muốn cảm thông với một người, hiểu y một cách đầy đủ để giúp đỡ y, và chúng ta đang hoạt động trong thể nguyên nhân, thì nói một cách ẩn dụ, chúng ta chuyển ánh sáng vào thể nguyên nhân của y và nghiên cứu tất cả các đặc tính của y. Chúng rất rõ ràng và dễ thấy, nhưng chúng luôn luôn được nhìn thấy từ bên ngoài. Nếu chúng ta muốn có cùng một hiểu biết đó, trong khi có được năng lực ở cõi Bồ Đề, chúng ta chỉ cần nâng tâm thức của chúng ta lên cõi Bồ Đề, ở đó chúng ta thấy tâm thức của người kia như là một phần của chính chúng ta. Chúng ta tìm thấy một điểm của tâm thức ở đó, nó tiêu biểu cho người này – chúng ta có thể gọi đó là một lỗ hổng (hole) đúng hơn là một điểm. Chúng ta có thể tuôn đổ chính tâm thức của chúng ta xuống lỗ hổng đó và thâm nhập vào tâm thức của người này ở bất cứ cảnh giới

thấp nào mà chúng ta muốn, do đó chúng ta có thể thấy mọi sự việc một cách chính xác như là người này thấy vậy – dường như là từ bên trong người này, thay vì nhìn y từ bên ngoài. Người ta sẽ dễ dàng hiểu phương pháp đó cung cấp sự hiểu biết và đồng cảm hoàn hảo nhiều hơn như thế nào.

Khi chúng ta có được cái nhìn bao quát hơn mà sự hiểu biết như thế mang lại, và đã trở nên hợp nhất với mọi thực thể khác nhau này và mọi vấn đề khác nhau của chúng, chúng ta đang nghiên cứu chúng từ bên trong thay vì từ bên ngoài, chúng ta có thể thấy được phương hướng mà chúng ta nên dốc hết sức lực vào. Đó là một lợi ích khác và rất lớn lao – đó là chúng ta biết làm cách nào để tiếp cận với các vấn đề ở cõi trần này. Tôi không muốn nói rằng một người có cái nhìn thoáng qua về sự hợp nhất đó, sẽ không còn lầm lạc trên các cõi thấp nữa; nhưng y sẽ không tạo ra các lỗi lầm như thế nếu y có thể nâng tâm thức của y lên đến cõi đó, nhìn sự vật theo quan điểm đó, kể đó đem ký ức rõ ràng vào bộ óc xác thịt và tác động lên đó. Y không thể luôn luôn có thì giờ để đi suốt tiến trình đó, hoặc là y có thể không nghĩ đến chuyện làm như vậy vào lúc đó. Do đó, đôi khi y cũng tạo sai lầm như bao người khác, nhưng chắc chắn y sẽ có được lợi ích rất lớn khi có được năng lực đó, không những vì cái hiểu biết lớn lao mà nó mang lại cho y vào lúc đó, mà còn vì cái tầm nhìn rộng rãi đó giúp cho y thấy được các mãnh lực của y có thể được sử dụng tốt nhất để tạo ra các kết quả đáng mong muốn.

Đọc, theo nghĩa huyền bí, là đọc bằng con mắt tâm linh.

Hỏi là cảm thấy khao khát ở nội tâm – thiết tha với nguyện vọng tâm linh. Có khả năng đọc nghĩa là đã có năng lực ở một mức độ nhỏ để làm thỏa mãn nỗi khát khao đó.

Thiết tha với nguyện vọng tâm linh không phải là chỉ ham muốn hiểu biết, mà chúng ta có thể có sự liên kết với thể nguyên nhân. Đúng hơn nó thuộc về biểu lộ cao của cõi Bồ Đề, và chỉ có ở cõi này nó mới có thể được thỏa mãn hoàn toàn. Như tôi có giải thích, những gì xảy ra trong hiện thể Bồ Đề, nếu được đưa xuống phàm ngã, sẽ được phản chiếu lại trong thể tình cảm. Vì thế người ta thường nhầm sự tuôn tràn tình cảm vốn thuộc về cõi tình cảm, với nguyện vọng tâm linh đích thực.

Những ai đã có nghiên cứu huyền linh học không nên lầm lộn như thế, trừ những kẻ sơ cơ mới thường hay phạm lỗi này. Chúng ta rất thường thấy những thí dụ thuộc loại đó trong các buổi hội họp đánh thức đức tin tôn giáo (religious revivalist meetings), khi những người hoàn toàn không có giáo dục và kém phát triển lâm vào tình trạng xuất thần cao độ vào lúc nghe được bài thuyết giảng của một người nào đó đang tràn ngập xúc cảm mạnh mẽ của chính y, và do đó có thể khơi dậy xúc cảm đó trong thính giả của mình. Một số nhà thuyết giáo có bản chất xúc cảm mạnh vào thời cổ đã thực sự có quyền năng đó rất mạnh. Vào lúc này tôi không nói rằng họ không hoàn thành được nhiều điều hữu ích; chắc chắn là họ có làm được, nhưng hầu hết công việc của họ, theo sự thú nhận của họ, lại là những gì mà chúng ta nên gọi là thuộc về cõi tình cảm – nó được nhắm vào các cảm xúc của con người.

Chắc chắn là có nhiều người mà nơi họ đạo tâm cao siêu có thể được khơi hoạt bằng cách tác động từ bên dưới, nhưng họ lại rất hiếm và họ cũng ít được tìm thấy trong số các hạng người kém văn hóa. Đây không phải là một quan điểm hẹp hòi hoặc thiếu khoan dung, bởi vì các tình trạng của các kết quả đều do karma sinh ra; nếu một người được sinh ra trong một tầng lớp xã hội mà y bị kém văn hóa và kém giáo dục, đó là vì y xứng đáng ra đời trong hoàn cảnh đó, do đó có xác suất cao y là linh hồn trẻ trung hơn là linh
 273 hồn của người được sinh ra với các lợi thế nhiều hơn. Đó không phải là trường hợp không thể thay đổi, bởi vì có nhiều ngoại lệ và trường hợp đặc biệt, nhưng nói chung, điều đó vẫn đúng. Thế nên khi các nhà truyền bá phúc âm như Moody và Sankey hướng sự chú ý nhất của chính họ vào những người kém giáo dục, thì nói chung, người ta hy vọng họ sẽ chỉ khơi dậy các xúc cảm của những người đó mà thôi, và không chắc chắn rằng các kết quả sẽ được trường cửu hay không. Nếu ấn tượng được tạo ra đủ mạnh, ký ức về việc đó sẽ tồn tại ngay cả khi xúc cảm đã hết, còn người được gọi là “được cứu rỗi” (“saved”) có thể vẫn ở vào tâm trạng mới và được đề cao hơn.

Các biến động lớn lao về tình cảm này đôi khi cũng có ích, nhưng trong nhiều trường hợp chúng có hại. Ngược lại với trường hợp những người nhờ đó mà bỏ được vĩnh viễn cuộc sống không tốt lành của họ, chúng ta phải kể đến những trường hợp khác trong đó xảy ra cái hại lớn lao, thí dụ, con người nói chung, bị đẩy ra khỏi sự quân bình trí tuệ của họ, trở nên kém thông minh hay ngay cả mất trí nặng. Những trường hợp mà các kết quả có lợi kéo dài thì không xảy ra thường lắm; đại đa số trường hợp bị ảnh hưởng chỉ

tạm thời; trạng thái xúc động mạnh qua đi rồi thì không có ảnh hưởng tốt đẹp thật rõ rệt nào còn lại cả. Tuy nhiên, đó là một điều tốt đẹp trong những trường hợp mà con người được nâng lên cảnh giới cao siêu cho dù là tạm thời.

274 Nhưng, đối với các đạo sinh huyền linh học thì sự cảm xúc thái quá không nên để cho xảy ra, bởi vì các đạo sinh đó đã vượt qua giai đoạn mà sự kích thích như thế có thể thúc đẩy sự tiến hóa của họ. Không nên có sự lằm lẩn giữa sự xúc cảm thuộc loại này và sự phấn khích tinh thần ⁽¹⁾ của các cõi cao. Ở các buổi khôi phục đức tin (revivals) con người thường trải qua tình trạng xuất thần, trong tình trạng đó, họ thường mất sự kiểm soát về thời gian. Chính tôi đã thấy có những trường hợp mà con người dậm chân, hét to, lắc lư thân thể đến nỗi họ không biết mình đang làm gì. Họ nói điều đó do quá hân hoan, tôi cho là họ chắc chắn không cảm nhận được điều đó, mà đó chỉ là một xúc cảm không kiềm chế được, và do đó đạo sinh huyền học cần nên tránh.

Người trải nghiệm tâm thức Bồ Đề cũng được chuyển ra khỏi chính mình, với một sự chí phúc (bliss) mãnh liệt đến nỗi không có lời nào để diễn tả được; nhưng người đó không bao giờ mất tri thức rằng mình là chính mình. Y ở trên một cảnh giới cao siêu; y hơn chính y trước kia; y vẫn không mất sự tự chủ của mình. Sự xuất thần mà y cảm nhận được có thể thực sự tạo ra bởi sự phản ánh một xúc cảm nào đó trong phạm ngã – một cảm nhận hân hoan mãnh liệt nhất trên mọi cảnh giới, nhưng không bao giờ là một xúc cảm không có kiểm soát. Nó sẽ không bao giờ dẫn dắt y đến các hành động hấp tấp hay thiếu cân nhắc, để quên chính mình hoặc là mất

¹ Phấn: hăng hái; khích: thúc đẩy. Sự thúc đẩy làm cho hăng hái.

đi phẩm cách của mình. Với sự phấn khích mạnh mẽ, với phúc lạc không thể tả của kinh nghiệm cao siêu, xuất hiện một sự an hòa hoàn toàn dường như tràn ngập thế gian; trong khi đó các cảm xúc thấp làm xáo trộn sự thăng bằng đến một mức độ lạ thường nhất.

Một người có nhãn thông khi quan sát một buổi hội họp thức tỉnh đức tin (revivalist meeting) thường thường sẽ thấy các thực thể phi-nhân-loại (non-human entities) tụ tập chung quanh đó để lợi dụng các làn sóng rộng lớn của xúc cảm thiếu kiểm chế này. Xúc cảm là một lực khủng khiếp và các lượn sóng này, nếu chúng ta xem xét kích thước hiện tại, là các vật có kích thước khổng lồ và sức mạnh ghê gớm. Chúng xông tới và đổ dồn khắp chung quanh cõi tình cảm trong vùng lân cận, và tạo ra mọi hậu quả nơi đó, như một cơn bão lớn có thể thể hiện trên cõi trần. Có nhiều sinh linh
 275 cõi tình cảm thích thú trong đó. Chúng lao vào và cảm thấy vô cùng vui thích và kích động vì đó. Chúng không cần và cũng không quan tâm xem xúc cảm đó là do tình cảm sùng đạo hoặc oán thù hay yêu thương mà ra, chúng chỉ cần các rung động khác thường, là xoáy lốc và dao động của cơn bão. Các sinh linh này rất thích thú khi được cuốn tròn trong các lốc xoáy đó và được nó đưa đi, rất giống với cách mà các tay lướt sóng biểu diễn ở ngoài biển. Với mục đích đó, các thực thể này cố khuấy động xúc cảm trong con người lên tới mức tối đa; chúng chỉ biết rằng đây là một thứ gì đó mà chúng cực kỳ thích thú, vì thế chúng cứ lao vào để làm cho mạnh thêm càng nhiều càng tốt. Trong đa số trường hợp, chúng chịu trách nhiệm cho các cơn bùng phát thần lực to lớn vào các dịp như thế, và các sinh linh này làm cho lực đó mạnh thêm, giống như bầy cá voi lao đi khắp nơi trong nước

đang nổi sóng làm cho nước càng nổi sóng to hơn. Các sinh linh này chỉ có mức độ thông minh như các động vật mà thôi, do đó không có gì thiêng liêng trong đó. Không phải là xung lực sáng tạo thiêng liêng (¹) như nhiều người tưởng, mà cũng không xứng đáng chút nào khi để cho con người thành trò chơi thể thao cho các sinh linh ở trình độ tiến hóa đó.

Chỉ khi cảm giác tĩnh lặng và an bình hoàn toàn xuất hiện cùng lúc với sự phấn khích mãnh liệt và phức tạp cao độ, khi đó mới là một sự tiếp xúc với các cảnh giới cao siêu; khi có sự kích thích và xáo trộn, một sự mất tính tự kiểm chế, thì chắc chắn là người ta đang xuống một cảnh giới thấp hơn.

Khi đệ tử sẵn sàng học, lúc đó y được chấp nhận, thừa nhận, công nhận. Điều đó phải như thế, vì y đã thấp sáng ngọn đèn của mình, và ngọn đèn không thể bị che giấu nữa.

276 Đây là một châm ngôn khích lệ. Các đệ tử đều luôn luôn được trông nom, mặc dù nhiều người thấy khó mà hiểu được điều này. Chính các Đấng Cao Cả đã giải thích rằng khi các Ngài xem xét thế gian, thì người nào đã thấp sáng ngọn đèn của mình sẽ lộ ra như một ngọn lửa lớn trong bóng tối mênh mông. Các Ngài không thể không nhìn thấy nó. Các Ngài đang trông chừng cẩn thận ở bất cứ nơi đâu mà ánh sáng đang bắt đầu phát ra, và cố gắng giúp cho mỗi đốm

¹ Xung lực sáng tạo thiêng liêng: divine afflatus.

Afflatus: a divine creative impulse, inspiration (Từ điển Oxford 1994).

sáng nhỏ chiếu ngòi lên thành ngọn lửa, để cho các ngọn lửa này cũng có thể trở thành người mang ánh sáng cho thế gian.

Đôi khi người ta thường hay chỉ trích một cách kém hiểu biết về vấn đề này. Có lẽ đó là điều tự nhiên; nhưng sẽ tốt hơn cho họ nếu họ không chỉ trích. Chính tôi có biết nhiều trường hợp mà các hội viên – thường là những người có trí tuệ sắc bén, họ rất cay độc trong việc phân biệt các lỗi lầm và khuyết điểm của kẻ khác – họ nói: “Người thế này thế nọ là đệ tử của Chân Sư; tôi không thấy y có gì xứng đáng ở vị trí đó so với chính tôi. Tôi đã trải qua nhiều năm trong Hội; tôi đã làm công việc như thế, và nếu một người như thế đó, với khuyết điểm rõ ràng như thế mà có thể được thu nhận, tại sao tôi lại không?”

Những người đưa ra các nhận xét đó đã quên nguyên tắc chung nằm sau mọi tiến bộ về huyền linh học. Việc bài bác của họ có cùng bản chất giống như sự bài bác rất thường có để chống lại với luật karma. Người ta nói rằng họ không thể thấy cái công bằng của một vài sự việc đã xảy ra cho họ, do đó không có luật công bằng. “Công bằng vốn không hiện hữu – đó chỉ là một hoang tưởng (delusion)”. Điều đó thật đúng với những gì thường được nói tới, đó là câu nói: “Tôi 277 đã làm ra một cái máy chạy bằng sức nước và nó không hoạt động; do đó không có điều gì là áp suất thủy lực”. Không một người có tâm trí lành mạnh nào nói như thế cả. Người ấy sẽ bắt đầu xem xét khuyết điểm trong bộ máy của mình, nhờ biết rằng các định luật thiêng liêng vốn bất biến, còn các lầm lẫn thì không được tạo ra theo cách đó. Không ai có thái độ đó đối với một định luật của khoa học vật chất, tuy nhiên người ta sẽ làm như thế đối với Luật nghiệp quả. Nếu người ta bắt đầu với giả thuyết rằng Luật karma có thật, và nó tác

động một cách bất biến, vậy thì, khi họ không thể thấy nó tác động như thế nào trong một trường hợp đặc biệt, thì họ nên qui lỗi cho chính họ và cái thấy còn hạn hẹp của chính họ, và không phạm lỗi lầm bằng cách quá khờ khạo khi nói rằng không có luật karma nào cả.

Y hệt như thế, nếu người nào tưởng mình vượt trội hơn người khác về nhiều phương diện khác nhau, nhất là khi những người khác đó lại là người được các Chân Sư chọn làm đệ tử, thì họ nên nhớ rằng Chân Sư chọn lựa với sự phán đoán không hề sai lầm. Chắc chắn là có nhiều điều trên các cõi cao mà ngay cả một Chân Sư cũng chưa biết, nhưng chắc chắn rằng liên quan tới các cõi thấp này thì sự hiểu biết của Ngài không thể sai lầm. Có các Đấng cao cả hơn các Chân Sư, đó là Đức Bàn Cổ (Manu) và Đức Bồ Tát, Đức Phật và Đấng Cai Quản Thế Giới (great Lord of the World, Đức Ngọc Đế), các Ngài hẳn phải biết các điều mà ngay cả các Chân Sư của chúng ta cũng không biết: đó là chuyện hiển nhiên. Đức Thái Dương Thượng Đế còn biết nhiều hơn nữa, và ngoài ra phải có các Thượng Đế còn cao hơn, tri thức của các Đấng này còn sâu rộng hơn nữa. Nhưng chúng ta hoàn toàn tin chắc rằng sự phán đoán và sự chính xác của Chân Sư liên 278 quan tới các cõi mà Ngài đã hoàn toàn chế ngự thì không thể nghi ngờ. Do đó, nếu Ngài chọn người nào thì không thể sai lầm.

Ngay cả trong trường hợp hiếm hoi khi mà sau đó một người sa ngã và hành xử bất chính, cũng không phải do Chân Sư có sai lầm trong việc lựa chọn người đó. Con người phải có quyền đối với cơ hội tốt đẹp đó, và vì lẽ y đã xứng đáng với quyền đó, thì cơ hội phải được ban cho y. Một số lớn phiền toái có thể xảy ra trong việc huấn luyện một đệ tử

như thế, và có vẻ như là một điều phí phạm; nhưng không phải thế đâu. Bằng cách này hay cách khác, tất cả mọi điều đó đều được tính vào diễn trình tiến hóa của y, đó là điều chắc chắn. Đôi khi Chân Sư đưa đến cơ hội cho một người vì người này đã xứng đáng với nó, mặc dầu trong người đó có thể có một vài đức tính đi cùng với những tính khác ít tốt đẹp hơn, các tính này sẽ làm cho y không thích hợp nếu ngẫu nhiên các tính xấu này thắng thế. Tuy nhiên cơ hội vẫn được đưa đến bởi chỉ vì đó là điều nên làm.

Đôi khi có những mối liên kết đặc biệt giữa các Chân Ngã mà nhiều kiếp sống về sau đạt đến cực điểm trong mối quan hệ mật thiết giữa Chân Sư và đệ tử. Có trường hợp nổi tiếng của nguyên Phó Hội Trưởng của chúng ta, ông Sinnett. Xưa kia, ông là nhà quý tộc có thế lực ở Ai Cập. Thân phụ ông có xây và bảo trợ cho một đền thờ lớn, do đó ông Sinnett có ảnh hưởng rất lớn và trong thực tế có quyền lực trong việc kiểm soát ngôi đền đó. Một trong những người mà hiện giờ là các Chân Sư của chúng ta, là một tù binh ở Ai Cập vào thời đó, còn ông Sinnett và tôi là các chiến binh trong đạo quân cầm giữ Ngài. Ngài là một nhân vật đặc biệt trong xứ sở Ngài, và tất nhiên Ngài được giao cho chúng tôi canh giữ, bởi vì các tù binh cấp cao được đối xử rất tử tế ở Ai Cập và được người có đẳng cấp tương ứng với đẳng cấp của chính họ bồi tiếp, chùng nào mà các tù binh này không tìm cách trốn đi. Thế nên, Ngài sống trong ngôi nhà của ông Sinnett trong hai năm và trong thời gian đó Ngài trở nên chú ý rất nhiều vào công việc có tính cách huyền linh của Đền Thờ và muốn tham gia vào đó. Ông Sinnett có khả năng cung cấp cho Ngài sự mở đầu cần thiết cho việc khảo cứu huyền môn. Ngài tiến bộ rất đáng kinh ngạc ở Đền Thờ, đồng thời trong

mỗi kiếp sống về sau, Ngài tiếp tục các khảo cứu đã được bắt đầu ở Khem cổ xưa. Trong kiếp sau đó, Ngài trở nên một Adept, trong khi ân nhân của Ngài lúc ở Ai Cập vẫn không có cách nào đạt đến trình độ đó. Trong kiếp này Ngài thấy rằng Ngài cần truyền bá các chân lý Minh Triết Thiêng Liêng trên thế gian, vì đã đến lúc thế gian sẵn sàng tiếp nhận các chân lý đó. Ngài tìm người khắp nơi để làm chuyện đó, Ngài tìm thấy người bạn cũ và cũng là người ân của Ngài đang làm biên tập viên của một tờ nhật báo lớn và có đủ điều kiện để làm công việc này. Chân Sư đã trả xong món nợ cũ này bằng cách tạo cơ hội phụng sự cho ông. Chúng ta đã biết ông Sinnett nhận cơ hội này ra sao rồi. Điều đó chứng tỏ rằng một người có thể đã tạo được một liên kết xa xăm trong quá khứ với một người mà từ đó đến nay đã trở thành một Chân Sư, và rằng việc thanh toán món nợ của Ngài đương nhiên mang hình thức của việc đưa ra sự trợ giúp và thông tin, và dưới hình thức thu hút người này lại gần Ngài.

280 Thế nên, các mối liên kết có thể được tạo ra theo nhiều cách khác nhau, và rất có thể là người được chọn làm đệ tử không hoàn hảo chút nào; nhưng y không thể được chọn theo cách đặc biệt đó nếu y không xứng đáng. Việc mà y vẫn còn một vài lỗi lầm và khuyết điểm không ngăn được y nếu y có các phẩm chất khác quan trọng hơn, nếu những lợi thế có giá trị hơn các bất lợi. Có nhiều trường hợp gây tác động đến việc chọn một đệ tử đặc biệt của Đức Thầy. Chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn rằng một người không được chọn nếu y không xứng đáng, nhưng chúng ta không thể thấy người này đáng được chọn như thế nào. Điều ngược lại với nhận định đó cũng đúng, đó là, không một người nào xứng đáng mà không được xem xét và chọn lựa.

Thật là thiếu khôn ngoan khi dùng hạ trí, mà chúng ta phát triển với nhiều đau khổ và phiền toái, để chỉ trích hành động của các Chân Sư, tức là những bậc hiểu biết xa hơn chúng ta nhiều. Chúng ta không thể luôn luôn hiểu được tại sao các Ngài làm thế này hoặc thế kia, nhưng những kẻ tin theo các Ngài ít nhất cũng vững tin khi nói: “Tôi biết Chân Sư tất phải đúng. Tôi không biết rõ ràng tại sao. Về phần tôi, tôi biết tôi sẽ được chọn khi tôi sẵn sàng. Việc của tôi là làm cho chính tôi thích hợp với việc chọn lựa đó. Trong khi chờ đợi, tôi không bận tâm đến những gì Chân Sư làm đối với người khác”. Đó là điều khôn ngoan nhất.

Cũng giống như vậy đối với công việc mà chúng ta được giao cho thi hành. Nếu nó có vẻ là một thất bại ở bề ngoài, thì chúng ta cũng đừng nên để cho việc đó làm chúng ta mất can đảm. Chúng ta có thể không đạt được kết quả mà chúng ta mong đợi, nhưng chúng ta có thể đạt đúng kết quả mà Chân Sư đã dự liệu. Không phải Ngài luôn luôn nói với chúng ta tất cả những gì có ở trong trí Ngài. Ngài sẽ sắp đặt cho chúng ta một phần công việc cần làm, và chúng ta nghĩ rằng những gì đối với chúng ta là kết quả hiển nhiên của công việc đó thì tất nhiên là những gì mà Ngài đang nhắm vào để đạt kết quả từ đó. Có thể Ngài có trong trí một ý tưởng hoàn toàn khác. Thậm chí Ngài có thể muốn huấn luyện cho người phụng sự theo một cách thức đặc biệt – không bị thất vọng bởi thất bại chẳng hạn; hoặc là có thể có dính dáng tới một cái gì khác mà người phụng sự không biết chút gì cả. Tôi có một vài thí dụ của việc đó trong quá trình kinh nghiệm về huyền học của tôi. Chúng tôi được lệnh làm một vài việc, và được giả dụ là các việc đó được nhắm vào một kết quả nào đó, kết quả đó không xảy đến. Chúng tôi lấy

làm lạ; nhưng sau đó vài năm mới nhận thấy rằng một điều khác hẳn có thể xảy ra, nếu công việc kia không được tiến hành. Tôi không nghi ngờ chút nào rằng trong trường hợp này Chân Sư đã giao chúng tôi công việc, không phải với mục đích mà chúng tôi được giả định phải đạt đến, nhưng với mục đích khác mà chúng tôi không biết gì cả.

Thế nên, tôi thường hay nói với những người hay phàn nàn trước những gì mà họ xem như là khuyết điểm (faults) trong các đệ tử và nói rằng những người này không nên được chọn làm đệ tử: “Bạn phải xét một phần của vấn đề; bạn đang vận dụng trí tuệ của bạn theo một đường lối không được hữu ích. Nếu bạn biết các Chân Sư có thật và hiểu rằng bất cứ điều gì cũng ở trong quyền năng của các Ngài, thì bạn có thể tin chắc rằng các Ngài biết chính xác những gì các Ngài đang làm, và nếu các bạn không thấy điều đó là gì, thì xét cho cùng, bạn không cần biết đến nó. Các Ngài biết, đó mới là điều quan trọng”.

Vị đệ tử không phải luôn luôn được cho biết ngay về việc này. Diễn tiến thông thường xảy ra như sau: khi một người đã tự tỏ ra xứng đáng với vinh dự cao quý của vai trò đệ tử, thì bằng cách nào đó người này được tiếp xúc mật thiết với một người đã là một đệ tử của Chân Sư tương lai của y, còn Chân Sư, qua người đệ tử đó, thường đưa ra một vài huấn thị cho y. Có thể Chân Sư sẽ nói với người đệ tử cũ: “Hãy đưa người này hay người nọ đến với ta bằng thể tình cảm trong lúc y ngủ”. Khi người này được đưa đến, bấy giờ Chân Sư nói với y: “Ta vẫn đang quán sát công việc của con, ta nghĩ rằng con có thể tiến bộ hơn nữa. Ta đề nghị con vị trí của một đệ tử dự bị, nếu con cam kết cống hiến hết năng lực của con, hoặc hết khả năng của con, cho việc phụng sự nhân

loại, theo phương hướng mà ta sẽ cho biết”. Đó là thủ tục thông thường nhất, nhưng đôi khi việc nhận biết về điều đó chỉ xảy ra sau một thời gian rất lâu. Và ngay cả khi đó, có thể có các lý do tại sao con người không nên biết về việc này trong tâm thức lúc tỉnh thức ⁽¹⁾ của y.

Tôi nhớ một trường hợp cụ thể ở Ấn Độ. Có một ông lão theo Ấn giáo chính thống, ông ta có một nếp sống rất tốt lành, hữu ích và bận rộn. Ông là một người không chút ích kỷ và hết lòng xả thân vì lợi ích của nhân loại. Trước tiên ông giải quyết một cách đáng phục mọi bốn phận trong gia đình của mình, sau đó ông dùng hết thì giờ và tiền bạc của mình để làm điều lợi ích theo quan điểm của ông. Trước khi biết Hội Minh Triết Thiêng Liêng, ông luôn luôn cho rằng các Đại Hiền Triết (Great Rishis) không những đã tồn tại trong quá khứ, mà cũng phải tồn tại trong hiện tại, và ông hy vọng một ngày nào đó trong tương lai sẽ đến gần được các Ngài, nhưng ông rất khiêm tốn về điều đó. Ông thường nói: “Tôi biết chính các Ngài tạo ra sự tiến bộ chứ không phải do tôi. Tôi đã tìm kiếm các Ngài, và cố gắng thực hành theo ý các Ngài suốt nhiều năm nay”. Sau cùng, vào một ngày nọ, một trong các Chân Sư của chúng ta đã khẳng định với người đàn ông này, Ngài nói: “Trong bốn mươi năm nay, ta đã quán sát công việc của con, và trong nhiều trường hợp, đã dẫn dắt con, mặc dầu con không biết gì về việc đó. Giờ đây đã đến lúc thích hợp nhất để con biết điều đó”.

283

Đó là một thí dụ rất rõ ràng, và nó dường như chứng minh rằng có nhiều người có lòng vị tha, đang làm việc dưới

¹ Tâm thức lúc tỉnh thức (waking consciousness): tức là tâm thức đang hoạt động trong hệ thần kinh não tủy. (ND)

sự hướng dẫn của các Chân Sư của chúng ta, mặc dầu họ không biết gì về sự hướng dẫn đó. Có thể có nhiều lý do khiến cho trong kiếp sống này họ không nên biết việc đó. Chúng ta có thể tin chắc rằng Chân Sư biết rất rõ, và nếu Ngài không muốn ra mặt, thì chúng ta cũng đừng vì lẽ đó mà cho rằng Ngài không ngó ngàng gì đến chúng ta.

Trong các mối liên hệ này, Chân Sư luôn luôn làm chính xác những gì tốt đẹp nhất cho con người, cũng như những gì tốt đẹp nhất cho công việc, bởi vì Ngài có được lợi thế rất lớn để giải quyết các vấn đề này ở các cõi cao, nơi mà người ta không cần phải cân nhắc điều tốt với điều xấu như trong các cõi thấp, nơi mà rất thường khi người ta có thể làm điều tốt theo một chiều hướng chỉ khi nào người ta làm điều hại nào đó theo một cách khác. Vấn đề bí hiểm này được Đức Bàn Cổ ám chỉ đến khi Ngài nói rằng không có lửa nào mà không có khói. Nhưng quả có lửa mà không khói, trên các cõi cao có điều thiện thuần túy mà không có các hậu quả trái ngược hoặc các kết hợp nào, bởi vì tất cả đều cùng hoạt động cho cái thiện của tổng thể, và sự tiến hóa của tổng thể cũng bao gồm sự tiến hóa của đơn vị. Cho dù trong một số trường hợp mà có thể cái hại dường như được thực hiện, mà một người bị ngăn chặn, chính bởi vì tốt hơn hết cho sự tiến bộ của y là một sự ngăn chặn như thế xảy ra lúc đó – giống như việc tía cây mà cái cây dễ dàng nghĩ rằng đó là hành vi độc ác, tuy nhiên rõ ràng là dự định làm lợi cho nó.

Nhưng đệ tử chỉ có thể học khi đã thắng được trận đại chiến đầu tiên. Thể trí có thể nhận biết chân lý, nhưng tinh thần không thể thu nhận nó.

Chân nhân gửi các ấn tượng đến các cõi thấp ngay khi bắt đầu trở nên thức tỉnh, nhưng có nhiều điều cản đường Chân nhân. Chân nhân không thể làm được gì cho đến khi thể tình cảm được kiềm chế; bởi vì nếu thể tình cảm là một khối gồm các cảm xúc tràn ngập, thì làm sao Chân nhân có thể gửi xuống qua thể đó bất cứ huấn thị có mạch lạc hoặc hợp lý nào? Trận đại chiến đầu tiên là trận chiến với các đam mê, với các giác quan, và Chân nhân phải thắng phục được chúng; nhưng khi thực hiện xong việc đó, Chân nhân vẫn còn phải gặp thể trí, và có lẽ thể trí sẽ tỏ ra là một đối thủ khó vượt qua hơn cả thể tình cảm nữa.

Kế đó Chân Sư tiếp tục nói về tri thức mà trực giác đạt được. Tôi đã giải thích rằng ở mỗi cuộc điểm đạo, thí sinh nhận được một chìa khóa tri thức, vốn đặt một cục diện khác lên sự sống đối với y, chỉ cho y thấy một sự hiểu biết sâu xa hơn, một sự khai mở đầy đủ hơn, có thể nói như thế, về ý nghĩa của giáo lý huyền học. Khi y nhận được điều này, đối với con người, mỗi lần dường như là lần cuối cùng. Thí sinh đó nói: “Giờ đây tôi có mọi tri thức, thật là thỏa mãn, thật là đầy đủ, không thể có loại tri thức nào hơn nữa”. Tuy nhiên có vô số điều cần học hỏi; y chỉ đang ở trên con đường học tập. Khi y tiến tới, ngày càng có nhiều điều mở ra trước mắt y. Chân Sư biết chính xác giai đoạn nào hữu ích nhất để đưa ra thông tin nào đó. Người ta thường nghĩ rằng họ nên có mọi thông tin đó cùng một lúc. Điều đó cũng điên rồ như muốn một thầy giáo giảng dạy phép tính vi phân cho một

đưa trẻ mới vừa học bảng cửu chương ⁽¹⁾. Nó phải đi qua nhiều giai đoạn trung gian trước khi nó có thể biết chỉ một cách mơ hồ phép tính đó nghĩa là gì.

285 Đúng y như vậy đối với chúng ta. Chúng ta thường quen – lại cũng là sự tự phụ về trí tuệ – nghĩ rằng chúng ta hiểu biết ít nhất đủ để được giao cho mọi kiến thức có thể có được. Tôi chỉ có thể nói rằng các Chân Sư biết rõ hơn kiến thức nào hữu ích nhất cho chúng ta, và bất cứ điều gì tốt nhất cho mỗi người thì điều đó cũng tốt nhất cho toàn thể mọi người.

Trong khi nhiều người nhận biết rằng điều đó phải như thế, và dĩ nhiên cái tổng thể phải có quyền ưu tiên hơn bất cứ phần tử nào, đôi khi họ có chút cảm nhận rằng các thành phần lại không được ngó ngang gì tới, rằng trong khi mọi thứ đều đang hoạt động cho cái tốt lành của tổng thể, tuy nhiên các thành phần cá nhân thường chịu ở thứ yếu. Thế gian được quản lý tốt hơn như thế. Thực ra, những gì tốt đẹp nhất cho toàn thể thì cũng là tốt đẹp nhất cho mỗi một thành phần, chẳng những công lý được thực thi cho nhân loại nói chung, mà nó còn được làm thế nào để cho không có sự bất công nào đối với bất cứ đơn vị nào của nhân loại. Chúng ta hãy tin chắc điều đó, và hãy nhận thức điều đó với sự chắc chắn tuyệt đối; bấy giờ chúng ta sẽ không có cảm giác ngờ vực hay mất tinh thần, và bất cứ điều gì xảy ra, chúng ta sẽ có thể bình tĩnh tin tưởng rằng nó được thực hiện cho điều tốt đẹp nhất.

¹ Cửu chương: tên một phép tính nhân gồm chín (cửu) bảng của Tây phương mà trẻ con bậc tiểu học phải học (Hán Việt Tân Từ Điển, Nguyễn Quốc Hùng).

Một khi đã vượt qua cơn bão tố và đạt tới sự an tĩnh, bấy giờ đệ tử luôn luôn có thể học hỏi, cho dù đệ tử còn do dự, ngần ngại và ngoảnh sang một bên. Tiếng Vô Thinh vẫn ở bên trong đệ tử, và mặc dù đệ tử có hoàn toàn rời bỏ Thánh Đạo, tuy thế một ngày nào đó, tiếng ấy sẽ lại vang lên, giằng xé y thành từng mảnh, và tách các đam mê của y ra khỏi các tiềm năng thiêng liêng của y. Bấy giờ, với những tiếng kêu la đau khổ và thất vọng của phàm ngã bị bỏ rơi, đệ tử sẽ quay về với đạo.

286

Trong trường hợp như thế, thực sự sẽ có cuộc chiến đấu khùng khiếp. Chúng ta đừng nên khuất phục trước tình trạng đó; tốt hơn là, trong khi chúng ta còn có thể, hãy giữ kỹ chúng ta trong tay và đừng làm cho chính chúng ta thành đối tượng của một cuộc phẫu thuật như cuộc phẫu thuật để tách rời Chân Ngã với phàm ngã. Sự tranh đấu với phàm ngã luôn luôn tiếp diễn. Nếu đệ tử để cho nó cắm chặt răng nanh của nó vào Chân Ngã và kéo đệ tử ra xa khỏi các năng lực lớn lao của mình, đệ tử tất phải cực kỳ đau khổ khi thời kỳ chia cách xảy đến, như nó phải xảy ra, vì đối với những ai đã nhập lưu, những người này chỉ có thể lìa bỏ nó bằng việc đến bờ bên kia (đáo bỉ ngạn).

Do đó, Ta nói “Mong cho con bình an”, còn câu nói “Ta ban cho con sự bình an của ta” chỉ có thể được Chân Sư nói với các đệ tử thân yêu giống như Ngài.

Có một điểm rất lý thú liên quan đến sự phân biệt do Chân Sư đưa ra ở đây. “Mong cho con bình an” (“Peace be with you”) chỉ là một câu chào thông thường ở Đông

phương, dù là câu chào tốt đẹp. Khi chúng ta nói “Good-bye”, nó hàm ý “God be with you” (“Chúa ở cùng anh”) câu này có cùng ý nghĩa, vì Chúa (God) là An Bình (Peace).

Từ ngữ “salaam” của tín đồ Hồi giáo lại giống như “saalem” trong Jerusalem có nghĩa là trú sở của an bình (abode of peace). Ấn giáo có từ ngữ “shanti” nghĩa là an bình (peace) và chữ “namaste” của họ có nghĩa là “greetings (kính chào) – hoặc reverence (tôn kính) – to Thee” (dành cho Anh) thường được đáp lại bằng từ “shanti”.

287 Thông thường người ta viết “Peace be with you” ở cuối sách nơi phương Đông như là một loại chúc tụng cuối sách hay là hành động cáo từ của tác giả đối với độc giả. Nhưng, như Chân Sư nói ở đây: “Ta cho con sự An Bình của ta” (“My peace I give unto you”) chỉ có thể nói ra trong những trường hợp đặc biệt. Khi Đức Christ nói: “Ta để lại sự an bình cho con, ta cho con sự an bình của ta : không như thế gian đã cho, Ta cho con” (S. John, 15, 27). Đức Christ chỉ nói riêng với các đệ tử đặc biệt của Ngài. Ở đây nói rằng đệ tử nào có thể nhận được sự bình an của Chân Sư là chỉ đệ tử giống như chính Chân Sư, nghĩa là một đệ tử đã nhập môn (accepted pupil) – có thể còn hơn thế nữa, là “con” của Chân Sư. Không những đệ tử chỉ nhận một lời chúc an bình và ân huệ tốt lành, vốn chắc chắn nhất là một điều hiệu quả khi được phát ra bởi người có quyền lực phát ra nó, nhưng còn nhiều hơn thế. Chân Sư ban sự an bình của chính Ngài, sự an bình mà không gì có thể làm cho xáo trộn, dành cho những người giống như chính Ngài, họ là các con của Ngài, một phần của chính bản chất Ngài, chia sẻ với Ngài tất cả những gì mà Ngài có ở chừng mức mà các đệ tử có thể nhận được nó. Dĩ nhiên điều này không có nghĩa là đệ tử có thể chia sẻ

tất cả những gì mà Chân Sư đang có – làm được như thế có nghĩa là đệ tử trở thành chính Ngài, tức một Chân Sư – nhưng ít nhất đệ tử chia sẻ càng nhiều càng tốt.

Câu trên đây có thể được nói đến hằng ngày một cách đầy đủ hơn cho một số người trong số những người chưa biết Minh Triết Đông Phương.

288 Đây là một thông điệp rất lý thú và rất đáng để ý, nó có thể dường như lạ lẫm đối với chúng ta, bởi vì có một số đông người trong chúng ta biết một điều gì đó về Minh Triết Đông Phương, họ sùng kính các Chân Sư cao cả, từ lâu họ thuộc về một tổ chức đặc biệt xả thân cho các Chân Sư và việc phụng sự của các Ngài, tuy thế đối với hầu hết chúng ta, Chân Sư không thể nói “Ta ban cho con sự an bình của ta” mà chỉ nói với rất ít người mà Ngài đã đưa vào mối quan hệ rất mật thiết với Ngài. Điều đó vốn như thế, tuy nhiên chúng ta đọc thấy rằng ân huệ bên trong này có thể ban cho một số người không biết chút gì về Minh Triết Đông Phương.

Việc đó là sao, và họ là ai mà được ban cho đặc ân như thế? Họ chỉ có ít thôi ở giai đoạn tiến hóa hiện nay, nhưng chắc chắn vẫn có. Muốn hiểu được điều đó, chúng ta hãy nghĩ đến những gì cho phép một Chân Sư đưa một đệ tử đến gần với Ngài như thế đó. Đó là vì vị đệ tử đã bước vào thế giới của Chân Sư, đã học cách nhìn các sự vật theo như cách nhìn của Chân Sư và tự đặt mình vào thái độ của Chân Sư đối với thế giới và tất cả những gì thuộc về thế giới đó. Một người có thể làm điều đó mà không biết bất cứ điều gì về Minh Triết Đông Phương và về Chân Sư một chút nào; tuy y có thể không có kiến thức đó, nhưng là một người có tâm

nhìn cao siêu. Tính cách đặc biệt trong thái độ của Chân Sư là nó hoàn toàn vô ngã, không có chút gì của phàm ngã trong đó. Ngài nhìn mọi sự việc theo quan điểm của Thiên Cơ, và Ngài không bao giờ đưa phàm ngã riêng của Ngài vào vấn đề giây phút nào, nếu có điều gì hữu ích cho sự tiến hóa của nhân loại thì đó là điều tốt lành, nếu nó ngăn cản sự tiến hóa của nhân loại thì là điều xấu xa.

Mặc dầu Minh Triết Đông Phương phải đưa chúng ta hoàn toàn vào thái độ đó nếu chúng ta hiểu khoa đó thật đầy đủ, tuy thế chúng ta có thể thấy rằng những người khác không biết đến nó cũng có thể đạt đến thái độ như thế.

289

Để đến gần Chân Sư đủ để nhận được sự an bình của Ngài, điều tiên quyết hàng đầu và quan trọng nhất là tính hoàn toàn vô ngã. Một người có thể ở gần Chân Sư, một người còn có thể nhận được sự an bình của Ngài, và tuy cả hai người đứng bên cạnh Ngài và nhận được sự an bình đó, nhưng một người có thể nhận nó đầy đủ hơn nhiều so với người kia. Người thiếu hiểu biết mặc dù hoàn toàn thánh thiện và vị tha, sẽ nhận được từ sự an bình của Chân Sư tất cả những gì mà y có thể nhận, còn người kia, vẫn ngang bằng với người thứ nhất về phương diện này, nhờ có thêm minh triết cao siêu, sẽ nhận chắc chắn nhiều hơn từ sự an bình đó.

Δ Hãy xem xét ba chân lý. Ba chân lý đó có giá trị như nhau.

Đứng trước hàng này là hình tam giác, vốn được dùng như một loại chữ ký của Đấng đã viết hàng đó, giống như hình chữ thập được các Giám Mục Cơ Đốc giáo đặt trước các

thư từ và tài liệu của họ. Ở đây, tam giác được ghi vào để thu hút sự chú ý đặc biệt.

Ba chân lý mà Chân Sư Hilarion nhắc đến là các chân lý mà chính Ngài đã kể ra trong một quyển sách khác mà Ngài đã công bố – *Quyển Chuyện tình của Hoa Sen Trắng (The Idyll of the White Lotus)* – nhưng không nhận được sự chú ý xứng đáng. Đó là một bản miêu tả kiếp sống trước của chính Ngài ở Ai Cập khi tôn giáo Ai Cập vĩ đại bị suy đồi và không còn ai hiểu được nó nữa. Nghi lễ huy hoàng vô ngã của tôn giáo đó đã thoái hóa thành việc tuân theo một nữ thần, vị thần này không cần sự tinh khiết hoàn hảo nhiều bằng sự hoàn toàn đắm mê của người dân của nữ thần, và vì thế đã có nhiều sự đồi trụy.

Chân Sư vào lúc đó có thánh danh là Sensa, là một đệ tử có nhãn thông trong một ngôi đền ở Ai Cập. Các vị tư tế của đền nhận biết giá trị của Ngài dưới hình thức một người có nhãn thông và là một đồng tử nhưng không muốn Ngài giảng dạy tôn giáo chân chính cho người dân, bởi vì điều này gây cản trở cho hệ thống giáo hội hiện có, nên sau rốt họ đã giết Ngài. Trong diễn tiến của câu chuyện, sau khi đã trải qua nhiều thử thách, Sensa thấy mình ở giữa một nhóm các Chân Sư, trong số đó có Chân Sư của Ngài, bấy giờ Sư Phụ chỉ cho Ngài những gì phải dạy cho con người – những con người bị dẫn dắt sai đường bởi giáo lý sai lầm. Các Chân Sư nói trên dạy Ngài chỉ thuyết giảng các chân lý khái quát mà thôi. Chúng ta có hình thức mà trong đó ba chân lý vĩ đại được đưa ra lúc đó. Các chân lý đó được mở đầu bằng các lời: “Có ba chân lý tuyệt đối và không thể bị mất, nhưng chúng có thể vẫn im lặng vì thiếu khả năng diễn đạt”. Điều đó có nghĩa là chúng không bao giờ có thể bị mất bởi vì

chúng được Thánh Đoàn gìn giữ, mặc dù thế gian có thể không biết đến chúng vào một thời điểm cụ thể vì không có ai tuyên nói đến chúng.

Đại Chân Lý thứ nhất:

“Linh hồn con người vốn bất tử, tương lai của nó có sự phát triển và sự huy hoàng vô hạn”.

Đại chân lý này tức khắc xua tan mọi sợ hãi về địa ngục và nỗi sợ cần được cứu rỗi, bởi vì có sự chắc chắn tuyệt đối về sự thành công cuối cùng đối với mỗi linh hồn con người, dù cho nó dường như có thể lạc khỏi con đường tiến hóa xa đến đâu đi nữa.

Đại Chân Lý thứ hai:

“Nguyên khí ban phát sự sống vốn ngự bên trong chúng ta và cũng ở bên ngoài chúng ta, nó bất tử và mãi mãi ban ân phúc, người ta không nghe, thấy hoặc ngửi nó được, nhưng kẻ nào muốn nhận thức nó thì sẽ nhận thức được”.

Câu đó hàm ý rằng thế gian này là một biểu lộ của Thượng Đế, con người là một phần của Ngài và có thể tự mình biết được thế gian khi con người có thể tự nâng mình lên đến mức mà thế gian có thể tiết lộ cho y, và rằng mọi sự
291 vật đều đang cùng nhau tiến tới chỗ tốt lành một cách chắc chắn và khôn ngoan.

Đại Chân Lý thứ ba:

“Mỗi người là người ban phát luật lệ tuyệt đối của riêng mình; là người phân phát sự vinh quang hay sự ảm đạm cho chính mình; là người định đoạt cuộc đời của y, sự ban thưởng hay sự trừng phạt của y”.

Ở đây chúng ta có một phát biểu rõ ràng về luật karma, luật tái điều chỉnh, quân bình.

Tiếp theo là: “Các chân lý này, vốn vĩ đại như chính sự sống, lại giản dị như cái trí giản dị nhất của con người. Hãy nuôi kẻ đói bằng các chân lý này”.

Ở đây, chúng ta có một hệ thống tôn giáo có thể đem ra giảng dạy cho mọi người. Nó gồm ba đức tin chính yếu, được trình bày một cách đơn giản, tuy được diễn đạt một cách rất thận trọng để tránh hiểu sai. Các đức tin đó có thể được phát biểu như sau:

“Con người vốn bất tử”

“Thượng Đế vốn chí thiện” (“God is good”)

“Con người gieo cái gì, sẽ gặt cái ấy”.

Dưới hình thức đơn giản hơn này, chúng thích hợp cho những ai ở vào giai đoạn phải có giáo lý đơn giản được đưa ra cho họ. Một linh hồn tiến hóa hơn sẽ cần hiểu giáo lý đầy đủ hơn. Đối với linh hồn này, nhiều chi tiết có thể được đưa ra, và trong các chi tiết này đủ để choán hết tâm trí của người minh triết nhất trong nhân loại.

Người ta có thể nhận thấy ba chân lý này; chúng có thể được suy ra từ kinh nghiệm, cho dù có thể chúng sẽ bị thất truyền. Nhiều chân ngã (egos) biết được các chân lý đó. Một

292 số người trực tiếp tự biết chúng, nhưng có nhiều người khác vào lúc này, ít nhất trong chừng mực phạm ngã có liên quan, chỉ ở thái độ tin tưởng mà thôi. Họ chấp nhận các chân lý này vì họ được dạy rằng các chân lý đó là đúng bởi những người mà họ tin tưởng, và bởi vì các chân lý đó có vẻ quá hiển nhiên – bởi vì họ không thể giải thích sự sống theo như họ thấy bằng một cách khác hợp lý hơn. Đó là một giai đoạn và là giai đoạn rất hữu ích trên con đường đưa đến hiểu biết thực tế, nhưng dĩ nhiên đó không phải là tri thức trực tiếp. Thí dụ, tôi có thể nói với bạn “Tôi biết các chân lý này thực sự là thế, bởi vì ở trên nhiều cõi giới và qua nhiều năm, tôi đã thực hiện nhiều tìm tòi và đã tiến hành các thực nghiệm vốn không thể có được các kết quả như chúng đã có trừ phi các định luật căn bản này là đúng”.

Cho đến nay chỉ một ít người có thể nói “Tôi đã thấy”, nhưng mọi người nên tiếp tục làm việc hướng theo quan điểm đó, bởi vì tri thức hiện thời (actual knowledge) sẽ cung cấp cho người ta một quyền năng lớn hơn nhiều ngay cả so với sự thuyết phục trí tuệ kiên định nhất.

Khi một người đang nói về các sự kiện này, điều đó luôn luôn hiển nhiên cho dù y đang nói đến những gì mà y tự biết hay chỉ những gì mà y đã được nghe nói đến. Điều đó tạo ra sự dị biệt trong hiệu ứng từ tính. Do đó vì lợi ích của kẻ khác, điều quan trọng là chúng ta nên tự mình biết điều gì đó càng sớm càng tốt. Có thể đó chỉ là một phần rất nhỏ của chân lý vĩ đại, nhưng nếu chúng ta biết chân lý đó bằng kinh nghiệm riêng của chúng ta, thì tức khắc việc đó làm cho chắc chắn hơn rằng mọi cái còn lại cũng đúng và mang lại cho chúng ta thêm niềm tin. Những người có đức tin hoàn hảo do tri thức mà ra, thì có thể giúp kẻ khác, là những kẻ không

thể có tri thức đó cho đến khi những người này trở thành kẻ hiểu biết. Chính điều đó làm cho các mảnh nhỏ kinh nghiệm cá nhân trở thành hữu ích biết bao.

Có nhiều người, vào một lúc nào đó trong linh ảnh, trong lúc ngủ, hay trong cơn thiền định đã thấy được Chân Sư. Có lẽ đó là một điều vốn không thể được chứng minh cho bất cứ ai khác. Người ta có thể nói với một người đã có kinh nghiệm này: “Có lẽ đó chỉ là một ảo giác, hay tưởng tượng”, nhưng y biết rất rõ rằng đây không phải là một điều
 293 gì đó thuộc loại đó. Y biết rằng y quả có thấy, và y cũng cảm nhận được một điều gì đó khiến y chắc chắn rằng đây là một trong các Chân Sư cao cả của chúng ta. Đó là một phần kinh nghiệm, nhỏ bé, nhưng lại có các hiệu quả sâu xa. Những ai may mắn có được một kinh nghiệm như thế có thể tỏ lòng biết ân sâu xa. Ít ra thì họ cũng biết được nhiều về điều đó, và biết một sự thật thuộc về cõi cao tức khắc khiến cho mọi giáo lý còn lại trở nên sáng tỏ hơn, và rõ ràng hơn để noi theo. Thế nên, chớ nên coi thường chút nào các kinh nghiệm như thế.

Thật ra thì không có hại gì cả khi chúng ta không hiểu biết một cách hoàn hảo. Điều đó phải như thế; nó thuộc về bản chất của các sự vật. Chính khi chúng ta cho rằng sự hiểu biết của chúng ta đầy đủ khi nó bất toàn một cách đáng thương, khi chúng ta nghĩ rằng chúng ta biết hết mọi điều và lên án những người nghĩ theo cách khác, mà không hiểu được rằng họ có thể đang thấy khía cạnh khác của một chân lý có nhiều mặt, thì đó là chúng ta đi sai đường. Tất nhiên là chúng ta hãy bám vào cái hiểu biết còn bất toàn của chúng ta, nhưng trong khi cố gắng làm tăng tiến sự hiểu biết đó bất cứ khi nào chúng ta có một cơ hội, chúng ta đừng bao giờ quên

rằng kiến thức chúng ta hãy còn bất toàn, nếu không chúng ta sẽ bị mắc lỗi lầm khi lên án một người nào đó vốn có lẽ lại biết nhiều hơn chúng ta. Chân lý vốn thâm sâu, chân lý thường bí hiểm. Không một người nào, cũng như không một đoàn thể hoặc nhóm người nào có thể hiểu được chân lý một cách trọn vẹn. Chúng ta phải dần dần tập tìm hiểu chân lý trước khi chúng ta có thể biết chân lý đó dưới bất cứ khía cạnh nào của nó. Chân lý về bất cứ sự việc gì là cách thức mà sự việc đó tự thể hiện trước Thái Dương Thượng Đế, trước Đấng Tạo Lập, của toàn bộ Thái Dương Hệ. Chỉ một mình Đấng tạo ra Thái Dương Hệ mới hiểu biết tất cả, biết được vạn vật theo đúng thực tướng của chúng. Chỉ có tầm nhìn của Ngài mới là tầm nhìn hoàn hảo. Đối với chúng ta, chân lý vốn tương đối. Chúng ta không thể thấy được cái tổng thể như Ngài thấy nó; nhưng mặc dù sự hiểu biết của chúng ta tất nhiên còn chưa hoàn hảo, ít nhất nó không phải là sai lầm ở tình trạng hiện nay. Chúng ta có thể có nhiều sự thật về một sự việc nào đó đến nỗi khi chúng ta đạt được sự hiểu biết tất cả về sự việc đó, tức là lúc mà chúng ta đạt đến quả vị Chân Sư, chúng ta sẽ không phải hiệu chỉnh những gì chúng ta đã biết trước đây, mà chỉ bổ sung vào sự việc đó mà thôi.

Thật là một việc rất khó để biết điều gì người ta có thể giảng dạy cho con người ở ngoài đời. Do đó, điều hay hơn hết là có phát biểu đầy uy tín của một Chân Sư về một số điều vốn có thể được giảng dạy một cách tổng quát. Chúng tôi thường phải nói về Minh Triết Thiên Liêng với những người hoàn toàn không hiểu quan điểm của chúng tôi. Trong buổi diễn thuyết trước công chúng, thỉnh thoảng chúng tôi cảm thấy rằng có thể giúp làm cho nhiều điều trở nên sáng tỏ

hơn nếu chúng tôi tiết lộ một điều gì đó với ý nghĩa ẩn bên trong của chúng, tuy thế chúng tôi lại do dự vì e rằng điều đó có thể làm hại.

Điều rất hiển nhiên là nếu chúng tôi cố gắng giảng giải cho quần chúng tất cả những gì chúng tôi biết về Minh Triết Thiêng Liêng, thì nhiều người nghe mà không hiểu được nhiều về khoa đó. Có nhiều người mà chúng tôi cảm nhận ngay là không thể nói với họ về các Chân Sư, vì ý tưởng đó hoàn toàn xa lạ đối với họ. Họ có thể đưa ra các nhận xét khiếm nhã hoặc nhạo báng đối với ý tưởng đó, dĩ nhiên điều đó sẽ gây đau khổ cho chúng tôi và sẽ mang lại nghiệp quả cực kỳ xấu cho họ nữa. Người nào nói xấu các Đấng Cao Cả sẽ nhận vào chính y một trách nhiệm rất nặng nề, còn sự kiện y không tin vào các Ngài thì không có liên quan gì tới kết quả. Chúng ta có thể không tin rằng một miếng kim loại nào đó nóng, nhưng nếu chúng ta cầm lấy nó thì chúng ta sẽ bị bỏng. Người nào nói xấu các Ngài, là các Đấng đã cống hiến
 295 hết cuộc đời cùng công sức của các Ngài vào việc giúp đỡ thế gian, những người đó phạm vào đại tội vô ơn cũng như phạm tội chế giễu các sự việc thiêng liêng, đó là sự báng bổ. Sự kiện họ không biết rằng các điều đó thiêng liêng thì không quan trọng chút nào. Thế nên chúng ta phải cân nhắc khá cẩn thận những gì chúng ta nói, bởi vì mục đích duy nhất trong cuộc nói chuyện là ít nhất cũng đem lại lợi ích cho người nghe. Chúng ta có thể làm hại họ thay vì đem lại lợi ích cho họ nếu chúng ta đặt trước họ một điều mà họ sẽ chế nhạo hoặc chê cười.

Hãy nhớ lại dụ ngôn của Đấng Christ, mà người ta thường không hiểu rõ, về việc quăng ngọc trước mặt lợn. Thường thường câu này được hiểu hoàn toàn sai lầm là một

sự so sánh người với lợn. Điều đó chắc chắn là không có trong trí của vị đại Chân Sư này. Ngài chỉ muốn nói rằng đưa ra các chân lý nội môn cho những người chưa có được tri thức để hiểu được các chân lý đó thì cũng đại dột như ném ngọc trước lợn vậy. Rất có thể chúng chạy ủa ra mong nhận được thức ăn, khi thấy rằng ngọc không ăn được, lợn sẽ giẫm đạp ngọc dưới bùn, rồi sau đó quay sang cắn xé người cho ngọc vì chúng đã bị thất vọng trong khi đang mong đợi thức ăn. Tuy ngọc có thể có giá trị đối với chúng ta, nhưng ngọc lại không ích lợi gì cho lợn. Đó cũng thường là thái độ của con người bình thường khi chúng ta đặt trước mắt họ các chân lý mà họ không thể hiểu được. Họ không thấy được giá trị các chân lý đó, họ ném chúng sang một bên và thường nổi giận với chúng ta vì đã cho họ cái mà họ xem là vô dụng.

296 Luôn luôn người ta nhận thức rằng chỉ có các chân lý đơn giản mới có thể truyền đạt được cho đại đa số con người chưa tiến hóa cao. Tất cả các tôn giáo lớn đều có một số chân lý đặc biệt mà họ ghi nhớ thật kỹ, và nếu có chân lý nào trong các chân lý này được đưa ra toàn vẹn thì người ta sẽ thấy nó bao hàm hầu hết các vấn đề. Thật cần thiết là một vài ý tưởng nên được vun trồng trong trí của các Chân Ngã tiến hóa của con người, vì thế họ chuyển qua hết tôn giáo này đến tôn giáo khác, hết giống dân này đến giống dân khác, để học điều gì đó từ các nơi này.

Thí dụ, trong Ấn giáo, ý tưởng lớn về bốn phận được đặc biệt nhấn mạnh. Điều hiển nhiên là khi ý tưởng về bốn phận tràn ngập trong trí của một người, nó tất phải đưa đến một nếp sống tốt lành và ngăn nắp. Tôn giáo của Hy Lạp là một tôn giáo nhấn mạnh về cái đẹp. Sự thật trọng đại căn

bản được ghi sâu vào người Hy Lạp suốt đời đó là cái đẹp vốn là một biểu lộ của Thượng Đế, và trong chừng mực mà một người có thể làm cho chính mình và chung quanh mình được đẹp để thì người ấy đưa tất cả đến gần hơn với những gì mà Thượng Đế mong muốn cho họ, và như vậy giúp cho quyền năng thiêng liêng tự biểu lộ đầy đủ hơn qua y. Thế nên, ngay đến vật nhỏ nhất trong đời sống hằng ngày cũng luôn luôn đẹp để, không nhất thiết đắt giá, không khó tìm, nhưng đẹp ở hình dáng và sắc màu. Đó là sự thật mà người Hy Lạp tạo ấn tượng cho thế giới – sức mạnh của sự mỹ lệ.

Trong Cơ Đốc giáo ý tưởng chính yếu là lòng sùng tín. Trong nhiều thế kỷ, Giáo Hội Cơ Đốc đều đề ra trước nó ý tưởng về việc tạo ra các vị thánh, những người thánh thiện, người đức hạnh và nó tự ngợi khen và đặt yêu cầu quan tâm của nó vào các vị thánh đã được tạo ra. Giáo hội cử hành ngày kỷ niệm của các thánh và bằng mọi cách, đặt các thánh đó vào đỉnh cao nhất có thể được. Khảo sát của chúng tôi về lịch sử của các thánh này cho thấy rằng trong các thánh đó có nhiều cá nhân rất khác nhau, một số vị chắc chắn là những người cao cả, học rộng và có năng lực. Những người khác thì không phải vậy chút nào, mà hoàn toàn tầm thường và vô minh, đức hạnh cao cả của họ là lòng tốt. Chỉ khi nghiên cứu sâu xa về nó thì chúng ta mới nhận ra rằng Cơ Đốc giáo được dự tính không những chỉ nuôi dưỡng ngọn lửa sùng tín, mà còn hỗ trợ giáo dân của họ ở mọi trình độ và theo mọi đường lối.

Khi khảo sát các tôn giáo lớn khác như Phật giáo hoặc Ấn giáo, chúng tôi thấy hai tôn giáo này cũng được chuẩn bị để đáp ứng với người theo đạo của họ ở khắp nơi. Mỗi một trong hai tôn giáo này có một số huấn điều cho người ít học,

nhờ đó họ sẽ được trợ giúp, nếu họ tuân theo chúng một cách trung thực để sống cuộc đời thánh thiện. Tôn giáo đó cũng có nhiều giáo lý triết học và siêu hình học cho những ai cần đến. Dưới hình thức hiện nay, Cơ Đốc giáo thực sự không có được điều đó. Thật ra, có các tác phẩm của các Cha Cổ (Fathers), và nếu chúng ta đi lùi trở lại thời của Origen và Clement ở Alexandria, chúng ta sẽ tìm thấy các ẩn ngôn của các giáo lý cao siêu này. Thí dụ, chúng ta thấy nói rằng Cơ Đốc giáo có các Bí Pháp (Mysteries) của nó. Nhưng Cơ Đốc Giáo đã đưa ra trước giáo dân, qua bất cứ Giáo Hội lớn nào như là Giáo Hội Hy Lạp, La Mã hoặc Anh giáo, chắc chắn là một biểu trưng bị cắt xén của những gì vốn có lúc ban đầu.

Mọi tôn giáo chân chính đều phải có khả năng tự thích ứng với con người ở mọi trình độ, có khả năng đáp ứng với bậc hiền triết và người có học, cũng như với người sùng tín vô minh. Chắc chắn là không nên đề cao người dốt nát nhưng sùng tín lên trên người thông thái hơn vốn muốn tìm hiểu. Không may là có một khuynh hướng rõ rệt về phía Giáo Hội Cơ Đốc khi lên án những người muốn hiểu biết, khi chê bai sự thông thái của những người này như chỉ là sự khôn ngoan của cõi đời này, và khi xem những ai có thái độ của một đứa bé con như là có khả năng để tiến bộ mau hơn. Linh hồn còn ấu trĩ (child soul) phải hành xử như thế, và mỗi tôn giáo phải sẵn sàng để đáp ứng và nuôi dưỡng linh hồn ấu trĩ, nhưng đó không phải là lý do giải thích tại sao không nên có thức ăn vững mạnh hơn cho những người tiến hóa hơn. Những linh hồn đã trải qua các thời kỳ tăng trưởng trước kia từ lâu trong các kiếp sống khác, giờ đây mong muốn hiểu biết về Thiên Cơ vĩ đại – biết được điều gì đó về thế giới mà họ đang sống và cơ tiến hóa (scheme) mà theo đó

thế giới này được tạo ra và được giữ cho tiếp diễn. Nhiều huynh đệ bên Cơ Đốc giáo của chúng ta đã tìm thấy – với sự nhẹ nhõm lớn lao cùng một ít kinh ngạc – rằng khoa Minh Triết Thiên Linh có khả năng cung cấp cho họ kiến thức đó mà không làm tổn thương Thiên Chúa giáo của họ một chút nào. Không có một điều gì trong giáo lý của Thiên Chúa thuở ban đầu mà đi ngược chút nào với khoa học, mặc dầu đã có một khuynh hướng chống khoa học kết hợp với giáo lý của Giáo Hội (ecclesiastical teaching) suốt từ thời Trung Cổ. Lúc ban sơ, Thiên Chúa giáo đáp ứng với mục đích của nó hoàn toàn cũng như bất cứ tôn giáo nào khác; chỉ vì xảy ra điều không may trong việc mất đi giáo lý cao siêu mà hiển nhiên là nó rất cần bổ sung vào thời hiện đại.

Đức Chohan kết thúc phần I bằng các lời:

Các qui tắc ghi ở trên là những qui tắc đầu tiên được viết trên vách của Phòng Học Tập. Ai cầu sẽ được. Ai muốn đọc sẽ đọc được. Ai muốn học sẽ học được.

Mong Bình An Đến Với Con (Peace Be With You)



PHẦN II

Chương 1

Bình Luận Mở Đầu

C.W. Leadbeater.- Phần thứ hai của Ánh Sáng Trên Thánh Đạo giả định rằng đạo sinh đã qua được kỳ Điểm Đạo Thứ Nhất, nó đưa con người vượt qua các giai đoạn của Thánh Đạo, lên đến tận trình độ Chân Sư. Nhưng có một giải thích thứ hai cao siêu hơn rằng nó bắt đầu vượt qua trình độ đó, và giúp hướng dẫn người đã trở thành một Chân Sư đi trên giai đoạn kế tiếp của Ngài. Ông T. Subba Row, một người biết rất nhiều về vấn đề này, có lần nói với tôi rằng thật ra có bảy nghĩa cho sách này – bảy cách mà sách có thể được giải thích – tất cả hình như ở các trình độ khác nhau, và ông có nói rằng các cách giải thích cao nhất đưa con người lên đến trình độ điểm đạo của Đức Mahachohan (¹). Dĩ nhiên, điều đó đề cập tới các vấn đề hoàn toàn vượt quá tầm hiểu biết của chúng ta. Chúng ta không thể nào hiểu nổi những gì

¹ Còn gọi là Lord of Civilisation, hay Đức Văn Minh Bồ Tát, vì Ngài được điểm đạo lần 7. Muốn biết thêm về Ngài, xin đọc Điểm Đạo Thái Dương và Nhân Loại trang 45 (ND).

được đề cập đến ở trình độ cao như thế, vì thế thật là vô ích cho chúng ta khi tìm kiếm một giải thích như thế. Có lẽ là chúng ta có thể thấy được hai nghĩa, nhưng còn bất cứ điều gì nằm ngoài đó, chắc chắn sẽ hoàn toàn ở ngoài tầm hiểu biết của chúng ta.

Trong phần mà chúng ta đã nghiên cứu, chúng ta được dạy hãy loại bỏ cái bản ngã thấp (lower self) – tức phàm ngã (personality). Trong phần giải thích cao, điều đó ám chỉ việc loại bỏ biệt ngã (individuality).

Cũng như ở phần một, trong cách giải thích thấp là tạo ra sự hợp nhất của chân ngã và phàm ngã, vì thế trong cách giải thích thứ nhì, nó nhắm vào sự hợp nhất của chân ngã với Chân Thần (Monad). Cái vốn là cách giải thích thứ hai của phần thứ nhất phải là cách giải thích thứ nhất của phần thứ hai vì nó tiếp theo phần thứ nhất. Chúng ta cần nhớ kỹ điều đó, vậy thì ở đây đó, chúng ta có thể thoáng bắt gặp điều vốn phải là ý nghĩa của cách lý giải kế tiếp còn cao hơn nữa.

Từ nơi tịch lặng, vốn là sự an tịnh, một tiếng nói vang dội sẽ cất lên. Và tiếng này sẽ nói: Chưa được, người đã gặt, giờ đây người phải gieo. Nhờ biết tiếng nói này chính là sự yên lặng, con sẽ vâng theo.

Bây giờ con là một đệ tử, đủ sức đứng, đủ sức nghe, đủ sức thấy, đủ sức nói, con đã thắng được dục vọng, đạt được sự tự tri, con đã thấy linh hồn con bùng nổ và nhận ra nó, và nghe được Tiếng Vô Hình – con hãy đi đến Phòng Học Tập, đọc những gì được viết cho con ở đó.

Đây là đoạn dẫn nhập cho phần thứ hai do Chân Sư thành Venice viết ra. Trước tiên, có lẽ người ta phải nhắc đến các lời mở đầu: “Từ nơi tịch lặng, vốn là sự an tịnh, một tiếng nói vang dội sẽ cất lên. Và nhờ biết tiếng nói này chính là sự yên lặng, con sẽ vâng theo”.

305

Đã có nhiều suy đoán trong số các nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng về ý nghĩa chính xác của tiếng vô thính, nhưng bây giờ nó được hiểu một cách tổng quát rằng cách diễn đạt không phải luôn luôn giống nhau. Sự im lặng luôn luôn là những gì nằm ngay bên trên mức độ mà con người đã đạt đến, còn tiếng vô thính là tiếng nói xuống đến con người từ bên trên, tiếng nói của nội ngã (inner self) như chúng ta đã thấy.

Trong mọi trường hợp, tiếng nói này vốn phát ra từ bên trên, là tiếng mà khi được nghe thấy, người ta phải tuân theo, đối với người mới được điểm đạo (nếu chúng ta chọn cách giải thích thấp), hoặc đối với Đấng đã đạt quả vị Chân Sư (nếu chúng ta chọn cách giải thích cao), tiếng này nói rằng trong khi y đang ở trong niềm vui của sự an bình kỳ diệu này, thì thật là không tốt khi nghỉ ngơi (rest) quá lâu. Trong sự tịch lặng, con người vẫn còn ngạc nhiên bởi sự vinh quang của tất cả những gì mà con người đã nhận khi Chứng Đạo; y sẽ thư thái trong con đại định một lúc; y sẽ trải qua một ít thời gian khi nghiên cứu mọi việc dưới ánh sáng mới đến với y. Giờ đây y được nhắc nhở bởi tiếng nói, tiếng ấy bảo với y rằng y đã gặt, giờ đây y phải gieo trở lại. Vì người này đã đạt đến trình độ này và hoạch đắc được tất cả tri thức của trình độ này, cùng với sự chắc chắn và sự an bình, y phải cố gắng trao truyền các món ban tặng này cho kẻ khác. Y

không được mãi thỏa mãn với việc đã tự mình thành tựu được chúng.

Đức Chohan tiếp tục nhắc nhở đạo sinh về các phẩm chất của y: “Giờ đây con là một đệ tử, có khả năng đứng, khả năng nghe, khả năng thấy, khả năng nói”. Và Chân Sư giải thích: có khả năng đứng là có sự đoan chắc (confidence). Hiện giờ, 306 người đó có sự đoan chắc bởi vì y biết. Ở cuộc Chứng Đạo lần thứ nhất, y đã tiếp xúc rõ rệt với cõi Bồ Đề. Y đã có kinh nghiệm tiếp xúc với cõi đó, không nhất thiết rất lâu, nhưng việc đó rõ rệt, để cho y tự mình biết rằng có một thực tại như thế, và sự sống đó là duy nhất.

Kế đến là chú thích dài của Chân Sư Hilarion, và khi xem xét chú giải đó, chúng ta có thể thấy ngay rằng Ngài bàn đến toàn bộ vấn đề một cách khác hẳn trong phần hai này. Ở trước, Ngài đã cho chúng ta những gì mà chúng ta có thể gọi là một bình luận tổng quát về những cái được nói đến; còn ở đây, Ngài giải thích hầu như mọi từ ngữ của bản văn, cho nên hiển nhiên là Ngài xem phần này là rất khó hiểu, cần được giải thích hơn là chỉ bình luận.

Để bắt đầu, Ngài nói:

Đủ sức đứng là có sự đoan chắc; đủ sức nghe là đã mở cánh cửa của linh hồn.

(To be able to stand is to have confidence; to be able to hear is to have opened the doors of the soul).

Thành ngữ “cửa của linh hồn” nhắc cho ta về danh xưng bằng tiếng Nam Phạn (Pâli) dùng để chỉ đức tính thứ nhất trên con đường dự bị, đó là tính phân biệt (discrimination) giữa cái chân và giả. Trong tiếng Pâli, nó

được gọi là *manodwâravaj-jana*, có nghĩa là “việc mở các cánh cửa của trí tuệ” (“the opening the doors of the mind”). Thể trí của con người trở nên mở rộng trước sự dị biệt giữa các sự vật đáng theo đuổi với các sự vật không đáng theo đuổi, và như thế họ nói thể trí con người đã mở được các
 307 cánh cửa của nó để đón nhận chân lý. Vào lúc điểm đạo, con người phải mở thêm nhiều cánh cửa nữa, đó là cửa của linh hồn; nói cách khác, y phải có được tâm thức Bồ Đề. Bây giờ, lần đầu tiên con người mới thực sự là một linh hồn và nhìn mọi vật theo quan điểm của một linh hồn. Dưới trình độ đó còn có sự ngăn cách, do bởi vật chất, vì thế ngay cả trong thể nguyên nhân, y hãy còn cách xa với ý nghĩa thực sự của sự sống theo như cái thấy của linh hồn. Nhưng với sự nhận thức của tâm thức Bồ Đề, con người được đưa vào một tình trạng khác hẳn, không chỉ ở mức độ, với những gì đã trải qua trước kia. Do đó đây là điều vô cùng quan trọng. Vì vậy, nó được tạo thành một phần của cuộc Điểm Đạo Thứ Nhất, mặc dù việc đạt đến tâm thức đó hoàn toàn mở rộng cho chúng ta một cách riêng biệt và trước khi chúng ta được Điểm Đạo.

Đủ sức thấy là đạt được năng lực nhận thức.

(To be able to see is to have attained perception).

Mặc dù đúng là kẻ được điểm đạo thấy trực tiếp đáng kể hơn người thường ở cõi trần, điều cũng đúng là từ những gì mà y thấy, y có thể suy ra rất nhiều điều, hơn là y có thể được kể lại một cách rõ ràng hoặc được hiểu một cách chính xác. Những người biết suy tư, từ lâu đã tự hỏi, bàn bạc và tranh luận xem có Thượng Đế hay không. Không một người

có nhãn thông lão luyện nào tranh cãi về vấn đề đó bao giờ, bởi vì y biết. Tôi không có ý nói rằng y thấy được Thượng Đế. Bạn sẽ đọc thấy trong Thánh Kinh Thiên Chúa giáo câu: “Không có ai đã từng thấy Đức Chúa Trời” (“No man hath seen God at any time”, S. John, 1, 18). Điều đó không hoàn toàn đúng nếu bạn nói đến Thái Dương Thượng Đế (Solar Logos); nhưng mặc dù vậy nó vẫn đúng đối với đa số các đạo sinh. Nhưng hầu như con người không bao giờ thấy được điện, họ lại có rất nhiều bằng chứng rằng điện có thật.

308 Chúng ta có ánh sáng, và xe điện của chúng ta được vận hành bằng lực gây tác động của nó, bao nhiêu thứ đó chúng mình cho chúng ta thấy rằng có một lực như thế, mặc dù chúng ta không bao giờ thấy được lực đó. Cùng cách đó, kẻ có nhãn thông không bao giờ thấy được Thái Dương Thượng Đế, nhưng y đã thấy được đủ bằng chứng về công việc của Ngài để chứng tỏ rằng Ngài hẳn phải hiện hữu. Đó cũng là vị thế của chúng ta đối với nhiều triết lý Minh Triết Thiêng Liêng liên quan đến các vấn đề cao siêu. Luôn luôn chúng ta không biết trực tiếp, nhưng chúng ta thấy các kết quả.

Không một ai dưới bậc Chân Sư mà có thể thấy được Chân Thần; nhưng vị La Hán có thể biết sự hiện hữu của Chân Thần. Trên cõi Niết Bàn, vốn là cõi ngay bên dưới trú sở của Chân Thần ⁽¹⁾, chúng ta thấy một biểu lộ tam phân (triple manifestation) mà chúng ta gọi là Ba Ngôi (triple spirit). Các tia tạo ra biểu lộ tam phân đó hiển nhiên là hội tụ lại khi chúng đạt tới điểm cao nhất. Chúng ta có thể thấy rằng chúng phải trở nên hợp nhất, mặc dầu chúng ta không

¹ Chân Thần ngự tại cõi Đại Niết Bàn, cao hơn cõi Niết Bàn một bậc.

thấy sự hợp nhất thực sự đó. Hiện tượng mà chúng ta thấy liên quan với ba tia sáng chỉ ra rằng chúng có thể chỉ là ba mặt nhỏ của một thân lớn (great body) hay là đại linh quang (great light). Thế nên, mặc dầu trên thực tế chúng ta không biết bằng chính nhãn quang chúng ta rằng Chân Thần hiện hữu, chúng ta chấp nhận nó dựa trên bằng chứng mà chúng ta có thể hoàn toàn tin cậy – bằng chứng về các Chân Sư của chúng ta – và các hiện tượng mà chúng ta có thể thấy trên cõi cao nhất mà chúng ta có thể đạt đến đòi hỏi rằng sẽ có một thực tại như thế đó.

Các Đấng Cao Cả này đã dạy cho chúng tôi một vài điều mà cho đến nay ở ngoài tầm hiểu biết của chúng tôi, nhưng trong mọi trường hợp, khi chúng tôi tiến hóa hơn, chúng tôi có thể hiểu nhiều hơn về các điều mà chúng tôi đã được dạy. Điều này đã xảy ra cho chúng tôi nhiều lần rồi. Thế nên mặc dầu khi một người đạt đến trình độ mà đoạn văn này nói đến, tôi cũng không cho rằng người ấy sẽ thấy được Thượng Đế, mà tôi cho rằng người ấy sẽ thấy được bằng chứng về sự hiện hữu của Ngài, cũng như sẽ hoàn toàn không thể ngờ vực việc đó. Nhờ biết như vậy và cũng hoạt động theo luật tiến hóa, người ta đạt được sự tuyệt đối chắc chắn rằng tất cả đều tốt lành.

Một ít người có nhãn thông cao, sẽ chắc chắn rằng mọi việc đều tốt đẹp và đó là một điều thực sự rất lớn lao. Tôi cho rằng khi một người chưa đạt đến trình độ đó, y khó mà biết điều đó là gì – đó là sự chắc chắn tuyệt đối là sau rốt không một điều gì có thể vận hành sai, dù cho các sự việc đen tối có thể xảy đến, và chẳng bao lâu các đám mây sẽ tan biến và ánh dương quang vĩnh cửu vốn đã luôn luôn ở đó, sẽ tỏa chiếu trở lại.

Với một chút thực hành, có lẽ không khó lắm khi nghĩ rằng mọi việc đang diễn tiến tốt đẹp cho chính mình. Khi chúng ta trải qua sự sống, chúng ta gặp phải mọi thứ phiền toái và khó khăn, và thậm chí khi tách ra khỏi huyền bí học, những người có tâm trí hiểu biết về Minh Triết Thiên Liêng chẳng mấy chốc bắt đầu nhận ra rằng những gì xảy đến cho y không quan trọng bằng chính thái độ của y đối với sự việc xảy ra – rằng y có thể làm cho chính mình rất hạnh phúc dưới những hoàn cảnh vốn làm cho nhiều người khác đau khổ. Trường hợp ngược lại cũng đúng; một người có thể tự làm cho chính mình thành bất hạnh trong những hoàn cảnh vốn làm cho đa số người khác được hạnh phúc. Thế nên, không khó lắm mà đi đến chỗ tin rằng tất cả mọi người đều đang làm việc cho điều tốt lành trong chừng mực người đó có liên quan; nhưng rất khó mà tin vào điều đó đối với những người mà chúng ta yêu thương, nếu chúng ta thấy họ lâm vào cảnh rắc rối, làm điều lầm lỗi và hứng chịu đau khổ theo nhiều cách khác nhau. Còn khó hơn nhiều khi tin rằng tất cả đều được quản lý một cách thích hợp đối với họ, bởi vì người ta tự nhiên cảm thấy thích che chở; người ta muốn che chở họ khỏi các tác hại của karma.

Họ nói rằng tình yêu thì mù quáng. Có thể nó làm cho người ta mù quáng một ít theo cách đó. Tuy nhiên, kinh nghiệm của cá nhân tôi thì khác – tình thương mạnh mẽ đó làm cho một người đặc biệt thấy tình tường với một lỗi lầm, để cho người ta có thể giúp diệt trừ lỗi lầm đó. Câu tục ngữ đó được dùng để ám chỉ rằng người ta không thấy được lỗi lầm của người mình yêu. Dù sao đi nữa, khi một điều gì đó của ý thức về thực tại được đạt đến, thì một trong các lợi ích lớn mà người ta có được từ đó là bấy giờ y hoàn toàn chắc

chấn, cả cho chính y lẫn cho những người mà y yêu thương, rằng mọi việc đang cùng nhau hoạt động cho cái tốt lành, và rằng kết quả sau cùng trong mọi trường hợp sẽ là cái tốt nhất có thể đạt được. Thật là một cội nguồn an bình lớn lao khi có được sự chắc chắn đó.

Đủ sức nói là đã có năng lực giúp đỡ kẻ khác.

(To be able to speak is to have attained the power of helping others).

Thật là có ý nghĩa khi Chân Sư chọn việc thốt ra lời nói như là cách mà chúng ta có thể giúp kẻ khác dễ dàng nhất. Đối với đa số chúng ta, điều này rất đúng. Trên cõi trần, chúng ta có thể làm nhiều điều khác nhau với mục đích giúp kẻ khác, nhưng có lẽ cách giúp đỡ hữu hiệu nhất mà chúng ta, với tư cách Nhà Nghiên Cứu Minh Triết Thiêng Liêng, có thể đưa ra cho kẻ khác là bằng ngôn từ (speech) hoặc chữ viết (writing) – chữ viết chỉ là một hình thức khác của ngôn từ. Chúng ta có thể trình bày trước họ những gì mà chúng ta biết. Rất ít người trong chúng ta có sự hiểu biết trực tiếp về các vấn đề này, nhưng chúng ta có một sự xác tín nào đó từ bên trong về những gì mà chúng ta không thể biết, nếu được đẩy tới chỗ cuối cùng, sẽ cung cấp một lý do thật sự.

311

Những gì mang lại sức mạnh lớn lao cho những lời mà bà Besant nói chính là người ta cảm nhận khi bà nói rằng bà đang nói về những gì mà bà biết. Thêm vào đó, bà có được tài hùng biện kỳ diệu vô cùng. Người ta không thể hy vọng đạt đến sự hùng biện trong một thời gian ngắn, vì hùng biện không phải là một năng khiếu. Nó có được là nhờ công việc rất gian lao được tiếp tục qua nhiều kiếp sống. Bà đã chuyển

rất nhiều năng lực trí tuệ của bà suốt nhiều kiếp sống vào chiều hướng ngôn từ. Kết quả của việc thực hành đó là bà có thể diễn thuyết rất giỏi. Tôi nhớ có người khen tặng bà về tài hùng biện kỳ diệu của bà. Bà đáp: “Nào, tôi đã quen nói trước công chúng từ mười hai ngàn năm nay rồi, tôi cho rằng tôi phải biết gì đó về nó (sự hùng biện –ND) vào lúc này”. Rất đúng là việc thực hành đó đã đem lại cho bà năng lực nổi bật đó, và chỉ bằng số lượng hoạt động tương xứng thì chúng ta mới có hy vọng đạt được tài hùng biện đó. Tuy nhiên bất cứ ai trong chúng ta, dù không có được tài hùng biện kỳ diệu, cũng có thể thuyết giảng về những điều mà chúng ta biết, và sự xác tín của chúng ta sẽ đem sự tin tưởng đến cho kẻ khác.

Chỉ chừng nào chúng ta cảm thấy tự tin thì chúng ta mới có thể truyền đạt sự xác tín của chúng ta cho kẻ khác và là sự trợ giúp thực sự cho họ; do đó nếu chỉ do một mình lý do đó thôi thì nó cũng đáng để tìm cách đạt được sự xác tín đó. Chúng ta sẽ học hỏi ngày rộng sâu thêm và không nên chỉ thỏa mãn với cái thấy hơi hợt về các ý tưởng Minh Triết Thiêng Liêng. Chúng ta cần phải sống trong các ý tưởng đó. Tôi biết có nhiều hội viên của Hội Minh Triết Thiêng Liêng đã gia nhập Hội từ hai mươi năm qua mà không biết gì nhiều hơn ngày họ mới gia nhập. Nhưng tôi cũng biết có nhiều hội viên kỳ cựu đã từ từ sống trong giáo lý đó đến khi
 312 các giáo lý này trở thành, có thể nói như vậy, một phần của chính họ. Những người này có thể nói với sự chắc chắn và chân thực, cảm thấy một sự chắc chắn mà các đạo sinh mới dù có lòng nhiệt thành đi nữa cũng không dễ dàng có được. Ngày nay cũng như thuở xưa, điều sau đây vẫn đúng: “Nếu

người nào sẵn lòng làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, y sẽ biết giáo lý này, cho dù nó là giáo lý của Đức Chúa Trời” (S. John, 7, 17).

Cách duy nhất để có được sự tin chắc (certainty) trước khi người ta có thể tự mình thấy được chút nào là sống y như thể điều đó có thực. Khi làm như thế, các bằng chứng sẽ dần dần tích lũy quanh người tin chắc điều đó, và mặc dầu mỗi một trong các bằng chứng này có thể dường như tự nó là nhỏ bé, khi được gộp chung lại, chúng sẽ tạo thành một chứng có mà người ta không thể nghi ngờ hoặc chối bỏ được.

Đã chế ngự được dục vọng là đã học được cách sử dụng và kiềm chế phàm ngã; đã đạt được sự tự tri là đã rút về thành trì nội tâm, nhờ đó phàm ngã có thể được xem xét một cách không thiên vị.

Thành trì nội tâm (inner fortress) trong trường hợp này dĩ nhiên là chân ngã. Có một giai đoạn cao hơn, lúc đó thành trì nội tâm là Chân Thần mà Chân Ngã phải hợp nhất vào đó. Tôi đã giải thích cách thức mà chân ngã tự đưa mình xuống vào phàm ngã. Chúng ta hãy nhớ rõ điều đó. Chân Thần phóng xuống một tia sáng của chính Chân Thần – đó gần như là một sự so sánh gần mà chúng tôi có thể tìm thấy cho việc đó – vào cõi Niết Bàn, tức là cõi tiếp liền bên dưới của cõi Chân Thần. Tia sáng này phân thành ba tia và trở thành Linh Thể tam phân (triple Atma) hay Tinh Thần Tam Phân (triple spirit), và ba ngôi này (aspects) của Tinh thần Tam Phân giáng xuống và biểu lộ trên các cõi thấp cho đến khi nó xuất hiện dưới hình thức Atma- Buddhi- Manas, cùng
313 hợp lại tạo thành chân nhân (ego). Giờ đây ego đó chỉ là biểu

lộ một phần của Chân Thần, một mảnh nhỏ của Chân Thần, có thể nói như vậy, tuy thế nó vẫn hành xử y như thể nó là một thực thể hoàn toàn riêng biệt, giống như một người bình thường nghĩ về mình như là một thực thể riêng biệt, và có khuynh hướng nghĩ đến linh hồn như một cái gì đó trôi lơ lửng một cách vô tâm bên trên nó, giống như một quả bóng có cột dây.

Tôi tin rằng tất cả những người nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng vốn không làm như thế, ắt là đã đọc kỹ quyển *"Human Personality"* (Phạm Ngã Con Người) của giáo sư Myers, bởi vì sách đó trình bày rất rõ ràng về mối liên hệ giữa chân ngã với phạm ngã, và điều đó đặc biệt lý thú với các hội viên chúng ta, bởi ông ấy lúc đầu là một người hoài nghi, rồi sau cùng thừa nhận các sự hiện hình (apparitions) và tất cả những gì thực sự theo sau. Tôi thường gặp ông ấy. Ông ta cũng hay đến gặp bà Blavatsky. Ông có ấn tượng với những gì bà nói với ông, nhưng không bao giờ hoàn toàn hài lòng. Ông ta luôn luôn tìm kiếm một điều gì đó rõ ràng theo quan điểm trí tuệ của ông ta, và thực tế thì đó là những gì không thể được đưa ra; dù sao thì thật quá khó khi đưa ra bất cứ điều gì liên quan đến các cõi cao. Người ta không thể diễn tả chút nào những chức năng, hoặc các năng lực, hoặc các tình trạng của các cõi cao bằng các thuật ngữ của cõi thấp. Điều này không thể làm được, cũng giống như cho nội dung của một hình khối vuông theo tiêu chuẩn của hình vuông. Sự dị biệt chính xác là loại đó.

Giáo Sư Myers đã tìm cách diễn tả cõi cao bằng các thuật ngữ của cõi thấp. Chúng ta có thể phỏng chừng; chúng ta có thể nhắm vào điều đó, và cố gắng kích thích trực giác của độc giả và thánh giả của chúng ta, nhưng chúng ta không

314 thể kể điều đó bằng quá nhiều từ – không phải vì chúng ta được dạy không nên nói, mà vì lẽ không thể nói được. Con người phải phát triển các quan năng cao mới thấy được trên các cõi cao. Chúng ta có thể nói với họ tất cả những gì chúng ta có thể nói được về cõi cảm dục; khi họ đạt tới cõi cảm dục đó trong tâm thức đầy đủ, họ sẽ nói: “Chỉ có một nửa được nói với tôi”. Điều đó đúng, bởi vì không thể nói nhiều được. Người ta không thể biết những điều cao siêu này ở đây (tức cõi trần-ND), nhưng ít nhất biết được một phần về chúng thì đã là một sự an ủi và thuận lợi rất lớn. Chúng ta không thể hiểu biết đầy đủ, nhưng chúng ta cũng biết đủ để tin chắc rằng không cần sợ hãi và nghi ngờ, và rằng ít nhất đó cũng là cái lợi ích lớn lao và thú vị mà việc học hỏi Minh Triết Thiêng Liêng mang lại cho chúng tôi.

Đã thấy linh hồn của con bùng nổ là đã có được trong chính con một thoáng ngấn ngủ của sự biến dung, điều này sau rốt sẽ làm cho con vượt lên hơn con người.

Khi một người đạt đến tâm thức Bồ Đề thì người ấy có được sự sáng suốt rộng lớn hơn (wider insight) vốn phong phú hơn là sự hiểu biết thông thường bởi vì nó cũng là cảm giác (feeling). Và đó là điều kỳ diệu, một điều hoàn toàn mới mẻ trong kinh nghiệm của con người, cho đến đổi ở đây Chân Sư đề cập đến nó nhiều lần bằng nhiều cách khác nhau, tiếp cận nó từ các quan điểm khác nhau. “Có cái thoáng nhìn đầu tiên về những gì sẽ làm cho con vượt hơn con người” là có sự giao tiếp (touch) đầu tiên của sự hợp nhất với Thượng Đế, tức là với Thái Dương Thượng Đế. Nhưng cần phải nhớ rằng ở cuộc điểm đạo, một người

không đạt đến tâm thức Bồ Đề đầy đủ, cũng như người đó không phát triển chút nào thể Bồ Đề.

315 Đệ tử nào đã tự mình thực hành để phát triển tâm thức Bồ Đề thì y đã thường có kinh nghiệm ở cõi đó. Nhưng nếu y không có, thì kinh nghiệm đầu tiên bây giờ xảy ra, và kinh nghiệm đó trực tiếp liên quan đến các xiềng xích mà y đang bắt đầu ném bỏ. Ba xiềng xích đầu tiên phải được tháo bỏ là ảo tưởng về phàm ngã, sự hoài nghi và sự mê tín dị đoan. Cả ba đều bị xua tan nhờ sự thoáng thấy đó. Y có thể không có ảo tưởng chia rẽ nữa khi y nhận biết được sự hợp nhất. Y không còn hoài nghi các sự thật này nữa. Đệ tử được dạy rằng y đừng nên hoài nghi cơ tiến hóa, đại luật karma và sự thật rằng sự tiến bộ cao nhất sẽ được đạt đến bằng sự thánh thiện. Điều này đúng một cách chắc chắn. Con người không thể nghi ngờ các điều này. Con người có thể thấy chúng đang tác động, và vì con người đang đứng nơi mà nhiều con đường đang gặp gỡ, y biết rằng có nhiều con đường và tất cả các con đường đó đều dẫn đến Chí Phúc duy nhất (the one Bliss); đệ tử không còn giữ lại cái mê tín rằng bất cứ một hình thức tôn giáo nào là cần thiết cho kẻ đã đạt đến trình độ đó. Y đứng trên đỉnh núi và thấy mọi con đường đều dẫn đến đó và thấy rằng tất cả đều tốt lành. Việc nhấn mạnh lớn lao được đặt vào kinh nghiệm cõi Bồ Đề này; theo bất cứ quan điểm nào thì đó là việc đạt được *“một thoáng nhìn về những gì sẽ làm cho con vượt hơn con người”*.

Đối với Đấng đã đạt được quả vị Chân Sư, điều đó có nghĩa là vẫn còn nhiều điều hơn thế, bởi vì rõ rệt là Chân Sư trở nên Hợp Nhất với một biểu lộ nào đó của Thượng Đế. Khi Thượng Đế tự biểu lộ trong tập hợp các cõi mà tất cả

được gộp chung vào làm thành cõi hồng trần vũ trụ ⁽¹⁾, tức là cõi thấp nhất trong các cõi của đại vũ trụ, Ngài tự biểu lộ dưới hình thức là Ba, tuy vẫn là Một, Ba Ngôi Chí Phúc Bất Diệt (Ever Blessed Trinity) tuy vậy vốn là một Nhất Nguyên huy hoàng.

316

Chúng ta được dạy đi dạy lại rằng chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ hai ý tưởng này khi chúng ta nghĩ đến Ngài, chúng ta phải “không được lầm lẫn. Các Cá Nhân cũng không phân chia Bản Thể (Substance)” mà phải cố gắng để hiểu ý tưởng về Đại Bí Nhiệm của Ba Ngôi tuy vẫn là Một, vốn không thể hiểu được hay giải thích một cách tường tận. Rất nhiều điều quan trọng ở mọi thời và trong hầu hết mọi tôn giáo đều liên kết sự hiểu biết về cái Bí Nhiệm đó vì lẽ đó là điều thực sự rất quan trọng. Rất nhiều người nói rằng mọi triết lý như các triết lý này chỉ có giá trị về mặt lý thuyết cho nên chúng không tạo ra điều gì khác lạ trong cuộc sống thực tế. Điều đó không hoàn toàn đúng. Chắc chắn là người ta cần nên tìm hiểu một ít về vấn đề này. Chúng ta không thể hiểu hết mọi điều về việc đó, nhưng ít nhất chúng ta nên biết rằng có ba tuyến lực (lines of force), và tuy thế mọi lực là một và như nhau. Nếu không biết điều này thì chúng ta không thể hiểu được phương pháp mà theo đó thế giới chúng ta xuất hiện, cũng như chúng ta không thể hiểu được con người, bởi vì “Chúa tạo ra con người theo hình ảnh của chính Ngài” và do đó con người cũng có cùng tính chất này – đó là con người tuy là ba mà vẫn là một. Bây giờ Ba và Một trong cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta tự biểu lộ bằng một sự sắp xếp

¹ Trong *Luận Về Lửa Vũ Trụ* của A. A. Bailey, cõi hồng trần vũ trụ được viết là Kosmic prakritic plane. (trang 94).

rất giống với Atma- Buddhi- Manas trong con người – hay sẽ chính xác hơn khi nói rằng ba ngôi của chúng ta (ours) tương đồng với Cái Đó (That).

Chúng ta có Tinh Thần (Spirit) cao nhất trên cõi cao nhất của chúng ta, và lúc đó Ngôi Hai (second Aspect) của Tinh Thần đó mới giáng xuống một cõi – và như thế có trong chính nó hai phẩm tính (qualities) cái thì ở trên cõi cao và cái (that) ở trên cõi thấp. Con người nói đến nó như là nhị nguyên (dual); trong Cơ Đốc giáo chúng ta nghe nói Đức Christ như là “Chúa và con người” (“God and man”), còn trong Bộ Giáo Lý Bí Nhiệm, chúng ta đọc thấy: “Phụ Mẫu dệt một tấm lưới” (Quyển I, trang 59, 111). Trạng thái đó luôn luôn có hai mặt: nó tương đương với Từ Phụ khi dính dáng đến Chúa Trời của Ngài, tuy nhiên khi nó giáng xuống một cõi thì nó thấp kém hơn Từ Phụ (Father) khi dính dáng đến Trạng Thái Người của Ngài (His Manhood). Tuy nhiên hai trạng thái này không tách biệt, mà chúng tạo thành Đấng Christ duy nhất, và Đấng Christ này là một với Đức Chúa Cha.

Kế đó có Ngôi Ba (Third Person) của Tam Vị Nhất Thể, Chí Phúc (Blessed Trinity). Khi giáng xuống cõi thứ hai và trụ lại mức độ đó với Chúa Con, và kế đó xuống thêm một chặng nữa và biểu lộ trong phần cao nhất của cõi mà đôi khi chúng ta gọi là cõi Niết Bàn (nirvnic or Atmic plane), vẫn ở ngoài tầm hiểu biết của chúng ta, Ngài ngự tại đó. Vậy thì người ta thấy có ba đường thẳng cùng tạo thành hình một tam giác. Chúng ta có đường nằm ngang vốn nối liền ba Trạng Thái hay Ngôi ở tại mức độ riêng của chúng, kế đó có đường thẳng góc của tam giác – nhưng trong trường hợp này đi xuống từ cái mà chúng ta có thể gọi là đáy, thay vì đi

lên tới nó – để nối liền chung lại ba trạng thái khác nhau của Ba Ngôi. Kế đó có cạnh huyền của tam giác. Bây giờ, đường thẳng đó, tức đường huyền (hypotenuses) của hình tam giác, bình phương của nó thì bằng với tổng số các bình phương trên hai cạnh kia, tiêu biểu cho Thượng Đế. Đối với chúng ta ở cõi trần, nó tiêu biểu cho Ba Ngôi vì các Ngôi tuy thế vẫn liên kết chúng lại thành một.

318 Một người đạt tới quả vị Chân Sư khi người đó nâng được tâm thức thông thường của Ngài lên tới cõi Niết Bàn và chính sự kiện làm cho người thường khác với Chân Sư là Chân Sư đã hợp nhất Chân Thần với Chân Nhân. Từ lúc Ngài trở nên hợp nhất với Chân Thần, Ngài đã đạt đến cõi biểu lộ thứ ba hay là biểu lộ thấp nhất của Thượng Đế. Do đó mới có việc chính thần lực Thượng Đế trút xuống như mưa rào vào Chân Sư được mô tả một cách điển hình trong Lễ Hiện Xuống của Chúa Thánh Thần (Pentecost). Sau khi Ngài đã trải qua thập giá hình và phục sinh vốn tiêu biểu cho trình độ La Hán, thì con người có trước mắt việc thăng thiên, và sau sự thăng thiên đến sự hiện xuống của Chúa Thánh Thần (Holy Ghost). Trong biểu tượng như đã được trình bày cho chúng ta, thì Đấng Christ thăng lên, còn Chúa Thánh Thần giáng xuống trên các thánh tông đồ (apostles), theo câu chuyện được trình bày cho chúng ta, một cách độc lập với câu chuyện Đức Christ, và sau đó Ngài đã bỏ xác. Nhưng đại giáo lý của phái Trực Quan trong Pistis Sophia ⁽¹⁾ thì lại nói

¹ Pistis Sophia (Sanskrit). “Knowledge - wisdom” (“Tri thức - Minh Triết”) một thánh kinh của người theo thuyết Trực Quan (còn dịch là thuyết Ngộ Đạo) thuở ban sơ (early Gnostics) hay là người Cơ Đốc giáo nguyên thủy (primitive Christians). (Theosophical Glossary, H.P.Blavatsky. 1971).

rằng Đức Christ sau khi thăng thiên (ascension), Ngài ở lại mười một năm, dạy dỗ con dân của Ngài, từ lý do đó người ta sẽ thấy rằng việc giáng xuống (descent) của Chúa Thánh Thần xảy ra không phải sau khi mà rất rõ ràng là trong khi Ngài hiện hữu cùng với Giáo Hội của Ngài. Việc giáng xuống của Chúa Thánh Thần hẳn là tượng trưng cho việc đạt được quả vị Chân Sư (Adeptship) của tất cả những ai được tiêu biểu dưới hình thức các Thánh tông đồ (bất luận là ai), vì “các lưỡi lửa đã ngự nơi các Ngài” (“tongues of fire sat upon them”); một cách nói vốn chỉ cho thấy rất gần gũi với một vài hiện tượng được biết rõ ở Đông Phương.

Những ai đã thấy các tượng của Đức Phật hoặc bất cứ vị đại thánh hoặc các vị thần của Ấn Độ, sẽ để ý rằng thường thường có một mái vòm đôi nhỏ kỳ lạ ở đỉnh đầu. Rất ít người thực sự biết được ý nghĩa của biểu tượng đó. Trên đỉnh đầu con người có một luân xa, đôi khi được nói đến như là “hoa sen có ngàn cánh”. Nơi người thường đó là một chỗ xoáy (vortex) hoặc chỗ lõm xuống (depression) trong thể dĩ thái, nhưng khi một người đạt đến một trình độ cao nào đó, thì y có thể quay chỗ xoáy đó ra ngoài thay vì vào trong và làm cho nó nhô lên (mound) thay vì lõm xuống. Đó là lý do giải thích tại sao khi vẽ Đức Phật, họa sĩ cố gắng tượng trưng cái mái vòm kép nhỏ kỳ lạ vươn lên trên đỉnh đầu. Cái vòm đó cháy sáng và cho ấn tượng một ngọn lửa. Thế nên “các lưỡi lửa” là cách mô tả không phải tệ tí nào về mặt thi vị.

Một hiện tượng kỳ lạ khác cũng được mô tả liên quan đến việc giáng xuống, đó là khi những người được Chúa Thánh Thần giáng xuống, nói ra, thì người nghe được nghe thấy bằng thứ ngôn ngữ của mình, theo như chúng tôi biết

hiện nay, không nhất thiết thuộc quả vị Chân Sư, mà điều đó thuộc về một trình độ cao hơn. Chính tôi đã biết một trường hợp của hiện tượng này. Dường như là quyền năng đó được tuôn xuống cho các vị thánh tông đồ vào lúc đó, nếu chúng ta ghi nhận chuyện đó như là tiêu biểu cho một sự kiện lịch sử.

Khảo sát một cách tường tận, chúng ta không thấy các thánh tông đồ được sắp xếp theo cách đó. Không phải là không có nhân vật như thánh Peter, mà là có nhiều Peters. Đó là một danh hiệu/ tước vị (title) vị đứng đầu của mỗi nhà thờ - petros, một nền đá (rock) trên đó có xây nhà thờ – bởi vì người lãnh đạo của nhà thờ là nền đá mà nhà thờ được xây lên trên đó. Đó không phải là một biểu tượng không thích hợp; vì chúng tôi biết rất thường khi các Chi Bộ Minh Triết Thiên Liêng và các tổ chức khác, thường lệ thuộc vào một nhân vật đứng theo cách đó. Dường như là vào thời xa xưa cũng xảy ra như thế đó. Có những người có thể lãnh đạo, và nơi nào có người lãnh đạo sẽ luôn luôn có người hưởng ứng. Thế nên kiến thức của người lãnh đạo là tảng đá mà giáo hội đặc biệt được xây lên trên đó. Đối với phần còn lại chúng tôi không khảo sát đủ chặt chẽ, để nói một cách chính xác, nhưng người ta không thể chỉ ngò vực rất nhiều về câu chuyện này, nhất là khi hiền giả Origene đặc biệt cảnh báo chúng ta đừng nên xem chuyện đó như là lịch sử và so sánh nó với câu chuyện về Hagar và Ishmael được viết ra trong Thánh kinh: “Cả hai điều đó có một nghĩa bóng” (Galatians, 4, 24). Chúng ta có được một cái nhìn rộng lớn hơn và hữu ích hơn về tất cả các việc này nếu chúng ta áp dụng ý tưởng đó vào chúng, bởi vì như Origene đã nói “Dù cho các việc này có xảy ra tại Judea hay không, ít nhất một vài điều đó,

qua suốt các kỷ nguyên dài, chúng cũng đang xảy ra trong các kiếp sống của các Cơ Đốc nhân” và đó là khía cạnh quan trọng của chuyện xảy ra, không phải là biến cố vật chất.

Như vậy vị Chân Sư trở nên hợp nhất trong tâm thức với Ngôi Ba của Tam Vị Nhất Thể Chí Phúc. Điều đó phải là một cái gì giống như cách mà ở toàn thể cõi thấp, chúng ta thấy chính chúng ta đạt đến sự hợp nhất tâm thức; chúng ta thấy rằng những người khác dường như là một phần của chính chúng ta khi chúng ta đạt tới tâm thức đầy đủ của cõi Niết bàn; lúc bấy giờ, tất cả đều được nhìn thấy như các mặt nhỏ của Đấng Duy Nhất.

Nhận ra (to recognize) là hoàn thành được nhiệm vụ to lớn khi nhìn vào ánh sáng chói lọi mà không sụp đổ xuống và không rút lui trong sợ hãi như đứng trước ác quỷ. Điều này từng xảy đến cho một số người, và vì thế khi sự chiến thắng hầu như đạt được lại bị mất đi.

Nghe thì rất kỳ lạ là người ở mức cao như thế mà còn có thể thất bại, tuy nhiên có một số người làm như thế. Trước khi đạt đến trình độ này, mọi khả năng gây ra sợ hãi phải đã được vượt qua hoàn toàn, nhưng có một số người chùn bước trước các phát triển huy hoàng này, bởi vì họ sợ mất đi biệt ngã (individuality) của họ. Ở một mức độ thấp hơn nhiều, con người phải đối phó với cùng sự việc như thế sau khi chết. Nhiều người cố bám chặt lấy sự sống hồng trần vì nghĩ rằng có lẽ không còn có sự sống nào khác hơn nữa. Khi thể dĩ

thái, vốn được cấu tạo bằng chất hồng trần⁽¹⁾, được rút ra khỏi nhục thân (dense body), người đó còn ở trong thể cảm dục của y, sẽ bám chặt vào đối phần dĩ thái (etheric counterpart) vốn vẫn còn bao quanh y, thay vì để cho nó tan rã như thông thường, và như thế, người ấy gặp nhiều phiền phức cho chính mình. Y sống trong “thế giới u ám” (“grey world”) như đôi khi hiện tượng đó được gọi thế.

Chúng ta gặp cùng hiện tượng đó ở trình độ cao này. Con người, qua tất cả các lần luân hồi của mình, có một thể nguyên nhân; y đồng nhất hóa thể nguyên nhân đó với biệt ngã của mình và lùi lại vì sợ mất nó. Chí phúc (bliss) và ánh sáng vô biên của cõi Bồ Đề hiện ra lò mờ trước mắt y, nhưng y chỉ có thể đạt đến cõi này bằng cách bỏ thể nguyên nhân, điều đó đôi khi làm cho y khiếp sợ. Y sợ rằng khi mất thể đó, y sẽ mất tất cả và sẽ bị hòa nhập vào ánh sáng vô biên đó, thế nên y sẽ rơi trở lại vào chính ngưỡng cửa. Y lo ngại toàn thể cái mới lạ của việc hòa nhập trong hợp nhất. Y không biết rằng khi đã hòa nhập như thế, y sẽ vẫn còn cảm nhận được chính mình cũng nhiều như trước kia và sẽ không có cảm giác rằng giọt nước bị nhập vào đại dương, mà là đại dương đã đổ vào giọt nước.

¹ Cõi hồng trần gồm 7 cõi phụ: đặc, lỏng, khí, dĩ thái 4, dĩ thái 3, dĩ thái 2, dĩ thái 1. Thể dĩ thái của đa số con người được tạo thành bằng chất dĩ thái 4. Thể dĩ thái chính là thể từ điện trên cõi trần. Khi được thanh luyện đúng cách, thể dĩ thái có thêm chất dĩ thái 3, dĩ thái 2, dĩ thái 1, do đó tác giả mới nói thể dĩ thái được cấu tạo bằng chất hồng trần, dù cho mắt người không thấy được thể này. Thể dĩ thái đem lại sinh lực nên còn được gọi là thể sinh lực (ND) .

Đôi khi chúng ta có các thí dụ về việc đó ở các mức độ thấp. Người đang hoạt động trong hạ trí của mình, đôi khi sợ để nó ra đi và chìm lại vào trong thể nguyên nhân, không còn cụ thể nữa, mà là trừu tượng; thể rồi ở giai đoạn đó, y 322 dừng lại và do dự, và sợ vượt qua. Sự tiến bộ của con người trong các trường hợp này tùy thuộc vào năng lực ở đằng sau, lòng nhiệt thành mãnh liệt và sùng tín mạnh mẽ, nó giúp y vượt qua. Vì đó là sức thôi thúc, vì con người ngần ngại có nghĩa lòng nhiệt thành thất bại, vì nỗi e ngại và lòng nhiệt thành loại đó không thể cùng tồn tại. Lúc mà con người để cho chính mình sợ sệt, do chính ý nghĩ đó mà y lùi lại và bỏ rơi, và không còn địa vị mà y đã đạt đến.

Trong một số trường hợp, có một lý lẽ bào chữa nào đó cho việc lùi lại này, và tôi nghĩ rằng nền tảng của việc đó chính là nếu một người vượt quá mức độ mà y có ý thức, thì y rơi vào trạng thái xuất thần (trance) và mất đi hiểu biết về chính mình. Ở Ấn Độ, người ta gọi là đi vào đại định (samadhi). Chúng tôi tự hỏi trạng thái này có ở giai đoạn nào, và nhận dạng nó với các trình độ khác nhau, từ trình độ này đến trình độ khác, và sau đó thấy rằng nó không bất biến. Phải mất một thời gian lâu mới khám phá ra rằng trạng thái samdhi thay đổi tùy người. Nó có nghĩa là tình trạng ở ngay trên mức độ mà con người có thể giữ lại tâm thức. Đối với người còn dã man, tâm thức của y rõ ràng chỉ ở trên cõi trần, thì cõi tình cảm (cảm dục) sẽ là samàdhi. Đối với đa số người thuộc giống dân chúng ta, họ không có nghiên cứu các vấn đề này, thì việc nhập vào thể nguyên nhân sẽ là đại định, bởi vì họ không có đủ ý thức cho kinh nghiệm này hữu dụng đối với họ. Nhiều người trong chúng ta, nếu chúng ta có thể thành công trong việc thúc ép mình vào cõi Bồ Đề, thì cũng

323 không có ý thức ở cảnh giới đó. Điều đó có nghĩa là ngay sau đó được trôi về các hiện thể thấp của chúng ta, chúng ta sẽ trở lại mà không có thêm bất cứ tri thức rõ rệt nào. Chúng ta sẽ đến với cảm giác toàn phúc tuyệt vời, một cảm giác đã đắm mình trong mọi thứ lộng lẫy mơ hồ, nhưng không có được một tri thức rõ ràng nào và cũng không có được năng lực mới mẻ nào để làm bất cứ điều gì hữu ích.

Loại đại định này – một tình trạng ở ngay trên tâm thức của bạn – không được các Chân Sư của chúng ta khuyến khích. Các Ngài sẽ khuyên: “Tất nhiên là hãy đạt tới trình độ cao nhất mà con có thể đạt được, nhưng hãy làm điều đó một cách hữu thức, hãy tiến lên từ từ, đừng nhảy vào nó. Hãy cẩn thận, tiến lên một cách đều đặn, nhưng cố gắng giữ ý thức của con trong suốt thời gian con làm điều đó”.

Có thể nói là có nhiều khả năng nguy hiểm; không có gì thực sự là nguy hiểm, vì ở các trình độ cao này người ta không có cuộc sống riêng rẽ để mất đi theo cách như ở cõi trần, nhưng hoàn toàn có thể bị quét ra khỏi đường tiến hóa nếu người ta làm các thực nghiệm táo bạo. Tuy nhiên điều này không thể xảy ra đối với đạo sinh thông thường, bởi vì y đang tiếp tục làm việc đều đặn ở các mức độ mà y biết rõ và nhắm vào việc đạt đến mục tiêu.

Sự kiện có thể rơi trở lại – khi sợ đối diện với các phát triển cao siêu – được đặt nặng trước chúng ta trong các cuộc điểm hóa (initiations) vào các Bí Pháp Ai Cập cổ. Các ứng viên được dạy rằng khi theo đuổi tri thức, họ không được hấp tấp, mà cũng không sợ sệt. Khi ứng viên được đưa tới cửa hầm mộ (ở nhà thờ) hay căn phòng ở dưới đất nơi mà các nghi thức trọng đại này diễn ra, y nhận được một bài học thực hành theo cách đó, vì, khi y tiến vào, một lưỡi gươm

treo đằng trước y sẽ chạm vào ngực y, điều đó tượng trưng cho ý nghĩa rằng y không được liều lĩnh xông vào việc tìm kiếm các bí pháp này, và đồng thời người dẫn đường dẫn y bằng một dây thừng tròng qua cổ y, để cho nếu y sợ hãi và vội vã lùi lại, y sẽ tự làm mình bị thương. Sau này, điều này được giải thích cho y. Y được dạy rằng con người phải có sự tin tưởng kín đáo; y không bao giờ được vội vàng xông vào một cái gì mà mình không hiểu rõ, mặt khác cũng không lùi lại vì sợ hãi khi gặp một điều gì đó dường như khủng khiếp đối với y.

Nhà sáng lập vĩ đại của chúng ta, chính là bà Blavatsky, người mà không ai dám nói là thiếu can đảm, người đã ăn mặc như đàn ông và chiến đấu dưới thời Garibaldi vào năm 1864, đã kể với tôi rằng khi bà lần đầu tiên được đưa vào diện kiến Đấng Chương Quản Địa Cầu (Lord of the World), tức Đấng Điểm Đạo Độc Nhất (the One Initiator), tức vị Chúa Tinh Thần vĩ đại của thế gian (the Great Spiritual King of the World, Đức Ngọc Đế), bà cúi nhìn xuống, không thể nhìn vào Ngài, vì vẻ oai nghiêm và quyền năng phi phàm trong gương mặt Ngài. Không phải tất cả các thí sinh đều bị tác động theo cùng một cách, tuy nhiên nếu đó là kết quả xảy ra với một người rất dũng cảm như bà Blavatsky, thì người ta có thể hiểu rằng thật không phải là một thử thách không đáng kể khi được có dịp diện kiến với Đấng đại diện cho Đức Thái Dương Thượng Đế trên hành tinh này; đó là một kinh nghiệm phi thường.

Những ai trở thành đệ tử của Chân Sư thì một ngày nào đó, theo đúng trình tự, sẽ được Chân Sư dẫn dắt tới con đường đưa tới điểm đạo; và lúc bấy giờ họ phải diện kiến với Đấng Điểm Đạo Duy Nhất, thực ra, không ở giai đoạn

thứ nhất, cũng không ở giai đoạn thứ hai, mà là ở giai đoạn thứ ba và thứ tư. Nhưng trước khi giai đoạn đó xảy đến, họ sẽ có rất nhiều kinh nghiệm trên con đường đưa đến đó, có lẽ họ sẽ được chuẩn bị rất kỹ. Bà Blavatsky cũng thế, tuy nhiên những gì tôi đã nói là những gì bà kể cho tôi nghe. Mặc dầu tôi hoàn toàn đồng ý với bà rằng thánh dung (face) của Ngài đầy oai nghiêm và hùng lực – một quyền năng 325 hoàn toàn không thể tin được, vượt ngoài bất cứ điều gì mà bạn có thể tưởng tượng về quyền năng – tuy nhiên thánh dung đó cũng tràn đầy tình thương, đến nỗi dường như, theo tôi, người ta không thể cảm thấy sợ hãi trước sự hiện diện của Ngài, tôi cũng không nghĩ bà Blavatsky sợ hãi, mà chỉ có niềm tôn kính lớn đến nỗi bà cảm thấy cứ như là ánh sáng đó làm lóa mắt và không thể được trực diện, vì bà cảm thấy không chịu nổi ánh sáng đó.

Nhưng những gì được nói đến ở đây không phải là việc gặp được Đấng Điểm Đạo Độc Tôn, mà là gặp chính chân ngã của mình – tức là tiến vào lãnh vực tâm linh rộng lớn hơn. Như đã nói, con người lùi lại từ đó, bởi vì họ sợ rằng khi lao vào cái bề sáng chói đó, họ không bao giờ quay lại được, mà biệt ngã/ cá tính có thể mất đi. Người có suy nghĩ sẽ biết rằng nhiều người khác đã phóng vào đó và không bị mất đi, nhưng người ta không luôn luôn suy nghĩ kịp lúc, mà đúng hơn là có lẽ hành động theo bản năng. Người ta phải cố gắng sắp xếp hành động theo bản năng của họ đến nỗi nó sẽ trở thành hành động hợp lý và đúng đắn. Chúng ta không được lùi lại trước thiên tính, dù cho nó tự thể hiện trong chúng ta hoặc trong bất cứ người nào khác. Được biết, ở đây có một số người đã làm như thế, vì thế khi cái chiến thắng hầu như sắp đạt được, lại bị mất đi. Thật là điều đáng buồn.

Nhưng chúng ta đừng nên để cho chính chúng ta bị phỉnh lừa bởi cung cách mà nó đưa ra.

Thường thường chúng ta được cảnh báo rằng con người càng lên cao càng ngã đau. Việc đó có nhiều lý do. Một lý do là y có thể lạm dụng thần lực thiêng liêng đã đến với y. Lý do nữa là y có thể rơi vào một tình trạng như là tạo ra kẽ hở trong vận hà do một số đệ tử, trong đó có y, tạo ra.

326

Các Đấng Cao Cả đưa ra một làn sóng thần lực rất lớn qua một vận hà như thế và không thể thu hồi lại. Nếu vận hà có khuyết điểm, thì một phần lớn thần lực có thể bị mất đi. Không phải luôn luôn một luồng lưu xuất (outpouring) to tát này đi theo một hướng – đôi khi một phần đi theo hướng này, một phần theo hướng khác, để thực hiện những việc khác nhau – và giá như mà tất cả những người khác nhau tạo thành vận hà này đứng vững ở các tuyến đặc biệt của chúng thì sự thành công được đảm bảo. Thật là chuyện đáng buồn nếu người ta thất bại, và vì thế gây ra chỗ rò rỉ, vốn sẽ rất trầm trọng vì áp lực lớn của lực ở sau, và đưa tới hậu quả là làm cho người đó ngã quy. Ngoài ra, đối với người thối lui trước một việc tốt lành nằm trong năng lực của mình do sợ trách nhiệm, cũng kéo theo một sự thất bại.

Càng leo lên cao, con người càng có thể té đau, nếu y rơi xuống tận đáy. Thật là một việc rất đáng buồn, khi một người từ điểm cao này mà còn rơi xuống; nhưng không chắc xảy ra chuyện một người đã trèo cao như thế mà lại còn rơi xuống đáy. Chúng ta đừng nên có ấn tượng rằng một việc rơi theo cách được mô tả trong sách vở của chúng ta sẽ dẫn đến cái chết.

“Người lên cao có thể rơi xuống, người rơi xuống sẽ lại lên cao; bánh xe quay vòng, không ngừng nghỉ”. (*Ánh sáng*

Châu Á, q. 8). Không hề có cái té ngã chí tử, bởi vì chính ý muốn của Thượng Đế là mỗi người sẽ tiến lên, do đó mỗi người sẽ làm như thế, và đó chỉ là vấn đề tốc độ chuyển động của y.

Vì một người té ngã như thế làm mất đi vị trí của mình, sẽ là một phí phạm lớn lao cơ hội tốt đẹp, nhưng việc đó không ném y trở lại chỗ bắt đầu. Nó có nghĩa là y phải làm việc thận trọng hơn để phát triển bên trong y cái tâm thức của chính thiên tính y, và học cách tin vào thiên tính đó.

327 Dĩ nhiên, đó không phải là chuyện dễ dàng chút nào, bởi vì một người đã mất kiểm chế chính mình ở một thời điểm quyết định, người đã đánh mất lòng can đảm, sẽ thấy khó lấy lại điều đó. Khi leo lên cao, nếu ta nhìn xuống và thấy hố sâu bên dưới, có thể ta sẽ sợ hãi và ngã xuống, nhưng người không bao giờ sợ hãi, sẽ rất có khả năng tiếp tục đi đến cuối mà không sợ gì cả. Người nào đã có lần mất bình tĩnh do nhìn xuống sẽ phải mất một thời gian dài để đi một cách an toàn con đường của mình, nhưng tôi không muốn bất cứ ai cũng nghĩ rằng người ngã xuống sẽ không phục hồi lại. Đó là một điều đáng buồn phiền; người đó hẳn đã biết rõ ràng hơn; người ta không thể ngăn không thấy và nói ra điều đó; nhưng y sẽ tự hồi phục và không sớm thì muộn y sẽ tiếp tục lại.

Rất dễ mà nói rằng người ta sẽ hoàn toàn tin vào bản tính thiêng liêng (divinity) của mình, nhưng vấn đề càng khó hơn khi người ta đối diện với một trong các thử thách lớn này. Nếu có sự tụt ngã, thì ít nhất người ta có thể chắc chắn rằng công việc được làm vẫn được tính đến, thế nên không thể xảy ra một sự ngã đổ có tính quyết định cuối cùng. Đại loại cũng giống như việc thất bại trong một kỳ thi ở cõi trần.

Điều đó có nghĩa là có rất nhiều phiền toái, nhưng con người vẫn còn mọi tri thức mà y đã đạt được khi học để chuẩn bị cho kỳ thi. Khi y có thể thi lại lần nữa, thì y chắc chắn thành công.

Đôi khi rất đáng buồn là có một người tiến bộ khả quan về huyền học, bất ngờ từ trần. Người ta quen nói: “Đáng thương biết bao; nếu y tiếp tục với tốc độ đó, có lẽ y sẽ được điểm đạo trong kiếp sống này”. Nhưng điều gì xảy đến đều là karma và là điều tốt nhất, và người đó sẽ không mất đi những gì y đã đạt được. Chân ngã giữ lại tất cả những gì đã đạt được. Những gì chân ngã sẽ phải làm là chinh phục một hiện thể vật chất mới, nhưng công việc đó sẽ rất dễ làm đối với chân ngã, cho đến mức tiến hóa sau cùng mà nó đạt được, và chỉ sau đó, các khó khăn sẽ bắt đầu trở lại.

Nghे được Tiếng Vô Thinh là hiểu rằng sự dẫn dắt đúng đắn phát khởi từ nội tâm; tiến vào Phòng Học Tập là đi vào tình trạng có thể học hỏi được. Bấy giờ, nơi đó có nhiều lời được viết cho con, và được viết bằng các chữ lửa cho con dễ đọc. Bởi vì, khi đệ tử sẵn sàng thì Chân Sư cũng sẵn sàng.

Chúng ta đã thấy rằng Phòng Học Tập bắt đầu ở cõi cảm dục, tức cõi thấp nhất mà bạn có thể học bất cứ điều gì một cách thực tiễn liên quan với các trạng thái cao. Điều đó không có nghĩa là không có điều gì để học trên các cõi cao, chẳng hạn như ở cõi thiên đàng (heaven world). Có rất nhiều điều cần phải học, nhưng đối với người thường, thì cõi tình cảm là Phòng Học Tập của y, và khi ra khỏi xác thân, vào

trong cõi tình cảm đó, y sẽ nhận được nhiều giáo huấn cần được truyền đạt cho y.

Có rất nhiều đạo sinh không hoàn toàn hiểu hết những gì được hàm ý khi được chọn làm một đệ tử của Chân Sư. Một số có vẻ mong đợi rằng nếu cái đặc ân lớn lao đó đến với họ, thì họ sẽ luôn luôn nhận được giáo huấn của Chân Sư, rằng Chân Sư sẽ đặc biệt dạy dỗ họ về các chi tiết nhỏ nhặt cần cho sự tiến bộ của họ. Khi Chân Sư thu nhận đệ tử dự bị, điều đó có nghĩa là có nhiều điều mà Ngài xem xét nơi họ trong cuộc sống thông thường hơn là Ngài đặc biệt dạy dỗ họ bất cứ điều gì. Lúc đó, mục đích chính duy nhất là có 329 được toàn bộ chi tiết về cuộc sống của đệ tử, cùng các tư tưởng và tình cảm của y trước mắt Ngài, để cho Ngài có thể biết xem Ngài có thể nhận đệ tử đó vào mối liên hệ chặt chẽ với Ngài một cách hữu ích hay không. Ngài phải biết được điều đó trước khi Ngài chọn giai đoạn xa hơn, nếu không điều đó có thể gây cho Ngài rất nhiều phiền toái và điều đó cũng không bổ công của Ngài nữa. Trong khi ở trên đường dự bị (tập sự), đệ tử có thể được sử dụng như một vận hà chuyên chở thần lực – điều đó thường xảy ra – nhưng chỉ khi nào mối liên kết chặt chẽ hơn được tạo ra, thì y mới thường giao tiếp được với Chân Sư, thậm chí vào lúc đó y cũng không nhất thiết biết được sự giao tiếp này. Đôi khi đệ tử có thể cảm thấy thần lực đang tuôn tràn qua y, và thật là một kinh nghiệm kỳ diệu, một đặc ân lớn lao và niềm vui lớn khi được sử dụng để ban rải thần lực của Chân Sư, nhưng đệ tử sẽ không được Chân Sư dạy dỗ trừ trong các trường hợp rất hiếm.

Trong đa số các trường hợp, một đệ tử lớn được chỉ định để trông coi tân đệ tử (neophyte) và trao cho y giáo

huấn cần thiết. Trong chính trường hợp của tôi, bà Blavatsky đã dạy tôi rất nhiều nhân danh Chân Sư, nhưng tôi rời xa bà trong năm năm và được gửi đến Ấn Độ, trong khi bà đang ở Âu Châu. Tất nhiên bà không thể coi sóc tôi được, trừ đôi khi bà viết thư, và thi thoảng trên cỏi cảm dục, bà có giúp đỡ tôi. Vì lẽ đó tôi được giao cho Swami T. Subba Row coi sóc. Ông này là một người thầy nhân nãi khác thường đối với mọi chi tiết, và vì thế tôi được ông giúp đỡ rất nhiều.

Trong những ngày này, chỉ đôi lúc tôi mới gặp được chính Chân Sư của tôi, và ngay cả khi gặp được Ngài đi nữa, cũng không phải Ngài dạy gì cho tôi, mà đúng hơn Ngài đưa
 330 ra huấn thị về một điều gì đó mà Ngài muốn tôi làm. Nhưng trong khi làm việc, người ta thu thập biết bao kiến thức và học hỏi. Khi cố gắng thực hiện việc phụng sự nào đó, cho dù lúc đầu không biết làm cách nào, người ta cũng lộ ra các phương diện mà mình đang thiếu sót. Lúc bấy giờ người ta mới sắp xếp cách làm việc để lấp đầy các lỗ hổng này, để cho có thể làm công việc kế tiếp được thành công hơn; và tôi nghĩ tôi có thể nói rằng chính tôi nhờ cách đó mà tôi học được nhiều điều đến với tôi hơn. Tôi muốn tìm ra một cách nào đó để làm việc, và sau đó thấy chỗ mà phương pháp đó có thể được cải thiện, cho đến khi tôi đã biết cách để đưa vào thực hành các phương pháp cao siêu do ông T. Subba Row chỉ cho tôi. Nhưng điều đó có nghĩa là một số lớn công việc khó nhọc, căng thẳng và thường rất chậm phát triển. Dù vậy công việc đó phải được làm, và nó đã được làm, và tôi nghĩ rằng đó là cách mà mọi đạo sinh đều được huấn luyện. Họ sẽ được giao cho một công việc phải làm, và khi thực hiện công việc đó, họ sẽ học cách làm công việc quan trọng hơn. Trong

sách *Chân Sư và Thánh Đạo*, tôi có viết chi tiết về mối quan hệ giữa Chân Sư và đệ tử.

Có các cách học hỏi khác nhau mở ra trước đệ tử. Nhiều đệ tử chọn cách học ở cõi cảm dục. Đôi khi chúng ta đi dự các buổi diễn thuyết ở cõi trần để học hỏi về Minh Triết Thiên Liêng, bởi vì một số người học hỏi dễ dàng hơn nhờ các sự việc được nói với họ theo cách đó, trong khi nhiều người khác học được dễ hơn bằng cách chọn đọc sách. Đối với những ai thích nghe thuyết giảng thì luôn có các diễn giả về huyền học.

331 Một số người chọn cách làm việc và trợ giúp ở cõi cảm dục thì cống hiến hầu hết thì giờ của họ cho ngành việc đó. Vị nguyên Phó Hội Trưởng của chúng ta, ông A.P. Sinnett, thường chọn cách đóng góp nhiệm vụ của ông ở cõi cảm dục. Ông không lao vào công việc thông thường của người trợ giúp vô hình (visible helpers), mà thay vào đó, ông có một lãnh vực (department) của riêng ông, và luôn luôn cống hiến sự dạy dỗ về Minh Triết Thiên Liêng cho bất cứ người nào đang sinh hoạt trong cõi rộng lớn đó chú ý lắng nghe. Bằng cách đó, ông đưa nhiều người, cả chết lẫn sống, đến tiếp xúc với các chân lý vĩ đại này, vì ông tình cờ có một phương pháp nào đó về giáo điều để trình bày quan điểm của mình mà nhiều người thấy là rất hữu ích và dễ noi theo.



CHƯƠNG 2

Qui Tắc 1 Đến 4

C.W. Leadbeater.- Trong chương vừa qua, chúng ta đã xem xét những gì thực sự là đoạn mở đầu cho phần 2 của quyển sách, còn bây giờ, chúng ta đi vào các qui tắc. Cho đến qui tắc 12, chúng được đánh số theo cùng một cách như trong phần 1: qui tắc 1 đến 3, 5 đến 7 và 9 đến 11 tùy theo các bộ ba so với thủ bản bằng lá cọ thời cổ, còn các qui tắc 4, 8 và 12 là các giảng luận của Đức Chohan. Về sau việc đánh số lại theo kế hoạch khác.

Trong chương này, chúng ta sẽ chọn các qui tắc 1 đến 3, đồng thời tôi sẽ chia lời bình giảng của Đức Chohan, vốn là qui tắc 4 thành ba phần và bàn đến các qui tắc này theo cùng với các qui tắc mà chúng áp dụng.

1.- *Hãy đứng sang một bên cuộc chiến sắp diễn ra, và mặc dầu con chiến đấu, con không phải là chiến sĩ.*

(Stand aside in the coming battle, and though thou fightest be not thou the warrior).

Chiến sĩ ấy là chính con. Tuy con còn bị giới hạn và còn bị lầm lạc. Người thì vĩnh cửu và chắc chắn. Người là chân lý vĩnh cửu. Một khi người đã đi vào con và trở thành chiến sĩ của con, Người sẽ không bao giờ hoàn toàn rời bỏ con, và vào ngày đại thái bình, Người sẽ thành một với con.

Đệ tử phải tranh đấu. Y phải lao mình vào công cuộc tiến hóa đang diễn ra quanh y. Y phải tranh đấu đứng về phía tinh thần. Tinh thần dần dần học cách vận dụng vật chất. Khi đã chế ngự vật chất tới một mức độ nào đó, nó vượt lên khỏi đó để chinh phục cõi vật chất cao hơn và học cách vận dụng cõi đó. Đó là tiến trình chế ngự vật chất ở mọi trình độ. Tiến trình này diễn ra chung quanh, cũng như bên trong ta. Thế nên chúng ta gia nhập vào cuộc chiến này để san bằng con đường của các mãnh lực tiến hóa.

Chúng ta phải làm cho phàm ngã đứng sang một bên trong cuộc tranh đấu này để hối thúc sự tiến hóa, phàm ngã không được bước vào cuộc chiến chút nào. Phàm ngã phải được sử dụng, vì chỉ có qua phàm ngã, với cương vị là một khí cụ, chúng ta mới có thể tiếp xúc với người khác trong cõi thế, nhưng chúng ta đừng để cho phàm ngã bắt phải vâng theo nó. Trên mỗi cõi của phàm ngã, người ta phải giữ sạch cái làm cho vướng mắc trong khi vẫn giữ lại sức mạnh. Vì thế chúng ta tự rút ra từ từ khỏi ba thể: thân xác, cảm dục và hạ trí, tuy vậy vẫn giữ lại khả năng để hoạt động trong các thể đó.

Cách diễn dịch cao của câu cách ngôn này được áp dụng khi phàm ngã đã được đặt sang một bên, và con người hợp nhất với chân ngã. Lúc đó con người biết rằng biệt ngã (individuality) phải được đặt sang một bên, và tìm kiếm tâm thức của Chân Thần. Chân Thần phải được phép hoạt động qua Chân Ngã

Người chiến sĩ vẫn bất diệt và chắc chắn có thể được xem như tương đối đúng của Chân Ngã so với phàm ngã. Chúng ta có thể xem nó như tuyệt đối đúng về mặt Chân Thần so với Chân Nhân. Như đã nói, chân nhân có thể

334 thường lầm lẫn ở giai đoạn đầu, nhưng chân nhân ít lầm lẫn hơn phạm ngã nhiều. Chân Thần không có một lầm lẫn nào. Mặt khác, nếu người ta có thể mạo muội mà nói đến Chân Thần, y như thể người ta hiểu rõ Chân Thần, khi mà thực sự người ta không biết gì cả, người ta có thể nói rằng cái hiểu biết của Chân Thần về các tình trạng ở cõi trần, có lẽ có phần mơ hồ. Bản năng của Chân Thần không phải chỉ đặt ở bên cạnh lẽ phải, vì Chân Thần vốn dĩ thiêng liêng. Chân Thần vẫn trường tồn và chắc chắn như đã nói ở đây, nhưng có thể là cái quan điểm xem cả hai Chân Thần và chân nhân theo cách tổng quát, và khi chúng ta cố gắng áp dụng cả hai trên cõi này, chúng ta có thể sai lầm, bởi vì toàn bộ mục tiêu đi xuống vào vật chất là để đạt được sự chính xác và đúng thực vốn là kết quả của sự hiểu biết hoàn toàn về các tình trạng thấp. Vì lẽ sự tiến hóa của Chân Thần và chân nhân chưa đầy đủ nên cả hai chưa có được sự hiểu biết chính xác này. Đối với chúng ta, cả hai đều là người hướng dẫn; ta đừng nên làm gì khác hơn là tuân theo cả hai; nhưng ngay cả các vị hướng dẫn này cũng đang tiến hóa.

Trên cõi cao, ngày đại thái bình sẽ là ngày đạt đến Niết Bàn. Ở cõi thấp, nó hàm ý là sự hợp nhất của phạm ngã với chân ngã.

2.- *Hãy tìm kiếm người chiến sĩ và để cho người ấy chiến đấu nơi con.*

Hãy tìm kiếm người, nếu không, trong cơn sôi động và vội vàng của cuộc chiến, con có thể lướt qua người mà không biết, và người sẽ không biết con trừ phi con nhận biết người. Nếu tiếng kêu của con thấu đến tai đang lắng nghe của người, bấy giờ người sẽ chiến đấu nơi con và sẽ

335 lấp đầy cái trống rỗng buồn tẻ trong con. Nếu được như thế, bây giờ con có thể đi qua cuộc chiến một cách bình thản và không mệt mỏi, đứng sang một bên và để cho người chiến đấu thay con. Bây giờ con không thể đánh sai hỏng được nữa.

Dường như là một điều kỳ lạ khi nói về chân ngã như thế, nhưng đó là sự thực; chân ngã đang tỏa chiếu ánh sáng huy hoàng, nhưng không rõ ràng. Trước khi có thể thấy được chân ngã trong con người, người ta không hề có một ý niệm chân ngã là một thực thể thực sự vĩ đại như thế nào, khôn ngoan hơn và mạnh mẽ hơn thực thể đang luân hồi như thế nào. Lại nữa, con người không cần phải kiêu hãnh hoặc tự phụ về sự kiện rằng mình là một người rất tuyệt vời, một nhân vật phi thường, ở trình độ rất cao siêu, vì mọi linh hồn con người khác đều như thế cả. Thực ra, mọi người đều tốt đẹp hơn rất nhiều so với cái hiện có của y. Một vị thánh cao cả nhất cũng không bao giờ biểu lộ đầy đủ chân nhân của mình. Ở trên cõi cao đó, chân nhân luôn luôn vẫn là một vị thánh cao cả hơn là vị thánh ở cõi trần. Do đó, chúng ta phải cố gắng để cho phần cao này của chính chúng ta tác động qua chúng ta. Chân ngã này dĩ nhiên là tinh anh hơn, hoàn hảo hơn phàm ngã nhiều, nhưng chân ngã dốc hết khả năng cho phàm ngã để cho chân ngã có thể tiến hóa, để tự chân ngã trở nên gần như hoàn thiện hơn nữa. Chân ngã cần sự tiến hóa đó, vì thế chúng ta đừng lằm mà xem chân ngã là hoàn thiện, chân ngã chưa hoàn thiện đâu. Những gì mà chân ngã chủ yếu cần đến cho sự tiến hóa của chân ngã là sự xác định (definiteness), sự chính xác (accuracy). Chân ngã

tuy cao quý (magnificent), nhưng nếu chúng ta có thể mạo muội mà nói thì sự cao quý của chân ngã hãy còn mơ hồ.

Chân ngã mong muốn phát triển qua cái mảnh nhỏ của chính chân ngã vốn đang lâm phạm ở cõi trần. Chân ngã biết cách giáng xuống, nhưng chỉ khi chính chân ngã phát triển tới một mức nào đó thì chân ngã mới biết cách hướng dẫn phạm ngã. Chính là nhờ các kinh nghiệm của phạm ngã ở cõi trần mà chân ngã mới học được cách làm các việc mà chân ngã mong muốn. Ý muốn của chân ngã là sự tiến hóa; chân ngã đưa ra một ít của chân ngã, có thể nói là giống như đầu ngón tay, vào tận các cõi thấp; đầu ngón tay đó học hỏi sự xác định, nhưng khi nó quay trở lại chân ngã vào cuối một chu kỳ ngắn của kiếp sống cõi hồng trần, cõi tình cảm và cõi trí, thì những gì mà nó thu về chỉ là, nếu người ta có thể diễn tả điều đó bằng vật chất, một chút ít sự xác định. Hãy nhớ cách thức mà hồn khóm (group soul) dần dần được kinh nghiệm của các động vật khác nhau thấm nhuần¹). Một con sư tử, một con mèo hoặc một con chó có thể trải qua một vài kinh nghiệm và thu lượm một vài tính chất vốn dĩ rất nổi bật trong hồn khóm dưới hình thức một cá nhân. Có thể có đủ can đảm để làm cho con thú có can đảm đáng chú ý của một con mèo, con chó hoặc sư tử, nhưng khi đặt số can đảm đó vào một hồn khóm cho một trăm con, thì mỗi con chỉ có một phần trăm, thế nên cần rất nhiều kiếp sống được hướng dẫn theo các đường lối tương tự ngõ hầu đặc tính đó có thể được phát triển mạnh trong hồn khóm nói chung.

¹ Xem “*A Textbook of Theosophy*” chương IV, về một giải thích đối với các hồn khóm. Vấn đề quá rộng lớn nên không thể giải thích ở đây.

Dù chân nhân là một cá nhân và hoàn toàn khác với hồn khóm, tuy nhiên theo một cách thức, thì sự việc tương tự cũng đúng đối với chân nhân. Chân nhân phát triển tính chính xác trong một phàm nhân, nhưng khi tính chính xác đó trở lại trong chân nhân thì cũng số lượng đó phải được phân bổ cho toàn bộ thể nguyên nhân (causal body). Tổng số đó vốn khá đủ để làm cho một phàm ngã trở thành rất chính xác, khi nó đi vào chân ngã thì nó chỉ là một phần nhỏ bé của các nhu cầu của chân ngã. Chân ngã có thể cần nhiều kiếp sống mới phát triển đủ tính chất làm cho nó nổi bật trong 337 kiếp sống kế tiếp, vì chân ngã không giữ một phần cụ thể nào của nó vốn sẽ làm thành phàm nhân, mà từ trong tổng khối đó, chân nhân đưa xuống một phần nào đó, tuy nhiên không phải cùng một mảnh cho hai lần.

Một chân nhân tiến hóa cao, đã hoạch đắc được rất nhiều tính chính xác (accuracy), nên sẽ hiểu được phàm nhân, và sẽ tác động qua phàm nhân này một cách sáng suốt, và cố gắng làm cho phàm nhân thành một khí cụ hữu hiệu. Nhưng đối với kẻ thường nhân của thế gian thì việc đó hoàn toàn không như thế. Do đó, phàm nhân phải viện cầu đến chân nhân và kẻ đó tìm kiếm ảnh hưởng của chân nhân. Nếu con người ở cõi trần muốn giúp vào Thiên Cơ, thực hiện điều này, thì chân nhân đáp ứng ngay tức khắc, và lập tức tự tuôn đổ qua phàm nhân, khi đó phàm nhân sẽ đứng sang một bên và để cho người chiến sĩ (tức chân nhân – ND) chiến đấu trong phàm nhân.

Chân nhân có nhiều khả năng tuyệt vời, chỉ cần được khơi hoạt. Đó là một lý do cho sự tiến bộ lớn lao vốn thường được tạo ra bởi một người thô lỗ (rough), kẻ này ra trận và có lẽ mất mạng vì sự tin tưởng của y, hoặc trong bất cứ

trường hợp nào có nguy cơ rõ rệt khi làm thế. Để làm một điều to tát giống như thế – tức là đặt một lý tưởng lên trên sự an nhàn cá nhân của mình, trên khả năng xảy ra sự đau đớn khủng khiếp, trên khả năng xảy ra, không, ngay cả có thể chết, phải có một sự đáp ứng rất lớn gọi lên trong chân ngã.

Tôi có nghe người ta biện luận chút gì đó chống lại điều này. Người ta đã viết thư cho tôi nói rằng: “Ông nói rằng một người lính đạt được tính chất tâm linh (spirituality), nhưng làm sao có thể như thế được, bởi vì người lính ra đi vì bị sự thù hận thúc đẩy hơn là vì bất cứ tình cảm cao thượng nào?” Cho dù đúng là anh ta có ý chống lại kẻ thù, nếu anh ta đã tình nguyện chiến đấu cho những gì mà anh ta xem như là chính đáng, thì anh ta đang làm một điều to tát, cao quý và vị tha, và điều đó tác động trở lại chân ngã và làm thúc động chân nhân nhiều hơn bất cứ hành động đơn lẻ nào khác có thể thực hiện. Đôi khi trong cuộc sống riêng tư, một người cũng có cơ hội để hy sinh, và sự hy sinh đó còn lớn lao hơn sự mạo hiểm tính mệnh của y. Chẳng hạn y có thể cống hiến hết cả thì giờ của mình cho việc phụng sự người khác đầy nhẫn nhục và vô kỷ, bỏ những việc giải trí và đổi phiên, canh chừng bên giường bệnh trong trường hợp con bệnh mãn tính. Các hy sinh như thế còn lớn lao hơn cả hành động anh hùng kịch tính của người lính. Nhưng những sự hy sinh này chỉ có ít, trong khi ở thời chiến, nhiều ngàn người ra đi và nắm lấy cơ hội rộng lớn này. Con người tạo được một nỗ lực kỳ diệu, đó là sự tự hy sinh; bấy giờ chân nhân được đánh thức và đáp ứng bằng cách tuôn đổ xuống một luồng cuộn cuộn tuyệt vời của lòng sùng tín (devotion), có thể gây nên một hy sinh nhất quán hơn nữa trong một kiếp khác. Có lẽ một nỗ lực can đảm là cần thiết; nỗ lực đó khơi dậy từ

chân ngã một dòng thần lực can đảm vững bền, và vì thế “người nào mất sự sống của mình sẽ tìm được nó” như Đức Christ đã nói từ lâu. Kẻ nào đã mất đi sự sống của mình theo cách như thế này, chắc chắn đã đạt được một sự sống đầy đủ hơn cho kiếp sống tới của y, kiếp sống đó chắc chắn sẽ là một phạm ngã trưởng thành hơn. Chân nhân sẽ có thể đưa xuống nhiều quyền năng hơn, và cũng sẽ có nhiều khả năng hơn để điều khiển phạm ngã.

Một trường hợp có thể xảy ra, đó là “trong cơn sôi động và vội vàng của cuộc chiến, con có thể đi ngang qua người”, khi con người tận tụy làm những việc tốt lành, và họ để cho phạm ngã chen vào công việc. Điều đó không nên để cho xảy ra với các đạo sinh huyền linh học, nhưng họ lại hay phạm phải. Có rất nhiều việc tốt lành để làm trong Hội Minh Triết
 339 Thiêng Liêng và nên bảo đảm rằng những người làm việc đó nên hoàn toàn vượt lên trên bất cứ loại tình cảm cá nhân nào liên quan đến việc đó, nhưng thường không được như vậy. Một người nào đó cảm thấy: “Chút việc nhỏ này thuộc về tôi, do đó, nó phải đi trước công việc khác. Không phải tôi làm việc đó để thỏa thích riêng cho tôi, và do đó tôi không muốn thấy bất cứ ai khác làm chuyện đó, mà tôi muốn làm chuyện đó bởi vì tôi hoàn toàn chắc rằng họ không thể làm được như tôi”. Một thái độ như thế chứng tỏ cá nhân đầy tự cao. Có liên quan nào đó đến công việc giống như công việc của chúng ta là phát triển một người, làm cho tình cảm của y nhạy bén hơn, và phải làm cho trí tuệ của y sáng suốt hơn. Chính sự kiện này vốn có ảnh hưởng kích thích, có khuynh hướng nhấn mạnh đến phạm ngã, nhưng điều đó không bấu chữa cho chuyện đại dột để cho phép làm như thế.

Cũng có chuyện tương tự xảy ra trong các tổ chức khác. Lúc còn trẻ, với tư cách linh mục, tôi làm rất nhiều công việc trong giáo hội thuộc đủ loại, kể cả huấn luyện đội hợp xướng. Những người có liên quan trong công việc đó, tất cả đều đang làm việc trực tiếp cho Giáo Hội của Thượng Đế, đã cho là chính họ đang cống hiến một cái gì đó cao siêu hơn kẻ thường nhân bên ngoài, tuy nhiên, tôi nghĩ rằng không có nhóm người nào khác mà có quá nhiều cãi vã với nhau như giữa những người làm việc cho giáo hội và ca đoàn của nhà thờ. Thật là điều đáng buồn nhưng lại là sự thật, thật không nên xảy ra chuyện đó. Tuy nhiên điều đó đúng là có xảy ra bởi vì những người này đã đang hoạt động liên quan với một điều cao hơn trình độ bình thường một ít, và khi làm thế sự sống nơi họ đã được khơi dậy nhiều hơn bình thường.

Đệ tử phải thận trọng đừng để cho phạm ngã của mình chen vào các việc tốt lành này, bởi vì nếu để cho xảy ra việc đó, y sẽ không còn nhìn thấy được người hướng dẫn cao siêu nữa. Chân nhân có thể chiến đấu trong y và tác động qua y, chỉ khi nào y tận tụy với công việc, không nghĩ đến phần riêng của mình trong đó. Đệ tử có thể quên đi Chân ngã trong cơn vội vã, hấp tấp của phạm ngã và lúc đó y sẽ không còn ở trong tình trạng tiếp nhận sự trợ giúp của chân ngã nữa, để lắng nghe được gợi ý của chân ngã. Như vậy, có thể trong một thời gian, đệ tử bị gián đoạn với chân nhân và mất đi cái lợi lớn là sự trợ giúp của chân nhân. Tính chất mơ hồ (vagueness) của chân ngã, trừ phi đó là một ego tiến hóa, có lẽ sẽ ngăn không cho chân ngã đưa ra một đường lối hành động đặc biệt, nhưng khi phạm nhân, do chỗ rõ ràng hơn (more definite), đã thấy được công việc, chân ngã có thể và nhất quyết tuân theo năng lượng của chính mình vào đó và

chắc chắn để cho y làm điều đó theo một cách tốt đẹp hơn nhiều và trong một khung cảnh trí tuệ huy hoàng hơn là phạm ngã có thể đạt được mà không có sự trợ giúp.

Nhưng nếu con không tìm kiếm người, nếu con đi ngang qua người, thì bấy giờ không có ai bảo vệ cho con. Đầu óc con sẽ quay cuồng, tâm con trở nên bất định, và trong đám bụi mù của chiến trường, con sẽ không còn nhìn thấy và cảm giác nữa, và con không còn nhận ra đâu là bạn, đâu là thù.

Tất cả những gì được mô tả ở đây chắc chắn xảy ra khi phạm ngã không tìm kiếm sự hướng dẫn cao siêu. Đệ tử không phân biệt được bạn với thù. Y bị lôi cuốn bởi trót xoáy đắm mê, và dưới ảnh hưởng của con xoáy đó, y sẽ tin vào những gì do một người nào đó không phải là bạn đích thực của y nói ra. Người ta thường thấy điều đó xảy ra trong đời sống hằng ngày. Nếu một người bị chọc tức hoặc giận dữ hoặc ganh tị, thì y sẽ hay nghe theo chuyện lối bịch của những người tự gọi là bạn của chính y mà thực ra không là bạn chút nào.

341 Một người hay nói hành, một người cố tình gây bất hòa, thì không là bạn của ai cả, y là kẻ thù địch tệ hại nhất cho kẻ đối thoại với y. Thật là một điều rất đáng buồn cho ai tiếp xúc với hạng người đó và tin vào những gì do y nói ra. Ngay khi chúng ta nghe thấy một người bắt đầu nói với ý chỉ trích kẻ khác, thì nên tránh người đó ngay khi có thể, bởi vì chúng ta có thể gần như chắc chắn rằng chúng ta sẽ không học được điều gì tốt lành, và cũng người đang nói về cái sai trái của người khác cho chúng ta nghe, sẽ lại nói giống như

vậy về chúng ta với người khác nữa mà y sẽ gặp. Do đó tốt hơn là đừng dính líu gì với kẻ nói hành và đừng để bị ảnh hưởng bởi bất cứ điều gì mà y nói. Thông thường khi một người nghe những gì mà nhiều người nói, y sẽ đáp: “Tôi không tin điều đó, tôi sẽ không để ý đến nó”, nhưng dù sao đi nữa y cũng phần nào bị tác động bởi việc đó; y để cho nó tái diễn lại trong trí nhiều lần và tự hỏi phải chăng thực ra việc đó cũng có chút cơ sở nào đó, thay vì ngay lập tức coi thường nó, việc đó vốn là thái độ hợp lý duy nhất nên chọn.

Một khi biết rõ một người nào rồi, ta nên sẵn sàng theo sự hiểu biết về người ấy, đừng để bị dao động bởi những gì mà những người khác nói, vì những người này có thể biết ít hơn về người đó. Trong chúng ta, có đủ loại tính khí khác nhau, nhưng nói chung, người ta không thể sai lầm nếu người ta tuân theo sự hiểu biết của y về những gì mà một người tỏ ra, suy tư và hành động, cho đến khi người ta tự mình hoàn toàn thấy rất rõ ràng rằng người kia có thay đổi theo một lối nào đó, và thậm chí lúc bấy giờ người ta cũng không được xem như là một thí dụ riêng rẽ. Người ta phải chờ xem, bởi vì thường thường lúc mà một người bị thay đổi do hơi kém sức khỏe, hoặc mất ngủ, và lúc bấy giờ, y nói và làm những việc mà y sẽ không nói hoặc làm trong những hoàn cảnh khác. Thế nên, người ta đừng nên phán đoán bạn bè một cách vội vàng chỉ do một lời nói hoặc hành động đơn lẻ, mà phải chờ xem những việc thực sự xảy ra với y như thế nào. Khi cho rằng y bị thay đổi bởi vì một người nào đó nói y như thế thì hoàn toàn bất công. Khi bạn có một người bạn, bạn đứng cạnh y và chờ cho đến khi chính y nói một điều gì đó hay làm một điều gì đó chống chế ý kiến về điều mà y bị cho là nghĩ, làm, hoặc nói; đừng chấp nhận bằng chứng của

những người khác, họ có thể nói về một lỗi lầm nào đó do sự bất cẩn tạo ra, hoặc vì họ không thích người đó.

Ngay khi một người để cho chính mình bị dao động theo lối đó đến chỗ không biết phân biệt bạn của y hay kẻ thù của y, và không chịu tìm hiểu sự thật gì cả, thì cũng giống như chuyện xảy ra với người để cho phạm ngã mình chi phối mình. Nếu tính ganh tị chi phối y, thì y trở nên hoàn toàn mù quáng. Các giác quan thông thường của y thành vô ích đối với y, y không còn nghe theo chúng nữa; y đi đến quyết định quá sớm về mọi vấn đề, và thật là vô ích khi cố xoay chuyển y. Thật kỳ quặc và cũng đáng buồn khi thấy biết bao người sẵn sàng tin vào điều xấu của các kẻ khác. Điều xấu có thể bị bác bỏ; người ta có thể thấy rõ ràng rằng điều xấu đó không có căn cứ; nhưng vẫn còn sự nghi ngờ nào đó.

Tất cả mọi điều này không nên như thế, nhưng nó xảy ra một phần do sự phát triển quá độ của thành phần đặc biệt của chúng ta trong cơ tiến hóa mà nhân loại hiện nay đang dính líu tới. Hạ trí học hỏi nhờ tính phân biệt, bằng cách
 343 phân biệt các điểm khác nhau giữa điều này với điều kia, và do đó hạ trí luôn luôn chớp ngay lấy các dị biệt trước tiên. Do đó khi một người bắt đầu tiếp xúc với một người mà y không biết rõ, với bất cứ ý tưởng nào vốn không quen thuộc đối với y, hoặc là với một quyển sách mà y chưa thấy trước đó, cái khuynh hướng chung là nêu lên trước nhất những điều mà y không thích, những điều vốn khác với các sự việc mà y quen thuộc, rồi kể đó phóng đại chúng lên quá mức. Lý do của việc này là ở chỗ chúng ta đã phát triển khả năng phân biệt hơi quá nhiều, hay nói đúng hơn, chúng ta chưa phát triển đầy đủ khả năng làm đối trọng của thể Bồ Đề (the

counterbalancing buddhic faculty). Có khả năng phân biệt thì rất tốt. Đó là điều cần thiết; nhưng chúng ta cũng phải có tinh thần tổng hợp, tinh thần này giúp cho ta thấy được các tương đồng cũng như các dị biệt.

Giáo huấn trong đoạn văn này cũng xuất hiện rất rõ ràng trong kinh Bhagavad Gita (II, 62-3):

Khi trầm tư về các đối tượng của giác quan, con người hình thành một sự gắn bó với chúng; từ sự gắn bó này sinh ham muốn; từ ham muốn phát sinh giận hờn; từ giận hờn sinh ra ảo tưởng; từ ảo tưởng mà ký ức bị rối loạn; do ký ức rối loạn đưa đến sự hủy hoại thể Bồ Đề; do thể Bồ Đề bị hủy diệt mà con người bị tiêu diệt (perishes).

Tôi biết thật khó cho chúng ta hiểu được làm thế nào mà Chân Thần có thể vừa thiêng liêng, nhưng đồng thời lại không được phát triển, Chân Thần có thể khác như thế nào vào lúc cuối cuộc luân hồi trong biệt ngã với tình trạng Chân Thần vào lúc khởi thủy. Chúng ta hãy chọn một trường hợp tương tự, dù là chưa được hoàn hảo như sau. Thân thể con người gồm hàng triệu triệu tế bào. Các tế bào này đều là tế bào của con người vì chúng là thành phần của con người, tuy nhiên nếu có loại tiến hóa nào đó – có lẽ có – theo đó linh 344 hồn của tế bào có thể một ngày nào đó trở thành linh hồn của một con người, chắc chắn người ta sẽ không nói rằng cuối cùng đã không có cuộc tiến hóa nào, bởi vì tế bào đó đã thuộc về con người từ lúc đầu. Sự tương tự này có thể gợi ý làm thế nào mà Chân Thần là một phần của Thượng Đế, tuy thế lại chưa được khai mở. Tôi biết, thật không ổn khi so sánh như thế từ thấp lên cao, và rồi lại áp đặt chúng cho ăn khớp với mọi chi tiết, vì thường thường chúng sẽ không ăn khớp. Có một đại châm ngôn của huyền học: “Trên sao, dưới vậy” (“As above, so below”), nhưng câu ngược lại là: “Dưới

sao, trên vậy” (“As below, so above”) chỉ đúng với các giới hạn hẹp và hạn chế. Theo tôi nghĩ, chúng ta có thể lý luận một cách chắc chắn ở bên dưới (down, tại cõi trần), như người theo Ấn giáo (Hindus) hay làm, theo những gì mà họ được cho biết là đang có ở bên trên, cho những gì mà họ phải tìm kiếm ở nơi nào đó bên dưới, theo một cách tổng quát. Nhưng đó không phải là tiến trình hoàn toàn chắc chắn khi đảo ngược lại, bởi vì các sắp xếp trên các cõi cao hiển nhiên là to tát và rộng lớn hơn, mặc dầu chúng ta không biết các lối hành động của các cõi ấy. Chúng ta thường tự làm cho chính chúng ta lạc lối nếu chúng ta nói rằng vì một điều nào đó xảy ra ở cõi trần, thì nó cũng phải xảy ra trên cõi cao. Một điều gì đó, vốn là một biểu hiện của cùng một định luật, phải xảy ra trên cõi cao, nhưng nó có thể mang lấy một hình thức nào đó mà chúng ta sẽ không nhận ra.

Sự tương tự của các tế bào bên trong cơ thể không phải hoàn toàn là một điều chắc chắn để người ta đi theo nhiều, nhưng có nhiều điểm khác nhau mà chúng ta tình cờ nghiên cứu, sẽ cho thấy một cái gì thuộc loại đó đang xảy ra. Chúng ta biết rằng sự sống được Thượng Đế ban phát cho (the ensouling life) mọi giới thấp, đến phiên nó lại trở thành một hiện thể cho một sự sống còn cao hơn khi con người thoát kiếp thú (individualized). Thể nguyên nhân mà chúng ta đang dùng ngày nay là linh hồn của loài thú nào đó mà từ đó chúng ta được thoát kiếp thú, thế nên, những gì ở giai đoạn nào đó là sự sống do Thượng Đế phú cho, thì về sau có thể trở thành một hiện thể (vehicle). Tuy nhiên, cần có nhiều dè dặt khi phát biểu chân lý này theo cách đó, bởi vì mặc dầu những gì ở trong thể nguyên nhân (causal body) con người đã là toàn bộ linh hồn mà người ta có thể nhìn thấy có liên

quan tới động vật và thực vật, tuy nhiên đó là chất liệu (matter) trên một cõi xác định (definite level), và đã phải có sự sống từ bên trên, làm linh hoạt (ensouling) và làm sinh động (vivifying) chất liệu đó, tuy vô hình (unseen). Chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng chúng ta không bao giờ có thể thật sự thấy được năng lượng, tức tinh thần (spirit), ngoại trừ biểu lộ của nó dưới hình thức nào đó của vật chất. Chúng ta hãy lấy xác thân này làm thí dụ. Cái gì đang ban sự sống cho xác thân này? Chính là con người trong thể cảm dục của y. Thể cảm dục đó chúng ta không thể thấy được, do đó ở giai đoạn này, đó là linh hồn đối với chúng ta. Nếu nhãn thông cảm dục (astral sight) được phát triển, chúng ta sẽ thấy rằng đến lượt thể đó được cấp năng lượng (energized) bởi một thể cao hơn. Đó chính là thể trí; rồi đến phiên thể này được cấp sinh lực bởi chân nhân, và cứ thế tiếp tục lên cao mãi. Đối với chúng ta, cái có vẻ là sự sống do Thượng Đế ban cho, không bao giờ là tinh thần thực sự, mà là một biểu lộ nào đó của tinh thần. Khi chúng ta đạt đến sự biểu lộ cao nhất mà chúng ta có thể đạt được, thì các bọt hồn nguyên khí (bubbles of koilon) – trong chất aether thực sự của không gian – đối với nhãn quan hiện tại của chúng ta thì dường như là trống không. Dĩ nhiên chúng không phải là thế, bởi vì bên trong chúng, có một cái gì đó vốn có năng lực giữ cho mãnh lực không thể tưởng tượng được của chất aether (hậu thiên khí) ở cách xa. Do đó, rõ ràng là có một cái gì đó trong cái không gian có vẻ rỗng không đó. Hiện nay, chúng ta không thể thấy được nó, nhưng có lẽ những sự phát triển về sau này có thể cho phép chúng ta làm được điều đó. Lúc bấy giờ cái mà chúng ta thấy sẽ không phải là tinh thần được Thượng Đế ban cho sự sống (ensouling spirit), mà là một

hình thức cao siêu nào đó của vật chất, qua đó tinh thần được Thượng Đế ban sự sống (ensouling spirit) đang biểu lộ. Người ta không bao giờ thấy mãnh lực cao siêu đó chút nào.

346 **3.- *Hãy nhận lệnh chiến đấu của người và làm theo chúng.***

4.- *Tuân theo người, không phải như thể người là chủ tướng, mà như thể người là chính con, còn những lời thốt ra của người bày tỏ các ham muốn thầm kín của con; vì người chính là con, mặc dù người khôn ngoan và mạnh mẽ hơn con nhiều.*

Chúng ta phải biết rằng khi nào có sự chiến đấu giữa cái cao và cái thấp, thì chúng ta là phía cao. Trước tiên, chúng ta không nhận thấy rõ rệt rằng đó là chính chúng ta. Tin như thế là do giáo lý của chúng ta. Chúng ta phải hành động như thể chúng ta cảm thấy nó là như thế, rồi chẳng bao lâu chúng ta sẽ thấy rằng điều đó là đúng. Nguy cơ của chúng ta là chúng ta có thể tự đồng hóa chính chúng ta với bên thấp và bỏ rơi bên cao.



CHƯƠNG 3

Qui Tắc 5 tới 8.

C.W. Leadbeater.- Các qui tắc 5, 6, 7 và 8 rơi vào một trong các nhóm quen thuộc của chúng ta. Tôi sẽ chia qui tắc 8, gồm có lời giảng luận của Đức Chohan, thành ba phần, dành riêng cho mỗi một trong các qui tắc ngắn hơn. Rồi bàn đến chúng cùng với các qui tắc này như trong chương sau cùng. Như thế chúng ta có:

5.- Hãy lắng nghe khúc ca của sự sống.

Bản thân sự sống có tiếng nói và không bao giờ im lặng. Và lời phát biểu của nó không phải là tiếng kêu la, vì con điếc nên con cho là vậy, đó là một bài hát. Hãy học nơi sự sống để biết rằng con là một phần của sự hài hòa; hãy học từ sự sống để tuân theo các định luật hài hòa.

Cũng có một chú giải dài của Chân Sư Hilarion ở câu số 5.

Trước hết, hãy tìm và lắng nghe sự sống trong tâm con. Thoạt tiên, con có thể nói: “Sự sống không ở đó, khi tìm kiếm tôi chỉ thấy có sự bất hài hòa”. Hãy tìm sâu hơn nữa. Nếu lại thất vọng, hãy dừng lại và tìm sâu hơn nữa.

348 Có một giai điệu tự nhiên, một nguồn sống mơ hồ trong tâm mọi người. Nó có thể bị che khuất và hoàn toàn bị che 349 đây và câm lặng – nhưng nó vẫn ở đó. Ở tận đáy bản thể của con, con sẽ tìm thấy niềm tin, hy vọng và tình thương.

Những gì được ám chỉ ở đây là ở bên dưới mọi sự sống và lộ ra nhiều hay ít tùy theo tình trạng phát triển của mỗi sự sống, là một đại lực (great force) làm cho vạn vật hoạt động. Trong Thiên Chúa giáo chúng ta được dạy gọi đó là Thiên Ý (will of God) hay là tình thương của Thượng Đế, nhưng con người rất thường dùng các thuật ngữ tôn giáo này theo cách mơ hồ cho nên chúng mất đi nhiều ý nghĩa thực sự và sức mạnh của chúng. Trong tôn giáo dân gian có nhiều cách diễn đạt này vốn có một hàm ý có tính cách lịch sử hoặc truyền thống nào đó, nhưng thực ra không có ý nghĩa gì nhiều đối với người sử dụng chúng. Thí dụ người ta nói đến Hồng ân của Thượng Đế (grace of God)⁽¹⁾, nhưng tôi thấy họ chỉ hiểu theo ý nghĩa nhỏ nhoi của những gì mà các danh từ đó thực sự hàm ý. Lại nữa, ở trong nhà thờ, lúc đọc kinh Cầu Nguyện (Litany), người ta tụng: “Cầu xin Thượng Đế lòng lành tha thứ chúng con” (“Spare us, good Lord”). Đó là một câu lạ lùng nhất, hoàn toàn phi lý, không thể có được, nhưng dường như không một ai chịu nghĩ đến điều đó. Họ nói “tha thứ chúng con”, đồng thời gọi Ngài là “Thượng Đế lòng lành” (“good Lord”) là một lời chứa hai từ trái ngược nhau về nghĩa. Một Thượng Đế lòng lành sẽ không bao giờ cần đến sự cầu xin tha thứ cho bất cứ người nào. Cầu xin như thế còn tệ hại hơn là đừng cầu xin gì cả, bởi vì nó gợi ý rằng

¹ Hồng: to lớn sâu rộng; Hồng ân: ân sâu. Hồng danh: danh tôn quý cao quý.

Thượng Đế hãy còn cái ác (evil) nơi Ngài. Quả là báng bổ/xúc phạm thậm chí còn tệ hại hơn là dùng danh của Ngài trong việc chửi thề, như nhiều người đôi khi phạm phải ngoài đường phố, mặc dầu điều đó cũng đủ tệ hại rồi. Họ gán cho Thượng Đế các tình cảm thấp kém của con người và còn độc hại, nên mới cầu xin Ngài đừng giáng cái độc hại của Ngài lên người họ.

349 Cũng cùng cách đó, người ta nói đến lòng nhân từ (mercy) của Thượng Đế. Ý đó cũng lại chứa rất nhiều ý khác, đó là Thượng Đế có thể làm một cái gì đó rất khủng khiếp đối với bạn, nhưng thay vì làm thế, Ngài chọn cách biểu lộ lòng nhân từ. Chắc chắn tất cả các câu như thế đều chứa một sự hoàn toàn hiểu sai về những gì mà từ ngữ God hàm ý. Đó là một từ ngữ cao cả nhất (grandest) và đẹp đẽ nhất. Nó có nghĩa là Thánh Thiện (the Good) và Đấng Thánh Thiện thì không cần sự yêu cầu nào để chứng tỏ sự nhân từ trong một trường hợp nào cả, vì Ngài luôn luôn tràn ngập tình thương đến nỗi ý tưởng về một điều gì khác trừ lòng nhân từ, sẽ hoàn toàn không tương tượng được. Chắc chắn Thượng Đế sẽ biểu lộ tình thương với tất cả mọi người, bất chấp họ làm gì. Tôi không biết người ta sẽ có cảm nghĩ như thế nào về một người cha bác ái, nếu ông ta thấy các con của mình quỳ dưới chân ông, cầu xin ông hãy nhân từ với chúng.

Trong Minh Triết Thiên Liêng, chúng ta có nỗi khó khăn phải vượt qua khi chúng ta cố gắng nói về các lực cao siêu này. Có nhiều người trong chúng ta, khi trải qua các giáo đường và các nhà nguyện, đáng tiếc là có thói quen nói về các sự việc như thế một cách thẳng thắn, nhưng khi nghĩ đến chúng thì hết sức mơ hồ và không có hàm ý gì đặc biệt. Người ta vào nhà thờ và có thể cầu xin ân huệ thiên liêng,

với ý tưởng chung là Thượng Đế sẽ lưu tâm đến họ hay đại loại như thế. Tôi e rằng đó là một quan niệm không khoa học lắm. Những gì nên hiểu, đó là việc phụng sự ở nhà thờ là một cách dự kiến kêu gọi một thần lực hoàn hảo rõ rệt. Thần lực này – ân huệ của Thượng Đế - hoàn toàn là một lực cũng rõ rệt như điện lực, cũng thực tế như hơi nước làm chuyển động tàu hỏa của chúng ta, nó tuôn chảy qua các vận hà được ấn định cho nó, xuyên qua vị linh mục hoặc giám mục. Khi vị này giăng tay ra, thì một lực rõ rệt tuôn ra từ tay lên trên người dự lễ. Có một sự phát xạ rõ rệt thần lực, làm tràn ngập cả giáo đường, và những người nào chuẩn bị sẵn sàng tất sẽ nhận được và có được thần lực đó. Đúng là có một số người có thể ngồi đó và không nhận được ảnh hưởng gì, sở dĩ có chuyện đó là vì họ không biết cách chuẩn bị trước.

Thế nên khi người ta nói về tình thương và ân huệ của Thượng Đế, thì họ thường có cảm nghĩ mơ hồ về các điều này, nhưng thực ra, thì đó là các thần lực rất rõ rệt. Thường thường khó cho chúng ta, chừa bỏ cách suy tư lỏng lẻo này. Không phải chỉ những ai đi theo con đường của các giáo hội mới chịu khổ vì đó, mà có những người khác cũng chịu thiệt thòi một cái gì đó.

Những người theo đường lối này thì trong tiến trình sẽ đạt được một vài cách hành xử và năng lực hiểu biết mà những người đã là các nhà tư tưởng tự do không dễ dàng vận dụng. Cách rèn luyện của giáo hội chính thống, xét toàn bộ, là một cách huấn luyện có hiệu quả, ngoại trừ thái độ cố chấp và sự hẹp hòi của giáo hội, và đối với quan niệm về Thượng Đế mà giáo hội rất thường đưa ra trước giáo dân của mình. Đối với phần còn lại, tức các ý tưởng phụng sự Thượng Đế bằng cách thờ phụng và bằng cách ca ngợi, cùng

nhau hội họp để phụng thờ Ngài và sử dụng trong cuộc thờ phụng đó mọi cái mỹ lệ có thể được cung hiến, đều là thanh nhã và đẹp đẽ, và tôi nghĩ rằng mọi cái đó có thể hoàn toàn cùng tồn tại cùng với triết lý khôn ngoan nhất và phóng khoáng nhất. Tiếc thay, từ nhiều thế kỷ nay, chúng đã không cùng tồn tại, ngoại trừ trong trường hợp rất ít người ở rải rác đó đây. Từ lâu tôi đã tin rằng chẳng sớm thì muộn, một giáo hội sẽ xuất hiện, giáo hội này sẽ kết hợp các điều này lại và hiện nay chúng ta đang có giáo hội đó trong Giáo Hội Cơ Đốc Phóng Khoáng (Liberal Catholic Church). Những người còn yêu thích giáo hội cũ và các phương pháp, nghi lễ, âm nhạc của giáo hội này, và tất cả cái mỹ lệ thanh nhã do thánh thiện của nó, thì giờ đây có thể có tất cả, và tuy thế, đồng thời có cùng với nó một triết lý vốn đáp ứng với mọi ý định và mục tiêu, đó là Khoa Minh Triết Thiêng Liêng (Theosophy).

Thế nên, khi đi vào Minh Triết Thiêng Liêng, chúng ta dùng các thuật ngữ tương ứng với các thuật ngữ vốn được dùng một cách thông thường theo cách mơ hồ này, chúng ta nên hiểu rằng, các thuật ngữ này không mập mờ hoặc thiếu xác định theo bất cứ nghĩa nào. Nếu tôi nói mang lại cho ai ân huệ của Chân Sư, ấy là tôi muốn nói tuôn ra (pouring out) một ảnh hưởng về tâm linh. Việc tuôn đổ này sử dụng loại chất liệu ở cõi cao hơn là cõi hồng trần trong đa số các trường hợp, để làm hiện thể/ phương tiện (vehicle) cho nó, tuy nhiên nó sử dụng loại chất liệu nào mà qua đó nó tác động đến chất liệu của thượng trí, hoặc hạ trí, hoặc thể tình cảm, tùy trường hợp. Thế nên, chúng ta hãy hoàn toàn gạt bỏ khỏi trí chúng ta ít nhất cái ý nghĩ rằng đây là một ảnh hưởng tốt lành mơ hồ vốn không có ý nghĩa gì nhiều.

Thần lực vĩ đại này vốn làm cho vạn vật chuyển động, lại có mặt khác đối với nó, đó là luật hy sinh. Hy sinh là một từ ngữ cao quý, nhưng người ta thường dùng sai. Người ta nói đến sự hy sinh khi họ từ bỏ một điều gì đó gây tan nát cõi lòng trong lúc hy sinh! Nếu người ta muốn biết trong tôn giáo sự hy sinh thật sự có ý nghĩa gì, thì họ phải xua tan ý tưởng đó ra khỏi trí. Họ phải chọn một cách lý giải hoàn toàn mới mẻ đối với từ ngữ mà họ quen biết từ bao đời rồi. Đôi khi họ có thể nghĩ rằng giờ đây họ đang giữ cách lý giải đúng thực và gạt sang một bên cách giải thích khác, trong khi cái bóng của ý tưởng cũ vẫn còn lảng vảng nơi họ, nó xuất hiện và che lấp trí não mà họ không hay biết, nó chỉ từ từ tan biến cho đến hết mà thôi.

352 “Hy sinh” (“sacrifice”) xuất phát từ tiếng Latin *sacrificio* – có nghĩa “Tôi làm điều thánh thiện” (“I make holy”). Hy sinh một vật gì (thing) là cống hiến vật đó cho Thượng Đế, do đó làm cho vật đó thánh thiện. Ý tưởng cho rằng khi bạn hiến dâng vật đó cho Thượng Đế, tức là bạn đem nó ra khỏi chính bạn là ý nghĩa phụ được nhồi nhét vào đó. Theo cách thường được diễn giải trong Thánh kinh, nếu bạn muốn chính mình hy sinh hoàn toàn cho Chúa, thì đừng nên có một chút ý tưởng nào là đã từ bỏ bất cứ vật gì. Sự thực là, mặc dầu điều đó có vẻ nghịch thường, bao giờ bạn còn cảm thấy bất cứ điều gì là một sự hy sinh thì nó không thực sự như thế; vật đó không được làm cho thánh thiện chút nào. Bạn đang cống hiến vật đó nhưng với một bàn tay miễn cưỡng (*grudging hand*). Khi bạn cảm thấy rằng bạn không thể làm gì khác hơn là xả thân, có thể nói như vậy, dưới chân Thượng Đế hoặc Đức Christ trong sự sùng tín (*devotion*) hoàn toàn; khi mà bạn không có một chút ý tưởng nào về sự

từ bỏ bất cứ thứ gì, bởi vì trong chính bản thể của các sự vật, bạn không thể làm khác với cách mà bạn cảm nhận; khi những gì mà bạn có được bên trong bạn, làm cho điều đó trở thành như thế để cho không có gì khác trong toàn bộ thể giới mà bạn có thể làm được là chỉ dâng hiến hoàn toàn cho Ngài, có lẽ lúc đó bạn mới hy sinh hoàn toàn. Chỉ khi nào bạn hoàn toàn quên đi các ý tưởng thường có liên quan với từ ngữ đó, thì bạn mới có thể hy sinh thực sự. Đó là một thuật ngữ huy hoàng, nhưng nó lại không mang ý nghĩa từ bỏ, nó chỉ có ý nghĩa làm cho thánh thiện.

Chính Thượng Đế đang tạo ra một hy sinh vĩ đại nhất trong mọi hy sinh, vì Ngài đang tuôn đổ Chính Ngài vào trong vật chất. Ngài giới hạn quyền năng của Ngài và cởi bỏ cái vinh quang của Ngài. Thật sự, “Vì chúng ta là người và vì sự cứu rỗi của chúng ta mà Ngài từ cõi trời xuống”. Những lời này rất đẹp đẽ, nhưng ý nghĩa gắn liền với chúng, vào
353 ngày nay, thường không còn giữ được nữa; nó thường hoàn toàn bị giảm đi ý nghĩa đích thực. Nếu hiểu được rất ráo, các ý tưởng này sẽ được thấy là đẹp đẽ và huy hoàng, rất đáng được tán dương và thần phục – nhưng mà trước nhất chúng ta phải hiểu. Thế nên Đức Christ tạo sự hy sinh lớn nhất, còn chúng ta, ở mức độ mà chúng ta dâng hiến cho việc phụng sự của Ngài, thì chúng ta đóng góp vào sự hy sinh đó và tự làm cho chính chúng ta hợp nhất với việc phụng sự đó. Nếu người ta có dịp thấy được thực tại ẩn đằng sau, thì người ta không thể làm gì khác hơn nữa; nhưng lúc bấy giờ, thế gian không còn nghĩ đến việc đó như là một sự hy sinh nữa, bởi vì nó sẽ dường như là tuân theo ý chí riêng của con người. Lúc đó, con người tiếp tục hoạt động với mãnh lực tiến hóa, nhưng y đã quên mất những gì y đã cố gắng hiến. Đó không

còn vấn đề từ bỏ bất cứ điều gì nữa mà là đạt đến chân thức của chính mình và biết được mình có ở đây là để làm gì. Ý tưởng của Thượng Đế đại loại là như thế, và chúng ta phải giống như Ngài nếu chúng ta muốn thực sự hy sinh.

Bà Besant có nói rằng thật ra không một tôn giáo nào trên thế gian mà không chứa đầy ý tưởng về hy sinh, việc đó chứng tỏ rằng có một chân lý huyền môn vĩ đại nào đó ẩn bên dưới. Cho đến nay, Luật Hy Sinh chưa được nghiên cứu đầy đủ, mặc dầu một Đức Thầy có lần nói rằng luật đó quan trọng như Luật Luân Hồi và Luật Karma.

Thấy được thực tại ở đằng sau các sự vật là nghe được khúc ca của sự sống. Khúc sinh ca đó là mãnh lực lúc nào cũng lưu chuyển bên dưới sự sống. Mọi chuyển động khác trong thiên nhiên đều có âm thanh và màu sắc dưới hình thức các biểu hiện và các vật đi kèm (accompaniments) của chúng – có các chuyển động khác mà chúng ta không biết chút gì, nhưng ít ra âm thanh và màu sắc đều trong phạm vi kinh nghiệm của chúng ta. Có thể tập nghe một điều gì đó về sự hài hòa của thiên nhiên và thấy một điều gì đó về cái mỹ
 354 lệ, huy hoàng và trật tự của nó, đó là cách hiệu quả hơn hết mà người ta có thể đi đến chỗ hoàn toàn chắc chắn rằng vạn vật đều cùng nhau hoạt động cho sự tốt lành, và cái trật tự vốn ẩn bên dưới cái thiếu trật tự ở bề ngoài này lại quá nghiêm trọng đồng thời về mọi mặt lại to tát hơn, quan trọng hơn, hiệu quả hơn nữa. Sự thiếu trật tự không gì khác hơn là một xáo trộn nhẹ, như cái bọt nước trên bề mặt; chỗ sâu thực sự của biển, nằm bên dưới, nó hoàn toàn tuân theo thiên luật, cho dù ở phía trên mặt, luật đó có thể dường như không được tuân theo.

Đối với chúng ta, điều quan trọng là cố gắng, nếu chúng ta có thể, nhận thức cái thực tại ẩn phía sau, cố gắng cảm nhận những gì không thể được chuyển sang một bên hoặc bị xáo trộn bằng bất cứ cách nào. Đó là một an ủi lớn, một khích lệ lớn, một đảm bảo lớn khi chúng ta có thể tiếp xúc được điều này và cảm thấy tuyệt đối chắc chắn rằng mọi việc đều đang tiến hành đều đặn, và vì lẽ đó không có gì đáng kể đối với những gì xảy ra ở bên ngoài, bởi vì ở trường hợp tệ hại nhất thì đó là một sự phiền nhiễu nhỏ và tạm thời, một kích động nhỏ bé. Lúc nào chúng ta cũng đang tiến đến chỗ hợp nhất với Đấng Duy Nhất. Lúc nào chúng ta cũng là một phần của Ngài. Chúng ta đang tiến đến việc nhận thức được điều đó, và qua chúng ta, Đấng Duy Nhất đang phát triển sự biểu lộ của chính Ngài.

Có thể nói rằng có một khúc ca, một hòa âm vĩ đại luôn luôn ngân vang bên ngoài các bầu thế giới. Trong thời xa xưa, người ta có nói đến âm nhạc của các bầu hành tinh, cái ý tưởng cho rằng mặt trời, các hành tinh và các ngôi sao, trong khi di chuyển, tạo ra một sự hài hòa phi thường. Trong Cựu Ước kinh, chúng ta cũng đọc thấy: “Các Sao mai đồng hát
 355 hòa nhau, và các con trai Đức Chúa Trời cất tiếng reo mừng”
 (1)(Job, 38, 7). Nhiều người cho rằng đó chỉ là cách diễn tả cho đẹp đẽ, chỉ là biểu tượng thi vị thôi. Một ngôn ngữ phổ thông có nói đến những điều như “tốt quá biết có thật hay không” (“too good to be true”). Nhưng mọi cái gì thiện và mỹ tất phải có thật, bởi vì nó vốn tốt và đẹp. Bất cứ nơi nào có một ý tưởng tốt lành, đều có nền tảng đối với nó; người ta không thể nghĩ đến ý tưởng đó mà không có một điều gì

¹ Bản dịch Thánh kinh 2003

tương ứng với nó trên các cảnh giới cao. Tất cả những điều cao xa nhất, tôn quý nhất và vĩ đại nhất đều là các tư tưởng thiêng liêng. Các tư tưởng của chúng ta trở nên cao siêu, khiết bạch, chân chính, cao thượng ngay khi chúng hướng về tư tưởng đó. Chúng ta phải cố gắng đạt được tư tưởng này – không phải dưới hình thức một quan niệm thi vị để thư giãn, mà là dưới hình thức một sự kiện căn bản có thực – điều gì vượt lên trên tất cả và có ở trong tất cả, đồng thời nằm trong tâm tất cả thì luôn luôn có cái mỹ và cái chân. Các ý tưởng thông thường được trình bày trước chúng ta đều là các tư tưởng của con người về các sự việc; các thực tại ở sau các sự việc mới là tư tưởng của Thượng Đế về chúng. Vì Thượng Đế vốn vĩ đại hơn con người, nên các tư tưởng của Thượng Đế hẳn phải cao hơn các tư tưởng của con người chúng ta. Cao hơn không có nghĩa là nghiêm khắc hơn hoặc là kém thực tiễn hơn, hoặc là xa xăm hơn cuộc sống thông thường, mà là vĩ đại hơn, đẹp đẽ hơn, huy hoàng hơn.

Chúng ta đang lắng nghe khúc ca sự sống bất cứ khi nào chúng ta cố tìm trong mọi vật những gì hay nhất và đẹp nhất. Mọi đạo sinh huyền học tất nhiên phải là người lạc quan, bởi vì họ biết rằng các sự thật còn biện minh nhiều hơn là các quan điểm lạc quan mà chúng ta có thể nhận được. Chân lý ẩn tàng đằng sau đều luôn luôn vĩ đại. Chúng ta hiểu sai chân lý đó và rơi vào chỗ thiếu nó; điều đó không phải là khuyết điểm của chân lý, mà là do sự thiếu hiểu biết của chúng ta. Thế nên bằng nhiều cách – một số trong đó là các cách nhỏ - trong cuộc sống hằng ngày chúng ta có thể lắng nghe khúc sinh ca này, và khi chúng ta nhất quyết nghe khúc ca đó, chúng ta sẽ không hoàn toàn mất âm thanh đó đâu. Âm thanh đó vẫn được nghe thấy trên các cõi khác

nhau. Dù là chúng ta có thể nghe toàn bộ khúc ca trên một còi duy nhất, chúng ta vẫn chỉ có một phần rất nhỏ, một nốt mà thôi. Khi chúng ta đạt đến hết cảnh giới này đến cảnh giới khác, chúng ta sẽ luôn luôn thấy được ngày càng nhiều cái mỹ lệ và huy hoàng của nó. Càng nghe khúc ca đó chừng nào, thì sự hài hòa càng trở nên hoàn hảo chừng đó. Nếu người ta gõ hết các nốt của một bát độ cùng một lúc, người ta sẽ không nhận được sự hài hòa nữa, mà là sự bất hài hòa (discord). Nhưng trên các còi cao, có những điều mà tôi chỉ có thể mô tả một cách hơi nghịch thường – có thể rằng càng nhiều nốt nhạc mà bạn đánh lên thì sự hài hòa càng hoàn hảo hơn, bởi vì nơi đó mọi vật ăn khớp với nhau theo một cách mà ở còi trần người ta không tài nào nghĩ đến.

Nếu phần này của giai điệu (melody) ở trong một khóa và phần kia ở trong khóa khác, chúng ta có một sự bất hài hòa. Nếu chúng ta có thể tưởng tượng có một cách phóng xuất vào không gian, trong đó mỗi một trong các phần này tự nó thể hiện bằng một hài hòa hoàn hảo trong chính nó, lúc đó một hệ thống theo một hướng khác trong đó các phần này sẽ hòa vào nhau, trong đó mỗi một trong các hài hòa này sẽ là một nốt, thì ta có thể có được một khái niệm về việc đó; không thể diễn tả việc đó bằng ngôn từ. Nhưng hiệu quả của việc đó là ở chỗ bạn có thể phóng ra như thế một số khóa, mà ở còi trần sẽ là bất hài hòa, trong khi ở các còi cao, chúng tạo ra hài hòa hoàn hảo.

Nhiều âm nhạc hiện đại kém hài hòa hơn nhạc cổ điển. Nó phóng vào các bất hài hòa cuồng loạn, rồi tìm nơi đó cách nào đó để tạo ra cái hài hòa hoàn hảo hơn. Không dễ gì thành công khi làm thế; nhưng tôi tin rằng người nào đang làm như thế là đang thoáng thấy được điều mà tôi nói đến

và đang cố diễn tả điều đó. Họ đang tìm kiếm phương pháp nào để nhờ đó các bất hài hòa sẽ tạo ra được hài hòa. Tôi không nghĩ là có thể làm được điều đó trên cõi trần, nhưng tôi phải thú nhận là tôi không thích các cách thể hiện kỳ lạ sau này, do đó có lẽ còn lâu lắm tôi mới hiểu được chúng. Người sáng tác mọi loại nhạc kỳ lạ này có lẽ nhắm vào các đối phần (counterparts, phần tương ứng) ở cõi cảm dục và cõi trí nơi không có sự bất hài hòa mà chỉ có sự hài hòa; nhưng ở cõi này chúng tạo ra một hậu quả không hài hòa. Tôi cho rằng những ai hiểu được loại nhạc đó là những người đã học được cách tạo ra các hiệu quả trong các thể cao của họ, vì thế họ thích loại âm thanh không nhịp nhàng và kỳ dị đó.

Nhiều cách thể hiện nghệ thuật kỳ lạ hiện nay, không chỉ trong âm nhạc, mà còn trong hội họa, rõ ràng đang nỗ lực hướng về tương lai và chúng đang tạo ra các hậu quả vượt quá những gì có thể thấy được và nghe được. Trong nhiều trường hợp, những gì có thể thấy và nghe được thì lại không mấy đẹp, nhưng tôi có thể hình dung rõ ràng rằng họ đang nhắm vào một cái gì đó vốn dĩ sẽ rất đẹp để một khi đạt được kết quả. Người ta muốn rằng nên có được hài hòa hợp lý trên tất cả các cõi, cho nên ngay tại cõi trần này sự vật có thể tự nó trở nên đẹp để đối với những ai không hiểu được khía cạnh cao!

Tôi có nghe một số người nói rằng một bản nhạc được ngân lên trong tình trạng như nhau đối với họ giống như một bản khác. Nhiều người trong chúng ta nhận được một thú vui mơ hồ từ âm nhạc, nhưng không có cách nào hiểu được điều đó. Có nhiều người khác thì đối với họ, một khúc
358 nhạc không những chỉ làm êm tai, mà theo họ, nó lại rõ ràng

như ngôn ngữ trong một bài diễn thuyết, đối với họ, nó gọi ra một hình ảnh rõ ràng mà họ có thể thấy và hiểu được. Tôi có nghe các đại nhạc sĩ nói chuyện trong chỗ riêng tư với nhau, do đó tôi hiểu được rằng hình-tư-tượng mà một nhạc sĩ sáng tác ra một bản nhạc nào đó, hoàn toàn có thể được truyền đạt cho một người khác. Tôi có gặp một trường hợp như thế khi tôi ở Ý cách đây vài năm. Một người soạn một bản nhạc dự định trình bày một con suối trong một ngôi vườn, suối nước này có ba chỗ trũng (basins) cái này nằm trên cái kia. Khi ông ta sáng tác bản nhạc mô tả cảnh này, ông đã có hình-tư-tượng đó trong trí. Tôi biết cùng một hình-tư-tượng như thế được gọi ra cho một nhạc sĩ khác, người này chưa bao giờ thấy suối nước hoặc ngôi vườn và không có ý niệm nào về cái mà bản nhạc định mô tả. Khi y hòa nhạc, bản nhạc đó gọi lại chính xác hình ảnh trước mặt y, cho nên y biết phần nào có liên quan đến các chỗ trũng khác nhau của suối nước và phần nào tả ngôi vườn. Tôi có thể thấy một vài tương ứng, nhưng cho đến khi tôi đã hiểu những gì mà bản nhạc ám chỉ, nó mới gọi ra hình ảnh cho tôi thấy.

Đó là một phát triển cao về âm nhạc. Khi chúng ta ở vào trình độ mà chúng ta có thể cảm nhận một ý nghĩa giống như ý nghĩa trong âm nhạc, thì bản nhạc sẽ gọi ý nghĩa nhiều hơn là nó đang làm hiện nay đối với đa số chúng ta. Điều này cũng đúng đối với một bức tranh. Nói một cách chính xác, những gì mà bức tranh gọi ra đối với người này sẽ khác với những gì được trình bày với người khác. Một số người giống như nhân vật trong vần thơ của Worsworth:

Một cây anh thảo (primrose) cạnh bờ sông.

Chỉ là cây anh thảo vàng đôi với người ấy,

và không còn gì nữa.

359 Nhưng đối với thi sĩ, cây anh thảo gợi ra một chuỗi ý tưởng đẹp. Khi có được khả năng này một cách rõ rệt, chúng ta sẽ đi đến một tình trạng suy tưởng bằng các biểu tượng. Chân ngã đảm trách điều đó trong thể nguyên nhân (thượng trí) của nó. Chân ngã suy tưởng bằng các biểu tượng (symbols), chứ không bằng các sự việc cụ thể, và rõ ràng là một cách phát triển tâm thông (psychic unfoldment) theo đường hướng đó, mặc dầu nó rất khác với hình thức phát triển thông thường hơn.

Nhiều hình thức nghệ thuật mới mẻ hơn, như là tranh của phái vị lai và phái lập thể ⁽¹⁾ – các sự vật vốn không giống cái gì cả trên trời hoặc dưới đất, nhưng có thể tượng trưng cho một cái gì đó ở các cõi cao – hiện nay đang ở trong giai đoạn chuyển tiếp; đó là công việc được làm một nửa. Người ta luôn nói rằng trẻ con đừng nên để cho thấy công việc mới làm một nửa. Về phương diện này, một số chúng ta chỉ là trẻ con, thế nên chúng ta không hiểu gì hết; nhưng khi việc đó được hoàn tất có thể nó là một thành công lớn. Khúc

¹ Phái vị lai (Futurism): có tại Ý từ 1910, về hội họa, điêu khắc, văn học; chủ trương có thể diễn tả sự vật bằng cảm giác để hình dung vật ấy cả về quá khứ, hiện tại và vị lai (cho nên có thể hình dung một vật thành ra nhiều mảnh v.v..) (Tự Điển Pháp Việt, Đào Đăng Vỹ, 1991 trang 839).

Phái lập thể (cubism): Do Lập-phương-thể-phái.

(Lập phương: hình có ba bề dài, rộng và cao bằng nhau).

Phái Lập Thể: Trường phái hội họa hiện đại, trong đó các vật thể được diễn tả bằng các hình hình học. Gồm các danh họa như Cezanne, Pablo Picasso, Georges Braque... Trường phái này ra đời vào khoảng năm 1908 – 1920. (Larousse En Couleurs, 1995).

sinh ca không phải chỉ có một phần, mà là toàn thể một dàn nhạc. Đó là một số lớn các giai điệu, tất cả chung lại diễn tấu lên, và có thể những người đi tiên phong (votaries) của nghệ thuật mới đang tiến đến chỗ hướng về cách biểu lộ khác mà cho đến nay chúng ta không thấy được.

Các thay đổi lớn có thể xảy ra trong nghệ thuật và âm nhạc, cũng như trong tôn giáo, cải cách xã hội và chính trị khi Đức Chương Giáo (World- Teacher) tái lâm. Chúng ta thường nghĩ đến Ngài như người lãnh đạo chúng ta chỉ trong tôn giáo mà thôi. Tôi không biết tại sao chúng ta chỉ giới hạn tư tưởng chúng ta vào lãnh vực đó, bởi vì chắc chắn rằng có rất nhiều đường lối tiến hóa của con người nằm ngoài học thuyết tôn giáo (religious teaching) hiện tại. Tôi không muốn nói rằng học thuyết tôn giáo đó dừng nên thẩm nhập toàn bộ kiếp sống chúng ta; tôi nghĩ nó sẽ có dịp thâm nhập, nhưng chính tôn giáo đó có thể tự biểu hiện dưới nhiều đường lối khác nhau. Do đó có thể Đức Chương Giáo sẽ chỉ chúng ta các việc cần nên làm, Ngài sẽ truyền cảm hứng không những cho tu sĩ, mà còn cho thi sĩ, nghệ sĩ, điêu khắc gia, nhạc sĩ và nhà khoa học nữa. Khi chúng ta có được cách trình bày hiện đại hơn về tôn giáo, thì người ta càng hài hòa hơn với giai đoạn tiến hóa đặc biệt mà nhân loại ngày nay đã đạt đến, rất có thể là phát biểu mới mẻ đó sẽ mang lại cho chúng ta một sự thúc đẩy kỳ diệu theo mọi đường lối này. Thực sự, thông điệp của Ngài sẽ mang chúng ta đến gần hơn việc thấu hiểu khúc ca của sự sống dưới mọi cách. Nó sẽ cho chúng ta thấy nhiều cái huy hoàng, cái mỹ lệ, cái hài hòa và trật tự ở bên dưới.

Điều quan trọng là nhận ra được cái trật tự. Hiện nay chúng ta đang trải qua một thời kỳ dân chủ của các sự việc,

liên quan với giai đoạn này dường như không tránh khỏi sẽ lộ ra việc mất trật tự rất trầm trọng. Đã thế, một số người thích có vinh quang trong sự xáo trộn, đó là người theo chủ nghĩa cá nhân (individualism), họ chủ trương rằng mỗi người phải đi theo con đường riêng của mình mặc cho điều gì xảy ra. Điều cần thiết là con người nên tập để có thể đi con đường riêng của mình. Điều cũng cần là khi họ đã làm được điều đó, họ cũng nên tập phục tùng ý chí của họ vào Ý Chí Thiên Liêng. Khi đã phát triển được năng lực đứng một mình, cùng các năng lực hành động và suy tư, họ phải tập cách sử dụng chúng theo đúng hướng. Người ta phải có một ý chí để đặt nó phụ thuộc vào Thiên Ý. Khi một người không có ý chí, thì sự sống rất thư thả (easy) bởi vì y để mặc cho mọi vật trôi giạt và tin tưởng vào “Thiên Hựu” ⁽¹⁾. Người có ý chí đôi khi lại dùng ý chí đó đi ngược lại Thiên Ý, và thực tế cho thấy điều đó dường như tốt hơn cho sự tiến hóa của họ vì lẽ người đó như thế sẽ trở nên đủ mạnh để đi vào chỗ sai trái, thì chẳng bao lâu sẽ đi vào chỗ đúng, còn người không có ý chí để làm điều tốt hoặc điều xấu thì cũng không
 361 đặc biệt hữu ích, cũng như không tiến xa được.

Tuân theo Ý Chí Thiên Liêng là lắng nghe khúc sinh ca. Càng tìm kiếm nó, thì chúng ta sẽ càng phát hiện được nó. Khi đạt hết cõi này đến cõi khác, chúng ta sẽ nghe khúc ca đó càng vĩ đại và đầy đủ hơn. Điều đáng nói ở đây là ngay bây giờ chúng ta có thể đưa ra một ý tưởng yếu ớt nào đó, có thể thấy một hình ảnh mơ hồ nào đó về cái huy hoàng của tổng thể, bởi vì khúc sinh ca này nằm trong chúng ta, nếu nhìn sâu vào bên trong chúng ta sẽ tìm thấy nó. Chúng

¹ Thiên : trời, hựu : sự giúp đỡ, sự phù hộ. Thiên Hựu; Phù hộ của Trời (Providence).

ta có tinh thần thiêng liêng, hơi thở thiêng liêng bên trong chúng ta. Nó bị bao phủ bằng cái mà chúng ta gọi là bản chất con người của chúng ta, thế nên giai điệu không dễ dàng vượt qua – nên điểm linh quang cháy yếu ớt. Tuy nhiên khúc ca ở đó, còn điểm linh quang không bao giờ tách rời như chúng ta vẫn tưởng. Nó luôn luôn là một phần của toàn thể ngọn lửa thiêng, nhiệm vụ chúng ta là làm cho các bản ngã thấp của các ngọn đèn của chúng ta có thể tỏa chiếu qua đó.

Trong chúng ta luôn luôn có sự biểu lộ của ngọn lửa thiêng vốn không bị nhuộm bẩn hoặc bị che lấp bằng bất cứ cách nào do sự kết hợp của nó với vật chất. Nếu chúng ta có thể nhận thức được chính chúng ta là ngọn lửa thiêng đó thì vật chất sẽ không còn có uy quyền nào đối với chúng ta nữa; nhưng muốn làm được điều đó một cách hoàn mãn, cần phải có trình độ phát triển rất cao – có lẽ hơn cả quả vị Adept nữa. Luôn luôn có sự biểu lộ đó, tuyệt đối không đổi màu, không bị che lấp, không chạm đến được; nếu chúng ta có thể nhận thức được ngay cả chỉ một ít thôi sự hợp nhất với ngọn lửa thiêng đó, cảm nhận được lửa thiêng liêng đó là “Cái Tôi” (“I”), thì chúng ta sẽ luôn luôn nghe được khúc sinh ca. Tuy nhiên, chúng ta có thể bị bao quanh bởi sự đấu tranh và va chạm của các cõi thấp, nên khúc ca đó sẽ luôn luôn vang lên bên trong chúng ta. Chúng ta sẽ làm công việc của chúng ta ở thế giới bên ngoài với sự hoàn toàn bình thản và hài lòng, bởi vì chúng ta biết rằng bên trong là chân lý đích thực duy nhất, còn tất cả cái còn lại chỉ là biểu lộ tạm thời. Khi tiếp xúc được với tâm thức cao siêu của chính chúng ta hoặc tâm thức của Đức Thầy thì thường thường bắt đầu nghe được giai điệu này; nó mang lại một cảm giác về cuộc sống nội tâm, về

nổi hân hoan, về cái phúc lạc, về sự chinh phục, một cảm giác rằng bạn đã chiến thắng trong cuộc đại chiến.

Chân Sư bình chú tiếp:

Kẻ chọn nẻo tà thì không chịu nhìn vào trong chính mình, bung tai trước giai điệu của tâm mình, trong khi y bịt mắt trước ánh sáng của linh hồn mình. Y làm thế bởi vì y thấy sống theo các tham dục thì dễ dàng hơn. Nhưng bên dưới mọi sự sống là luồng sống mãnh liệt không thể kiềm lại được. Thực ra các dòng nước vĩ đại đều ở đó. Hãy tìm các dòng nước đó và con sẽ nhận ra rằng không ai, không có tạo vật nào đáng ghét nhất trong các tạo vật, mà lại không là một phần của nó, tuy nhiên y làm cho y không nhìn thấy sự thật đó, và tạo cho chính y một hình thức bên ngoài ghê gớm ma quái.

Nếu người nào chọn nẻo tà chỉ vì y không chịu nhìn sâu vào trong chính mình. Hiếm khi y chọn nẻo tà một cách cố ý, mà chỉ vì y không bao giờ đi sâu vào chính mình, y lầm lộn thể tình cảm với chính mình, thế là y sống trong các ham muốn của mình. Đi theo con đường thấp kém bởi vì y muốn thỏa mãn các ham muốn đó. Chính vì y không đối mặt với sự thật của cuộc đời nên y đang hành động ngược lại với trào lưu tiến hóa. Ít lâu sau đó y đạt đến điểm mà y có thể chuyển sang cuộc sống cao siêu hơn mà y thường quay mặt đi. Thật không dễ chịu chút nào đối với y khi nhận ra rằng bấy lâu nay mình đã đi xa trên con đường sai trái, nay y phải
363 quay trở lại và đối mặt với nhiều việc gian lao, với phiền muộn và ân hận, xuất phát từ sự kiện rằng y đã tạo ra một sự thúc đẩy về hướng sai trái. Có thể đó dường như là một vấn đề không trầm trọng lắm khi nhiều người ở vào tình trạng

đó, nhưng nếu một người có cái đặc tính này, đạt đến một tình thế mà trong đó y có khả năng để làm nhiều điều thiện hoặc nhiều điều ác, thì y trở nên rất nguy hiểm theo quan điểm tiến bộ huyền linh.

Khi đọc những đoạn như thế này, người ta thường nghĩ đến một người theo hắc đạo ở một mức độ quan trọng, nhưng điều đó cũng đúng đối với những vấn đề nhỏ hơn. Người không đối mặt với các sự thật thì rất có thể bị dẫn dắt vào con đường dễ dàng nhưng nguy hiểm hơn. Y sẽ làm những gì dễ dàng, thay vì làm những gì đúng đắn. Chúng ta phải thấy chính chúng ta một cách thành thật theo đúng bản thể của chúng ta. Người nào cố ý không làm thế, có lẽ có lý do để e ngại rằng nếu y thấy chính mình diện đối diện có thể y không thích triển vọng đó. Đã thế, có thể sai lầm theo cách ngược lại, đó là rơi vào một tình trạng nội quan bệnh hoạn (morbid introspection)⁽¹⁾ thật là một phiền toái và khó khăn, như chúng tôi đã thấy trong khi nghiên cứu “Dưới Chân Thầy”. Người nào luôn kéo rễ cây lên để xem coi chúng mọc như thế nào, người đó sẽ không tiến bộ được. Điều quan trọng là chắc chắn rằng chúng được đặt vào đúng chỗ, rằng bạn đang cố gắng làm điều tốt lành, và kể đó tiến tới một cách bình thản và bền bỉ, làm hết khả năng của mình. Không bận tâm về sự tiến bộ riêng của mình. Tất nhiên là

364 bạn sẽ tiến bộ, nhưng sự tiến bộ hơn hết sẽ được tạo ra khi bạn không nghĩ tới nó, khi bạn đã mất hết mọi ý tưởng về chính mình trong lúc làm một số việc tốt lành và hữu ích cho kẻ khác. Đó là tiến bộ mà chính tôi có thể tạo ra trong

¹ Nội quan: xem xét các suy nghĩ, cảm xúc và động cơ bên trong chính mình. (Introspection).

khoảng bốn mươi lăm năm qua, khi tôi hoàn toàn lao mình vào bất cứ công việc nào đã được giao phó, không quan tâm gì đến vấn đề tiến bộ cá nhân.

Có một chân lý dạy rằng kẻ nào không thấy được sự thật rằng mình vốn thiêng liêng thì kẻ ấy sẽ tạo cho chính mình một hình thể góm ghiếc. Cái khó của chúng ta khi đối xử với người ấy là ở chỗ những gì mà chúng ta gặp ở cõi trần là chính hình thù góm ghiếc đó chứ không phải linh hồn ẩn đằng sau. Tuy nhiên, chúng ta phải cố gắng hiểu rằng linh hồn vẫn ở đó. Tôi tin là trước kia tôi có nói với bạn tôi có một số kinh nghiệm với tư cách là người trợ giúp không chuyên nghiệp trong Nhà Thờ, thời tôi còn trẻ, tại một trong các khu vực tẻ nhất ở Luân Đôn. Trong thời gian trải qua kinh nghiệm, tôi gặp được những người có lẽ thuộc hạng thấp kém trong xã hội. Họ không có lấy một ý tưởng nào về việc tìm kiếm một cách mưu sinh lương thiện hoặc đáng kính trọng. Họ chỉ có những ý tưởng về cuộc sống là trộm cắp và bạo hành đủ loại. Họ hoàn toàn không biết gì hơn nữa. Còn những người sống trong tình trạng thuận lợi hơn, thì có rất ít ý niệm về cuộc sống của người thực sự nghèo khổ ở Luân Đôn. Tôi biết được có năm gia đình sống trong một phòng – mỗi gia đình ở một góc, còn một gia đình ở giữa. Họ sống khá hòa thuận trong hoàn cảnh kỳ lạ hơi giống chuồng heo, cho tới khi thành viên ở giữa nhận một người ở trọ, và rồi xung đột xảy ra.

Trong các nước mới hơn, hiếm khi có thứ gì giống như khu nhà ổ chuột ở nước Anh. Trong mọi giống dân đều có những người tiến hóa ít hoặc nhiều, nhưng ở Anh, chúng ta có những thái cực khác nhau, bởi vì chúng ta không luôn luôn sống theo năng lực và trách nhiệm của chúng ta. Trong

một vài trường hợp, chúng ta đã tàn sát các giống dân kém văn minh, chúng ta giết họ như là dã thú, chúng ta săn đuổi họ như những người chơi trò săn bắn. Trong nhiều trường hợp, những người bị đối xử tệ hại như thế, do chỗ đó mà đầu thai trong chủng tộc của chính chúng ta, và trở thành cư dân khu ổ chuột (slum-dwellers). Mặc dầu họ được có cơ hội mang xác thân của một chủng tộc cao, thường thường họ không thể lợi dụng được việc đó, nhất là trong khi môi trường xung quanh họ rất tệ hại.

Khi con người sống dưới các hoàn cảnh như thế đó, tôi không nghĩ là chúng ta có thể mong đợi bất cứ điều gì rất cao về đạo đức hoặc nhân đạo.

Với bao nhiêu tội lỗi đằng sau họ, với sự kế thừa tội lỗi của tổ tiên và cha mẹ, đồng thời đang sống dưới những hoàn cảnh khủng khiếp như tôi đã mô tả, những người này tuy thế luôn luôn có một tia sáng nào đó của những gì tốt đẹp nơi họ – như một sự tử tế nhỏ bé mà họ tỏ ra đối với người láng giềng bệnh hoạn, đối với một đứa trẻ, đối với một con chó. Tôi nhớ có một người ở vào trường hợp thực là tồi tệ, tôi nghĩ rằng ánh sáng duy nhất của bất cứ điều gì mà tôi thấy tốt đẹp nơi y đó là y có được tình thương mạnh mẽ đối với một con chó và thường chia mẩu bánh cuối cùng với con chó. Tia sáng thiêng liêng vẫn hiện hữu nơi mỗi người trong số những người này và sẽ lộ ra khi bạn ít mong đợi nhất. Bạn biết điểm linh quang vẫn luôn luôn hiện hữu và đó là cái rất có ảnh hưởng. Nếu có bao giờ bạn ở vào trường hợp không thể tìm thấy một chút dấu vết gì của nó, cứ vững tin rằng dù sao đi nữa nó vẫn có đó.

Trong khi mà chúng ta sẽ luôn luôn cố nhớ lại cái vinh quang ở phía sau con người, và điều đó sẽ được nhìn thấy rõ

trong một kiếp sống tương lai nào đó, tuy vậy chúng ta phải đối mặt với sự thật rằng hiển thị bên ngoài (external presentment) hiện nay thường rất thiếu sót. Chúng ta phải cố giúp cho tia linh quang biểu lộ, mặc dầu chúng ta sẽ thấy các trường hợp mà trong đó chúng ta hiếm khi đến gần nó. Không phải mọi người đều biết cách. Chúng ta gặp những người mà chúng ta không thể làm được gì nhiều với họ. Chúng ta cố gắng làm hết sức mình. Có thể do karma của người đó mà chúng ta sẽ không thể giúp được y; có thể do nghiệp quả của chúng ta không đủ cho chúng ta đủ mạnh để tìm được cách giúp trong trường hợp đặc biệt đó. Trong các việc này chúng ta phải luôn luôn nhớ lại sự quan trọng của lương tri, đừng để cho chính chúng ta bị cuốn ra khỏi đó, đi vào sự bơ vơ hoặc thất vọng ở một mặt, hoặc đi vào bất cứ loại tình cảm nào làm cho chúng ta trở thành mù quáng trước các sự thật hiển nhiên ở mặt khác. Người ta thường nói rằng giữa cái cao thượng với cái lỗi bịch chỉ có một bước, nên đôi khi người ta có thể làm những gì cao thượng và đẹp đẽ trở thành buồn cười bằng cách đi quá xa, hoặc đưa nó vào chiều dài quá đáng. Có nhiều trường hợp và chuyện xảy ra như thế liên quan đến giáo lý và công tác Minh Triết Thiêng Liêng của chúng ta.

Sự sống thiêng liêng vốn ở trong mọi người, nhưng trong nhiều trường hợp nó có thể tự lộ ra một cách yếu kém và mờ nhạt. Lúc đó chúng ta phải ứng xử với vấn đề theo cương vị của nó. Trên cõi trần vì sự sống chúng ta là theo cộng đồng, chúng ta phải có một số luật lệ. Những ai phạm tội chống lại các luật này, những ai trở nên cái thường được gọi là kẻ phạm tội, phải được đối xử theo một cách nào đó để giúp ích được cả họ lẫn cộng đồng. Tôi biết có một số người

367 đưa ý tưởng về ánh sáng nội tại đi xa đến nỗi họ cho rằng kẻ tội phạm đừng nên bị kiềm chế. Theo tôi điều đó có vẻ thiếu suy xét, bởi vì lúc bấy giờ chúng ta sẽ bị giao vào tay của kẻ tội phạm, lúc đó sự sống, trật tự và tiến bộ sẽ không thể có được đối với hàng ngàn người mà cơ hội tiến hóa rất tốt đẹp, họ quan trọng cho sự tiến hóa của thế giới còn hơn là kẻ tội phạm đó.

Chúng ta đừng nên xử tệ với tội nhân của chúng ta. Chúng ta nên đối xử với y như một hoàn cảnh đặc biệt, như một người bệnh, hơn là một kẻ ác, bởi vì kẻ phạm tội thường là một người khiếm khuyết về trí óc. Họ có thể khéo léo trong một vài đường lối, nhưng chắc chắn là khiếm khuyết trong các lối khác. Họ không thể thấy được cái cần thiết của lòng vị tha, sự hợp nhất, sự đoàn kết, nếu không thì họ không thể là kẻ tội phạm thông thường. Ai có đọc các tác phẩm của giáo sư Lombroso sẽ nhớ rằng sau một loạt các kinh nghiệm, ông đi đến kết luận rằng tất cả các tội phạm thông thường đều do khiếm khuyết trong bộ óc, và trong mọi trường hợp mặc dù họ có thể khéo léo, bộ óc của họ cân nặng ít hơn bộ óc của một người thường. Giáo sư nói rằng một vài phần của bộ óc vẫn chưa hoạt động nơi những người này.

Ý tưởng thông thường là trả thù đối với người phạm tội chắc chắn là cách sai lầm để tiến tới giải quyết vấn đề. Theo tôi, dường như đó là cách không xứng hợp với đoàn thể dân tộc văn minh. Chúng ta phải che chở chính chúng ta chống lại sự tấn kích của các tầng lớp tội phạm, nhưng vì họ cũng là con người và là các huynh đệ chúng ta, cho dù là các huynh đệ trẻ hơn, chúng ta cũng nên bảo vệ chính chúng ta
368 để giúp đỡ và dạy dỗ họ, đừng báo thù họ. Có ý kiến cho

rằng các tội phạm khác có thể bị ngăn chặn bằng cách đưa ra thí dụ kinh khủng về một người. Đó là làm điều ác để điều thiện có thể nảy sinh; nhưng lịch sử chứng minh rằng điều thiện không đến theo lối đó.

Tất cả các hình thức kinh khiếp này đều là các ảo tưởng. Chúng không hề hiện hữu trong thực tại thiêng liêng. Ở Trung Hoa, người ta nói rằng cái xấu xa chỉ là bóng của cái tốt lành. Chúng ta đã tạo ra hầu hết cái xấu xa trên thế gian bởi vì chúng ta không hoạt động hài hòa với các định luật thiêng liêng trong kiếp sống này hoặc các kiếp sống đã qua. Nếu tất cả chúng ta có thể hoạt động hài hòa với thiên luật, thì cái xấu xa/ tà vạy sẽ bị loại trừ. Điều cần thiết là nên có một mức độ tự do ý chí nào đó để chúng ta có thể học cách làm thế nào để vận dụng nó, nhưng hoàn toàn tự nhiên và không có sự khiển trách đi liền với bất cứ ai mà chúng ta đã dùng tự do ý chí của chúng ta để làm điều trái cũng như điều phải, hậu quả là đưa cái sai trái vào thế gian. Nhưng luôn luôn chỉ có sự xáo trộn trên mặt, luôn luôn ở đáy nước sâu, các trào lưu vĩ đại của sự sống thiêng liêng và cơ tiến hóa mà Thượng Đế đã vạch ra cho chúng ta vẫn tiếp diễn. Đây là các thực tại thường tồn của sự sống. Còn kia chỉ là ở bề mặt, mặc dầu đối với chúng ta, nó thường có vẻ như là cái quan trọng khủng khiếp và có quyền lực rất lớn. Thực ra, khi so sánh với cái còn lại, thì nó không còn mạnh mẽ chút nào nữa. Dòng nước vĩ đại không hề bị ảnh hưởng bởi bất cứ cái gì mà chúng ta có thể thấy. Bằng một cách thức huyền bí nào đó mà Southey đã nói lên sự thực sau đây: “Kẻ ác thi hành một cách mù quáng cái ý chí chính trực của trời” (“Blindly the wicked work the righteous will of heaven”).

369 Chính với ý nghĩa đó mà ta nói với con: Mọi sinh linh mà trong đó con đang phấn đấu, đều là các mảnh của Đấng Thiêng Liêng. Và cái ảo tưởng mà con đang sống trong đó có tính chất phỉnh gạt đến nỗi thật khó đoán nơi nào mà con sẽ khám phá trước tiên tiếng nói dịu dàng trong tâm của kẻ khác. Nhưng hãy biết rằng chắc chắn nó ở trong chính con. Hãy tìm nó nơi đó, một khi đã nghe được tiếng đó rồi, con sẽ sẵn sàng hơn để nhận ra nó ở chung quanh con.

Nếu chúng ta có thể nhìn mọi vật theo quan điểm của chân nhân trong thể nguyên nhân, hơn nữa nếu chúng ta có thể xâm nhập vào cõi kế tiếp, tức cõi Bồ Đề, chúng ta sẽ thấy ý nghĩa thực sự của mọi điều này. Tất cả những gì mà chúng ta thấy được lúc bấy giờ, không còn là một phần nhỏ của khía cạnh thấp của nó, mà là toàn thể sự vật, và chúng ta có thể nhận thức tỷ lệ ra sao, và thấy nó thực sự rất nhỏ bé, “cái sai trái là vô giá trị (null), không là gì, là sự im lặng hàm ý âm thanh” như thế nào. Khi viết ra câu này, có lẽ Browning biết câu đó đúng tới mức nào. Đàng sau, vượt quá và trên mọi cái sai trái, chúng ta có thể rất chắc chắn rằng cái trào lưu vĩ đại đang đều đặn tuôn chảy, bài ca sự sống vẫn được nghe thấy, nếu chúng ta đi xuống đủ sâu để nghe nó, vì linh hồn của vạn vật vốn dịu dàng, còn tâm của chúng sinh là chỗ an nghỉ thần thánh (celestial rest) như Đức Phật dạy chúng ta từ lâu.

Chúng ta phải tìm con đường tiến đến Thượng Đế bằng cách vun bồi tia lửa cho đến khi nó trở thành ngọn lửa. Lúc bấy giờ nó sẽ thiêu đốt các vách ngăn mà biệt ngã đã dựng lên, nhưng khi tiêu hủy chúng, nó sẽ không mất đi sức mạnh

và sự chắc chắn mà nó hoạch đắc được trong khi xây dựng và sử dụng chúng. Thế nên sức mạnh mà nó có được như thế sau rốt sẽ cho phép nó tác động không phải như là một tia lửa, mà như là một mặt trời đang tỏa ra sự sống và ánh sáng xuyên qua một thái dương hệ rộng lớn, và bấy giờ con người thực sự trở thành Thượng Đế.

370 Giờ đây chúng ta nghiên cứu lời bình luận của Đức Chohan về qui tắc 5:

Bản thân sự sống cũng có tiếng nói và không bao giờ lặng im. Và vì con điếc nên con có thể cho rằng tiếng nói của sự sống là tiếng la hét, thật ra đó là một khúc ca. Hãy học nơi sự sống để biết rằng con là một phần của hòa điệu đó; hãy học nơi sự sống để tuân theo các luật hài hòa.

Ở bề mặt của cõi trần này, người ta gặp biết bao nhiêu sự hỗn loạn, kêu than, sầu não, đau khổ, hám của, vói quá xa (overreaching) và ác ý, rồi người ta nghĩ thêm rằng nếu người ta có thể thấu nhập vào tâm của sự sống, thì người ta sẽ nhận thấy nó là tiếng kêu cầu giúp đỡ, tiếng kêu đau khổ. Nhưng không phải như vậy – người ta sẽ thấy đó không phải là tiếng kêu than, mà là một ca khúc (song). Bất kể bụi nước ở trên bề mặt có thể tung ra, bất kể các dòng nước và xoáy nước có thể được thấy ở đây bởi đôi mắt bên ngoài của chúng ta, dòng nước mạnh mẽ vẫn vững vàng tiến tới, và điều đó mới là đáng kể, mới đáng lưu tâm.

Tiếng cầu xin yên nghỉ và bình an thường là tất cả những gì mà chúng ta có thể nghe thấy trong cõi trần này. Khi tiến lên các cõi cao, chúng ta nhận ra rằng toàn bộ trào lưu sự sống đang tuôn chảy từ bên trong lại không phát ra

bất cứ tiếng cầu xin an nghỉ nào, mà là đang hát lên khúc ca chiến thắng huy hoàng khi nó lưu chuyển đều đặn trên con đường mà Thượng Đế đã định cho nó. Bạn có thể học hỏi từ khúc ca đó, như đã nói ở đây – bạn là một phần của hòa âm và bạn có thể học từ hòa âm đó để tuân theo các định luật hài hòa. Tất cả vũ trụ kỳ diệu và huy hoàng này là một biểu hiện của ý chí của Thượng Đế (Thiên Ý); nó chuyển động đều đặn theo đúng ý muốn của Ngài, và tất cả những gì mà chúng ta phải làm, nếu chúng ta chỉ hiểu được điều đó cũng đủ, đó là chính chúng ta đóng góp một phần sáng suốt vào chuyển động đó, để nhận ra được điều gì mà Thượng Đế muốn chúng ta làm và thi hành điều đó.

Không có một khó khăn nào và không bao giờ có bất cứ khó khăn nào trong việc nhận biết những gì mà Thượng Đế muốn chúng ta làm, vì tôn giáo trên thế gian từ thời xa xưa nhất mà chúng ta đã ghi nhận được, đã dạy ra một cách chính xác điều này trong số các hành động của con người. Họ đã có nhiều hình thức tin tưởng, cũng như nhiều danh xưng khác nhau dành cho các việc này, khi có bao nhiêu tôn giáo, nhưng tất cả đều đồng ý về những gì mà con người nên làm. Đó là điều quan trọng, và thật là lạ lùng khi người ta không thể suy diễn ra để thấy được ý tưởng đó, hầu làm việc với nó. Tất cả đều đồng ý rằng người đức hạnh là người có tấm lòng quảng đại, người không vị kỷ, còn người tử tế (kindly man) là người không áp bức kẻ khác mà cố gắng bằng mọi cách giúp họ tiến tới – người nhân từ với kẻ nghèo, người biết nhường thức ăn cho kẻ đói, thức uống cho kẻ khát, quần áo cho kẻ trần trụi, thăm nom kẻ đau yếu, kẻ trong ngục tù. Đây là các điều mà Đức Christ nói là có tính cách quyết định số phận con người. (St. Matthew 25, 35 – 40).

Trong Phật Giáo, tôn giáo cuối cùng – được sáng lập bởi Đấng tiền nhiệm vĩ đại của Đức Christ, là Đức Phật Thích Ca, bạn cũng thấy cùng các đức hạnh đó được đề ra. Khi Đức Chương Giáo hiện tại đến với chúng ta trong lần lâm phạm dưới danh xưng là Shri Krishna, Ngài cũng thuyết giảng cùng giáo lý đó. Có sai biệt trong một vài hình thức bên ngoài và các danh xưng, điều đó không quan trọng còn chính giáo lý thì lúc nào cũng như nhau. Tuy vậy, mặc dầu con người luôn luôn được dạy bảo, luôn luôn biết Thiên Ý là gì, thật rất khó mà làm cho họ thực hiện nó.

372

Chúng ta đã đọc nhiều về đời sống giản dị; Tôi cho rằng các đời sống giản dị nhất do các vị ẩn sĩ thời cổ trải qua, và, ngay thời bây giờ ở Ấn Độ, có những người đi vào rừng sâu, không mang bất cứ gì, hoàn toàn hiến dâng để theo đuổi đời sống cao siêu. Tôi biết rõ cuộc sống đó thường làm hỏng một số người, và những ai được cho là đang hiến mình cho cuộc sống cao siêu, đôi khi trong thực tế, họ hoàn toàn chưa có khả năng để sống như thế, họ chưa đạt tới trình độ để họ có thể trải qua trọn cuộc đời sống trong tham thiền. Thế nên có các yogis làm cho môn yoga bị chỉ trích, còn các nhà ẩn tu mang lại sự ghét bỏ đối với tôn giáo của họ. Hơn nữa, vẫn còn sự thật là đời sống cao cả nhất và đơn giản nhất thật sự là đời sống trọn vẹn nhất – là cuộc đời được sống hoàn toàn trên các cõi cao.

Cuộc sống đó không dành cho tất cả mọi người; hầu hết chúng ta đang ở trên đường lối của pháp môn hành động (karma yoga), tức là tích cực phụng sự. Công việc của chúng ta là hoạt động cho phúc lợi của thế gian trên cõi trần. Kẻ nào rút lui khỏi thế gian thì sẽ đang làm việc cho thế gian dứt khoát và mạnh mẽ hơn, nhưng ở trên cõi cao. Người này

không ẩn dật để thiền định trong rừng sâu hoặc hang động chỉ vì muốn tránh xa phần còn lại của thế gian và cứu rỗi linh hồn mình dễ dàng hơn bằng cách đó. Người ấy đi ẩn dật bởi vì người ấy đã là một linh hồn được cứu độ, đang tỏa sáng, hoan hỉ, mạnh mẽ, có quyền năng tinh thần, người ấy cảm thấy rằng mình có thể làm được công việc lớn lao trên các cõi cao, hơn là có thể làm trong một thành phố, giữa các phiền nhiễu của cõi trần.

373

Đôi khi nhiều người ẩn lánh vào rừng sâu chỉ vì muốn tránh các trách nhiệm và các khó khăn của bốn phận thế gian; nhưng người nào đã vượt khỏi bốn phận thế gian sẽ nhận ra rằng nó sẽ không còn quan trọng đối với y, và như vậy khi con đường như thế mở ra cho y, y có thể cho phép mình thực hiện đời sống sống cao siêu của vị sannyasi hay là tu sĩ (monk). Tuy nhiên, ngay cả lúc bấy giờ trong giai đoạn này của lịch sử thế giới, đời sống tu sĩ đó dường như không phải là cách thường được thể hiện. Có quá nhiều điều cần làm ở thế gian, đến nỗi ít nhất chúng ta phải làm tròn mọi bốn phận của chúng ta nơi đây trước khi chúng ta cảm thấy mình được tự do rút ra khỏi đó và để lại công việc đó cho những kẻ khác. Có thể là khi Đức Chương Giáo vĩ đại tái lâm, Ngài sẽ chọn những người sẽ làm việc theo các đường lối khác nhau này. Rất có thể trong số các người trẻ, một số có thể được chọn để sống cuộc đời tu sĩ. Chúng ta không biết; nhưng hoàn toàn chắc chắn rằng Ngài sẽ cần các người trợ giúp bác ái, năng động, tự nguyện trên cõi trần. Lúc này đây chúng ta hãy bắt tay vào công việc đó, bởi vì nó sẽ đến với chúng ta. Nếu khi Ngài đến, Ngài sẽ chọn để rút ra một số người trong chúng ta tách ra để làm công việc cao siêu nào đó, lúc đó Ngài sẽ ban cho chúng ta năng lực để làm

điều đó, còn bây giờ, chúng ta hãy làm những gì hiển nhiên là bổn phận của chúng ta, và làm với hết năng lực của chúng ta, như làm cho Ngài chó không phải cho con người.

6.- Hãy ghi vào ký ức giai điệu con đang nghe.

Trong khi con chỉ là con người, chỉ những đoạn của bản đại hòa tấu mới đến được tai con. Nhưng nếu con lắng nghe nó, ghi nhớ nó một cách trung thực, để cho không một đoạn nào đã đến với con mà bị mất đi, đồng thời cố gắng học hỏi từ đó ý nghĩa cái huyền vi chung quanh con. Theo thời gian con sẽ không cần vị thầy nào nữa. Vì mỗi cá nhân đều có tiếng nói, thế nên nhờ đó mà cá nhân tồn tại.

374

Nếu bạn lắng nghe, đôi lúc bạn sẽ nghe được khúc ca vĩ đại; lúc đó hãy ghi nhớ và đừng bao giờ quên những gì bạn đã nghe, để cho không gì đến được với bạn, có thể bị mất đi. Sau đó, nhờ ráp lại các đoạn nhỏ của khúc ca vĩ đại, bạn sẽ từ từ học được nơi nó ý nghĩa của cái bí nhiệm đang ở quanh bạn.

Sự sống là một bí nhiệm cho những ai không thấy nó dưới hình thức một tổng thể, và không một người nào trong chúng ta có thể thấy nó đầy đủ trước khi chúng ta trở nên hợp nhất với Thái Dương Thượng Đế, Đấng mà mọi sự sống trong hệ thống này đều là biểu hiện của Ngài. Chỉ có Ngài mới có thể thấy sự sống một cách toàn vẹn. Chúng ta, với tư cách là các mảnh vụn rất nhỏ (theo tôi nghĩ, tôi biết điều đó không phải thuần về mặt triết lý, mà cách diễn tả đó gần với sự thật hơn là cách diễn tả nào khác), với tư cách là các thành phần rất nhỏ của tâm thức Thượng Đế, có thể huyền đồng chính chúng ta tới một mức độ lớn hơn hoặc nhỏ với tâm

thức vĩ đại đó. Và khi chúng ta làm như thế, chúng ta sẽ có thể thấy được điều này, cảm nhận được nó, biết được nó. Mỗi người trong chúng ta, đang cố gắng nghe khúc sinh ca, đang cố gắng ráp lại với nhau các mảnh vụn mà chúng ta thấy được ở đây đó.

375 Có lẽ toàn thể thiên nhiên là biểu hiện của một cái gì vốn đơn giản; những lực rất ít đơn giản dưới các tình huống khác nhau giải thích cho tất cả những gì ta thấy chung quanh ta; nhưng chúng ta chưa ở vào vị thế để thấy một cách chính xác các lực này là gì và các điều kiện hoạt động ra sao. Do đó, thoát đầu đường như kỳ lạ là chúng ta đào sâu vào thiên nhiên càng nhiều theo phương pháp khoa học thì chúng ta thấy cái phức tạp càng lớn thêm. Thí dụ, năng lực phóng đại của kính hiển vi của bạn ngày càng được nâng cao, thì bạn lại thấy rằng một hạt bụi nhỏ đơn giản, thực ra lại là một cơ cấu phức tạp kỳ diệu. Chỉ gần đây các nhà hóa học quen nghĩ các chất như vàng hoặc sắt là một nguyên tố (element) như một chất đơn (simple thing), nhưng cách đây nhiều năm, nhờ nhãn thông (clairvoyant sight), vượt xa sức phóng đại của kính hiển vi, chúng tôi đã thấy đó là một vật phức tạp vô cùng. Thí dụ, chúng tôi đã thấy rằng cái thường được gọi là nguyên tử hóa học của vàng chứa ba ngàn năm trăm bốn mươi sáu (3.546) cực nguyên tử hồng trần (ultimate physical atoms), và chúng đang chuyển động thành các nhóm quanh trọng tâm ⁽¹⁾ của chính chúng rất giống với Thái dương hệ.

¹ Trọng tâm: điểm mà chung quanh nó trọng lượng của một vật được phân bố đều (centre of gravity).

Thế nên, hình như là chúng ta càng nghiên cứu sâu hơn, chúng ta thấy mọi vật càng phức tạp hơn. Tuy nhiên, cuối cùng điều đó không đúng, bởi vì nếu ngày càng nghiên cứu sâu xa hơn, sau cùng chúng ta sẽ thấy mọi thứ đều làm bằng các bọt koilon (hỗn nguyên khí) – được tạo thành từ hư vô (built of nothing) – và toàn thể vũ trụ vật chất theo cách nào đó là một ảo tưởng (illusion). Thật ra, kinh sách xứ Ấn đã dạy chúng ta điều này từ lâu – đó là có một sự đơn giản tột bậc đằng sau mọi cái phức tạp. Chúng ta không thể nói một cách chắc chắn, bởi vì cho đến nay chúng ta không hề thấy điều đó, nhưng có vẻ rất có thể rằng chúng ta có thể hầu như xem nó như là một điều chắc chắn, đó là cùng một qui luật vẫn sẽ đúng ở khắp mọi nơi: đó là trong khi tính chất phức tạp hoàn toàn vô cùng lớn hơn là chúng ta tưởng là có nơi chúng, tuy nhiên đằng sau vạn vật lại là cái đơn giản tuyệt đối.

7. Hãy học bài học hài hòa nơi giai điệu đó.

8. Bây giờ con có thể đứng thẳng, vững như đá giữa bao xáo trộn, vâng theo vị chiến sĩ, người chính là con và là
 376 vị chúa của con. Không bận tâm đến cuộc chiến, mà chỉ nghĩ đến việc thi hành lệnh của người, không còn lo lắng gì đến kết quả của trận chiến vì điều quan trọng duy nhất, đó là vị chiến sĩ sẽ thắng và con biết rằng người không thể bại được – như thế con đứng vững, bình tĩnh và sáng suốt, sử dụng những gì con đã nghe thấy nhờ đau khổ và nhờ sự diệt trừ đau khổ.

Ở đây Chân Sư thành Venice đang mô tả trạng thái mà con người phải đạt đến khi chân ngã là chiến sĩ, là người

chiến đấu. Khi con người nhận ra rằng mình mới thực sự là chiến sĩ, mình chính là chân ngã cao siêu đó, và chân ngã đó thiêng liêng và ở trong Thượng Đế, bấy giờ y mới không bận tâm về cuộc chiến của sự sống, trừ ra việc thi hành mệnh lệnh của chân ngã đó.

Trước tiên, trong cuộc đấu tranh ở cõi trần của chúng ta, trong nỗ lực để làm việc và làm tròn các bổn phận của chúng ta, chúng ta rất quan tâm đến kết quả. Chúng ta cảm nhận rằng nếu chúng ta không thể làm việc cho lẽ phải, thì lẽ phải sẽ không thắng thế. Cuối cùng luôn luôn lẽ phải sẽ thắng. Thật đáng buồn khi thấy bất cứ ai trong chúng ta không thể góp phần của mình để đạt mục tiêu đó, nhưng chúng ta có thể chắc chắn rằng, bất cứ xảy ra việc gì đi nữa, sau cùng lẽ phải tất phải thắng, và chừng nào chúng ta tuân hành mệnh lệnh của chân ngã, chừng nào chúng ta dồn hết nỗ lực của mình, mà cái nỗ lực tốt cùng đó dường như thất bại, điều đó cũng sẽ không làm chúng ta bối rối hoặc là bận tâm đến. Nhưng chúng ta phải rất chắc chắn rằng chúng ta đang cố gắng làm hết sức mình, và chúng ta **không** sử dụng sự tin chắc rằng lẽ phải sẽ thắng như là một cái cớ cho sự lười nhác.

377 Cả ngàn người nói về trận đại chiến: “Ồ, lẽ phải sẽ thắng; tại sao chúng ta phải làm bất cứ điều gì?” Đúng, lẽ phải nhất định thắng; nhưng thật là điều rất đáng buồn cho những ai có được cơ hội để trợ giúp, lại từ chối một cách cố ý. Nơi họ có nghiệp quả của một cơ hội lớn đã mất, và cũng là nghiệp quả của mọi điều xấu thêm vào vốn đã xảy ra chỉ do sự trì hoãn. Nếu thêm nhiều người dũng cảm tiến tới và sẵn sàng hy sinh chính họ, thì lẽ phải đã thắng sớm hơn nhiều và nhiều sinh mạng đã được cứu giúp. Người nào do

dự, kẻ ấy sẽ chịu trách nhiệm cho sinh mạng của số người chết tăng lên. Tôi cho rằng có nhiều người – mặc dầu dường như khó tin được điều đó – thích gởi kẻ khác chết thay cho họ hơn là chính họ chịu chết. Đó là một giai đoạn thấp trong mức tiến hóa, nhưng hình như có hạng người này.

Hoàn toàn chắc chắn rằng trong cuộc tranh đấu lớn của sự sống, lẽ phải sẽ thắng, và cũng chắc chắn rằng vạn vật sẽ tiến đến chỗ hoàn thiện một ngày nào đó, bằng cách này hay bằng cách khác, có thể không ở trong dãy hành tinh này mà ở một dãy nào đó. Tuy nhiên, có những người coi đó như là một sự biện hộ cho sự trễ nhác này và nói: “Mọi việc sẽ tiến tới chỗ tốt lành, tôi không cần phải ra sức; chân nhân sẽ chiến đấu ở nơi nào đó trên cảnh giới cao; điều mà tôi làm với tư cách phạm ngã, không có gì là quan trọng”, những người đó sẽ tạo ra một nghiệp quả rất xấu cho chính họ, bởi vì họ làm trì hoãn sự chiến thắng cuối cùng của điều thiện trong chu kỳ tiến hóa này.

378 Có một dị biệt lớn giữa việc hiểu biết rằng vị chiến sĩ bên trong bạn sẽ thắng, với giai đoạn trước đó khi bạn không biết chắc. Trong trường hợp sau, bạn chỉ cảm thấy mơ hồ rằng người chiến sĩ tất phải thắng và bạn rất quan tâm về vai trò của bạn trong cuộc chiến, đây là giai đoạn cần thiết, cho dù đó là một nhận thức sai. Nhưng kẻ nào biết một cách chắc chắn thì sẽ có được sự an tĩnh hoàn hảo, cho dù ở giữa sự thất bại – không phải cái an tĩnh của sự bất động, mà là sự an tĩnh của Thiên Ý trong chân ngã. Theo quan điểm của sự tuyệt đích vĩ đại (the great consummation), thì không công việc của một người nào là vô nghĩa cả. Tất cả mọi cố gắng nhỏ gộp chung lại sẽ tạo ra một tổng thể to tát, nhưng phần của mỗi người trong đó là phần nhỏ đến nỗi y đừng nên lấy

làm tự hào quá lỗ về việc đó. Lẽ phải tất sẽ thắng, nhưng vấn đề đặt ra là chúng ta sẽ là thành phần của đạo binh chinh phục này bây giờ hay chúng ta sẽ là một trong những người bị bỏ lại. Chúng ta phải nằm trong số những người nâng đỡ hoặc người được nâng đỡ. Mỗi người phải trở thành một trong những người làm việc cho thế gian, hoặc là trở thành một trong những người hưởng thụ công việc của thế gian.

Chân ngã sẽ thắng, không thể bị bại. Khi phạm ngã đứng sang một bên, thì vị chiến sĩ bên trong con người đang chiến đấu tất phải thắng; khi bạn đã đồng nhất hóa chính bạn một cách trọn vẹn với chiến sĩ, thì bạn đứng bình thản và tỉnh thức, đồng thời bạn quan sát trận đấu mà bạn đang dự phần y như thể bạn không dự phần trong đó. Xuyên qua tất cả mọi thứ đó, bạn cố lắng nghe khúc ca của sự sống; bạn dùng thính giác đó mà bạn đã có được bằng đau khổ và bằng sự hủy diệt đau khổ. Chừng nào bạn còn đau khổ và còn cảm thấy nó là đau khổ, thì bạn vẫn còn chiến đấu, bạn chỉ đang ở trên con đường hành hương; nhưng bằng cách hủy diệt đau khổ, bạn đi đến trạng thái trong đó bạn có cảm nhận khác, có thể nói là nó giúp cho bạn nghe và thấy được vào mọi lúc những gì ở cả phía sau. Ở giữa mọi rối loạn và tranh chấp, bạn nghe được khúc sinh ca; ở giữa sự hỗn loạn dữ dội, bạn thấy được dòng tiến hóa hùng vĩ. Cuối cùng, bạn biết rằng cái đau khổ này chỉ là điều tạm thời; bạn sẽ vượt qua nó để cho nó không còn gây đau khổ cho bạn nữa; không còn cái đau khổ nào nữa. Bạn biết được ý nghĩa của nó nên năng lực gây thương tổn của nó đối với bạn cũng chấm dứt.

_() _ () _ () _

CHƯƠNG 4

Qui Tắc 9 – 12

C.W. Leadbeater.- Bây giờ chúng ta đến nhóm qui tắc 9-12. Một lần nữa chúng ta có thể đặt chung lại mỗi qui tắc ngắn này với phần giảng luận của Đức Chohan đi kèm theo.

9.- *Hãy xem xét kỹ mọi sự sống chung quanh con.*

Hãy quan sát cuộc sống luôn luôn biến chuyển và hoạt động chung quanh con, vì cuộc sống đó được tạo thành bằng tấm lòng của con người; và khi con tập hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của chúng, con sẽ dần dần có thể hiểu được lời lẽ của sự sống rộng lớn hơn.

Hầu hết con người dành thì giờ của họ để xem xét không phải sự sống mà là sắc tướng chung quanh họ. Họ không trụ chút nào vào ý tưởng của sự sống bên trong. Đó là lý do khiến họ thô bạo, thiếu quan tâm tới thực vật, đốn ngã các cây đẹp đẽ, chuyển một miền quê đẹp đẽ thành trung tâm sản xuất đáng sợ hoặc thành một đô thị xấu xí, không có một ý tưởng nào về việc đồng thời hết sức bảo tồn vẻ đẹp thiên nhiên. Đó cũng là lý do khiến họ trở thành nhân tâm

381 không thể tưởng khi đối xử với các huynh đệ còn non nớt của chúng ta thuộc giới động vật và ngay cả với nhau nữa.

Đó cũng là lý do giải thích tại sao tà lực trên thế gian đè nặng lên cảm xúc của những người thánh thiện hơn. Nếu họ nhìn xuống bên dưới bề mặt các sự vật và thấy được những gì đang xảy ra cho cuộc sống bên trong, và làm thế nào mà ngay cả các biến cố khốn khổ nhất lại thường dự vào sự sống trên con đường đưa tới hạnh phúc thiêng liêng, họ sẽ ít thấy bối rối hơn. Bậc đệ tử phải chuyển sự chú tâm của mình vào sự sống trong mọi vật. Việc đầu tiên cần nhận ra trong mọi sự sống là đó là sự biểu lộ của chính Thượng Đế. Đúng là trong hầu hết sự sống bao quanh chúng ta, chúng ta tìm gặp nhiều điều kinh tởm, những điều mà chúng ta biết là tệ hại, tuy thế chúng cũng có phần việc của chúng trong sự tiến hóa của thế giới, chính vì lẽ đó mà chúng ta có thể tìm kiếm sự biểu lộ của chính Thượng Đế ở khắp nơi.

Luôn luôn có sự tốt lành nào đó trong mỗi người, có lẽ ngoại trừ trường hợp của một phạm nhân đã dứt khoát tách ra khỏi chân nhân. Đó là điều đôi khi xảy ra, mặc dù thật sự rất ít có. Điều đó xem ra rất là khủng khiếp, quả vậy, nhưng nó đã bị phóng đại quá mức. Ý tưởng về những gì thường được gọi là mất linh hồn (the lost soul) được nói đi nói lại rất nhiều trong buổi đầu của văn liệu Minh Triết Thiêng Liêng, và hai hoặc ba phát biểu liên quan đến các tình trạng hoàn toàn khác nhau đôi khi được gộp chung với nhau, và sự trộn lẫn đó đã làm cho một số người hiểu sai, khiến cho họ nghĩ rằng số người mất linh hồn rất đông.

Có một nhóm người nào đó trên thế gian, họ bị thu hút mãnh liệt đến một cái gì đó rất khủng khiếp; họ luôn luôn muốn tạo ra bất cứ điều gì đó hoặc mọi điều tồi tệ nhất. Sự

382 việc này rất dễ thấy trong các giai cấp thấp ở Anh. Từ cái món mà báo chí cung cấp, người ta muốn cho rằng điều đó là bình thường cũng như ở nơi khác. Nếu họ có tin tức xấu để nói ra, họ dường như lấy làm vui thích để kể lại chuyện đó càng sống động càng tốt, đồng thời thêm thắt nhiều chi tiết rùng rợn cho câu chuyện. Tôi đoán rằng nhiều người có tính đó ở các mức độ khác nhau, và điều đó không giới hạn ở các giai cấp thấp, mặc dù nó lộ ra một cách rất thô bạo nơi họ.

Tôi tin rằng trong Hội Minh Triết Thiêng Liêng chúng ta cũng có một số người hơi có tính đó. Họ chọn ra một cách rất cẩn thận mọi tài liệu liên quan đến các đề tài thuộc loại này, tức là bầu hành tinh thứ 8 và việc có thể mất linh hồn, rồi dệt ra thành một câu chuyện khủng khiếp. Kể đó họ trộn lẫn câu chuyện đó với nhận xét của bà Blavatsky rằng mỗi ngày chúng ta chen vai (elbowing) với hàng triệu người mất linh hồn ở đường phố. Đây là một cách nói mà trong bất cứ trường hợp nào cũng cần một số sửa đổi nào đó. Muốn đụng chạm đến một triệu người cần phải mất nhiều hơn một ngày. Đó không phải là một ý tưởng có thể xét theo nghĩa đen, mà là một cách nói gây ấn tượng về hai phần năm nhân loại sẽ rời khỏi cuộc tiến hóa của chúng ta vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm. Họ có thể được mô tả như là các linh hồn bị đánh mất chỉ để phân biệt với những người sẽ vượt qua cuộc tuần hoàn thứ năm một cách an toàn.

Họ sẽ bị mất linh hồn đối với dãy hành tinh này, nhưng như đã giải thích, không có sự trừng phạt đòi hỏi nào đối với họ. Họ sẽ an nghỉ trong trạng thái mãn nguyện nửa thức nửa ngủ và hoàn toàn hạnh phúc bởi vì họ không biết bất cứ gì hay ho hơn nữa. Họ hoàn toàn không đáng thương xót, trừ
383 chỗ đáng thương là vì họ sẽ có một chu kỳ dài khác gồm các

kiếp sống để sống trong dãy hành tinh tới, và đó là điều đáng chán như tất cả chúng ta đều biết. Đối với những người này, đó chính là điều tốt nhất cho họ rồi – dễ chịu hơn, thoải mái hơn, thích thú hơn, còn hơn là họ vẫn phải ở lại trong tình trạng tiến hóa của chúng ta, khi đó họ không còn thích hợp với tình trạng tiến hóa này nữa, và như vậy tiếp tục chịu sự căng thẳng rất lớn mà có lẽ sau rốt sẽ làm họ gục ngã hoàn toàn. Họ đã không phí thì giờ của họ, bởi vì tất cả những gì họ đã học và hoạch đắc được trong dãy hành tinh đặc biệt này sẽ vẫn là tài sản có của họ, và có một sự tiến bộ nào đó dành cho họ trong trạng thái Devachan giữa các dãy hành tinh (interchain devachan). Do đó họ sẽ có vị trí cao trong dãy hành tinh tới bởi vì họ sẽ bắt đầu trước các chân ngã mới của dãy đó (¹).

Vậy thì đó là hàng triệu người mà chúng ta đang đụng chạm mỗi ngày. Vấn đề đó không có liên quan gì đến các trường hợp đơn lẻ mà phạm ngã tách ra khỏi biệt ngã (individuality, chân ngã). Đó là một điều khủng khiếp, nhưng tốt hơn là đừng xem nó như một tai họa lớn, mà chỉ xem như là một trường hợp quá đáng của một điều thường hay xảy ra, vì, như tôi có giải thích, ở cuối của mỗi lần luân hồi, có một cái gì đó thường bị mất, mặc dầu cũng có thể có được nhiều cái khác. Việc mất hoàn toàn phạm ngã thường

¹ So sánh với đoạn nói về “Người không linh hồn” (“Souless human beings”) của Chân Sư: “Ở đây, từ ngữ Linh hồn (soul) dĩ nhiên là thay cho Hồn “Tinh Thần” (“Spiritual” Soul, còn dịch là Hồn Thiêng) bất cứ khi nào Hồn Thiêng rời bỏ một người “không linh hồn”, thì trở thành nguyên nhân của nguyên khí thứ năm (Sinh Hồn, Animal Soul) trượt vào cõi thứ 8 (eighth sphere). (*Thư của Chân Sư gửi Sinnett*, trang 359).

hàm ý là một cuộc đòi xấu xa khủng khiếp nhất. Cho dù lúc đó chân nhân không cố ý làm điều xấu, nhưng đôi khi chân nhân không kiểm soát được phạm nhân. Chân nhân có trách nhiệm về chuyện đó, chân nhân không nên để cho việc đó xảy ra; tuy vậy đối với chuyện đó, chân nhân chịu trách nhiệm là do nhu nhược hơn là do trực tiếp làm quấy. Hơn nữa, chân nhân của con người cũng đang tiến hóa. Nó đã bị 384 lùi lại quá mức, nhưng nó vẫn khởi sự trở lại, mặc dầu có thể không phải ngay liền khi đó, bởi vì dường như lúc đầu nó bị choáng váng. Sau một kinh nghiệm như thế, chân nhân sẽ luôn luôn khác thường (peculiar). Chân nhân luôn luôn bất đắc chí, và sẽ có những hoài ức về một cái gì cao siêu hơn và vĩ đại hơn mà giờ đây không thể đạt đến. Đó là tình trạng đáng sợ, nhưng chưa hết, người nào tự để cho mình bị tụt hậu như thế phải nhận lãnh nghiệp quả về việc đó, và cuối cùng y hiểu được rằng mình đã đem nghiệp vào cho chính mình.

Tôi không biết đích xác những chuyện gì có thể xảy ra thêm nữa đối với việc mất mát trong thời xa xưa của lịch sử thế giới. Còn về việc ngày nay, có phần chắc là điều tệ hại nhất có thể xảy ra với bất cứ chân ngã nào đó là chân ngã sẽ mất trọn một phạm ngã. Đó là một vấn đề nghiêm trọng thực sự, và có thể đưa chân ngã từ một nền văn minh tương đối tiến hóa vào một tình trạng hầu như man rợ, nhưng không thể đưa chân nhân trở lại vào thế giới loài vật. Tôi không định nói rằng không thể có một thời kỳ việc đó có thể xảy ra, nhưng hiện nay thì nó không thể xảy ra, theo mức độ mà chúng tôi có thể thấy.

Theo cách nghiên cứu thời gian của các nhà huyền linh học, thì một số lớn người của nhân loại hiện nay của chúng

ta rời bỏ trạng thái con vật cách nay không lâu lắm. Khi thời điểm đóng lại cánh cửa từ giới động vật qua giới con người đến gần, thì một nỗ lực lớn được tạo ra để thu nhận càng nhiều càng tốt, tức là đưa lại cơ may cuối cùng cho mọi con người. Các Hỏa Tinh Quân (Lords of the Flame) đến từ Kim Tinh chỉ để kích thích (stimulate) các đối tượng đúng ngay thời kỳ đó hoặc trước đó một ít, và mọi nỗ lực được đưa ra

385 lúc đó chủ yếu là nhắm vào mục tiêu trước mắt là mang lại càng nhiều cơ hội càng tốt để thay đổi từ giới động vật qua giới nhân loại trước khi cánh cửa đóng lại lần cuối. Cũng như trong rất nhiều vấn đề nhỏ khác, nhiều người có một nỗ lực đặc biệt, khi có một cơ may lớn mở ra trước mắt họ, dù cho đó là mặc cả mua bán ở cửa hàng hay là vượt qua một kỳ thi, hình như có một điều gì đó giống như vậy ở trên một phạm vi lớn hơn nhiều vào lúc xảy ra cơ hội cuối cùng rồi bỏ giới động vật, nhập vào giới nhân loại trong lần luân hồi đặc biệt này của dãy hành tinh chúng ta.

Lúc đó đã có nhiều người mà trình độ không hơn giới động vật bao nhiêu, họ chỉ vừa đủ mà thôi. Những người đó phải trải qua nhiều trăm lần chuyển kiếp trong giống dân hoàn toàn ở trình độ dã man thấp kém nhất với hầu như không có lúc ngừng nghỉ (interval) nào giữa các lần luân hồi; thực tế lúc nào họ cũng ở cuộc sống cõi trần và chỉ phát triển một số các năng lực tinh cảm (astral possibilities) một cách rất chậm chạp. Có thể có một số người hầu như không thành công được, và ít nhất đó là những người thực sự bỏ cuộc vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm. Dù vậy, họ sẽ có được một kinh nghiệm đáng kể của kiếp người – từ giữa cuộc tuần hoàn thứ tư đến giữa cuộc tuần hoàn thứ năm – vì thế trong dãy hành tinh tới, họ sẽ không đi đầu thai vào lúc bắt đầu.

Họ sẽ vượt qua các lớp sơ đẳng và có thể bắt đầu lại với vai trò những người bán khai rất tốt lành (very decent savages). Những người này tuy thấp kém, nhưng họ không thể làm điều gì để tự làm cho họ lùi rất xa trong mức tiến hóa. Họ không có được năng lực để tiến bộ nhiều, tất nhiên họ phải 386 tiến chậm; nhưng mặt khác, họ có ít năng lực trí não đến nỗi họ không thể làm cho chính họ tụt hậu nhiều được.

Trong một số sách cổ có nói nhiều về việc con người bị tụt trở lại vào giới động vật. Chúng tôi không có bằng chứng trực tiếp về bất cứ trường hợp nào cả. Có những cách khác mà con người có thể giao tiếp được với tâm thức con vật và qua đó chịu đau khổ rất khủng khiếp, như tôi có giải thích trong quyển *The Inner Life*, còn đầu thai làm con thú thì không thể xảy ra. Hiện giờ chúng ta đã đi quá xa khỏi con đường phân chia (giữa người với thú- ND), không thể tự quay trở lại được, dù cho có thể có trường hợp đó trong quá khứ xa xăm. Ngay cả các vị bên hắc đạo có quyết chí nhất cũng không thể làm được chuyện đó. Chúng tôi có thấy một số các thực thể này đang hoạt động trong trận đại chiến (¹), bởi vì một số các Tinh Quân Hắc Diện (Lords of the Dark Face) của thời Atlantis đã trở lại đầu thai. Điều đó giải thích cho nhiều khủng khiếp đã xảy ra. Karma mà những người này đã tạo ra cho chính họ quả thật là rùng rợn. Có một hoặc hai lần gì đó tôi đã thoáng thấy karma tương lai của những người phạm tội ít hơn là một số những người này; thực là cảnh tượng mà người ta không thể quên – một ác mộng hãi hùng. Có những người tuy không phạm tội ác nặng lắm, nhưng cũng gặp phiền phức trong tương lai với bao nỗi

¹ Có lẽ đây là trận đại chiến 1914 – 1918, vì ông Leadbeater mất năm 1934. (ND)

khủng khiếp – đó là những người đánh đập trẻ con và người mồ xẻ thú vật còn sống. Người ta cảm thấy rung mình trước tương lai của họ, nhưng những người sau đây còn tệ hại hơn nhiều. Đó là những người đã làm việc ác ở mức độ rộng lớn, vì sự ích kỷ điên rồ, họ đã hy sinh một nửa thế giới. Tuy thế họ vẫn không trở lại làm thú vật.

387 Trong các trường hợp hiếm hoi mà phạm ngã đã tách ra, nó sống một cuộc đời có hơi giống với cuộc đời của Margrave trong *Một Chuyện Dị Thường* của Bulwer Lytton – đó là con người vô cùng ích kỷ, không lương tâm, không có linh hồn ở sau để dẫn dắt y. Y sẽ là một người tệ hại kinh khủng và có thể chuyển cái tệ hại của y sang kiếp sống thứ hai. Bà Blavatsky nói rằng một phạm nhân như thế có thể trong một số trường hợp đi đầu thai bằng cách chiếm đoạt (seizing upon) một thân xác trẻ con; không có một thân xác nào được cung cấp cho nó, nhưng nó có thể chiếm đoạt thể xác của một đứa trẻ nào đó mới vừa chết, làm cho xác đó sống lại rồi sống trong đó, và thế là có được kiếp sống thứ hai. Bà rất ít khi nói về các đề tài này nhưng khi bà nói bóng gió đến chúng thì bà tỏ vẻ ghê tởm lộ ra ngoài mặt. Rõ ràng là đối với chúng ta là những kẻ nghe, bà nói rằng chính bà đôi khi bà có tiếp xúc với các trường hợp thuộc loại này, bởi vì bà lưỡng lự không muốn nói đến chúng chút nào.

Từ những gì bà nói, chúng ta hiểu được rằng lần đầu thai làm người lần thứ hai của thực thể như thế không thể xảy ra, nhưng điều có thể xảy ra là phạm ngã đang phân rã này vẫn đã có được một số lượng nào đó của chân ngã bị tách ra và làm linh hoạt nó, lúc bấy giờ nó có thể đi xuống vào giới động vật. Có một lần bà thuật cho chúng tôi nghe một câu chuyện thực sự rất rung rợn về cách mà một phạm

ngã như thế, vẫn còn tâm thức, có thể trôi dạt ngược lại vào cái mà bà gọi là sự thoái hóa (devolution). Tôi nhớ Bà nói rằng, có một số loài rắn bị các thực thể như các phàm ngã loại đó chiếm xác, và một số trong các phàm ngã này còn có ý thức rằng xưa kia họ là người. Thật là một điều khủng khiếp: nghe như là một thứ ác mộng, nhưng chúng ta có thể được an ủi bởi sự thực rằng đó là một điều cực kỳ hiếm có, một tình trạng như thế chỉ có thể xảy ra do hết kiếp này đến kiếp khác cố tình ngã theo cái ác hoàn toàn.

388

Chúng ta chỉ có rất ít người thực sự hung ác trên cõi đời, và ở mức độ nào đó, hầu hết họ đều tự biện hộ cho chính mình. Kẻ ăn cắp đồ mạ vàng, bạc của bạn thường lý luận rằng tài sản được phân phối không đồng đều, và cho rằng họ chỉ lấy cái phần mà chính phủ hoặc kẻ khác phải dành cho họ, họ chỉ lấy của cải nơi kẻ sở hữu một cách bất công số tài sản đáng lẽ phải được phân phát cho mọi người.

Rất hiếm người làm chuyện sai trái mà nhận biết đó là sai trái. Họ luôn tự biện hộ cách này hoặc cách khác. Sau đó họ có thể thấy rằng lời biện hộ đó không có sức thuyết phục, nhưng tôi tin rằng lúc phạm lỗi, y luôn tự bào chữa cách nào đó. Cần nhiều hơn thế nữa mới đạt tới cái khủng khiếp là mất linh hồn. Người đó phải tự hiến mình một cách hoàn toàn chắc chắn và cố tình vào việc làm ác, phải tự đặt mình đi ngược với trào lưu tiến hóa.

Các khả năng gớm ghiếc này đang ngày càng ít đi; nhân loại đang tiến bộ và càng ngày càng có thêm hiểu biết, và theo thời gian qua ngày càng ít có khả năng cho người bên tà đạo có được các thành viên mới. Ngay cả bây giờ, họ thực sự chỉ là các tàn tích của quá khứ. Chúng ta có nghe nhiều về ma cà rồng và ma sói; các sinh vật như thế quả là có

thật và đôi khi vẫn còn gặp. Tôi đã thấy cả hai loại đó, nhưng không mong muốn thấy thêm trường hợp nào nữa. Thật không ngờ con người lại có thể chìm vào các vực sâu như thế. Thay vì trở thành ma-cà-rồng, con người bây giờ lại rơi vào cõi giới xám (grey world), đó là một tình trạng mà chúng ta hình như bị đẩy vào thay cho tình trạng ma cà rồng. Chắc chắn là tốt hơn, nhưng dấu sao đó cũng còn là tình trạng đáng buồn.

Cách sống ở cõi giới xám sau khi chết là do sự vướng mắc của thể tình cảm vào thể dĩ thái⁽¹⁾. Nhiều người không có niềm tin rõ ràng nào vào sự sống bên kia cửa tử. Tuy thế họ lại khao khát muốn tiếp tục sống. Họ thường nói với bạn một cách mơ hồ rằng họ tin vào trạng thái hậu tử, nhưng chung quy là trong thực tế họ rất nghi ngờ. Vì không có sự sống nào trừ sự sống hồng trần là có ý nghĩa đối với họ, họ liền linh bám chặt vào xác thân; đến mức mà sau khi chết, chất dĩ thái không thể rút hết hoàn toàn ra khỏi chất hồng trần trọng trực như các trường hợp thông thường. Bây giờ, bạn có một người, một thời gian lâu sau khi chết, ở trong tình trạng không phải là cõi trần mà cũng không phải là cõi cảm dục. Người ấy giữ lại một số chất dĩ thái, chất này ngăn không cho y sử dụng các giác quan thuộc thể cảm dục một cách trọn vẹn, cho nên y không thể chuyển qua cõi cảm dục theo ý muốn, mặt khác y không thể trở lại cõi trần được vì y đã mất khả năng làm điều đó, mặc dầu vẫn còn có một số chất dĩ thái ở lại quanh y. Như thế y bị treo trong cái mà đôi khi được gọi là cõi giới xám. Trong tình trạng này, đôi khi y

¹ Xem lại trang 321 (số trang bản tiếng Anh- ND).

thoảng thấy chút ít các ấn tượng của mỗi cõi, nhưng y ở trong tình trạng rất không ổn định, luôn luôn tranh đấu để có được cuộc sống đầy đủ ở một cõi. Tất cả đều có thể tách ra khỏi y trong một thoáng chốc, nếu y chịu buông ra, nhưng thường thường phải mất một thời gian dài trước khi y có thể làm được như thế.

Đức Chohan nói rằng sự sống hay biến đổi chung quanh chúng ta đều do tâm con người tạo ra. Điều rất đúng là các tình trạng bên ngoài của chúng ta đều là do kết quả của các tư tưởng và cảm nghĩ từ bên trong mà ra. Đôi khi con người phàn nàn về tình trạng xã hội, chính quyền, chính trị, tôn giáo, thương mại và giáo dục, nhưng các điều này biểu lộ rõ rệt tình trạng bên trong của con người sống bầy đàn (swarm) trong các đô thị của chúng ta. Tất cả đều do tâm tình của con người tạo ra. Và ngay cả các tình trạng đau khổ và vui vẻ, ít ảnh hưởng tức thì đến con người như là các thay đổi về địa chất và khí hậu, cả đến động đất và lụt lội trở thành môi trường của chúng ta vì lẽ nghiệp quả vốn là do cảm nghĩ và tư tưởng chính chúng ta mà ra. Như vậy chúng ta tự đặt mình vào vị trí của chúng ta trong thiên nhiên, tùy theo bản chất bên trong của chúng ta, theo tâm tình của chúng ta, và bây giờ chúng ta thường hiểu sai nó vì chúng ta nhìn vào hình tướng thay vì nhìn vào sự sống.

Một số lớn những gì dường như là tai họa tệ hại nhất cho con người, tuy thế có thể có khía cạnh tốt của nó. Một thí dụ ở cõi trần là trận địa chấn khủng khiếp, giống như trận động đất tàn phá một phần lớn Sicily và Calabria năm 1908, giết chết hơn 150.000 người, một số chết bất ngờ, còn số khác tôi e rằng đã chịu nhiều đau đớn. Nhiều người xem đó như là tai họa. Đó không hẳn là tai họa cho thế gian. Nó làm xáo

trộn và thay đổi vị trí của một phần lớn vỏ trái đất, làm mới lại đất đai, và như vậy rõ ràng là đem lại lợi ích cho thế gian. Hãy xem núi Vesuvius ở Ý, bạn sẽ thấy sau đó một thời gian, mọi chất hỏa sơn được thải ra, trở thành loại đất phì nhiêu nhất. Nhưng nó hủy diệt mạng sống con người vào lúc đó. Một trận bão, một cơn địa chấn, một cuộc đại hồng thủy đều không hẳn là tai họa. Chúng có thể giải thoát nhiều người ra khỏi xác thân, nhưng xét cho cùng chắc chắn là chúng không làm hại đến họ. Tất cả những gì phát sinh trong các tai họa như thế là việc của nghiệp quả, và rốt cuộc chắc chắn là nó đem lại điều tốt lành cho họ.

Nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng nên hiểu thật rõ ràng trong chính bản thân sự chết không phải là một điều xấu (evil), mà rất thường được ban ra như là một phần thưởng (reward). Thái độ thông thường của chúng ta trong vấn đề này là do bởi giáo huấn sai lầm của tôn giáo. Mỗi người trong chúng ta được khắc sâu cái ý muốn tự bảo tồn, bản năng cố gắng cứu thể xác chúng ta khỏi tổn thương hoặc hủy diệt. Đó là bản năng rất khôn ngoan và cần thiết. Chúng ta phải che chở thân xác chúng ta, làm cho chúng càng lâu bền càng tốt; bởi vì, nếu người ta có thể mạo muội mà nói với hết lòng tôn kính, thì Thượng Đế đã cực nhọc đưa chúng ta vào kiếp sống này, thì hiển nhiên bốn phận chúng ta là phải làm cho nó hữu ích bằng mọi khả năng chúng ta.

Nhưng đôi lúc một cơ hội sẽ đến khi đó cái công dụng cao quý nhất mà chúng ta có thể tạo ra đối với kiếp sống của chúng ta là liều mạng nó, ngay cả bỏ nó đi, như trường hợp xảy ra với một người lính, anh ta xông tới với hy vọng hảo huyền, biết rằng anh ta phải bị giết chết, tuy thế, cái chết của anh ta là một phần cần thiết cho một kế hoạch lớn sẽ kết thúc

bằng chiến thắng. Một người như thế đã đặt kiếp sống của mình vào công dụng cao quý nhất khi hy sinh nó một cách tự nguyện, khi anh ta bỏ nó đi; nhưng đối với đa số chúng ta và dưới các điều kiện thông thường, thì bốn phận chúng ta là chọn mọi cách đề phòng hợp lý, và cố làm cho thân xác chúng ta càng lâu bền theo khả năng chúng ta; bằng trái lại, chúng ta sẽ gây nhiều xáo trộn do bởi việc rút ngắn kiếp sống chúng ta.

392 Một số người hơi đại dốt khi tin tưởng vào sự che chở mà họ mong đợi các Chân Sư mang lại cho họ. Họ nói: “Chùng nào tôi còn làm công việc cho Chân Sư tôi không cần đề phòng nhiễm trùng khi đi thăm bệnh nhân. Tôi chắc rằng Ngài sẽ săn sóc tôi. Tôi sẽ lao vào nước mặc dầu không biết lợi, tôi chắc Ngài sẽ truyền sứ mạnh cho tôi”. Có lẽ Ngài sẽ làm thế, nếu Ngài nghĩ việc đó đáng làm. Nhưng người ta có quyền gì để đặt Ngài vào chuyện phiền toái mà với một chút hiểu biết thông thường, người ta có thể tự làm lấy? Nếu có nhiệm vụ đi thăm người bị bệnh truyền nhiễm, tôi nghĩ thay vì mù quáng tin vào sự che chở của Chân Sư, chúng ta nên tránh cho Ngài khỏi sự phiền toái bằng các cách đề phòng thông thường. Chúng ta nên làm những gì mà chúng ta có thể làm được về phía chúng ta. Nếu Chân Sư chọn cách bổ túc vào thì đó là việc riêng của Ngài. Sẽ là sai lầm đối với chúng ta khi tính toán trước điều đó. Các can thiệp như thế quả thật có xảy ra, nhưng chúng ta không có quyền mong đợi chúng. Tôi đã thấy nhiều việc lạ lùng của chính tôi theo các đường lối này, nhưng tôi sẽ không bao giờ cố tình đặt Chân Sư vào sự phiền toái là phải đặc biệt che chở tôi chống lại cái gì khi tôi có thể tương đối tự bảo vệ được tôi.

Bản năng tự bảo tồn là lợi thế của nhân loại. Đó là điều chính đáng, nhưng người can đảm luôn luôn sẵn sàng hứng chịu đau khổ và nguy hiểm, thậm chí chính sự sống của mình cho các mục đích cao cả.

Người nào biết được rằng cái chết không phải là điều tệ hại lớn nhất, thì sẽ sẵn sàng liều mạng sống để ngăn chặn một thảm họa lớn hơn – là những gì mà hàng trăm ngàn đồng loại của chúng ta đã làm trong cuộc chiến tranh. Chúng ta biết rằng cái chết không phải là chấm dứt mọi việc như nhiều người thường nghĩ, và đối với chúng ta một tai họa giống như tai họa ở Messina không phải là khủng khiếp chỉ vì một số đồng người thành linh bị ném ra khỏi thể xác, đi vào cõi cảm dục. Khi tôi ở bên Mỹ, có một trận hỏa hoạn lớn xảy ra trong một rạp hát ở Chicago, lúc đó có nhiều đàn bà và trẻ con thiệt mạng. Có một vài hội viên đến chất vấn tôi: “Thượng Đế cai trị cõi đời ra sao mà đàn bà và trẻ con vô tội lại bị chết nhiều như thế?” Tôi mới nói với họ: “Bạn tưởng rằng chỉ có đàn ông mới xứng đáng được thưởng thưởng bằng cách nhanh chóng rời bỏ cõi trần sao?”

Đó là một quan điểm mới đối với họ, rằng đây có thể thật sự là một sự giải thoát tử tế cho họ ra khỏi các tình trạng phiền phức thuộc nhiều loại khác nhau, để cho họ có thể bắt đầu trở lại trong các hoàn cảnh tốt đẹp hơn.

Vì thế chúng ta không nên xem trận địa chấn lớn như là một điều xấu chỉ vì nó thành linh ném một số người vào cõi cảm dục. Trường hợp những người bị kẹt lại và chết dần mòn tương đối ít. Có một số người bị chết thiêu, còn một số bị chôn trong đồng đổ nát. Đối với chúng ta, những người này có vẻ chịu những trường hợp đau đớn rất khủng khiếp, nhưng thậm chí lúc đó chúng ta áp dụng triết lý Minh Triết

Thiên Liêng trong các trường hợp ngoại lệ cũng như trong các trường hợp thông thường, thì chúng ta hiểu được rằng nỗi đau lớn lao của một cá nhân tình cờ có lẽ đã quét khỏi nghiệp quả của y mà có thể cần tới hai mươi kiếp sống thông thường mới tiêu được hết. Do đó trong lúc chúng ta nên cảm thấy vô cùng thương cảm cho những người đau khổ theo cách đó, và nên làm hết khả năng chúng ta để giúp họ, mặc dù vậy chúng ta không than khóc cho họ như thể toàn bộ việc đó là vô ích. Đó là một cách ngắn gọn nhưng quyết liệt (drastic) để giũ sạch hậu quả của một số lớn điều xấu – thực sự khủng khiếp, tuy nhiên, khi nó qua đi, hãy thấy có biết bao điều đạt được.

394 Chúng ta đã so sánh các kinh nghiệm đau khổ một cách đại khái – thật là không khôn ngoan khi đưa một sự tương đồng đi quá xa – đối với cách chữa trị tự nhiên nhưng chậm chạp của một bệnh nặng nào đó trong một trường hợp, và việc chữa trị nó trong một trường hợp khác bằng một cuộc giải phẫu. Cách giải phẫu tuy có đáng sợ, nhưng khi trải qua xong thì phiền toái được giải quyết. Việc chữa trị chậm chạp có thể hàm ý trong toàn bộ thì nhiều đau khổ hơn, được phân bổ qua nhiều năm. Tôi giả dụ là chúng ta phải chịu những khoản nghiệp quả kinh khủng như các cuộc giải phẫu về nghiệp quả. Chúng ta không đồng cảm, theo ý nghĩa thông thường của từ ngữ đó, với người chết, bởi vì chúng ta biết rằng họ hạnh phúc hơn nhiều so với trước kia. Chúng ta chỉ đồng cảm với bà con họ hàng đang than khóc vì sự mất mát của họ. Nhưng chúng ta hãy đính chính cái sai lầm đang khiến cho con người cảm thấy ghê sợ trước các sự việc này và nghĩ rằng Thượng Đế không còn tốt lành nữa vì Ngài cho phép những chuyện đó xảy ra. Kinh nghiệm quả thật là

khủng khiếp, nhưng kết quả của toàn bộ diễn biến bao giờ cũng tốt lành.

Chúng ta phải vượt lên trên toàn thể các quan điểm cá nhân để thấy mọi vật đang cùng hoạt động cho cái thiện hảo như thế nào, và cách nào mà sự sống nơi những kẻ khác đang len lỏi qua con đường của nó xuyên qua mê cung của karma đến dưới chân Đấng Vĩnh Hằng. Đức Chohan bảo chúng ta phải lý giải từ ngữ bao quát hơn, chọn quan điểm rộng lớn hơn, của sự sống. Khi làm được điều này, chúng ta sẽ không bao giờ phân loại con người theo cách nhỏ hẹp. Thí dụ chúng ta sẽ không nghĩ đến người sùng đạo chỉ như người theo phía nhà thờ hoặc những người biệt giáo (dissenters) mà là như người tận tụy vì đạo thể thôi. Cũng thế chúng ta sẽ nghĩ đến các chính khách không chỉ như các nhà bảo thủ hoặc cấp tiến. Chúng ta sẽ chọn quan điểm rộng rãi hơn và xem huynh đệ chúng ta như là những người có tư tưởng, hoặc người bác ái, hoặc người có ý chí tùy theo loại hoạt động có ý thức của con người chi phối đời sống của họ. Chúng ta sẽ phẩm định họ tùy theo cung năng lượng ⁽¹⁾ của

¹ Cung năng lượng (rays): Một trong 7 luồng thần lực của Thượng Đế; 7 nguồn sáng vĩ đại. Mỗi một nguồn sáng là hiện thân (embodiment) của một Thực Thể Thông Linh vũ trụ vĩ đại (a great cosmic entity).

Bảy cung được chia thành ba Cung Trạng Thái và bốn Cung Thuộc Tính như sau:

Cung Trạng Thái (Rays of Aspect)

- 1- Cung Ý Chí hay Quyền Lực.
- 2- Cung Bác Ái – Minh Triết
- 3- Cung Hoạt Động hay Thích Nghi.

Cung Thuộc Tính (Rays of Attribute)

395 họ. Khi thừa nhận cách phân loại chuyên sâu hơn này, thì chúng ta tiến gần hơn đến cốt lõi của thực tại và thấy mình có thể hiểu rõ hơn về sự sống.

Thật rất khó mà hiểu một cách đầy đủ mọi kiểu mẫu con người khác nhau, nhưng chúng ta sẽ cố gắng làm điều đó. Vị Adept nhất định là hiểu rất đầy đủ và đồng cảm với mọi mẫu người có thể có, nhưng phải một vị Adept mới làm được chuyện đó. Bốn phần chúng ta là cố gắng, tuy quan điểm của người khác có thể dường như trước tiên không thể hiểu được, tuy nhiên ta phải cố gắng tìm hiểu nó. Điều này không hẳn chỉ một lúc ngắn, mà nó hàm ý là người ta phải thừa nhận quan điểm của kẻ khác. Chúng ta có quyền về quan điểm của chúng ta cũng nhiều như người khác có quyền về quan điểm của họ. Một người có thể đồng cảm với người khác, mà người sau này khác với y hoàn toàn và triệt để, thì người đó đã tạo được một bước đáng kể hướng về sự cảm thông ít nhất cũng trong một phần của thế giới mà y đang sống.

Quả thật rất rõ ràng là những gì mà Chân Sư nói ở đây là một huấn lệnh rõ rệt cho đệ tử - chúng ta phải tập hiểu mọi mẫu người một cách đầy đủ theo năng lực của chúng ta. Bất cứ khi nào chúng ta có thể dùng ảnh hưởng bằng bất cứ cách nào để kéo con người ra khỏi vết xe cũ của họ thì đó là một điều tốt nên làm. Tuy nhiên phải luôn luôn làm với sự

4- Cung Hải Hòa, Mỹ Lệ, Nghệ Thuật hay Hợp Nhất.

5- Cung Kiến Thức Cụ Thể hay Khoa Học.

6- Cung Lý Tưởng Trừu Tượng hay Sùng Tín.

7- Cung Huyền Thuật Nghi Lễ hay Định Luật.

(Trích: *Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương*, trang 223 – 224 A. Bailey).

hiếu biết, vì một đôi khi chúng ta không thể lôi một người ra khỏi vết xe cũ để về phía chúng ta.

Do những gì mà chúng ta giảng dạy cho y, có khi chúng ta còn đưa y vào một tình trạng tệ hại hơn. Tôi có biết điều đó đã từng xảy ra.

Những ai nhớ lại tài liệu Minh Triết Thiêng Liêng cũ có lẽ sẽ nhớ lại rằng tài liệu đó không mấy có thiện cảm với Giáo Hội Thiên Chúa. Chính bà Blavatsky có ít dung thứ đối với cách trình bày về tôn giáo của bên chính thống ⁽¹⁾. Dĩ nhiên bà đã thấy rất nhiều hậu quả của niềm tin tôn giáo thiếu sáng suốt (ignorant religious belief) trong việc cản trở sự phát triển (cramping) trí óc và linh hồn con người; một đôi khi bà rất nghiêm khắc công kích chống lại các tín điều hẹp hòi của tôn giáo đã được giảng dạy. Tôi nghĩ bà không lúc nào ngưng việc giảng dạy cho con người rằng có một khía cạnh khác cao siêu hơn so với tất cả tôn giáo. Bà là kẻ thù đối với mê tín dị đoan dưới bất cứ hình thức nào. Bà chú ý nhiều vào việc giúp cho con người giũ bỏ mê tín dị đoan nhiều hơn là cung cấp cho họ kiến thức khác. Có lẽ những người này chỉ cần việc giũ bỏ đó và cần được đối xử theo cách quyết liệt đó. Có lẽ họ không thể có được ngay trước mắt quan điểm của chúng ta về sự sống.

Tôi biết bà Besant khi bà công kích Cơ Đốc giáo thậm chí còn gay gắt hơn bà Blavatsky nữa. Bà nhắm vào một số lớn các nhà tư tưởng tự do (freethinkers) trong Sảnh Đường

¹ Bà Blavatsky chỉ đả phá thần học (theology) là môn học do con người đặt ra ở các lý luận mâu thuẫn của nó, chứ bà không hề xúc phạm các giáo huấn của Đức Christ. Quyển *The Key To Theosophy* của bà (đã có dịch là *Chìa Khóa Minh Triết Thiêng Liêng*) và bộ *The Secret Doctrin* thể hiện quan điểm này rõ nhất. (ND)

Khoa Học ở Luân Đôn, và khi những người này có được một chứng nhân Cơ Đốc giáo hoặc một giáo sĩ bênh vực cho Chính Thống giáo, thì thật là lý thú khi nghe bà diễn thuyết, vì có lẽ bà là người tranh luận hay nhất của thời đó. Tôi có nghe cuộc tranh luận của bà trước và sau khi bà gia nhập vào Hội Minh Triết Thiên Liêng. Cuộc tranh luận về Minh Triết Thiên Liêng của bà thì thân ái hơn là cuộc tranh luận trước, nhưng không lý thú bằng. Bà nêu ra một cách rất từ tốn và khoan hòa các nhược điểm của đối phương và lờ đi các vấn đề gây bối rối tới mức tối đa, đi ra ngoài tính chất nhạy cảm của đối phương. Lần đầu tôi nghe bà tranh luận, lúc đó bà cố giành thắng lợi, cho nên cuộc tranh luận rất hào hứng, mặc dầu việc đó không làm hài lòng đối thủ của bà.

397

Ngày nay khả năng hùng biện của bà vẫn còn, nhưng bà dùng khả năng đó nhiều hơn vào việc nhân từ, đến nỗi người ta không còn thấy nó xuất hiện trong cuộc tranh luận giống như trước kia nữa. Giờ đây bà có được điều mà có lẽ trong thời còn tự do tư tưởng của bà, bà đã không có, đó là năng lực cảm thông với mọi người. Bà có chính năng lực kỳ diệu đó, bà đạt được năng lực đó bằng công việc nhất định. Bà phát triển nó bằng cách bắt chính bà cảm thông với người khác và bằng cách đặt chính bà vào vị trí của họ. Hồi thời còn tự do ăn nói của bà, lần đầu tiên nghe bà tranh luận, chắc chắn bà không đặt chính bà vào vị trí đối thủ của bà mà đôi khi bà còn làm cho họ bị cảm thấy ngờ nghệch vì lối lý luận hoàn hảo và sự công kích mạnh mẽ của bà.

Người nào muốn cảm thông với mọi người, người nào muốn học hỏi đầy đủ quan điểm cuộc sống rộng lớn này, cũng phải đồng nhất hóa chính mình với các giới thấp, phải hiểu thiên nhiên như một tổng thể tùy theo khả năng mình.

Y phải bắt đầu một thái độ thiện cảm đối với các Đại Thiên Thần, các tinh linh thiên nhiên ⁽¹⁾, các tinh linh của cây (the spirits of the trees, mộc thần) và của miền quê. Chúng ta dường như đánh mất cái hiểu biết này trong các nền văn minh hiện nay, mặc dù đây đó, chúng ta thấy một thi sĩ, một tác giả hoặc một nghệ sĩ có mô tả điều đó. Bởi vì họ đã biết được có điều đó, những người như Ruskin (1819-1900) và Turner (1775-1851) có thể viết và vẽ lại như họ đã từng làm.

Vào thời cổ Hy Lạp, chúng ta nhìn vạn vật một cách khác hẳn với cách mà con người ngày nay nhìn chúng. Vào thời đó mọi vật trong thiên nhiên mang nhiều ý nghĩa đối với chúng ta hơn là ý nghĩa mà chúng có được vào thời nay, ngoại trừ đối với một số ít người vốn là nghệ sĩ. Thời đó, chúng ta ít nghĩ đến tiền tài và việc kinh doanh, chúng ta thường ngoạn thiên nhiên nhiều hơn. Thật là tốt lành khi có được cái nhiều như thế. Trong việc phát triển hạ trí và làm cho hạ trí sắc bén về mặt kinh doanh và phương diện thực hành của đời sống, các giống dân hiện nay của chúng ta đã 398 thiệt thòi rất nhiều, mặc dầu chắc chắn rằng họ cũng được lợi rất nhiều – năng lực quản lý rất nhiều việc một lúc và năng lực tập trung dưới những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn giữa tiếng ồn ào và huyên náo và giận dữ đáng sợ của nền văn minh này. Chúng ta đã không có điều gì giống với thời ở Hy Lạp, chúng ta không thể đi đây đó rất nhanh chóng, nhưng chúng ta đã thấy rất nhiều điều còn hơn là khi chúng ta đã đi.

¹ Tinh linh thiên nhiên (the nature spirits) còn gọi là tinh linh ngũ hành (nature elemental), gồm có tinh linh của đất (gnomes), tinh linh của nước (undines), của không khí (sylphs), của lửa (salamanders) và tinh linh của chất dĩ thái (pixies) (ND).

Tôi nghĩ chúng ta nên cố gắng phục hồi lại triển vọng xưa kia đến một mức nào đó, bằng cách nhập vào sự sống cùng với cái huy hoàng và mỹ lệ của thế giới xung quanh ta. Ngày nay hoàn cảnh xung quanh mà con người đang tạo ra thì hiếm khi đẹp đẽ, nhưng vào thời mà con người hiểu được thiên nhiên nhiều hơn, thì họ không làm hư hoại các hình hài của thiên nhiên quá nhiều. Người Hy Lạp có thể xây cất các đền thờ không ở ngoài vị trí ở giữa vùng phụ cận thiên nhiên mỹ lệ nhất. Có lẽ chúng ta cũng sẽ học cách phối hợp cái mỹ lệ với cái hữu dụng. Thí dụ chúng ta có thể tập dựng nên một tòa nhà giống như giáo đường lớn để dùng như một cơ xưởng; nhưng trong khi đó, chính một trong các nhược điểm của nền văn minh này là nó không có cảm tình với thiên nhiên trong mọi khía cạnh thâm sâu hơn của thiên nhiên, hầu cho chúng ta cần vun bồi để có được những gì vốn bẩm sinh (inborn) nơi người Hy Lạp – đó là có thiện cảm với thiên nhiên. Khi đọc quyển *“Nữ Chúa Không Trung”* (*“Queen of the Air”*) của Ruskin, người ta mới bắt đầu hiểu đôi chút về vấn đề này.

Chúng ta hãy cố gắng tạo ra sự tiến bộ khắp chung quanh. Tất cả chúng ta đã từng sống trong các chủng tộc của quá khứ, các chủng tộc này đã tạo ra cái mỹ lệ lên ảnh hưởng chính của họ – có được cái nhàn tản và khoáng đạt của đời sống. Do đó, tất cả chúng ta đều có nó trong chân nhân. Cuộc sống hiện tại của chúng ta ép chặt nó xuống đến một mức 399 lớn lao, nhưng nó chỉ cần được kêu gọi đến thì nó sẽ khắc phục được chương ngại vật. Điều đó có thể làm được và nên làm, dù là chỉ theo một quan điểm cá nhân ích kỷ, bởi vì lúc bấy giờ chúng ta sẽ hưởng được cuộc sống một cách đầy đủ hơn nhiều.

Có một số người cảm thấy không hài hòa với thiên nhiên, họ cho rằng chúng ta bị bao quanh bởi “ảnh hưởng xấu xa”, còn thế giới thì đầy đầy những bò cạp, rắn độc và hổ báo. Không hề có bản chất độc dữ có sẵn trong một con rắn, hoặc bò cạp hoặc con ong bắp cày nào cả, nhưng mà tất cả đều cực kỳ dễ bị kích thích và hoàn toàn – theo cách chúng ta nên nói nếu chúng là con người – thiếu suy tính (unscrupulous) đối với các phương pháp mà chúng vận dụng. Chúng chỉ chạy loạn xạ lên, rồi chích hoặc cắn người nào ở gần bên, nếu tình cờ chúng hơi bị quấy rầy. Nhưng bạn không thể gọi chúng là loài hung dữ, bởi vì chúng không làm việc này với ác ý. Chúng rất dồi dào sinh lực, thế nên chúng lao vào và làm tổn thương bất cứ ai tình cờ đi vào con đường của chúng.

Ở cõi cảm dục và dĩ thái cũng thế. Có rất nhiều loại tinh linh thiên nhiên thấp kém, chúng vốn không hung dữ, không tìm cách làm tổn hại, nhưng là các tạo vật không mấy dễ chịu khi phải đối phó – loại cần phải tránh xa. May mắn là để tránh các tạo vật này trên cõi tình cảm hơn là trên cõi trần, bởi vì một ước muốn mạnh mẽ (strong wish) cũng đủ để đẩy chúng ra xa khỏi bạn. Các tạo vật thuộc loại đó sẽ lợi dụng bạn nếu bạn để cho chính mình ở dưới ảnh hưởng của chúng. Như tôi có giải thích trước đây, nhiều loại tinh linh lấy làm thích thú khi gặp được một người đang ở trong cơn giận cực độ (royal rage). Ít nhất chúng không quan tâm đến việc tại sao người này giận dữ – tôi không biết chắc chút nào về việc các tinh linh đó có biết rằng một người đang ở trong cơn giận – nhưng khi chúng tìm được một lỗ xoáy (vortex) chứa các rung động dữ dội thô kệch, tình cờ phù hợp với chúng, nên chúng lao vào và vui đùa trũng giỡn, chúng kích

động lốc xoáy đó và bằng mọi cách có thể được làm cho lốc xoáy quay cuồng thêm nữa.

Các rung động mang tính chất hung ác được một số các tạo vật này rất ưa thích, và điều chắc chắn là chúng khao khát nắm chộp lấy những người có tật xấu này và kích động con người vào hành vi tàn bạo hơn là chính con người từng nghĩ đến. Nếu bạn để cho cơn giận chi phối, thì bạn có thể làm và nói đủ mọi chuyện mà bạn không muốn làm chút nào. Về tính hung ác cũng giống như thế; với tính ghen ghét, đố kỵ và hằn thù cũng đúng như thế. Khi con người lâm vào bất cứ thứ nào trong các tật xấu này, thì y như là thể tình cảm bất ngờ trở nên linh hoạt và đầy hận thù, bởi vì thể đó bị một số các tinh linh này chộp lấy. Chính cái khó cho chúng ta là tỏ ra thân ái (kindly) chút nào với chúng. Đương nhiên là chúng ta nghĩ đến hậu quả xấu mà chúng tạo ra nơi chúng ta. Tuy nhiên các tạo vật đáng thương này chỉ vui thích theo thứ loại (kind) của nó thôi. Tuy nhiên điều đó không biện minh cho việc chúng ta để cho nó nắm giữ lấy chúng ta; chúng ta phải vượt trên chúng nó. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng mọi thứ để làm mạnh thêm cho tật xấu đó nhất định đã xảy ra, khi chúng ta nghiên cứu huynh đệ của chúng ta, chúng ta phải luôn luôn chiếu cố cho họ.

Có các mãnh lực to tát hoạt động chung quanh ta mà hầu như con người đều có rất ít ý niệm về các lực đó. Tất cả chúng ta biết điều đó theo một cách đại khái. Chúng ta biết các lực như là dư luận quần chúng đè nặng lên chúng ta mà chúng ta không cảm nhận được chúng, chúng ta hoàn toàn không nhận ra, có lẽ sức mạnh khủng khiếp của luật tiến hóa và nhiều cách thức khác nhau đều đang tác động lên tất cả quanh ta. Chính Thượng Đế ẩn tàng trong vật chất, nhưng

401 Ngài không bất động (not dead) bởi vì Ngài che giấu chính Ngài nơi đó; vào bất cứ lúc nào, các hoạt động, các thần lực của Ngài cũng đều đang tác động lên mọi tạo vật của Ngài. Khi chúng tác động mạnh mẽ lên một người, thì chúng kích động con người, và điều đó có phần nào giống như khuấy động một cái ao. Tất cả nước ao đều chuyển động, bất cứ cái gì có trong ao đều bị khuấy đảo và trôi lên trên mặt. Lúc đó ao có thể trở nên đầy bùn do diễn trình đó, nhờ đó người ta biết được những gì ở dưới đáy. Tốt hơn là nước nên được khuấy động, cho dù có bùn, còn hơn là để cho ứ đọng lại, đưa tới tệ hại. Thế nên đôi khi mọi sự xáo trộn này vốn là một phần của sự sống thiêng liêng của Thượng Đế làm lộ rõ trong con người các tính chất vốn dĩ không được mong muốn (undesirable).

Người ta có thể gọi ý rằng, có thể hay hơn cho con người, nếu người đó không bị kích động, nhưng không hẳn như thế. Tạm thời trong lúc này y đã tạo thêm sinh động hơn – tuy có khó chịu như thế, nhưng còn tốt hơn là các tính chất không ưa thích sẽ lộ ra ở bên trên. Lúc đó, con người sẽ biết được chúng, còn các bạn bè của y cũng thấy được các tính chất này, có thể giúp được y. Trong trường hợp ngược lại, các tính chất này có thể tồn đọng lại, không được để ý đến, và có thể tạo ra các hậu quả xấu một cách nghiêm trọng khi có dịp xảy ra để cho chúng bị khuấy động lên sau này. Thế nên đôi khi chính mãnh lực thiêng liêng lại gây ra các hoạt động dường như không được ưa thích.

Chúng ta có thể chắc chắn rằng, Thượng Đế, Đấng đã tạo ra vạn vật, cố gắng làm cho vạn vật trở nên hoàn thiện. Ngài biết rõ những gì mà Ngài đang làm, và khi Ngài khuấy động chất bẩn (foul matter) thuộc một loại nào đó, thì chính

là với mục đích chất đó sẽ bị trục xuất, mặc dù vào lúc đó, điều đó không phải luôn luôn có vẻ thuận lợi hoặc đầy triển vọng cho sự tiến hóa. Chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng mọi người mà chúng ta gặp, đều đang ở trên các nấc thang tiến hóa khác nhau, cho nên những gì đối với người này thì rất thuận tiện, thậm chí cần thiết nữa, thì một cách chính xác là nó sẽ có hại cho người khác. Chúng ta phải quan sát và tập làm thế nào để trở nên hoàn toàn không thiên lệch và không xét đoán một cách hấp tấp bất cứ điều gì xảy ra. Mọi sự sống đều ở trong Thượng Đế và là thành phần rất rõ rệt của sự sống của Ngài, thế nên hệ quả là mọi sự vật trên cõi đời này đều thật sự là các trạng thái và các biểu lộ của Ngài. Theo cách đó, chúng ta đều có mối liên hệ thân thiết với tất cả các biểu lộ này và có bốn phận đối với chúng. Chúng ta có các cơ hội trợ giúp người này và không trợ giúp người khác; chúng ta phải đón nhận những gì đến trên đường đi của chúng ta để có dịp phụng sự.

10.- Hãy học cách nhìn vào tâm người một cách sáng suốt

Hãy nghiên cứu tâm tình con người để con có thể biết được thế giới con sống trong đó ra sao và con sẽ là một phần của thế giới đó.

Trong qui tắc này, thuật ngữ tâm (heart) được dùng một cách tượng trưng. Chúng ta phải nhìn vào toàn thể bản chất con người với hết khả năng chúng ta; chẳng những vào tận các cảm nghĩ (feelings) của con người, vốn thường được biểu trưng bằng tim, mà còn vào tận trong các diễn biến trí tuệ của con người nữa. Chúng ta được đòi hỏi cố tìm hiểu

con người một cách cặn kẽ, đồng thời cố gắng làm cách nào để tìm được sự biểu lộ của chân ngã trong con người.

403 Khi chúng ta thấy nhiều người chung quanh chúng ta hành động theo những cách khác với cách của chính chúng ta, chúng ta thường la lên: Cái gì khiến cho người ấy làm một điều như thế? Chúng ta không thể tưởng tượng ra được chính chúng ta làm điều đặc biệt đó dưới bất cứ hoàn cảnh nào, và chúng ta không thể thấy tại sao huynh đệ chúng ta lại làm điều đó. Đa số chúng ta thà bỏ qua những điều bí hiểm như thế từ lâu, bởi vì dường như hầu hết đó là những chuyện không thể hiểu được. Thí dụ, tôi không thể hiểu được tại sao có những đám đông người, rất đông, chen chúc đi xem một trận đấu quyền Anh. Tôi không thể thấy một thích thú nào trong đó, bởi vì theo tôi, toàn bộ trận đấu chỉ phô bày sự tàn bạo. Nếu phải trả tiền, tôi sẽ chọn cách trả tiền rồi đi ra nơi khác để khỏi xem trận đấu. Nếu nghĩ kỹ và cố gắng tìm cách lý giải chuyện đó, tôi thấy rằng có lẽ sự thu hút là ở chỗ trình diễn sự khéo léo – thuộc loại thô bạo và hạ cấp, nhưng dù sao cũng là khéo léo – và có lẽ cũng có được ý tưởng về sự can đảm và sức chịu đựng dẻo dai.

Cũng thế, có một số người tụ tập ở các góc đường, cười ầm ĩ và nói chuyện với giọng thiếu tao nhã, khó nghe. Tôi không hiểu được chút gì về cái vui thích mà họ có được khi làm thế; đã thế, họ lại là số lớn người mà chúng ta phải cố gắng tìm hiểu ít nhiều.

Con người làm lắm chuyện kỳ lạ. Đôi khi họ sa đà vào những cảm xúc mãnh liệt của sự ganh tỵ chuyện không có gì cụ thể. Ở phương diện khác, người ta thấy có những người dễ bị tổn thương sâu sắc bởi những gì mà một người khác nói về họ. Bạn dùng lý luận và nói rằng, những gì mà người

khác nói không quan trọng chút nào, bởi vì việc đó không làm hại họ chút nào. Nhưng sự việc vẫn làm họ tổn thương quá mạnh và nặng nề nữa. Chúng ta nên tìm hiểu tại sao, ở chừng mức nào đó nếu có thể được. Tôi thừa nhận điều đó nằm ngoài vấn đề trong nhiều trường hợp; tuy thế, rõ ràng chính công việc của chúng ta là cố tìm hiểu các huynh đệ của chúng ta.

404 Một số người có thể nói rằng đó không phải một học hỏi lý thú. Nó không thích thú cho chúng ta về mặt cá nhân, nếu chúng ta chỉ nghĩ về mặt đó; nhưng nó lại lý thú theo quan điểm rộng lớn hơn.

Khi chúng ta nghĩ đến chính chúng ta như là kẻ tiến hóa hơn những người này một ít, thì rõ ràng là bốn phần của chúng ta là giúp đỡ họ, nhưng không có sự hiểu biết thì sự trợ giúp của chúng ta sẽ vô ích. Đích thực là các sự việc mà hầu hết những người này quan tâm đến, đều không làm chúng ta thích thú, nhưng đó chỉ là một dấu hiệu của việc chúng ta đã vượt qua họ một ít về số tuổi của linh hồn. Linh hồn tăng trưởng thì con người trở nên thiên về lý trí hơn khi họ tiến hóa.

Trẻ con bé bỏng hay làm mọi việc mà chúng ta không thể hiểu được. Trẻ con khoảng 13 hoặc 14 tuổi, cả trai lẫn gái, đều có một nhóm động lực có hơi giống với các động lực của chúng ta, nhưng chúng ta vẫn không biết lý do tại sao chúng hành động như thế. Chúng ta phải đi ngược lại thời thanh xuân của chính chúng ta trước khi chúng ta có thể hiểu ít nhiều về những gì mà chúng đang làm và những sự việc gì sẽ tác động đến chúng. Quả là một điều khó; tôi biết rõ điều đó, bởi vì tôi có rất nhiều điều phải làm vào lúc này hay lúc khác với các trẻ con lẫn thanh niên. Nếu bạn trình bày một ý

tưởng trước mặt chúng theo một cách nào đó với hy vọng rằng chúng có thể chấp nhận ý tưởng như bạn đã chấp nhận, đôi khi chúng nghe theo, nhưng thường thì chúng tiếp cận ý tưởng đó theo một quan điểm hoàn toàn khác và quyết định về việc đó với các lý lẽ mà bạn không ngờ đến. Đôi khi bạn có thể thực hiện những gì mà chúng đang nhắm vào, nhưng đôi khi bạn không thể. Các thầy giáo và những người có nhiều điều đáng kể đến các trẻ con, trai cũng như gái, đều phải góp phần vào việc cố gắng tìm hiểu các đường lối tư tưởng và cảm nghĩ kỳ lạ của chúng, bởi vì lúc đó họ sẽ có khả năng hơn để tránh xúc phạm những người trẻ tuổi.

Đó là một trường hợp ngoại lệ, nhưng bạn phải làm cùng một việc với người trưởng thành chung quanh bạn.

405 Nếu bạn mong muốn giúp đỡ các người trẻ ấy thì bạn phải cố gắng đặt chính bạn vào vị trí của họ. Đó là những gì được ám chỉ đến ở đây bằng ý tưởng “học cách nhìn vào tâm người một cách sáng suốt” (learning to look intelligently into the hearts of men). Họ có các thành kiến của họ, còn bạn có các thành kiến của bạn. Điều rất chắc chắn là các thành kiến đó đều khác nhau ở một số đường lối, vì thế bạn phải khám phá ra quan điểm của người khác và xem xét đến quan điểm đó. Hãy nỗ lực tìm tòi xem người đó đi đến lập trường của mình như thế nào và tại sao thành kiến đặc biệt của y lại tồn tại, như thế có lẽ bạn có thể giúp cho y vượt qua thành kiến đó.

Thành kiến thực ra rất tế nhị. Thường thường nó mạnh mẽ và ăn sâu đến nỗi con người không biết nó ở đó. Y không tin rằng y cần bất cứ sự trợ giúp nào, chính vì vậy mà thường thường khó đưa ra sự trợ giúp mà không tạo ra sự xúc phạm. Lại nữa, thực là một lợi ích rất lớn đối với một

người nếu y có thể được trợ giúp bằng cách này hay cách khác để rũ bỏ thành kiến của mình, Muốn thành công trong việc đó và hoàn thành một cách khéo léo, bạn phải tìm ra đúng tại sao con người nghĩ điều này hoặc điều kia và bằng cách nào mà thành kiến của y lại nảy sinh. Thành kiến riêng của bạn trong vấn đề dứt khoát phải được đặt sang một bên, bằng không bạn sẽ khiến cho y đi từ quan điểm sai lầm này đến quan điểm sai lầm khác.

Hầu hết nguyên nhân của các quan tâm (interests) kỳ lạ của con người đều xuất hiện trong thể cảm dục của họ. Thể hạ trí chỉ ở trong tiến trình đang được phát triển. Sự kiện này có thể được nhìn thấy trong mọi hiện tượng bao quanh chúng ta trong cõi trí sau khi chết. Khi một người tốt thuộc hạng trung bình đi vào cõi cảm dục, thì y có đầy đủ khả năng để dự phần một cách sáng suốt vào đời sống của cõi đó, mặc dù một số người làm được còn một số thì không, vì một số người bị vật chất của các thể của họ tái sắp xếp lại, và vì đó họ trở nên bị hạn chế rất nhiều trong khả năng này. Thể cảm dục có các khả năng của nó rất phát triển, các khả năng này sẵn sàng để vận dụng, mặc dù nhiều người không biết họ nên làm gì và nên sử dụng chúng cách nào. Khi những người đã có nghiên cứu ít nhiều về các đề tài này, đi qua cõi cảm dục, họ sẽ thấy chính họ ở trong một hiện thể, hiện thể này giúp cho họ biểu lộ họ một cách đầy đủ hơn là khi còn ở trong thể xác. Nhưng khi họ đạt đến cõi trời (heaven world, thiên đường), thì thường thường không phải như vậy .

Ở cõi trời, chúng ta thường thấy họ hoạt động bên trong (inside) thể hạ trí, và rất nhiều khi họ bị nhốt kín trong đó đến nỗi thể đó thực sự trở thành một cái vỏ đối với họ

hơn là phương tiện biểu lộ sự sống của họ. Đó là những gì được nhắc đến bởi mọi kinh sách cổ xưa được viết ra để nhấn mạnh vào sự thật rằng con người ở thiên đàng bị tách khỏi mọi phần còn lại. Thường thường người ta nói đến cõi này như là một phần dành riêng của cõi trí. Khổng hân vậy, nhưng mỗi người tự nhốt mình trong cái vỏ riêng, và do đó họ không tham gia vào đời sống của cõi trí chút nào. Người đó không xê dịch đây đó một cách tự do và không giao tiếp với người khác được như lúc còn ở cõi cảm dục. Các chỗ hở duy nhất trong lớp vỏ của y mà qua đó sự sống bên ngoài có thể đạt tới y là các cửa sổ mà y đã tạo ra cho chính mình bằng cách phát triển thể hạ trí của mình theo một số đường lối. Bất kể cái gì con người đã thực hiện được với thể hạ trí của mình, việc đó cũng làm cho y khai mở ra với các ảnh hưởng của cõi trí. Dù gì đi nữa y cũng sẽ gặt hái kết quả trong cuộc sống ở cõi trời của y, và với một mức độ nào đó, y có thể giao tiếp được với thế giới bên ngoài qua đó. Nhưng các kết quả mà y có thể tạo ra trên các cư dân của cõi đó sẽ ít hơn nhiều, nói chung, hơn là các kết quả mà các cư dân này sẽ tạo ra trên y, bởi vì y chỉ có thể tự biểu lộ qua các vận hà rất hẹp trên cõi đó.

Trong một thời gian dài của buổi đầu nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng của chúng tôi, chúng tôi không hiểu được, chính sự kiện đó chứng tỏ rằng thể hạ trí của kẻ thường nhân chỉ phát triển có một phần. Khi chúng ta tiến đến chỗ xem xét các biểu lộ ở cõi trần, chúng ta sẽ thấy rằng cùng sự việc trên vẫn đúng. Có lẽ mỗi người đều có được kinh nghiệm về các giới hạn này nơi những người khác. Chúng ta có thể thấy các giới hạn đó trong chính chúng ta nếu chúng ta muốn, nhưng chúng ta thấy các điều này nơi

những người khác dễ hơn là trong chính chúng ta. Chẳng hạn khi bạn nói với những người xa lạ về Minh Triết Thiêng Liêng, bạn sẽ thấy rằng một số những người này tỏ ra rất thích thú, còn những người khác không biết bạn đang nói đến cái gì. Họ lắng nghe những gì bạn nói, rồi họ nói: “Vâng, vâng”, nhưng hiển nhiên là họ không để ý đến. Lý do thông thường để giải thích sự dị biệt này giữa những người nói trên, đó là một số người đã gặp các ý tưởng thuộc loại này trong các tiền kiếp, còn một số khác thì chưa. Tôi nghĩ chúng ta sẽ được chứng thực (justified) khi nghiên cứu rằng tất cả những người đã văn minh trong nhiều ngàn năm, chắc chắn là đã gặp được các ý tưởng này trong các kiếp sống trước. Bất cứ người nào đã có sống ở cổ Ấn Độ hoặc cổ Ai Cập, hay là người xứng đáng được thu nhận vào các Bí Pháp ở Hy Lạp hoặc La Mã, sẽ dễ dàng có được giao tiếp nào đó với các ý tưởng này. Một số người đã đi sâu vào vấn đề, và nhờ làm thế, họ sẽ phát triển được một phần hạ trí của họ giúp cho họ có thể suy tưởng các ý tưởng như là các ý tưởng này. Những người khác không thể hiểu được và họ không hề bận tâm gì về việc đó. Tất cả những gì họ muốn là có được thời giờ thuận tiện theo cách sắp xếp của họ. Tách rời các ham muốn thấp kém và thô kệch này ra khỏi bộ óc của họ đều không ích lợi gì cho họ cả. Nếu bạn có thuyết phục cho họ đọc một trang sách về Minh Triết Thiêng Liêng đi nữa, họ cũng chẳng nhớ được gì trong đó.

Bộ óc phải được giáo dục theo đường lối mà chúng ta muốn nó hành động theo đó, và đó chính là những gì mà chúng ta cần làm trong khoa Minh Triết Thiêng Liêng. Những ai chấp nhận Minh Triết Thiêng Liêng, đều sẵn sàng và khao khát làm như thế, một phần bởi vì Minh Triết

Thiên Liêng đáp ứng được nhiều vấn đề mà chính những người đó đòi hỏi, còn một phần vì họ đã suy tư đến một mức độ nào đó theo các đường lối như thế trong các kiếp sống khác. Trí óc họ đã sẵn sàng mở rộng ra xét về phần đó; thật là một công việc rất khó nhọc cho người nào mà bộ óc chưa khai mở chút nào về phần triết lý của nó khi phải cố gắng tìm hiểu Minh Triết Thiên Liêng. Bạn đưa cho người đó một giải thích đơn giản và có lẽ y chỉ đồng hóa rất ít về các ý tưởng rộng lớn. Sự thật là con người cần rất nhiều chuẩn bị. Một kẻ thường nhân không thể thấy bất cứ thứ gì trong đó. Lúc này tôi không bàn về chuyện khéo léo hoặc khờ khạo của y, mà chỉ bàn đến sự kiện rằng y không quen thuộc với đường lối tư tưởng này. Y cần rất nhiều chuẩn bị. Y có được chuẩn bị này phần lớn là nhờ tôn giáo và trong tôn giáo, y cần phải được huấn luyện từ từ. Một tôn giáo phát triển đầy đủ phải có thể đáp ứng được với mọi tầng lớp con người. Thoạt đầu, mọi tôn giáo đều đáp ứng được điều đó, nhưng theo thời gian qua, một số tôn giáo đã mất đi phần này hoặc phần khác, và đôi khi các tôn giáo đó co cụm lại (crystallize) theo các đường lối ngoài ý muốn (undesirable).

409 Nếu chúng ta cố gắng tìm hiểu con người, chúng ta phải nhớ mức độ mà họ đã phát triển hoặc chưa phát triển. Chúng ta phải nhớ rằng, cho đến giờ, hạ trí chưa phát triển đầy đủ, do đó tất nhiên là thể nguyên nhân, tuy là cao hơn, vẫn còn kém phát triển, cho nên nó khó hoạt động chút nào trong các tầng lớp thấp kém. Đôi khi những người đã nghiên cứu Minh Triết Thiên Liêng, và do đó hiểu được rất nhiều về sự sống và đã mở được trí theo đường lối đó, lại có khuynh hướng dừng lại trên vòng nguyệt quế của họ và nghĩ rằng họ đã làm tất cả những gì cần thiết trong việc phát triển

thể trí. Nhưng thường thường không phải như thế, và sớm hay muộn gì họ cũng phải nhận chịu một hình thức hoạt động trí tuệ hoặc luyện tập thể trí nào đó.

Điều mà chúng ta muốn tìm hiểu nơi mỗi người là hoạt động của linh hồn, tuy nhiên, không phải mỗi người đều đem lại cho ta cơ hội đó, và khi cố gắng tìm hiểu, chúng ta phải ghi nhớ điều đó. Một mặt, chúng ta phải luôn luôn hy vọng cái cao siêu nhất nơi mỗi người; chúng ta phải thừa nhận một cách tự tin rằng y sẽ làm những gì mà chúng ta cảm thấy y nên làm, bởi vì sự kiện chúng ta chọn thái độ tinh thần đó sẽ giúp cho y rất nhiều. Nhiều lần người ta thấy rằng nếu một người đã dính líu vào các giao dịch mờ ám, lại được đối xử một cách đàng hoàng, chúng ta tỏ rằng thanh danh của người đó được tin tưởng, thì y sẽ vươn lên để đạt tới sự tin tưởng này. Trái lại, nếu chúng ta đáp ứng với y bằng sự nghi ngờ, thì chẳng mấy chốc có thể y sẽ làm cho sự nghi ngờ đó trở thành có thực.

Tuy nhiên, đừng nên mong đợi nơi con người quá nhiều điều. Chúng ta nên giả dụ rằng họ sắp làm điều cao quý nhất, và bằng tư tưởng của chúng ta, nên cố gắng giúp họ làm điều đó, nhưng khi họ thất bại, chúng ta đừng nên mất kiên nhẫn hoặc giận dữ đối với họ, bởi vì sự tiến hóa là một tiến trình rất chậm chạp và một người chỉ có thể biểu lộ tới mức tối đa năng lực phát triển của y mà thôi.

410 Không bao giờ có lợi ích gì khi tỏ ra bức dọc vì một người nào đó rơi xuống dưới mức mong đợi của chúng ta. Chúng ta không nên khiển trách một người vì đó là bản chất của y, vì đó là trình độ mà y đạt đến trong mức tiến hóa. Khi một người đã phát triển tới một trình độ cao, rồi kể đó rơi xuống thấp vì lý do nào đó, người ta có thể nhận xét: “Thật

là đáng thương; bởi vì y biết còn nhiều hơn cái đó”, nhưng không có lý do hoặc ích lợi gì để buồn phiền cả. Trong khi chúng ta phải nghĩ đến cái tốt đẹp nhất của đồng loại chúng ta và phải luôn luôn cố gắng giúp họ vươn lên đến cái tốt nhất vốn có nơi họ, tuy nhiên chúng ta phải chấp nhận điều đó một cách bình thản nếu họ thất bại trong việc làm đó. Chúng ta đừng nên tỏ ra phiền muộn hoặc mất kiên nhẫn, mà hãy cố gắng giúp họ khi họ cần đến. Tôi nghĩ đó là bài học mà chúng ta cần phải học khi chúng ta được dạy là hãy nhìn thấu vào các sự sống và lòng người và cố gắng tìm hiểu chúng.

Bây giờ đến một chú thích dài của Đức Thầy Hilarion mà chúng ta có thể sử dụng dần dần. Ngài nói:

Hãy đứng trên quan điểm vô ngã tuyệt đối, nếu không cái nhìn của con sẽ có thành kiến. Do đó tính vô ngã phải được hiểu rõ trước nhất.

Chúng ta thường nói đến trạng thái vô ngã (impersonal) khi chúng ta muốn nói đến tình trạng công bằng (just) hoặc quân bình (balanced), khi chúng ta không đưa vào trong quyết định của chúng ta bất cứ điều gì được ưa thích hoặc không ưa thích của riêng chúng ta, khi chúng ta hành động giống như một thẩm phán hành động ở tòa án. Nhưng Chân Sư muốn ám chỉ nhiều hơn điều đó. Ngài chủ trương tính chất vô ngã (impersonality) có nghĩa là tình trạng mà trong đó phàm ngã tạm thời hoàn toàn bị vượt qua (transcended), để cho không những chúng ta, trong cuộc sống cá nhân, xem xét mọi vật với tính không thiên vị hoàn
411 toàn, mà chúng ta còn nhìn các sự vật theo quan điểm của

chân ngã nữa. Đó là một thành quả khó đạt hơn nhiều. Muốn làm được điều đó một cách đầy đủ, có nghĩa là chúng ta phải có một thể nguyên nhân hoàn toàn phát triển. Phần lớn con người vẫn còn đang phát triển thể hạ trí. Các đạo sinh huyền học đang cố gắng làm một cái gì còn hơn thế nữa, nhưng cho đến nay tương đối có ít người trong số họ có thể vận dụng thể nguyên nhân một cách chắc chắn. Do đó, lúc đầu đạo sinh phải suy luận ra cho chính mình quan điểm của linh hồn là gì, kể đó theo đuổi nó, loại ra mọi thứ khác.

Thật khó trở thành vô ngã. Nếu có một cuộc tranh luận giữa hai người, một trong hai người đó là bạn của riêng bạn mà bạn biết rất rõ, trong khi người kia là người lạ, rất hiếm khi mà khả năng con người có thể làm được là tránh một chút khuynh hướng nào đó có lợi cho người bạn. Lý do của khuynh hướng đó là một lý do hoàn toàn tốt lành – bạn biết nhiều về người đó, và càng biết nhiều về y, bạn càng hiểu y rõ hơn, và bạn càng chiều cố đến y nhiều hơn.

Chúng ta khó ngăn một chút thành kiến vì một người bạn. Tôi không nghĩ rằng chúng ta luôn luôn hiểu được chúng ta là các sinh vật phụ thuộc vào các hoàn cảnh và các môi trường xung quanh nhiều như thế nào đâu. Chúng ta tình cờ được sinh vào một khu ngoại ô nào đó của một thành phố lớn nào đó. Chúng ta lớn lên, chỉ biết được một thế giới nhỏ hẹp nào đó. Trong thế giới nhỏ bé đó chúng ta chọn được một số bạn. Sau đó, người ta có thể dời chỗ ở và có được các bạn bè mới ở các nơi khác, mà lúc đầu, tình bạn mà chúng ta tạo được là một vấn đề thường thường xảy đến ở nơi chúng ta cư ngụ. Nếu được sinh ra ở một vùng khác có lẽ chúng ta sẽ có một nhóm bạn hoàn toàn khác.

Đôi khi những người tụ tập chung ở đó đi đến hôn nhân với nhau. Họ không thể hiểu rằng nếu họ tình cờ được sinh ra ở một nơi khác có lẽ họ sẽ có tình cảm đó đối với số người khác. Vậy sự gần gũi có vai trò đáng kể. Tôi biết nghiệp quả cũng xảy tới trong nhiều trường hợp, nhưng các vấn đề này thường là do kết quả của sự gần gũi. Chúng ta thường chịu ảnh hưởng của con người, cũng như của môi trường khác của chúng ta. Do đó rất khó dò tìm vào tâm của người khác và cuối cùng là vào tận tâm chúng ta.

Chúng ta quen nghĩ đến mọi việc khi nó tình cờ tác động vào chúng ta. Nhiều người bất lực để có tầm nhìn rộng lớn hơn, để thấy cách thức mà nó lại tác động đến một quốc gia nói chung. Chúng ta có nhiều thí dụ về trường hợp đó trong những ngày mà hầu hết mọi người đi bỏ phiếu. Một số lớn người có thể chỉ nghĩ làm sao mà kết quả của việc bầu cử cũng tác động đến họ về mặt cá nhân; họ dường như không thể hiểu được rằng có một bốn phần đối với cộng đồng. Không phải họ cố ý đặt tư tưởng của chính họ trước tư tưởng của cộng đồng, mà chỉ vì họ không bao giờ có được một quan điểm rộng lớn hơn.

413 Như tôi có giải thích trước đây, có 3 cách mà linh hồn có thể phát triển và có thể ảnh hưởng đến sự sống chúng ta. Một là cách của các đại khoa học gia và triết gia của thế giới, không những họ đã phát triển hạ trí, mà họ còn mở được thượng trí tới một mức độ đáng kể nữa, vì thế mà rất nhiều loại ý tưởng trừu tượng của thượng trí, cách suy tư có tính toàn diện, kỳ diệu của thượng trí tuôn vào những gì mà họ nghĩ tưởng, mặc dầu có lẽ họ không thể phô bày điều đó thành chữ viết của họ. Những người có sức thu hút theo cách

đó sẽ phải trải qua giai đoạn trở thành đại khoa học gia hoặc đại triết gia; việc phát triển trực giác sẽ đến nhiều sau đó.

Hai là nhờ các xúc cảm cao siêu, như là tình thương mạnh mẽ, sự sùng tín hoặc lòng thiện cảm, có thể khơi hoạt nguyên khí Bồ đề đến một mức độ lớn lao, mà không phát triển một cách đặc biệt thể nguyên nhân ở trung gian, nhưng không phải không ảnh hưởng đến thể nguyên nhân, vì tất cả mọi phát triển của thể Bồ Đề đều có tác động trở lại một cách rất mạnh mẽ đến thể nguyên nhân. Phương pháp hoạt động của đa số các đạo sinh chúng ta là dùng các xúc cảm cao, rồi từ các xúc cảm cao đó mà tác động lên thể Bồ Đề. Tôi không có ý muốn nói rằng họ đang phát triển thể Bồ Đề mà họ có thể sinh hoạt thường xuyên trong đó. Đó sẽ là một việc vô cùng đáng làm, nhưng cho đến nay, có lẽ điều đó vượt ngoài tầm với của hầu hết chúng ta. Nhưng chắc chắn là công dụng của các xúc cảm cao sẽ khơi dậy các rung động trong chất Bồ đề. Nó kích động thể Bồ Đề cho đến nay vẫn chưa phát triển đầy đủ, để cho nhiều trong số các rung động của nó đi xuống và uốn nắn thể tình cảm của con người. Như vậy, người ta có thể thu lượm được một số ảnh hưởng đáng kể từ cõi Bồ Đề trước khi thể Bồ đề phát triển đầy đủ.

Cũng có một con đường khác và ít được biết đến hơn, trong đó ý chí được đưa vào hoạt động; giống như thể cảm dục phản ứng trên thể Bồ đề còn thể hạ trí phản ứng trên thể thượng trí, cũng thế thể xác cũng tác động cách nào đó trên thể Atma. Thật ra tôi biết rất ít về việc nó tác động như thế
414 nào. Còn cách thức của đa số các đạo sinh là nhờ lòng sùng
tín đối với các Chân Sư và lòng cảm thông mãnh liệt với
huynh đệ của họ.

Trí tuệ vốn không thiên lệch: không ai là kẻ thù của con, không ai là bạn của con. Tất cả đều là Thầy của con. Kẻ thù của con trở thành một điều bí ẩn phải được giải quyết, cho dù phải mất nhiều đời kiếp: bởi vì con người cần phải được cảm thông.

Nếu bạn có nhiều thân hữu, bạn có thể thực sự rất biết ơn, nhưng trong vấn đề đặc biệt này, bạn nên xem xét họ một cách khách quan, giống như từ trên cao, và nói: “Đây là các bạn hữu của tôi; với tư cách các linh hồn, tại sao chúng ta đã được tụ hợp lại?” Kế đó có lẽ bạn sẽ thấy rằng, hoặc là có các điểm tương đồng lớn giữa các bạn, hoặc là các bạn đang bổ sung cho nhau – các bạn hòa hợp nhau một cách hoàn hảo trong các rung động và như thế tạo ra được một tổng thể thỏa đáng.

Theo cùng cách suy luận đó, với quan điểm vô ngã này, thì không một ai là kẻ thù của bạn. Nếu có một người nào đại đột đặt chính mình vào vị thế đó, bạn hãy nói: “Tại sao anh ta lại làm điều đó? Có thể anh ta không có các cảm nghĩ này đối với tôi, trừ phi có dịp nào đó trong quá khứ, chính tôi đã gây cho y chuyện đó. Để tôi xem nếu tôi có thể tìm ra nguyên nhân và xem coi có cách nào để cho thái độ của y có thể thay đổi chăng”.

Bạn của con trở thành một phần của chính con, một sự mở rộng của chính con, một câu đố khó hiểu. Chỉ một điều duy nhất còn khó biết hơn – chính là lòng con. Chỉ khi nào các xiềng xích của phàm ngã được nói lỏng, thì người ta mới có thể bắt đầu nhìn thấy cái bí nhiệm sâu xa đó của bản ngã.

Cho dù người ta có thể biết rõ một người, ngay cả sau nhiều năm kết bạn, tuy nhiên, đôi khi người ta chạm đến một lớp (layer) của tâm thức kỳ lạ của y. Người ta nói rằng, và tôi tin là rất đúng, không một người nào hoàn toàn biết một người khác, thậm chí sau khi chung sống lâu với nhau. Còn Chân Sư tất phải biết. Đó là một trong các nguồn an ủi lớn lao khi được kết hợp với các Chân Sư. Chúng ta hoàn toàn tin chắc rằng các Ngài biết nhiều về chúng ta còn hơn chúng ta biết về chính chúng ta nữa, quả thật các Ngài biết chúng ta vô cùng thấu đáo. Chúng ta thấy trong chính chúng ta các yếu đuối và sai hỏng, chúng ta cố gắng bằng hết khả năng chúng ta để đối phó một cách hiệu quả với chúng; nhưng chúng ta cũng có thể có các thất bại khác mà chúng ta không thấy, nó có thể hiện ra trong lúc khẩn cấp hoặc lúc căng thẳng. Bấy giờ, thực là một niềm an ủi khi nghĩ rằng, nếu có những điều như thế thì Chân Sư biết rõ về chúng, và sớm hoặc muộn Ngài sẽ làm lộ ra bất cứ điều gì mà chúng ta không biết, và như vậy sẽ giúp chúng ta xóa bỏ được nó. Những ai mà Ngài đem đến gần Ngài bằng mối liên hệ đệ tử, thì ít nhất cũng có được niềm an ủi này, đó là họ không thể rơi vào chỗ tệ hại đến mức vô vọng, dù cho sự khiêm tốn rất mực có thể làm cho họ nghĩ về chính họ một cách quá tầm thường.

Vào mọi giai đoạn tiến hóa nội tâm, công việc cần thiết phải được chúng ta thực hiện cùng với ý chí của chính chúng ta ở sau việc đó. Ngay cả chính Chân Sư cũng không thể làm việc đó thay cho chúng ta được, mặc dầu Ngài có thể và nhất định là giúp chúng ta bằng từ điện, tình thương và sự cảm thông của Ngài, cũng như bằng ảnh hưởng gián tiếp mà Ngài mang lại thông qua các hạng đệ tử khác nhau của Ngài.

416 Ngài chỉ có thể giúp chúng ta với điều kiện khi nghiệp quả chúng ta cho phép Ngài làm điều đó. Chúng ta phải tự tạo cơ hội thích hợp, và khi cơ hội đến, phải biết nắm lấy để sẵn sàng cho cơ hội kế tiếp.

Không có điều kiện này thì Chân Sư không có quyền giúp chúng ta, bởi vì Ngài cũng ở dưới Đại luật nghiệp quả, tuy Ngài cũng muốn đưa chúng ta lên thẳng trình độ Chân Sư, nhưng Ngài không thể làm điều đó. Nhưng chắc chắn rằng chúng ta sẽ nhận được sự trợ giúp vô giá của Chân Sư trên nẻo đạo ngay khi chúng ta xứng đáng, vì ngay cả Ngài cũng là một huynh hữu theo cách chấp nhận thông thường của thuật ngữ này. Ngài không thể ban cho chúng ta cái gì mà chúng ta không tìm kiếm. Ngài chỉ có thể thực sự giúp chúng ta khi chúng ta hợp nhất với Ngài.

Chỉ khi nào con đứng ngoài phạm ngã, thì nó sẽ cho con hiểu biết nó theo cách nào đó. Bấy giờ và chỉ bấy giờ con mới có thể hiểu và hướng dẫn nó. Bấy giờ và chỉ bấy giờ, con mới có thể sử dụng mọi năng lực của nó và cống hiến các năng lực đó vào công cuộc phụng sự xứng đáng.

Ở đây rõ ràng là Chân Sư đang nghĩ đến chân ngã, tức chân nhân trong thể nguyên nhân của nó, đang nắm giữ và hướng dẫn phạm nhân. Như chúng ta đã thấy trước đây, mọi câu này đều được hiểu theo các trình độ khác nhau, tùy theo bạn bàn về các đệ tử hoặc chính Chân Sư. Đối với một số người thì công việc đó là chân nhân trong thể nguyên nhân của nó sẽ học cách kiềm chế và chi phối phạm nhân tại cõi trần. Đối với những người khác thì chính Chân Thần sẽ trông coi và điều khiển chân nhân. Và khi điều đó đã đạt

được, là trường hợp của Chân Sư, thậm chí lúc đó Ngài vẫn
 417 sẽ phải có bất cứ cái gì có thể là cao hơn kể đó so với Chân
 Thần và chuyển đổi (convert) Chân Thần trở thành một biểu
 lộ hoàn hảo của Cái đó (that).

11.- *Hãy thành thật quán sát chính tâm con.*

**12.- Bởi vì qua chính tâm của con mà linh quang duy
 nhất có thể soi sáng sự sống và làm cho sự sống hiện rõ
 trước mắt con mới đến được.**

Nếu như bạn không nhận ra Thượng Đế bên trong
 chính bạn, thì không bao giờ bạn có thể tìm thấy Thượng Đế
 ở bên ngoài. Qua chính tâm của bạn mà diệu quang duy nhất
 mới đến được để soi sáng sự sống và làm cho sự sống hiện rõ
 trước mắt bạn. Sự gọi lên của diệu quang đó có thể giúp ích
 rất nhiều từ bên ngoài. Chính Chân Sư của bạn cũng không
 thể ban phát cho bạn ánh sáng đó, mặc dầu Ngài có thể giúp
 bạn khơi dậy ánh sáng đó bên trong chính bạn; ánh sáng đó
 phải đến từ bên trong và nó *hiện hữu (is)* bên trong, dù cho
 bạn có biết nó hay không.

Chắc chắn phải là một ân huệ rất lớn và là một khích lệ
 to tát cho chúng ta khi chúng ta thấy giáo lý Minh Triết
 Thiên Liêng nhấn mạnh vào sự kiện là Đấng Thiên Liêng
 (the Divine) ở trong chúng ta và chúng ta là thành phần
 chính yếu trong Ngài. Nhiều lần, chúng ta quên đi giáo lý đó
 và để cho chính chúng ta không còn ý thức về việc đó, cho
 nên nhất thời chúng ta có quan điểm nhỏ hẹp và không thể
 hiểu được cái rộng lớn, thâm viển, và cái huy hoàng của cơ
 tiến hóa của Thượng Đế. Con người quên rằng, hoặc có lẽ
 không bao giờ biết rằng họ là một với Đấng Thiên Liêng, và

rằng chỉ bằng cách càng ngày càng tiến gần đến sự biểu lộ của Thiên Tính đó (that Divinity) mà họ có thể luôn luôn đạt đến sự phát triển hay hạnh phúc chân thực, hay quả thật là bất cứ chân lý nào vốn sẽ đặt họ xứng đáng với phần còn lại của thế giới. Mọi huyền bí gia ở khắp nơi đều nhận biết rằng
 418 chỉ qua Thượng Đế nội tâm (the God within) mà chúng ta mới có thể giao tiếp thực sự với Thượng Đế ngoại tại (the God without). Ở một nơi khác, Chân Sư có nói: **“Nếu con không thể thấy được ánh sáng đó trong chính con, thì thật vô ích khi tìm nó ở nơi khác”**.



CHƯƠNG 5

Qui Tắc 13

C.W. Leadbeater.- Ở điểm này trong phần II của “*Ánh Sáng Trên Thánh Đạo*” cách đánh số các qui tắc có thay đổi. Chúng ta không có các nhóm ba câu cách ngôn của bản viết tay, kèm theo là lời giảng luận của Đức Chohan. Qui tắc 13 mà chúng ta đang xét do Đức Chohan đưa ra.

13.- Lời lẽ chỉ đến cùng với sự hiểu biết. Có được sự hiểu biết rồi thì con mới có được lời lẽ.

Chú giải của Chân Sư Hilarion về điều này là:

Không thể nào trợ giúp kẻ khác được cho đến khi con đã có được sự chắc chắn của chính con.

Người ta có thể nghiên cứu toàn bộ hệ thống Minh Triết Thiên Liêng, xem xét nó theo mọi quan điểm, so sánh nó với mọi ý tưởng khác vốn đang giải thích các trạng thái sự việc mà chúng ta chứng kiến trên đời, đi đến kết luận rõ ràng rằng nó là một giả thuyết hoàn hảo nhất được đưa ra trước thế gian, và tất nhiên chấp nhận nó là đúng thực. Tôi cho rằng người ta không thể hoàn toàn gọi đó là tri thức, nhưng

ít nhất đó là một xác tín đầy đủ và hợp lý mà người ta có thể hành động dựa theo đó một cách chắc chắn.

420

Nếu chúng ta khảo sát phát biểu của Cơ Đốc giáo chính thống, chúng ta thấy ngay rằng nó thiếu sự ổn định và không nhất quán, mặc dù nó tự nhận là giải thích được mọi việc, nhưng nó khó có thể được cho là cung cấp một lý thuyết thỏa đáng. Đó là lý do khiến nhiều người Cơ Đốc giáo sợ việc suy tư. Khi chúng ta đi vào cách giải thích theo Minh Triết Thiêng Liêng về sự sống, chúng ta thấy rằng chúng ta ở trên một nền móng vững vàng. Giả dụ một người nào từ ngoài đến chất vấn chúng ta. Y có thể cảm thấy rằng một vài phát biểu của chúng ta quá mạnh mẽ, trực tiếp và tích cực nên họ hỏi: “Bạn có bằng chứng gì để chứng minh rằng các sự việc này là như thế?” Y có thể nghi ngờ tính xác thực của một số phát biểu. Nhưng không một người nào có thể phủ nhận, xét về toàn bộ triết lý nói chung, ít nhất đó là một lý thuyết cố kết, và nếu nó chính xác, nó hẳn phải giải thích được mọi vấn đề. Trong nhiều trường hợp, đó là tất cả những cái mà các lý thuyết khoa học có thể được đòi hỏi. Chúng ta có trước mắt chúng ta một số sự kiện; giả thuyết phải giải thích được các sự kiện này; ở đây là một giả thuyết, nó rõ ràng hơn tất cả các giả thuyết khác, nó giải thích hay hơn là mọi giả thuyết còn lại đã được quan sát; do đó chúng ta chấp nhận nó như tạm thời đúng.

Khi tôi bước vào tri thức Minh Triết Thiêng Liêng, tôi đã là một linh mục của Giáo Hội Anh giáo (Anglican Church) ⁽¹⁾, nhưng tôi nghi ngờ nhiều giáo điều do Giáo Hội

¹ Giáo phái Anh (Anglican): một trong 5 nhánh lớn của Cơ Đốc giáo (Christianity) gồm Thiên Chúa La Mã (Roman Catholicism),

đưa ra và luôn luôn né tránh giảng dạy bất cứ giáo điều nào, trừ việc về luân lý và minh chứng nó. Đây rồi, trong Minh Triết Thiên Liêng có một lý thuyết hợp lý, và vì nó rất hợp lý nên tôi sẵn sàng chấp nhận nó. Lúc đó tôi chỉ có ít bằng chứng, tuy nhiên ngay cả ở giai đoạn đó, tôi đã có nhiều bằng chứng về nó giống như chúng ta có được đối với rất nhiều sự kiện trong thiên văn học. Thí dụ, tôi đã có nhiều
 421 bằng chứng về việc đó cũng như chúng ta có nhiều lý thuyết được chấp nhận một cách rộng rãi trong hóa học hoặc vật lý học. Một số thực nghiệm được các lý thuyết này giải thích, còn nhiều cái khác chưa được giải thích.

Kế đó tôi tiến thêm một bước nữa là gặp được bà Blavatsky, chúng kiến được trong mối liên hệ với một vài sự việc của bà, chúng chứng tỏ được một số các lập trường của bà. Dĩ nhiên điều đó không nhất thiết chứng tỏ mọi điều còn lại là đúng cả, nhưng chẳng bao lâu, trong vòng ba năm sau khi gia nhập Hội, bằng tri thức của chính tôi, tôi biết được sự tồn tại của các Huấn Sư Cao Cả mà bà đã mô tả. Nhờ thấy được điều đó mà tôi kiểm chứng rất thuận tiện đối với sự thật của các phát biểu khác, nhất là khi tất cả các phát biểu đó đều thích hợp một cách hoàn mỹ và tạo ra một hệ thống rất hoàn hảo.

Sau đó, tôi trở nên có khả năng tìm ra sự thật cụ thể cho chính tôi về nhiều vấn đề, và cho đến nay, tôi không thấy một sai lầm nào trong bất cứ đại chân lý nào mà bà đã đưa ra trước chúng tôi. Trong các sách của bà, bà đã đưa ra

Tin Lành (Protestantism), Chính Thống giáo (Orthodox Church hay Eastern Orthodox Church), Anh giáo (Anglican) và Independent. Hiện Anh giáo có khoảng 78.745.000 tín đồ (Theo Almanac 2007).

rất nhiều giáo huấn; về ý nghĩa của một số giáo lý đó, tôi chưa ở vị thế có thể giảng dạy từ sự hiểu biết trực tiếp. Cũng có một số phát biểu mà tôi chưa thể hiểu được; nhưng càng học thì chính tôi càng nhận ra bà hiểu biết nhiều như thế nào. Do đó, trong khi bà thừa nhận rằng có nhiều lỗi lầm trong các sách của bà, tôi đã bỏ qua việc tìm ra các lỗi đó. Trước tiên, khi gặp một điều gì không hiểu, chúng tôi nghĩ đó là một trong các lỗi lầm; sau đó chúng tôi tìm ra rằng lỗi lầm đó thuộc về chính chúng tôi – chúng tôi đã không hiểu một cách thấu đáo. Chắc chắn có các sai lầm, và khi chúng ta hiểu biết nhiều hơn có lẽ chúng ta sẽ vượt qua được chúng. Tôi không
 422 tin một vài phát biểu thuộc về loại đó, nhưng miễn cưỡng cho rằng chúng có sai lầm, cho đến khi tôi biết được nó là như thế – người ta thích chọn các phát biểu của bà một cách rất tôn kính.

Khi chính chúng ta có được hiểu biết rõ ràng, thì điều chắc chắn đúng là chúng ta có thể nói ra với sự thuyết phục lớn lao. Tôi đã trải qua kinh nghiệm đó với chính tôi. Nhiều người đã có nhận xét rằng họ thấy cuộc đàm thoại của tôi quả có sức thuyết phục. Những người khác không có sự hiểu biết trực tiếp, nhưng hơn tôi về tài hùng biện, đã đưa ra các vấn đề này theo quan điểm cá nhân của họ, tuy nhiên nhiều người đã nói: “Đúng vậy, nhưng sao bạn biết điều đó?” Tôi trả lời: “Vâng, tôi biết, nhưng sao bạn biết tôi biết, mặc dù tôi có nói với bạn nó là thế?” Họ thường trả lời: “Chúng tôi không biết, nhưng bằng cách này hay cách khác chúng tôi cảm thấy khi một người đang nói về những gì mà chính y biết, và khi y đang nói về cái mà y chỉ đọc và nghiên cứu suông”. Có đủ loại tương tự của ý tưởng đó, cho nên không thể giúp kẻ khác cho đến khi bạn đã có được một mức độ

chắc chắn nào đó của chính bạn. Nếu bạn muốn nâng một người ra khỏi sóng nước thì chân của bạn phải đặt trên tảng đá.

Khi một linh hồn hiểu biết thì nó truyền chuyển sự tin chắc của nó cho các linh hồn khác, rồi các linh hồn này nhận ra sự xác tín đó; dù là tại cõi trần và với bộ óc xác thịt, có lẽ họ không đưa ra được lý do nào, họ cảm thấy điều đó khi một người thực sự biết. Một người không thể giúp những người khác theo đường lối phát triển cao này, hoặc là kéo các đệ tử đến gần các Chân Sư của họ, nếu như người đó không có được hiểu biết cho riêng mình.

423 Sự dị biệt này được vạch ra rõ ràng trong các Cẩm Nang Minh Triết Thiên Ưng, đa số do bà Besant viết ra. Ba quyển đầu – *Bảy Nguyên Khí của Con Người; Luân Hồi, Cái Chết và Sau Cái Chết* – được viết ra trước khi bà có thể thấy bất cứ điều nào do chính bà. Không bao lâu sau bà nhận ra bộ *Giáo Lý Bí Nhiệm* quả là kỳ diệu, lại rất khó cho đạo sinh bậc trung, và đạo sinh không thể nhận được một phần mười những gì chứa trong đó, trừ phi y có thể có được một ít nghiên cứu mở đầu để chuẩn bị cho việc nghiên cứu bộ sách đó. Thế nên bà bắt đầu làm việc với năng lực riêng biệt của bà và chuẩn bị một vài bản thu ngắn (epitomes, toát yếu) cho các huynh đệ của bà, viết lại một cách đơn giản theo cách khảo cứu riêng của bà đối với bộ sách và từ các câu trả lời cho những câu hỏi mà bà đã hỏi bà Blavatsky. Tôi tự hỏi nếu có người nào khác có thể khảo cứu bộ *Giáo Lý Bí Nhiệm* một mình thì liệu họ có thu thập được gì như bà đã làm hay không. Bà có năng lực kỳ diệu, đó là nối kết các sự việc lại với nhau rồi làm cho chúng trở nên rõ ràng. Tuy nhiên vào lúc bà soạn thảo tập sách thứ tư, quyển *Karma*, thì bà bắt đầu

thấy cách tác động của các điều này nơi chính bà. Lúc bấy giờ, tôi đã viết xong quyển *Cõi Tình Cảm và Cõi Devachan*, còn bà viết quyển thứ 7: *Con Người và Các Thể*. Vào lúc viết quyển mới này, bà học được đầy đủ cách thấy cho chính bà ⁽¹⁾.

Có một dị biệt rõ rệt trong văn phong (style) trong cả 2 quyển "*Karma*" và trong "*Man and His Bodies*". Cả 2 quyển này chứng tỏ rằng bà biết rõ những gì mà bà đang bàn tới một cách trực tiếp. Trong các quyển khác mà bà đang dẫn chứng và mặc dầu bà sắp xếp các dẫn chứng khác nhau với sự khéo léo kỳ diệu, 3 quyển đầu chứa đựng rất nhiều đoạn không được sáng sủa lắm và còn khó hiểu nữa. Bà thường nói bà muốn viết lại các sách đó, nhưng bà luôn luôn bận viết các sách khác, và không bao giờ có thì giờ. Bà cũng có ý tưởng rằng các cuốn đó là các tài liệu lịch sử để chứng tỏ rằng những gì mà chúng ta biết và những gì chúng ta không biết ở giai đoạn đó.

Vào buổi đầu, đa số chúng ta đều có một ý niệm rất bất toàn về cơ tiến hóa (scheme of things); có nhiều lỗ hổng trong các lý thuyết của chúng ta. Quyển *Phật Giáo Nội Môn* của ông A.P. Sinnett là cố gắng đầu tiên để đưa ra một ý tưởng gần đầy đủ và có thứ tự. Quyển sách đó hoàn toàn được dựa trên một số lớn các thư do ông Sinnett nhận được qua các đệ tử của Chân Sư Kuthumi. Thoạt đầu chúng tôi cho là tất cả các câu trả lời trực tiếp đến từ chính Đức Thầy, nhưng sau đó chúng tôi thấy rằng chúng phát xuất, nếu người ta có thể diễn đạt như thế, từ văn phòng của Ngài, từ đoàn tùy tùng của Ngài (His entourage). Có rất nhiều thông

¹ Nguyên văn: She had fully learnt to see for herself. Có lẽ câu này muốn ám chỉ rằng bà đã mở được nhãn thông.

tin trong các thư đó, phần lớn chúng trả lời cho các câu hỏi do ông Sinnett đưa ra. Đó chính là các sách buổi ban đầu của ông Sinnett.

Chính bà Besant, người đã làm hầu hết công việc sắp xếp lại kiến thức Minh Triết Thiêng Liêng cho chúng ta, bà đã sắp đặt các sự kiện và làm cho chúng trở thành dễ hiểu cho người đọc. Vào những ngày đầu, chúng tôi phải gặp rất nhiều khó khăn mới hiểu được các chân lý về Minh Triết Thiêng Liêng. Nhưng người ta có thể thấy sự dị biệt ngay cả giữa công trình của bà, thật là một công trình huy hoàng, vào lúc mà bà chỉ được hướng dẫn bằng các sách vở, với khi bà mở được nhãn thông. Bà Blavatsky có được nhãn thông, nhưng thể trí của bà, theo chỗ chúng tôi hiểu, đó là một thể trí phi thường, cách hoạt động có phần khác với thể trí chúng ta. Nếu người ta có thể nói với sự tôn kính, đó là một kiểu mẫu thời Atlantis, trong đó chất chứa biết bao dữ kiện nhưng không cần nhiều cố gắng sắp xếp các dữ kiện đó. T. Subba Row nói rằng bộ *Giáo Lý Bí Nhiệm* là một đồng đá quý. Không phải vấn đề nằm ở chỗ chúng là đá quý, mà vấn đề là người ta phải sắp xếp chúng cho ổn thỏa; bà không thử làm chuyện đó cho chúng ta, vì bà không cảm thấy cần thiết chút nào.

Trong lúc tôi đang nghiên cứu, tôi rất thường bắt gặp các ý tưởng hoàn toàn mới mẻ đối với tôi, và tôi đã ghi chép lại, nghĩ rằng chúng không thật đúng như là các khám phá, mà như là các ý tưởng mới mẻ đối với tôi. Có thể vài tháng sau đó, hoặc một, hai năm sau tôi xem lại quyển *Phật Giáo Nội Môn* hoặc *Giáo Lý Bí Nhiệm* và thấy rằng điều mà tôi nghĩ là mới vẫn nằm một cách riêng biệt trong sách đó – có thể không được diễn đạt bằng quá nhiều lời, nhưng chắc chắn là

hàm súc. Chắc chắn là nhiều ý tưởng mà chúng ta vừa mới nghĩ là mới phải được chúng ta rút ra. Tôi có thể thấy các chân lý này đi theo từ các ý tưởng khác như thế nào, và bây giờ tôi tự hỏi làm sao tôi có thể quá khờ dại khi đã không suy diễn. Ở mỗi cuộc điểm đạo, cùng một kinh nghiệm xảy ra theo một cách gây ấn tượng. Bí quyết của tri thức được truyền đạt lúc đó là một điều tuyệt đối hiển nhiên. Chúng ta tự bảo: “Ôi, điều gì khiến cho chính tôi không thấy được điều đó?” Nhưng không bao giờ chúng ta làm; không một ai làm cho đến khi điều đó được bảo với y. Chúng ta không cần bằng chứng cho phát biểu đó, tự nó nói lên rồi, tự nó đã tuyệt đối hiển nhiên. Sự thật nằm ở đó, sò sò trước mắt chúng ta, suốt đời, và chúng ta không bao giờ thấy nó. Nếu người ta có sự kiên cố nào trong việc phát triển trí tuệ con người, thì chẳng mấy chốc sẽ kết thúc theo đường hướng kinh nghiệm này.

426

Chỉ có các Chân Sư mới có khả năng trợ giúp bất cứ người nào một cách *đầy đủ*. Tri thức của các Ngài vốn phổ quát, nó vươn tới tận các cõi cao. Dường như các Ngài không cần đến mọi kiến thức chứa trong não bộ như chúng ta, mà có thể chuyển đổi một quan năng nào đó lên bất cứ gì cần đến và bằng cách vận dụng quan năng đó, ngay lúc đó, để biết mọi điều về chuyện đó. Có thể có một số thông tin nào đó mà Chân Sư muốn biết, Ngài không cần đọc kỹ thông tin đó như chúng ta, Ngài chỉ cần chuyển toàn-nhân-thông (all-seeing-eye) của Ngài vào vấn đề đó và nhờ đó thu hút tri thức bằng cách này hoặc bằng cách khác. Tôi nghĩ đó là những gì phải được ám chỉ đến khi nói giữ sạch hết vô minh. Điều hiển nhiên là người ta không bao giờ có thể có đủ mọi tri thức theo các đường lối mà chúng ta thu thập tri thức hiện

giờ. Nói một cách rõ ràng rằng các xiềng xích cuối cùng mà vị La Hán phải vứt bỏ là avidya – sự vô minh. Khi chúng tôi hỏi: “Chữ đó hàm ý gì? Y phải biết về điều gì?”, thì chúng tôi nhận được câu trả lời: “Biết hết mọi điều trong Thái dương hệ này”. Người ta giật lùi vì sợ hãi, bởi vì người ta có ít kinh nghiệm nào đó về các cõi thấp của thế giới này, đồng thời người ta cũng đã thiết lập tâm thức ở các cõi cao khác nhau. Tôi có thể nói chắc chắn rằng mặc dầu đây là con đường mà theo đó người ta nhận được tri thức vũ trụ, tuy nhiên, khi càng tiến hóa người ta càng trở nên bị đè nặng với ý thức về sự vô minh trong vũ trụ. Mỗi khi người ta vươn lên tới các cảnh giới cao hơn, mặc dầu người ta không hiểu hết các sự việc mà người ta đang cố tìm hiểu, càng lúc người ta thấy nổi lên và trải dài trước mắt một lãnh vực ngày càng rộng lớn mà người ta mù tịt. Càng học hỏi nhiều, đạo sinh càng nhận 427 thức biết bao điều cần học hỏi, bên cạnh đó, tất cả những gì mà y nghĩ rằng y đã có, lại nhỏ bé biết bao. Thậm chí đó mới chỉ là một nửa cái khó khăn mà thôi, bởi vì mỗi lần lên cao thêm một ít, người ta sẽ có tầm nhìn mới đối với các sự vật mà người ta đã biết rồi, và vì thế người ta phải học hỏi các sự vật đó khắp cả trở lại bắt đầu từ tầm nhìn mới đó.

Nỗ lực không hẳn là nỗ lực đầy hy vọng theo bất cứ đường lối nào mà cho đến nay chúng ta đã học cách noi theo. Nếu chúng ta phải có sự hiểu biết thiêng liêng về vũ trụ thì phải có một cách khác nào đó đầy đủ hơn để hiểu được nó, cách này sẽ mở ra trước chúng ta khi chúng ta tiến xa hơn nữa. Hiện giờ, tôi chấp nhận toàn bộ vấn đề một cách bình thản, bởi vì không có điều gì khác phải làm. Tôi học hỏi mọi điều trong khả năng của tôi theo các đường lối hiện nay của chúng tôi, và khi tôi có được các phương pháp mới, tôi liền

vận dụng chúng, nhưng tôi thấy tôi sẽ không bao giờ thực sự đạt tới mục đích cao theo các đường lối này. Phải có một phương pháp hoàn toàn mới mẻ nào đó để thu thập kiến thức, và tôi nghĩ chúng ta có được một ít chỉ dẫn từ tâm thức Bồ đề mà tôi đã nói đến. Trong tâm thức đó, không còn phải gom góp các sự kiện từ bên ngoài nữa, mà người ta lao vào tâm thức của tất cả các sự vật này, dù cho chúng là khoáng thạch, thảo mộc hoặc thiên thần, và hiểu các sự vật đó từ trong. Kế đó, người ta thấy tất cả đều là một phần của tâm thức riêng của con người bằng cách nào đó. Theo đường lối đó, thì có thể hoàn thành mục tiêu.

Khi con đã học xong hai mươi mốt qui tắc đầu tiên và đã bước vào Phòng Học Tập với các quyền năng của con đã phát triển và các giác quan của con không còn bị trói buộc nữa, bấy giờ con sẽ tìm thấy có một suối nguồn ngay trong con mà từ đó ngôn từ sẽ xuất phát.

428

Phòng Học Tập ở phần khởi đầu đề cập đến cõi cảm dục, ở một giai đoạn sau này, có lẽ Chân Sư hàm ý một điều gì đó cao hơn rất nhiều theo cùng cách diễn tả. Một là, khi chỉ có các kinh nghiệm cõi cảm dục có thể dùng được cho người tìm đạo, có rất nhiều điều mà người tìm đạo có thể học được nơi cõi cảm dục. Toàn bộ đều mới mẻ đối với y, các quan năng mới khai mở và y thấy các viễn ảnh mở rộng trước mắt y theo nhiều hướng khác nhau, cho phép y tiếp cận với mọi việc theo quan điểm mới đó. Bắt đầu là có thêm bề đo (extra dimension). Ngoài điều đó ra còn có năng lực thấy xuyên qua mọi vật bằng vật chất (material thing). Hơn nữa, người quan sát còn diễn tả mọi vật thấy được qua hiện

thể tình cảm (emotional vehicle) và điều đó rất khác với việc cố gắng nhận thức các đối tượng qua thể xác (physical body). Thế nên có nhiều điều cần học hỏi và cần được làm trong cõi cao đó, bởi vì chính nơi đó mà hầu hết mọi người đều cần sự giúp đỡ; chính ở đó mà chúng ta gặp người mới chết trong nhiều tình trạng và các giai đoạn phát triển khác nhau của họ, thế nên chính ở đó mà hầu hết công việc đối với người ở tình trạng bối rối (in trouble) có thể được làm ở ngoài xác thân.

Đến giai đoạn sau đó khi con người trở nên tự do trong cõi trí, giống như hầu hết chúng ta được tự do trong cõi cảm dục khi chúng ta ra khỏi xác thân. Các đệ tử của Chân Sư được đặc biệt dạy cách phát triển thể trí cho đến khi họ có thể sử dụng thể đó một cách dễ dàng như khi sử dụng thể tình cảm. Kế đó, họ được dạy làm cách nào để tạo huyền thể (mayavi-rupa), tức là thể tình cảm tạm thời, không phải là thể tình cảm tự nhiên gắn liền với con người, mà là một sự
429 hiện hình tạm thời trên cõi cảm dục mà chỉ những người đã học cách di chuyển đây đó trong thể trí mới có thể làm được.

Giai đoạn kế tiếp phải học cách vận dụng thể nguyên nhân một cách thoải mái. Bây giờ, dù cho các hiện thể thấp có thể đang sử dụng, con người cũng phải giữ lại tâm thức mới này đến một mức nào đó. Ý không thể sử dụng năng lực đầy đủ của thể nguyên nhân qua thể cảm dục hoặc thể hạ trí, bởi vì hai thể này tạo thành một màn che, tức là một sự hạn chế; nhưng ý vẫn sẽ có ký ức của kinh nghiệm trong thể nguyên nhân theo với ý. Nếu ý cũng đã xuyên thủng những gì đang đóng vai trò như một bức màn giữa thể tình cảm với thể xác, thì khi trở về thể xác, ý sẽ nhớ lại mọi điều mà ý làm ở các cõi cao, cho nên sự sống của ý sẽ được liên tục. Trong

chính thể nguyên nhân, tâm thức của y sẽ không bị gián đoạn, không những xuyên qua lúc ngủ và thức, mà còn xuyên qua lúc sống và lúc chết, vì lẽ đó là một tâm thức thường tại/ tâm thức vĩnh cửu (a permanent consciousness).

Khi một người tiến vào Phòng Học Tập cao hơn kế tiếp, tức là cõi Bồ Đề, thì y sẽ có sự hiểu biết sơ sài (acquaintance) trực tiếp đối với mọi cái đến trước y. Y sẽ có thể thấu nhập vào trong những cái khác, và theo một cách khác, kéo chúng vào bên trong chính y, và như thế, sẽ hiểu chúng một cách đầy đủ.

Khi một người có các quyền năng của mình được phát triển và các giác quan của y được giải phóng ở các cõi cao này, chắc chắn y sẽ có rất nhiều điều mà y có thể thuật lại. Đồng thời, y luôn luôn cảm thấy mình bị cản trở bởi một sự khó khăn cực kỳ khi diễn tả các điều đó. Y thấy và biết; và vì cái thấy và biết đó, y có thể nói rất nhiều điều hơn là một người không biết cho chính y, và có thể diễn tả điều đó một cách rất thuyết phục. Tuy nhiên, với mọi cố gắng của y, ngay
430 cả với mọi thành công đối với một số người, y sẽ không bao giờ thoát khỏi sự hiểu biết rằng y không diễn đạt được một nửa những gì mà y đã thấy. Không ngôn từ nào để truyền đạt cho kẻ khác những gì đã được trải qua trong một lãnh vực vượt ngoài ngôn từ.

Những người đầy lòng sùng tín đôi khi vươn lên tới trạng thái xuất thần, trong trạng thái đó họ thoáng thấy được các cõi cao. Khi một người một khi đã tiếp xúc với trạng thái đó, y sẽ tức khắc nhận ra trạng thái đó trong các cố gắng mô tả của một số các vị thánh bên Cơ Đốc giáo và các nhà yogi của Ấn giáo. Thánh nữ Teresa có nói đến các kinh nghiệm đó. Thánh John của Thiên Chúa giáo, Thánh Francis ở Assisi

và các vị khác cũng nhắc đến các kinh nghiệm đó một hoặc hai lần. Khi đạt đến tình trạng này, các vị bên Cơ Đốc giáo thì mô tả bằng các thuật ngữ Cơ Đốc giáo, trong khi đó nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng sẽ mô tả bằng các thuật ngữ Minh Triết Thiêng Liêng. Y sẽ nói về kinh nghiệm đó liên quan tới các Chân Sư, còn các vị bên Cơ Đốc giáo thì nói có liên quan tới Đấng Christ.

Thật là một điều tuyệt vời khi đạt được sự giao tiếp với thực tại đằng sau cõi hiện tượng, hay đúng hơn là tiến gần hơn đến thực tại vượt ngoài các sắc tướng, bởi vì một mảnh nhỏ kinh nghiệm cá nhân có giá trị hơn là một số lớn giáo huấn nhận được bằng cách nghe; khi chúng ta có được một số kinh nghiệm cá nhân, chúng ta thấy rằng có một suối ngôn từ sinh ra bên trong chúng ta. Chúng ta cảm thấy chúng ta có một cái gì khác để nói, một điều gì đó mà chúng ta phải nói, nó được đặt vào chúng ta như là một nhiệm vụ mà chúng ta sẽ cống hiến cho thế gian – đó là chúng ta sẽ cung cấp bằng chứng về các thực tại huy hoàng này. Chân Sư nói rằng khi bạn tiến đến chỗ biết được các điều này tự chính các bạn, thì bạn sẽ tìm thấy suối nguồn ngôn từ bên trong bạn tuôn chảy ra. Bạn sẽ cảm thấy rằng bạn có bốn
431 phạm phải và nên nói ra các sự việc trọng đại mà Đấng Tối Cao đã làm cho bạn, để diễn tả nó theo hình thức Cơ Đốc giáo.

Người ta không nên khinh suất mà buộc người khác chấp nhận kinh nghiệm của mình, nhưng người ta có cảm nghĩ rằng kẻ nào thực sự có được kiến thức trực tiếp rõ rệt về bất cứ loại nào, nên luôn luôn sẵn sàng làm chứng về việc đó. Ai đã chính mắt thấy, gặp và nhớ được một điều gì về các Chân Sư cao cả, thì tôi nghĩ họ nên luôn luôn sẵn sàng

làm chứng về việc đó, bởi vì ở ngoài thế gian, con người luôn luôn thốt ra câu này mỗi khi họ nghe về các sự việc như thế: “Được rồi, ai là người đã thấy các Đấng cao cả đó?” Tôi không muốn làm giảm giá trị cái ý tưởng về một Chân Sư bằng cách đưa ra trước những người không thể hiểu được ý tưởng đó, nhưng nếu có những người như thế, cho dù trước một buổi gặp gỡ công cộng, lên tiếng chất vấn: “Bạn có gặp bất cứ ai trong số các Chân Sư cao cả này không?” Tôi sẽ đáp: “Vâng, tôi có gặp, nhưng đó không phải là một vấn đề mà tôi bận tâm bàn đến trong một buổi họp công cộng”. Trong cuộc tụ họp như thế rất có thể có một số người chế giễu ý tưởng đó; cho dầu họ không nói gì, có thể họ ở tình trạng không tin. Trong khi tất cả mọi điều đó không ảnh hưởng chút nào tới các Chân Sư, chỉ có điều đáng nói là chúng ta nên nhớ nhất định là điều đó có ảnh hưởng lớn đến kẻ báng bổ. Kẻ nào chế giễu các Đấng Cao Cả như là các Chân Sư, sẽ tạo cho chính mình một hình thức nghiệp quả đặc biệt xấu; tôi thấy hoài chuyện đó. Thế nên nếu đôi khi chúng tôi có vẻ kiềm chế lại các việc này, lý do thực sự của chúng tôi khi làm thế không những vì sự mâu thuẫn tự nhiên mà chúng tôi cảm thấy đối với các tên đưa ra thiêng liêng đối với chúng tôi, lại là sự chế giễu đối với kẻ dốt nát và đại dốt, mà cũng còn vì sự cân nhắc cho chính kẻ dốt nát và kẻ đại dốt để cho họ không thể chông chênh cho chính họ các kinh nghiệm rất khó chịu trong tương lai. Tôi không thể giải thích việc đó một cách cặn kẽ, nhưng tôi biết chắc rằng phải có như thế. Tôi đã thấy chuyện đó nhiều lần rồi, rất thường xảy ra chuyện đó, chứ không phải chỉ là ngẫu nhiên, hoặc là hậu quả của bất cứ loại tai nạn nào.

Không một ai có quyền chế giễu bất cứ một đạo sư nào; người đó có thể không tin vào vị này hoặc không cảm thấy có bốn phận noi theo vị này, nhưng ít nhất không một người nào có tình cảm thanh bai lại giễu cợt đức tin tôn giáo của một người khác. Người nào làm như thế là đang làm chuyện sai trái với các nguyên tắc chung, tức là không coi trọng bản chất của các giáo lý được đưa ra.

Có lẽ nên có một cảnh báo chung, đó là người ta đừng nên có một thái độ coi thường đối với bất cứ gì, bởi vì luôn luôn có thể có một chút ít chân lý nào đó, ngay cả trong những gì đối với chúng ta dường như không thể tin được và không thể hiểu được. Mỗi hiện tượng – ngay cả một sự mê tín – đều có nguyên nhân và mặc dù dưới hình thức mà hiện giờ nó có thể là buồn cười đối với chúng ta, nếu chúng ta theo sát nó, chúng ta sẽ thấy, có một chân lý nào đó ở trong nó vào lúc bắt đầu và vẫn còn một cái gì đó ở sau nó.

Sau qui tắc thứ 13, ta không thể thêm lời nào nữa vào những gì đã viết.

Chân Sư Hilarion muốn nói rằng các chú giải của Đức Chohan gồm tất cả những gì mà Ngài cảm thấy rằng nó an toàn khi được nói ra. Kế đó Ngài kết thúc các chú giải bằng các lời:

Ta ban cho con sự an tịnh của Ta.

433

Các chú giải này được viết ra chỉ cho những ai mà Ta ban cho sự an tịnh của Ta; những người có thể đọc những điều mà Ta đã viết với nghĩa bên trong cũng như nghĩa bên ngoài

Chúng ta đã thấy trong phần I, câu nói “*Ta ban cho con sự an tịnh của Ta*” (“*My Peace I give unto you*”) chỉ có thể được Chân Sư nói với các đệ tử giống như Ngài, hay cho những người đã đạt cảnh giới Bồ Đề (buddhic level) và hợp nhất với Ngài nhờ đạt đến tâm thức đó.

Giả sử có những người trao đổi với nhau một lời chào đại để như: “Mong cho bạn bình an” (“Peace be with you”) và câu trả lời: “Và mong cho anh được an bình” (“And on you be peace”). Họ cho nhau cái gì? Chúng ta có thể tưởng tượng họ ở cùng trình độ, và từ mỗi người trong họ, một ước muốn mãnh liệt hoặc ý tưởng an bình đi đến người kia. Đó sẽ là một tặng phẩm thực sự, một sự việc vật chất hoàn toàn rõ rệt. Nhưng điều đó cũng xảy ra bất cứ khi nào người ta đưa ra một ý tưởng thân thương hướng về người mà ta thương yêu. Chúng ta chuyển đi rất rõ rệt một phần nhỏ thể cảm dục của chúng ta cho y dưới hình thức một hiện thể của hình-tư-tượng. Người ta cũng có thể chuyển đi vật chất cao hơn cho đến tận cõi Bồ Đề nếu người ta đã phát triển đến mức đó.

Trong các trường hợp này nên hiểu rằng thực ra người ta đang cố gắng hiến một cái gì đó thuộc về vật chất. Thường thường người ta không nghĩ rằng điều ước (wish) là một điều gì đó. Khi họ đưa ra một điều ước tốt lành, thì đó cũng như một món quà bằng vật chất, giống như một quyển sách hoặc món đồ trang sức, chỉ có điều là nó làm bằng vật chất cõi trí và vật chất cõi tình cảm. Đó là một món quà mà người nghèo nhất có thể hiến tặng cũng giống như người giàu nhất vậy.

Giả sử người ta nhận được lời chúc lành của một Linh
 434 mục: “An bình khôn tả của Chúa ở cùng bạn”. Đó lại là một

hiện tượng rất rõ ràng. Ước muốn tốt lành của vị linh mục mà người ta có thể nhận sẽ chỉ là một phần rất nhỏ của những gì phát xuất từ vị linh mục này. Khi một linh mục đưa ra một lời cầu nguyện trang trọng nhân danh Chúa, thì vị này đang vận dụng chức năng với tư cách một tu sĩ; ông đang rút quyền năng tinh thần từ kho chứa (reservoir) mà Đức Christ hoàn toàn dành riêng cho mục đích đó. Chính cũng từ cùng kho chứa này mà thần lực được rút ra khi người ta cử hành lễ Ban Thánh Thể (Eucharist), chỉ có khác là thần lực này được rút ra từ một tầng lớp (layer) khác và vì thế mang một loại lực khác.

Có các đấng Cao Cả đã chọn để lập ra một bộ phận (section) đặc biệt của kho chứa, các Ngài cung cấp đầy thần lực ở chỗ đầu tiên, rồi sau đó được các môn đồ đặc biệt của các Ngài luôn giữ cho đầy. Chính Đức Christ đã làm điều này trong kỳ giáng lâm của Ngài ở Palestine. Do đó, an bình và ân sủng thuộc một đẳng cấp cao hơn rất nhiều mà một người có thể mang đến cho một người khác được tuôn xuống trên đám người tụ tập qua ý chí của vị linh mục. Ân sủng này không phải của linh mục kia, mà nó đến từ cội nguồn cao siêu đó (tức thiên khố – ND).

Nếu tiếp nhận sự ban ân của vị Giám Mục (Bishop), người ta có một giai đoạn cao hơn của cùng một sự việc, một luồng lưu xuất sung mãn hơn. Khi vị Giám Mục ban ân huệ của Ngài như thế, ngài làm ba dấu thánh giá thay vì chỉ có một như vị Linh mục làm. Vị Giám Mục làm thế để tiêu biểu ba lực mà ngài gửi ra. Tôi không có ý nói rằng vì là Giám Mục, ngài sẽ không ban lực đó nếu chỉ làm một dấu thánh giá, mà sở dĩ ngài làm ba dấu là vì ngài được tùy ý sử dụng ba loại của cùng một thần lực ở mức độ cao hơn thần lực

được đưa ra của vị linh mục. Nếu một trong các Chân Sư cao cả của chúng ta nói với một người “Mong cho con bình an”
 435 (“Peace be with you”), thì Ngài muốn ban rải cho y một sự an bình còn rộng hơn và cao siêu hơn nữa (1).

Sự ban ân của chính Đức Christ là sự ban ân cao nhất mà trái đất này có thể nhận được. Đấng Cai Quản Địa Cầu thực ra còn ở trên Đức Christ, nhưng Ngài không phụ trách về việc ban ân mà lo việc ban ra huyền lực (strength). Tôi nghĩ chúng ta có thể nói việc ban ân của Đức Bồ Tát là hình thức cao nhất của kiểu mẫu tôn giáo mà thế giới này có thể ban cho chúng ta. Mỗi người có thể nhận được sự an bình và ân huệ đó nhiều đến bao nhiêu, không tùy thuộc một chút nào vào Đức Bồ Tát, mà hoàn toàn tùy thuộc vào cá nhân. Huyền lực của Ngài tuôn ra giống như ánh mặt trời. Các đám mây sinh ra từ quả đất có thể cản đường ánh sáng mặt trời, có thể che khuất tác dụng của mãnh lực thiêng liêng đó, tuy nhiên ở đó vẫn là mãnh lực huy hoàng và kỳ diệu.

Đa số con người về một phương diện thì quá duy vật, còn phương diện khác thì hầu như không đủ duy vật trong cảm nghĩ của họ về các sự kiện cao siêu này. Chúng ta có nhiều ám ảnh về vật chất đeo bám chung quanh ta đến nỗi trừ phi chúng ta có thể thấy rõ ràng hoặc ít nhất cảm thấy một điều do bởi chính chúng ta, nếu không chúng ta có thể khó tin vào sự hiện hữu của nó. Tuy nhiên, mặt khác chúng ta không thiên về vật chất đủ trong các ý tưởng của chúng ta. Con người nên hiểu rằng khi chúng tôi nói đến ân điển do

¹ Đây là vô-úy-thí (Abhaya-dāna) của Phật giáo: bố thí cái không lo sợ, giúp cho thân tâm an lạc; hạnh cao nhất trong tam thí: tài thí, pháp thí và vô úy thí (ND).

các Đấng Cao Cả ban ra, cho dù là ân điển của chính Đức Christ, chúng tôi có ý muốn nói một điều gì đó rõ rệt như điện lực hoặc một tia nước. Chính là qua vật chất mà sức mạnh tinh thần tự biểu lộ ra cho chúng ta, thế nên khi chúng ta nhận một ân điển, thì đó là một mãnh lực (power) có thực, rõ ràng, nó có thể đưa chúng ta đến gần hơn với Thượng Đế.



CHƯƠNG 6

Qui Tắc 14 - 21

C.W. Leadbeater.- Qui tắc 14 còn là một luận giảng của Đức Chohan, không đề cập nhiều lắm về những gì có nói trước đây như trong phần chuẩn bị cho một nhóm ba câu cách ngôn, được đánh số 15, 16, 17.

14.- Nhờ vận dụng được các giác quan bên trong, nhờ chinh phục được các ham muốn của các giác quan bên ngoài, nhờ thắng được các ham muốn của linh hồn cá nhân, và nhờ có được tri thức, hồi đệ tử, giờ đây con hãy chuẩn bị để thực sự bước vào nẻo đạo. Thánh Đạo đã được tìm ra: con hãy sẵn sàng bước lên.

Khi chúng ta đã qua khỏi phân nửa của phần 2 quyển sách này, thì dường như kỳ lạ khi được bảo rằng chỉ bây giờ đây chúng ta mới thực sự tiến vào nẻo đạo. Dĩ nhiên điều này nói đến một giai đoạn cao của Thánh Đạo. Giống như chúng ta nói đến con đường dự bị trước nhất, rồi kế đó là Thánh Đạo đích thực (the Path proper) sau khi cuộc Điểm Đạo thứ nhất đã được vượt qua, cũng thế, ở đây Đức Chohan nói đến việc bước vào Thánh Đạo thực sự. Cũng một

ý tưởng nhưng được áp dụng ở các trình độ khác nhau. Vị La Hán tiến vào con đường mới, con đường của cõi Niết Bàn, 437 một thực tại còn vĩ đại hơn là thực tại của cõi Bồ Đề, và vị Asekha hay là Chân Sư hoàn thiện (full Adept) tiến vào con đường còn cao siêu hơn nữa, một thực tại còn viên mãn hơn nhiều.

Đường như con đường này là vô tận. Chúng ta không thể nói chắc chắn về bất cứ điều gì có tính cách cuối cùng. Chúng ta chỉ có thể nói rằng cái thang vươn ra trước chúng ta vẫn bị mất hút trong cái vinh quang vượt xa tầm hiểu biết của chúng ta, và chúng ta biết rất chắc chắn rằng co-tiến-hóa trước chúng ta hãy còn kéo dài nhiều triệu năm. Ai biết đâu là chỗ kết thúc? Nhưng cái mà chúng ta biết là chúng ta sẽ đạt đến tâm thức của Thái Dương Thượng Đế của chúng ta. Đối với chúng ta điều đó có lẽ dường như là một kết thúc, tuy nhiên tôi tin chắc rằng vượt ngoài đó, còn biết bao vinh quang nữa, nhưng về cái cuối cùng, chúng ta không thể nói gì cả. Dù cho các sự việc như thế có thể được đưa ra trước chúng ta trong giai đoạn phát triển hiện tại của chúng ta đi nữa, chúng ta cũng vẫn hoàn toàn không hiểu được.

Khi Đức Chohan nói đến việc đã chinh phục các ham muốn của linh hồn cá nhân (individual soul), Ngài muốn nói đến các ham muốn mà chính chân nhân (ego) có thể có. Chúng không phải như là các ham muốn mà chúng ta thường đặt tên ở trần thế. Ở giai đoạn cao của Thánh Đạo, hai xiềng xích phải được tháo bỏ, đó là ruparaga và aruparaga, và chúng thường được dịch là “ham muốn sự sống trong một hình tướng” và “ham muốn sự sống vô sắc tướng”. Khi một người đạt đến tâm thức của chân ngã, người ấy thấy rằng y có trước mắt mình hai trạng thái sự

sống – sự sống trong thể nguyên nhân vốn là sự sống trong một hình tướng, và sự sống trên cõi Bồ Đề, vốn là sự sống không có hình tướng theo bất cứ ý nghĩa thông thường nào của từ ngữ đó.

Như vậy chân nhân có các kinh nghiệm của một tâm thức trong sắc tướng và một tâm thức không sắc tướng, cả hai kinh nghiệm này đều kỳ diệu không thể tả, bởi vì sự sống của chân nhân trong sắc tướng là sự sống giữa những người đồng hàng (peers) với mình, giữa các chân nhân khác, và khi chân nhân có ý thức ở cảnh giới đó, chân nhân đang
438 vui hưởng tình đồng đội (companionship) của mọi trí tuệ sáng chói nhất mà thế gian đã từng tạo ra, bao gồm giới Đại Thiên Thần cũng như giới nhân loại. Sự sống của chân nhân trên cõi riêng của nó thì huy hoàng, vượt ngoài bất cứ ý niệm nào mà phàm nhân có thể có. Nếu người ta có thể hình dung ra một lối sống chung nhóm với các vĩ nhân thế giới – như các nghệ sĩ, thi sĩ, khoa học gia và ngay cả chính các Chân Sư của chúng ta nữa – thêm vào đó là một sự hiểu biết về các Ngài mà cõi trần này không thể nào có được, chỉ lúc bấy giờ người ta mới bắt đầu có một ý niệm nào đó về sự sống của chân nhân.

Khi tiến đến mức phát triển xa đó, người ta mới có thể thấy rằng đó là một sự sống thu hút mạnh mẽ, và đối với một người có được khả năng đó trước mắt, khi đặt khả năng đó sang một bên và nói: “Tôi không còn một chút ham muốn gì nữa” thì sẽ là một hy sinh kỳ diệu.

Sẽ là một khước từ thậm chí còn to tát hơn nữa nếu vượt qua và ở trên đó y có sẵn sự sống vô sắc tướng cho y sử dụng – đó là sự sống ở cõi Bồ Đề - vốn dĩ không những chỉ có tình đồng đạo, mà thực ra còn trở nên hợp nhất với vạn

vật và với nhiều hơn nữa. Lúc đó y sẽ nói: “Tôi không còn một ham muốn nào nữa, thậm chí đối với sự sống đó; tôi hoàn toàn hết ham muốn. Nếu qua trung gian của các Chân Sư của chúng ta, Thượng Đế gửi tôi vào một trong các đường lối này – tức là sống trong sắc tướng hoặc sống ngoài sắc tướng – tôi sẽ chấp nhận công việc một cách hạnh phúc và biết ơn nhất và cố gắng làm hết khả năng tôi, nhưng tôi không ham muốn sự sống này hoặc sự sống kia, và cũng sẵn sàng được gửi vào công việc ở cõi trần nữa”. Tôi cho rằng vài người có ý tưởng kém nhất về sự sống cõi trần là một sự rớt xuống quá kinh khủng sau kinh nghiệm như thế. Trở xuống trình độ thấp này ngay cả ở dưới các điều kiện thuận tiện nhất, hoàn cảnh tốt đẹp nhất đi nữa, là rơi trở lại vào bóng tối, ra khỏi ánh sáng kỳ diệu; đó là bị giam cầm, trói buộc và trở trọi, bởi vì mọi khả năng của các cõi cao đều tinh anh đến nỗi chúng không thể vận dụng được ở cõi trần.

Ở một trong các thư trước kia của các Chân Sư có nói đến việc những người đã tiếp xúc với cõi Niết Bàn, khi trở lại cõi trần thì họ ở vào tình trạng trầm cảm sâu xa trong nhiều tuần lễ. Tôi có thể tưởng tượng rằng điều đó quả nhiên đúng đối với một số huynh đệ người Ấn có dịp ở trong trạng thái xuất thần cao độ (high ecstasy) – tức là samadhi – họ đã trải qua trạng thái đó, và khi quay lại cuộc sống hồng trần, họ gặp phải tình trạng trầm cảm nặng. Những người là đệ tử của các Chân Sư và đã có kinh nghiệm ở các cõi cao, đã được dạy cách không để cho chính họ bị trầm cảm khi giáng xuống bất kỳ giới hạn hay môi trường chung quanh nào.

Người nào đã xả thân phụng sự thì phải sẵn sàng từ bỏ hoàn toàn mọi vật khi cần. Y phải sẵn sàng để được gửi đi đến bất cứ môi trường nào, hoàn toàn từ bỏ sự sống trong

các hình thức cao siêu và sự sống vô sắc tướng còn cao hơn nữa. Chỉ có làm như thế y mới ném bỏ được hết hai xiềng xích. Chính vị La hán là người phải làm điều này. Người ta có thể đạt được Điểm Đạo Thứ Tư và vẫn có những ham muốn nhỏ nhất đối với các lãnh vực cao siêu này, thế nên chúng ta không cần thất vọng thái quá. Nhưng điều đó chắc chắn hàm ý một sự phát triển cao, một ý thức mạnh mẽ về sự cần thiết đối với việc phụng sự, để được hoàn toàn không ràng buộc vào một phúc lạc như thế. Sự cảm dỗ vượt xa bất cứ điều gì người ta có thể tưởng tượng.

15.- *Hãy hỏi đất, không khí và nước về cái bí nhiệm mà chúng nắm giữ cho con.*

Nhờ mở được các giác quan bên trong, con có thể làm được điều này.

Trong qui tắc này, chúng ta có câu cách ngôn gốc ở câu đầu, còn phần giảng luận của Đức Chohan ở câu hai. Liên quan với những gì được nêu ra ở đây, tôi đã nói đến việc chúng ta phải tiến đến sự đồng cảm mật thiết hơn với thiên nhiên, nếu chúng ta muốn thực sự hiểu được thiên nhiên. Mọi tôn giáo theo chỗ chúng tôi hiểu biết, ngay cả đến nhiều nghi thức của các bộ lạc dã man vốn khó có thể được coi như là tôn giáo chút nào, cũng có được một lý thuyết về vũ trụ học, về cách thức mà trong đó thế giới hoặc Thái dương hệ xuất hiện. Có một lý do cho việc này. Đức Chương Giáo vào mỗi lần lâm phạm khác nhau đã nhấn mạnh cho các giống dân phụ rằng họ nên cố gắng tìm hiểu vũ trụ mà họ là một phần trong đó.

Càng hiểu được toàn bộ cơ tiến hóa, chúng ta càng có thể sống hài hòa với thiên cơ này hơn và có thể làm việc với thiên cơ đó ngay trong các chi tiết rất nhỏ. Tôi e rằng những người không có kinh nghiệm đầy đủ thì không thể hiểu hết những gì được nói đến ở đây bằng việc tiếp xúc với thiên nhiên mật thiết hơn. Người viết không nói một cách mơ hồ, mà là với kiến thức sâu sắc và rất hoàn hảo, Ngài nói: *“Hãy hỏi đất, không khí và nước về các bí mật mà chúng nắm giữ cho con”*. Các bí nhiệm này sẽ giúp cho con người hiểu được cơ tiến hóa vĩ đại và kỳ diệu này. Ngay cả một sự hiểu biết nhỏ về các bí nhiệm này cũng đủ giúp con người thoát khỏi nguy cơ tự cho mình là trung tâm (self-centred). Nhiều người cực kỳ duy ngã bởi vì họ có ý tưởng phi lý rằng tất cả các giới đều được đặc biệt tạo ra cho con người. Nếu có loài thực vật ư? Trong Thánh kinh, người ta nói rằng Thượng Đế dành thực vật cho con người làm thức ăn; nếu có loài động vật ư? Chúng được cho là (mặc dầu tôi không nghĩ điều đó được nói ra một cách rành mạch đến như thế) Thượng Đế có ý định dùng chúng làm vật phụng sự cho con người, rằng chúng tồn tại chỉ để phụng sự con người, và, nhìn bề ngoài, nhiều loài trong chúng, chỉ để cho con người ăn. Đó không phải là những gì được nói đến trong Thánh Kinh; chính là rau cỏ (herbs) và quả của các loại cây mới được nói đến ở đây để cống hiến cho con người thay cho thịt. Ở đây cũng có một tin tưởng mạnh mẽ cho rằng mọi vật sở dĩ tồn tại là vì con người – chẳng hạn không khí được tạo ra để cho con người thở, nước để cho con người uống hoặc tắm rửa, mọi vật đều quay quanh con người giống như con người là trung tâm. Nhưng tất cả mọi điều trên đều không phải như vậy chút nào cả.

Cũng những người này cho rằng mặt trăng vô dụng, trừ việc soi đường cho họ vào ban đêm. Nếu đó là ý kiến của họ thì thật là điều lãng phí, bởi vì phân nửa thời gian, mặt trăng không làm gì hết, nhưng họ vẫn cứ nói rằng mặt trời tồn tại để soi sáng họ vào ban ngày, còn mặt trăng để soi sáng họ vào ban đêm. Con người luôn luôn nói giống như vậy, và khi chúng ta biết sự thật thì chắc chắn là chúng ta đứng đầu với một việc kỳ lạ. Chúng ta ở vào mức tiến hóa cao nhất của giới động vật. Chúng ta tin chắc chúng ta là một giới nằm ngoài giới động vật, nhưng sự thật vẫn là chúng ta là tạo vật cao nhất trong số các tạo vật có nhục thân. Có rất nhiều các thực thể cao siêu hơn chúng ta, họ có thể trí và thể cảm dục, và các thực thể khác sử dụng thể xác bằng chất dĩ thái, mặc dù chỉ để tạm thời hiện hình.

442 Nếu chúng ta cứ chọn một sự tiến hóa tách rời với phần còn lại và nói rằng thái dương hệ tồn tại vì sự tiến hóa đặc biệt đó, hoặc ngay cả nói rằng quả đất chúng ta tồn tại vì một mình sự tiến hóa đó, thì bây giờ chúng ta sẽ phải chọn cuộc đại tiến hóa thiên thần hơn là cuộc tiến hóa nhân loại, bởi vì chắc chắn là sự tiến hóa đó đạt đến mức cao hơn nhiều và nói chung huy hoàng hơn là cuộc tiến hóa của chính chúng ta. Có rất nhiều đường lối tiến hóa khác vốn đã kết thúc kinh nghiệm hồng trần của chúng trên các dãy thế giới khác và hiện giờ đang sử dụng các cõi cao của thế giới này. Thí dụ, các cuộc tiến hóa đó đang ở vào giai đoạn của cõi Bồ Đề, không có can thiệp chút nào với ba cõi thấp mà chúng ta đang tiến hóa. Vì chúng đã ở đỉnh cao đó, nơi mà cõi thấp nhất của chúng là cõi trí, mà đối với chúng ta là quá cao, nên có thể chúng quan trọng hơn chúng ta nhiều.

Trong chùng mực mà chúng ta đã có thể thử nghiệm, hay có thể thấy, thì không có không gian nào ở bất cứ đâu bị bỏ phí hoặc là bị bỏ trống. Tôi còn nhớ có một phát biểu có lần được đưa ra ở một buổi họp về giảng ma học mà tôi có tham dự, trước khi tôi biết về Minh Triết Thiên Liêng. Thực thể giữ nhiệm vụ truyền đạt nói rằng theo nhãn thông của người này thì phòng họp đầy những thực thể mà y gọi là các vong linh (spirits), và hơn thế nữa, bên ngoài phòng đó, mở rộng ra lên trên bầu trời có một khối dày đặc các thực thể cao siêu – mà người đó gọi là thiên thần (angels) – gồm nhiều loại khác nhau, giảng xuống rồi thăng lên lại. Người này nói: “Khắp không trung, và trong chùng mực mà tôi có thể thấy, có đầy các thực thể (beings) cao siêu này”. Ý miêu tả tất cả họ như đang được tập trung trên vòng tròn đặc biệt mà chúng tôi đang ngồi trong đó, và tôi không chút nghi ngờ rằng một tập hợp các thực thể này có thể đang tham dự vào đó, nhưng tách biệt khỏi đó, và luôn luôn, mọi khoảng không đều đang được sử dụng cho các cuộc tiến hóa vốn không có liên quan gì với chúng ta, hoặc với tập hợp các hệ thống song song của chúng ta một chút nào.

443

Toàn bộ khoảng không đều hoàn toàn đầy sự sống. Hơn ba phần tư của quả đất bị bao phủ với nước. Con người không thể sống trong đó, nhưng không gian rộng lớn đó tuy vậy hoàn toàn đầy sự sống. Địa cầu rắn đặc cũng đầy một loại sự sống, chúng di chuyển xuyên qua đó như chúng ta di chuyển xuyên qua không khí, không ý thức về sự cản trở nào. Sự sống đó ở trình độ thấp hơn nhân loại, nhưng khéo léo hơn ở một vài phương diện, nhưng xét chung thì thấp hơn và hoàn toàn khác với sự sống chúng ta đến nỗi những

gì là sự tiến hóa bình thường của chúng sẽ là tệ hại đối với chúng ta.

Nhiều sự sống loại này không thể giải thích được bằng ngôn ngữ thông thường một chút nào, nhưng người ta có thể cảm nhận được nó bằng cách thoát ra khỏi xác thân và đi vào trong nhóm đó và quan sát nó. Tuy nhiên tôi không khuyên người ta làm điều này, cho đến khi họ có quan năng cao và các đức tính khác đã được nói đến, bởi vì họ có thể chuốc lấy nguy hiểm nghiêm trọng, nhất là ở giữa các mãnh lực thấp nhưng cực kỳ mạnh này, mà không được hướng dẫn bởi bất cứ những lý do mà chúng ta hiểu – những cái mà chúng ta gọi là những lý do về đạo đức (moral considerations) không tồn tại chút nào trong một số các hình thức tiến hóa này. Nó cũng hoàn toàn khác với bất cứ thứ gì mà chúng ta đã biết, nhưng mọi thứ này chúng ta đều phải biết trước khi chính chúng ta có thể đạt tới trình độ của Đấng Thiêng Liêng và trở nên hợp nhất với Ngài, bởi vì mọi sự sống này đều là sự sống của Thượng Đế, cũng nhiều như sự sống bên trong chúng ta, và muốn hiểu được Thượng Đế, chúng ta phải hiểu được mọi sự sống đó.

16.- *Hãy hỏi các Đấng Thiêng Liêng của địa cầu những bí nhiệm mà các Đấng này gìn giữ cho con.*

444

Bình giảng về câu này là:

Nhờ chinh phục được các ham muốn của các giác quan bên ngoài, con sẽ có quyền làm điều đó.

Trong số các Đấng Thiêng Liêng của địa cầu, chắc chắn có các Chân Sư của chúng ta. Tôi nghĩ rằng ở đây Chân Sư cũng muốn nói đến các Đại Thiên Thần. Chúng ta có thể đến

tiếp xúc với các Ngài, và có thể học hỏi nhiều điều nơi các Ngài, nhưng chúng ta cũng có thể học hỏi – như chúng ta đã từng học hỏi – nhiều điều từ chính các Chân Sư của chúng ta, vì các Ngài, qua các đệ tử của các Ngài, đã dạy chúng ta nhiều tri thức, mà nếu không, chúng ta sẽ cần nhiều thời gian để tự mình đạt tới. Thoạt đầu, các Ngài đã dạy chúng ta rằng nhiệm vụ của chúng ta là phải thẩm tra lại cho chính chúng ta các sự việc mà các Ngài đã dạy chúng ta. Đó là những gì mà chúng tôi đã đang làm, và chính bằng cách đó mà sau này, các sách về Minh Triết Thiên Liêng mới có nhiều chi tiết hơn các sách được đưa ra trước đây, các sách này phần lớn dựa vào những gì đã được dạy cho chúng ta.

Hỏi thông tin từ một Chân Sư không phải luôn luôn có nghĩa là đi đến và đưa ra câu hỏi. Ngoài cách đó, còn có nhiều cách khác. Có các trường hợp chúng tôi làm đúng như thế. Chúng tôi suy gẫm về các câu hỏi, và khi có cơ hội, chúng tôi đặt các câu hỏi đó ra, người ta có thể nói theo cách ứng khẩu, ngoại trừ câu hỏi trên cõi cao, không thể ứng khẩu theo nghĩa thông thường. Đôi khi chúng tôi đặt các câu hỏi này với một Chân Sư trong lúc Ngài rảnh rang, và nhận được các câu trả lời xác đáng nơi Ngài. Trong công việc thường ngày, có nhiều điều mà chúng tôi nghĩ sẽ có lợi khi có được sự sáng suốt bao la của Ngài, tuy nhiên chúng tôi nghĩ lại không thể làm phiền Ngài khi để cho Ngài phải đưa ra các câu trả lời.

445

Như có giải thích trước đây, một đệ tử có thể đặt tư tưởng của mình bên cạnh tư tưởng của Chân Sư và như thế không cần kêu gọi đến ý thức của Chân Sư để biết xem những gì mà Ngài nghĩ tưởng về bất cứ vấn đề nào đã nêu. Điều đó không phải là đòi hỏi Ngài bất cứ gì. Đó chỉ là bằng

cách vạch trở lại con đường thông thương để chúng ta có thể đặt tư tưởng chúng ta bên cạnh tư tưởng của Ngài. Điều đó có nghĩa là trước tiên, người ta tự mình nghĩ ra câu hỏi và đi đến một kết luận nào đó mà mình thấy dường như là hay hơn hết; kế đó đem đặt kết luận đó bên cạnh tư tưởng của Chân Sư về cùng một vấn đề, để xem coi có gì khác nhau hay không. Nếu có sai biệt thì lập tức ta thay đổi tư tưởng của chính ta, vì biết rằng Chân Sư minh triết hơn ta nhiều và tư tưởng của Ngài luôn luôn chính xác.

Như vậy luôn luôn có sự tham khảo ý kiến của Chân Sư mà không làm quấy rầy Ngài chút nào. Vẫn còn có những trường hợp khác mà cách giao tiếp này không thích hợp, lúc đó chúng tôi phải kiên nhẫn chờ cơ hội để đưa ra câu hỏi và được câu trả lời; nhưng điều chắc chắn để ta có thể đến với các Ngài, là trước hết phải đưa chính mình đến mức độ nào đó để không gây nên phiền nhiễu khi đến gần các Ngài.

Mỗi đêm khi đi ngủ, một số người trong chúng tôi có nhiệm vụ đến nhà của các Chân Sư kính mến của chúng tôi để nhận huấn lệnh và xem coi có giáo huấn đặc biệt nào cho chúng tôi hay không. Đôi khi có các huấn thị như thế. Nhưng đôi khi chúng tôi thấy Chân Sư rất bận việc; lúc đó chúng tôi
 446 tự rút lui, không để cho Ngài phải để ý đến chúng tôi, rón rén đi ra và tiếp tục công việc đều đặn thường ngày. Dĩ nhiên, bất cứ đệ tử nào cũng làm thế. Đệ tử trước hết phải xem xét sự thuận tiện của Chân Sư, và khi y xem xét như vậy, nếu có điều gì đó quan trọng cần tường trình, y sẽ không nghĩ đến chính mình nữa, mà chỉ nghĩ đến Chân Sư. Nhưng đôi khi các tân đệ tử có nhiều điều quan trọng mà họ đang làm, họ muốn hỏi, và họ chờ đợi bên cạnh và làm cho

Chân Sư để ý đến mình, để Ngài quay sang bên một lúc, tách khỏi việc Ngài đang làm.

Đệ tử lâu năm luôn luôn rất thận trọng về loại tư tưởng và cảm nghĩ nào mà họ phóng ra theo các đường lối liên lạc giữa y với Chân Sư, sao cho không xảy ra một sự bất tiện nào dù là rất nhỏ. Điều này cần một số chú ý nào đó về phần của đệ tử, bởi vì rất thường có các bất tiện mà các đệ tử không thể ngăn ngừa. Thí dụ, trong một thành phố lớn, môi trường xung quanh thường không dễ chịu chút nào; trong một đám đông trong giờ hoạt động ban ngày, ở giữa cái huyền não vì tiếng động, mọi thứ rung động vì va chạm đều có tác động vào con người ở mức độ nào đó. Người ta có thể tự bảo vệ mình tới một mức nào đó và phải thật thận trọng không để cho các rung động như thế, nếu chúng quả có tác động vào chúng ta, sẽ không bị truyền sang Chân Sư. Không phải là Chân Sư không thể đối phó với mọi điều đó bằng một tư tưởng đơn giản, nhưng chúng ta không muốn gây cho Ngài một ý tưởng như vậy. Thì giờ của Chân Sư rất quý báu, việc tuôn đổ thần lực của Ngài có giá trị đến nỗi đệ tử không muốn phí một chút nhỏ thần lực đó. Đệ tử sống vì công việc, cũng giống như Chân Sư vậy, chính một phần nhiệm vụ của đệ tử là muốn thấy công đức rất lớn mà Chân Sư của y đã dành cho y khi làm cho y thành một bộ phận ngoại vi của chính Ngài, không gây cho Ngài một chút phiền nhiễu nào. Thật là dễ dàng khi ngăn không để cho các xáo trộn này chạm được đến Ngài, khi người ta đạt đến giai đoạn biết được cách làm như thế. Trong khi chờ đợi, phải thắng được các ham muốn của các giác quan bên ngoài, để có cái quyền đến tiếp xúc với các Chân Sư để cho y có thể hỏi được cao kiến của Ngài.

17.- *Hãy hỏi Bản Thể Thâm Sâu (the Inmost), Đấng Duy Nhất, cái bí nhiệm cuối cùng mà Bản Thể đó nắm giữ cho con qua các thời đại.*

Bản Thể Thâm Sâu, Đấng Duy Nhất, đối với phàm ngã, chắc chắn là chân ngã, còn đối với chân ngã thì đó là Chân Thần. Còn đó là gì đối với Chân Thần thì tôi không biết chắc, bởi vì tôi chưa thể nhìn thấy Chân Thần. Người ta có thể thấy được Atma tam phân, vốn là biểu lộ tam phân của một Chân Thần, và từ đó có rất nhiều suy diễn có thể được đưa ra; nhưng tôi chưa hề thấy Chân Thần diện đối diện. Các Chân Sư của chúng ta thì đã thấy rồi, nhưng các Ngài không thể kể lại đầy đủ cho chúng ta những gì các Ngài thấy và những gì các Ngài biết; điều đó thì hoàn toàn dễ hiểu. Chúng ta được cho biết Chân Thần là một tia của Ngọn Lửa Thiêng, nhưng chúng tôi cũng tin rằng trong biểu lộ bản sơ của Thái Dương Hệ, Thái Dương Thượng Đế đã tuôn đổ chính Ngài thông qua bảy Thiên Sứ (Ministers) của Ngài – “bảy Tinh Quân (spirits) trước Thiên Tòa” (tức là bảy Đức Hành Tinh Thượng Đế - ND). Tôi không biết điều đó, nhưng tôi hình dung rằng, Chân Thần ắt hẳn phải xuất phát xuyên qua một trong các sắc thái chói lọi này trên con đường của Chân Thần từ Ngọn Lửa Thiêng, Đấng Thiên Sứ cao cả đó hay Hành Tinh Thượng Đế (Planetary Spirit), mà Chân Thần xuất lộ xuyên qua Ngài, có thể là Bản Thể Thâm Sâu Nhất (the Inmost) đối với Chân Thần – và chúng ta tiếp tục suy luận như thế đến các thực thể còn cao hơn nữa. Các điều này vốn không thể hiểu được đối với chúng ta, và không thể diễn tả được thành lời. Theo một cách nào đó, nó không có ý nghĩa

bao nhiêu đối với chúng ta, tuy nhiên trong lúc thiên định, nó có thể hàm ý rất lớn, Thượng Đế đặt một phần của chính Ngài xuống tận vật chất, và phân chia phần đó để cho nó trở thành tinh thần và vật chất – tức là hai biểu lộ của cùng một sự vật, và tuy đã làm điều đó, Ngài vẫn ở lại đằng sau mọi thứ đó, không bị giới hạn, có mặt khắp nơi (omnipresent, toàn hiện), không bị ảnh hưởng (unaffected). Bản Thể Thâm Sâu (the Inmost), Đấng Duy Nhất, đã nắm giữ các bí nhiệm cho chúng ta qua các thời đại, bởi vì luôn luôn ngay từ lúc khởi thủy, cái Ngã bên trong, tức Chân Thần, đã thông hiểu một số điều. Chúng ta không biết được những điều gì mà Chân Thần biết từ lúc khởi thủy. Chân Thần là một tia (spark) của Linh Hỏa (divine Fire), còn Thượng Đế, là Linh Hỏa, thì thông suốt tất cả.

Phần giảng luận về qui tắc thứ 17 như sau:

Chiến thắng vĩ đại và khó khăn, tức việc chế ngự các ham muốn của linh hồn cá nhân (individual soul), là một công việc kéo dài triền miên; do đó đừng nên mong đợi có được phần thưởng của nó trước khi tích lũy được kinh nghiệm của biết bao thời đại.

Khi thời gian để học hỏi qui tắc thứ 17 này đến, con người ở trên ngưỡng để trở thành bậc siêu nhân (more than man).

Điều đó xem ra hơi quá đáng, nhưng chúng ta phải coi như là Chân Sư, tức là kẻ viết, biết rõ điều mà Ngài viết. Chúng ta phải nhớ rằng mọi điều này phải được xét theo hai trình độ. Khi đó là vấn đề về các dục vọng của phàm ngã và việc đặt chúng sang một bên vì các khát vọng của linh hồn,

thì chắc chắn đó không phải là một vấn đề khó giải quyết. Gạt sang một bên các ham muốn của linh hồn cá nhân để đối lấy các ham muốn của Chân Thần ở đằng sau là một chuyện cao siêu hơn rất nhiều, và khi nghe nói rằng việc đó có thể cần rất nhiều thời gian để chuẩn bị thì điều đó có thể là đúng. Tuy nhiên khi bạn có lần hoàn thành điều này ở một giai đoạn nào đó, thì khi làm lại điều đó ở một giai đoạn khác cao hơn, thì không phải là khó khăn không thể vượt qua, bởi vì điều phải được làm thì như nhau, mặc dù theo một quan điểm hoàn toàn khác. Chắc chắn là sẽ mất rất nhiều thời gian cho những ai bước chậm rãi trên con đường chính mệnh mông của sự tiến hóa của nhân loại, nhưng thường thì chỉ một vài kiếp sống, như chúng ta đã thấy, cho những ai hiện nay bước vào Thánh Đạo và lên đến sườn núi.

Khi người ta thoáng nhìn ra sau bức màn vào các kế hoạch của Thánh Đoàn (Hierarchy)⁽¹⁾, người ta thấy rằng các Ngài thường hay nói đến các con số to tát. Các Ngài đề ra các kế hoạch của các Ngài với một sự chắc chắn hết sức kỳ diệu và dường như không gì có thể cản trở được các kế hoạch đó. Các Ngài bố trí tương lai của các Ngài thành các nhóm mười

¹ Thánh Đoàn là nhóm các Đấng Thiêng Liêng (Spiritual Beings) trên các nội cảnh giới (inner planes) của Thái Dương hệ, các Ngài là các mãnh lực thông tuệ của thiên nhiên đang điều khiển các diễn trình tiến hóa. Chính các Ngài chia thành 12 Huyền Giai. Trong hệ thống hành tinh chúng ta, tức hệ địa cầu, có một hình ảnh của Thánh Đoàn này mà các nhà huyền học gọi là Đại Đoàn Huyền Linh. Thánh Đoàn này được tạo thành bởi các Chohans, các Chân Sư và các đệ tử được điểm đạo, hoạt động xuyên qua các đệ tử của các Ngài, và nhờ đó hoạt động khắp thế gian.

(Trích *Điểm Đạo Nhân Loại và Thái Dương*, trang 218).

ngàn (10.000) năm hoặc khoảng đó và nói: “Trong mười ngàn năm này chúng ta sẽ hoàn thành công việc nào đó”. Rồi các Ngài tiến hành công việc. Tuy nhiên công việc đó không nhất thiết trải dài đồng đều khắp thời kỳ ấn định đó. Theo tôi dường như từ những gì mà tôi đã quan sát được thì có thể một kế hoạch được đề ra thì trong đó một số công việc nào đó được làm trong hai trăm năm đầu, một số trong giai đoạn kế đó v.v..., sao cho vào lúc cuối một ngàn năm một mục tiêu rõ rệt nào đó được hoàn thành. Hình như là trong các tiểu kỳ ít hơn hai trăm năm, một tỷ lệ qui định của công việc luôn luôn không được hoàn thành; tuy nhiên những gì mà các Ngài đã tính toán để được thi hành trong khoảng nhóm lớn một ngàn năm thì luôn luôn được hoàn thành. Nếu lúc đầu công việc tiến hành chậm, thì đến cuối sẽ nhanh hơn.

450 Dân chúng hoặc các quốc gia mà cơ hội để thực hiện công việc được đưa tới lần đầu không phải luôn luôn đón nhận cơ hội đó, mà luôn luôn có một sự thay thế được chuẩn bị. Nếu một người hoặc một quốc gia thất bại, thì đường lối kế tiếp được đưa ra và công việc lại được tiến hành, mặc dù nó có thể bị trì hoãn đôi chút. Đế Quốc Anh đã có một thử thách loại đó liên quan đến trận đại chiến. Nói chung, nó đã đối phó với tình trạng khẩn cấp và tỏ ra nó xứng đáng. Nếu nó đã không làm thế, một quốc gia lớn khác được chuẩn bị để thay thế nó, nhưng nó sẽ hoàn thành công việc đó một hoặc hai thế kỷ sau đó, bởi vì đó là con đường dài phía sau. Giờ đây, vì chúng ta đã hoàn thành cơ hội của chúng ta (và tôi hy vọng chúng ta sẽ tiếp tục làm như thế đến cuối cùng), quốc gia kia sẽ có nhiều thì giờ hơn để phát triển, do đó sẽ tiến bộ vững chắc và dễ dàng hơn, và sẽ không bị một sự

căng thẳng đặt lên sự phát triển của nó như nó có thể xảy ra nếu chúng ta đã thất bại.

Hội Theosophy, và mỗi Hội viên trong đó cũng vậy, đều ở trong một tình thế hơi giống vậy. Bất cứ Hội viên nào chúng tỏ mình có khả năng trong công việc chung, hoặc tỏ ra có các dấu hiệu trở nên hữu ích trong tương lai gần, sẽ bị thử thách với một số nỗ lực đang được tạo ra liên quan đến việc thành lập giống dân thứ sáu của chủng tộc Aryan chúng ta. Trong mọi điều đó, dĩ nhiên không có sự cưỡng bách hoặc bắt buộc nào cả. Chẳng sớm thì muộn tất cả đều tiến hóa tới chỗ hoàn thiện, và chúng ta có thể thực hiện điều đó bao lâu là tùy chúng ta. Giải pháp khôn ngoan nhất là làm hết khả năng chúng ta một cách bình tĩnh, không để cho chính chúng ta ở dưới một sự căng thẳng mà chúng ta không thể chịu đựng lâu dài được.

451 Biết mình thuộc về cung nào thì thật một lợi thế lớn lao khi làm bất cứ phần nào của công việc này. Đa số chúng ta trong Hội Theosophy đều thuộc về một trong năm cung từ ba đến bảy, nhưng nhiều người đang trong tiến trình chuyển sang cung 1 và cung 2 để làm việc dưới quyền hai vị Đại Chân Sư sáng lập Hội, hai vị này sau sẽ là Đức Bàn Cổ và Đức Bồ Tát của căn chủng thứ sáu vốn sẽ được thiết lập trong khoảng thời gian bảy trăm năm nữa. Nhiều người trong chúng ta sẽ được sinh vào giống dân đó, nhưng có những người khác sẽ thích tiếp tục làm việc trong giống dân thứ năm và giúp đưa giống dân này đến sự hoàn thiện vốn vẫn còn ở phía trước họ. Những người khác sẽ thích đi theo các bậc đại siêu tài, chắc chắn họ sẽ bước vào căn chủng thứ năm ở trình độ cao nhất của căn chủng này, hơn là theo chân hai Chân Sư để làm công việc tiên phong của giống dân mới.

Ở Úc Châu, Mỹ Châu và một số địa điểm khác, hiện nay có một cơ hội đặc biệt cho những ai mong muốn trợ giúp trong việc phát triển phụ chủng thứ sáu, vì phụ chủng đó đang nhanh chóng sinh ra ở đó, trong khi chỉ có các thành viên lẻ tẻ của nó ở trong những quốc gia kỳ cựu hơn. Nhiều người bị giết trong trận đại chiến đã đầu thai lại, mặc dầu cho đến nay không có gì cho thấy rằng họ sẽ từ bỏ các xứ sở trước kia của họ để đến các vùng đất mới. Những người thuộc kiểu mẫu giống dân mới vẫn còn ở lại trong các xứ cũ, có lẽ sẽ có nhiều khó khăn phải đối phó hơn những người khác vì áp lực của các ý tưởng cũ và các tập tục bảo thủ.

Trong tất cả các công việc này, không một ai là tuyệt đối cần thiết bao giờ. Về phần phong trào Minh Triết Thiêng Liêng của chúng ta, chúng ta có thể rất chắc chắn rằng các Đấng Cao Cả đứng đằng sau sẽ để tâm đến phong trào nói chung. Chỉ mới đây thôi, từ khi tôi đã phải đảm nhận trở lại 452 nhiều công việc của Giáo Hội, tôi đã thấy tổ chức đó được quản lý, mối quan hệ có thể rất mật thiết biết bao giữa những người dẫn dắt Giáo Hội ở cõi trần với vị Thủ Lãnh thật sự của Giáo Hội ở đằng sau, nếu những người làm việc ở cõi trần làm cho chính họ thành các vận hà như là họ nên làm.

Trong nhiều trường hợp họ đã không làm thế, mà chỉ hoạt động cho quyền lực và lợi ích ích kỷ riêng của họ, điều đó là một thực tế đáng buồn, những ai làm như thế là đã ngăn cách họ khỏi vùng đất rộng lớn của năng lực tâm linh, sự hữu ích và hiệu quả mà lẽ ra họ có thể có được. Chỉ gần đây tôi mới phát hiện các khả năng kỳ diệu biết bao và hầu hết con người vô minh biết bao, và tôi hoàn toàn chắc rằng từ những gì mà tôi đã thấy, việc tương tự ắt hẳn phải đúng theo nhiều hướng khác hoàn toàn không ngờ.

Tôi sẽ không bao giờ lại ngạc nhiên khi tìm thấy các dấu vết hoạt động của Thánh Đoàn trong bất cứ việc tốt lành nào ở bất cứ nơi đâu, dù nhỏ hoặc lớn, vì các Ngài không bỏ lỡ các cơ hội nào, cho dù nhỏ nhất. Nơi nào có bất cứ điều gì tốt lành trong bất cứ phong trào nào, thì chỉ những gì tốt lành sẽ được tận dụng. Có thể có nhiều điều trong phong trào đó không được tốt; đó thật là đáng tiếc, và phải bị gạt sang một bên, nhưng có vẻ nó không cản trở việc làm của các Ngài đối với chút việc tốt có trong nó. Có thể có sự cố chấp, sự ngược đãi, tính tự cao, tính tư lợi và nhiều tính chất khác đáng chê trách trong một phong trào hoặc một nhân vật nào đó. Cách đây ba mươi năm tôi có thể nghĩ rằng các tính chất này có lẽ sẽ ngăn cản người có tính đó không được dùng vào việc gì cả. Những tính đó thể hiện thật sự lẽ thói của y, và 453 cản trở bất kỳ sự tiến bộ thực sự của y, nhưng nếu có bất cứ tính tốt nào trong người đó, thì y sẽ được sử dụng đối với mức độ của tính tốt đó.

Phương pháp này của Huynh Đệ Đoàn có tính khích lệ nhất. Tất cả chúng ta rất ý thức về việc chúng ta còn xa với sự hoàn thiện, đến nỗi chúng ta có thể nghĩ: “Làm thế nào mà một Chân Sư có thể sử dụng điều gì ở nơi tôi, khi tôi rất thường mắc phải lỗi lầm?” Nhưng nhiệm vụ chúng ta là làm hết sức mình, và bấy giờ Ngài sẽ dùng đến bất cứ cái gì tốt nơi chúng ta. Đồng thời việc này đặt ra cho chúng ta một nhiệm vụ còn lớn hơn nữa: tổng khứ những gì làm cho Chân Sư khó lòng sử dụng chúng ta, Ngài sẽ dùng chúng ta hết mức có thể; chúng ta hãy làm cho việc đó đối với Ngài dễ dàng bằng cách làm cho chính chúng ta thành các vận hà hoàn hảo.

Đối với nhân loại, có nhiều đường lối phát triển và cần nhiều kiếp sống để mở mang các đặc điểm của bất cứ đường lối nào cho hoàn hảo. Tôi đã trải qua hầu hết kiếp sống này trong việc phát triển khía cạnh tâm thông của bản chất tôi, trong việc học cách thấy bằng nhãn thông và viết sách về việc đó. Tôi gặp được trong Hội của chúng ta và làm việc với Ngài William Crookes. Ông này đã dành cuộc đời này để khảo cứu về hóa học, nên ông biết môn này rất rành. Nhiều lần tôi cảm thấy: “Giá mà tôi có được cái hiểu biết của ông, hoặc giả ông có được nhãn thông như tôi, thì chúng tôi có thể làm biết bao việc!” Có vẻ thật đáng tiếc là người ta không thể có được cả hai hình thức phát triển trong một kiếp sống. Mỗi kiếp sống cần chú tâm vào một hình thức phát triển mà thôi. Ông đã trải qua suốt cuộc đời mình để nghiên cứu hóa học, và ông sẽ trở lại vào lần luân hồi tới không phải với sự hiểu biết chi tiết đó, mà với khả năng tìm lại được tất cả các điều đó hầu như tự động. Tôi đã trải qua kiếp này để phát triển khía cạnh tâm thông. Tôi không biết tôi sẽ có thể truyền lại cho thân xác sắp tới của tôi được bao nhiêu, nhưng tôi sẽ mang sang tối đa mà tôi có thể. Khi đó tôi sẽ bắt đầu theo một trong các đường lối khác này, nếu công việc cho phép tôi làm thế, nhưng trong khi chờ đợi, những ai tình nguyện làm công việc đặc biệt của chúng tôi thì được sắp đặt để làm nó, và chúng tôi không có nhiều thì giờ cho các việc khác.

Chúng ta phải đạt mọi thứ, từng cái một; chúng sẽ đến bởi vì chúng ta không mất đi cái nào khi chúng ta kết thúc nó và chọn cái khác. Thế nên nếu trong kiếp sống này chúng ta ngẫu nhiên phát triển về Minh Triết Thiêng Liêng, thì trong kiếp tới việc khai mở trí tuệ và sự sùng tín cao độ có thể đến một cách dễ dàng hơn nhiều, bởi vì trong kiếp sống này

chúng ta đã có sự luyện tập này, và sẽ có thêm lợi ích lớn lao là trên thực tế chúng ta chắc chắn sẽ không lạm dụng các năng lực đó khi chúng ta có được chúng.

Chúng ta đi tiếp một cách nhanh chóng. Chúng ta có thể ở gần hơn nhiều với sự phát triển cao siêu hơn là chúng ta biết. Nếu chúng ta phải trải qua một hay hai kiếp sống để có được các khả năng này, thì đã sao? Có nhiều thời gian trước mắt chúng ta, thế nên chúng ta hãy đặt cao mục đích của chúng ta, và hãy cố gắng phát triển tất cả theo hết khả năng chúng ta theo chiều hướng tâm linh, trí tuệ và kiến thức nội môn. Chúng ta đang đào xuyên qua bức tường vô minh và thành kiến mà chúng ta đã dựng lên chung quanh chúng ta trong nhiều kiếp sống; chúng ta giống như một người đang cố thoát ra khỏi một nhà tù. Người này cứ tiếp tục đào, y không biết vào lúc nào cái cuốc sẽ xuyên thủng bức tường, khi phần thưởng là xứng đáng thì nó sẽ đến một cách bất ngờ. Tuy chúng ta có nhiều điều cần đạt tới, nhưng có lẽ sự phát triển sẽ đến nhanh chóng, muốn thế chúng ta phải noi theo bước chân của các Chân Sư và học hỏi những gì mà các Ngài muốn chúng ta học.

455

Qui tắc 18 còn là một giảng luận của Đức Đế Quân. Nó cảnh báo người tìm đạo đừng bao giờ mất sự đề phòng và cảnh giác, mà luôn luôn cảnh giác với chính mình, như một triết gia La Mã giảng dạy, cho dù y đã không còn e sợ về bất cứ điều gì khác.

18.- Sự hiểu biết mà con có hiện giờ chỉ là của con, bởi vì linh hồn con đã trở nên hợp nhất với mọi linh hồn trong sạch và với Bản Thể Thâm Sâu (the Inmost). Đó là một sự kỳ vọng được Đấng Tối Cao ban cho con. Nếu con phản bội

lòng tin đó, nếu con lạm dụng sự hiểu biết của con hoặc bỏ mặc nó, thì ngay bây giờ, từ chốn cao siêu mà con đã đạt được, con sẽ rơi xuống. Có các bậc cao cả dù đi tới ngưỡng cửa, cũng rơi trở lại vì không thể chịu đựng gánh nặng trách nhiệm của họ, vì không thể tiếp tục đi tới. Vì vậy con phải luôn mong mỗi một cách yêu kính và lo sợ khoảnh khắc này, và hãy chuẩn bị cho cuộc chiến.

Việc các bậc cao cả (great ones) rơi trở lại ngay từ ngưỡng cửa hình như không thể xảy ra; hầu như khi bạn càng đến gần trình độ của các bậc cao cả, thì điều đó dường như càng khó tin, bởi vì bất cứ điều gì tương tự như sự ích kỷ đều dường như hoàn toàn không thể xảy ra đối với người ở trình độ đó. Tuy nhiên, có xảy ra chuyện đó, bởi vì chuyện đó được nói đến bởi một Đấng biết rõ về những gì Ngài nói. Ý tưởng về bản ngã thì rất tinh tế và xuất hiện dưới cái lốt không ai ngờ ở các trình độ mà không có việc nào như thế sẽ xảy ra. Do đó chúng ta sẽ hết sức lưu ý đến lời cảnh báo này và đừng nghĩ quá sớm rằng chúng ta được an toàn thoát khỏi những sự tấn công tinh ích kỷ. Đó là cái xiềng xích duy nhất vốn có thể giữ chúng ta lại, nhưng nó có nhiều hình thức và thực sự rất tinh tế.

456 Ba câu cách ngôn chót tạo thành một loạt nữa; trong câu 19 có một giảng luận mở đầu của Đức Chohan:

19.- Có ghi rằng đối với người ở ngưỡng thiêng liêng thì không còn luật lệ nào có thể đóng khung, không còn điều hướng dẫn nào có thể tồn tại nữa.

Ở giai đoạn này, đệ tử hoàn toàn vượt ngoài việc cần được giảng dạy ở bên ngoài. Đệ tử đã đọc được quyển sách

thiên nhiên về tất cả năm cõi tiến hóa của nhân loại. Đệ tử ở trình độ chinh phục xiềng xích cuối cùng: là avidya (vô minh). Từ nay trở đi luật lệ của đời sống đệ tử hoàn toàn xuất phát từ trong chính ý. Do đó không cần có lời bình luận nào nữa. Đức Đế Quân nói:

Tuy nhiên, để khai sáng cho đệ tử, trận chiến cuối cùng có thể được diễn đạt như sau:

Kế đến ba qui tắc:

Hãy giữ chặt những gì không có bản thể mà cũng không tồn tại.

(Hold fast to that which has neither substance nor existence).

20.- Chỉ lắng nghe tiếng nói vô thanh.

(Listen only to the voice which is soundless).

21.- Chỉ nhìn vào những gì không thể thấy được đối với giác quan bên trong cũng như giác quan bên ngoài.

(Look only on that which is invisible alike to the inner and the outer sense).

Mong Cho Con Bình An (Peace Be With You)



Giảng Luận ÁNH SÁNG TRÊN THÁNH ĐẠO

Dịch giả : TRẦN VĂN KHÁ

GIẢNG LUẬN
ÁNH SÁNG
TRÊN THÁNH ĐẠO

Annie Besant
And
C. W. Leadbeater

Ấn bản 4, 1954

The Theosophical Publishing House
Adyar, Madras 20, India

Ấn bản 1, 1926; Ấn bản 2, 1930; Ấn bản 3, 1947

Dịch xong năm MMIX

Sửa chữa tháng 4 năm 2017